ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

____ *** ____**

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

CAO TỐC TUYÊN QUANG – HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2), ĐOẠN TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

Tuyên Quang, tháng 8 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

——— ***** ———

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

CAO TỐC TUYÊN QUANG – HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2), ĐOẠN TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Chiến

CHỦ DỰ ÁN

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Song Tú

Tuyên Quang, tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	
1. Xuất xứ của dự án	1
1.1. Thông tin chung về dự án	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	2
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với các Quy hoạch	2
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	5
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	5
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án	10
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM	10
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	11
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	14
4.1. Các phương pháp ĐTM	14
4.2. Các phương pháp khác	15
5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM	18
5.1. Thông tin về dự án	18
5.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường	24
5.3. Dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	25
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	32
5.5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường của chủ dự án	41
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN DỰ ÁN	
1.1. Thông tin về dự án	44
1.1.1. Tên dự án	44
1.1.2. Chủ dự án	44
1.1.3. Vị trí địa lý của dự án	44
1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án	51
1.1.5. Phạm vi báo cáo ĐTM	53

1.1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường	53
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	53
1.2.1. Các hạng mục công trình chính	53
1.2.2. Hạng mục công trình phụ trợ	58
1.2.3. Hạng mục công trình phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	58
1.2.4. Các hoạt động của dự án	58
1.2.5. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án	86
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	88
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	94
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	95
1.5.1. Công tác chuẩn bị	95
1.5.2. Biện pháp thi công trong giai đoạn xây dựng	98
1.5.3. Sơ đồ tổ chức các bộ phận tại công trường	104
1.5.4. Các hạng mục của dự án gây tác động tới môi trường	104
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	106
1.6.1. Tổng mức đầu tư	106
1.6.2. Tiến độ thực hiện Dự án	106
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án	107
CHƯƠNG 2 **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**	
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	110
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	110
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	116
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án	118
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường	118
2.2.2. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án	119
2.2.3. Hiện trạng đa dạng sinh học khu vực dự án	152
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	153

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	155
CHƯƠNG 3 **ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**	
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng	140
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động	159
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường	218
3.2. Đánh giá, dự báo và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành củ Dự án	246
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động	246
3.2.2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án	256
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	261
3.3.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính	261
3.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình về bảo vệ môi trường	262
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy củ các đánh giá	267
3.4.1. Độ tin cậy của các đánh giá	267
3.4.2. Về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo về các tác động môi trường	269
CHƯƠNG 4 **PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**	271
CHƯƠNG 5. **THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**	272
CHƯƠNG 6 **CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**	273
6.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	273
6.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án	288
6.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng	288

6.2.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành	289
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	291
1. Kết luận	291
2. Kiến nghị	292
3. Cam kết	292
TÀI LIỆU THAM KHẢO	297

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ VÀ SƠ ĐỒ

	Trang
Bảng 1. Các thành viên chính tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	12
Bảng 2. Các tác động môi trường chính của Dự án	26
Bảng 1. 1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và công trình trên đất	48
Bảng 1. 2. Các khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường	49
Bảng 1. 3. Vị trí tập kết đất bóc hữu cơ và đổ thải	60
Bảng 1. 4. Kết quả thiết kế bình diện tuyến chính Km104+295-Km162+164	69
Bảng 1. 5. Quy mô mặt cắt ngang đường Bnền =25,25m	70
Bảng 1. 6. Quy mô mặt cắt ngang cầu Bcầu =25,25m	82
Bảng 1. 7 .Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính	87
Bảng 1. 8 . Tổng hợp kết quả điều tra mỏ vật liệu xây dựng	89
Bảng 1. 9 . Tổng hợp lưu lượng trên các đoạn tuyến năm tương lai	94
Bảng 1. 10 . Thiết bị thi công chính, điển hình	98
Bảng 1. 11 . Các tác động môi trường chính của Dự án	105
Bảng 2. 1. Nhiệt độ trung bình trạm Hà Giang qua các năm 2022 – 2024	112
Bảng 2. 2. Độ ẩm không khí trạm Hà Giang	113
Bảng 2. 3. Đặc trưng tốc độ gió trung bình và lớn nhất vô hướng tại trạm Hà Giang	113
Bảng 2. 4. Lượng mưa hàng tháng trong các năm	115
Bảng 2. 5. Số giờ nắng các tháng trong năm	115
Bảng 2.6. Vị trí khảo sát chất lượng môi trường	121
Bảng 2. 7. Kết quả chất lượng không khí	129
Bảng 2. 8. Tổng hợp kết quả đo đạc mức ồn và gia tốc rung	131
Bảng 2.9. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM1	133
Bảng 2. 10. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM2	134
Bảng 2. 11. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM3	135
Bảng 2. 12. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM4	137
Bảng 2. 13.Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM5	138
Bảng 2. 14. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM6	140
Bảng 2. 15. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM7	141
Bảng 2. 16. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM8	143

Bảng 2. 17. Kết quả chất lượng môi trường nước ngầm khu vực dự án	145
Bảng 2.18. Kết quả chất lượng môi trường trầm tích khu vực dự án	149
Bảng 2. 19. Kết quả môi trường đất khu vực dự án	150
Bảng 2. 20. Các đối tượng bị tác động	153
Bảng 2. 21. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực dự án	154
Bảng 3.1. Tóm lược các nguồn gây tác động phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng	158
Bảng 3.2. Dự kiến lượng nước thải bể phốt phát sinh trong quá trình phá dỡ	159
Bảng 3.3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước sinh hoạt	161
Bảng 3.4. Định mức sử dụng bentonite	164
Bảng 3.5. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa	165
Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng đào đắp thi công các hạng mục công trình	167
Bảng 3. 2. Tổng hợp khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp	168
Bảng 3. 3. Tổng hợp nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp theo chiều cao	169
Bảng 3. 4. Khối lượng nguyên vật liệu chính và đất đá thải cần vận chuyển	171
Bảng 3. 5. Hệ số phát thải cho phương tiện cơ giới đường bộ xe tải > 7,5T	172
Bảng 3. 6. Tải lượng các chất ô nhiễm của quá trình vận chuyển	172
Bảng 3. 7. Kết quả dự báo nồng độ bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển khi không xử	173
Bảng 3. 13. Hệ số phát thải từ các phương tiện thi công điển hình	174
Bảng 3. 8. Tổng hợp các phương tiện thi công điển hình	174
Bảng 3. 9. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh	175
Bảng 3. 10. Nồng độ khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy thi công theo chiều cao	175
Bảng 3. 11. Kết quả dự báo nồng độ khí thải từ phương tiện, máy thi công theo khoảng cách	176
Bảng 3. 12. Tổng hợp nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động trạm trộn xi măng theo chiều cao	177
Bảng 3. 13. Định mức khí thải từ trạm BTXM	177
Bảng 3. 14. Dự báo phạm vi phát tán bụi và khí thải từ trạm trộn BTXM 90 m3/h theo khoảng cách	178
Bảng 3. 15. Hệ số phát thải của trạm bê tông nhựa nóng	179
Bảng 3.16. Dự báo dự báo tải lượng khí độc thải ra từ trạm trộn bê tông nhựa đường công suất 120 T/h sử dụng nhiên liệu dầu	180
Bảng 3.17.Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt	182
Bảng 3. 18. Hệ số khối lượng sinh khối thực vật đối với dọn dẹp, phát quang 1 ha diện tích mặt bằng thi công	
Bảng 3. 19. Khối lượng sinh khối thực vật thải ra do bóc bỏ tầng phủ	184

Bảng 3. 20. Bảng danh mục các CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công	191
Bảng 3. 21. CTR phát sinh trong quá trình thi công	151
Bảng 3.29. Kết quả tính toán mức ồn tại nguồn trong giai đoạn xây dựng	193
Bảng 3.30. Kết quả dự báo tiếng ồn do các thiết bị san ủi tạo mặt bằng	194
Bảng 3. 22. Mức ồn tác động phát sinh từ hoạt động thi công dự án tại mặt đứng	195
Bảng 3.32. Mức rung của một số thiết bị thi công điển hình (cách 10m)	196
Bảng 3. 23. Mức rung suy giảm theo khoảng cách từ hoạt động thi công	196
Bảng 3. 24. Nhận dạng tác động của dự án tới sinh thái và tài nguyên sinh vật trong giai đoạn xây dựng	197
Bảng 3. 25. Tổng hợp khối lượng sử dụng đất của dự án	201
Bảng 3. 26. Thiệt hại tạm tính do mất đất sản xuất	204
Bảng 3. 27. Các vấn đề sức khỏe tiềm tàng trong suốt quá trình xây dựng dự án	215
Bảng 3. 28 Đặc điểm hoá học của lớp đất bản trên mặt đường	247
Bảng 3. 29. Hệ số ô nhiễm môi trường không khí chuyển theo ô tô con (PCU)	248
Bảng 3. 30 Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua đoạn 1 tại Km104+295 - Km128+067	249
Bảng 3. 31. Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua khu vực đoạn 2 Km128+067 - Km144+236	249
Bảng 3. 32. Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua khu vực đoạn 3 Km144+236-Km162+164	250
Bảng 3. 33. Thành phần các chất thải nguy hại	252
Bảng 3. 34. Kết quả dự báo mức ồn do hoạt động giao thông tại khu vực dự án	253
Bảng 3. 35. Tổng hợp các thiết bị, biện pháp bảo vệ môi trường	261
Bảng 3. 36. Vai trò và trách nhiệm của bên liên quan	263
Bảng 3. 37. Độ tin cậy của đánh giá	268
Bảng 3. 38. Mức độ chi tiết của các đánh giá	269
Bảng 6. 1. Tóm lược chương trình quản lý môi trường	273
Bảng 6. 2. Chương trình giám sát giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng	288
Bảng 6. 3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành	289
Hình 1. 1. Vị trí tuyến	45
Hình 1. 2. Hướng tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2)	47
Hình 1. 3. Một số đối tượng KTXH khu vực dự án	51
Hình 1. 4. Quy mô mặt cắt ngang nền đường	70
Hình 1. 5. Mặt cắt ngang nhánh nút giao	72
Hình 1. 6. Mặt bằng nút giao Tân Quang	75
Hình 1. 7. Mặt bằng nút giao Vị Xuyên	76
Hình 1. 8. Mặt bằng nút giao Hà Giang	77

Hình 1. 9. Mặt bằng nút giao Thanh Thuỷ	77
Hình 1. 10. Cầu vượt ngang trên nền đường đắp cao	78
Hình 1. 11. Cầu vượt ngang trên nền đường đào	78
Hình 1. 12. Mặt cắt ngang cầu đoạn thông thường	81
Hình 1. 13. Mặt cắt ngang cầu cạn tuyến đường đôi	82
Hình 1. 14. Vị trí trạm dừng nghỉ Km120 bên trái và bên phải	84
Hình 1. 15. Mô hình tổng thể bố trí các hệ thống ITS trên tuyến đường bộ cao tốc	85
Hình 1. 16. Sơ đồ bố trí ban chỉ huy công trường	104
Hình 1. 17. Sơ đồ thực hiện dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư	108
Hình 1. 18. Sơ đồ thực hiện dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư	109
Hình 2.1. Sơ đồ lấy mẫu khu vực dự án	127
Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải tại trạm trộn BTN	193
Hình 3.2. Nguyên lý vận hành của hệ thống hấp thụ	194
Hình 3.3. Sơ đồ thực hiện quản lý dự án	240
Hình 5.1. Sơ đồ vị trí giám sát môi trường	283

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

B

BGTVT	Bộ Giao thông Vận tải
BPGT	Biện pháp giảm thiểu
BTCT	Bê tông cốt thép
BTXM	Bê tông xi măng
BTN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BXD	Bộ Xây dựng

C

CLMT	Chất lượng môi trường
CNVC	Công nhân viên chức
CP	Chính phủ
CT	Công trình

D

DA	Dự án
DAĐT	Dự án đầu tư
DTLS	Di tích lịch sử

Đ

ĐT	Đường tỉnh
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐTXD	Đầu tư xây dựng

G

GHCP	Giới hạn cho phép
GPMB	Giải phóng mặt bằng
GTVT	Giao thông vận tải

H

HST	Hệ sinh thái
HLAT	Hành lang an toàn

K

KDC	Khu dân cư
KHHĐTĐC	Kế hoạch hành động tái định cư
KHQLMT	Kế hoạch quản lý môi trường
KTTV	Khí tượng thủy văn
KT-XH	Kinh tế - xã hội

M

MCN	Mặt cắt ngang
MTTQ	Mặt trận tổ quốc

N

NĐ	Nghị định
NXB	Nhà xuất bản

P

PCU	Đơn vị xe quy đổi

Q

QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QL	Quốc lộ
QLMT	Quản lý môi trường
QLDA	Quản lý Dự án

S

Sở NN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường

T

TCKT	Tiêu chuẩn kỹ thuật
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TĐC	Tái định cư
TP	Thành phố
TT	Thông tư
TVGS	Tư vấn giám sát
TVN	Thực vật nổi

U

UBND	Ủy ban nhân dân
US	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

V

vnđ	Việt Nam đồng

W

WHO	Tổ chức y tế thế giới

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Nhiều năm qua, hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc đang gặp khó khăn trong việc phát triển kinh tế và thu hút đầu tư do thiếu cơ sở hạ tầng và môi trường đầu tư. Để tháo gỡ điểm nghẽn này, Đảng và Nhà nước đã dành nhiều nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với nhiều dự án đường cao tốc kết nối thông suốt cả nước, các vùng miền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thời điểm cuối năm 2023 và đầu năm 2024, nhiều tuyến cao tốc hiện đại ở khu vực miền núi phía Bắc đã được khởi công và khánh thành đi vào hoạt động.

Phát triển hạ tầng giao thông khu vực trung du, miền núi phía bắc là hướng đến bảo đảm gắn kết không gian kinh tế liên hoàn, bổ trợ cho nhau nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của từng địa phương trong vùng. Coi trọng sự phát triển hài hòa giữa các địa phương, phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Hệ thống hạ tầng giao thông chú trọng phục vụ nhu cầu của các loại hình vận tải, ví như vùng trung du và miền núi phía Bắc, về đường bộ, trong vùng đã hình thành hệ thống đường cao tốc kết nối với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế vùng, các cửa khẩu, cảng biển quốc tế, như: Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn); Nội Bài-Lào Cai, Tuyên Quang - Phú Thọ, Tuyên Quang – Hà Giang. Tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 1) đang thi công dự kiến hoàn thành năm 2025. Trong vùng còn có gần 7.000km quốc lộ, trong đó, các tuyến có quy mô đường cấp 3 đồng bằng với hai làn xe trở lên chiếm 20% (hơn 1.400km). Có thể thấy, các tuyến cao tốc, quốc lộ kết nối vùng cơ bản đã được nâng cấp, hoàn thiện đã góp phần rút ngắn thời gian di chuyển từ Thủ đô tới các địa phương, tạo điều kiện thuận lợi phát triển đột phá về kinh tế - xã hội, hình thành hành lang phát triển kinh tế của vùng và kết nối với vùng đồng bằng sông Hồng, quốc tế, thúc đẩy phát triển du lịch, đảm bảo an ninh quốc phòng cho mỗi địa phương và khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Dự án cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 1) có chiều dài 104,5km, hiện dự án đang được triển khai thi công dự kiến cuối năm 2025 sẽ đưa tuyến đường vào khai thác vận hành với quy mô 4 làn xe, bề rộng B nền = 25,25m. Khi tuyến cao tốc giai đoạn 1 được đưa vào khai thác, vận hành cuối năm 2025, các phương tiện di chuyển trên cao tốc đến điểm cuối giai đoạn 1 (Km104+295 thuộc xã Tân Quang) sẽ theo đường QL2 lên thành phố Hà Giang (cũ), cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và kết lối với QL 4C đi cao nguyên đá Đồng Văn. Hiện trạng tuyến QL 2 có tiêu chuẩn kỹ thuật tuyến còn thấp, đường nhỏ hẹp, quanh co, nhiều sạt lở xuống sông Lô tiềm ẩn nguy hiểm, chất lượng đường không đáp ứng được năng lực vận tải ngày càng tăng khi giai đoạn 1 của dự án hoàn thành đưa vào khai thác.

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy từ điểm cuối giai đoạn 1 lên đến khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Dự án giai đoạn 2 hình thành sẽ góp phần hoàn thiện năng lực giao thông trong khu vực theo quy hoạch, tạo nên sự kết nối phát triển bền vững đối với khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh Tuyên Quang. Kết nối giao thông và tăng cường vận tải hàng hóa hai chiều theo trục đường Châu Vân Sơn - Thiên Bảo (Vân Nam, Trung Quốc) - Thanh Thủy (Tuyên Quang) - Phú Thọ - Hà Nội - Hải Phòng

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy có tổng chiều dài 57,87 km đi qua địa phận 06 xã/phường: Xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy (sau đây gọi là Dự án) là dự án nhóm A có quy mô sử dụng đất 577,04 ha. Căn cứ các tiêu chí môi trường, Dự án được xếp vào danh mục dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định tại cột 3, số thứ tự 6a, Phụ lục III của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường và điểm d khoản 1 mục VI phụ lục IX của Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh Tuyên Quang, dự án thuộc dự án đầu tư công. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường; điểm c, khoản 1 và khoản 2, tiểu mục I của mục B phụ lục IX của Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang thẩm định và phê duyệt.

1.2. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án

Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác,

các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

❖ Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia cũng đã xác định đối với vùng Trung du và miền núi phí Bắc "tập trung bảo vệ, khôi phục rừng nhất là rừng đầu nguồn nhằm bảo đảm về an ninh môi trường vào bảo vệ hệ sinh thái; bảo vệ sử dụng có hiện quả nguồn nước các hồ, đập để điều tiết nước sản xuất và sinh hoạt. Bảo đảm phát huy các lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, các cửa khẩu, văn hoá dân tộc đặc sắc, đa dạng và tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế dọc theo các trục giao thông hướng tấm về thủ đô Hà Nội, gắn kết với các hành lang kinh tế quốc tế; phát triển kinh tế vung biên, phát huy vai trò kinh tế cửa khẩu". Theo đó, Chính phủ đã ban hành quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025 cho từng địa phương.

❖ Phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh/ thành phố

Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025; theo đó mạng lưới đường cao tốc được quy hoạch gồm 41 tuyến với tổng chiều dài khoảng 9,014 km, tuyến đường cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là một phần của tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (tuyến cao tốc CT.15), thuộc mạng lưới cao tốc đã được hoạch định, có điểm đầu tại đường Hồ Chi Minh (Tuyên Quang) và điểm cuối tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy (Tuyên Quang). Phân đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, giai đoạn 2 (Hoàn thiện đường cao tốc 4 làn xe cho 57.68km kết nối với dự án đang thi công ở giai đoạn 1 lên cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy) được đề xuất đầu tư trước năm 2030 là phù hợp với phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 12/QĐ-TTg.

Đề xuất đầu tư xây dựng giai đoạn 2 của cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy) là phù hợp với các quy hoạch sau:

- Quy hoạch tỉnh Hà Giang (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến nắm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023.

- Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy,

tỉnh Hà Giang đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ- TTg ngày 2/2/2012. Định hướng phát triển các phân vùng không gian Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang, trong đó Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy và cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là trung tâm của kinh tế cửa khẩu tỉnh Tuyên Quang, cửa ngõ kết nối Trung Quốc và ASEAN. Khu vực của khẩu phát triển các chức năng quản lý, kiểm soát, các khu hỗn hợp thương mại dịch vụ cửa khẩu, trung tâm Logistic với cảng cạn ICD, hệ thống kho bãi, trung tâm sản xuất chế biến phục vụ xuất khẩu, khu dân cư hiện trạng và khu dân cư mới phục vụ tái định cư.

- Phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang (cũ) đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1578/QĐ-TTg ngày 13/10/2020.

- Phù hợp với Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/04/2017.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Giang đến 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đang trình Bộ kế hoạch đầu tư thẩm định);

Định hướng quy hoạch giao thông đối với các tuyến đường bộ đi qua tỉnh Tuyên Quang bao gồm: tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 1); đường Hồ Chí Minh; Quốc lộ 2; Quốc lộ 2C; Quốc lộ 4C; Quốc lộ 34; và các đường tỉnh lộ được quy hoạch tuân thủ theo chiến lược phát triển giao thông quốc gia và các quy hoạch giao thông vùng đã được duyệt.

Tại Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (CT.15) là 1 trong 14 tuyến đường bộ cao tốc khu vực Phía Bắc theo quy hoạch có chiều dài khoảng 165km (đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thuỷ) với quy mô 4 làn xe và được đầu tư trước năm 2030.

Giai đoạn 1: Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang dài gần 104 km (đoạn nối từ điểm cuối cao tốc Phú Thọ - Tuyên Quang đến Tân Quang) đang được thi công, dự kiến hoàn thành cuối năm 2025.

- Giai đoạn 2: Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là 1 phần của tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (CT.15) theo quy hoạch.

Hướng tuyến về cơ bản bám theo quy hoạch này, trong quá trình nghiên cứu chi tiết có vi chỉnh một số vị trí để tránh các vị trí điểm du lịch văn hóa cộng đồng như thôn Tha, thôn Hạ Thành thuộc Phường Hà Giang 1 (xã Phương độ cũ), di tích lịch sử khảo cổ quốc gia Chùa Nậm Dầu xã Linh Hồ (xã Ngọc Linh cũ), Khu công nghiệp Bình Vàng và các khu dân cư tập trung để hạn chế GPMB tái định cư. Hướng tuyến được nghiên cứu trên địa phận tỉnh Tuyên Quang thuộc các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thuỷ và phường Hà Giang 1.

Hướng tuyến: Từ Km104+295, xã Tân Quang tiếp giáp với điểm cuối dự án cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 1) thiết kế nút giao liên thông kết nối về trung tâm xã Tân Quang, tuyến đi theo sườn núi bờ trí sông Lô đến khoảng Km128 thiết kế nút giao liên thông kết nối khu vực trung tâm xã Vị Xuyên và khu công nghiệp Bình Vàng, tuyến đi dọc theo sườn núi bờ trái sông Lô đến khoảng Km144 thuộc địa phận xã Phú Linh thiết kế nút giao liên thông kết nối cửa ngõ phía Nam phường Hà Giang 1, tuyến đi qua phường Hà Giang 1, xã Thanh Thủy và kết thúc tại Km162+164 cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (khoảng Km307+500 trên quốc lộ 2).

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

2.1.1. Các văn bản pháp luật

* Luật:

+ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

+ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 5 thông qua ngày 18/1/2024;

+ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

+ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025

+ Luật giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025;

+ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 15/11/2017;

+ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008;

+ Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

+ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;

+ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024;

+ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp 10 thông qua ngày 19/6/2017.

+ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp 3 thông qua ngày 1/07/2007.

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 11/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống thiên tai và luật đê điều số 60/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2021.

* Nghị định:

+ Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

+ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

+ Nghị định số 156/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2028 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

+ Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

+ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

+ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

+ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 4/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

+ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

+ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

+ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/06/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

+ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

+ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Nghị định số 01/2024/NĐ-CP ngày 01/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022);

+ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

+ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

+ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

+ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

+ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

+ Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

* Thông tư:

+ Thông tư 22/2026/ TT-BNNMT ngày 19/05/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhá nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

+ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

+ Thông tư 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

+ Thông tư 26/2022/TT-BNTPTNT ngày 30/22/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, quy xuất nguồn gốc lâm sản;

+ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

+ Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

+ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

+ Thông tư 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.

+ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

ngày 30/6/2021 Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường

+ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nghị định số 38/2015/NĐ-CP quản lý chất thải rắn xây dựng;

+ Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh;

+ Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người;

+ Văn bản Hợp nhất số 01/VBHN-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Nghị định quy định một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

+ Văn bản hợp nhất Luật Đa dạng sinh học số 32/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

+ Văn bản Hợp nhất số 15/VBHN-BTNMT ngày 24/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

+ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng về Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải;

+ Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

- TCVN 7210:2002 - Rung động và va chạm. Rung động do phương tiện giao thông đường bộ - giới hạn cho phép đối với môi trường khu công cộng và khu dân cư;

- TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn, bãi chôn lấp hợp vệ sinh, yêu cầu chung bảo vệ môi trường;

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;

- QCVN 07:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

- QCVN 43:2017/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

- QCVN 01:2022/2022/BQP - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ;

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

- TCCS 46:2022/TCĐBVN: Yêu cầu và chỉ dẫn quy trình đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

- Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình ĐTM

- *Nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo*

+ Các tài liệu điều tra về kinh tế - xã hội trong khu vực dự án, năm 2026;

+ Tài liệu thống kê về tình hình khí tượng, thủy văn, địa hình thổ nhưỡng của khu vực thực hiện Dự án;

+ Niên giám thống kê của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

+ Các tài liệu, số liệu, thông tin về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, chất lượng môi trường và kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang;

+ Bản đồ khu vực dự án;

+ Các tài liệu về phương pháp, cách đánh giá sử dụng trong báo cáo ĐTM.

- *Nguồn tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập*

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án;

+ Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án;

+ Hồ sơ tính toán thủy văn của Dự án;

+ Các ảnh tư liệu, băng hình do nhóm tư vấn dự án chụp tại hiện trường tháng 6 năm 2026 cùng nhiều nguồn tài /liệu khác;

+ Các số liệu điều tra, khảo sát, tham vấn cộng đồng và đo đạc thực tế tại hiện trường khu vực thực hiện Dự án do Viện Chuyên ngành Môi trường thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2020, song song với việc lập dự án đầu tư, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện đánh giá tác động môi trường cho Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy với sự tư vấn của Viện Chuyên ngành Môi trường. Các bên liên quan tham gia đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

  Đại diện: Ông Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó Giám đốc

  Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường Hà Giang 1, Tỉnh Tuyên Quang.

  Điện thoại: 0219 866706

- Cơ quan tư vấn ĐTM: Viện Chuyên ngành Môi trường

  Đại diện: Ông Đinh Trọng Khang Chức vụ: Q.Giám đốc

  Địa chỉ: 1252 Đường Láng, phường Láng, tp. Hà Nội

  Điện thoại/Fax: 024.37663841

- Tiến trình thực hiện ĐTM:

+ Bước 1: Tiến hành nghiên cứu nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, thu thập các tài liệu kỹ thuật Dự án và các tài liệu pháp lý liên quan đến Dự án;

+ Bước 2: Sau khi nắm rõ các nội dung chính của Dự án và các tài liệu liên quan, lập kế hoạch và tiến hành khảo sát sơ bộ dọc khu vực dự án và chụp ảnh thị sát;

+ Bước 3: Lập kế hoạch và tiến hành khảo sát chi tiết (về chất lượng môi trường, hệ sinh thái, hệ thủy sinh...), thu thập các số liệu về địa lý, địa chất, kinh tế xã hội (các địa phương), khí hậu, thuỷ văn và môi trường...có liên quan đến khu vực dự án; lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường khu vực dự án;

+ Bước 4: Xác định các nguồn gây tác động, đối tượng, quy mô bị tác động, phân tích, đánh giá và dự báo các tác động của dự án tới môi trường;

+ Bước 5: Xây dựng các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của dự án;

+ Bước 6: Đề xuất các công trình xử lý môi trường, xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án;

+ Bước 7: Xây dựng các chuyên đề và tổng hợp báo cáo ĐTM;

+ Bước 8: Tham vấn các bên liên quan và hoàn thiện báo cáo ĐTM theo ý kiến tham vấn;

+ Bước 9: Tư vấn Môi trường nộp báo cáo ĐTM và Chủ dự án trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để xin thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM;

+ Bước 10: Họp hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM của Dự án và chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

+ Bước 11: Tư vấn lập báo cáo ĐTM và Nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

+ Bước 12: Trình nội dung chỉnh sửa lên Thường trực Hội đồng xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án.

Bảng 1. Các thành viên chính tham gia đánh giá tác động môi trường

TT	Họ và tên	Chuyên ngành/ Chức vụ	Nội dung phụ trách
1	Đinh Trọng Khang	Thạc sỹ Khoa học môi trường/ P. Giám đốc	Chỉ đạo trực tiếp, xem xét và ký duyệt báo cáo ĐTM trước khi trình thẩm định và phê duyệt.
2	Nguyễn Văn Chiến	Thạc sỹ Khoa học môi trường/ P. Giám đốc	Chủ trì thực hiện báo cáo tổng hợp. Rà soát báo cáo cuối cùng.
3	Phạm Tiến Sỹ	Th.S môi trường trong PTBV/ P. Giám đốc	Phụ trách công tác khảo sát điều kiện tự nhiên, tài nguyên sinh vật, đa dạng sinh học, hiện trạng môi trường.
4	Phạm Thị Trà	Thạc sỹ Công nghệ Hóa và Hóa sinh/ nhân viên	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về lập báo cáo ĐTM. Đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu môi trường. Phụ trách nội dung đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu liên

TT	Họ và tên	Chuyên ngành/ Chức vụ	Nội dung phụ trách
			quan đến môi trường tự nhiên, chất thải rắn
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	Thạc sỹ KHMT/ nhân viên	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về lập báo cáo ĐTM, đo đạc lấy mẫu môi trường Phụ trách công tác khảo sát điều kiện KT-XH
6	Phạm Thị Ngọc Thúy	Cử nhân KHMT/ nhân viên	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về lập báo cáo ĐTM. Đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu môi trường. Phụ trách nội dung đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu liên quan đến hệ thống thủy văn, môi trường nước mặt, nước dưới đất. Chuyên gia mô hình hóa
7	Trần Văn Toản	Thạc sĩ KHMT	
8	Cao Thị Bích Vân	Thạc sỹ KHMT/ nhân viên	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về lập báo cáo ĐTM. Đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu môi trường Phụ trách nội dung tổng hợp hiện trạng môi trường, hỗ trợ đánh giá tác động đến môi trường xã hội
9	Lê Thị Hồng Thái	Kỹ sư môi trường/ nhân viên	
10	Nguyễn Huy Anh	Kỹ sư thủy văn môi trường/nhân viên	Các cán bộ hỗ trợ, tham gia khảo sát, tham vấn tại các địa phương
11	Nguyễn Ngọc Quang	Thạc sĩ môi trường/ nhân viên	
12	Nguyễn Thị Mến	Kỹ sư môi trường/Nhân viên	
13	Hán Thị Kim Oanh	Cử nhân môi trường/ nhân viên	
14	Nguyễn Thị Lan Hương	Thạc sĩ môi trường/ nhân viên	
15	Phan Thị Minh Hoa	Thạc sĩ KHMT	
16	Phạm Văn Dương	Thạc sĩ KHMT	
17	Nguyễn Quốc Bảo	Thạc sĩ Xây dựng đường ô tô và đường	

TT	Họ và tên	Chuyên ngành/ Chức vụ	Nội dung phụ trách
		thành phố	
18	Nguyễn Trí Dũng	Thạc sĩ KTXD công trình giao thông	

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Các phương pháp ĐTM

Các phương pháp sau đã được sử dụng để nhận dạng các tác động và để đánh giá, dự báo các tác động của Dự án (được thể hiện tại chương 3), cụ thể:

4.1.1. Các phương pháp để nhận dạng tác động

- Phương pháp liệt kê: Để nhận dạng chung các tác động của dự án. Chỉ ra các tác động và thống kê đầy đủ các tác động của dự án (từ hoạt động chuẩn bị dự án, thi công xây dựng và hoạt động vận hành của dự án) đến môi trường cũng như các yếu tố kinh tế xã hội cần chú ý, quan tâm giảm thiểu trong quá trình triển khai dự án. Phương pháp này áp dụng trong xuyên suốt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phương pháp sơ đồ mạng lưới: Để nhận dạng các tác động trực tiếp (nguyên cấp) và tác động gián tiếp (thứ cấp) của Dự án và các tác động qua lại lẫn nhau giữa các tác động này. Phương pháp sơ đồ mạng lưới được áp dụng tại mục 3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai dự án và mục 3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành của dự án.

4.1.2. Các phương pháp để đánh giá, dự báo tác động

- Phương pháp đánh giá nhanh:

Phương pháp này dựa trên cơ sở hệ số ô nhiễm tại Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải. Thành phần, lưu lượng, tải lượng ô nhiễm do khí thải, nước thải, chất thải rắn từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công và từ hoạt động dân sinh được xác định và dự báo định lượng (Áp dụng trong nội dung Chương 3).

Phương pháp đánh giá nhanh được sử dụng chủ yếu trong các đánh giá, dự báo có tính chất so sánh, đối chiếu với Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép. Phương pháp này để xác định tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm bụi, khí thải, nước thải, ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của dự án tại mục 3.1.1.1.3. Tác động đến môi trường không khí; 3.1.1.1.9. Tác động do ồn và rung động, Chương 3 của Báo cáo

- Phương pháp tính toán: Phương pháp này áp dụng các công thức toán học để tính toán lan truyền tiếng ồn, tải lượng thải phát tán khí thải ra môi trường xung quanh, tính toán chế độ thủy văn thay đổi khi có cầu đi qua.

Các công thức đã được sử dụng trong chương 3, bao gồm:

- Sử dụng mô hình Sutton dựa trên lý thuyết Gauss áp dụng cho nguồn đường

để dự báo mức độ và phạm vi lan truyền TSP, SO_2, CO, NO_2 và HC cho hoạt động vận chuyển vật liệu trong giai đoạn xây dựng và dòng xe trong giai đoạn vận hành. ;

- Phương pháp dự báo mức ồn nguồn và suy giảm theo khoảng cách được trích dẫn từ giáo trình "Môi trường không khí" của GS. TSKH Phạm Ngọc Đăng - NXB KHKT 2003.

- Phương pháp danh mục

Phương pháp danh mục dùng để nhận dạng các tác động (Chương 3).

Phương pháp này xác định và đánh giá tải lượng ô nhiễm từ các hoạt động của dự án cũng như đánh giá các tác động của của chúng đến môi trường. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong nội dung tại mục 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng và mục 3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, Chương 3 của Báo cáo

- Phương pháp chuyên gia

Phương pháp chuyên gia dùng để nhận dạng các tác động môi trường chính trong suốt quá trình lập báo cáo thông qua nhóm chuyên gia thường trực là các thành viên nội bộ của Viện Chuyên ngành Môi trường và nhóm chuyên gia bên ngoài là các cộng tác viên thuộc chuyên ngành đa dạng sinh học, thủy văn, cấp thoát nước,… Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong nội dung tại mục 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng và mục 3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, Chương 3 của Báo cáo

- Phương pháp chập bản đồ

Phương pháp này dựa trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch để xác định phạm vi và nhận dạng đối tượng bị ảnh hưởng trong quá trình thu hồi đất, GPMB của Dự án. Phương pháp được áp dụng vào mục 1.1.3.3: Các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội của Chương 1 của báo cáo.

4.2. Các phương pháp khác

4.2.1. Phương pháp thống kê

Phương pháp thống kê được áp dụng trong việc thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng, thuỷ văn và kinh tế xã hội tại khu vực thực hiện dự án ở Chương 2 và tóm tắt, thống kê lại các tác động, công trình/biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án được đề cập tại Chương 5 của Báo cáo

4.2.2. Phương pháp so sánh

- Dùng để đánh giá các tác động trên cơ sở các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường để đánh giá hiện trạng và xu thế biến động của chất lượng môi trường.

Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong mục 2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, Chương 2 và mục 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng và mục 3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, Chương 3 với mục đích là đánh giá khả năng vượt giới hạn theo quy định của các thông số môi trường.

4.2.3. Phương pháp điều tra xã hội

Phương pháp này được áp dụng trong quá trình phỏng vấn, lấy ý kiến lãnh đạo và người dân địa phương tại nơi thực hiện Dự án để thu thập các thông tin cần thiết cho công tác ĐTM, bao gồm:

- Điều tra các xã về tình hình kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến chất thải và yêu cầu, nguyện vọng của họ liên quan đến Dự án. Theo đó, các thông tin điều tra kinh tế xã hội chung của toàn xã được cán bộ xã cung cấp thông qua phiếu điều tra kinh tế - xã hội.

- Điều tra, phỏng vấn trực tiếp các hộ dân trong khu vực Dự án về các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường của Dự án. Theo đó, các hộ dân được lựa chọn để phỏng vấn bao gồm các hộ dân sinh sống trong xã và các hộ dân nằm trong hoặc gần phạm vi thực hiện dự án. Các thông tin về kinh tế xã hội của người dân được trình bày lồng ghép trong Chương 2.

Phương pháp điều tra xã hội được sử dụng chủ yếu trong nội dung ở Chương 2 và Chương 5 của Báo cáo.

4.2.4. Phương pháp đo đạc, khảo sát, lấy mẫu ngoài hiện trường

Phương pháp này được sử dụng để xác định các thông số về hiện trạng chất lượng không khí, tiếng ồn, rung động, nước mặt, nước ngầm tại khu vực thực hiện dự án. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại mục 2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, Chương 2

Tư vấn Môi trường đã tiến hành lấy mẫu, đo đạc ngoài hiện trường các chỉ tiêu chất lượng môi trường. Vị trí lấy mẫu được định vị bằng máy GPS. Theo đó, các chỉ tiêu được lấy mẫu và đo đạc ngoài hiện trường như sau:

- Đo đạc các chỉ tiêu chất lượng môi trường không khí:

+ Dùng máy POCKET WEATHER TRACKER 4500, hãng Kestrel (Mỹ) để xác định các chỉ tiêu nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, tốc độ gió, hướng gió;

+ Dùng máy Dustscan scout aerosol monitor (Mỹ) để xác định nồng độ bụi TSP;

- Đo đạc các chỉ tiêu ồn và rung:

+ Dùng máy NL21, hãng RION (Nhật Bản) để đo tiếng ồn;

+ Dùng máy VIBRATION LEVEL METER VM-53, hãng RION (Nhật Bản) để

đo độ rung.

- Đo đạc các chỉ tiêu chất lượng nước mặt, nước ngầm:

+ Lấy mẫu nước bằng dụng cụ lấy mẫu nước của Mỹ. Xử lý và bảo quản mẫu nước theo TCVN6663–3:2016;

+ Sử dụng máy OM51; D54, hãng Horiba (Nhật Bản) để xác định các chỉ tiêu không bền như: nhiệt độ, pH và DO.

4.2.5. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm

Các phương pháp phân tích mẫu nước ngầm, nước mặt được tuân thủ theo các TCVN về môi trường hiện hành. Các phương pháp phân tích được trình bày chi tiết trong các phiếu Phân tích, đính kèm trong phần Phụ lục. Việc phân tích và lấy mẫu được thực hiện tại phòng Phát triển công nghệ và phân tích môi trường thuộc Viện Chuyên ngành Môi trường thực hiện công tác phân tích các chỉ tiêu. Phòng thí nghiệm môi trường đã được Văn phòng công nhận chất lượng - Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp chứng chỉ, mã số VILAS 752 ISO/IEC 17025:2017; Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường - số hiệu: VIMCERTS 037. Kết quả thực hiện phương pháp này được sử dụng tại Chương 2, phần Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường vật lý.

Phương pháp bảo quản mẫu

STT	Thông số	Bảo quản
1	**Mẫu khí**	
1.1	Bụi tổng số (TSP)	Bảo quản trong bao đựng giấy lọc (giấy can kỹ thuật)
1.2	Các thông số khí NO_2, SO_2, CO	Bảo quản lạnh 5±3°C, tránh ánh sáng, phân tích trong vòng 24h
2	**Mẫu nước**	
2.1	Clorua (Cl^-); TSS; BOD_5; Nitrit (NO_2^- - N); Crom (VI); Sunfat (SO_4^{2-})	Bảo quản trong chai nhựa, tránh ánh sáng, nhiệt độ 5°C ± 3°C; phân tích trong vòng 24h
2.2	Nitrat (NO_3^- - N)	Axit hóa mẫu với HCl (pH=1-2), chai nhựa
2.3	COD; Photphat (PO_4^{3-}-P)	Axit hóa mẫu với H_2SO_4 (pH=1-2), chai nhựa
2.4	Kim loại nặng (*Fe, Mn, Cu, Zn, Mg, Ni, Cr, As, Pb, Cd*); Độ cứng; Amoni (NH_4^+ - N)	Axit hóa mẫu với HNO_3 (pH=1-2), chai nhựa
2.5	Tổng dầu, mỡ	Axit hóa mẫu với HNO_3 (pH=1-2), chai thủy tinh
2.6	E.Coli; Tổng Coliform	Bảo quản lạnh, nhiệt độ 5°C ± 3°C,

		chai nhựa
3	**Mẫu đất, trầm tích**	
3.1	Kim loại nặng	Hộp nhựa

4.2.6. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa

Thông qua khảo sát người dân, cán bộ địa phương và khảo sát hiện trường để khảo sát hiện trạng kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên khu vực dự án và đánh giá tình hình thực tế về đời sống dân cư, hệ sinh thái trên cạn và dưới nước… tại khu vực dự án.

Phương pháp điều tra xã hội được sử dụng chủ yếu trong nội dung ở Chương 2 và Chương 6 của Báo cáo.

4.2.7. Phương pháp kế thừa

- Được áp dụng để dự báo và tính toán phát thải và mức độ tác động của một số nguồn gây tác động như chất thải rắn trên công trường được rút ra từ kinh nghiệm thực tế các dự án đã thực hiện;

- Kế thừa các báo cáo hiện trạng kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên khu vực dự án, hệ sinh thái trên cạn và dưới nước… tại khu vực dự án;

5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung

a. Tên dự án

Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

b. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy trên địa phận tỉnh Tuyên Quang thuộc các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thuỷ và phường Hà Giang.

c. Chủ Dự án:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Chủ dự án: Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện: Ông Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

5.1.2. Quy mô, công suất

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 57,87 Km.

- Dự án được thiết kế theo Tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc (TCVN 5729:2012).

- Quy mô mặt cắt ngang: Bnền = 25,25m (Bề rộng mặt đường B_m =4x3,75m; Bề rộng rải phân cách giữa B_{pc} = 0,75m; Bề rộng dải an toàn giữa B_{at}=2x1,0m; Bề rộng làn dừng khẩn cấp B_{kc}=2x3,0m; Bề rộng lề đất $B_{lề}$ =2x0,75m;).

+ Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1 (Km27+295) thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm cuối: Km162+164 (tại Km307+500 Quốc lộ 2) kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

Đây là loại hình dự án xây dựng mới công trình giao thông;

Nhóm dự án: Nhóm A.

5.1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Sau khi hoàn thành dự án, dự án được bàn giao cho cơ quan quản lý khai thác và quản lý vận hành theo quy định.

5.1.3. Phạm vi

a. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công

Hạng mục công trình chính của dự án

Đầu tư xây dựng tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 57,87 km và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến, trong đó:

- Phần tuyến:

+ Đoạn 1: Km104+295 - Km123+400 (L=19.11km): Điểm đầu đoạn tại Km104+295 thuộc xã Tân Quang (điểm cuối cao tốc Giai đoạn 1 đang được thi công dự kiến hoàn thiện trong năm 2025). Điểm cuối đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Đoạn tuyến có chiều dài 19,10km đi qua địa phận các xã Tân Quang (8,66km), Linh Hồ (8,50km), xã Vị Xuyên (1,95km).

+ Đoạn 2: Km123+400 - Km138+100 (L=14,70km): Điểm đầu đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Điểm cuối tại Km138+100 thuộc xã Phú Linh. Hướng tuyến men theo sườn núi Bình Vàng để tránh KCN Bình Vàng. Tuyến có chiều dài 14,7km đi qua xã Linh Hồ (6.76km), xã Vị Xuyên (6.19km), xã Phú Linh (1,75km);

+ Đoạn 3: Km138+100 - Km144+900 (L=6,80km): Đoạn tuyến nằm trong địa phận xã Phú Linh có chiều dài 6,80km. Đặc điểm địa hình khu vực đoạn tuyến đi vào dải thung lũng, qua các khu vực bằng phẳng và đồi thấp. Việc lựa chọn các phương án tuyến này là phù hợp với đặc điểm địa hình khu vực.

+ Đoạn 4: Km144+900 - Km153+850 (L=8,95km): Điểm đầu đoạn tại Km144+900 thuộc xã Phú Linh (điểm trước khi vượt sông Lô vào phường Hà Giang

1). Điểm cuối tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Hướng tuyến theo tim trục đường đôi hiện tại với giải pháp bố trí cầu cạn trên hệ trụ 1 cột tại dải phân cách đường đôi. Tuyến đi qua xã Phú Linh (0,60km), phường Hà Giang 1 (7,90km) và xã Thanh Thủy (0,47km)

+ Đoạn 5: Km153+850 - Km162+164 (L=8,31km): Điểm đầu đoạn tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Điểm cuối đoạn (cuối cao tốc) tại Km162+164 thuộc xã Thanh Thuỷ tại nút giao với QL2 thuộc quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thuỷ. Đoạn tuyến có chiều dài 8,31km đi qua địa phận các xã Thanh Thuỷ

- Cầu: Đầu tư xây dựng 30 cầu

Stt	Lý trình	Chiều dài (m)	Sơ đồ nhịp	Loại dầm	Ghi chú
1	Km104+300.00	45.1	1x33	I33m	Cầu nút giao Tân Quang
2	Km116+903.10	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
3	Km119+282.14	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
4	Km120+559.02	45.1	1x33	I33m	Cầu vượt TL
5	Km125+368.24	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt suối
6	Km126+910.00	410.4	39.1+8x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
7	Km128+025.00	170.4	39.1+2x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt nút giao Vị Xuyên (cầu vượt qua cao tốc)
8	Km130+096.59	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
9	Km130+386.62	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
10	Km131+898.68	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
11	Km132+300.01	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
12	Km132+700.73	50.3	1x38.2	Super T 38.2m	Cầu cạn
13	Km132+850.98	130.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
14	Km134+796.65	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
15	Km135+404.89	438.4	33.1+9x40+33.1	Super T 38.2m	Cầu cạn

16	Km136+553.80	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt TL
17	Km137+123.70	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
18	Km137+467.76	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
19	Km137+756.98	118.4	33.1+40+33.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
20	Km138+382.26	90.4	2x39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
21	Km138+847.04	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
22	Km144+225.68	290.4	39.1+5x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu nút giao
23	Km145+562.38	207.2	39.1+2x40	Super T 38.2m	Cầu vượt sông Lô
24	Km145+786.98	240.0	5x40	Super T 38.2m	Cầu vượt quốc lộ 2
25	Km146+040.00	4,087.2	101x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn đường đôi TP. Hà Giang cũ, bao gồm cầu dẫn lên và cầu dẫn xuống nối ra vào cao tốc tại Km149+300
26	Km150+500.00	111.2	3x33	I33m	Cầu cạn
27	Km151+547.63	134.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
28	Km157+370.50	570.4	39.1+12x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
29	Km159+343.67	450.4	39.1+9x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
30	Km161+131.72	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
	Tổng	8,804.5			

- Nút giao:

Stt	Tên nút	Lý trình	Loại	Kiểu dáng	Kết nối
1	Tân Quang	Km104 + 295	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối với QL2 đi huyện Bắc Quang (cũ) và cụm công nghiệp Tân Quang; xã Đồng Tâm; - Kết nối với QL2 và QL279 đi huyện Quang Bình (cũ), cao tốc Nội Bài -

Stt	Tên nút	Lý trình	Loại	Kiểu dáng	Kết nối
					Lào Cai; - Kết nối ĐT177 đi cửa khẩu Xín Mần, khu di tích quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, khu du lịch Chiêu Lầu Thi thuộc xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì cũ (Đỉnh núi cao 2.402m này có tên gọi theo tiếng địa phương nghĩa là "chín tầng thang", được tạo thành từ những bậc đá cổ, mang đến khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ và hệ thực vật phong phú, là một điểm đến núi cao nổi tiếng, thu hút du khách yêu thích khám phá và "săn mây").
2	Vị Xuyên	Km128 + 067	Nút liên thông	Dạng kim cương	- Kết nối đường tỉnh 184, đi Khu Công Nghiệp Bình Vàng; di tích khảo cố lịch sử quốc gia Chùa Nậm Dầu; Du lịch sinh thái Hồ noong; xã Linh Hồ; - Kết nối QL2 đi trung tâm xã Vị Xuyên (thị trấn Vị Xuyên cũ) khoảng 2,5km, Di tích văn hóa tâm linh Chùa Bình Lâm, Đền đôi cố cầu má, chùa Sùng Khánh; Nghĩa trang Quốc gia Vị Xuyên khoảng 4,7km, khu du lịch suối khoáng Quảng Ngân, Logistics cho các sản phẩm nông sản địa phương như Cam sành, chè cổ thụ San Tuyết ở Thượng Sơn, Cao Bồ; - Kết nối QL2C kéo dài và ĐT.184 đi Hồ thủy điện Na Hang.
3	Hà Giang	Km144 + 236	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối Phường Hà Giang 1, Hà Giang 2; Xã Phú Linh; Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tại Phường Hà Giang 1 (xã Phương độ cũ) và Phường Hà Giang 2 (xã Phong Quang cũ), Trang trại bò sữa TH ở Phong Quang, các làng du lịch cộng đồng, làng du lịch Phương Thiện, làng du lịch thôn Hạ Thành, thôn Tha… - Kết nối QL34 đi Cao Bằng, Di tích lịch sử Quốc gia Căng Bắc Mê; - Kết nối QL4C đi khu du lịch Cao nguyên đá địa chất toàn cầu Đồng

Stt	Tên nút	Lý trình	Loại	Kiểu dáng	Kết nối
					Văn, cột cờ Lũng Cú.
4	Thanh Thủy	Km162 + 164	Nút giao bằng	Dạng xuyến	- Kết nối Khu Kinh tế Thanh Thủy xã Thanh Thủy; Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Thiên Bảo (Trung Quốc) đi Châu Vân Sơn; Kết nối với các khu du lịch cộng đồng; khu du lịch cộng đồng.

Hạng mục công trình phụ trợ

Công trình trên tuyến: Hệ thống thoát nước, gia cố phòng hộ, an toàn giao thông, biển báo, chiếu sáng, cây xanh.

Trạm thu phí: Dự kiến bố trí trạm thu phí tại các nhánh ra, vào cao tốc và Trung tâm điều hành giao thông (TMC) và hệ thống thông minh (ITS)

Các hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 66 (phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ) Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; khoản 2 điều 60 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, dự án có hạng mục xây dựng cầu vượt sông Lô tại Km145+644 có trụ cầu nằm trong lòng sông/kênh, do đó phải thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động đó đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ, bồi, xói lòng dẫn, xói lở bờ, bãi sông, suy giảm mực nước sông trong mùa cạn, bảo tồn các hệ sinh thái liên quan.

Hạng mục công trình phục vụ thi công

Hạng mục công trình phục vụ thi công: Dự án dự kiến bố trí 05 công trường tại 05 phân đoạn của tuyến cao tốc.

b. Các hạng mục công trình không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án, gồm:

+ Trong giai đoạn triển khai dự án: Hoạt động chuẩn bị và thi công các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ như đã được chỉ ra tại phần trên – **phần a. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án;**

+ Giai đoạn vận hành: Tổ chức giao thông trên tuyến và hoạt động bảo dưỡng

định kỳ trên tuyến cao tốc; hoạt động của khu trực thu phí.

Các hạng mục công trình không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác mỏ và vận chuyển nguyên vật liệu thuộc trách nhiệm nhà thầu không nằm trong Dự án.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có tổng diện tích chiếm dụng rừng khoảng **288,17 ha** (rừng đặc dụng: **0,41ha**, rừng phòng hộ: **1,66ha**, rừng sản xuất: **286,10ha**) Căn cứ điểm c, khoản I, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4, điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-Cp ngày 29/01/2026 dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

5.1.6. Nội dung đề nghị xác nhận đã đáp ứng các tiêu chí môi trường

Dự án không thuộc trường hợp Dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

* Các tác động môi trường và xã hội bất lợi diễn ra trong giai đoạn chuẩn bị và thi công gắn với các hoạt động chính là:

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ công trình nhà cửa hiện hữu phát quang thảm thực vật phát sinh bụi, chất thải rắn (CTR) thông thường.

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất trồng lúa phát sinh bụi và đất hữu cơ.

- Hoạt động bố trí công trường thi công; vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, phế thải; đào đắp nền đường; thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các trạm trộn bê tông xi măng phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Hoạt động văn phòng tại công trường thi công và hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án phát sinh CTR thông thường, nước thải thi công, chất thải nguy hại (CTNH) và có nguy cơ xảy ra sự cố sạt lở, ngập úng.

- Hoạt động hoạt của công nhân phát sinh CTR sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

- Hoạt động thi công cmố trụ trong dòng chảy tại khu vực thi công cầu vượt sông Đuống có khả năng ảnh hưởng tới lòng bờ, bãi sông, hệ sinh thái dưới nước, chất lượng nước mặt vị trí thi công cầu và hạ lưu và có nguy cơ xảy ra sự cố xói lở.

* Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường và hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải, CTR thông thường, CTNH.

- Hoạt động của khu trực thu phí trong giai đoạn vận hành sẽ là nguồn phát sinh các loại chất thải như chất thải rắn, nước thải sinh hoạt

- Việc hình thành tuyến đường và cầu có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước và nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng.

- Hoạt động bố trí các mố trụ trong dòng chảy tại khu vực thi công cầu vượt sông có khả năng xảy ra nguy cơ xói lở.

Nhìn chung, các tác động tiêu cực tiềm tàng liên quan ở mức vừa và nhỏ

5.3. Dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

Các tác động chính của dự án theo từng giai đoạn, bao gồm:

*** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng**

Tổng diện tích chiếm dụng quy hoạch tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2) là 577,04 ha trong đó:

+ Đất rừng: 288,17 ha (rừng đặc dụng: 0,41ha, rừng phòng hộ: 1,66ha, rừng sản xuất: 286,10ha);

+ Đất lúa: 113,59 ha;

+ Số nhà dân di dời: 430 nhà.

- Hoạt động chặt hạ sinh khối, các công trình hạ tầng tạo mặt bằng phục vụ thi công Dự án phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường bộ, bom mìn tồn lưu.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, rung chấn, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn lao động, mất an toàn giao thông, ngập úng, xói lở, sụt trượt, sập cầu, cháy nổ,...

*** Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường và hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải, CTR thông thường, CTNH.

- Việc hình thành tuyến đường và cầu có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước và nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng.

- Hoạt động bố trí các mố trụ trong dòng chảy tại khu vực vượt kênh/sông có khả năng xảy ra nguy cơ xói lở lòng chủ, bãi trái và bãi phải.

- Hoạt động của khu trực thu phí trong giai đoạn vận hành sẽ là nguồn phát sinh các loại chất thải như chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.

Nhìn chung, các tác động tiêu cực tiềm tàng liên quan ở mức vừa và nhỏ.

Tổng hợp các tác động môi trường chính của dự án được thể hiện trong bảng sau. Đánh giá từng tác động cụ thể sẽ trình bày trong Chương 3.

Bảng 2. Các tác động môi trường chính của Dự án

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến		Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh	Đối tượng chịu tác động
Chuẩn bị	Chiếm dụng đất ở, đất vườn, ruộng	Trước khi tiến hành thi công.	Trung tâm phát triển quỹ đất tiến hành GPMB theo một tiểu Dự án độc lập	Chiếm dụng đất, Ảnh hưởng đến thu nhập Gián đoạn sinh hoạt cộng đồng	Các hộ dân bị chiếm dụng đất
	Chuẩn bị công trường	Khoảng 1 tháng (tháo dỡ) và 1-2 tháng (chuẩn bị công trường)	Lắp dựng công trường và san ủi tạo mặt bằng 210 công công trường.	Tiếng ồn, rác thải và phế thải	- Môi trường không khí, đất, nước. - Các hộ dân khu vực dự án
Xây dựng	Thi công đường, nút giao, cầu,	24 tháng	Tiến hành thi công móng trước rồi thi công đến mố trụ và cuối cùng là phần trên cầu	Bụi do đào đắp Bồi lắng đất đào hố móng xuống dòng chảy Chất thải rắn (đất đá loại, chất thải rắn thi công)	Môi trường không khí, đất, nước. - Các hộ dân khu vực dự án
			Thi công nền đường hoàn thiện		
	Di chuyển thiết bị	24 tháng	Vận hành máy móc thiết bị thi công, trạm trộn	Bụi, ồn, rung	Môi trường không khí, -Các hộ dân khu vực dự án
	Vận chuyển vật liệu/ phế thải	24 tháng	Sử dụng xe tải, xà lan	Bụi Hư hại tiện ích cộng đồng Ảnh hưởng đến giao thông	Môi trường không khí, - Các hộ dân dọc tuyến đường vận

					chuyển
	Hoạt động của công trường		Sinh hoạt công nhân ở lán trại	Chất thải rắn sinh hoạt/ nước thải sinh hoạt.	Môi trường đất, nước.
			Bảo dưỡng thiết bị thi công	Dầu, nước thải và chất thải chứa dầu, Nước mưa chảy tràn.	Môi trường nước mặt, trầm tích sông, suối khu vực dự án
Vận hành	Vận hành Dự án	Lâu dài	Vận hành trên tuyến	-Bụi, ồn, rung, khí thải giao thông	Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
			Hoạt động của nhà trực thu phí	Nước thải, CTR thông thường, CTNH	
	Bảo trì	Lâu dài	Sửa chữa các hư hỏng nhỏ	Chất thải rắn, an toàn giao thông.	

5.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.3.1.1. Nước thải, khí thải

a. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

- Hoạt động của cán bộ, công nhân phục vụ Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 3,5 m^3/ngày.đêm/công trường.

Thành phần của nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: Chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), tổng coliforms và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,....

b. Quy mô, tính chất của nước thải xây dựng

- Nước trong bể phốt của các nhà bị phá dỡ khoảng 2m^3/hộ tương ứng 860 m^3 nước từ bể phốt cần được thu gom. Thành phần chứa nhiều chất hữu cơ, có hàm lượng BOD_5.

- Nước thải phát sinh từ rửa cốt liệu trộn bê tông xi măng phát sinh tại 04 trạm trộn bê tông xi măng khoảng 1,3 m^3/1 mẻ trộn. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

- Hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công, hoạt động rửa xe để vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi công trường với khối lượng khoảng 200,24 m^3/ngày/toàn bộ các công trường có bố trí trạm rửa phương tiện thi công – chủ yếu phát sinh từ hoạt động rửa xe. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất thải, đá thải, phế thải và hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng phát sinh bụi, khí thải, có khả năng ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe

của người dân tại các khu dân cư (sau đây gọi tắt là KDC) gần khu vực thi công giải phóng mặt bằng (KDC tổ 13, xã Vị Xuyên tại lý trình Km120+600, KDC thôn Ngọc Hà, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km123+800 – Km123+900; Một số hộ dân xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác tại lý trình Km126+100 – Km126+200; KDC thôn Lũng Loét, KDC Tân Lập, Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác trên tuyến tại Km127+600 – Km128+450; Một số hộ dân xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km140+500 – Km141+100; Một số hộ dân thuộc thôn Lắp 2, xã Phú Linh tại Km142+000 – Km142+500; Trường Tiểu học Đoàn Kết tại Km143+300 – Km144+600; KDC thôn Cầu Mè, KDC thôn Lâm Đồng, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại Km145+900 – Km146+900; Một số hộ dân dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km147+800 – Km148+050, Km148+300 – Km149+800; KDC thôn Tha, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, tại lý trình Km150+200 – Km150+800; KDC thôn Hạ Thành, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km151+800 – Km152+250; KDC xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km157+00 – Km157+400 và Km159+200 – Km159+440.

- Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO_2, NOx, SO_2, HC.

5.3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải răn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 25 kg/ngày/mỗi công trường (5 công trường). Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn, rau, củ quả thừa,...), vỏ hộp, nylon, giấy bọc thực phẩm thải bỏ,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Tổng sinh khối phát sinh khi bóc bỏ cây cối tầng phủ khoảng 24.931,72 tấn.

- Hoạt động đào, đắp nền phát sinh đất đá phải thải bỏ với tổng khối lượng 79.961,0 m^3 được vận chuyển đến 93 bãi chứa được thỏa thuận bằng văn bản với chính quyền địa phương.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường, phế thải. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, cốp pha hỏng,… với khối lượng dự kiến khoảng 36,57 tấn/ngày.

- Chất thải phá dỡ lán trại: Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 10 m^3/công trường. Thành phần: biển báo, hàng rào, xà bần,….

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo trì máy móc, thiết bị thi công và thi công các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng như sau: 50 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu nhiên liệu thải, vỏ thùng sơn.

5.3.1.3. Tác động do ồn, rung

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh

hưởng tới các khu dân cư (sau đây gọi là KDC) gần khu vực dự án với khoảng cách từ dưới 20 m và công nhân thi công trên công trường.

5.3.1.4. Các tác động môi trường khác

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 11,52 m^3/ngày đối với mỗi khu vực công trường. Thành phần chủ yếu gồm: đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất thải, phế thải có khả năng gây ngập úng cục bộ, hư hại đường giao thông ảnh hưởng tới hoạt động giao thông đường bộ.

- Sự cố giai đoạn thi công:

+ Sự cố rà phá bom mìn: Trong chiến tranh, hàng nghìn tấn bom mìn đã được sử dụng. Hầu hết các loại bom mìn sau chiến tranh đã được di chuyển trong giai đoạn 1975 ÷ 1985. Tuy nhiên, vật liệu nổ còn lại trong lớp đất sâu nên cần quan tâm đến sự an toàn của công nhân xây dựng và trong quá trình xây dựng dự án trong tương lai. Không xác định vị trí và loại bỏ tất cả các vật liệu nổ từ công trường thi công sẽ gây ra rủi ro đối với công nhân thi công và dân cư trong vùng không chỉ giới hạn trong thời gian thi công, thậm chí sau khi Dự án được đưa vào khai thác. Do đó, Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn trước khi thi công.

+ Sự cố kỹ thuật: Đối với công tác thi công cầu vượt trong nút giao và cầu vượt: Việc thi công phần kết cấu trên của cầu được tiến hành trên độ cao lớn sẽ tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây đổ công trình trong quá trình thi công lắp đặt giàn giáo, lao lắp dầm BTCT DUL, thi công trụ cầu trong dòng chảy. Sự cố kỹ thuật nếu xảy ra không chỉ đe dọa tính mạng của lực lượng tham gia thi công mà còn gây hậu quả nghiêm trọng với các phương tiện giao thông đường thủy phía dưới cầu. Tác động diễn ra trong suốt thời gian thi công phần cầu.

Hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị và các nguyên vật liệu đến bãi công trường chuẩn bị thi công có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình thủy lợi hiện hữu.

+ Nguy cơ cháy nổ: Trong giai đoạn xây dựng, xăng dầu được sử dụng cho hoạt động của các thiết bị thi công. Xăng dầu có thành phần chủ yếu là hợp chất carbuahydro (96 ÷ 99%) nên có khả năng bay hơi rất nhanh trên bề mặt thoáng. Do vậy rất dễ gây cháy nổ, đặc biệt khi hòa trộn vào không khí và gặp tia lửa.

+ An toàn lao động: Tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất cứ các hoạt động nào trong quá trình thi công có sử dụng lao động nếu không tuân thủ đúng quy trình an toàn lao động.

+ Sự cố do thiên tai (bão, lũ, lụt)

Làm gia tăng xác suất xảy ra tai nạn lao động trong trường hợp thi công; đặc biệt đe dọa đến tính mạng công nhân thi công do sét đánh;

Đe dọa đến sự ổn định của các kết cấu công trình, nhất là có thể gây đổ các kết

cấu thi công khi mưa giông;

Trong trường hợp có lũ lớn, nếu không có biện pháp phòng chống thì công trường nằm trong vùng trũng có thể sẽ bị ngập lũ. Ngập lũ không chỉ gây thiệt hại cho Dự án mà sẽ tạo những tổn thất lớn tới môi trường xung quanh do các chất ô nhiễm (dầu mỡ, xăng…) trong công trường theo dòng nước lũ lan tràn trên diện rộng.

+ Sự cố tràn dầu

Trong quá trình thi công các cầu phải sử dụng các phương tiện thi công thủy như xà lan. Do đó sự cố tràn dầu có thể xảy ra do sự rò rỉ hoặc thủng, vỡ bồn chứa nhiên liệu của các thiết bị thi công thủy hoặc do va chạm với các phương tiện giao thông thủy.

Khi tràn ra, dầu có thể ảnh hưởng đến môi trường bằng nhiều cách khác nhau. Đầu tiên, về mặt tự nhiên dầu có thể làm ngạt sinh vật và chất nền để chúng tiếp xúc với các thành phần hóa học độc hại. Nó thường gây ra tử vong cho các sinh vật. Trong giai đoạn đầu của một sự cố tràn dầu, độc tính của dầu đối với các sinh vật liên quan đến số lượng các hợp chất thơm có thể tan được trong nước (các benzen thế alkyl, naphtalene) trong dầu. Các loại dầu nhẹ thường có tiềm năng độc hơn các dầu nặng và nó phân tán rất nhanh, điều đó cũng có nghĩa là việc tiếp xúc với dầu xảy ra nhanh chóng.

Khi xảy ra sự cố tràn dầu Chủ dự án và Nhà thầu thi công sẽ có trách nhiệm chỉ huy hiện trường, tổ chức chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình kết hợp cùng với lực lượng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng cung ứng dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu với đơn vị ứng phó của khu vực để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời.

+ Sự cố cháy rừng: Đặc điểm chung của đoạn tuyến là nằm trong khu vực đất đồi, núi có độ che phủ từ thấp đến cao. Diện tích rừng Keo, tràm, quế (tự trồng) chiếm diện tích phần lớn. Các hạng mục thi công chính được tập trung tiến hành vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 5), lưu lượng nước thấp, thời tiết thuận lợi cho xây dựng. Tuy nhiên vào mùa này, nhiệt độ cao kết hợp với độ ẩm thấp nên khả năng xảy ra cháy rừng là rất lớn. Hoạt động của cán bộ công nhân viên như sử dụng điện, gỗ củi dể đun nấu, hút thuốc…tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng. Trong thực tế, cháy rừng sẽ gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng tới tính mạng, an toàn của con người cũng như những thiệt hại môi trường khó có thể lường hết được.

5.3.2. Giai đoạn vận hành

5.3.2.1. Nước thải, khí thải

a. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động hoạt động của cán bộ công nhân viên tại của khu trực thu phí khoảng 1 m^3/ngày.đêm.

Thành phần của nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành: Chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), tổng coliforms và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,....

b. Quy mô, tính chất của nước thải xây dựng

Không phát sinh

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Hoạt động bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa trên tuyến đường và hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải có thông số ô nhiễm chủ yếu gồm: Bụi, SO_2, NO_2, CO.

5.3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ tại nhà điều hành các trạm thu phí với tổng khối lượng khoảng 0,5 kg/người/ngày, thì lượng chất thải tại nhà điều hành là 5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại bao bì, giấy, vỏ chai lọ thải bỏ, thức ăn thừa.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- CTR xây dựng phát sinh từ quá trình bảo trì, duy tu công trình khoảng 2 – 3 m^3/ đợt duy tu, bảo trì. Thành phần chủ yếu: đất, đá, bê tông, cọc tiêu hỏng

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ tại nhà điều hành các trạm thu phí với tổng khối lượng khoảng 11 kg/năm. Thành phần gồm pin thải từ hoạt động chiếu sáng, các linh kiện điện tử hỏng; rất ít mực in thải, vỏ hộp mực in thải hoặc thiết bị điện từ hỏng của máy móc thiết bị,...

- Trong giai đoạn vận hành hoạt động bảo dưỡng phát sinh ước tính khoảng 2-3 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là sơn thừa và vỏ thùng sơn.

5.3.2.3. Tác động do ồn, rung

Hoạt động của các phương tiện tham gia trên tuyến phát sinh tiếng ồn, có khả năng ảnh hưởng tới một số KDC nằm dọc hai bên tuyến tính từ phạm vi chỉ giới đường đỏ ở khoảng cách 10 m.

5.3.1.4. Các tác động môi trường khác

- Việc hình thành tuyến đường gây phân mảnh đất nông nghiệp dọc tuyến; có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng thoát nước cục bộ khu dự Dự án; gây chia cắt cộng đồng ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của các hộ dân 2 bên tuyến dường; và có nguy cơ xảy ra sự cố sụt lún, sự cố tai nạn giao thông trên đường.

- Nước mưa chảy tràn trên tuyến đường phát sinh với lưu lượng khoảng 31.550 (l/s) đối với trận mưa ngày lớn nhất. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng.

- Sự cố giai đoạn vận hành:

+ Nguy cơ sụt lún nền đường

Khi xây dựng nền đường trên nền đất yếu, có khả năng xảy ra sụt lún đất, khi vấn đề xảy ra, không chỉ sự ổn định của công việc bị đe dọa nhưng cũng có nghĩa là

giao thông trên tuyến đường cũng không an toàn.

Dựa trên khảo sát hiện trường, có thể thấy rằng các vị trí dễ dàng xảy ra lún là hai bờ sông, kênh, các đoạn đi qua ruộng, đặc biệt tại các đoạn đất có cấu trúc yếu

+ Sự cố xói lở, sụt lún

Thay đổi dòng chảy do cầu gây ra có thể dẫn đến xói mòn bờ sông, đặc biệt ở khu vực hạ lưu cầu. Sự xói mòn này có thể làm thu hẹp bờ sông và ảnh hưởng đến các công trình ven sông.

Thay đổi địa hình và dòng chảy có thể gây sạt lở ở các bãi sông, ảnh hưởng đến sự ổn định của đất và các công trình trên bãi.

+ Sự cố cháy nổ tại khu vực nhà trực thu phí, điều hành ITS

Sự cố về các thiết bị điện: Dây điện, động cơ điện, thiết bị điện tử,...bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy.

Lửa cháy do các nhiên liệu lỏng dễ cháy như: xăng, dầu, gas, v.v… từ quá trình đun nấu hoặc các vật liệu gặp lửa;

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

5.4.11. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

* Giai đoạn thi công:

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút, vận chuyển, xử lý chất thải từ bể phốt của các hộ dân giải tỏa hoàn toàn và giải tỏa 1 phần trước khi phá dỡ công trình.

+ Tại mỗi công trường thi công, Chủ dự án và nhà thầu thi công lắp đặt/thuê lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động, loại buồng đôi thiết kế bằng vật liệu thép cường độ cao kết hợp với nhựa uPVC và composite, với bể tự hoại có thể tích khoảng 01 m^3 để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi gần đầy bể, đảm bảo không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

* Giai đoạn vận hành:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà trực thu phí được thu gom về hệ thống của nhà điều hành chung với nhà trực thu phí của Nút giao Cao Bồ với QL 10.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan để có thể tái sử dụng, đảm bảo không thải nước thải ra ngoài môi trường; tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Văn bản

hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng về Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng

* Giai đoạn thi công:

- Nước thải từ hoạt động rửa xe: Xây dựng hệ thống cầu rửa xe và cống để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe tại mỗi công trường vào 1 bể lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, dung tích 6,0 m^3.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa xe → Bể lắng → Tách dầu → Lắng cặn → Nước rửa sau khi được lắng cặn → Làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công

- Nước thải từ trạm trộn bê tông xi măng

Quy trình xử lý: Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 bể lắng dung tích khoảng 9,0 m^3 cấu tạo 03 ngăn để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn → Bể lắng 03 ngăn → Bể chứa → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

- Nước thải từ quá trình cọc khoan nhồi

Thu gom toàn bộ nước thải từ khoan cọc nhồi trong thi công cầu, không để chảy ra trực tiếp ra sông do có chứa Bentonit, nước thải này được thu gom bơm hút vào téc chứa cùng với Bentonit để sử dụng cho các lần khoan tiếp theo, không thải ra ngoài môi trường. quy trình thu gom như sau:

Quy trình xử lý: Nước thải chứa Bentonite → Téc chứa Bentonite có thiết bị tách cát → Thu gom lại toàn bộ cùng với lượng Bentonite để tái sử dụng.

* Giai đoạn vận hành:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà điều hành trung tâm ITS được thu gom về 01 bể tự hoại ba ngăn thể tích 5 m^3 để xử lý sơ bộ; nước thải sau xử lý sơ bộ từ bể tự hoại được dẫn vào bể chứa thể tích 150 m3, định kì thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể chứa → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng bơm hút, xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại mỗi trạm thu phí thu gom về bể chứa có thể tích 5,0 m^3 (kích thước 5,0 m x 1,0 m x 1,0 m), định kì thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước thải vệ sinh phương tiện, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích làm ẩm vật liệu và đất thải trước khi vận chuyển, rửa cốt liệu, trộn bê tông và vệ sinh phương tiện vận chuyển, không xả thải ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.4.1.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải

* Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các phương tiện thi công được kiểm định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi khu vực thi công đào đắp, san nền gần các KDC với tần suất khoảng 2 lần/ngày hoặc 3-4 lần/ngày vào mùa khô.

- Thực hiện thu gom các rác thải, vật liệu vô cơ lớn trên bề mặt đường trước khi sử dụng thiết bị làm vệ sinh và làm nhám. Sử dụng máy hút bụi để vệ sinh làm nhám mặt đường.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; vệ sinh bánh xe và mặt ngoài thùng xe các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

* Giai đoạn vận hành:

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa kịp thời các hư hỏng trên tuyến; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa tại vị trí bảo dưỡng đi qua khu dân cư.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phần tuyến tại các đoạn phù hợp; sử dụng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bão dưỡng để hạn chế bụi.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT -

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

5.4.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

* Giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các công trường được thu gom vào 03 thùng rác chuyên dụng phân loại 02 ngăn (rác hữu cơ và vô cơ) có nắp đậy tại mỗi công trường thi công, dung tích khoảng 120 lít/thùng bằng chất liệu composite, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với CTR xây dựng:

+ Phế thải sau khi phá dỡ sẽ được phân loại để tái sử dụng như gạch, tôn, sắt thép, gỗ sẽ được tận thu để làm nền công trường, làm chất đốt... Các loại phế thải như gạch vỡ, bê tông… sẽ được tận dụng san nền, phần không sử dụng sẽ vận chuyển về các vị trí đổ thải đã có biên bản thỏa thuận với chính quyền địa phương.

+ Tận dụng tối đa đất đá loại để đào đắp nền đường dùng để tận dụng đắp DPC giữa và san nền các đảo trong nút giao. Phần còn lại khoảng 159.656,31 m^3, không tận dụng được vào công trình sẽ được đổ vào 04 bãi trữ vật liệu thừa theo biên bản thỏa thuận với địa phương (xã Ý Yên) là các ao thấp hơn hiện trạng khoảng 2,5 m cần san lấp có trữ lượng đổ khoảng 278.206 m^3. Chiều cao đổ thải trung bình khoảng 2 - 5 m. Đất đá loại đổ tại các bãi sẽ được đầm chặt, việc này vừa hạn chế khả năng xói và tràn đổ ra các khu vực xung quanh đồng thời tạo điều kiện cho địa phương/hộ dân có mặt bằng bố trí các công trình hay trồng cây

+ Bùn cặn lắng chủ yếu là đất cát tại các hố lắng xử lý nước thải thi công, nước thải xịt rửa xe định kỳ được nạo vét và đổ thải tại các bãi thải

+ Thu dọn công trường và thanh thải lòng sông sau khi kết thúc thi công.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, tập kết đất đá thải, phế thải tới vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận.

* Giai đoạn vận hành:

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng được thu gom, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom toàn bộ CTR thông thường phát sinh từ hoạt động của nhà thu phí vào 02 thùng rác phân loại 2 ngăn (rác hữu cơ và vô cơ) dung tích (2x20) lít có nắp đậy; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo toàn bộ CTR phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 35/2024/TT - BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt.

- Chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo việc sử dụng bãi thải để lưu giữ đất, đá thải phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp đất, đá đào dôi dư từ hoạt động thực hiện Dự án được xác định là vật liệu xây dựng thông thường, thực hiện kiểm kê khối lượng và các thủ tục đăng ký, tận thu theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5.4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công:

- Thực hiện quản lý, xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu chứa tại mỗi công trường vào 04 thùng chứa chuyên dụng (mỗi thùng 120 lít), có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 10m^2 tại công trường thi công; kho lưu chứa được xây dựng theo đúng quy định, có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh bởi Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

* Giai đoạn vận hành:

Toàn bộ chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để chất thải nguy hại lẫn với CTR sinh hoạt thông thường và yêu cầu CBCNV làm việc sinh hoạt tại nhà trực trạm thu phí nghiêm chỉnh chấp hành quy định phân loại rác thải tại nguồn.

Lắp đặt 02 thùng chứa rác thải nguy hại dung tích 200l có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và dán nhãn chất thải nguy hại theo thông tư quản lý về chất thải nguy hại để đơn vị thu gom có chức năng đến thu gom, xử lý theo

quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, QCVN 07:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

5.4.3. Các biện pháp giảm thiểu ồn, rung

* Giai đoạn thi công:

- Các phương tiện vận chuyển bảo đảm chuyên chở đúng tải trọng cho phép; sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung nguồn thấp (như sử dụng lu thường thay lu rung ở các vị trí sát nhà dân và công trình công cộng); sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; sử dụng máy ép cọc trong quá trình thi công cọc đối với thi công mố cầu; đền bù mọi thiệt hại trong trường hợp hoạt động thi công của Dự án gây hư hại đến công trình, bảo đảm môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; đảm bảo tiếng ồn, độ rung xung quanh khu vực Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Giai đoạn vận hành:

- Luôn bảo trì, bảo dưỡng mặt đường, để giảm tiếng ồn sinh ra do sự tương tác giữa lốp ô tô với mặt đường.

- Các gờ giảm tốc cần thiết kế phù hợp tại các nút giao.

- Các phương tiện giao thông cần phải đảm bảo việc chuyên chở theo đúng tải trọng của xe, đảm bảo vận tốc quy định khi lưu hành trên tuyến đường.

- Cơ quan quản lý đường cần có các biển báo về việc dùng còi tại những đoạn đường gần khu dân cư tại các nút giao.

- Nghiên cứu, xem xét lắp tường chống ồn tại các vị trí đi qua khu vực dân cư đông đúc lắp tường chống ồn đi qua khu vực dân cư đông đúc. (Thị trấn Lâm, xã Ý Yên).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

5.4.4.Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

5.4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: không có.

5.4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có

5.4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi, sông, hồ: không có

5.4.4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

* Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

- Phòng ngừa sự cố do rà phá bom mìn

- Thông báo tới địa phương, cộng đồng trước khi tiến hành các công tác khảo sát vật liệu nổ.

- Thực hiện khảo sát xác định vật liệu nổ còn sót lại: các vật liệu nổ (nếu có) phát hiện được sẽ được đánh dấu khu vực để cộng đồng dân cư biết và phòng tránh.

- Xử lý, loại bỏ các vật liệu nổ ra khỏi khu vực dự án. Việc xử lý loại bỏ sẽ do đơn vị công binh chuyên trách thực hiện.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện thực hiện gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ.

- Sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hở để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt theo đúng quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; không đào mố trụ cầu vào mùa mưa lũ; sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hở để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; giám sát thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những vị trí có nguy cơ sạt lở; cắm biển cảnh báo nơi có khả năng xảy ra sự cố sạt lở.

* Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sụt lún nền đường

Thực hiện thi công theo đúng thiết kế, phương án thi công đã duyệt.

Định kỳ đơn vị vân hành thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng tuyến đường trong suốt thời gian vận hành nhằm đảm bảo tuyến đường luôn trong tình trạng sử dụng với chất lượng tốt.

- Phòng ngừa sự cố xói lở, sụt lún

Tại các vị trí có nguy cơ sạt lở, gia cố mái ta luy nền đắp bằng đinh đất, đinh đá kết hợp khung BTCT, gia cố lề đường BTXM.

Xây dựng hệ thống các biển báo quy định tải trọng xe tối đa được phép lưu thông trên tuyến đường theo quy định; đảm bảo việc thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật tuân thủ nghiêm các quy trình thi công và được nghiệm thu theo quy định trước khi đưa vào vận hành; thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình trên tuyến.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng

Định kỳ duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước ngang, rãnh dọc tuyến, đảm bảo thoát nước mặt trên tuyến.

- Phòng ngừa nguy cơ mất ổn định lòng, bờ bãi sông

- Theo dõi định kỳ các yếu tố địa hình, thủy văn thủy lực khu vực công trình, quan trắc theo dõi sau các trận lũ lớn xảy ra.

- Bảo trì thông thường và bảo trì định kỳ hệ thống công trình phụ trợ, hệ thống kè khu vực bờ sông gần trụ cầu.

- Phòng ngừa sự cố cháy nổ tại nhà điều hành

Trang bị hệ thống PCCC trong nhà điều hành có có kế hoạch PCCC được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Xây dựng một đội ngũ phòng cháy, chữa cháy và có một đội thường trực làm công tác chữa cháy khi cần thiết. Thường xuyên kiểm tra hiệu lực của các thiết bị, kịp

thời thay thế, bổ sung khi bị hỏng, mất mát. Đội cứu hộ khẩn cấp luôn sẵn sàng để can thiệp kịp thời.

Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và chữa cháy tự động và lắp đặt họng cấp nước cứu hỏa theo tính toán PCCC. Tại mỗi tầng sử dụng đều được lắp đặt hộp cứu hỏa theo quy định gồm: van, lăng, vòi phun và các bình bọt CO2 tại vị trí trung tâm, dễ thấy và thuận lợi sử dụng khi có sự cố.

5.4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ

- Thi công theo đúng thiết kế được duyệt.

- Thực hiện giám sát xói lở, bờ sông, thường xuyên gia cố các vị trí kè xung yếu có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa sự cố xói lở, mất ổn định lòng bờ, bãi sông.

5.4.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

5.4.5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

Thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường vào hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước miệng rãnh x đáy x sâu khoảng (0,8x0,4x0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước LxBxH khoảng (1,0 x 1,0 x1,0) m với khoảng cách 50 m/ hố lắng xung quanh vị trí công trường để thu gom, lắng đọng bùn, đất trước khi nước thoát ra môi trường; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông dòng chảy tại hệ thống tiêu thoát nước.

+ Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → Lắng cặn → Môi trường.

- Đảm bảo hoạt động giao thông trong quá trình thi công:

+ Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

+ Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án.

+ Làm đường tạm trong trường hợp thi công cầu, cống gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

+ Lắp đặt hệ thống biển báo hiệu, đèn cảnh báo, đèn chiếu sáng vào ban đêm và cử người điều khiển giao thông 24/24h.

+ Thỏa thuận với địa phương: Đạt được sự đồng ý bằng văn bản với địa phương về việc sử dụng tạm các đường liên thôn, liên xã đúng với các mục đích vận chuyển

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống đất canh tác, ao của dân tại những vị trí sát đất canh tác của người dân; hoàn nguyên môi trường, thanh thải sông, suối, kênh khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công xây dựng các hạng mục công trình cầu, cống.

- Thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thuỷ văn cầu, cống được tính toán, xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Sử dụng hệ thống khung vây thép xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp cọc khoan nhồi để ngăn nước mặt chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ và tràn đổ đất ra bên ngoài; nghiêm cấm mọi hành động thải ra môi trường xung quanh bùn khoan (là đất lẫn bentonite) và dung dịch bentonite tràn đổ phát sinh trong qua trình thi công các mố, trụ bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite. Bùn thải có chứa bentonite thu gom bằng máy bơm hút, vận chuyển lên bờ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý cùng với CTR thông thường của Dự án.

- Thi công hệ thống thoát nước với kích thước phù hợp theo đúng thiết kế để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án.

- Thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng suối khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công hạng mục công trình cầu; chất thải sau thanh thải được thu gom và xử lý cùng với CTR thông thường tại công trường thi công.

5.4.5.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí hệ thống rãnh thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến, đấu nối vào hệ thống kênh mương thoát nước khu vực.

- Vệ sinh, quản lý hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang của Dự án theo tiêu chuẩn thiết kế đảm bảo tiêu thoát nước mưa chảy tràn trên tuyến.

5.5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường của chủ dự án

5.5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của chương này.

5.5.2. Giám sát môi trường

5.5.2.1. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, vật liệu thải và chất thải nguy hại

Vị trí giám sát: Tất cả các vị trí có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, thùng chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp thu gom, vận chuyển đất, đá, vật liệu thải, phế thải; phương án vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; giám sát sạt lở, sụt lún, ngập úng tại các khu vực đổ thải của dự án; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

b) Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, rung động

- Vị trí giám sát: 18 vị trí: (1) KDC thôn Mục Lan, xã Tân Quang Km104+200, (2) KDC Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ Km115+700, (3) KDC Thôn Khuổi Thài, xã Linh Hồ, Km117+900, (4) KDC Đội 30, xã Linh Hồ km120+600, (5) KDC Đội 5, xã Linh Hồ tại km122+300, (6) Khu vực chùa Nậm Dầu, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên Km126+900, (7) KDC thuộc xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang Km128+100, (8) KDC thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang Km140+500, (9) Khu vực trường học Đoàn Kết, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km142+100), (10) KDC thôn Bản Lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km144+200), (11) KDC đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km146+000), (12) KDC thôn Lép, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km149+600), (13) KDC thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km150+700), (14) Khu vực trường Tiểu học Phương Độ, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km151+600), (15) KDC thuộc phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km152+100), (16) thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km156+600), (17) KDC thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km157+400), (18) KDC thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km159+400).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), ồn (Leq), Rung (Lveq).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.

c) Giám sát khác

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng.

- Giám sát việc hoàn nguyên môi trường sau khi thi công Dự án.

- Giám sát hư hại hệ thống đường khu vực Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Giám sát hoạt động đổ đất đá loại đúng nơi quy định;

- Giám sát tình trạng tràn đổ đất xuống các nguồn nước kế cận vị trí thi công.

- Giám sát thường xuyên sụt lún nền đường tại các vị trí xử lý nền đất yếu.

- Giám sát thường xuyên việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng dọc tuyến đường của Dự án.

- Giám sát thường xuyên xói lở bờ sông, suối khu vực cầu.

5.5.2.2 Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành

- Giám sát CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH: thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH theo quy định; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát sụt lún nền đường và xói lở dọc tuyến đường

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng cục bộ.

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu trực thu phí.

+ Tại các vị trí xử lý nền đất yếu.

+ Tại các vị trí cống thoát nước ngang đường và cống thoát nước trên đường gom.

- Tần suất giám sát: Giám sát định kỳ trong giai đoạn bảo hành công trình (2 năm đầu khi dự án đi vào vận hành) và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ.

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

Tên dự án: Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy.

1.1.2. Chủ dự án

Chủ dự án : Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện: : Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó Giám đốc
Địa chỉ: Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

1.1.3. Vị trí địa lý của dự án

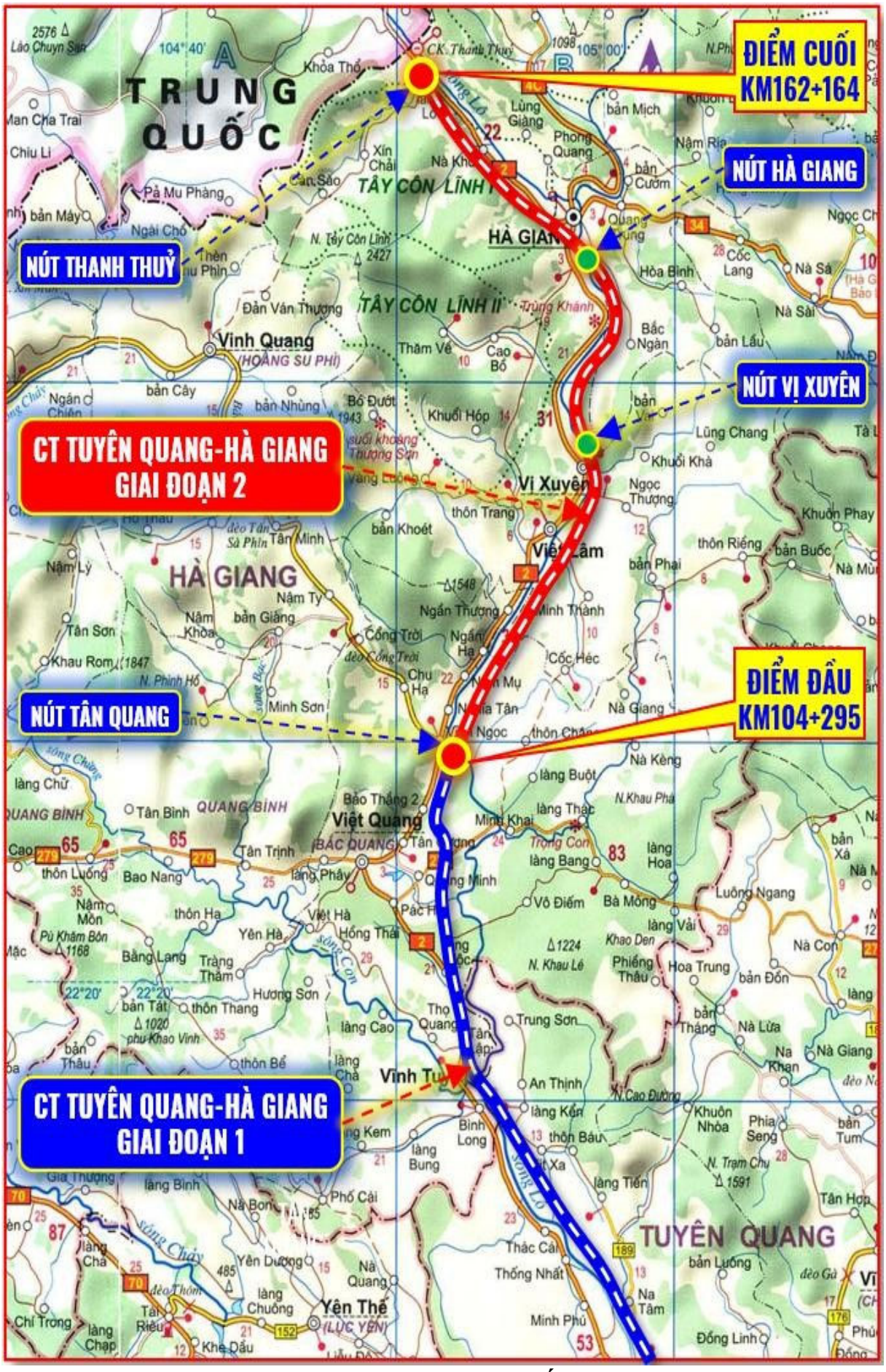
1.1.3.1. Vị trí địa lý dự án

Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy được nghiên cứu trên địa phận tỉnh Tuyên Quang thuộc các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thuỷ và phường Hà Giang 1, gồm các đoạn sau:

- Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án cao tốc giai đoạn 1_thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối: Km162+164 (Nút giao với quốc lộ 2 tại Km307+500_lý trình QL2) _ Kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy_thuộc xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

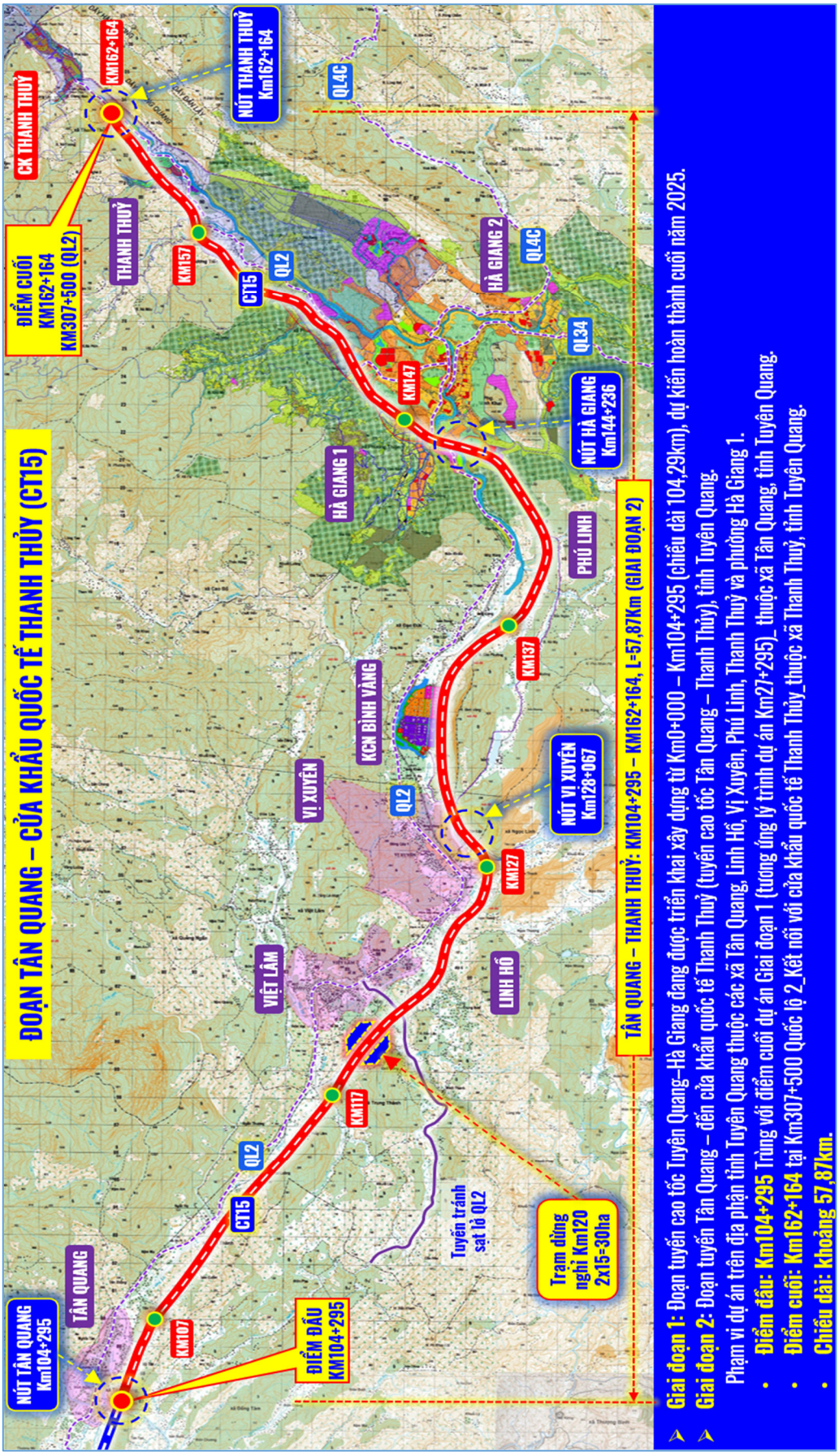
- Chiều dài tuyến: khoảng **57,87km.**



Hình 1. 1. Vị trí tuyến

- Hướng tuyến:

Điểm đầu tuyến Km104+295 (trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1) thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang cách QL2 khoảng 1.1km. Tuyến đi theo hướng Đông Bắc song song với QL2 (cách QL2 về phía đông từ 0,5-2,2km) vào khu vực giữa bờ tả sông Lô và các dẫy núi cao song song với sông Lô, khu vực tuyến đi qua có địa hình tương đối bằng phẳng thuộc các xã Tân Quang, Vị Xuyên, Linh Hồ. Từ Km126 tuyến rẽ trái theo hướng Bắc tránh khu di tích lịch sử khảo cổ quốc gia Chùa Nậm Dầu xã Linh Hồ về phía Tây, tuyến đi men theo sườn dãy núi Bình Vàng (cách ranh quy hoạch khu công nghiệp Bình Vàng về phía Đông khoảng110m) thuộc các xã Vị Xuyên, Linh Hồ. Từ Km134 tuyến đi theo hướng Bắc và Tây Bắc, men sườn núi địa hình khó khăn đến điểm vượt yên ngựa phía Bắc dãy núi Bình Vàng tại Km136+600, sau đó tuyến đi theo sườn phía Đông dãy nút thấp sát dọc sông Lô đến Km145 thuộc xã Phú Linh. Từ Km145 đến Km154 tuyến đi theo hướng Tây Bắc vượt sông và cầu mè cũ đi vào tim dải phân cách đường đôi (tuyến cầu Mè đi công viên nước Hà Phương), sau đó tuyến đi tránh các thôn du lịch văn hóa công đồng và song song với QL2 về phía Tây thuộc địa phận phường Hà Giang 1. Từ Km154 tuyến đi men theo sườn núi thấp phía Tây QL2 và sông Lô đến điểm cuối tuyến Km162+164 giao với QL2 (tương ứng Km307+500 trên QL2) thuộc địa phận xã Thanh Thủy



Hình 1. 2. Hướng tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2)

1.1.3.2. Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án

Tổng diện tích chiếm dụng quy hoạch tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2) là **577,04 ha** trong đó:

+ Đất rừng: **288,17 ha** (rừng đặc dụng: **0,41ha**, rừng phòng hộ: **1,66ha**, rừng sản xuất: **286,10ha**);

+ Đất lúa: **113,59 ha;**

+ Số nhà dân di dời: **430 nhà**.

Bảng 1. 1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và công trình trên đất

TT	Địa phận	Chiều dài tuyến (km)	Tổng diện tích GPMB (ha)	Diện tích đất rừng (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	Số nhà dân di dời
1	Xã Tân Quang	8,47	66,89	1,13	18,81	78
2	Xã Linh Hồ	15,25	156,35	56,33	41,03	87
3	Xã Vị Xuyên	8,20	117,28	100,24	4,36	25
4	Xã Phú Linh	9,10	120,54	78,38	24,52	125
5	Phường Hà Giang 1	7,88	32,49	8,26	14,06	20
6	Xã Thanh Thủy	8,78	83,49	43,83	10,81	95
	Tổng	**57,87**	**577,04**	**288,17**	**113,59**	**430**

(Nguồn: Báo cáo khả thi của dự án, 2026)

Sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, trên cơ sở bản vẽ thiết kế cơ sở, tiến hành lập hồ sơ giải phóng mặt bằng. Phạm vi giải phóng mặt bằng được xác định căn cứ theo các quy định hiện hành. Hồ sơ giải phóng mặt bằng sẽ được cơ quan chuyên ngành phê duyệt và công tác giải phóng mặt bằng được tiến hành theo đúng trình tự quy định.

Sau khi có quyết định thu hồi đất, tiến hành các công tác như thành lập hội đồng giải phóng, đền bù của địa phương; lập phương án tổng thể đền bù; tiến hành công tác kiểm đếm, xác định khối lượng và giá trị đền bù,.. .được tiến hành.

Công tác giải phóng mặt bằng cần triển khai sớm, đồng bộ và quyết liệt mới đảm bảo có thể khởi công công trình theo đúng tiến độ.

1.1.3.3. Các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội

- *Các đối tượng tự nhiên*

- Hệ sinh thái và thảm thực vật

Khu hệ thực vật rừng khu vực thực hiện dự án mang đặc trưng của rừng núi đất vùng cao, chịu ảnh hưởng rõ rệt của điều kiện địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn và khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi. Thảm thực vật rừng trong khu vực chủ yếu là rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt và rừng trồng, phân bố rải rác, không hình thành các quần xã rừng có trữ lượng lớn.

Khu hệ thực vật rừng tại khu vực thực hiện dự án có giá trị đa dạng sinh học ở mức trung bình, không ghi nhận các quần xã rừng nguyên sinh hay các loài thực vật quý, hiếm, nguy cấp có giá trị bảo tồn cao trong phạm vi dự án.

- Hệ động vật

Chủ yếu được nuôi nhỏ lẻ trong các hộ gia đình với các loại như: trâu, bò, ngan, vịt.... Động vật nuôi hiện nay chủ yếu nuôi để cung cấp thực phẩm cho nhu cầu trong vùng.

Thành phần loài cá ở ruộng lúa nước, chủ yếu là một số loại cá nuôi như cá chép và một số loài sống được ở môi trường nước nông dễ biến đổi. Một số các loài tôm, cá nước ngọt được người dân nuôi trồng trong ao, hồ hệ thống các suối trong vùng như: cá chép, cá mè, cá chim trắng, trôi, trắm, tôm càng xanh v.v...Hầu hết được nuôi trong hệ thống ao, hồ trong nội đồng.

- *Các đối tượng kinh tế - xã hội*

- Dân cư: Dự án đi qua các xã/phường của tỉnh Tuyên Quàn bao gồm: xá Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy và phường Hà Giang 1. Dự án chủ yếu đi qua vùng nông thôn, dân cư phân bố rải rác, chủ yếu sống dựa vào nông nghiệp.

- Di tích lịch sử, văn hóa, các công trình tâm linh: Dự án không chiếm dụng các di tích lịch sử, văn hóa, công trình tâm linh.

Bảng 1. 2. Các khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

TT	Lý trình	Đối tượng tự nhiên KTXH	Khoảng cách
I	**Các đối tượng chịu tác động liên quan đến bụi, ồn, rung**		
1	Km 104+900 – Km105+600	KDC thôn Mục Lạn, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	30 - 80m
2	Km120+600	KDC tổ 13, xã Vị Xuyên	15 - 50m
3	Km123+800 –	KDC thôn Ngọc Hà, xã Linh	10 – 50m

	Km123+900	Hồ, tỉnh Tuyên Quang	
4	Km126+100 – Km126+200	Một số hộ dân xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	5 - 30m
5	Km126+900	Chùa Nậm Dầu	80m
6	Km127+600 – Km128+450	KDC thôn Lũng Loét, KDC Tân Lập, Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	5 - 30m
7	Km140+500 – Km141+100	Một số hộ dân xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	15 – 50m
8	Km142+000 – Km142+500 Km143+300 – Km144+600	- Một số hộ dân thuộc thôn Lắp 2, xã Phú Linh - Trường Tiểu học Đoàn Kết	10 – 50m
9	Km145+900 – Km146+900	KDC thôn Cầu Mè, KDC thôn Lâm Đồng, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	10 – 50m
10	Km147+800 – Km148+050	Một số hộ dân dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 - 15m
11	Km148+300 – Km149+800	KDC dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 - 15m
12	Km150+200 – Km150+800	KDC thôn Tha, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 – 50m
13	Km151+600	Trường tiểu học Phương Độ	35m
14	Km151+800 – Km152+250	KDC thôn Hạ Thành, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 – 90m
15	Km157+00 – Km157+400	KDC xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	5 – 50m

	Km159+200 – Km159+440		
II	**Các đối tượng bị tác động từ hoạt động thi công cầu**		
16	Km145+600	- Hệ sinh thái Sông Lô - Lòng bờ bãi sông Lô	



Chùa Nậm Dầu



Trường Tiểu học Phương Độ



Sông Lô đoạn Km145



Sông Lô đoạn Km145

Hình 1. 3. Một số đối tượng KTXH khu vực dự án

1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án

1.1.4.1. Mục tiêu của Dự án

a. Mục tiêu tổng quát

Hoàn chỉnh tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang được Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 1454/QĐTTg ngày 01/9/2021 và điều chỉnh Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 3/1/2025.

Tuyến Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy sau khi hoàn thành tạo không gian phát triển mới cho tỉnh Tuyên Quang nói riêng và cả nước nói chung, tăng cường kết nối liên kết vùng góp phần cải thiện năng lực vận tải cạnh tranh của nền kinh tế đóng góp tăng trưởng xuất nhập khẩu thông thương với nước bạn Trung Quốc. Tăng khả năng kết nối với các tỉnh trung du, miền núi phía bắc, đồng bằng sông hồng và các khu kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội qua cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy sang cửa khẩu Thiên Bảo của tỉnh Châu Vân Sơn (Trung Quốc) và ngược lại. Đồng thời, phá thế độc đạo của QL2, kết nối với các quy hoạch, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp Bình Vàng, Cao nguyên đá Đồng Văn, di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, kết nối với các quốc lộ, đường tỉnh như QL4, QL279, QL2. QL34, ĐT177, ĐT184... Đầu tư giai đoạn 2 đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy Việt Nam và Thiên Bảo của Trung Quốc.

b. Mục tiêu cụ thể

Phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, tháo gỡ điểm nghẽn về giao thông đối với các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang; tạo điều kiện thuận lợi để kết nối 2 tỉnh với các khu vực kinh tế trọng điểm khác của vùng và của cả nước, đặc biệt rút ngắn thời gian di chuyển từ thủ đô Hà Nội và các địa phương khác đến với tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang và kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thuỷ cũng như các Khu du lịch trọng điểm của khu vực như Công viên địa chất toàn cầu được UNESCO công nhận: Cao nguyên đá Đồng Văn; Khu di sản thiên nhiên Quốc gia Na Hang - Ba Bể; Khu di tích ruộng bậc thang Hoàng Su Phì… tạo động lực, sự đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh Hà Giang nói riêng, cũng như tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh trong khu vực nói chung.

- Tăng tính kết nối vùng, liên vùng và khả năng lưu thông vận tải; hạn chế việc mất an toàn giao thông khi đi qua các khu vực đông dân cư của các đô thị thị trấn, thành phố, giảm áp lực giao thông trên đoạn tuyến QL.2 được đầu tư xây dựng đã lâu.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc mời gọi, thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ vào địa bàn tỉnh và khai thác tiềm năng, lợi thế về quỹ đất hai bên tuyến đường.

- Xoá đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển về kinh tế - xã hội, giữa đồng bằng và miền núi. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường đảm bảo quốc phòng, an ninh biên giới Việt – Trung.

1.1.4.2. Loại hình và quy mô các hạng mục Dự án

a. Loại hình

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

- Nhóm dự án: Nhóm A

b. Quy mô dự án

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 57,87 Km.

- Dự án được thiết kế theo Tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc (TCVN 5729:2012).

- Quy mô mặt cắt ngang: Bnền = 25,25m (Bề rộng mặt đường Bm =4x3,75m; Bề rộng rải phân cách giữa Bpc = 0,75m; Bề rộng dải an toàn giữa Bat=2x1,0m; Bề rộng làn dừng khẩn cấp Bkc=2x3,0m; Bề rộng lề đất Blề =2x0,75m;).

+ Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1 (Km27+295) thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm cuối: Km162+164 (tại Km307+500 Quốc lộ 2) kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

1.1.5. Phạm vi báo cáo ĐTM

a. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư thuộc phạm vi báo cáo ĐTM

Thi công xây dựng, hoàn thiện các hạng mục được chỉ ra tại **mục 1.2.1 và mục 1.2.2.**

b. Các hạng mục công trình không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác mỏ và vận chuyển nguyên vật liệu thuộc trách nhiệm nhà thầu không nằm trong Dự án.

1.1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có tổng diện tích rừng khoảng **288,17 ha** (rừng đặc dụng: **0,41ha**, rừng phòng hộ: **1,66ha**, rừng sản xuất: **286,10ha**) Căn cứ điểm c, khoản I, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4, điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chỉ tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-Cp ngày 29/01/2026 dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Đầu tư xây dựng tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 57,87 km và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến, trong đó:

- Phần tuyến:

+ Đoạn 1_Km104+295 – Km123+400 (L=19.11km): Điểm đầu đoạn tại

Km104+295 thuộc xã Tân Quang (điểm cuối cao tốc Giai đoạn 1 đang được thi công dự kiến hoàn thiện trong năm 2025). Điểm cuối đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Đoạn tuyến có chiều dài 19,10km đi qua địa phận các xã Tân Quang (8,66km), Linh Hồ (8,50km), xã Vị Xuyên (1,95km).

+ Đoạn 2_Km123+400 – Km138+100 (L=14,70km): Điểm đầu đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Điểm cuối tại Km138+100 thuộc xã Phú Linh. Hướng tuyến men theo sườn núi Bình Vàng để tránh KCN Bình Vàng. Tuyến có chiều dài 14,7km đi qua xã Linh Hồ (6.76km), xã Vị Xuyên (6.19km), xã Phú Linh (1,75km);

+ Đoạn 3_Km138+100 – Km144+900 (L=6,80km): Đoạn tuyến nằm trong địa phận xã Phú Linh có chiều dài 6,80km. Đặc điểm địa hình khu vực đoạn tuyến đi vào dải thung lũng, qua các khu vực bằng phẳng và đồi thấp. Việc lựa chọn các phương án tuyến này là phù hợp với đặc điểm địa hình khu vực.

+ Đoạn 4_Km144+900 – Km153+850 (L=8,95km): Điểm đầu đoạn tại Km144+900 thuộc xã Phú Linh (điểm trước khi vượt sông Lô vào phường Hà Giang 1). Điểm cuối tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Hướng tuyến theo tim trục đường đôi hiện tại với giải pháp bố trí cầu cạn trên hệ trụ 1 cột tại dải phân cách đường đôi. Tuyến đi qua xã Phú Linh (0,60km), phường Hà Giang 1 (7,90km) và xã Thanh Thủy (0,47km)

+ Đoạn 5_Km153+850 – Km162+164 (L=8,31km): Điểm đầu đoạn tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Điểm cuối đoạn (cuối cao tốc) tại Km162+164 thuộc xã Thanh Thuỷ tại nút giao với QL2 thuộc quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thuỷ. Đoạn tuyến có chiều dài 8,31km đi qua địa phận các xã Thanh Thuỷ

- Cầu: Đầu tư xây dựng 30 cầu

Stt	Lý trình	Chiều dài (m)	Sơ đồ nhịp	Loại dầm	Ghi chú
1	Km104+300.00	45.1	1x33	I33m	Cầu nút giao Tân Quang
2	Km116+903.10	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
3	Km119+282.14	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
4	Km120+559.02	45.1	1x33	I33m	Cầu vượt TL
5	Km125+368.24	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt suối

6	Km126+910.00	410.4	39.1+8x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
7	Km128+025.00	170.4	39.1+2x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt nút giao Vị Xuyên (cầu vượt qua cao tốc)
8	Km130+096.59	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
9	Km130+386.62	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
10	Km131+898.68	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
11	Km132+300.01	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
12	Km132+700.73	50.3	1x38.2	Super T 38.2m	Cầu cạn
13	Km132+850.98	130.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
14	Km134+796.65	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
15	Km135+404.89	438.4	33.1+9x40+33.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
16	Km136+553.80	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt TL
17	Km137+123.70	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
18	Km137+467.76	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
19	Km137+756.98	118.4	33.1+40+33.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
20	Km138+382.26	90.4	2x39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
21	Km138+847.04	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
22	Km144+225.68	290.4	39.1+5x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu nút giao
23	Km145+562.38	207.2	39.1+2x40	Super T 38.2m	Cầu vượt sông Lô
24	Km145+786.98	240.0	5x40	Super T 38.2m	Cầu vượt quốc lộ 2
25	Km146+040.00	4,087.2	101x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn đường đôi TP. Hà Giang cũ, bao gồm cầu dẫn

					lên và cầu dẫn xuống nối ra vào cao tốc tại Km149+300
26	Km150+500.00	111.2	3x33	I33m	Cầu cạn
27	Km151+547.63	134.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
28	Km157+370.50	570.4	39.1+12x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
29	Km159+343.67	450.4	39.1+9x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
30	Km161+131.72	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
	Tổng	**8,804.5**			

- Nút giao:

Stt	Tên nút	Lý trình	Loại	Kiểu dáng	Kết nối
1	**Tân Quang**	Km104 + 295	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối với QL2 đi huyện Bắc Quang (cũ) và cụm công nghiệp Tân Quang; xã Đồng Tâm; - Kết nối với QL2 và QL279 đi huyện Quang Bình (cũ), cao tốc Nội Bài - Lào Cai; - Kết nối ĐT177 đi cửa khẩu Xín Mần, khu di tích quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, khu du lịch Chiêu Lầu Thi thuộc xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì cũ (Đỉnh núi cao 2.402m này có tên gọi theo tiếng địa phương nghĩa là "chín tầng thang", được tạo thành từ những bậc đá cổ, mang đến khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ và hệ thực vật phong phú, là một điểm đến núi cao nổi tiếng, thu hút du khách yêu thích khám phá và

					"săn mây").
2	**Vị Xuyên**	Km128 + 067	Nút liên thông	Dạng kim cương	- Kết nối đường tỉnh 184, đi Khu Công Nghiệp Bình Vàng; di tích khảo cố lịch sử quốc gia Chùa Nậm Dầu; Du lịch sinh thái Hồ noong; xã Linh Hồ; - Kết nối QL2 đi trung tâm xã Vị Xuyên (thị trấn Vị Xuyên cũ) khoảng 2,5km, Di tích văn hóa tâm linh Chùa Bình Lâm, Đền đôi cố cầu má, chùa Sùng Khánh; Nghĩa trang Quốc gia Vị Xuyên khoảng 4,7km, khu du lịch suối khoáng Quảng Ngân, Logistics cho các sản phẩm nông sản địa phương như Cam sành, chè cổ thụ San Tuyết ở Thượng Sơn, Cao Bồ; - Kết nối QL2C kéo dài và ĐT.184 đi Hồ thủy điện Na Hang.
3	**Hà Giang**	Km144 + 236	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối Phường Hà Giang 1, Hà Giang 2; Xã Phú Linh; Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tại Phường Hà Giang 1 (xã Phương độ cũ) và Phường Hà Giang 2 (xã Phong Quang cũ), Trang trại bò sữa TH ở Phong Quang, các làng du lịch cộng đồng, làng du lịch Phương Thiện, làng du lịch thôn Hạ Thành, thôn Tha…

					- Kết nối QL34 đi Cao Bằng, Di tích lịch sử Quốc gia Căng Bắc Mê; Kết nối QL4C đi khu du lịch Cao nguyên đá địa chất toàn cầu Đồng Văn, cột cờ Lũng Cú.
4	**Thanh Thủy**	Km162 + 164	Nút giao bằng	Dạng xuyến	- Kết nối Khu Kinh tế Thanh Thủy xã Thanh Thủy; Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Thiên Bảo (Trung Quốc) đi Châu Vân Sơn; Kết nối với các khu du lịch cộng đồng; khu du lịch cộng đồng.

1.2.2. Hạng mục công trình phụ trợ

Công trình trên tuyến: Hệ thống thoát nước, gia cố phòng hộ, an toàn giao thông, biển báo, chiếu sáng, cây xanh.

Trạm thu phí: Dự kiến bố trí trạm thu phí tại các nhánh ra, vào cao tốc và Trung tâm điều hành giao thông (TMC) và hệ thống thông minh (ITS)

Hạng mục công trình phục vụ thi công: Dự án dự kiến bố trí 05 công trường tại 05 phân đoạn của tuyến cao tốc

1.2.3. Các hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 66 (phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ) Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; khoản 2 điều 60 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, dự án có hạng mục xây dựng cầu vượt sông Lô tại Km145+644 có trụ cầu nằm trong lòng sông/kênh, do đó phải thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động đó đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ, bồi, xói lòng dẫn, xói lở bờ, bãi sông, suy giảm mực nước sông trong mùa cạn, bảo tồn các hệ sinh thái liên quan.

1.2.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động rà phá bom mìn, vật nổ được đơn vị có chức năng thực hiện.

- Hoạt động thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động thi công tuyến đường (tuyến đường, cầu, kè chắn gia cố mái taluy, hệ thống thoát nước, công trình phòng hộ,…).

- Sau khi hoàn thành thi công, công trình sẽ được đưa vào vận hành, quản lý, duy tu bảo dưỡng theo quy định.

1.2.4.1. Hoạt động thu hồi đất, đền bù và GPMB

Sau khi phê duyệt dự án, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành cắm mốc GPMB và phối hợp cùng các đơn vị có liên quan khác đánh giá, đo đạc, kiểm đếm diện tích đền bù GPMB.

Trong quá trình thực hiện, công tác GPMB được triển khai trước để đáp ứng tiến độ thi công công trình. Việc GPMB có thể được tập trung giải quyết cho từng phân đoạn xây lắp theo thứ tự ưu tiên của cấp có thẩm quyền.

Trong giai đoạn này của dự án, các hạng mục công việc chủ yếu liên quan đến giải phóng mặt bằng, bao gồm: chặt hạ cây cối, phá dỡ nhà cửa, di dời cơ sở hạ tầng, chuẩn bị mặt bằng công vụ cho dự án….

Khối lượng giải phóng mặt bằng được trình bày tại **Bảng 1.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất**

1.2.4.2. Chuẩn bị công trường thi công

a. Rà phá bom mìn

Phương án kỹ thuật thi công hạng mục rà phá bom mìn vật nổ được tuân thủ theo đúng Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ ban hành kèm theo Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 59/2022/TT-BQP ngày 30/8/2022 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chuẩn QCVN 01:2022/BQP, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ; Quyết định số 441/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc khắc phục hậu quả chiến tranh bảo đảm yêu cầu trong thi công rà phá bom mìn vật nổ.

b. Chuẩn bị công trường thi công và đường công vụ, bãi đổ thải

Bao gồm các hoạt động san ủi tạo mặt bằng; lắp đặt các hạng mục công trình trong công trường như trạm bảo dưỡng thiết bị, lán trại công nhân, trạm trộn bê tông xi măng… Dự án dự kiến bố trí 05 công trường tại 05 đoạn vị trí thi công, diện tích khoảng 10000 m^2. Các vị trí công trường đều là các khu đất trống, nằm cách khu dân cư >50m. Tại mỗi công trường có lán trại, nhà điều hành, khu tập kết vật liệu, trạm trộn bê tông 90 m^3/h, bãi đúc dầm….Các lán trại đều được xây dựng đảm bảo vệ sinh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của công nhân: có nhà vệ sinh, thu rác để thu gom chất thải, có điện và nước sạch cho sinh hoạt.

Số lượng công trường khi triển khai dự án có thể thay đổi tùy theo số lượng nhà thầu. Trung bình, trong mỗi công trường có khoảng 50 công nhân, kỹ sư sinh hoạt và làm việc.

Số lượng công trường, lán trại, trạm trộn thực tế sẽ được phê duyệt theo từng gói thầu xây lắp, được phê duyệt trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật chi tiết của dự án. Số lượng công trường khi triển khai dự án có thể thay đổi tùy theo số lượng nhà thầu. Trong mỗi công trường có khoảng 50 công nhân, kỹ sư sinh hoạt và làm việc.

Công tác hoàn nguyên môi trường sẽ được Nhà thầu thực hiện ngay sau khi kết thúc việc thi công trước sự kiểm tra của Chủ dự án, Chính quyền và đại diện người dân địa phương. Việc thực hiện nghiêm túc công tác hoàn nguyên môi trường sau thi công là một điều kiện tiên quyết và bắt buộc để chủ đầu tư thanh quyết toán cho Nhà thầu.

c. Đường vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải

Các tuyến đường vận chuyển chính, bao gồm: QL2, Đường 20 tháng 8…

d. Bãi thải

Vật liệu thừa trong quá trình thi công sẽ được dùng để tận dụng đắp DPC giữa và san nền các đảo trong nút giao. Phần còn lại, không tận dụng được vào công trình sẽ được đổ vào các vị trí đổ thải theo biên bản thỏa thuận với địa phương.

Chủ Dự án đã làm việc với địa phương và thống nhất được 15 vị trí bãi chứa vật liệu xây dựng dư thừa như sau:

Bảng 1. 3. Vị trí tập kết đất bóc hữu cơ và đổ thải

Stt	**Lý trình** *Theo lý trình tuyến cao tốc thiết kế*	**Địa phận**	**Vị trí**
1	Km104+150 -Km106	Xã Tân Quang	DT 45.000 m2, UBND xã, Trịnh Xuân Hiển, Hà Đức Điện, Vương Kim Nhung, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Đức Lai, Vương Tiến Lượng, Nguyễn Văn Thụ, Hoàng Thành Quang thôn Vinh Quang và Đào Văn Vân thôn Tân Tiến
2	Km104+150 -Km106		DT 25.000 m2, Nguyễn Quang Vinh, Trần Văn Thao, Phạm Văn huỳnh thôn Vinh Quang và Trần Quốc Tuấn, Trần Văn Thành, Lương Đại Tề, Hoàng Văn Hùng, Vương Thị Nhuộm, Vũ Đức Thắng, Lưu Trần Hùng, Tạ Văn Điệt, Lưu Thị Lợi, Lưu Thị Ích, Vương Xuân Dương, Hoàng Văn Thiện, Vũ Đức Thắng, Lại Đình Ba, Hoàng Thị Làn, Voong Phùng Hồng, Cổ Say Phạt, Hoàng Văn Chính thôn Mục

			Lạn
3	Km104+150 -Km106		DT 4.900 m2, Lý Chỉnh Ly thôn Bản Cưởm
4	Km104+150 -Km106		DT 8.400 m2, Nguyễn Văn Chiến thôn Bản Cưởm
5	Km104+150 -Km106		DT 9.400 m2, Trương Văn Vinh thôn Bản Cưởm
6	Km104+150 -Km106		DT 16.500 m2, Nguyễn Văn Tuyến thôn Bản Cưởm
7	Km104+150 -Km106		DT 5.000 m2, UBND xã, Nguyễn Uyên Hùng, Lương Văn Minh thôn Bản Cưởm
8	Km104+150 -Km106		DT 11.000 m2, Nông Tiến Tư, Nguyễn Thị Nổi, Lù Văn Lương thôn Bản Cưởm
9	Km104+150 -Km106		DT 1.500 m2, Lù Văn Hương thôn Bản Cưởm
10	Km104+150 -Km106		DT 500 m2, Nguyễn Trung Thịnh thôn Bản Cưởm
11	Km113+350 (TT)	Xã Linh Hồ	DT 2.400 m2, Lưu Văn Chiến, thôn Hai Luồng
12	Km113+850 (PT)		DT 3.800 m2, UBND xã và Lưu Văn Minh, thôn Hai Luồng
13	Km114+400 (PT)		DT 4.000 m2, Nguyễn Minh Hường, thôn Hai Luồng
14	Km114+500 (PT)		DT 31.600 m2, Tráng Văn May, Vương Minh Thường, Vương Đức Trung, Vương Đức Hùng, Lý Văn Kiều, Trần Văn Dương, thôn Hai Luồng
15	Km115+550 (PT)		DT 1.500 m2, UBND xã, Thèn Văn Bằng, Trương Mạnh Dung, thôn Hai Luồng
16	Km116+500 (PT)		DT 48.000 m2, UBND xã, Trần Văn Toàn, Lý Văn Kiều, Vi Văn Dũng, Triệu Văn Phin, Lý Văn Sán, Pào Thìn Chiến,

		Vi Văn Trường, Pảo Thìn Huy, Trương Văn Cường, thôn Hai Luồng
17	Km115+100 (PT)	DT 1.500 m2, Mã Văn Đại, thôn Hai Luồng
18	Km115+150 (TT) cạnh ĐT.184 Km25+400	DT 1.400 m2, Mã Văn Lùng, thôn Hai Luồng
19	Km116+900 (PT)	DT 4.800 m2, Lê Thanh Hải, Thèn Văn Tiện thôn Thủy Lâm
20	Km116+300 (PT)	DT 5.000 m2, Nguyễn Vưn Quốc thôn Thủy Lâm
21	Km121+900 (PT), giáp đường ĐT 184, km 27+650	DT 3.000 m2, Phùng Thị Uyên và Phạm Văn Vĩnh, thôn Trung Sơn
22	Km118+500 (PT)	DT 2.700 m2, sân văn hóa thể thao thôn Khuổi Khài UBND xã
23	Km121+800	DT 10.000 m2, Phạm Trung Thành, Hoàng Thị Ánh Dương thôn Ngọc Hà
24	Km121+800	DT 10.000 m2, Phạm Trung Thành thôn Ngọc Hà
25	Km122+550 (PT)	DT 4.500 m2, Lê Văn Minh thôn Ngọc Hà
26	Km122+550 (PT)	DT 7.000 m2, Nguyễn Văn Quyết, Phạm Thị Năm, Bùi Văn Hiển thôn Ngọc Hà
27	Km122+550 (PT)	DT 35.000 m2, Hoàng Văn Thống, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Xuân Mạnh, Phạm Thị Dung, Hoàng Thị Ánh Dương, Phạm Trung Thành, Sùng Chúa Dình, Nguyễn Văn Quế thôn Ngọc Hà
28	Km122	DT 10.000 m2, Nông Thế Hạnh, Nông Mạnh Tuấn, thôn Trung Sơn
29	Km122+825 (PT)	DT 46.000 m2, Nguyễn Văn Tiến, Phạm Văn Lâm thôn Ngọc Hà

30	Km122+825 (PT)	DT 46.000 m2, Phạm Văn Lâm thôn Ngọc Hà
31	Km122+900 (PT)	DT 6.000 m2, Lương Công Hòa, Hoàng Tiến Dũng, Tạ Thị Tuyến, Trần Thị Mai, Hoàng Trường Giang thôn Ngọc Hà
32	Km121+400, cạnh ĐT.184 Km28+400	DT 2.400 m2, Đặng Thị Tịnh, Trần Thị Hợi, thôn Trung Sơn
33	Km121+500, cách tim tuyến 320m	DT 14.000 m2, Đỗ Trọng Kim, thôn Trung Sơn
34	Km123+070 (PT)	DT 10.000 m2, Nguyễn Xuân Trường, Phạm Văn Thành thôn Ngọc Hà
35	Km123+050 (PT)	DT 1.900 m2, Bùi Thị Loan thôn Ngọc Hà
36	Km123+450 (PT)	DT 10.000 m2, Nguyễn Văn Nhiên, Phạm Thị Nhân thôn Ngọc Hà
37	Km123+450 (PT)	DT 10.000 m2, Phạm Thị Nhân thôn Ngọc Hà
38	Km123+850 (TT)	DT 2.500 m2, Chương Văn Long thôn Ngọc Hà
39	Km123+850 (TT)	DT 20.000 m2, Bùi Văn Thành, Bùi Đức Chính, Lương Văn Huy, Lương Văn Bích thôn Ngọc Hà
40	Km124+100 (TT)	DT 17.000 m2, Lê Văn Lợi thôn Ngọc Hà
41	Km125+600 (PT)	DT 6.900 m2, Lý Quang Phủ, Vàng Thị Nhì, Trương Văn Củi, Thảo Thị Mai, thôn Nậm Thanh
42	Km126+400 (PT)	DT 6.900 m2, Lý Văn Sỉnh, Lý Quang Duyên, Lý Quáng Chần, Lý Văn Dào, Trương Văn Củi, thôn Nậm Thanh
43	Km129+000 (PT)	DT 30.000 m2, UBND xã, Nhà Lâm Thanh, Đặng Thị Nga, Nguyễn Hồng

			Gấm, Đặng Văn Dùi, Đặng Văn Biền, thôn Lũng Loét
44	Km127+500 (PT)		DT 19.600 m2, Lý Văn Lòng, Đặng Văn hòn, Đặng Văn Trọng, Vi Thị Nguyệt, Đặng Văn Bền, Lục Thị Nga, Lý Văn Thắng, Đặng Văn Dền, Đặng Văn Thân, Đặng Văn Nhùi, Đặng Văn Phôn, Bàn Thị Gia, Đặng Thị Mừu, thôn Lũng Loét
45	Km126+350 (PT)		DT 6.000 m2, Đào Seo Thề, thôn Nậm Dầu
1046	Km120+000	Xã Vị Xuyên	DT 20.900 m2, Giàng Mí Lình, Trương Thị Vinh thôn Suối Đồng
47	Km120+000 (TT)		DT 2.000 m2, Phạm Văn Tâm thôn 11
48	Km120+200		DT 12.197 m2, Nông Đình Chẻ, Triệu Thị Hảo, Lê Quang Đạo thôn Vạt
49	Km120+600		DT 500 m2, Trịnh Thị Liên thôn Tổ 11
50	Km120+600		DT 4.000 m2, Lê Thị Độ thôn Suối Đồng
51	Km120+600		DT 6.000 m2, Lê Thị Hằng thôn Suối Đồng
52	Km120+600		DT 1.500 m2, Nguyễn Thị Oanh thôn Suối Đồng
53	Km120+600		DT 3.700 m2, Tạ Văn Hà thôn Suối Đồng
54	Km120+000		DT 3.500 m2, Toán Thị Hường thôn Suối Đồng
55	Km120+000		DT 1.000 m2, Nguyễn Thị Chiên, Lò Thị Ban, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Văn Hòa thôn Suối Đồng

56	Km120+000	DT 8.000 m2, Đặng Kim Ngân, Bùi Thị Điều, Trần Hữu Khánh, Nguyễn Văn Ước, Trần Văn Quân thôn Suối Đồng
57	Km120+000	DT 3.000 m2, Đặng Văn Quân thôn Suối Đồng
58	Km120+000	DT 900 m2, Phí Thị Duyên thôn Suối Đồng
59	Km120+000	DT 5.900 m2, Giàng Mí Phùa, Thào Thị Dí, Lưu Văn Hùng thôn Suối Đồng
60	Km120+000	DT 2.500 m2, Lê Văn Trung thôn Suối Đồng
61	Km120+000	DT 2.500 m2, Vương Đức Sinh thôn Suối Đồng
62	Km120+600	DT 146,9 m2, Nguyễn Anh Đức thôn Mý
63	Km120+600	DT 342,2 m2, Trương Thị Tuyết Nga thôn Mý
64	Km120+600	DT 154 m2, Trịnh Quốc Lập thôn Mý
65	Km120+600	DT 182,5 m2, Nguyễn Tiến Đô thôn Mý
66	Km120+600	DT 446,6 m2, Phạm Quang Tạo thôn Mý
67	Km120+600	DT 343,8 m2, Lưu Đình Mạnh thôn Mý
68	Km120+600	DT 161,6 m2, Trần Thị Huyền thôn Mý
69	Km120+600	DT 3.000 m2, Sân vận động của UBND xã Vị Xuyên

70	Km120+600		DT 227,4 m2, Lã Thị Hương Thuần thôn 1
71	Km120+600		DT 100.600 m2, Công ty Gạch Bát Tràng HG thôn Làng Khèn
72	Km120+600		DT 41.000 m2, Lùng Văn Trung, Phạm Thị Chanh, Tráng Thị Gồ, Tần Văn Hiến, Trần Thị Thủy, Đặng Văn Nguyên, Hoàng Đức Thuận, Trần Văn Hoan, Nguyễn Minh Bộ, Trần Văn Hải, Chu Văn Phà, Trần Văn Hoàn thôn Bình Vàng
73	Km120+600		DT 20.000 m2, Phùng Minh Thắng thôn Bản Bang
74	Km120+600		DT 10.160 m2, Bùi Xuân Công, Phạm Văn Toán, Phạm Thị Bé, Đặng văn Hồn thôn Bản Bang
75	Km120+600		DT 130.100 m2, Nguyễn Văn Minh, Hoàng Văn Đông, Nông Văn Thuyết, Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Văn Tiền B, Nguyễn Văn Huân, Hoàng Ngọc Hữu, Nguyễn Công Khanh thôn Làng Cúng
76	Km140+600	Xã Phú Linh	DT 55.000 m2, Nguyễn Văn Dự, Mám Văn Cắm, Nông Xuân Huy, Lý Văn Thắng, Nông Xuân Long thôn Bản Mường
77	Km140+600		DT 25.000 m2, Nguyễn Hùng Vương thôn Bản Mường
78	Km140+600		DT 7.500 m2, Đặng Thị Vui, Đặng Văn Đồng, Đặng Văn Chanh, Đặng Văn Thảy, Đặng Văn Dần thôn Bản Chăn
79	Km142+250		DT 2.500 m2, Dương Đức Trường, Triệu Bình Nguyên thôn Bản Lắp
80	Km142+900		DT 10.000 m2, Nông Văn Vân, Hứa Thị Phân, Hứ Văn Bình thôn Bản Lắp

81	Km145+500		DT 33.000 m2, Lê Việt Cường thôn Bản Lắp
82	Km136+700		DT 13.000 m2, La Thị Hương, Lý Văn hiệu, Lý Văn Gia, Lý Văn Thức, Phan Văn Chung, Lý Đức Hiển, Phan Văn Thành, Tô Văn Chuẩn, Tô Văn Kỳ, Lý Văn Chài thôn Bắc Ngàn
83	Km136+700		DT 7.000 m2, Trụ sở thôn, Hoàng Thị Bài, Phí Thị Hoa, Lý Hải Chuyền, Lý Văn Lập, Lý Văn Đoàn thôn Bản Mường
84	Km128+800		DT 17.000 m2, Lục Thị Tiên, Nguyễn Văn Trà thôn Bản Noong
85	Km145+800	Phường Hà Giang 1	DT 10.000 m2, UBND phường, TDP 04 - thôn Tha
86	Km145+800		DT 2.653,3 m2, UBND phường, TDP 31 – Hạ Thành cũ
87	Km154+000 (PT)		DT 9.000 m2, Nguyễn Văn Chuyền, Nguyễn Văn Được, phường Hà Giang 1
88	Km152+100 (PT)		DT 2.200 m2, Nguyễn Văn Trụ TDP 13-thôn Tha
89	Km157+200	Xã Thanh Thuỷ	DT 40.000 m2, Nguyễn Văn Dứng, Nguyễn Văn huy, Nguyễn Thị Lã, Nguyễn Văn Chỉnh, Nguyễn Văn Dưỡng, Nguyễn Văn Hiến, Nguyễn Văn Hạt, Nguyễn Văn Tân, Hà Văn Thắng, Hà Văn Sận, Hà Phúc Hiểu, Hà Văn Khỏe, Hoàng Thị Nga, Viên Nguyễn Sơn, Hà Minh Chính, Nguyễn Đại Dương thôn Thanh Sơn
90	Km159+850 (PT)		DT 50.000 m2, UBND xã, Nguyễn Văn Thống, Vi Văn Dú, Nguyễn Văn Lòng, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Xoáy, Hoàng Văn Tầm, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Thanh Nam, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thị Kiên,

			Nguyễn Văn Hợi, Nguyễn Thị Triệu, thôn Thanh Sơn
91	Km160+300 (TT)		DT 40.000 m2, UBND xã, Nguyễn Văn Xuân, Pa Thị Doàn, Nguyễn Văn Nguynh, Nguyễn Thị Thỏa, Nguyễn Văn Thỏn thôn Thanh Sơn
92	Km160+900		DT 18.000 m2, UBND xã quản lý, thôn Thanh Sơn
93	Km161+500 (PT)		DT 11.000 m2, UBND xã, Nguyễn Văn Long, Mùng Văn Ban, Pa văn Đoàn thôn Thanh Sơn

1.2.4.3. Thi công các hạng mục công trình

1.2.4.3.1. Thi công phần đường

a. Bình diện tuyến

+ Đoạn 1_Km104+295 – Km123+400 (L=19.11km): Điểm đầu đoạn tại Km104+295 thuộc xã Tân Quang (điểm cuối cao tốc Giai đoạn 1 đang được thi công dự kiến hoàn thiện trong năm 2025). Điểm cuối đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Đoạn tuyến có chiều dài 19,10km đi qua địa phận các xã Tân Quang (8,66km), Linh Hồ (8,50km), xã Vị Xuyên (1,95km).

+ Đoạn 2_Km123+400 – Km138+100 (L=14,70km): Điểm đầu đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Điểm cuối tại Km138+100 thuộc xã Phú Linh. Hướng tuyến men theo sườn núi Bình Vàng để tránh KCN Bình Vàng. Tuyến có chiều dài 14,7km đi qua xã Linh Hồ (6.76km), xã Vị Xuyên (6.19km), xã Phú Linh (1,75km);

+ Đoạn 3_Km138+100 – Km144+900 (L=6,80km): Đoạn tuyến nằm trong địa phận xã Phú Linh có chiều dài 6,80km. Đặc điểm địa hình khu vực đoạn tuyến đi vào dải thung lũng, qua các khu vực bằng phẳng và đồi thấp. Việc lựa chọn các phương án tuyến này là phù hợp với đặc điểm địa hình khu vực.

+ Đoạn 4_Km144+900 – Km153+850 (L=8,95km): Điểm đầu đoạn tại Km144+900 thuộc xã Phú Linh (điểm trước khi vượt sông Lô vào phường Hà Giang 1). Điểm cuối tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Hướng tuyến theo tim trục đường đôi hiện tại với giải pháp bố trí cầu cạn trên hệ trụ 1 cột tại dải phân cách đường đôi. Tuyến đi qua xã Phú Linh (0,60km), phường Hà Giang 1 (7,90km) và xã Thanh Thủy (0,47km)

+ Đoạn 5_Km153+850 – Km162+164 (L=8,31km): Điểm đầu đoạn tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Điểm cuối đoạn (cuối cao tốc) tại Km162+164 thuộc xã Thanh Thuỷ tại nút giao với QL2 thuộc quy hoạch chung khu kinh tế cửa

khẩu Thanh Thuỷ. Đoạn tuyến có chiều dài 8,31km đi qua địa phận các xã Thanh Thuỷ

b. Kết quả thiết kế bình diện tuyến

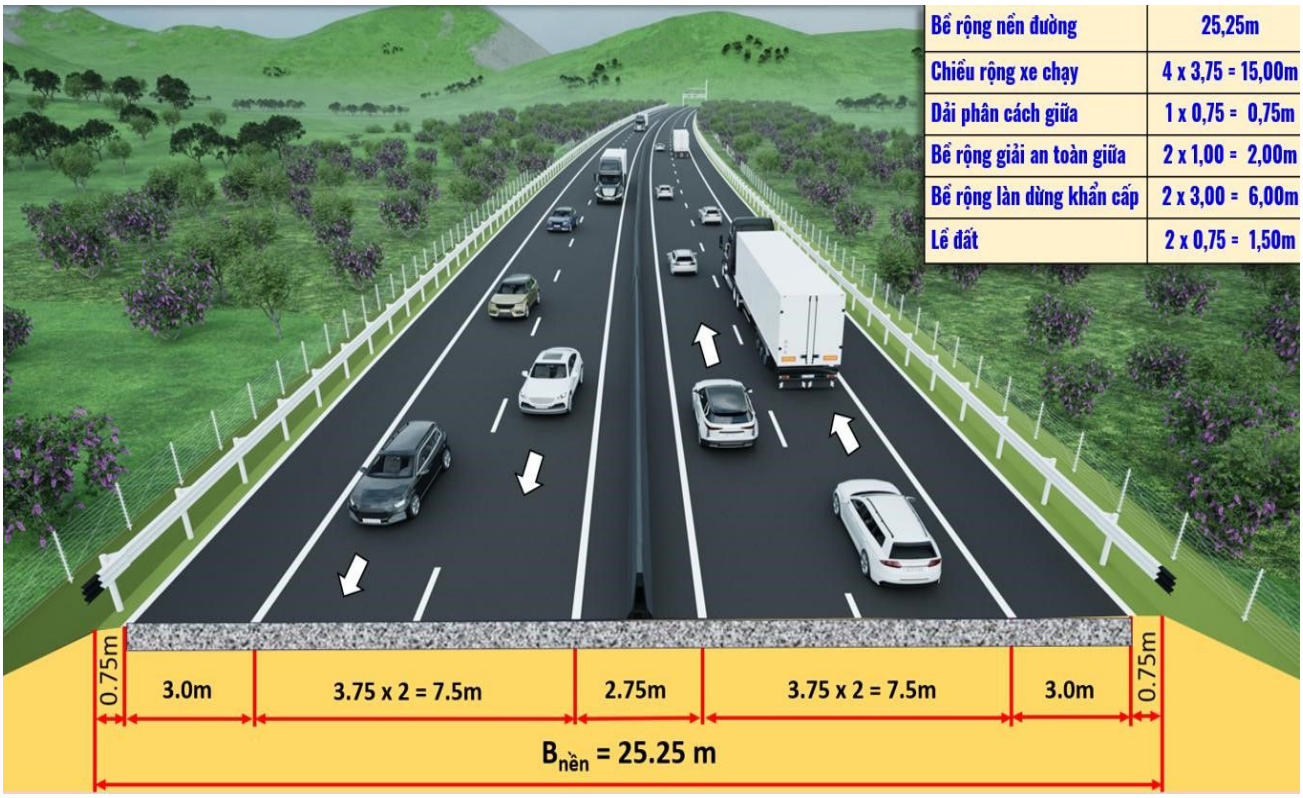
Kết quả thiết kế bình diện tuyến như bảng sau, tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế bình diện tuyến của dự án đáp ứng tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 100 theo TCVN 5729:2012 "Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế"

Bảng 1. 4. Kết quả thiết kế bình diện tuyến chính Km104+295-Km162+164

TT	Bán kính cong (m)	Số đường cong (m)	Tỷ lệ (%)
1	450 <= R < 650	0	00,00%
2	650 <= R < 2000	19	54,29%
3	2000 <= R < 4000	10	28,57%
4	R >= 4000	6	17,14%
	Tổng	**35**	**100.00%**

c. Mặt cắt ngang đường

Để đảm bảo phù hợp với lưu lượng xe dự báo và đảm bảo quy hoạch của dự án, quy mô mặt cắt ngang cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2) được đề xuất như sau: Bề rộng mặt cắt ngang đảm bảo 04 làn xe hoàn chỉnh, B=25,25m (phần xe chạy 4x3,75=15,0m; dải phân cách giữa và an toàn trong 0,75+2x1,0=2,75m; dải an toàn ngoài 2x3,0=6,0m; lề đất 2x0,75m=1,5m).



Hình 1. 4. Quy mô mặt cắt ngang nền đường

Bảng 1. 5. Quy mô mặt cắt ngang đường Bnền =25,25m

Chi tiết mặt cắt ngang quy mô $B_{nền}$=25,25m		
Nội dung	**Ký hiệu**	**Giá trị**
Bề rộng nền đường	Bnền	**25,25m**
Bề rộng mặt đường gồm 4 làn xe cơ giới	B_{xc}	4 x 3,75 = 15,0m
Bề rộng dải phân cách giữa	B_{pc}	1 x 0,75 = 0,50m
Bề rộng dải an toàn giữa	Batt	2 x 1,00 = 2,00m
Bề rộng làn dừng khẩn cấp	B_{kc}	2 x 3,00 = 6,00m
Bề rộng lề đất	$B_{lề}$	2 x 0,75 = 1,50m

d. Kết cấu mặt đường

- Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bằng bê tông nhựa chặt rải

nóng (có sử dụng phụ gia tăng khả năng kháng hằn lún SBS) trên các lớp móng đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc≥180MPa;

Kết cấu áo đường thông thường: Kết cấu áo đường là mặt đường BTN cấp cao A1, Eyc≥180MPa, tải trọng trục thiết kế P=10T, thứ tự từ trên xuống như sau:

+ BTN tạo nhám, dày 3cm

+ BTNCP Polime 16.0, dày 5cm

+ BTNC 19, dày 7cm;

+ CPĐC gia cố nhựa nóng 25, dày 10cm;

+ CPĐD loại 1, dày 60cm;

+ Trên lớp nền K98 dày 30cm (trên nền đắp hoặc xáo xới) với E0≥45Mpa.

Kết cấu áo đường làn dừng xe khẩn cấp:

+ BTN Polime 16 dày: 5cm;

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 70cm;

+ Trên lớp nền K98 dày 30cm (trên nền đắp hoặc xáo xới) với E0≥45Mpa.

- Kết cấu mặt đường đường gom: Hệ thống đường gom dân sinh khu vực không ngập nước được thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, kết cấu áo đường như sau:

+ Láng nhựa 02 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m2 dày 2,5cm;

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 30cm

Kết cấu mặt đường đường gom (KC-4): Hệ thống đường gom dân sinh khu vực ngập nước hoặc đường hiện trạng là mặt đường BTXM được thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, kết cấu áo đường như sau:

+ Bê tông xi măng C20 dày 18cm;

+ Lớp lót giấy dầu ngăn cách;

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm.

Phạm vi áp dụng: Toàn bộ các đường gom,đường hoàn trả dân sinh

Kết cấu mặt đường công vụ: sử dụng cấp phối đá dăm dày 15cm

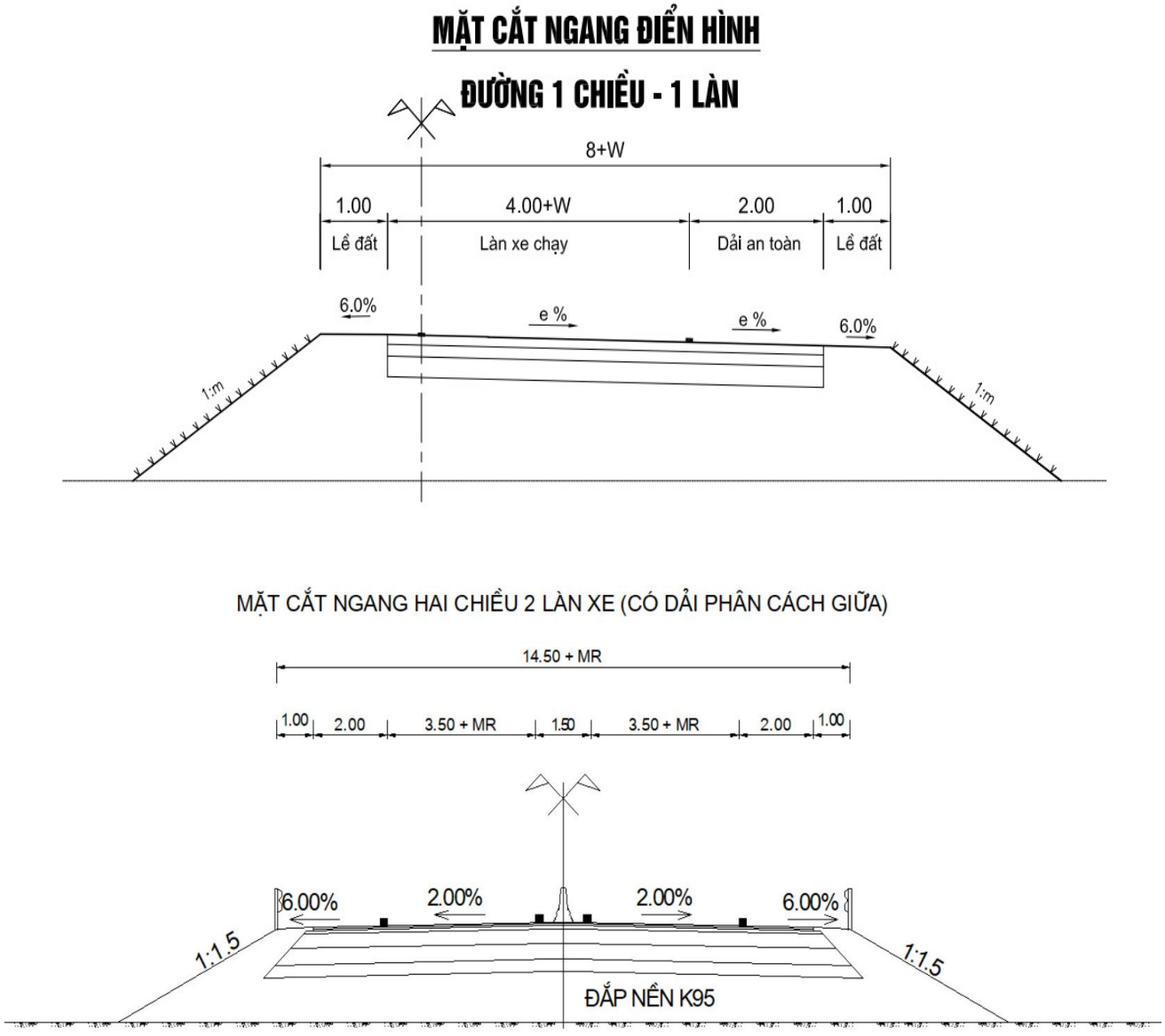
1.2.4.3.2. Nút giao

Mặt cắt ngang của các đường nhánh phải được bố trí theo quy định tại Điểm 6.14 - TCVN 5729-2012 như sau:

+ Chiều rộng mặt đường của nhánh một chiều trên đoạn thẳng tối thiểu là 4,0m, hai chiều tối thiểu là 7,0m; tại các đoạn cong phải mở rộng thêm quy định. Nếu hướng xe ra vào nhiều thì chiều rộng mặt đường được tính theo số làn xe cần thiết như đối với đường ô tô thông thường được hướng dẫn tại Mục 4.2 TCVN 4054:2005.

+ Mặt cắt ngang nhánh một chiều gồm: mặt đường, một dải an toàn rộng 2,0m về phía phải và 1,0m lề trồng cỏ cho cả hai phía.

+ Mặt cắt ngang đoạn đường nhánh hai chiều gồm: mặt đường, mỗi bên một dải an toàn rộng 2,0m và lề cỏ 1,0m cho cả hai phía.



Hình 1. 5. Mặt cắt ngang nhánh nút giao

Vị trí các cút giao

Stt	Tên nút	Lý trình	Loại	Kiểu dáng	Kết nối

1	**Tân Quang**	Km104 + 295	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối với QL2 đi huyện Bắc Quang cũ và cụm công nghiệp Tân Quang; xã Đồng Tâm; - Kết nối với QL2 và QL279 đi huyện Quang Bình cũ, cao tốc Nội Bài - Lào Cai; - Kết nối ĐT177 đi cửa khẩu Xín Mần, khu di tích quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, khu du lịch Chiêu Lầu Thi thuộc xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì cũ (Đỉnh núi cao 2.402m này có tên gọi theo tiếng địa phương nghĩa là "chín tầng thang", được tạo thành từ những bậc đá cổ, mang đến khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ và hệ thực vật phong phú, là một điểm đến núi cao nổi tiếng, thu hút du khách yêu thích khám phá và "săn mây").
2	**Vị Xuyên**	Km128 + 067	Nút liên thông	Dạng kim cương	- Kết nối đường tỉnh 184, đi Khu Công Nghiệp Bình Vàng; di tích khảo cổ lịch sử quốc gia Chùa Nậm Dầu; Du lịch sinh thái Hồ noong; xã Linh Hồ; - Kết nối QL2 đi trung tâm xã Vị Xuyên (thị trấn Vị Xuyên cũ) khoảng 2,5km, Di tích văn hóa tâm linh Chùa Bình Lâm, Đền đôi cố cầu má, chùa Sùng Khánh; Nghĩa trang Quốc gia Vị Xuyên khoảng 4,7km, khu du lịch suối khoáng Quảng Ngân, Logistics cho các sản phẩm nông sản địa phương như Cam sành, chè cổ thụ San Tuyết ở Thượng Sơn, Cao Bồ; - Kết nối QL2C kéo dài và ĐT.184 đi Hồ thủy điện Na Hang.

3	**Hà Giang**	Km144 + 236	Nút liên thông	Dạng loa kèn	- Kết nối Phường Hà Giang 1, Hà Giang 2; Xã Phú Linh; Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tại Phường Hà Giang 1 (xã Phương độ cũ) và Phường Hà Giang 2 (xã Phong Quang cũ), Trang trại bò sữa TH ở Phong Quang, các làng du lịch cộng đồng, làng du lịch Phương Thiện, làng du lịch thôn Hạ Thành, thôn Tha… - Kết nối QL34 đi Cao Bằng, Di tích lịch sử Quốc gia Căng Bắc Mê; Kết nối QL4C đi khu du lịch Cao nguyên đá địa chất toàn cầu Đồng Văn, cột cờ Lũng Cú.
4	**Thanh Thủy**	Km162 + 164	Nút giao bằng	Dạng xuyến	- Kết nối Khu Kinh tế Thanh Thủy xã Thanh Thủy; Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Thiên Bảo (Trung Quốc) đi Châu Vân Sơn; Kết nối với các khu du lịch cộng đồng; khu du lịch cộng đồng.

a. Nút giao Tân Quang

Nút giao Tân Quang (IC01) tại Km104+295 (trùng điểm cuối cao tốc giai đoạn 1) thuộc xã Tân Quang. Nút giao liên thông được thiết kế dạng nút giao loa kèn khá phổ biến trên các đường cao tốc. Phương án tổ chức giao thông mạch lạc cho xe ra vào cao tốc từ các hướng khác nhau. Từ nút giao kết nối với QL2 đi huyện Bắc Quang cũ và cụm công nghiệp Tân Quang; xã Đồng Tâm; Kết nối với QL2 và QL279 đi huyện Quang Bình cũ, cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Kết nối ĐT177 đi cửa khẩu Xín Mần, khu di tích quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, khu du lịch Chiêu Lầu Thi thuộc xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì cũ (Đỉnh núi cao 2.402m này có tên gọi theo tiếng địa phương nghĩa là "chín tầng thang", được tạo thành từ những bậc đá cổ, mang đến khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ và hệ thực vật phong phú, là một điểm đến núi cao nổi tiếng, thu hút du khách yêu.



Hình 1. 6. Mặt bằng nút giao Tân Quang

b. Nút giao vị xuyên:

Nút giao Vị Xuyên (IC02) tại Km128+067 thuộc xã Linh Hồ. Nút giao liên thông được thiết kế dạng nút giao kim cương khá phổ biến trên các đường cao tốc. Phương án tổ chức giao thông mạch lạc cho xe ra vào cao tốc từ các hướng khác nhau. Từ nút giao kết nối đường tỉnh 184, đi Khu Công Nghiệp Bình Vàng; di tích khảo cố lịch sử quốc gia Chùa Nậm Dầu; Du lịch sinh thái Hồ noong; xã Linh Hồ; Kết nối QL2 đi trung tâm xã Vị Xuyên (thị trấn Vị Xuyên cũ) khoảng 2,5km, Di tích văn hóa tâm linh Chùa Bình Lâm, Đền đôi cố cầu má, chùa Sùng Khánh; Nghĩa trang Quốc gia Vị Xuyên khoảng 4,7km, khu du lịch suối khoáng Quảng Ngân, Logictich cho các sản phẩm nông sản địa phương như Cam sành, chè cổ thụ San Tuyết ở Thượng Sơn, Cao Bồ; Kết nối QL2C kéo dài và ĐT.184 đi Hồ thủy điện Na Hang.



Hình 1. 7. Mặt bằng nút giao Vị Xuyên

c. Nút giao Hà Giang

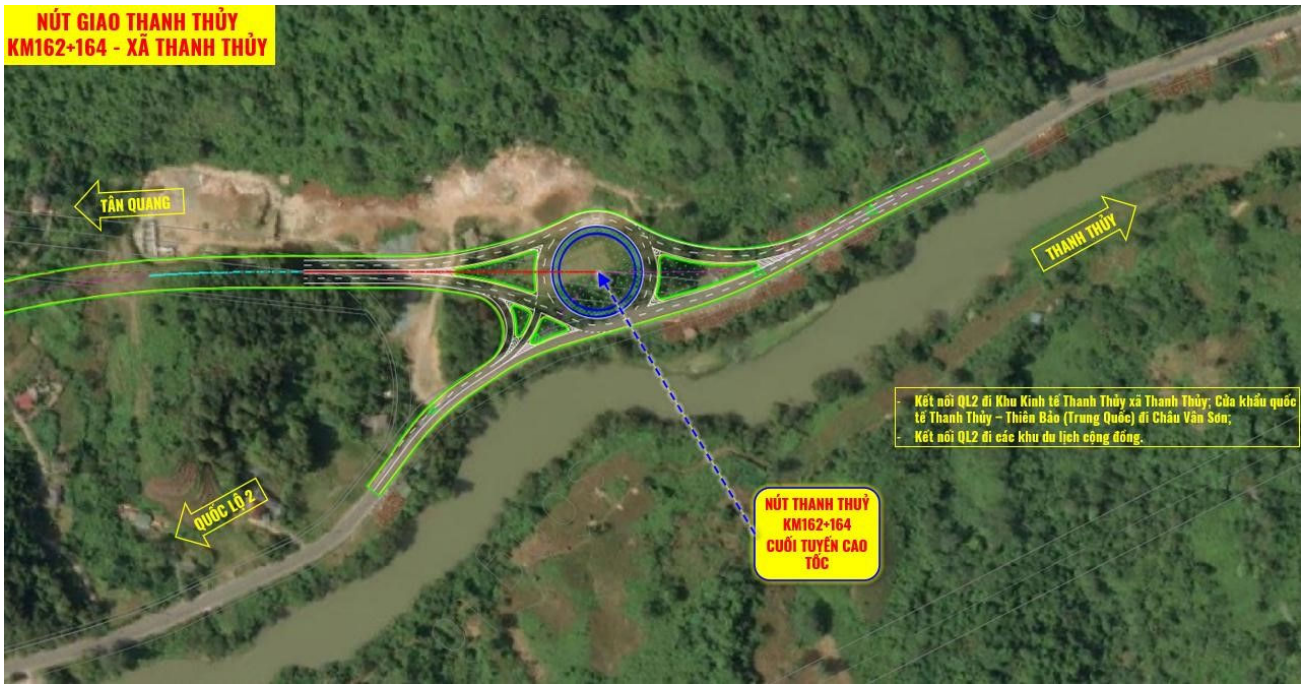
Nút giao Hà Giang (IC03) tại Km144+236 thuộc xã Phú Linh. Nút giao liên thông được thiết kế dạng nút giao loa kèn khá phổ biến trên các đường cao tốc. Phương án tổ chức giao thông mạch lạc cho xe ra vào cao tốc từ các hướng khác nhau. Từ nút giao kết nối phường Hà Giang 1, Hà Giang 2; Xã Phú Linh; Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tại Phường Hà Giang 1 (xã Phương độ cũ) và Phường Hà Giang 2 (xã Phong Quang cũ), Trang trại bò sữa TH ở Phong Quang, các làng du lịch cộng đồng, làng du lịch Phương Thiện, làng du lịch thôn Hạ Thành, thôn Tha… Kết nối QL34 đi Cao Bằng, Di tích lịch sử Quốc gia Căng Bắc Mê; Kết nối QL4C đi khu du lịch Cao nguyên đá địa chất toàn cầu Đồng Văn, cột cờ Lũng Cú.



Hình 1. 8. Mặt bằng nút giao Hà Giang

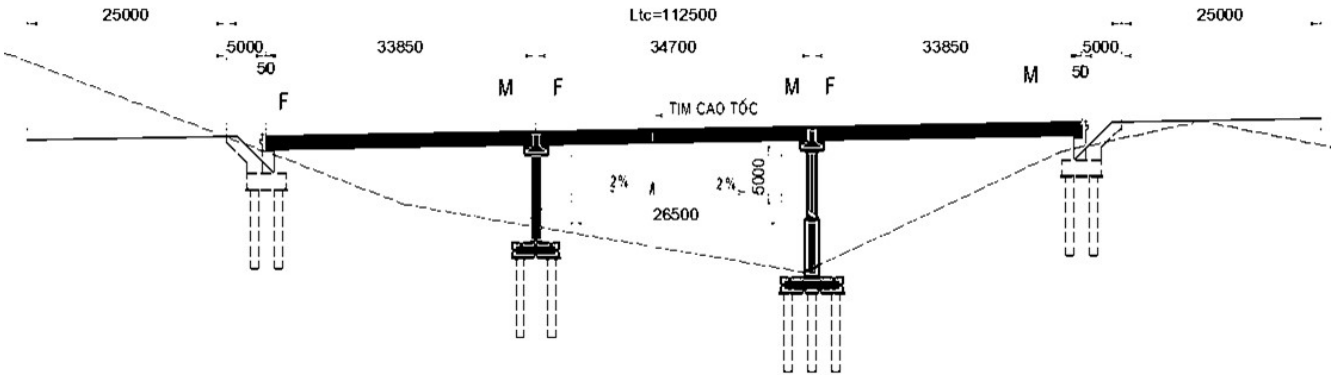
d. Nút giao Thanh Thủy

Nút giao Thanh Thuỷ (IC04) tại Km162+164 (nút giao cuối tuyến cao tốc) thuộc xã Thanh Thuỷ. Nút giao bằng được thiết kế dạng nút giao đảo xuyến. Phương án tổ chức giao thông mạch lạc cho xe ra vào cao tốc từ các hướng khác nhau. Từ nút giao Kết nối Khu Kinh tế Thanh Thủy; xã Thanh Thủy; Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Thiên Bảo (Trung Quốc) đi Châu Vân Sơn.

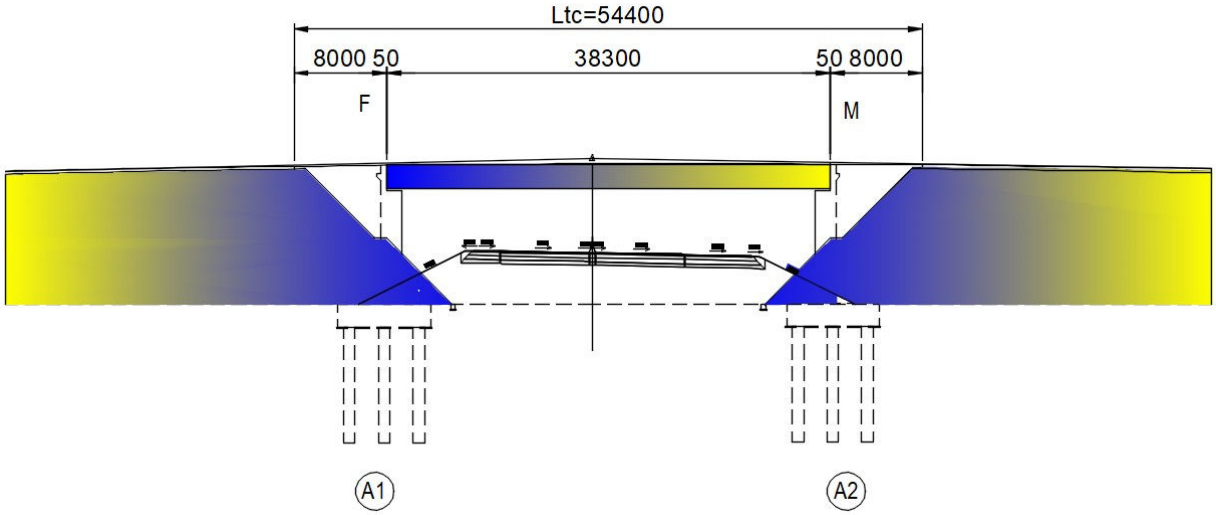


Hình 1. 9. Mặt bằng nút giao Thanh Thuỷ

1.2.4.3.3. Công trình cầu
a. Cầu vượt ngang



Hình 1. 10. Cầu vượt ngang trên nền đường đắp cao



Hình 1. 11. Cầu vượt ngang trên nền đường đào

+ Căn cứ vào quy mô hiện hữu các công trình cụ thể như sau: Đối với đường cao tốc quy mô đường giai đoạn hoàn thiện B=17m; Chiều cao đắp tại mố hạn chế trong khoảng H<=12m.

+ Từ yêu cầu trên chiều dài nhịp yêu cầu vượt tối thiểu 24,0m. Ngoài ra để đẩy nhanh tiến độ và giảm chi phí xây lắp. Tư vấn thiết kế kiến nghị sử dụng nhịp dầm đúc sẵn tại công trường và tiến hành lao lắp. Để đảm bảo tính mỹ quan với giao thông dưới cầu và khả năng thi công Tư vấn kiến nghị sử dụng kết cầu nhịp dầm Super-T.

+ Đối với các cầu chéo lớn và cầu trong nút giao có nghiên cứu thêm các phương án mở rộng xà mũ trụ để kéo dài chiều dài nhịp.

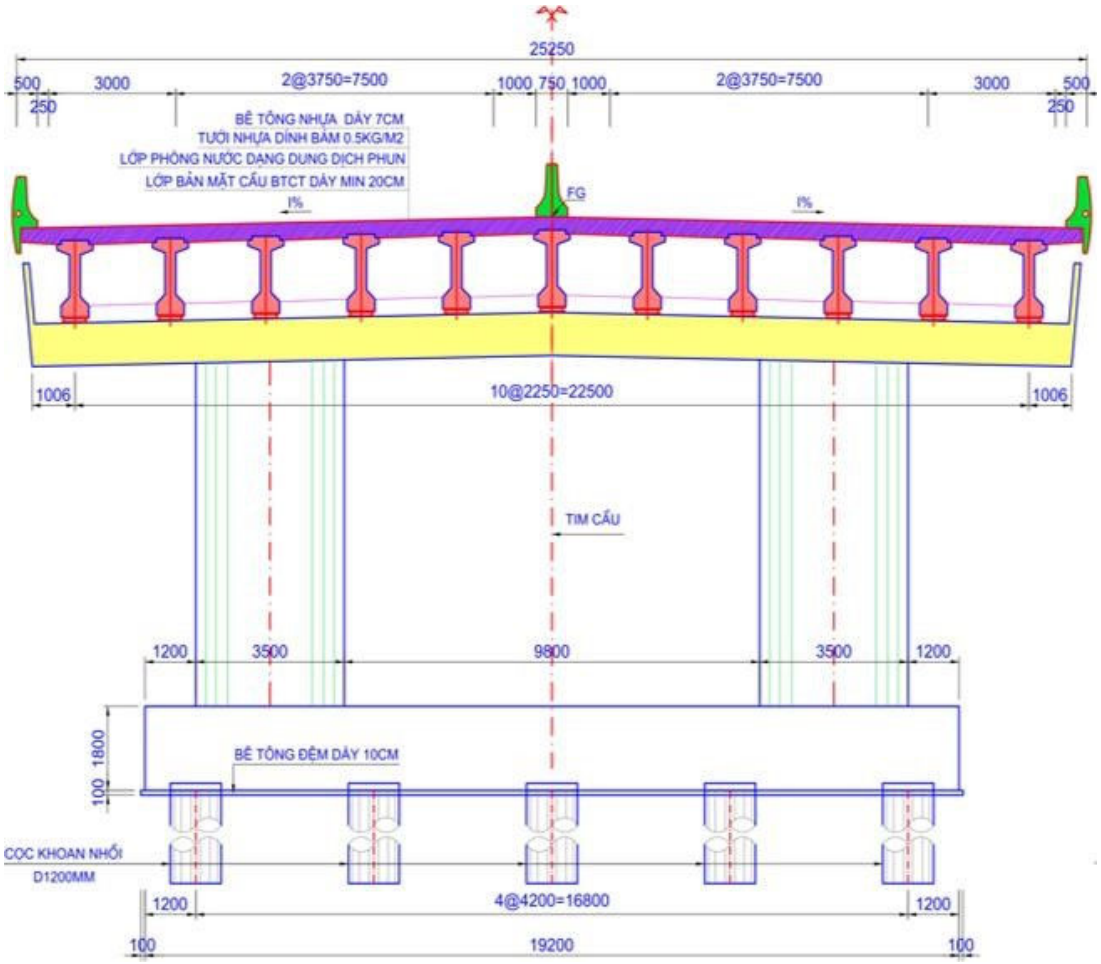
b. Các vị trí thi công cầu

Stt	Lý trình	Chiều dài (m)	Sơ đồ nhịp	Loại dầm	Ghi chú
1	Km104+300.00	45.1	1x33	I33m	Cầu nút giao Tân Quang
2	Km116+903.10	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
3	Km119+282.14	78.2	2x33	I33m	Cầu vượt suối
4	Km120+559.02	45.1	1x33	I33m	Cầu vượt TL
5	Km125+368.24	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt suối
6	Km126+910.00	410.4	39.1+8x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
7	Km128+025.00	170.4	39.1+2x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt nút giao Vị Xuyên (cầu vượt qua cao tốc)
8	Km130+096.59	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
9	Km130+386.62	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
10	Km131+898.68	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
11	Km132+300.01	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
12	Km132+700.73	50.3	1x38.2	Super T 38.2m	Cầu cạn
13	Km132+850.98	130.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
14	Km134+796.65	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
15	Km135+404.89	438.4	33.1+9x40+33.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
16	Km136+553.80	111.2	3x33	I33m	Cầu vượt TL
17	Km137+123.70	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
18	Km137+467.76	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
19	Km137+756.98	118.4	33.1+40+33.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối

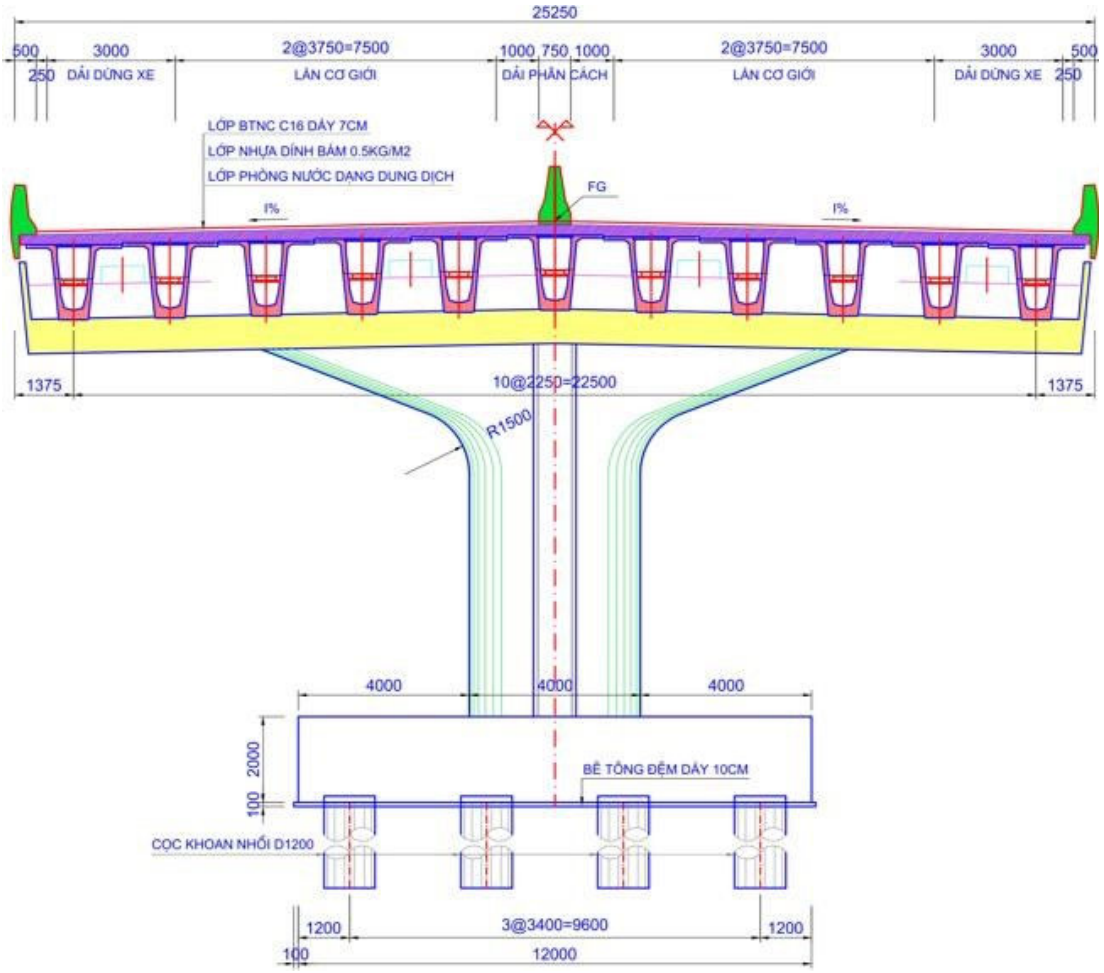
20	Km138+382.26	90.4	2x39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
21	Km138+847.04	144.3	4x33	I33m	Cầu cạn
22	Km144+225.68	290.4	39.1+5x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu nút giao
23	Km145+562.38	207.2	39.1+2x40	Super T 38.2m	Cầu vượt sông Lô
24	Km145+786.98	240.0	5x40	Super T 38.2m	Cầu vượt quốc lộ 2
25	Km146+040.00	4,087.2	101x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn đường đôi TP. Hà Giang cũ, bao gồm cầu dẫn lên và cầu dẫn xuống nối ra vào cao tốc tại Km149+300
26	Km150+500.00	111.2	3x33	I33m	Cầu cạn
27	Km151+547.63	134.4	39.1+40+39.1	Super T 38.2m	Cầu vượt suối
28	Km157+370.50	570.4	39.1+12x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
29	Km159+343.67	450.4	39.1+9x40+39.1	Super T 38.2m	Cầu cạn
30	Km161+131.72	78.2	2x33	I33m	Cầu cạn
	Tổng	**8,804.5**			

c. Mặt cắt ngang

Bề rộng mặt cắt ngang cầu phù hợp với phần tuyến, B=25,25m (phần xe chạy 4x3,75=15,0m; dải phân cách giữa và an toàn trong 0,75+2x1,0=2,75m; dải an toàn ngoài 2x3,0=6,0m; lan can cầu 2x0,75m=1,5m).



Hình 1. 12. Mặt cắt ngang cầu đoạn thông thường



Hình 1. 13. Mặt cắt ngang cầu cạn tuyến đường đôi

Bảng 1. 6. Quy mô mặt cắt ngang cầu Bcầu =25,25m

Nội dung	Giá trị
Bề rộng phần xe chạy	4 x 3,75 = 15,0m
Bề rộng dải phân cách giữa	1 x 0,75 = 0,50m
Bề rộng dải an toàn ngoài	2 x 1,00 = 2,00m
Bề rộng dải an toàn trong	2 x 3,00 = 6,00m
Bề rộng gờ lan can	2 x 0,75 = 1,50m
Tổng bề rộng	**25,25m**

1.2.4.3.4. Hệ thống thoát nước

a. Thoát nước mặt

Trên tuyến nước mặt được tập trung về các vị trí cống ngang, cửa xả qua hệ thống rãnh dọc tuyến, rãnh hộ đạo, rãnh đỉnh, các vị trí dốc nước và xả về các vị trí cửa xả.

Rãnh dọc được bố trí trên các đoạn nền đường đào, nền đường đắp thấp <0,6m và trên giải phân cách giữa đoạn đường đầu cửa hầm. Mặt cắt rãnh là hình thang có đáy rộng B=0.4m, taluy 1:1, chiều cao trung bình H=0.4m để dẫn nước mưa về các vị trí cửa xả.

b. Thoát nước ngang:

Cống thoát nước lưu vực và cống cấu tạo bố trí trên cơ sở tính toán thuỷ văn, thuỷ lực đảm bảo đủ khẩu độ thoát nước, không làm ảnh hưởng đến điều kiện thuỷ văn khu vực tuyến đi qua.

Cống thuỷ lợi: các vị trí tuyến cắt qua hệ thống kênh thuỷ lợi, tiến hành làm việc với các cơ quan quản lý thuỷ nông thống nhất khẩu độ, vị trí và cao độ thiết kế. Các vị trí cần cải nắn, thiết kế hoàn trả đảm bảo đủ khẩu độ, cao độ thoát nước.

Khẩu độ cống tròn ngang đường tối thiểu 1,25m, khẩu độ cống hộp tối thiểu (1,5x1,5)m. Các cống không thiết kế chéo quá 45o. Cao độ đặt cống thủy lợi tối thiểu thấp hơn đáy mương hiện tại là 20cm.

Giải pháp thiết kế:

+ Đối với phía taluy giai đoạn hoàn chỉnh: Tường đầu, tường cánh và sân cống được xây dựng hoàn thiện với kích thước theo thiết kế.

+ Đối với phía taluy mở rộng: Trường hợp thượng lưu cống: Tường đầu, tường cánh và sân cống xây dựng hoàn thiện theo thiết kế để đảm bảo ổn định trong quá trình khai thác, đón nước, tránh gây hư hỏng đầu cống và xói lở mái taluy đường; Trường hợp hạ lưu cống: Tường đầu, tường cánh và sân cống xây dựng để bảo vệ ống cống, nhưng kích thước được xây dựng đơn giản tiết kiệm vật liệu và phù hợp với việc nối dài cống cho giai đoạn hoàn thiện. Chi tiết thể hiện trong hồ sơ bản vẽ.

1.2.4.3.5. Các công trình phụ trợ

a. Trạm dừng nghỉ:

Trong phạm vi dự án chỉ hoạch định vị trí và xác định quy mô tổng mặt bằng bảo đảm các chức năng cơ bản như bãi đỗ xe, khu vệ sinh, cung cấp nhiên liệu, khu dịch vụ, khu thương mại và giới thiệu sản phẩm, đường kết nối với cao tốc... Phần xây dựng và kinh doanh trạm dừng nghỉ sẽ do Nhà đầu tư BOT đầu tư sẽ hạch toán kinh doanh riêng. Hệ thống các trạm dừng nghỉ được đầu tư đảm bảo đồng bộ khi đưa tuyến cao tốc vào khai thác.

Vị trí thiết kế cụm trạm dừng nghỉ tại Km120+000 (1 trạm bên phải và 1 trạm bên trái) với quy mô trạm phục vụ lớn là hợp lý về điều kiện địa hình và mạng lưới giao thông khu vực kết nối với trạm dừng nghỉ. Cụm trạm dừng nghỉ này không chỉ là

công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ, để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông, mà là nhân tố cho phát triển mạnh các dich vụ thương mai khác như: Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm của địa phương; trung tâm giới thiệu sản phẩm du lịch; văn phòng chỉ dẫn du lịch; chỉ dẫn trung chuyển; khách sạn; trung tâm logistics... Ngoài ra trạm dừng nghỉ ở vị trí này có thể cho phép phương tiện giao thông ra vào cao tốc và kết nối với QL2C và QL2.



Hình 1. 14. Vị trí trạm dừng nghỉ Km120 bên trái và bên phải

b. Hệ thống ÍTS

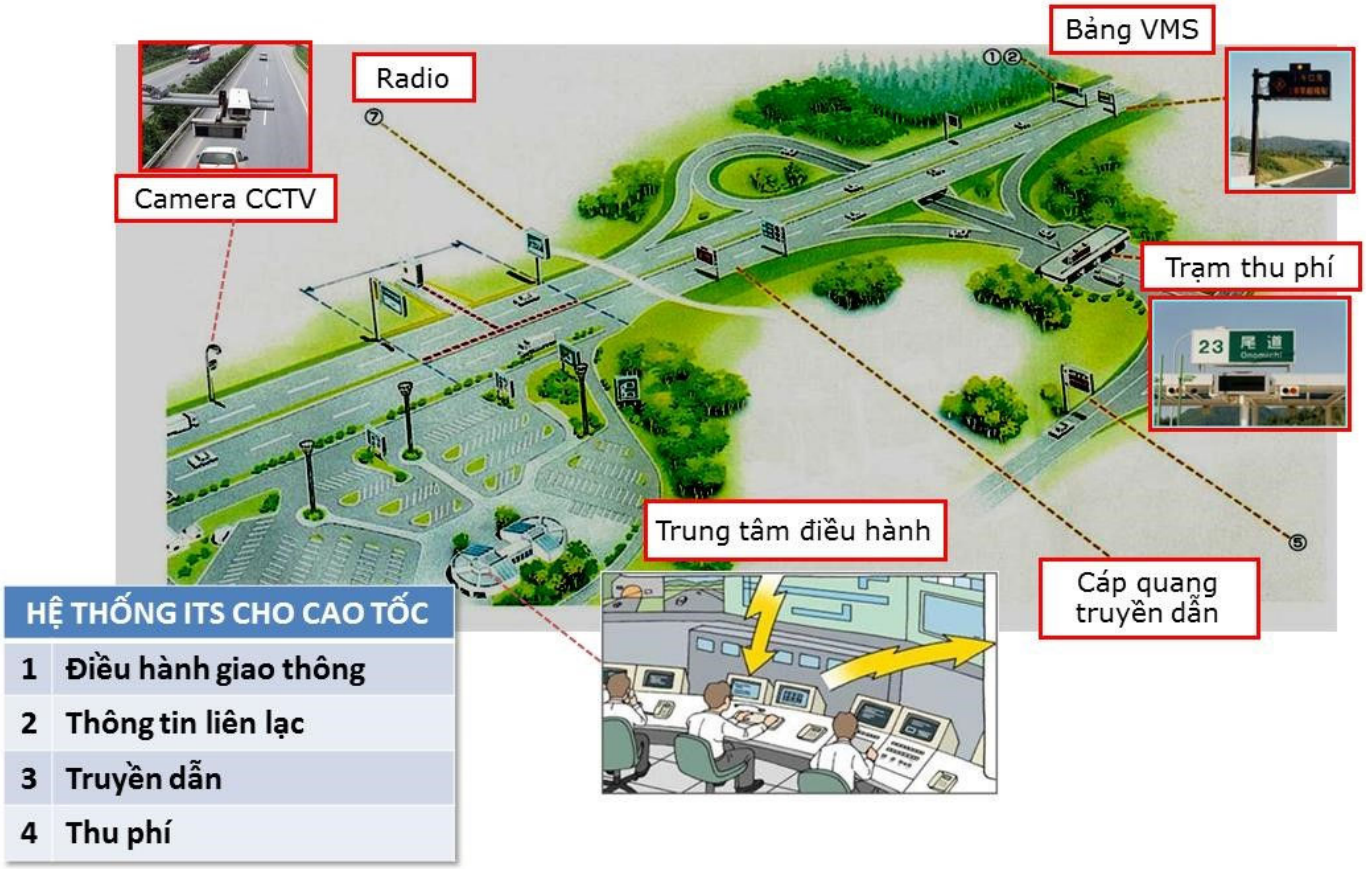
Cấu hình tổng thể của hệ thống ITS đường bộ cao tốc bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống cơ bản như sau:

+ Hệ thống quản lý giao thông: Hệ thống thu nhập dữ liệu, Hệ thống cung cấp thông tin giao thông; Hệ thống Trung tâm quản lý điều hành giao thông;

+ Hệ thống thông tin liên lạc;

+ Hệ thống truyền dẫn;

Hệ thống thu phí dịch vụ.



Hình 1. 15. Mô hình tổng thể bố trí các hệ thống ITS trên tuyến đường bộ cao tốc

Hệ thống ITS được xây dựng là một hệ thống quản lý và kiểm soát giao thông toàn diện cho tuyến đường đường bộ cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang. Các hệ thống chức năng, bao gồm nhưng không giới hạn với các hệ thống thành phần sau đây:

(1) Hệ thống Camera giám sát (CCTV);

(2) Hệ thống phát hiện xe (VDS);

(3) Hệ thống biển báo thông tin thay đổi (VMS):

(4) Hệ thống thông tin liên lạc (tổng đài nội bộ, SOS);

(5) Hệ thống truyền dẫn kỹ thuật số (DTS);

(6) Hệ thống cấp nguồn;

(7) Trung tâm quản lý điều hành giao thông (TMC)

c. Hệ thống gia cố phòng hộ và an toàn giao thông

- Các giải pháp công trình gia cố phòng hộ chủ yếu sau:

+ Trồng cỏ bảo vệ mái ta luy nền đường (cả mái đào và mái đắp) kết hợp với các loại cây khác phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng khu vực nhằm bảo vệ mái

ta luy kết hợp với tạo cảnh quan môi trường thân thiện.

+ Kè chống xói dạng đá hộc hoặc kè bê tông.

+ Ốp mái bằng đá xây hoặc tấm bê tông lắp ghép nhằm bảo vệ bề mặt.

+ Khung bê tông bảo vệ bề mặt kết hợp với trồng cỏ gia cố mái ta luy nền đắp.

+ Neo trong đất đảm bảo ổn định nền đường và mái taluy trong quá trình khai thác không bị sạt lở.

+ Phạm vi dự án, đề xuất đối với các đoạn taluy dương (nền đường đào sâu ≥ 12m) tiến

hành gia cố mái taluy bằng khung bê tông, đây là giải pháp thông dụng đã áp dụng nhiều dự án mang lại ổn định trong quá trình khai thác, cụ thể như sau:

+ Đối với taluy âm tại các vị trí đi qua khu vực ao, hồ, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi mực nước thường xuyên, đề xuất gia cố mái taluy bằng đá hộc xây. Phạm vi gia cố taluy âm từ chân taluy đến chiều cao mực nước ngập thường xuyên cộng 50cm và toàn bộ phạm vi mái taluy đoạn đường đầu cầu qua sông suối. Trong bước TKCS, những đoạn nền đường đắp qua khu vực ruộng được gia cố với chiều cao trung bình khoảng 0,8m từ mặt tự nhiên trở lên, trong các bước thiết kế tiếp theo, khi có đầy đủ các số liệu khảo sát mực nước sẽ tiến hành thiết kế chi tiết phạm vi gia cố cho từng đoạn.

- Hệ thống lan can phòng hộ: Bố trí lan can phòng hộ trên toàn tuyến đường cao tốc.

Rào chắn: Bố trí giữa đường gom và đường cao tốc đối với đoạn có đường gom và bố trí trùng ranh giới GPMB đối với đoạn không có đường gom. Rào chắn dạng hàng rào B40 hoặc hàng rào dây thép gai; ưu tiên bố trí hàng rào B40 tại các khu vực qua khu dân cư; hàng rào dây thép gai tại các khu vực còn lại.

Chiếu sáng: Đèn chiếu sáng chỉ bố trí tại các vị trí nút giao, hầm trên tuyến. Chiếu sáng trên tuyến chính dùng cột đèn 12m lắp 2 bóng Sodium 250W, tại các nút giao dùng cột 8m lắp 1 bóng Sodium 250W (bố trí một bên). Trong hầm dùng các bộ đèn chiếu sáng hầm bố trí đối xứng 2 bên. Nguồn cấp điện cho chiếu sáng nút giao và hầm được lấy từ các trạm biến áp xây dựng mới.

1.2.5. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án

1.2.5.1. Giai đoạn thi công

- Công trình, biện pháp giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải:

+ Xung quanh vị trí thi công tại các khu vực nút giao, gần khu dân cư sẽ lắp đặt hàng rào tôn.

+ Tại các bãi chứa tạm vật liệu được che phủ bằng bạt.

+ Tại lối ra vào công trường bố trí trạm rửa xe

- Công trình xử lý nước thải

+ Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường.

+ Hệ thống thu xom, xử lý nước mưa: Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố với khoảng cách khoảng 50 m/hố lắng .

+ Hệ thống tách bùn/ đất: Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe kích thước L x B x H khoảng (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng 9,0 m^3 (bể gom có dung tích khoảng 1,5 m^3, bể tách dầu mỡ dung tích khoảng 1,5 m^3, bể lắng cặn dung tích khoảng 1,5 m^3, bể chứa nước sau xử lý dung tích khoảng 4,5 m^3) để thu gom, tách dầu và lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.

- Công trình thu gom rác thải

+ Thu gom và xử lý CTR sinh hoạt: bố trí 02 các thùng lưu chứa CTR bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại mỗi khu vực công trường, ký hợp đồng với công ty môi trường địa phương thu gom, xử lý hàng ngày.

+ Thu gom và xử lý chất thải thi công: Tập trung tại công trường, một phần được tận dụng, phần còn lại vận chuyển đến vị trí bãi thải đã thỏa thuận với đia phương.

+ Thu gom và xử lý CTNH: Bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại, có nắp và dán nhãn được bố trí lưu trữ tại mỗi công trường; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

Bảng 1. 7 .Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Thùng chứa chất thải thông thường (loại thùng nhựa 120L, có nắp đậy)	cái	10
2	Thùng chứa chất thải nguy hại (loại thùng nhựa 120L, có nắp đậy)	cái	10
3	Thi công mương thoát nước và Hố thu nước, lắng đọng nước mưa có lẫn cát, đá	HT	05
4	Rãnh thu nước công trình	HT	05
5	Nhà vệ sinh di động	cái	10
6	Hàng rào công trường	HT	05

1.2.5.2. Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên tuyến: Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống ngang, cống dọc trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Công trình thu gom CTR thông thường: Bố trí 02 thùng rác phân loại 2 ngăn (rác hữu cơ và vô cơ) dung tích (2x20) lít bằng chất liệu composite có nắp đậy cho mỗi loại rác được phân loại. Định kỳ vận chuyển và xử lý tại bãi rác địa phương, thông qua hợp đồng kinh tế với giữa Đơn vị vận hành trạm với các công ty môi trường của địa phương

- Công trình thu gom CTNH: Lắp đặt 02 thùng chứa rác thải nguy hại dung tích 200l có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và dán nhãn chất thải nguy hại theo thông tư quản lý về chất thải nguy hại để đơn vị thu gom có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định

- Hệ thống thoát nước mưa tại nhà trực trạm thu phí: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với nước thải. Cống thoát nước được thiết kế theo kiểu tự chảy, bố trí các cống thoát sao cho hướng thoát về các cống trục chính, các kênh thoát nước là nhanh nhất và ngắn nhất.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà trực trạm thu phí xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thu về bế chứa thể tích 60m^3, thuê đơn vị hút khi gần đầy bể, không thải ra môi trường.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn thi công

a. Cung ứng vật liệu

a1. Vật liệu tự nhiên

Các loại vật liệu xây dựng cần thiết sử dụng cho dự án bao gồm đất đắp, cát đắp, cát xây dựng, cát thoát nước và đá xây dựng.... Các vật liệu được mua tại địa phương và các khu vực lân cận.

a2. Vật liệu bán thành phẩm

Theo phương án đầu tư thì dự án sẽ thiết lập 5 trạm trộn bê tông xi măng với công suất 90 m^3/h kết hợp mua vật liệu tại các mỏ đã khảo sát điều tra trong quá trình lập báo cáo khả thi, dự án không thực hiện việc trực tiếp khai thác mỏ vật liệu đất, đá, cát, sỏi sử dụng trong dự án mà mua vật liệu của nhà cung cấp tới tận chân công trình.

Bảng 1. 8 . Tổng hợp kết quả điều tra mỏ vật liệu xây dựng

TT	Phân loại	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Số GP khai thác	Trữ lượng *(tấn, m3)*	Công suất khai thác *(tấn, m3/năm)*	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
I	**Mỏ đá vôi**							
1	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Thượng An, xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	Công ty CPĐTXDTM Long Phú Cường	Số 2169/GPUBND ngày 23/10/2014	132,903	30,000	30 năm	Mỏ hoạt động khai thác
2	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Tân Hùng, xã Hùng An, huyện Bắc Quang	Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Long Anh	1192/GPUBND 21/6/2019	TLKT (122): 476.088	20,000	24 năm 10 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
3	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Tân Tiến, xã Hùng An, huyện Bắc Quang	Công ty TNHH Tổng Công ty xây dựng khoáng sản thương mại tổng hợp Tiến Thành	Số 471/GPUBND ngày 30/3/2015	377,795	25,000	14 năm	Mỏ hoạt động khai thác
4	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang	Hợp Tác xã giao thông vận tải sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng	Số 587/GPUBND ngày 14/4/2015	461,182	15,000	22 năm	Mỏ hoạt động khai thác

5	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi Minh Lập - Pù Ngọm, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	Công ty cổ phần Kim Giang	Số 513/GPUBND ngày 22/8/2025	600.00	30,000	10 năm	Mỏ đang hoàn thiện thủ tục khai thác
6	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi Lũng Loét, thôn Noong 2, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên	Hợp Tác xã Lâm Thành	Số 2047/GPUBND ngày 20/10/2015	1,815,308	50,000	30 năm	Mỏ hoạt động khai thác
7	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Trung Sơn, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	Công ty TNHH Sơn Lâm	Số 51/GPUBND ngày 12/01/2016	773,968	25,000	30 năm	Mỏ hoạt động khai thác
8	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	Công ty TNHH một thành viên Hà Ngân	1417/GPUBND 19/7/2019	TLKT (122): 439.619,45	20,000	22 năm 06 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
9	Mỏ đá vôi	Mỏ đá vôi Nà Cáy, thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	Công ty TNHH Trường Thịnh	2219/GPUBND 06/11/2019	TLKT (122): 290.139,47	10,000	29 năm 04 tháng	Đang xây dựng cơ bản chưa khai thác
II	**Mỏ Cát**							

1	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Tân Thắng, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang			30,000	10,000		Mỏ hoạt động khai thác
2	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Ngần Hạ, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang			35,000	10,000		Mỏ hoạt động khai thác
3	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Tân Đức, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	Doanh nghiệp tư nhân xây lắp Tiến Sơn	Số 2833/GPUBND ngày 18/11/2016	34,027	2,483.40	14 năm	Mỏ hoạt động khai thác
4	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 17 thôn Đức Thành, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	Hợp tác xã Sơn Hải	604/GP-UBND 05/4/2018	TLKT (121): 259.280	10,000	25 năm	Mỏ hoạt động khai thác
5	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi thôn Lung Cu, xã Quang Minh và mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, bãi Thác Hỏa, xã Quang Minh, Bắc Quang	Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ và xây dựng Long Anh	605/GP-UBND 05/4/2018	TLKT (122): 345.114	20,000	18 năm 9 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
6	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 16+300, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	Công ty TNHH Đại Lộc	606/GP-UBND 05/4/2018	TLKT (122): 218.220	12,000	19 năm 3 tháng	Mỏ hoạt động khai thác

7	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 17, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	Công ty CP Bảo Ngọc HG	607/GP-UBND 05/4/2018	TLKT (122): 85.534	10,000	9 năm 7 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
8	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 16+500, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	Công ty CP Bảo Ngọc HG	608/GP-UBND 05/4/2018	TLKT (122): 293.632	10,500	29 năm	Mỏ hoạt động khai thác
9	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi thôn Nà Miều, xã Phương Tiến và xóm Nà Rang, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên (Khu II)	Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Bắc Quang	1070/GPUBND ngày 03/7/2020	TLKT (122): 310.914	15,000	21 năm 03 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
10	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 21, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	Công ty TNHH Trường Thịnh	1100/GPUBND 07/6/2018	TLKT (122): 96.678	7,000	14 năm 3 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
11	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi thôn Nà Miều, xã Phương Tiến và xóm Nà Rang, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên (Khu I)	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại 68 Minh Phú	1065/GPUBND ngày 03/7/2020	TLKT (122): 309.797	15,000	21 năm 02 tháng	Mỏ hoạt động khai thác
12	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, tổ 5, thôn Cầu Mè, xã Phương	Công ty TNHH 282	Số 2709/GPUBND ngày 23/12/2014	276,140	9,600	30 năm	Mỏ hoạt động khai thác

		Thiện, thành phố Hà Giang						
13	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Tân Thắng, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang	Công ty TNHH khoáng sản Hồng Hà	670/GP-UBND 12/4/2018	TLKT (122): 255.785	15,000	18 năm	Mỏ đang xây dựng cơ bản, chưa khai thác
14	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi lòng suối Má, thôn Chất Tiền, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Công ty TNHH Tổng công ty xây dựng - khoáng sản - thương mại tổng hợp Tiến Thành		167.168 m3 cát, sỏi, cuội; trong đó cát (cát vàng) 102.203 m3, sỏi 24.179 m3, cuội 40.786 m3.	10.365 m3/năm	15 năm	Mỏ vừa được Giấy phép, đang hoàn thiện hồ sơ thủ tục
15	Mỏ Cát	Mỏ cát, sỏi thôn Ngòi Han, xã Tân Trịnh, huyện Quang Bình	Công ty TNHH Hoàng Ngọc	1416/GPUBND 19/7/2019	TLKT (122): 48.792	8,000	07 năm	Đang xây dựng cơ bản chưa khai thác

b. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nhiên liệu cung cấp cho công trình trong giai đoạn xây dựng

b1. Nhu cầu sử dụng nước

Đối với sinh hoạt của công nhân thi công: Lượng nước sinh hoạt được sử dụng hàng ngày được căn cứ theo định mức nước áp dụng cho công nhân xây dựng ngoài hiện trường theo TC 20TCN 4474 - 87 "định mức nước dùng cho chuẩn bị bữa ăn" là 25 lít/người/ngày và theo TC 20TCN33 - 85 "định mức nước dùng cho tắm giặt" là 45 lít/người/ngày. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn thi công khoảng 3,5 m^3/ngđ/CT.

Nguồn nước được lấy từ nguồn nước cấp hợp vệ sinh của địa phương. Ngoài ra, nước sinh hoạt cũng có thể được mua bằng téc nước phục vụ sinh hoạt trong công trường.

b2. Nhu cầu sử dụng điện

Đơn vị thi công sẽ làm việc với điện lực địa phương để thỏa thuận về việc cung cấp nguồn điện sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày tại công trường và thi công công trình. Nguồn điện này sẽ được lấy từ nguồn chung của địa phương hoặc lắp trạm biến áp thông qua điểm kết nối riêng dẫn đến công trường và khu vực thi công.

1.3.2. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn vận hành

Như cầu sử dụng nước giai đoạn vận hành: 100l*10 người= 1 m3/ngày đêm

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Dự báo lưu lượng giao thông trên tuyến

Bảng 1. 9 . Tổng hợp lưu lượng trên các đoạn tuyến năm tương lai

Stt	Năm	Đoạn 1 Km104+295-Km128+067 xcqđ/ngày-đêm	Đoạn 2 Km128+067-Km144+236 xcqđ/ngày-đêm	Đoạn 3 Km144+236-Km162+164 xcqđ/ngày-đêm
1	**2030**	5,269	5,857	3,204
2	**2035**	7,335	8,149	6,560
3	**2040**	11,393	12,667	7,080
4	**2045**	18,846	20,944	11,775
5	**2050**	30,905	13,481	11,780

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

1.5.1. Công tác chuẩn bị

. Công tác chuẩn bị

Công tác chuẩn bị được thực hiện nhằm phục vụ cho hoạt động thi công. Các nội dung chính bao gồm:

- Thăm dò hiện trường dự án, khu vực xung quanh: Công tác xác định các trở ngại như các công trình ngầm, làm việc với các cơ quan chức năng có các công trình cắt ngang (đường bộ, mương thoát nước và dây điện), khảo sát đất (thăm dò, khoan, mỏ đất và bãi đổ) và xem xét môi trường (các công trình xung quanh, nước ngầm, nước uống, nước phục vụ nông nghiệp), làm việc với địa phương...;

- Rà phá bom mìn trong phạm vi mặt bằng thi công;

- Chuẩn bị công trường thi công, bãi tập kết vật liệu: Bao gồm các hoạt động san ủi tạo mặt bằng; lắp đặt các công trình phụ tạm như: văn phòng hiện trường, kho vật liệu máy móc, xây dựng lán trại, kho bãi: Lán trại và kho bãi cần được xây dựng đảm bảo theo tiến độ và phương án tổ chức thi công mà nhà thầu sẽ đưa ra. Việc lựa chọn khu vực bằng phẳng để tổ chức lán trại lưu trữ vật liệu cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo an toàn cho con người, thiết bị, máy móc và vật tư, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực xây dựng lán trại.

- Đường công vụ:

+ Đường công vụ ngoại tuyến: Sử dụng mạng đường hiện trạng để vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, đổ thải kết hợp với đường công vụ nội tuyến trong phạm vi thi công nền đường tuyến chính. Trong quá trình thi công đến khi hoàn thành dự án, tiến hành xây dựng hoàn trả mặt đường các tuyến được sử dụng vận chuyển thi công.

+ Đường công vụ nội tuyến: Bố trí tại các đoạn xử lý đất yếu bằng bấc thấm không có đường vận chuyển máy móc thiết bị vào. Bố trí đường công vụ dọc tuyến nằm bên cạnh tuyến đường và xung quanh các đảo, không ảnh hưởng tới quá trình thi công xử lý đất yếu. Đường công vụ phục vụ thi công có Bn=4,5m, Bm= 3,5m. Lớp mặt đường bố trí một lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm cho các phương tiện đi lại; chiều cao đắp trung bình Hđtb=1,0m.

+ Hoàn trả đường hiện trạng bị hỏng trong quá trình sử dụng để vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, đổ thải.

- Công trường: Dự án dự kiến bố trí 4 công trường tại 2 bên đầu cầu vượt sông Đáy và cầu vượt cao tốc. Diện tích tại mỗi công trường khoảng 10.000m^2,. Tại khu vực công trường bố trí khu văn phòng, nhà điều hành, lán trại, bãi tập kết vật liệu, cấu kiện, bãi tập kết chất thải tạm thời, trạm trộn BTXM công suất 90m^3/h.

Tại mỗi công trường bố trí khoảng 50 công nhân.

- Xây dựng hệ thống cung cấp điện, nước phục vụ sinh hoạt và thi công công trình;

- Vận chuyển máy móc, thiết bị và các nguyên vật liệu đến bãi công trường chuẩn bị thi công.

- Dự án sẽ làm đường công vụ trên cơ sở nền đường mới. Sau khi thi công xong thì đường công vụ sẽ là phần đường.

- *Cải kênh mương:* Trước khi tiến hành thi công công trình, Dự án sẽ thực hiện cải kênh mương tại các đoạn kênh mương mà tuyến cắt qua

+ Hoạt động cải mương sẽ được tiến hành và hoàn thành trước mùa gieo cấy;

+ Mương tạm dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu kênh mương sẽ được thực hiện trước khi làm đê quai ngăn nước;

+ Sau khi hoàn thành mương tạm, dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu. Sau đó mới thực hiện làm đê quai ngăn dòng tạo khu vực thi công;

+ Thi công các công trình thủy lợi tại vị trí dòng chảy cũ.

Sau khi đã hoàn tất công trình tại vị trí dòng chảy cũ, dòng nước lại được chuyển ngược về vị trí ban đầu, mương tạm được lấp đi và hoàn nguyên bề mặt như hiện trạng.

- Phương án tổ chức đảm bảo giao thông: Dự án sẽ thiết kế các hạng mục nhằm đảm bảo an toàn giao thông như bố trí các loại biển báo hiệu trên tuyến, đặc biệt là tại các nút giao, các vị trí gần khu vực dân cư.

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng sẽ được hoàn thành trước khi thi công công trình.

- Bố trí các mũi thi công: Dựa vào địa hình và điều kiện thực tế cung cấp nguyên vật liệu có thể triển khai thi công thành 02 mũi như sau:

+ Mũi thi công phần tuyến + xử lý nền;

+ Mũi thi công phần cầu;

- Phương án vận chuyển vật liệu, vận chuyển đổ thải

- *Phương án vận chuyển vật liệu:* chủ yếu vận chuyển bằng đường bộ từ nơi cung ứng đến công trường thi công.

- *Phương án vận chuyển vật liệu thừa:* đi theo đường công vụ dọc tuyến đến các đường giao (đường xã, đường tỉnh và Quốc lộ) về các bãi trữ.

Các tuyến đường vận chuyển chính là : QL2, Đường 20 tháng 8….. và các tuyến đường địa phương

- Đảm bảo giao thông, dẫn dòng thi công

- Đảm bảo giao thông

+ Quy định tổ chức giao thông và an toàn giao thông tuân thủ theo Quy định thi công công trình trên đường bộ khai thác và tiêu chuẩn TCCS 14:2016/TCĐBVN về tổ chức giao thông và rào chắn vị trí thi công trên đường độ đang khai thác do Cục đường bộ Việt Nam lập.

+ Công tác đảm bảo giao thông được thực hiện trên các đường đang khai thác tại các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường xã. Công tác đảm bảo giao thông phải gần như thông suốt, chỉ có thể chặn xe theo giờ và phải được thỏa thuận với cơ quan quản lý đường bộ.

Tổ chức giao thông gồm các nội dung sau đây:

+ Phân làn, phân luồng, phân tuyến và quy định thời gian đi lại (nếu cần) cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ;

+ Quy định các đoạn đường cấm đi, đường đi một chiều, nơi cấm dừng, cấm đỗ, cấm quay đầu xe; lắp đặt báo hiệu đường bộ;

+ Thông báo khi có sự thay đổi về việc phân luồng, phân tuyến, thời gian đi lại tạm thời hoặc lâu dài; thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

- Công tác dẫn dòng thi công khi thi công các công trình thủy lợi

Công tác đảm báo dẫn dòng trong tưới tiêu thủy lợi được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý thủy lợi gồm:

- Đảm bảo dẫn dòng đối với các sông, kênh mương do các cơ quan quản lý (công ty khai thác CTTL, cấp xã quản lý).

- Công tác dẫn dòng thi công: Đối với các kênh mương: Tùy thuộc vào công tác xử lý nền đường đất yếu của từng đoạn tuyến, thiết kế các biện pháp dẫn dòng như sau:

+ Đối với các đoạn có xử lý nền đất yếu bằng phương pháp gia tải cố kết: Lắp đặt cống tạm (sử dụng ống cống đúc sẵn lắp ghép có khẩu độ bằng cống chính hoặc nhỏ hơn theo tính toán trong quá trình đắp nền gia tải nền đất yếu. Kết thúc quá trình gia tải sẽ đào ra và thi công cống chính.

+ Đối với các đoạn xử lý nền đất yếu bằng đào thay đất hoặc đoạn không xử lý đất yếu: Đào mương tạm cải dòng cạnh vị trí thi công cống chính, thi công cống chính xong rồi thanh thải mương tạm. Cục bộ đối với các mương nhỏ, không chứa nước thường xuyên có thể lựa chọn thời điểm thích hợp để chặn dòng, thi công cống.

Đối với các công trình cầu: Khi thi công có trụ dưới sông sẽ thắt hẹp dòng chảy cần được khoanh vùng nạo vét phần còn lại đảm bảo dòng chảy, đảm bảo giao thông đường thủy. Khi kết thúc thi công cần phải thanh thải toàn bộ các chướng ngại vật thi công để đảm bảo dòng chảy. Gia cố taluy bờ sông, bờ kênh theo thỏa thỏa thuận.

**Danh mục máy móc, thiết bị*

Danh mục máy móc thiết bị chính dự kiến sử dụng trong thi công được bày tại bảng sau

Bảng 1. 10 . Thiết bị thi công chính, điển hình

STT	LOẠI MÁY VÀ THIẾT BỊ	Số ca máy
1	Máy ủi/gạt	**5.193,74**
-	Máy ủi 110cv	5.193,74
2	Máy lu đầm	**8446,06**
-	Máy lu bánh hơi 16t	803,45
-	Máy lu bánh hơi 25t	416,42
-	Máy lu bánh thép 25T	7.226,19
3	Máy xúc/ đào	**3.977,52**
-	Máy đào 0.5m^3	2.654,45
-	Máy đào 1.25m^3	1.306,98
-	Máy đào gầu dây 0.4m^3	16,09
4	Xe tải (5 - 16 tấn) (g/km)	**6029,36**
-	Ôtô vận tải thùng 2.5T	536,94
-	Ôtô tự đổ 10t	2.278,47
-	Ôtô tự đổ 12t	3.045,27
-	Ôtô tưới nước 5m^3	168,68

1.5.2. Biện pháp thi công trong giai đoạn xây dựng

Công tác thi công được chia làm nhiều đoạn phụ thuộc vào điều kiện mặt bằng thi công. Tuy nhiên, cần phải có chiều dài đủ lớn để đảm bảo việc thi công hiệu quả.

a. Trình tự thi công tổng quan

Trình tự thi công tổng quan cho dự án theo thứ tự như sau:

- Làm công trình tạm (lán trại, đường tạm) phục vụ thi công.
- Xây dựng đường công vụ ngoại tuyến (nếu cần) và đường gom.
- Dọn dẹp, phát quang, đào đất không thích hợp (vét hữu cơ) tạo mặt bằng phục vụ thi công;
- Thi công xử lý nền đường (các vị trí gặp đất yếu, vị trí nền cần xử lý).
- Thi công công trình cầu.
- Thi công cống đồng thời với công tác thi công nền đường.

- Thi công nền đào.
- Thi công nền đắp K95, K98.
- Thi công các công trình gia cố, phòng hộ.
- Thi công các lớp mặt đường.
- Đắp lề đường (song song công tác thi công mặt đường).
- Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông.

Thi công nền đường đắp thông thường

- Trước khi thi công phải dọn dẹp mặt bằng, chặt đào gốc cây,…
- Đào đất không thích hợp, đào cấp như hồ sơ thiết kế, đánh đống hai bên nền đường trong phạm vi GPMB để tạo bờ vây ngăn nước (nếu cần) và để tận dụng đắp các hạng mục khác nếu cần, đối với lớp đất tầng mặt dày 20cm được vận chuyển về bãi trữ.
- Đắp nền 1 giai đoạn đến cao độ thiết kế, trong quá trình thi công, nhà thầu phải có biện pháp thoát nước nền đường (nếu có), đảm bảo nền đường luôn luôn khô ráo.

Thi công nền đường đắp trên đất yếu

✓ Các đoạn xử lý đào thay đất.

- Chuẩn bị mặt bằng thi công: Dọn dẹp mặt bằng; cắm các biên thi công theo hồ sơ thiết kế;
- Đào bóc bỏ các lớp đất không thích hợp, đào thay đất đến cao độ thiết kế.
- Rải vải địa kỹ thuật ngăn cách, đắp trả 50cm dưới cùng bằng cát đầm chặt K90 sau đó đắp trả phần còn lại và đắp nền đường bằng cát K95.

✓ Đoạn nền đường xử lý bằng bấc thấm.

- Chuẩn bị mặt bằng thi công, đắp bờ bao (nếu cần) bơm nước, tháo khô mặt bằng;
- Vét lớp bùn bề mặt, đào bỏ lớp đất hữu cơ, lớp đất mượn;
- Rải vải địa kỹ thuật ngăn cách 12KN/m có gấp mép 2m, lắp đặt thiết bị quan trắc, đắp trả bằng cát hạt nhỏ đến cao độ thiên nhiên;
- Đắp lớp cát đệm để tạo mặt bằng thi công bấc thấm, thi công bấc thấm.
- Thi công bản thoát nước ngang
- Thi công tầng lọc ngược ở phần thấm ra mái taluy của tầng cát đệm được bọc vải địa kỹ thuật thoát nước.
- Nền đường được đắp và nghỉ theo từng giai đoạn như sơ đồ tiến trình đắp, đồng thời với quá trình đắp nền đường là thi công rải các lớp vải địa kỹ thuật gia cường (nếu có) và đắp bao đất dính. Cao độ nền đường được đắp theo trình tự:

- Đắp nền đường đến đỉnh cao độ K95.
- Đắp bù lún với chiều dày bằng tổng độ lún (độ chặt K95).
- Đắp bù kết cấu mặt đường (độ chặt K95).
- Đắp gia tải nếu có (độ chặt K90).
- Thi công đắp nền đường theo từng lớp và khống chế < 10cm/ngày, căn cứ vào độ lún thực tế để điều chỉnh tốc độ đắp cho phù hợp. Trong quá trình đắp nếu dịch chuyển ngang > 5mm/ngày hoặc tốc độ lún > 10cm/ ngày đêm thì dừng đắp ngay và dỡ bớt gia tải theo yêu cầu của TVGS.
- Khi hết thời gian chờ lún nếu đạt được độ lún yêu cầu hoặc có ý kiến của TVGS, tiến hành dỡ bỏ gia tải, sau đó thi công các hạng mục cống, móng mặt đường,...
- Đào khuôn móng mặt đường, lề đường, công trình.
- Mặt đường: Lu lèn kiểm tra độ chặt lớp đỉnh K=0,95 trên cùng rồi thi công lớp K98 và các lớp KCMĐ.
- Đồng thời với thi công các lớp kết cấu áo đường sẽ đắp trả các lớp lề đường.

Thi công cống ngang

- Trước khi thi công cống ngang cần chuẩn bị các công tác ngăn dòng, đặt cống tạm hoặc đào cải dòng đảm bảo tưới tiêu thủy lợi. Cống có thể thi công cùng với nền đường, thi công trước khi thi công nền đường. Thi công nền đường đến sát vị trí mương, sau đó thi công cống và phần đắp mang cống theo thiết kế.
- - Phá dỡ phần tường cánh, sân cống trong trường hợp cống nối dài.
- - Đào nền đến cao độ đặt móng.
- - Thi công móng cống.
- - Lắp đặt ống cống.
- - Đắp đất nền đường trên cống.
- Đối với các cống xử lý đào thay đất có chiều sâu lớn, có thể ảnh hưởng đến ổn định nền đường, trước khi thi công cần có biện pháp chống đỡ như đóng cọc ván thép tại đầu cống và hai bên mang cống để ổn định nền đường đang khai thác.

Thi công cống dọc

- Cống dọc thi công cùng với quá trình thi công nền đường.
- - Thi công nền đường đến cao độ đáy móng cống dọc.
- - Thi công móng cống dọc.
- - Lắp đặt các ống cống đúc sẵn, làm mối nối.
- - Thi công các hố ga bằng BTCT đổ tại chỗ.
- - Đắp đất mang cống và trên đỉnh cống.

- Lưu ý: các nắp hố ga khi chưa được đậy cần có các tầm che phủ để đảm bảo an toàn

- Thi công mặt đường

- Thi công các lớp cấp phối đá dăm theo TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu. Đồng thời tuân thủ chặt chẽ chỉ thị số 11/CT-BGTVT ngày 9/7/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình giao thông.

- Thi công mặt đường bê tông nhựa theo TCVN 13567:2022 - Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu. Đồng thời tuân thủ chặt chẽ chỉ thị số 13/CT-BGTVT ngày 8/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc tăng cường công tác quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông, Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành nhằm tăng cường quản lý chất lượng thiết kế và thi công mặt đường bê tông nhựa nóng đối với các tuyến đường ô tô có quy mô giao thông lớn, Quyết định số 1617/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ GTVT quy định kỹ thuật về phương pháp thử độ sâu vệt hằn bánh xe của BTN xác định bằng thiết bị Wheel tracking.

- Thi công mặt đường láng nhựa theo TCVN 8863:2011 - Mặt đường láng nhựa nóng - thi công và nghiệm thu.

- Thi công mặt đường bê tông xi măng theo TCCS 40:2022/TCĐBVN - Thi công nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.

- Thi công lớp đá dăm đen theo TCCS 06:2013/TCĐBVN - Sửa chữa kết cấu áo đường bằng hỗn hợp đá dăm đen rải nóng - thi công và nghiệm thu.

- Thi công các công trình điện chiếu sáng, tín hiệu

- Các công trình chiếu sáng, đèn tín hiệu được thi công cùng với quá trình thi công nền. Lắp đặt các ống luồn cáp, thi công bê tông móng cột trước khi lấp đất hoàn thiện vỉa hè.

- Công tác lắp đặt cột đèn chiếu sáng, tín hiệu được thi công trong quá trình hoàn thiện mặt đường.

- Công tác hoàn thiện

- Công tác hoàn thiện được tiến hành sau khi thi công mặt đường bao gồm:

- Chỉnh sửa, bạt gọt taluy.

- Trồng cỏ, gia cố mái taluy.

- Dọn dẹp mặt đường.

- Cắm cọc tiêu, biển báo, vạch sơn, cột Km...

- Biện pháp thi công trên đường cũ

- Đối với các đoạn đi trùng đường cũ, trong quá trình thi công thì các phương tiện giao thông vẫn tham gia trên đường, vì vậy đơn vị thi công cần tuân thủ nghiêm ngặt biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công. Cụ thể biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công cần tuân thủ các bước như sau:

- Trong quá trình thi công cần có rào chắn bảo vệ và phân làn thi công và làn đường cho các phương tiện tham gia giao thông (thi công phần mở rộng trước, thi công phần trên đường cũ sau). Việc phân làn và khoanh vùng thi công cần có sự thống nhất với TVGS và Chủ đầu tư để đảm bảo việc lưu thông của các phương tiện là thông suốt.

- Trong quá trình thi công cần có người điều hành giao thông, cờ, còi, bộ đàm và barie đứng gác ở hai đầu thường xuyên trực trên công trường.

- Phải bố trí các biển báo hiệu như: công trường đang thi công, biển báo đi chậm, đèn nháy…trong công trường để báo hiệu cho người tham gia giao thông biết và tuân thủ khi đi vào công trường.

Một số vấn đề cần lưu ý trong thi công

- Trong khi thi công cần theo dõi chặt chẽ sự phân bố đất yếu (chiều sâu và mặt bằng) để có điều chỉnh thiết kế phù hợp;

- Cần khơi rãnh thông thoáng để tạo điều kiện cho nước từ lớp cát đệm thoát ra ngoài nhanh.

- Không sử dụng lu rung hoặc lu có tải trọng quá lớn;

- Trong quá trình đắp cần tuân thủ theo quy định về tiến trình đắp.

- Trong khi thi công (kể cả trong thời gian nghỉ chờ cố kết) không tập kết vật liệu thành đống lớn, không tập trung nhiều xe máy thi công trên nền đắp, hạn chế các loại xe đi lại trên nền đắp,...;

- Sử dụng kết quả quan trắc lún để tính toán độ lún còn lại, độ cố kết và quyết định cho phép dỡ tải để thi công mố trụ cầu, cống, rãnh,... và kết cấu mặt đường; đồng thời làm căn cứ xác định khối lượng đắp bù lún.

Trình tự thi công cầu sông Đáy

- Mặt bằng công trường thi công cầu vượt sông Đáy được bố trí trên cả hai bờ sông Đáy để thuận tiện cho quá trình thi công.

- Mặt bằng thi công mỗi bờ được bố trí đầy đủ các hạng mục phục vụ thi công: Văn phòng làm việc, lán trại, trạm biến áp, bãi đúc các cấu kiện, trạm trộn bê tông, đường công vụ đồng thời kết hợp san ủi, vận chuyển, đường cấp bê tông, vật tư, thiết bị khi thi công tại các vị trí mố trụ ...

- Thi công mố, trụ trên cạn

+ San ủi tạo mặt bằng thi công. Định vị tim mố, trụ, cọc. Khoan cọc bằng máy khoan chuyên dụng.

+ Đào hố móng, hút nước, lắp dựng ván khuôn cốt thép đổ bê tông bệ, thân, xà mũ.

- Thi công trụ dưới nước

+ Tập kết máy móc thiết bị đến vị trí thi công.

+ Định vị chính xác tim bệ móng, tim cọc khoan,

+ Đóng cọc định vị và hệ sàn đạo, lắp dựng máy khoan cọc trên hệ nổi.

+ Tiến hành khoan cọc trên hệ sàn đạo tới cao độ thiết kế theo quy định hiện hành.

- Thi công bệ trụ chính bằng vòng vây cọc ván thép.

- Đổ bê tông bịt đáy, hút sạch nước thi công hố móng trong điều kiện khô ráo. - Đổ bê tông đệm, phá bê tông đầu cọc, vệ sinh hố móng, lắp đặt ván khuôn, cốt thép, đổ bê tông kết cấu bệ, thân trụ trong điều kiện khô ráo.

- Hoàn thiện thân trụ, thanh thải thải.

- Thi công nhịp cầu dẫn

- Dầm Super-T được đúc tại bãi đúc dầm.

- Sau khi thi công xong mố, trụ cầu tiến hành thi công kết cấu nhịp dầm. –

Vận chuyển dầm từ bãi chứa ra vị trí cẩu lắp, tiến hành cẩu lắp dầm vào vị trí trên mố trụ.

- Lắp đặt ván khuôn, cốt thép dầm ngang, bản mặt cầu.

- Đổ bê tông, bảo dưỡng bê tông.

- Tháo đà giáo thi công, hoàn thiện nhịp dẫn.

- Thi công cầu chính

- Sau thi thi công xong trụ tháp

- Lắp đặt hệ xe đúc dầm.

- Lắp đặt ván khuôn, cốt thép thi công các đốt dầm theo trình tự.

- Lắp đặt đà giáo, ván khuôn, cốt thép thi công đốt dầm đúc trên hệ đà giáo cố định.

- Lắp đặt hệ cáp dây văng vào vị trí theo sơ đồ thi công.

- Tháo dỡ đà giáo thi công dầm

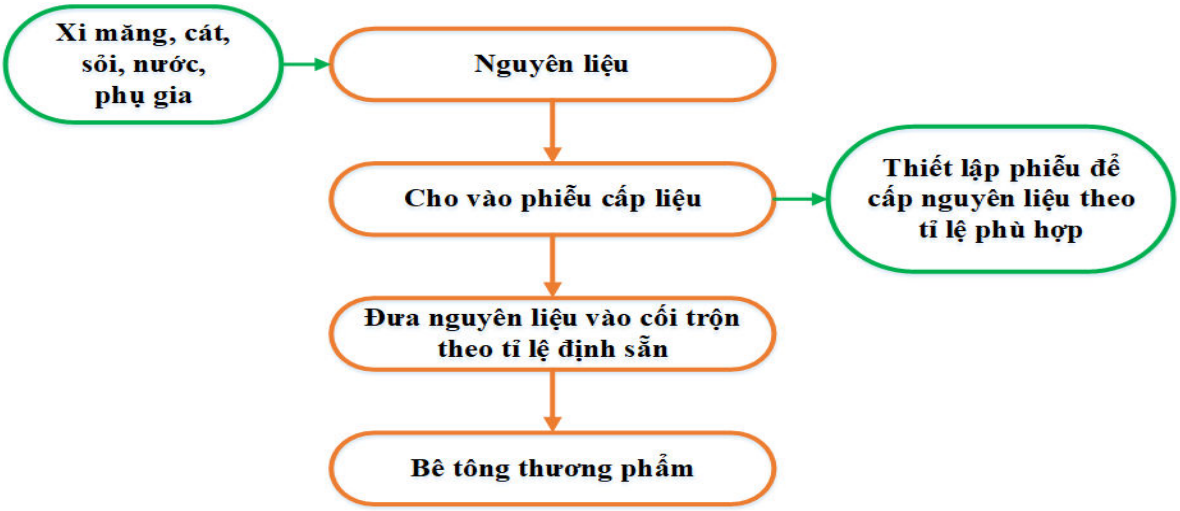
- Căng kéo cáp văng theo lực căng thiết kế.

- Hoàn thiện thi công hệ dầm, dây. Thi công các tiện ích, bờ bo lan can.

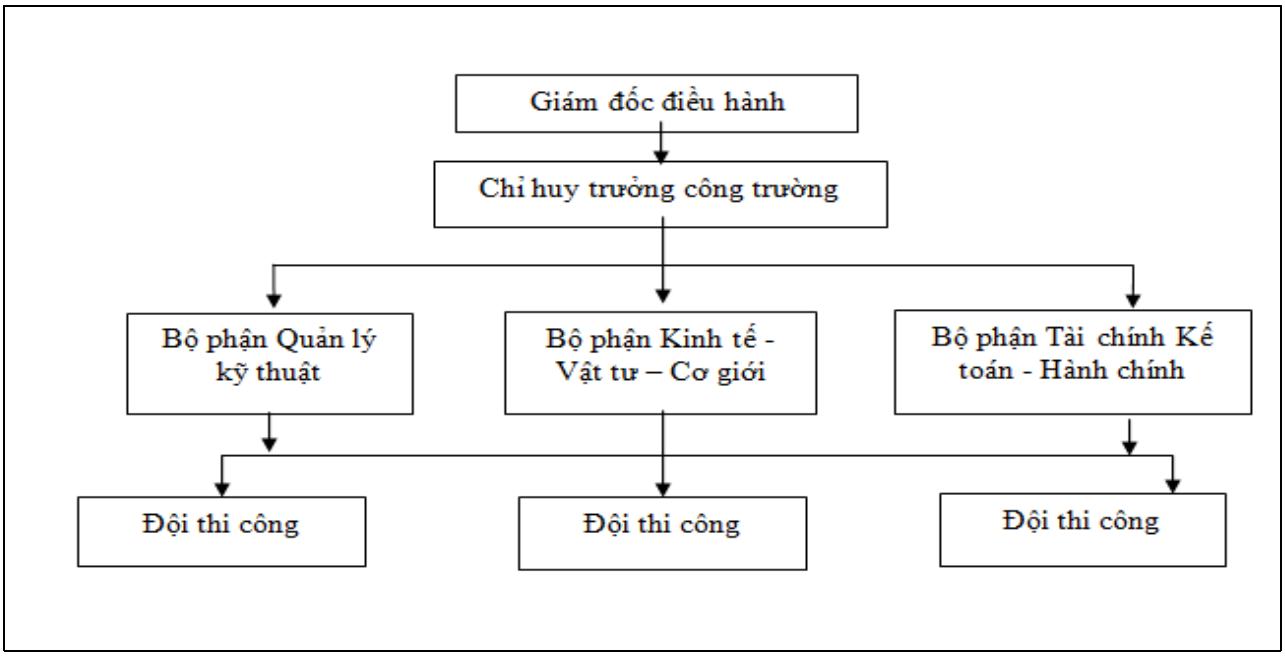
- Thi công lớp phủ mặt cầu

- Hoàn thiện cầu.

* Quy trình sản xuất bê tông xi măng



1.5.3. Sơ đồ tổ chức các bộ phận tại công trường



Hình 1. 16. Sơ đồ bố trí ban chỉ huy công trường

1.5.4. Các hạng mục của dự án gây tác động tới môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động đào đắp nền đường, hố móng; thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải; hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng, bê tông nhựa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH); có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông và tiềm ẩn nguy cơ sự cố cháy nổ. Hoạt động đào hố móng, trụ cầu; hoạt động khoan cọc phát sinh bụi, khí thải, đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite.,

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố sụt lún công trình. Hoạt động của nhà điều hành phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; hoạt động bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh CTR thông thường. Việc hình thành tuyến đường và cầu có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước và nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng.

Bảng 1. 11 . Các tác động môi trường chính của Dự án

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện dự kiến		Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh	Đối tượng chịu tác động
Chuẩn bị	Chiếm dụng đất ở, đất vườn, ruộng	Trước khi tiến hành thi công.	Trung tâm phát triển quỹ đất tiến hành GPMB theo một tiểu Dự án độc lập	Chiếm dụng đất, Ảnh hưởng đến thu nhập Gián đoạn sinh hoạt cộng đồng	Các hộ dân bị chiếm dụng đất
	Chuẩn bị công trường	Khoảng 1 tháng (tháo dỡ) và 1-2 tháng (chuẩn bị công trường)	Lắp dựng công trường và san ủi tạo mặt bằng 210 công0 công trường.	Tiếng ồn, rác thải và phế thải	-Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
Xây dựng	Thi công đường, nút giao, cầu,	24 tháng	Tiến hành thi công móng trước rồi thi công đến mố trụ và cuối cùng là phần trên cầu	Bụi do đào đắp Bồi lắng đất đào hố móng xuống dòng chảy Chất thải rắn (đất đá loại, chất thải rắn thi công)	Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
			Thi công nền đường hoàn thiện		
	Di chuyển thiết bị	24 tháng	Vận hành máy móc thiết bị thi công, trạm trộn	Bụi, ồn, rung	Môi trường không khí, -Các hộ dân khu vực dự án
	Vận chuyển vật	24 tháng	Sử dụng xe tải, xà lan	Bụi Hư hại tiện ích	Môi trường không khí,

	liệu/ phế thải			cộng đồng Ảnh hưởng đến giao thông	-Các hộ dân dọc tuyến đường vận chuyển
	Hoạt động của công trường		Sinh hoạt công nhân ở lán trại	Chất thải rắn sinh hoạt/ nước thải sinh hoạt.	Môi trường đất, nước.
			Bảo dưỡng thiết bị thi công	Dầu, nước thải và chất thải chứa dầu, Nước mưa chảy tràn.	Môi trường nước mặt, trầm tích sông, suối khu vực dự án
Vận hành	Vận hành Dự án	Lâu dài	Vận hành trên tuyến	-Bụi, ồn, rung, khí thải giao thông	Môi trường không khí, đất, nước. -Các hộ dân khu vực dự án
			Hoạt động của nhà trực thu phí	Nước thải, CTR thông thường, CTNH	
	Bảo trì	Lâu dài	Sửa chữa các hư hỏng nhỏ	Chất thải rắn, an toàn giao thông.	

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án **4.398** tỷ đồng

NỘI DUNG CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
CHI PHÍ GPMB	**1.417 tỷ đồng**
CHI PHÍ XÂY DỰNG, THIẾT BỊ	**11.267 tỷ đồng**
CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, TƯ VẤN, KHÁC	**901 tỷ đồng**
CHI PHÍ DỰ PHÒNG (105)	**1.217 tỷ đồng**
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	**14.802 tỷ đồng**

Nguồn: hồ sơ TMĐT của dự án)

Nguồn vốn:

Vốn ngân sách Trung ương

1.6.2. Tiến độ thực hiện Dự án

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

+ Lập Báo cáo NCTKT, phê duyệt chủ trương đầu tư: Quý III/2025;

+ Lập và hoàn thành phê duyệt Báo cáo NCKT: Quý I/2026 - Quý II/2026.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư:

+ Lập, thẩm định phê duyệt TKKT và dự toán: Quý III/2026 - Quý IV/2026;

+ Công tác GPMB: Quý III/2026 - Quý IV/2026;

+ Lựa chọn nhà thầu và triển khai xây dựng: Quý IV/2026; Hoàn thành dự án và đưa vào khai thác: Quý I/2029

+ Thời gian thi công chính thức dự kiến khoảng 24 tháng.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

Các bên liên quan trong quá trình thực hiện dự án gồm có:

- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang
- Tư vấn lập Dự án: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z
- Tư vấn lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường: Viện Chuyên ngành Môi trường (IES) - Viện KH & CN GTVT;

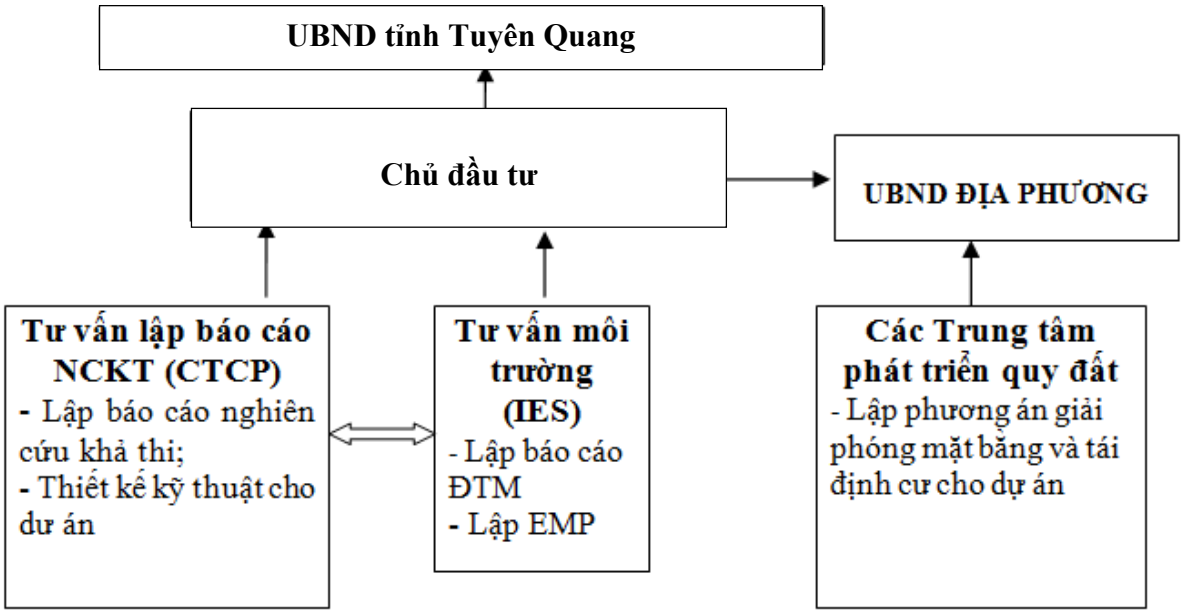
Việc tổ chức quản lý và thực hiện dự án được chia theo từng giai đoạn của dự án, cụ thể như sau:

1.6.3.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Chủ đầu tư tiến hành lập Dự án đầu tư với sự tư vấn Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Cùng với đó báo cáo ĐTM của dự án được xây dựng và trình UBND Tuyên Quang phê duyệt với sự tư vấn của Viện Chuyên ngành Môi trường (IES).

Sau khi dự án được chấp thuận, Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng với các Trung tâm phát triển quỹ đất của các địa phương nơi thực hiện dự án để lên phương án giải phóng mặt bằng (GPMB) và tái định cư (TĐC) cho dự án. Sau khi phương án được chấp thuận Chủ đầu tư sẽ cấp vốn để các Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện đền bù, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất và tái định cư.

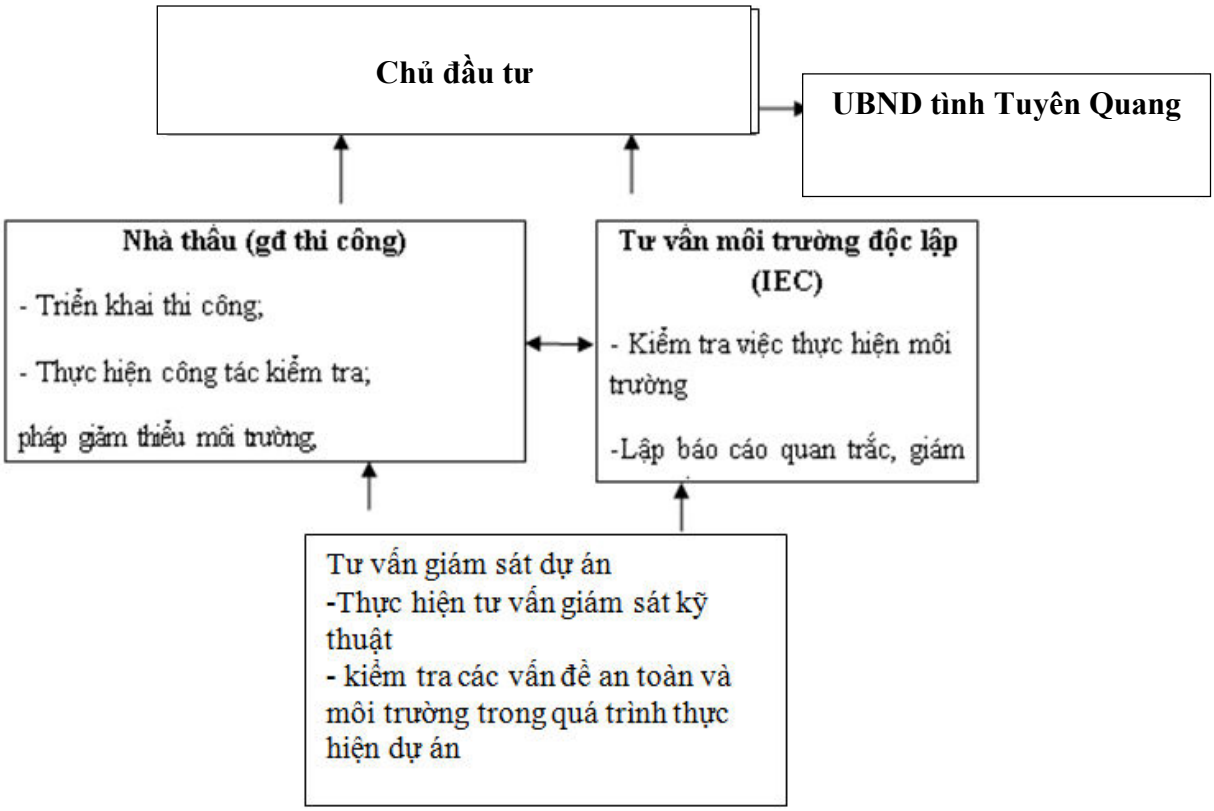


Hình 1. 17. Sơ đồ thực hiện dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

1.6.3.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư

Sau khi có Quyết định đầu tư, Nhà đầu tư sẽ tiến hành công tác thiết kế chi tiết Dự án với sự tư vấn của tư vấn thiết kế

.Trong quá trình thi công các Nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo EMP đã được xây dựng trước đó. Nhà đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của các đơn vị thi công. Trong cơ cấu tổ chức của mình, Nhà đầu tư sẽ bố trí cán bộ để theo dõi việc tuân thủ các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường của Nhà thầu, đồng thời sẽ thuê Tư vấn giám sát Dự án để kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các biện pháp an toàn và môi trường. Tư vấn môi trường độc lập (IEC) sẽ thực hiện quan trắc, giám sát môi trường trong suốt quá trình thi công của dự án. Các báo cáo quan trắc, giám sát môi trường trong quá trình thi công của dự sẽ được IEC lập và trình chủ đầu tư. Sau đó các báo cáo này sẽ được nhà đầu tư nộp cho Sở NN&MT, UBND tỉnh Tuyên Quang



Hình 1. 18. Sơ đồ thực hiện dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư

1.6.3.3 Giai đoạn sau thi công

Sau khi hoàn thành xây dựng công trình, Chủ dự án chuyển giao công trình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, vận hành công trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Điều kiện về địa lý, địa hình

a. Vị trí địa lý

Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy được nghiên cứu trên địa phận tỉnh Tuyên Quang thuộc các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thuỷ và phường Hà Giang, gồm các đoạn sau:

- Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án cao tốc giai đoạn 1_thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối: Km162+164 (Nút giao với quốc lộ 2 tại Km307+500_lý trình QL2) _ Kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy_thuộc xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

- Chiều dài tuyến: khoảng **57,87km.**

b. Địa hình

Hà Giang (cũ) là tỉnh miền núi cao, có địa hình phức tạp, có nhiều dãy núi cao hiểm trở, trong đó có những dãy núi cao trên 2.000m so với mặt nước biển, như dãy Putakha cao 2.274m, dãy Tây Côn Lĩnh cao 2.419m. Mạng lưới sông suối phân bố đều trên các loại địa hình khác nhau, độ dốc lớn làm cho địa hình bị chia cắt mạnh.

2.1.1.2. Điều kiện địa chất

Đặc trưng về địa chất khu vực tuyến đi qua:

+ Đá phiến sét than (phong hóa mạnh, phong hóa vừa, phong hóa nhẹ và không phong hóa).

+ Các thành tạo địa chất được hình thành do quá trình phong hóa hoàn toàn đá gốc: bao gồm các loại đất dính, đất rời (sét, sét pha, cát pha....) có tuổi Đệ tứ (e-dQ).

+ Các thành tạo địa chất được hình thành dưới tác dụng của dòng chảy thường xuyên (trầm tích): bao gồm các loại đất dính, đất rời (sét, sét pha...) có nguồn gốc bồi tích, lũ tích (a-pQ).

Căn cứ vào các kết quả khảo sát địa chất hiện trường, nghiên cứu bản đồ địa chất và khoáng sản Việt Nam tỷ lệ 1/200000, tờ Bắc Quang (F-48-XV) - Cục Địa chất và Khoáng Sản Việt Nam xuất bản năm 2005, trong phạm vi chiều sâu khảo sát địa chất, khu vực tuyến nằm trong diện phân bố các thành tạo trầm tích được mô tả theo thứ tự từ già đến trẻ như sau:

+ Hệ tầng Hà Giang (C2hg):

+ Phân hệ tầng dưới (C2hg1): Đá phiến sét than, đá phiến silic, đá phiến actinolit, bột kết silic- mangan, ít đá vôi sét. Dày 600m.

+ Phân hệ tầng trên (C2hg2): Đá hoa, đá vôi loang lổ, đá vôi sét. Dày 400m.

Hiện tượng động đất: Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL.4C xã Pả Vi đi mốc 456 xã Thượng Phùng, H. Mèo Vạc, T. Hà Giang; theo TCVN 9386:2012 đoạn tuyến thuộc địa phận huyện Mèo Vạc có gia tốc nền 0,0369 (Phụ lục H); quy đổi ra cấp động đất theo Phụ lục I, khu vực dự án có cấp động đất V (theo thang MSK-64), cấp động đất VI (theo thang MN).

Hiện tượng sạt trượt: Quá trình khảo sát thực địa thấy hiện tượng này đã đang xuất hiện dọc theo phạm vi dự án, đặc biệt là các vị trí mái taluy dương. Hiện tượng này có thể phát triển mạnh hơn trong quá trình thi công xây dựng và khai thác công trình, đặc biệt sau những trận mưa lũ. Nguyên nhân do nước mặt trong những ngày mưa ngấm vào đất làm tăng độ ẩm cho khối đất dẫn đến suy giảm chỉ tiêu cơ học (lực dính, góc ma sát giảm), tăng khối lượng thể tích và tăng áp lực thủy động của nước dưới đất gây ra sạt trượt tại các vị trí mái dốc. Quá trình xây dựng sẽ tạo ra thêm các mái dốc, làm mất cân bằng tự nhiên tại các vị trí này, đồng thời tàn phá thảm thực vật bao phủ phía trên, đây là nguyên nhân thúc đẩy hiện tượng sạt trượt phát triển mạnh hơn trong quá trình xây dựng, khái thác công trình. Do đó quá trình thiết kế tại các vị trí mái dốc cần thiết phải có thống thoát nước mặt, biện pháp gia cố bảo vệ mái và hệ số ngả mái phù hợp với đặc điểm của địa tầng, trong những trường hợp cần thiết phải thiết kế các biện pháp kiên cố hố như gia cố bằng neo, tường chắn…

Xói mòn: rửa xói và phá lở các sườn dốc hình thành các rãnh xói là hiện tường thường gặp tại các mái dốc đào, không có thảm thực vật và cấu tạo từ các thể địa chất có lớp đất phong hóa dày. Quá trình hình thành các rãnh xói thường diễn ra về mùa mưa, nó có thể gây ảnh hưởng lớn đến sự mất ổn định tại các mái dốc đào phần tuyến đường cắt qua các địa hình đồi núi.

Đổ đá: Địa hình đá vôi có vách dựng đứng, lởm chởm tai mèo, trên bề mặt đá bị nứt nẻ mạnh thành tảng, kết hợp với các chấn động do quá trình khai thác đá bằng phương pháp nổ mìn làm cho cường độ khối đá suy giảm và gây ra hiện tượng những tảng đá vôi bị tách khỏi khối đá, rơi xuống nền đường (hiện tượng đổ đá). Vì vậy, đặc biệt lưu ý đến hiện tượng này tại những vị trí đá vôi xuất lộ trên mặt.

Karst: Phát triển trong khối đá vôi tạo thành các hang có vật chất lấp nhét hoặc hang rỗng gây bất lợi cho thiết kế và thi công xử lý ổn định mái dốc. Cần lưu ý đến hiện tượng này trong thiết kế xử lý ổn định mái dốc.

Phong hóa: Sự có mặt các tầng đất tàn tích, sườn tích hay các đới đá nứt nẻ vỡ vụn dày trên bề mặt tại các vết lộ địa chất phần đồi núi cũng như tại các lỗ khoan khảo sát, chứng tỏ quá trình phong hóa đất đá đã diễn ra mạnh mẽ. Quá trình phong hóa làm biến đổi thành phần của đá gốc, đá mất tính liền khối, giảm đi độ bền của khối đá.

Hiện tượng xói lở và phá hoại bờ: Khu vực khảo sát có địa hình núi thấp và cao trung bình, sông suối và các khe cạn có độ dốc lớn và lòng sông, suối hẹp; lưu vực lớn. Vì vậy, vào mùa mưa, lưu lượng nước dồn về sông suối và các khe cạn rất lớn gây ra lũ ống, lũ quét với tốc độ dòng chảy rất lớn đã phá hủy bờ sông, suối và bề mặt khe cạn. Vì vậy lưu ý đến hiện tượng này đối với các công trình vượt sông, suối và các công trình thoát nước dọc trên tuyến.

2.1.1.3. Điều kiện về khí tượng

Khu vực dự án (trước đây thuộc tỉnh Hà Giang) nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, với đặc trưng khí hậu miền núi cao, mát và lạnh hơn các tỉnh miền Đông Bắc nhưng lại ấm áp hơn các tỉnh miền Tây Bắc. Khí hậu trong năm chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9, với nhiệt độ và độ ẩm cao; và mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, với khí hậu lạnh, độ ẩm và lượng mưa thấp.

- Nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm Hà Giang năm 22,9^{o}C, cực đại trung bình 27,5^{o}C và cực tiểu 20,0^{o}C. Tháng lạnh nhất là tháng I nhiệt độ trung bình 15,6^{0}C, tháng nóng nhất rơi vào giữa mùa mưa, thường là tháng VI hoặc tháng VII nhiệt độ trung bình 27,8^{0}C. Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất từ 12 - 13^{0}C.

Bảng 2. 1. Nhiệt độ trung bình trạm Hà Giang qua các năm 2022 – 2024 (^{o}C)

Năm / Tháng	2022	2023	2024
1	17,5	15,8	17,4
2	15,4	19,5	19,8
3	22	21,6	21,6
4	24,2	25,6	27,4
5	25,3	28,4	27,2
6	28,3	28,9	28,7
7	29,4	29,4	28,6
8	28,5	28,2	28,2
9	27,2	27,7	28
10	24,6	25,7	24,6
11	23,5	22	22,5
12	15,9	18,5	16,9
Trung bình	**23,5**	**24,3**	**24,2**

(Số liệu khí tượng thủy văn của cục thống kê tỉnh Hà Giang 2022-2024)

- Độ ẩm không khí trung bình năm 83,8% tại trạm Hà Giang, độ ẩm không thay đổi nhiều theo các tháng trong năm. Từ tháng 3 đến tháng 5 là thời kỳ độ ẩm thấp với độ ẩm bình quân tháng vào khoảng 80,5 – 82,8%, từ tháng 6 đến tháng 2 năm sau vào khoảng 83,9 – 85,9%. Độ ẩm thấp nhất đo được 59,5% vào tháng 11 tại trạm Hà Giang.

Bảng 2. 2. Độ ẩm không khí trạm Hà Giang (%)

Năm / Tháng	2022	2023	2024
1	87	78	87
2	85	82	83
3	86	83	82
4	78	81	81
5	84	78	83
6	84	81	85
7	82	80	87
8	84	86	87
9	84	83	86
10	79	81	82
11	82	84	81
12	81	84	81
Trung bình	**87**	**78**	**87**

(Số liệu khí tượng thủy văn của cục thống kê tỉnh Hà Giang 2022-2024)

- Chế độ gió: Khu vực dự án nằm sâu trong nội địa, hàng năm chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chủ yếu là gió Nam – Đông Nam vào mùa hạ và gió Bắc – Đông Bắc vào mùa đông. Tốc độ gió trung bình 1,1 m/s tại trạm Hà Giang. Tháng 4 là tháng có tốc độ gió bình quân lớn nhất 1,5 m/s và tháng 8 đến tháng 9 là những tháng có tốc độ gió bình quân nhỏ nhất là 0,9 m/s. Tốc độ gió lớn nhất thường xảy ra trong cơn dông hoặc bão, cực đại có thể đạt 20 – 30 m/s.

Bảng 2. 3. Đặc trưng tốc độ gió trung bình và lớn nhất vô hướng tại trạm Hà Giang

Tần suất / Hướng gió	2%	4%	10%
N	17,0	13,9	10,3
NE	15,4	12,9	9,9
E	14,2	12,4	10,1
SE	21,8	18,1	13,6
S	14,3	12,2	9,9
SW	24,3	19,9	14,7
W	35,3	30,6	24,8
NW	35,0	29,8	22,5
Vô hướng	37,6	32,2	26,2

- Lượng mưa trung bình hàng năm của khu vực rất cao, khoảng 2.300 – 2.400mm, và có thể đạt 2.860mm. Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến cuối tháng 9, với lượng mưa lớn nhất vào tháng 6 và tháng 7. Độ ẩm không khí duy trì ở mức cao trong hầu hết các mùa trong năm.

Bảng 2. 4. Lượng mưa hàng tháng trong các năm (đơn vị: mm)

Năm / Tháng	2022	2023	2024
1	103,7	1,3	128
2	55,1	31,7	10,9
3	91,5	41,6	85,2
4	50,2	51,2	15,1
5	529,4	131,9	175,6
6	384,1	463,2	694,6
7	181,5	365,2	916,1
8	396,7	474,7	661
9	335,1	396,1	363,5
10	101,7	161,3	154,8
11	70,1	174,1	1,9
12	40,6	14,6	28
Tổng	**2.339,7**	**2.306,9**	**3.234,7**

(Số liệu khí tượng thủy văn của cục thống kê tỉnh Hà Giang 2022-2024)

- Số giờ nắng trong năm tương đối thấp, chỉ khoảng 1.427 giờ, với tháng nhiều nắng nhất là 181 giờ và tháng ít nhất là 74 giờ.

Bảng 2. 5. Số giờ nắng các tháng trong năm (giờ)

Năm / Tháng	2022	2023	2024
1	37,1	94,6	27,9
2	5,9	77,7	93,7
3	51,3	38,2	78,9
4	138,6	86,6	135,1
5	95,6	191,6	120,9
6	142,3	177,4	101,6
7	236,7	191,1	148,8
8	198,4	165,2	152,2
9	147	163,8	156,9
10	141,5	172,4	161,3
11	139,7	124,5	166,9
12	52	91,5	28,1
Tổng	**1.386,1**	**1.574,6**	**1.372,3**

(Số liệu khí tượng thủy văn của cục thống kê tỉnh Hà Giang 2022-2024)

- Khu vực này cũng ghi nhận số ngày giông cao, lên tới 103 ngày/năm, cùng với hiện tượng mưa phùn và sương mù dày đặc, nhưng ít khi có sương muối.

2.1.1.4. Các hiện tượng biến đổi khí hậu

Sương mù là hiện tượng thời tiết hay gặp ở Hà Giang, song phân bố không đều, phụ thuộc vào đặc điểm địa hình địa phương. trong các Xín Mần, Hoàng Su Phì, yên Minh, Đông Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ có rất nhiều sương mù, tới 83 – 93 ngày/năm. Sương mù ở Hà Giang thường là sương mù bức xạ, sẽ tan nhanh khi mặt trời lên cao. Sương mù dày và kéo dài sẽ gây cản trở cho các hoạt động giao thông vận tải. Ngược lại với sương mù, sương muối hầu như năm nào cũng xuất hiện ở những vùng núi cao trên 1.000m (trên dưới 1 ngày/ năm), chỉ những vùng thấp dưới 300m mới không có sương muối.

Nằm trong vùng núi cao, Hà Giang có tương đối nhiều dông. Trung bình mỗi năm có 44 - 82 cơn dông. Dông xuất hiện nhiều nhất vào tháng IV - VIII với khoảng 6 - 15 ngày/ tháng. Dông ở đây tuy không lớn nhưng có thể kèm gió mạnh, gió lốc và mưa đá vào thời kỳ chuyển tiếp từ đông sang hè. Trên khắp địa bàn tỉnh đều thấy mưa đá xuất hiện, với khoảng 0,6-1,7 trận/ năm. Mưa đá chủ yếu xuất hiện từ tháng 2- 5.

2.1.1.5. Chế độ thủy văn

Hà Giang có hệ thống sông suối dày đặc, thuộc thượng nguồn các sông thuộc hệ thống sông Hồng như sông Gâm, sông Chảy và sông Lô. Hầu hết các sông đều có độ dốc lớn, nhiều ghềnh thác, khó khăn cho giao thông thủy.

Sông Lô: Sông Lô bắt nguồn từ vùng cao nguyên Vân Nam, bắt đầu chảy vào Việt Nam tại Thanh Thủy. Dòng chính sông Lô có chiều dài 470km với diện tích lưu vực là 13.960km2. Thượng lưu sông Lô kể từ nguồn tới Bắc Quang. Phần trung lưu từ Bắc Quang đến Tuyên Quang dài 108km, sông rộng trung bình 140m, có nhiều thác ghềnh. Phía trên Tuyên Quang, tại Khe Lau sông Lô nhận thêm sông Gâm là phụ lưu lớn nhất trên lưu vực. Hạ lưu sông Lô có thể tính từ Tuyên Quang tới Việt Trì, thung lũng sông mở rộng, lòng sông ngay trong mùa cạn cũng rộng tới 200m. Tới Đoan Hùng có sông Chảy gia nhập vào bờ phải sông Lô và trước khi đổ vào sông Hồng ở Việt Trì, sông Lô còn nhận thêm một phụ lưu lớn nữa là sông Phó Đáy, chảy từ phía Chợ Đồn xuống. Mùa lũ trên sông Lô kéo dài 5 tháng, từ tháng VI đến tháng X, trên các phụ lưu mùa lũ ngắn hơn, khoảng 4 tháng từ tháng VI đến tháng IX. Lượng dòng chảy mùa lũ chiếm khoảng 74% lượng dòng chảy cả năm. Lượng dòng chảy mùa cạn chiếm khoảng 26% lượng dòng chảy cả năm. Tháng có dòng chảy lớn nhất trong năm xuất hiện vào tháng VIII. Ở đoạn trung lưu dòng chảy tháng lớn nhất xuất hiện sớm hơn, vào tháng VII và chiếm 17 - 20% lượng dòng chảy cả năm. Nói chung, mực nước và lưu lượng trên sông Lô biến đổi nhanh, nước lũ có tính chất lũ núi rõ rệt. Trong hệ thống sông Hồng thì nước lũ trên sông Lô cũng ác liệt nhưng kém hơn sông Đà. Nước lũ sông Lô hàng năm đe doạ và gây lụt lội cho các vùng ven sông. Thành phố Hà

Giang và thành phố Tuyên Quang, một số đoạn tuyến của Quốc lộ 2 chạy ven sông thường bị ngập khi có lũ lớn. Mực nước lớn nhất của sông Lô thường vượt quá độ cao trung bình tại thành phố Tuyên Quang, có khi tới 3 ÷ 4m. Ngày 17 và 18 tháng VIII năm 1969, mực nước lớn nhất đã vượt quá độ cao của thành phố Tuyên Quang tới 4,18m.

Sông Gâm: Bắt nguồn từ Trung Quốc, chiều dài sông chảy qua tỉnh Hà Giang là 43 km. Trong địa bàn tỉnh, sông Gâm có một nhánh cấp 1 lớn là sông Nho Quế.

Sông Chảy: Bắt nguồn từ dãy núi đá Bản Hùng phía Tây Bắc tỉnh Hà Giang, có các suối đổ vào, chảy theo hướng Đông Tây, đến Ma Li Sán giáp Trung Quốc và tỉnh Lào Cai, sông đổi chiều chảy sang tỉnh Lào Cai theo hướng Bắc Nam. Chiều dài trong tỉnh Hà Giang khoảng 65km. Sông có nhiều thác ghềnh, lòng sông dốc, nước chảy xiết, sông có nhiều thác ghềnh.

Với hệ thống sông suối dày đặc, độ dốc lớn, đem lại nguồn thủy năng phát triển thủy điện vừa & nhỏ; hiện nay cũng đang được khai thác bởi hệ thống thủy điện tương đối dày đặc.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Hiện trạng kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang (cũ)

Tốc độ tăng trưởng (GRDP) năm 2024 ước đạt 6,05%, thấp hơn so với mục tiêu Nghị quyết của tỉnh (7,5%) và cao hơn mức tăng 2,85% của năm 2023, trong đó: khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,91%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 6,71%; khu vực dịch vụ tăng 7,30%. Cụ thể là tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giá so sánh 2010 ước đạt 17.731,6 tỷ đồng, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5.147,9 tỷ đồng; khu vực công nghiệp - xây dựng cơ bản đạt 4.128,2 tỷ đồng; khu vực dịch vụ 7.516,7 tỷ đồng; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 938,8 tỷ đồng. Trong 6,05% tăng trưởng của tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,91%, đóng góp 1,16 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 6,71%, đóng góp 1,55 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,30%, đóng góp 3,06 điểm phần trăm; thuế sản phẩm tăng 5,34% so với năm 2023, đóng góp 0,28 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung toàn tỉnh.

- Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,91% thấp hơn so với kế hoạch (kế hoạch tăng 4,5%), trong đó: Ngành nông nghiệp tăng 3,83%; lâm nghiệp tăng 4,43%; thủy sản tăng 3,99%.

- Khu vực Công nghiệp - XDCB tăng 6,71% so với năm 2023, đạt thấp hơn so với kế hoạch (kế hoạch tăng 8,2%), trong đó: Ngành công nghiệp tăng 11,10% (Công nghiệp khai khoáng giảm 31,86%; công nghiệp chế, chế tạo giảm 13,63%; sản xuất và phân phối điện tăng 25,09%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 1,17%), ngành xây dựng ước tăng 1,68% so với cùng kỳ.

- Khu vực dịch vụ tăng 7,30% đạt thấp hơn so với kế hoạch (kế hoạch là 9,6%), ngành dịch vụ tiếp tục giữ mức tăng trưởng cao nhất trong các nhóm ngành và có đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số lĩnh vực dịch vụ thị trường có mức tăng trưởng khá như: Hoạt động thương mại bán buôn, bán lẻ tăng 9,85%; vận tải kho bãi tăng 12,11%; dịch vụ lưu trú tăng 11,07%; dịch vụ ăn uống tăng 13,44%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 20,82%; nghệ thuật vui chơi và giải trí tăng 6,90%; hoạt động ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,78%; hoạt động giáo dục đào tạo tăng 7,57%,...

- Đặc điểm dân cư: Theo điều tra dân số năm 2024, dân số tỉnh Hà Giang cũ khoảng 0,89 triệu người, mật độ dân số là 112 người/km2, diện tích 7.927,55 km^2. Các dân tộc: H'Mông (chiếm 32,9% tổng dân số toàn tỉnh), Tày (23,2 %), Dao (14,9 %)), Việt (12,8 %), Nùng (9,7%) ...

2.1.2.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội khu vực dự án

Tháng 6/2026, Tư vấn lập báo cáo ĐTM đã tiến hành khảo sát điều tra kinh tế - xã hội tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi Dự án, cụ thể như sau:

STT	Tên phường/ xã	Diện tích (km^2)	Dân số (người)	Mật độ (người/km^2)
1	Tân Quang	174,14	12.425	71,35
2	Linh Hồ	181,44	21.725	119,74
3	Vị Xuyên	80,44	23.898	297,1
4	Phú Linh	112,37	12.270	109,19
5	Thanh Thủy	101,77	6.394	62,83
6	Hà Giang 1	82,69	21.652	261,85

Số liệu tổng hợp về kinh tế và xã hội của các địa phương được trình bày cụ thể dưới đây:

*** Khu vực dự án**

Tại các xã trong phạm vi dự án hoạt động kinh tế chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, một số hộ dân buôn bán nhỏ lẻ (tạp hóa, sửa xe, cửa hàng ăn uống…).

- Sản xuất nông nghiệp:

+ Hoạt động trồng trọt: chủ yếu là hoạt động canh tác lúa, ngô, lạc, cây hoa màu

+ Hoạt động chăn nuôi: chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản (nuôi cá trên sông Lô.

+ Lâm nghiệp: Tích cực trong công tác trồng và chăm sóc rừng, các loại cây.

- Sản xuất công nghiệp: Hoạt động sản xuất công nghiệp chủ yếu là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, ngành nghề truyền thống tập trung vào chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề thủ công phục vụ nhu cầu tại địa phương.

- Thương mại – dịch vụ: Người dân sống gần mặt đường có điều kiện thuận lợi

hơn để kinh doanh các dịch vụ nhỏ lẻ hộ gia đình như ăn uống, sửa xe, buôn bán quần áo, cửa hàng tạp hóa….Nhìn chung quy mô của hoạt động này nhỏ chỉ mang tính chất cung - cầu trong phạm vi địa phương.

Nhận xét chung:

Tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội của các xã nằm dọc đoạn tuyến cho thấy tình hình văn hóa xã hội, an ninh trật tự tại các xã tương đối ổn định. Người dân trong khu vực sinh sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp: trồng lúa nước, hoa màu, lâm nghiệp và phát triển chăn nuôi.

2.1.2.2. Hiện trạng giao thông

- Chất lượng đường nói chung vẫn còn ở mức thấp, ngoài QL.2 - trục chính đối ngoại chất lượng tương đối tốt, các quốc lộ khác như QL.4, QL.4C, QL.34, QL.279, QL.280 và các tuyến đường tỉnh phần lớn các đoạn tuyến chỉ đạt quy mô đường cấp V hoặc cấp VI mà không đạt tiêu chuẩn hình học của cấp đường (độ dốc dọc lớn hơn độ dốc dọc theo quy định của cấp đường, nhiều bán kính đường cong nằm nhỏ R=15m); mặt đường rải nhựa nhưng hư hỏng nhiều như QL.34, QL.4 (đoạn đi theo ĐT.177), QL.4C (đoạn giáp địa giới tỉnh Cao Bằng) và ở hầu hết các tuyến đường tỉnh đang bị xuống cấp nhanh, tình trạng mặt đường xấu gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc đi lại, đảm bảo an ninh quốc phòng;

- Trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh vẫn còn nhiều cầu yếu, đường tràn liên hợp; hệ thống đường đô thị và giao thông nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu; điều kiện đi lại ở các vùng nông thôn vẫn còn khó khăn; các thiết bị đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến không đầy đủ, đặc biệt là hệ thống lan can tôn lượn sóng/ tường phòng hộ; hệ thống chống đá lăn, đá rơi,... không đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông.

- Chất lượng hệ thống đường huyện và đường xã ở mức trung bình. Hầu hết các tuyến đường huyện mới đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A và các tuyến đường xã mới đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B. Nhiều tuyến đường đã bị xuống cấp và cần đầu tư để nâng cấp và bảo trì, hỗ trợ đảm bảo kết nối thuận lợi với hệ thống đường tỉnh và các tuyến quốc lộ.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

- Chất lượng nước mặt: Tham khảo các kết quả phân tích tại 24 mẫu nước mặt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho chất lượng môi trường nước mặt còn tương đối tốt. Tuy nhiên chất lượng môi trường nước mặt suy giảm hơn so với các năm trước, các chỉ tiêu phân tích hầu hết nằm dưới hoặc vượt từ nhẹ so với QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Nhìn chung, chất lượng nguồn nước mặt tại các con sông suối chảy qua thành phố Hà Giang có một số chỉ tiêu vượt ngưỡng so với quy chuẩn, nếu không được kiểm soát trong thời gian tới có khả năng

dẫn đến ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Chất lượng nước dưới đất: Tham khảo kết quả phân tích tại 17 điểm quan trắc môi trường nước ngầm trên địa bàn tỉnh cho thấy chất lượng môi trường nước ngầm tương đối tốt, các chỉ tiêu quan trắc hầu hết đều nằm dưới quy chuẩn cho phép.(QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất).

- Chất lượng không khí: Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Hà Giang năm 2024, môi trường không khí chịu ảnh hưởng tổng hợp từ nhiều nguồn thải. Từ kết quả đo quan trắc chất lượng môi trường không khí các năm thể hiện các giá trị của thông số đặc trưng cho chất lượng môi trường không khí xung quanh từng khu vực quan trắc trên địa bàn có thể thấy rằng hầu hết các chỉ tiêu được phân tích tại các điểm quan trắc đều cho giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép (QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn: Đánh giá mức độ ồn hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang (cũ) đã tiến hành đo tiếng ồn tại một số khu vực đại diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang mới Kết quả biểu diễn các giá trị thông số tiếng ồn cho thấy hầu hết mức ồn đạt QCVN 26:2025/BTNMT.

2.2.2. Hiện trạng môi trường khu vực dự án

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền trong khu vực dự án, Tư vấn môi trường đã tiến hành khảo sát, lấy mẫu và phân tích chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, rung động, đất tại khu vực Dự án tháng 6/2026.

a. Vị trí, thông số và tần suất đo đạc, lấy mẫu

Các vị trí khảo sát chất lượng môi trường khu vực Dự án được lựa chọn căn cứ theo cơ sở:

+ Điểm được lựa chọn là đại diện cho hiện trạng môi trường khu vực;

+ Đặc điểm các nguồn phát thải;

+ Đặc điểm nhạy cảm của các đối tượng tiếp nhận.

- *Chất lượng môi trường không khí:* được đo đạc tại 18 vị trí thuộc các vị trí xây dựng dự án, khu dân cư gần khu vực dự án.

Thông số đo đạc gồm: các thông số khí tượng: nhiệt độ, độ ẩm, hướng gió, tốc độ gió, áp suất khí quyển và TSP, NO_2, SO_2, CO, NH_3, H_2S.

Tần suất đo đạc: liên tục trong 16 giờ, 1 mẫu lấy trong thời gian 2 giờ, mỗi mẫu cách nhau 1 giờ 30 phút.

Các thiết bị sử dụng để đo đạc và lấy mẫu trong khảo sát gồm:

+ Thiết bị lấy mẫu bụi: TFIA-2, Staplex (Mỹ).

+ Thiết bị lấy mẫu khí: TUFF 4 Plus I.S, Casella (Anh).

+ Thiết bị đo vi khí hậu: Testo 435-2 (Đức).

- *Mức ồn, rung:* được đo đạc tại 18 vị trí, trùng với vị trí đo đạc chất lượng môi trường không khí.

Thông số đo đạc: Mức ồn trung bình (L_{eq}, dBA), mức ồn lớn nhất (L_{max}, dBA)

và mức gia tốc rung tương đương (Lva_{eq}, dB).

Tần suất đo đạc: liên tục trong 12 giờ, 02 giờ đo 1 lần.

Thiết bị sử dụng để đo đạc và phân tích trong đợt khảo sát:

+ Thiết bị đo độ ồn – Model NL-21 Sound Level Meter, RION, Japan.

+ Thiết bị đo độ rung – Model VM-53A Vibration Level Meter, RION, Japan.

- *Chất lượng nước mặt*: lấy tại 08 vị trí sông gần khu vực dự án. (Vị trí lấy mẫu cần phải chọn ổn định, đại diện được cho môi trường nước ở nơi cần quan trắc).

+ Chỉ tiêu đo đạc: Nhiệt độ, Ph, DO, Độ đục, TDS, Độ dẫn điện, TSS, BOD_5, COD, Amoni (NH_4^+ - tính theo N), Nitrat (NO_3^-- tính theo N), Photphat (PO_4^{3-} tính theo P), Sắt (Fe), Asen (As), Cadimi (Cd), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Tổng dầu, mỡ, Tổng Coliform.

+ Thiết bị lấy mẫu: Tất cả các thông số như: pH, TDS được đo ngay tại hiện trường bằng thiết bị quan trắc chất lượng nước WQC24-TOA (Nhật Bản). Các thông số khác như: COD, TSS, BOD_5, các anion, kim loại nặng, vi sinh, dầu mỡ,… sẽ được lấy mẫu, bảo quản và phân tích trong phòng thí nghiệm.

- *Chất lượng nước ngầm:*

+ Vị trí lấy mẫu: tại 15 vị trí thuộc các phường/xã trong phạm vị dự án.

+ Chỉ tiêu đo đạc: Nhiệt độ, pH, DO, Độ đục, Độ dẫn điện, TDS, Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Sunfat (SO_4^{2-}), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), Clorua (Cl^-), Sắt (Fe), Tổng Coliform, Xyanua (CN^-), Sunfua (S^{2-}), Asen (As), Cadimi (Cd), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Tổng Cr.

+ Vị trí đo đạc lấy mẫu: 01 mẫu/vị trí x 15 vị trí thuộc phạm vi dự án

+ Thiết bị lấy mẫu: Tất cả các thông số như: pH, TDS được đo ngay tại hiện trường bằng thiết bị quan trắc chất lượng nước WQC24-TOA (Nhật Bản). Các thông số khác như: COD, TSS, BOD_5, các anion, kim loại nặng, vi sinh, dầu mỡ,… sẽ được lấy mẫu, bảo quản và phân tích trong phòng thí nghiệm.

- *Chất lượng trầm tích:*

+ Chỉ tiêu đo đạc: Cu, Pb, Zn, Cd, As, Hg, Cr.

+ Vị trí đo đạc, lấy mẫu: trùng với vị trí lấy mẫu nước mặt .

+ Khối lượng mẫu: 1 mẫu/vị trí x 08 vị trí = 03 mẫu cho mỗi chỉ tiêu.

+ Mẫu trầm tích sẽ được lấy bằng dụng cụ chuyên dụng, bảo quản và phân tích trong phòng thí nghiệm.

- *Chất lượng đất:*

+ Vị trí lấy mẫu: tại 20 vị trí thuộc các phường/xã trong phạm vị dự án.

+ Chỉ tiêu đo đạc: Cu, Pb, Zn, Cd, As, Hg.

+ Vị trí đo đạc lấy mẫu: 01 mẫu/vị trí x 20 vị trí thuộc phạm vi dự án

+ Mẫu đất sẽ được lấy mẫu bằng dụng cụ chuyên dụng, bảo quản và phân tích trong phòng thí nghiệm.

Bảng 2.6. Vị trí khảo sát chất lượng môi trường

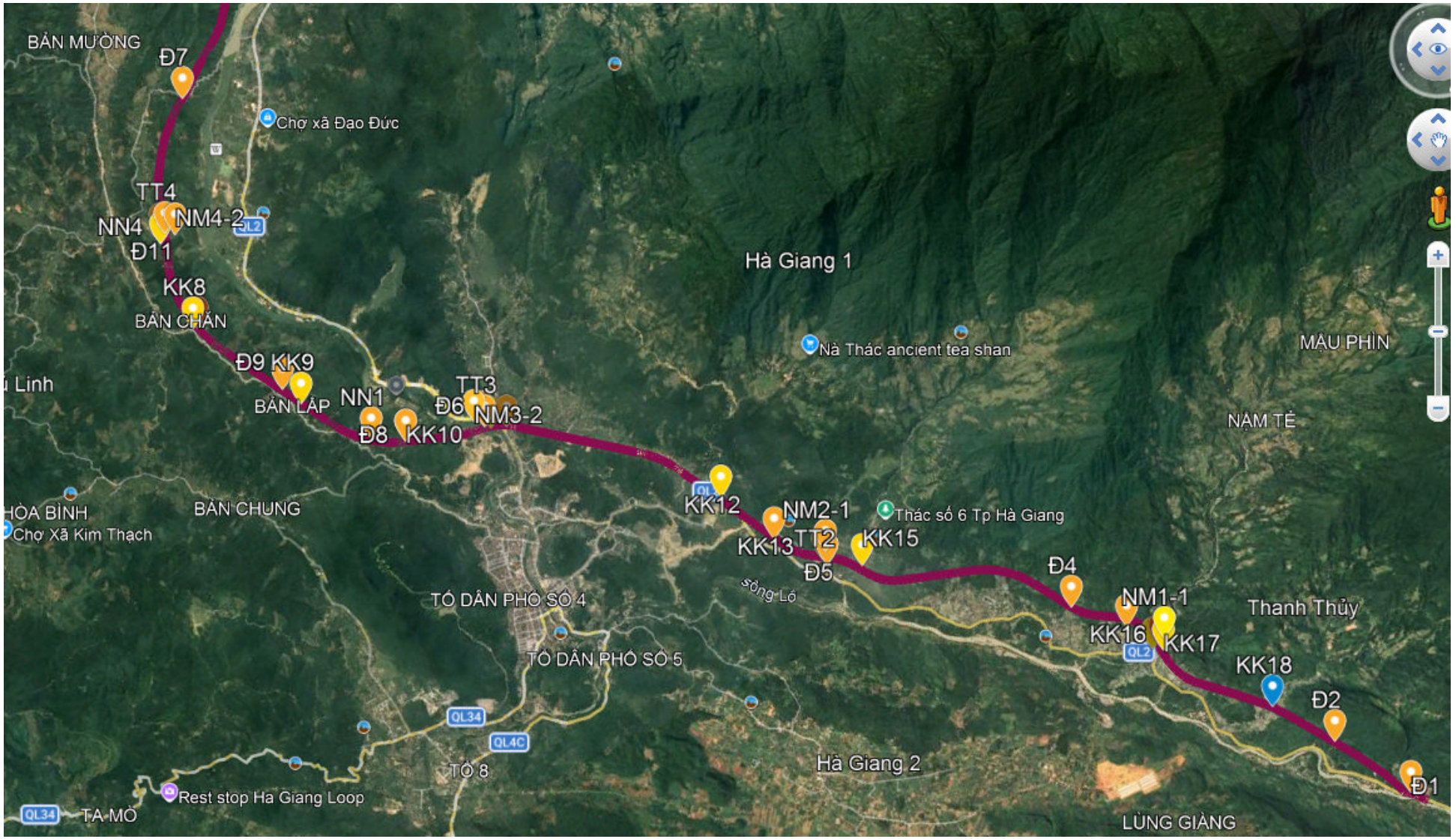
Vị trí	Ký hiệu	Thời gian	Thời tiết	Hiện trạng vị trí lấy mẫu, khảo sát
Không khí, Ồn, Rung				
Khu dân cư thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang (Km104+200)	K1	29/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường, lưu lượng phương tiện thấp
Khu dân cư Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km115+700)	K2	29/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư Thôn Khuổi Thài, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km117+900)	K3	29/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư Đội 30, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km120+600)	K4	30/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km122+300)	K5	30/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu vực chùa Nậm Dầu, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km126+900)	K6	30/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động đi chùa của người dân thưa thớt
Khu dân cư thuộc xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km128+100)	K7	30/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km140+500)	K8	01/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu vực trường học Đoàn Kết, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km142+100)	K9	01/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Bản Lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km144+200)	K10	01/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km146+000)	K11	01/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Lép, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km149+600)	K12	02/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km150+700)	K13	02/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.

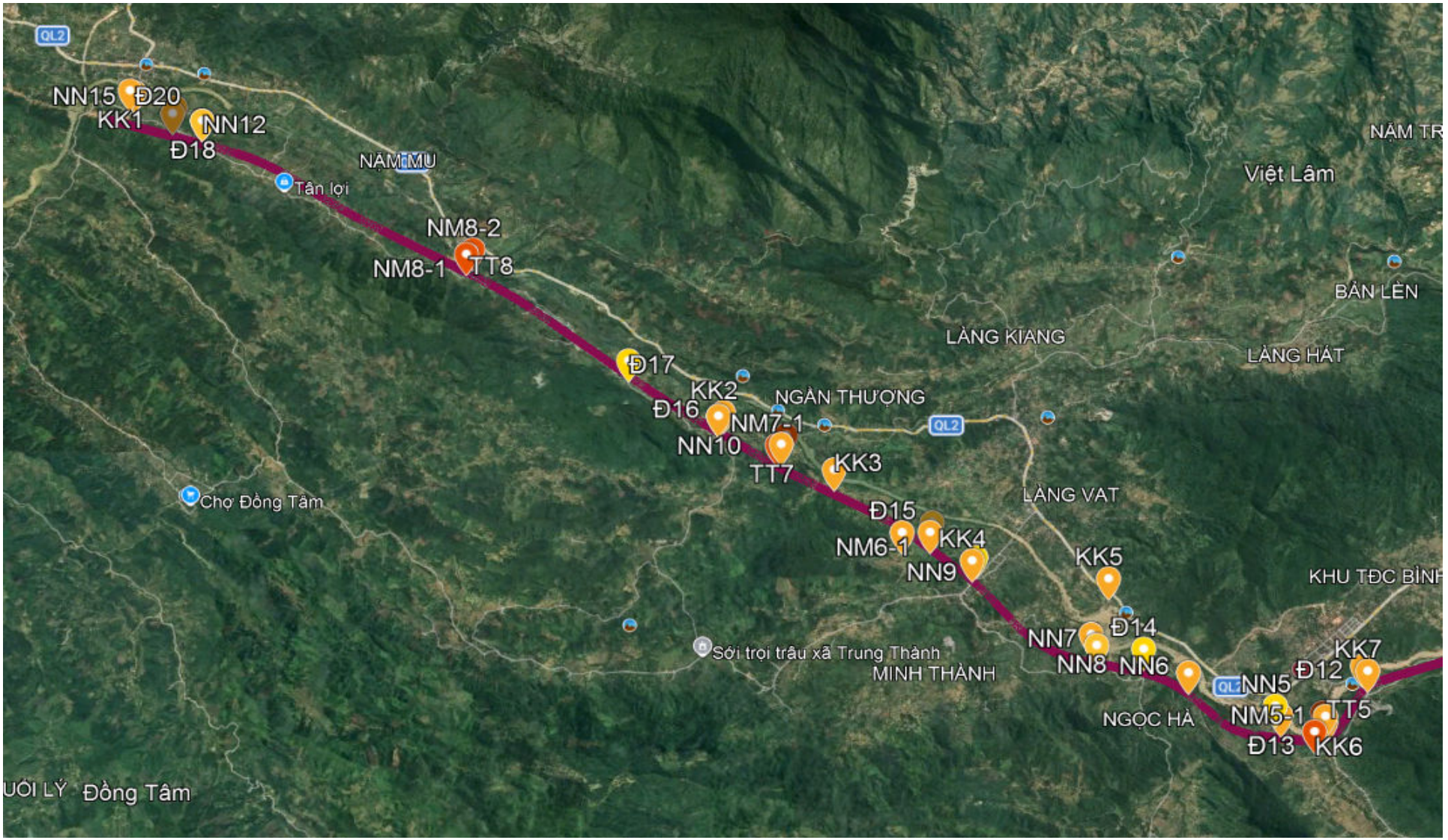
Vị trí	Ký hiệu	Thời gian	Thời tiết	Hiện trạng vị trí lấy mẫu, khảo sát
Khu vực trường Tiểu học Phương Độ, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km151+600)	K14	02/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Trường học không có hoạt động dạy học
Khu dân cư thuộc phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km152+100)	K15	02/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km156+600)	K16	03/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km157+400)	K17	03/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Khu dân cư thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km159+400)	K18	03/7/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Gần KDC, hoạt động sinh hoạt diễn ra bình thường.
Nước mặt/Trầm tích				
Cầu số 31 tại Km157+359	NM1/TT1	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối Sửu
Cầu số 30 tại Km151+533	NM2/TT2	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Cầu số 25 tại Km145+644	NM3/TT3	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích sông Lô
Cầu số 23 tại Km138+934	NM4/TT4	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Cầu số 9 tại Km125+387	NM5/TT5	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Cầu số 4 tại Km119+280	NM6/TT6	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Cầu số 3 tại Km116+901	NM7/TT7	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Cầu số 2 tại Km110+673	NM8/TT8	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Mẫu nước mặt/trầm tích suối
Nước ngầm				
Giếng khoan nhà bà Triệu Thị Hồng, thôn Lắp 1, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	NN1	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng khoan nhà bà Nguyễn Thị Hồng, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	NN2	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng khoan nhà ông Chu Văn Hải, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	NN3	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan

Vị trí	Ký hiệu	Thời gian	Thời tiết	Hiện trạng vị trí lấy mẫu, khảo sát
Giếng khoan nhà ông Hoàng Văn Dư, thôn Nà Cọn, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	NN4	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng khoan nhà ông Trương Đình Vằng, thôn Nàng Thanh, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN5	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng đào nhà ông Nguyễn Văn Đông, thôn Ngọc Hòa, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN6	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng đào nhà ông Phạm Văn Thành, Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN7	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng đào nhà ông Nông Văn Sơn, Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN8	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng khoan nhà bà Trần Thị Lý, Đội 30, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN9	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Giếng khoan nhà ông Phạm Văn Sơn, thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	NN10	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Nước giếng khoan
Khe mạch lộ nhà ông Nguyễn Huy Phương, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	NN11	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Khe mạch lộ
Khe mạch lộ nhà ông Đỗ Thế Anh, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	NN12	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Khe mạch lộ
Khe mạch lộ nhà bà Lý Thị Song, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	NN13	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Khe mạch lộ
Khe mạch lộ nhà ông Phùng Văn Thắng, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	NN14	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Khe mạch lộ
Khe mạch lộ nhà ông Bùi Đinh Thế, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	NN15	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Khe mạch lộ
Đất				
Đất vườn tại Km 161, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	Đ1	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km160, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	Đ2	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn

Vị trí	Ký hiệu	Thời gian	Thời tiết	Hiện trạng vị trí lấy mẫu, khảo sát
Đất vườn tại Km157+400, thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	Đ3	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km155+700, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	Đ4	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất ruộng ngô tại Km151+600, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	Đ5	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất ruộng
Đất vườn tại Km145+700, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	Đ6	17/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất rừng, Km136+600, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	Đ7	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất rừng
Đất vườn thôn bản lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	Đ8	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km142+200, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	Đ9	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km140+500, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	Đ10	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km139+000, thôn Nà Cọn, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	Đ11	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km128+200, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang	Đ12	18/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km126+300, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang	Đ13	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km123+800, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	Đ14	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km119+200, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	Đ15	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km115+700, thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	Đ16	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km113+000, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	Đ17	19/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại Km105+600, thôn Mục Lan, xã	Đ18	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn

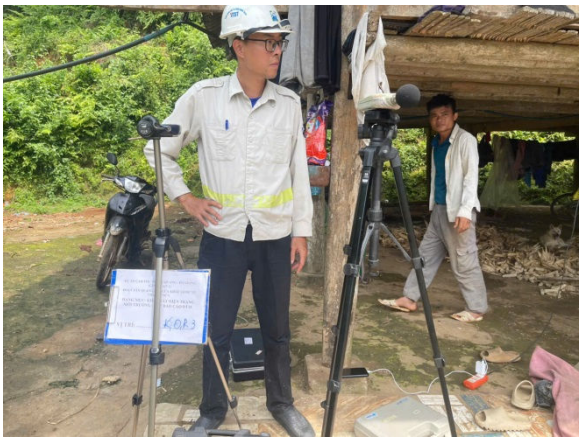
Vị trí	Ký hiệu	Thời gian	Thời tiết	Hiện trạng vị trí lấy mẫu, khảo sát
Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang				
Đất vườn tại Km105+000, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đ19	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn
Đất vườn tại hôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đ20	20/6/2026	Trời nắng, gió nhẹ	Đất vườn


BẢN MƯỜNG
Đ7
Chợ xã Đạo Đức
TT4
NN4
NM4-2
Đ11
KK8
BẢN CHẮN
Hà Giang 1
Nà Thác ancient tea shan
MẬU PHÌN
Đ9 KK9
BẢN LẬP
NN1
TT3
Đ6
NM3-2
Đ8
KK10
NẬM TẺ
KK12
NM2-1
KK13
TT2
KK15
Thác số 6 Tp Hà Giang
Đ5
Đ4
HÒA BÌNH
Chợ Xã Kim Thạch
BẢN CHUNG
TỔ DÂN PHỐ SỐ 4
sông Lô
NM1-1
KK16
KK17
Thanh Thủy
TỔ DÂN PHỐ SỐ 5
KK18
Đ2
QL34
QL4C
TỔ 8
Hà Giang 2
Rest stop Ha Giang Loop
TA MÒ
Đ1
LÙNG GIÀNG



Hình 2.1. Sơ đồ lấy mẫu khu vực dự án

Một số hình ảnh lấy mẫu tại khu vực dự án:

<table>
<tr>
<td>  </td>
<td> 
</td>
</tr>
<tr>
<td>  </td>
<td> 
</td>
</tr>
<tr>
<td>  </td>
<td> 
</td>
</tr>
</table>

b. Kết quả quan trắc môi trường khu vực dự án

b1. Môi trường không khí

Bảng 2. 7. Kết quả chất lượng không khí

TT	Thông số / Vị trí	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm^3)	NO_2 (µg/Nm^3)	SO_2 (µg/Nm^3)	CO (µg/Nm^3)	NH_3 (*) (µg/Nm^3)	H_2S (*) (µg/Nm^3)
1	K1	29,6	72,9	1002,2	1,2	93	97	38	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K2	29,7	72,9	1002,2	1,2	94	91	37	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
3	K3	29,6	72,7	1002,2	1,2	95	111	39	48	< 9900 (LOQ=9900)	23.2	18.8
4	K4	28,9	76,9	1002,1	1,3	172	97	37	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K5	29,0	76,8	1002,0	1,3	171	118	38	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
6	K6	29,0	76,8	1002,2	1,3	171	111	37	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
7	K7	29,3	76,8	1002,0	1,4	174	118	37	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
8	K8	29,9	71,1	1003,2	1,2	173	124	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
9	K9	39,0	71,2	1003,3	1,4	173	125	36	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
10	K10	30,1	71,1	1003,1	1,4	172	127	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

TT	Thông số / Vị trí	Nhiệt độ (^oC)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP ($\mu g/Nm^3$)	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	NH_3(*) ($\mu g/Nm^3$)	H_2S (*) ($\mu g/Nm^3$)
11	K11	30,3	71,2	1003,3	1,4	172	135	44	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
12	K12	31,1	68,9	1003,2	1,2	200	127	44	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
13	K13	31,3	68,7	1003,2	1,3	201	121	43	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
14	K14	31,3	68,8	1003,4	1,4	203	138	43	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
15	K15	31,5	68,8	1003,2	1,3	201	135	43	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
16	K16	30,5	67,3	1003,9	1,1	237	118	37	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
17	K17	30,3	67,1	1003,9	1,0	236	132	35	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
18	K18	30,5	67,1	1003,9	1,1	232	125	36	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Nhận xét:

Nhìn chung chất lượng môi trường vi khí hậu trong khu vực mang nét đặc trưng của khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Nhiệt độ dạo động từ 29,0^{0}C đến 31,5^{0}C; độ ẩm dao động từ 67 - 77%. Hướng gió chủ đạo là hướng Đông Nam (T6/2026).

- Bụi lơ lửng tổng số (TSP) trung bình tại các vị trí dao động trong khoảng từ 91 đến 138 µg/m^3. Hàm lượng bụi cao nhất tại vị trí KK14. Các giá trị đo đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05: 2023/BTNMT (trung bình 1 giờ).

- Nồng độ NO_2 tại các vị trí trên toàn tuyến dao động trong khoảng từ 35 đến 44 µg/m^3. Nồng độ NO_2 tại các vị trí đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép được quy định trong QCVN 05:2023/BTNMT (350 µg/m^3).

- Nồng độ SO_2 tại các vị trí trên toàn tuyến dao động trong khoảng từ 45 đến 57 µg/m^3. Nồng độ SO_2 tại các vị trí đều nằm trong giới hạn tối đa cho phép được quy định trong QCVN 05:2023/BTNMT (200 µg/m^3).

Kết luận: Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng không khí môi trường khu vực dự án hiện tại khá tốt, hiện không có chỉ tiêu nào vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ).

b2. Mức ồn

- *Cơ sở so sánh:* QCVN26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về gia tốc rung.

- *Đánh giá:* Tổng hợp kết quả đo đạc được trình bày trong bảng sau. Kết quả chi tiết trình bày trong Phụ lục 1.3- Các kết quả khảo sát chất lượng môi trường.

Bảng 2. 8. Tổng hợp kết quả đo đạc mức ồn và gia tốc rung

Ký hiệu	Ngày đo	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lmax (dBA)	Gia tốc rung (Laeq)
K1	29/6/2026	53,6	69,5	31,9
K2	29/6/2026	54,4	69,9	32,1
K3	29/6/2026	54,8	68,5	31,8
K4	30/6/2026	55,8	71,3	32,4
K5	30/6/2026	54,5	66,9	32,0
K6	30/6/2026	57,2	72,8	33,2
K7	30/6/2026	58,4	72,1	33,9
K8	01/7/2026	55,3	66,4	32,1
K9	01/7/2026	58,3	73,0	33,3
K10	01/7/2026	56,2	68,1	33,0
K11	01/7/2026	57,9	71,3	33,7

Ký hiệu	Ngày đo	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lmax (dBA)	Gia tốc rung (Laeq)
K12	02/7/2026	57,7	70,7	33,6
K13	02/7/2026	57,7	70,9	32,9
K14	02/7/2026	59,1	71,5	33,6
K15	02/7/2026	55,7	66,5	32,5
K16	03/7/2026	56,2	68,1	32,9
K17	03/7/2026	54,7	65,0	32,1
K18	03/7/2026	54,8	64,9	31,5
QCVN26:2025/BNNMT (Khu vực B, 06:00 ÷ 18:00)		**70**	**-**	**-**
QCVN26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18:00 ÷ 22:00)		**65**	**-**	
QCVN27:2025/BNNMT (Khu vực B, 06:00 ÷ 21:00)		**-**	**-**	**65**

Nhận xét: So sánh kết quả khảo sát với QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN27:2025/BNNMT thấy rằng: các vị trí đều có mức ồn và gia tốc rung trung bình nằm trong GHCP.

b3.Chất lượng nước mặt

- *Cơ sở so sánh:* QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- *Đánh giá*

Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước mặt khu vực Dự án được trình bày tổng hợp trong bảng sau và Phụ lục 1.3 - Kết quả khảo sát chất lượng môi trường.

Bảng 2.9. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM1

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM1-1	NM1-2	NM1-3	NM1-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	25,4	25,2	25,7	25,8	-	-
2	pH	-	8,04	7,92	7,96	7,93	-	**A**
3	DO	mg/L	6,66	6,54	6,87	6,73	-	**A**
4	Độ đục	NTU	1,01	1,25	0,97	0,90	-	-
5	TDS	mg/L	34,2	35,6	36,9	33,7	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	51,5	54,3	56,2	50,6	-	-
7	TSS	mg/L	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	3	3	4	4	-	**A**
9	COD	mg/L	7	7	9	8	-	**A**
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	0,82	0,81	0,83	0,82	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,005	0,006	0,005	0,005	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM1-1	NM1-2	NM1-3	NM1-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,004	0,003	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	680	910	600	560	-	**A**

Bảng 2. 10. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM2

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM2-1	NM2-2	NM2-3	NM2-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	26,1	25,8	26,0	25,6	-	-
2	pH	-	7,10	7,09	7,11	7,09	-	**A**
3	DO	mg/L	6,90	7,04	7,11	6,84	-	**A**
4	Độ đục	NTU	0,86	0,82	0,88	0,95	-	-
5	TDS	mg/L	20,7	20,5	19,6	21,3	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	33,8	33,1	32,4	35,3	-	-
7	TSS	mg/L	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	**A**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM2-1	NM2-2	NM2-3	NM2-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
8	BOD_5	mg/L	3	3	4	3	-	**A**
9	COD	mg/L	6	7	8	7	-	**A**
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	1,09	1,26	1,01	1,11	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,006	0,007	0,005	0,005	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	0,003	KPH (MDL=0,0003)	0,004	KPH (MDL=0,0003)	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	780	830	610	550	-	**A**

Bảng 2. 11. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM3

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT

			NM3-1	**NM3-2**	**NM3-3**	**NM3-4**	**GTGH theo Bảng 1**	**Mức phân loại theo Bảng 2**
1	Nhiệt độ	^oC	24,9	25,3	25,6	25,7	-	-
2	pH	-	7,76	7,82	7,69	7,73	-	**A**
3	DO	mg/L	6,91	7,22	6,85	6,76	-	**A**
4	Độ đục	NTU	2,22	2,26	2,24	2,29	-	-
5	TDS	mg/L	212	206	193	186	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	320	312	306	295	-	-
7	TSS	mg/L	7	6	5	6	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	3	3	3	4	-	**A**
9	COD	mg/L	6	5	6	7	-	**A**
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	2,27	2,58	2,34	2,67	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,006	0,006	0,005	0,008	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM3-1	NM3-2	NM3-3	NM3-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
18	Chì (Pb)*	mg/L	0,001	0,005	0,003	0,002	**0,02**	**-**
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	**-**
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	830	910	810	820	**-**	**A**

Bảng 2. 12. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM4

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM4-1	NM4-2	NM4-3	NM4-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	25,2	25,9	25,7	25,3	**-**	**-**
2	pH	-	7,56	7,48	7,52	7,41	**-**	**A**
3	DO	mg/L	6,65	6,69	6,73	6,58	**-**	**A**
4	Độ đục	NTU	15,6	12,4	14,8	13,6	**-**	**-**
5	TDS	mg/L	124	120	129	123	**-**	**-**
6	Độ dẫn điện	µS/cm	170	165	174	168	**-**	**-**
7	TSS	mg/L	12	10	11	9	**-**	**A**
8	BOD_5	mg/L	<2 (LOQ=2)	4	4	3	**-**	**A**
9	COD	mg/L	5	8	7	7	**-**	**A**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM4-1	NM4-2	NM4-3	NM4-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	0,98	0,90	0,89	0,91	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,006	0,005	0,008	0,007	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	0,010	0,005	0,002	0,003	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	810	920	680	930	-	**A**

Bảng 2. 13.Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM5

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	26,3	26,4	26,2	26,0	-	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
2	pH	-	7,96	7,91	7,83	7,88	-	**A**
3	DO	mg/L	7,02	6,88	6,75	6,94	-	**A**
4	Độ đục	NTU	6,83	6,79	6,85	6,72	-	-
5	TDS	mg/L	183	176	179	181	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	268	257	261	264	-	-
7	TSS	mg/L	8	11	7	9	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	3	4	3	<2 (LOQ=2)	-	**A**
9	COD	mg/L	6	7	7	5	-	**A**
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	1,41	1,14	1,17	1,27	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,008	0,006	0,007	0,005	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
18	Chì (Pb)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,003	0,004	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	680	780	560	610	-	**A**

Bảng 2. 14. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM6

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM6-1	NM6-2	NM6-3	NM6-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	25,3	25,1	25,7	25,2	-	-
2	pH	-	8,09	7,86	7,92	7,87	-	**A**
3	DO	mg/L	6,11	6,16	6,24	6,27	-	**A**
4	Độ đục	NTU	34,3	33,6	32,1	30,5	-	-
5	TDS	mg/L	97,5	96,1	98,3	99,7	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	144	141	148	150	-	-
7	TSS	mg/L	16	18	14	15	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	5	4	5	4	-	**A**
9	COD	mg/L	9	8	8	7	-	**A**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM6-1	NM6-2	NM6-3	NM6-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	0,85	1,18	1,14	1,01	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,006	0,007	0,006	0,007	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	0,002	0,003	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	550	400	560	610	-	**A**

Bảng 2. 15. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM7

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	24,9	25,3	25,0	24,8	-	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
2	pH	-	7,66	7,75	7,80	7,72	-	**A**
3	DO	mg/L	7,03	6,88	6,91	6,85	-	**A**
4	Độ đục	NTU	2,29	2,23	2,35	2,34	-	-
5	TDS	mg/L	156	151	147	142	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	231	226	220	217	-	-
7	TSS	mg/L	6	<5 (LOQ=5)	7	7	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	5	5	3	3	-	**A**
9	COD	mg/L	8	9	6	7	-	**A**
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	1,08	1,06	1,38	1,10	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,005	0,004	0,005	0,006	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
18	Chì (Pb)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,004	0,003	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	680	610	810	560	-	**A**

Bảng 2. 16. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt vị trí NM8

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM8-1	NM8-2	NM8-3	NM8-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	^oC	24,8	24,5	24,2	24,6	-	-
2	pH	-	7,19	7,06	7,22	7,13	-	**A**
3	DO	mg/L	7,12	7,06	6,98	6,87	-	**A**
4	Độ đục	NTU	1,25	1,22	1,28	1,31	-	-
5	TDS	mg/L	38,6	38,3	37,9	38,0	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	56,2	55,7	55,1	55,3	-	-
7	TSS	mg/L	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	**A**
8	BOD_5	mg/L	5	3	4	3	-	**A**
9	COD	mg/L	8	6	7	7	-	**A**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
			NM8-1	NM8-2	NM8-3	NM8-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**0,3**	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	1,23	1,36	0,95	1,21	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	**0,5**	-
14	Asen (As)*	mg/L	0,005	0,006	0,004	0,006	**0,01**	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,1**	-
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	0,002	0,006	KPH (MDL=0,0003)	0,005	**0,02**	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**0,5**	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	**5,0**	-
21	Tổng Coliform	MPN/100mL	400	370	550	450	-	**A**

So sánh với GHCP theo QCVN 08:2023/BTNMT , thấy rằng:

- Đối với các chỉ số gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người:
+ Các thông số Amoni, Tổng dầu mỡ nằm trong giới hạn cho phép của QCVN, Tổng Coliform vị trí quan trắc nằm ở mức tốt.
+ Các thông số kim loại nặng tất cả đều nằm trong giá trị cho phép của QCVN 08:2023, tại Bảng 1.
- Chất lượng nước hiện đang đạt ở mức tốt;

Nhận xét: Nhìn chung chất lượng nước mặt trong khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

b4.Chất lượng nước ngầm

- Cơ sở so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Đánh giá: Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước mặt khu vực Dự án được trình bày tổng hợp trong bảng sau và Phụ lục 1.3 - Kết quả khảo sát chất lượng môi trường.

Bảng 2. 17. Kết quả chất lượng môi trường nước ngầm khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 09:2023/BTNMT
			NN1	NN2	NN3	NN4	NN5	NN6	NN7	
1	Nhiệt độ	ºC	24,3	23,6	23,9	24,7	23,7	24,2	23,9	-
2	pH	-	7,82	6,86	7,28	7,19	7,85	6,98	7,45	**5,8 - 8,5**
3	DO	mg/L	2,5	1,8	2,7	2,2	1,2	1,9	2,1	-
4	Độ đục	NTU	0,73	0,46	0,52	0,54	0,36	0,62	1,23	-
5	Độ dẫn điện	µS/cm	179	91,6	171	196	195	143	240	-
6	TDS	mg/L	116	60,5	113	132	128	94,4	153	**1500**
7	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	112	100	98	102	128	96	136	**500**
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	**1**
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	<0,006 (LOQ=0,006)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	**1**
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	0,15	0,80	0,80	3,23	2,39	2,07	1,86	**15**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 09:2023/BTNMT
			NN1	NN2	NN3	NN4	NN5	NN6	NN7	
11	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	13,6	KPH (MDL=2)	<6 (MDL=6)	<6 (MDL=6)	<6 (MDL=6)	**400**
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	0,073	0,031	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	0,059	0,065	KPH (MDL=0,01)	**-**
13	Clorua (Cl^-)	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3	7	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	**250**
14	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	**5**
15	Tổng Coliform	MPN/100mL	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	**3**
16	Xyanua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	**0,01**
17	Sunfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**-**
18	Asen (As)	mg/L	0,006	0,005	0,007	0,007	0,005	0,004	0,006	**0,05**
19	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**
20	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**1**
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**
22	Chì (Pb)	mg/L	0,003	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,003	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,002	**0,01**
23	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,031	0,021	0,021	**3**
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,037	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,466	0,062	0,110	0,019	**0,5**
25	Tổng Cr	mg/L	0,01	0,009	0,007	0,01	0,008	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,05**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả								QCVN 09:2023/ BTNMT
			NN8	**NN9**	**NN10**	**NN11**	**NN12**	**NN13**	**NN14**	**NN15**	
1	Nhiệt độ	^oC	23,5	24,7	24,4	22,8	23,5	23,2	22,9	23,7	-
2	pH	-	6,00	6,29	6,34	7,34	7,82	8,16	6,98	7,04	**5,8 - 8,5**
3	DO	mg/L	2,5	1,7	1,5	3,6	3,9	4,2	3,7	4,5	-
4	Độ đục	NTU	0,76	0,41	0,57	2,2	0,78	0,39	0,19	0,68	-
5	Độ dẫn điện	µS/cm	95,2	95,3	87,9	240	504	74,0	45,7	47,9	-
6	TDS	mg/L	62,8	62,9	61,5	162	334	48,5	31,5	33,2	**1500**
7	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	68	66	50	148	304	70	44	30	**500**
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	<0,06 (LOQ=0,06)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,154	KPH (MDL=0,02)	0,09	0,167	**1**
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	<0,006 (LOQ=0,006)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	<0,006 (LOQ=0,006)	0,031	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,007	**1**
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	2,73	3,18	3,01	2,91	0,44	0,43	0,87	0,78	**15**
11	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	<6 (LOQ=6)	10,3	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	**400**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả								QCVN 09:2023/ BTNMT
			NN8	NN9	NN10	NN11	NN12	NN13	NN14	NN15	
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	-
13	Clorua (Cl^-)	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	**250**
14	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	**5**
15	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	**3**
16	Xyanua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	**0,01**
17	Sunfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-
18	Asen (As)	mg/L	0,006	0,008	0,006	0,008	0,005	0,006	0,005	0,006	**0,05**
19	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	**0,005**
20	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**1**
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	**0,001**
22	Chì (Pb)	mg/L	0,004	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,003	0,004	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	**0,01**
23	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,03	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	**3**
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,298	0,156	0,180	KPH (MDL=0,015)	0,062	KPH (MDL=0,015)	0,104	0,038	**0,5**
25	Tổng Cr	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,004	KPH (MDL=0,0003)	0,002	KPH (MDL=0,0003)	0,004	0,003	**0,05**

So sánh với QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy nước ngầm trong phạm vi dự án chưa bị ô nhiễm, tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

b5. Chất lượng trầm tích

- *Cơ sở so sánh:* QCVN 43:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích (áp dụng đối với trầm tích nước ngọt).
- *Đánh giá:* Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng đất khu vực Dự án được trình bày trong bảng sau và Phụ lục 1.3 - Kết quả khảo sát chất lượng môi trường.

Bảng 2.18. Kết quả chất lượng môi trường trầm tích khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả								QCVN 43:2025/ BNNMT
			TT1	TT2	TT3	TT4	TT5	TT6	TT7	TT8	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	35,8	13,5	19,6	80,0	51,2	85,0	56,6	28,9	**197**
2	Chì (Pb)	mg/kg	<63 (LOQ=63)	<63 (LOQ=63)	<63 (LOQ=63)	64,9	<63 (LOQ=63)	KPH (MDL=21)	90,5	<63 (LOQ=63)	**91,3**
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	101	36,4	72,1	118	103	105	129	81,7	**315**
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	<0,9 (LOQ=0,9)	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	**3,5**
5	Asen (As)	mg/kg	10,5	2,93	12,3	5,87	10,3	11,3	10,4	11,0	**17,0**
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	**0,5**
7	Tổng Crom (Cr)	mg/kg	KPH (MDL=7,5)	KPH (MDL=7,5)	KPH (MDL=7,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	KPH (MDL=7,5)	**90**

So sánh với GHCP theo QCVN 43:2025/BNNMT, thấy rằng chất lượng trầm tích khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm kim loại nặng. Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong GHCP (áp dụng với trầm tích nước ngọt).

b5. Chất lượng môi trường đất

- *Cơ sở so sánh:* QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

- *Đánh giá:* Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng đất khu vực Dự án được trình bày trong bảng sau và Phụ lục 1.3 - Kết quả khảo sát chất lượng môi trường.

Bảng 2. 19. Kết quả môi trường đất khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả										QCVN 03:2023/ BTNMT
			Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	Đ6	Đ7	Đ8	Đ9	Đ10	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	35,7	11,7	30,8	<10,5 (LOQ=10,5)	30,5	59,4	106	131	61,0	54,2	**150**
2	Chì (Pb)	mg/kg	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	KPH (MDL=20)	<60 (LOQ=60)	64,5	74,3	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	**200**
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	80,8	40,2	119	37,0	64,6	115	127	78,2	93,6	74,4	**300**
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	**4**
5	Asen (As)	mg/kg	13,5	14,4	17,4	6,32	8,38	15,1	2,3	<1,5 (LOQ=1,5)	7,04	4,58	**25**
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	**12**
TT	**Chỉ tiêu phân tích**	**Đơn vị tính**	**Kết quả**										**QCVN 03:2023/ BTNMT**
			Đ11	**Đ12**	**Đ13**	**Đ14**	**Đ15**	**Đ16**	**Đ17**	**Đ18**	**Đ19**	**Đ20**	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	127	29,0	38,0	35,3	21,1	21,6	10,8	20,3	25,4	46,4	**150**
2	Chì (Pb)	mg/kg	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	89,5	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	110	<60 (LOQ=60)	93,6	**200**
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	107	63,9	113	55,6	48,8	60,0	39,0	84,5	46,1	127	**300**
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	**4**
5	Asen (As)	mg/kg	2,18	9,94	9,69	9,99	7,40	12,4	10,3	11,9	7,73	12,6	**25**
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	<1,8 (LOQ=1,8)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	<1,8 (LOQ=1,8)	**12**

So sánh với GHCP theo QCVN 03:2023/BTNMT, thấy rằng chất lượng đất khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm kim loại nặng. Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong GHCP.

2.2.3. Hiện trạng đa dạng sinh học khu vực dự án

• Hệ thực vật

Khu hệ thực vật rừng khu vực thực hiện dự án mang đặc trưng của rừng núi đất vùng cao, chịu ảnh hưởng rõ rệt của điều kiện địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn và khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi. Thảm thực vật rừng trong khu vực chủ yếu là rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt và rừng trồng, phân bố rải rác, không hình thành các quần xã rừng có trữ lượng lớn.

Khu hệ thực vật rừng tại khu vực thực hiện dự án có giá trị đa dạng sinh học ở mức trung bình, không ghi nhận các quần xã rừng nguyên sinh hay các loài thực vật quý, hiếm, nguy cấp có giá trị bảo tồn cao trong phạm vi dự án.

Tuy nhiên, thảm thực vật rừng vẫn giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống xói mòn và ổn định cảnh quan khu vực.

Cây trồng tại khu vực dự án: cây trồng chủ yếu gồm lúa nước, Ngô, Sắn, Sa nhân tím và cây Quế với tổng diện tích khá lớn.

• Hệ động vật:

Tham khảo các báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thực trạng hệ sinh thái năm 2024. Đối với khu vực Dự án dọc theo tuyến đường cần sửa chữa nâng cấp, đến nay không thấy xuất hiện các loài thú lớn, thỉnh thoảng có thấy một số loài thú nhỏ như: Dúi mốc (Rhizomys pruinosus), Nhím đuôi ngắn (Hystrix bracchyura), Đon (Atherurus macrourus), Thỏ rừng (Lepus nigricolis), Lợn rừng (Sus scrofa Linnaeus), Chồn vàng (Martes flavicula), Chuột cây (Chiropodomy glyroides), Chuột chù (Suncus murinus),…

- Một số loài chim: Cu gáy (Streptopelia chinensis), Chiền chiện núi họng trắng (Prinia atrogularis), Chào mào (Pyconotus Jococus), Gõ kiến (Picidae), Bói cá (Ancedinidae), Bìm bịp (Centropus tolou bengalensis), Cú mèo (Oriental scops), Chim cu đen (Sarniculus lugubris dicruroides), Chim sẻ (Passer montanus), Khướu (Garrulax sinensis), Gà rừng (Gallus gallus),…

- Nhóm các loài ếch nhái, bò sát bao gồm: Chẫu (Hylarana guenther Boulenger), Nhái (Rana limnocharis), Cóc (Buffo buffo melanostictus), Chàng hưu (Rana guelthery), Thằn lằn bóng (Mabuya elonggata), Tắc kè (Calotex versicolor), Rắn nước (Natrix pisgator), Rắn cạp nong (Bungarus fasciatus), Rắn lục xanh (Trimeresurus stejnegeri), Rắn ráo thường (Ptyas korros), Kỳ đà (Varanus bengalensis), ...

- Nhóm động vật không xương sống chủ yếu thuộc nhóm động vật đất như: Giun đất (Megacolides austlia), Giun khoang (Pherelima aspergillum), Vắt (Haemabipsa), Muỗi (Anopheles),... và một số loài côn trùng như: Chuồn chuồn (Orthetrum sabina), Cào cào (Acrida chinensis), Bọ xít (Cletus punctiger), Bướm (Papilio chaon), Kiến (Mutilla remda)…

- Như vậy, khu vực dự án không thấy có dấu vết của loài động vật quý hiếm, trong sách đỏ Việt Nam nằm trên dọc tuyến đường.

- Bên cạnh loài động vật tự nhiên trên thì hệ động vật nuôi cũng khá phong phú về thành phần loài, có thể kể đến như: Trâu (Bubalus bunalis), Bò (Bibos gaurus), Thỏ nhà (Orichtolagus cuniculus), Chó (Canis dingo), Mèo (Felis bengalensis dometicus), Khướu (Garrulax sinensis), Chào mào (Pycnonotus jocosus) v.v...

- Động vật nuôi :

Chủ yếu được nuôi nhỏ lẻ trong các hộ gia đình với các loại như: trâu, bò, ngan, vịt.... Động vật nuôi hiện nay chủ yếu nuôi để cung cấp thực phẩm cho nhu cầu trong vùng.

Thành phần loài cá ở ruộng lúa nước, chủ yếu là một số loại cá nuôi như cá chép và một số loài sống được ở môi trường nước nông dễ biến đổi. Một số các loài tôm, cá nước ngọt được người dân nuôi trồng trong ao, hồ hệ thống các suối trong vùng như: cá chép, cá mè, cá chim trắng, trôi, trắm, tôm càng xanh v.v...Hầu hết được nuôi trong hệ thống ao, hồ trong nội đồng.

Sản phẩm thủy sản nuôi trồng chủ yếu vẫn là những giống cá trắm, chày, chép hoặc rô phi và một số giống cá khác như: cá mè, cá trôi…

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án được tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 2. 20. Các đối tượng bị tác động

TT	Lý trình	Đối tượng tự nhiên KTXH	Khoảng cách
I	**Các đối tượng chịu tác động liên quan đến bụi, ồn, rung**		
1	Km 104+900 – Km105+600	KDC thôn Mục Lạn, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang	30 - 80m
2	Km120+600	KDC tổ 13, xã Vị Xuyên	15 - 50m
3	Km123+800 – Km123+900	KDC thôn Ngọc Hà, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	10 – 50m
4	Km126+100 – Km126+200	Một số hộ dân xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	5 - 30m
5	Km126+900	Chùa Nậm Dầu	80m
6	Km127+600 – Km128+450	KDC thôn Lũng Loét, KDC Tân Lập, Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang	5 - 30m

7	Km140+500 – Km141+100	Một số hộ dân xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang	15 – 50m
8	Km142+000 – Km142+500 Km143+300 – Km144+600	- Một số hộ dân thuộc thôn Lắp 2, xã Phú Linh - Trường Tiểu học Đoàn Kết	10 – 50m
9	Km145+900 – Km146+900	KDC thôn Cầu Mè, KDC thôn Lâm Đồng, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	10 – 50m
10	Km147+800 – Km148+050	Một số hộ dân dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 - 15m
11	Km148+300 – Km149+800	KDC dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 - 15m
12	Km150+200 – Km150+800	KDC thôn Tha, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 – 50m
13	Km151+600	Trường tiểu học Phương Độ	35m
14	Km151+800 – Km152+250	KDC thôn Hạ Thành, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	5 – 90m
15	Km157+00 – Km157+400 Km159+200 – Km159+440	KDC xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	5 – 50m
II	**Các đối tượng bị tác động từ hoạt động thi công cầu**		
16	Km145+600	- Hệ sinh thái Sông Lô - Lòng bờ bãi sông Lô	

Bảng 2. 21. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực dự án

TT	Yếu tố nhạy cảm về môi trường	Quy mô
1	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	-
2	Có sử dụng đất, đất có mặt nước vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc từ	-

TT	Yếu tố nhạy cảm về môi trường	Quy mô
	0,5 ha trở lên đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên	
3	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng	-
4	Có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với đất có rừng tự nhiên hoặc từ 0,2 ha trở lên đối với rừng phòng hộ	rừng đặc dụng: 0,41ha, rừng phòng hộ: 1,66ha

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án *(Dự án đã có báo cáo đánh giá môi trường sơ bộ)*

CHƯƠNG 3.

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Phạm vi của Dự án bao gồm các hạng mục đầu tư xây dựng sau:

+ Đầu tư xây dựng tuyến đường có tổng chiều dài dự kiến 57,87km theo tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc (TCVN 5729:2012), Bnền = 25,25m (Bề rộng mặt đường Bm =4x3,75m; Bề rộng rải phân cách giữa Bpc = 0,75m; Bề rộng dải an toàn giữa Bat=2x1,0m; Bề rộng làn dừng khẩn cấp Bkc=2x3,0m; Bề rộng lề đất Blề =2x0,75m;) và xây dựng đồng bộ các công trình trên tuyến, trong đó:

Đoạn 1_Km104+295 – Km123+400 (L=19.11km): Điểm đầu đoạn tại Km104+295 thuộc xã Tân Quang (điểm cuối cao tốc Giai đoạn 1 đang được thi công dự kiến hoàn thiện trong năm 2025). Điểm cuối đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Đoạn tuyến có chiều dài 19,10km đi qua địa phận các xã Tân Quang (8,66km), Linh Hồ (8,50km), xã Vị Xuyên (1,95km).

Đoạn 2_Km123+400 – Km138+100 (L=14,70km): Điểm đầu đoạn tại Km123+400 thuộc xã Linh Hồ. Điểm cuối tại Km138+100 thuộc xã Phú Linh. Hướng tuyến men theo sườn núi Bình Vàng để tránh KCN Bình Vàng. Tuyến có chiều dài 14,7km đi qua xã Linh Hồ (6.76km), xã Vị Xuyên (6.19km), xã Phú Linh (1,75km);

Đoạn 3_Km138+100 – Km144+900 (L=6,80km): Đoạn tuyến nằm trong địa phận xã Phú Linh có chiều dài 6,80km. Đặc điểm địa hình khu vực đoạn tuyến đi vào dải thung lũng, qua các khu vực bằng phẳng và đồi thấp. Việc lựa chọn các phương án tuyến này là phù hợp với đặc điểm địa hình khu vực.

Đoạn 4_Km144+900 – Km153+850 (L=8,95km): Điểm đầu đoạn tại Km144+900 thuộc xã Phú Linh (điểm trước khi vượt sông Lô vào phường Hà Giang 1). Điểm cuối tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Hướng tuyến theo tim trục đường đôi hiện tại với giải pháp bố trí cầu cạn trên hệ trụ 1 cột tại dải phân cách đường đôi. Tuyến đi qua xã Phú Linh (0,60km), phường Hà Giang 1 (7,90km) và xã Thanh Thủy (0,47km)

Đoạn 5_Km153+850 – Km162+164 (L=8,31km): Điểm đầu đoạn tại Km153+850 thuộc xã Thanh Thuỷ. Điểm cuối đoạn (cuối cao tốc) tại Km162+164 thuộc xã Thanh Thuỷ tại nút giao với QL2 thuộc quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thuỷ. Đoạn tuyến có chiều dài 8,31km đi qua địa phận các xã Thanh Thuỷ

+ Cầu:

Đầu tư xây dựng 30 cầu với tổng chiều dài phần cầu là 8,804km (chiếm 15,3% chiều dài tuyến), trong đó có 01 cầu vượt sông/207,02m (cầu vượt sông Lô tại Km145+562,38), còn lại 29 cầu là cầu vượt địa hình, cầu cạn và cầu trong nút giao.

+ Nút giao:

Đầu tư xây dựng mới 03 nút giao liên thông, 01 nút giao bằng cuối tuyến cao tốc, gồm: (1) Nút giao Tân Quang tại Km 104+295; (2) Nút giao Vị Xuyên tại Km128 + 067, (3) Nút giao Hà Giang tại Km144+236; (4) Nút giao Thanh Thủy tại Km162+164 – nút giao bằng.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước ngang, nước dọc, cải mương, hệ thống hào kỹ thuật, hệ thống an toàn giao thông, hệ thống cây xanhvà hệ thống chiếu sáng.

+ Công trình khai thác: Xây dựng mới, cải tạo hệ thống công trình phục vụ khai thác tuyến cao tốc, gồm: Hệ thống giao thông thông minh (ITS) và trạm dừng nghỉ phù hợp với tiêu chuẩn đường cao tốc.

- Các hoạt động chính diễn ra trong quá trình thi công bao gồm: (i) Thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; (ii) Xây dựng văn phòng công trường, nhà kho, lán trại, vv; (ii) Huy động công nhân và máy móc tới khu vực thi công; (iv) Cào bóc đất không thích hợp và đắp nền đường bằng cát, đất và cấp phối đá dăm; (v) Vận chuyển, tập kết nguyên nhiên vật liệu đến công trình; (vi) Thảm lớp bê tông nhựa mặt đường; (xi) Xây dựng cống thoát nước ngang và dọc...

- Các tác động môi trường và xã hội bất lợi diễn ra trong giai đoạn chuẩn bị gắn với các hoạt động chính là (i) Thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; (ii) Xây dựng văn phòng công trường, nhà kho, lán trại, bãi tập kết vật liệu vv; (iii) Huy động công nhân và máy móc tới khu vực thi công; (iv) Xây đường, hệ thống thoát nước.

- Các tác động tiêu cực có thể xảy ra trong giai đoạn thi công do các hoạt động xây dựng sẽ bao gồm: (i) Tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, rung chấn; (ii) Tác động do nước thải; (iii) Chất thải rắn; (iv) Chất thải nguy hại; (v) Ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, (vi) Ô nhiễm đất; (vii) Hệ sinh thái; (viii) Ảnh hưởng đến kinh doanh; (ix) Tác động xã hội; (x) Ảnh hưởng tới cơ sở hạ tầng hiện có và dịch vụ liên quan; (xi) Xáo trộn giao thông và rủi ro an toàn giao thông; (xii) Ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn cộng đồng;; và (xiii) Rủi ro an toàn sức khỏe công nhân và các rủi ro, sự cố khác

- Trong giai đoạn vận hành cũng sẽ có một số tác động tiềm tàng và rủi ro, bao gồm: (i) Tác động bụi, khí thải, ồn do hoạt động giao thông; (ii) An toàn giao thông;

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm:

+ Hoạt động thu hồi đất, đền bù và giải phóng mặt bằng.

+ Hoạt động khai thác đất đắp, đá, cát tại các mỏ vật liệu phục vụ thi công Dự án;

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Đây là giai đoạn gây ra những ảnh hưởng lớn tới môi trường của khu vực Dự án. Tuy nhiên, hầu hết những ảnh hưởng này chỉ mang tính cục bộ và diễn ra trong khoảng thời gian thi công.

Các hoạt động gây tác động môi trường của Dự án bao gồm:

- Các hoạt động chính:

+ Hoạt động dọn dẹp mặt bằng.

+ Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng.

- Các hoạt động phụ trợ: Vận chuyển vật liệu từ nơi cung cấp đến công trình và đất đá loại từ công trường đến các bãi đổ được chấp thuận của địa phương; Tập trung công nhân; Hoạt động đổ thải tại các bãi đổ thải; Hoạt động của trạm trộn BTXM.

Tóm lược các nguồn gây tác động được trình bày trong Bảng 3. 1.

Bảng 3. 1. Tóm lược các nguồn gây tác động phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Nguồn gây tác động	Loại chất thải có khả năng phát sinh
1	**Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải**	
1.1	*Dọn dẹp mặt bằng*	
-	Dọn dẹp mặt bằng	- CTR (gạch, vữa, gỗ, sắt loại), rác. - Bụi, khí thải, ồn.
-	Chuẩn bị công trường thi công (san ủi, lắp đặt lán trại, nhà điều hành, trạm trộn,…).	- Bụi, tiếng ồn do tập kết máy móc - Chất thải xây dựng - Nước thải vệ sinh máy móc, NTSH.
1.2	*Thi công tuyến và các công trình trên tuyến*	
-	Nền đường (đào đắp, thi công nền).	Đất đá loại (đất đào không thích hợp), bụi
-	Đất đá loại (đất đào không thích hợp), bụi	Chất thải rắn
1.3	*Thi công cầu vượt dòng chảy, cầu cạn, vượt đường bộ*	
-	Phần dưới cầu	- Đất đá loại (đất đào không thích hợp, đất lẫn bentonite, bentonite tràn đổ). - Nguồn nước mặt, trầm tích.
-	Phần trên cầu	Bụi, chất thải rắn
-	Hoàn thiện và thanh thải	Chất thải rắn
1.4	*Các hoạt động liên quan*	
-	Hoạt động của lán trại công nhân	Nước thải và rác thải sinh hoạt
-	Hoạt động của thiết bị thi công	Bụi và khí thải
-	Vận chuyển vật liệu và đất đá loại	Bụi và khí thải

2	**Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải**	
2.1	*Dọn dẹp mặt bằng*	
-	Dọn dẹp mặt bằng	Ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của các hộ dân nằm trong phạm vi GPMB
2.2	*Thi công tuyến và các công trình trên tuyến*	
-	Nền đường (đào đắp, thi công nền, mặt đường, các công trình phụ trợ)	Xói lở, sụt trượt.
2.3	*Thi công cầu vượt dòng chảy, cầu cạn, vượt đường bộ*	
-	Phần dưới cầu	- Bồi lắng, xói lở, tác động đến dòng chảy. - Hệ sinh thái dưới nước, trên cạn.
-	Phần trên cầu	- Ồn, sự cố kỹ thuật
2.4	*Các hoạt động liên quan*	
-	Hoạt động của lán trại công nhân	- Tác động trật tự an toàn xã hội, dịch bệnh,…
-	Hoạt động của thiết bị thi công	- Ồn, ùn tắc, mất an toàn giao thông, hư hại tiện ích cộng đồng, nén đất.
-	Vận chuyển vật liệu và đất đá loại	Tràn đổ

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

A. Đánh giá, dự báo các tác động có liên quan đến chất thải

3.1.1.1. Tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

a. Nguồn gây tác động

Các nguồn phát sinh nước thải trong quá trình thi công dự án, gồm:

- Nước thải từ bể phốt nhà dân sau phá dỡ;
- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân;
- Nước thải từ trạm trộn BTXM;
- Nước thải từ quá trình dưỡng máy móc và trang thiết bị thi công;
- Nước mưa chảy tràn.

b. Đánh giá tác động

b1. Nước thải bể phốt nhà dân sau phá dỡ

Dự án dự kiến sẽ giải tỏa nhà ở của 430 hộ tại các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy

Dự kiến nước trong bể phốt của các nhà bị phá dỡ khoảng 2m^3/hộ tương ứng 860 m^3 nước từ bể phốt cần được thu gom:

Bảng 3. 2. Dự kiến lượng nước thải bể phốt phát sinh trong quá trình phá dỡ

TT	Địa phận	Số hộ dân di dời (hộ)	Lượng nước từ bể phốt phá dỡ (m^3)
1	Xã Tân Quang	78	156

TT	Địa phận	Số hộ dân di dời (hộ)	Lượng nước từ bể phốt phá dỡ (m^3)
2	Xã Linh Hồ	87	174
3	Xã Vị Xuyên	25	50
4	Xã Phú Linh	125	250
5	Phường Hà Giang 1	20	40
6	Xã Thanh Thủy	95	190
	Tổng	**430**	**860**

Đây là loại nước thải chứa nhiều chất hữu cơ, có hàm lượng BOD_5. Nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến cảnh quan, chất lượng môi trường xung quanh. Tuy nhiên, phạm vi các hộ bị di dời nằm rải rác trên tuyến nên mức độ tác động không lớn, dễ dàng giảm thiểu tác động thông qua biện pháp Hợp đồng thu gom chất thải với đơn vị địa phương có chức năng.

Đối tượng và vị trí chịu tác động: Các hộ dân không bị di dời, chất lượng nước mặt, môi trường đất xung quanh khu vực phá dỡ

Mức độ tác động: Trung bình

Thời gian tác động: Trong suốt quá trình phá dỡ

b2. Nước thải sinh hoạt của công nhân

Trong quá trình thi công xây dựng, Dự án sẽ phải tập trung một số lượng công nhân làm việc trên công trường (dự kiến sẽ huy động khoảng 50 người). Dự án dự kiến bố trí 05 công trường tại mỗi đoạn tuyến với diện tích 10000 m^2/ công trường tại khu vực thi công.

Nước dự kiến dùng cho vệ sinh của công nhân xây dựng: Theo tiêu chuẩn 20TCN-33-85 Bộ Xây dựng, định mức nhu cầu cấp nước cho công nhân là 70 lít/người/ngày (định mức nước dùng cho vệ sinh, tắm rửa là 45 lít/ca; định mức nước cho nhu cầu chuẩn bị bữa ăn là 25 lít/ca).

Theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải, lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp:

$Q_{SH} = q_{SH}$ x n (m^3/ngày).

Trong đó:

Q_{SH}: Lượng nước thải sinh hoạt m^3/ngày.

q_{SH}: Lượng nước tiêu thụ một người là 70 lít/người/ngày.

n: Số công nhân là 50 người.

Q_{sh} = 0,07 x 50 = 3,5 m^3/ngày

Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp

chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N) và các vi sinh vật, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước sinh hoạt

TT	Thông số	Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)		Cột C (QCVN 14:2025/BTNMT)
		Chưa xử lý	Qua bể phốt	
1	BOD_5	281,2 ÷ 337,5	62,5 ÷ 125	40
2	TSS	437,5 ÷ 906	31,2 ÷ 134,5	70
3	Tổng Coliform (MNP/100ml)	$0,6.10^7$ ÷ $0,6.10^{10}$	-	5.000

Nguồn: PGS. TS. Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2005.

Ghi chú:

- *QCVN 14: 2025/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về nước thải sinh hoạt;*

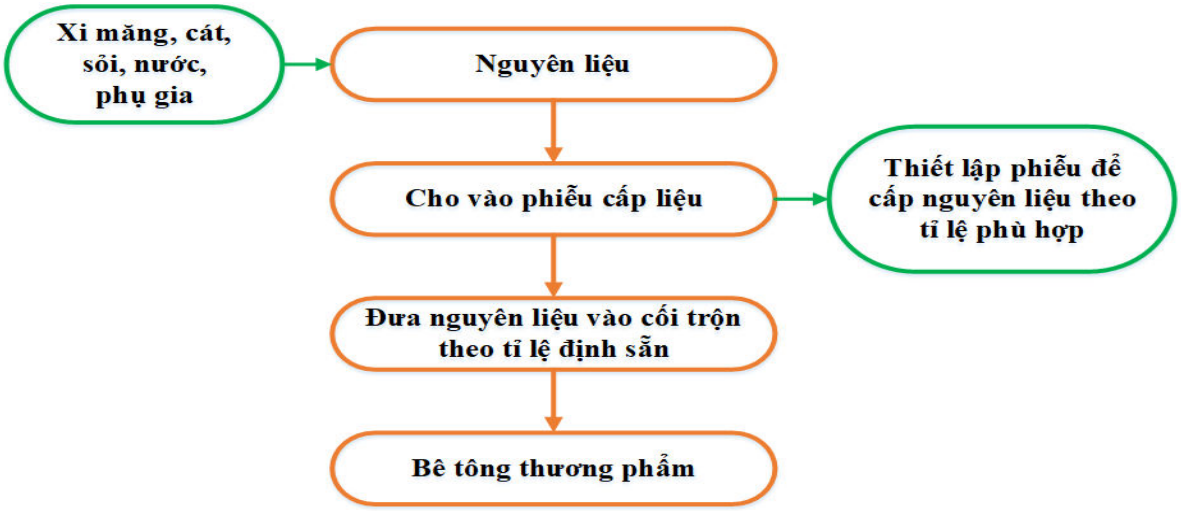
Có thể thấy, ngay khi nước thải vệ sinh đã được xử lý sơ bộ bằng bể phốt, các chất gây ô nhiễm trong cống rãnh từ lán trại công nhân vẫn vượt Cột C theo QCVN 14:2025/BTNMT tính cho dự án đầu tư, cơ sở nhiều lần khi thải vào nguồn nước loại C theo QCVN 08:2023/BTNMT. Nếu không qua bể phốt nồng độ BOD_5 còn cao hơn khoảng 7,5 lần; TSS – khoảng 6 lần; và Coliform – khoảng 10 lần. Đây là loại nước thải phát sinh hàng ngày tại lán trại công nhân trong 24 tháng thi công.

Nếu để các loại chất thải này xâm nhập vào các nguồn nước mặt, kênh/rạch trên tuyến dọc đường gom sẽ có nguy cơ gây ra tình trạng ô nhiễm chất hữu cơ. Các khu vực nước nơi bị ô nhiễm loại chất thải có nguy cơ bị phú dưỡng, gây độc hoặc chết đối với hệ sinh thái nước.

b3. Tác động do nước thải từ khu vực trạm trộn BTXM và bãi đúc dầm

- Tác động do nước thải từ khu vực trạm trộn BTXM

Trạm trộn bê tông xi măng và các máy trộn dự kiến sẽ được sử dụng để trộn bê tông các hạng mục công trình của Dự án. Với các cầu và nút giao, do sử dụng bê tông mác cao nên sẽ cần rửa cốt liệu và trộn bằng trạm trộn. 05 trạm trộn bê tông công suất 90 m^3/h dự kiến sẽ được bố trí tại 05 công trường tại 05 đoạn tuyến



Nước thải phát sinh ra từ các nguồn sau:

+ Nước rơi vãi từ máy trộn bê tông,

+ Nước vệ sinh cối trộn, trạm trộn, đường ống và xe chở,

+ Nước tưới bê tông,

Tham khảo hồ sơ xả thải của một số công trình đang hoạt động cho thấy: lượng phát sinh trung bình 1,3 m^3/mẻ/trạm công suất 90 m^3/h, mỗi trạm thi công cao nhất là 2 mẻ/ngày, như vậy nước thải phát sinh từ trạm trộn đối với mỗi công trường khoảng 2,6 m^3/ngđ. Đây là một trong những chất thải giàu chất rắn tổng số (TSS) được thải ra môi trường bên ngoài. So với QCVN 40:2011/BTNMT, TSS trong nước thải từ các hoạt động này sẽ cao hơn 6,63 lần so với cột B và 3,4 lần so với cột A. Do đó tràn đổ nước thải từ các hoạt động trộn bê tông sẽ gây ô nhiễm nước mặt gần các công trường thi công do tăng độ đục, pH và TSS. Khi thâm nhập vào nước, TSS nhanh chóng lắng đọng và tích lũy trên một diện tích hẹp gần khu vực tràn đổ. Bên cạnh đó, với tác động bao phủ, TSS có thể thay đổi điều kiện hóa lý của lớp trầm tích trên bề mặt. Tiếp đó sẽ tác động tiêu cực đến hệ sinh thái như giảm mật độ sinh vật phù du, vùi lấp sinh vật đáy. Mặt khác, lượng nước thải này trong thực tế hầu như phát sinh không đáng kể do cốt liệu đưa vào trạm trộn gần như không phải rửa hoặc nước sau khi rửa cốt liệu được đưa vào bể chứa, lắng sau đó tuần hoàn, tái sử dụng, có thể kiểm soát được thông qua các biện pháp giảm thiểu nên tác động đến môi trường không đáng kể.

Vị trí chịu tác động: Chất lượng nước mặt và môi trường đất xung quanh trạm BTXM tại khu vực công trường bố trí trạm.

Mức độ tác động: Trung bình

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian vận hành trạm trộn BTXM

- Tác động do nước thải từ bãi đúc dầm

Trong quá trình đúc dầm cần sử dụng nước để dưỡng bê tông. Nước thải từ bãi đúc dầm chứa nhiều chất rắn lơ lửng có nguy cơ xâm nhập vào các dòng chảy tự nhiên, gây ô nhiễm, đây đục nguồn nước tiếp nhận tại các vị trí thi công cầu

Vị trí chịu tác động: Chất lượng nước mặt và môi trường đất xung quanh bãi đúc dầm, khu vực công trường bố trí trạm.

Mức độ tác động: Trung bình

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian

b4 Tác động do từ hoạt động rửa phương tiện

Để giảm thiểu tác động tới môi trường không khí bởi bụi trong quá trình thi công (đặc biệt là quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải), dự kiến tại mỗi công trường sẽ bố trí 1 trạm rửa xe đặt tại cổng ra của công trường.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Ước tính lượng nước làm sạch bánh xe khi ra khỏi công trường trung bình **100 lít/xe.**

- Thành phần và tính chất nước thải: Xe tại công trường chủ yếu rửa nhằm làm sạch bụi, đất, vật liệu cát, đá còn sót lại trên bánh xe, chỉ sử dụng nước, không dùng hóa chất tẩy rửa. Do đó, đặc trưng của loại nước thải này là chứa nhiều chất rắn lơ lửng.

Với thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, đất đào đắp, vật liệu phá dỡ, chất thải xây dựng diễn ra trong suốt thời gian thi công 24 tháng (tương đương khoảng 1.080 ngày) thì mỗi ngày trung bình có khoảng **2503 lượt xe** vận chuyển.

Tổng lượng nước trung bình cần sử dụng trên một ngày là:

100 lít/xe x 2503 lượt xe/ngày = 250.300 lít/ ngày = 250,3 m^3/ ngày

Căn cứ theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải thì lượng nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe tại dự án được tính bằng 80% nước cấp. Cụ thể như sau:

$Q_{thải}$ = 250,3 m^3/ngày × 80% = **200,24 m^3/ngày**

- *Quy mô không gian tác động:* Bên trong và xung quanh khu vực dự án

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường đất, môi trường nước

- *Mức độ tác động:* Nước thải này có chứa nhiều cặn lắng, lượng phát sinh ít và chỉ gây tác động trực tiếp đến khu vực thi công. Tuy nhiên, nếu không có biện pháp giảm thiểu thì lượng nước thải này cũng ảnh hưởng đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận trong suốt giai đoạn thi công xây dựng. Chủ dự án cam kết có những quy định buộc các nhà thầu xây dựng phải có những biện pháp quản lý cụ thể đẻ tránh gây ra các tác động xấu.

b5. Nước thải lẫn bentonite từ quá trình khoan cọc nhồi mố trụ cầu

Dự án sẽ sử dụng phương pháp thi công cọc khoan nhồi sử dụng dung dịch bentonite để thi công móng của mố cầu và trụ cầu. Trong quá trình thi công mố cầu và trụ cầu bằng công nghệ cọc khoan nhồi dễ dẫn tới nước thải, bùn thải có độ đục lớn và hàm lượng chất rắn cao đi vào hệ thống thoát nước tự nhiên của khu vực.

- Để tính lượng dung dịch bentonite cần thiết ta tính như sau:

Dung dịch bentonite cần thiết ≈ Thể tích lỗ khoan + dung dịch bù hao hụt, bù lắng cặn, tuần hoàn.

Thể tích lỗ khoan: V= π x (D:2) ^2

(với D là đường kính cọc)

Dự án sử dụng cọc D 1200, 1500 và 2000. Tính toán được định mức sử dụng bentonite cho các công trình thi công như sau:

Bảng 3. 4. Định mức sử dụng bentonite

Đường kính cọc (mm)	Dung dịch bentonite (m^3/dài cọc)	Bột bentonite (kg/m)
1000	0,65 – 0,80	30 - 40
1200	0,90 – 1,05	45 – 55
>1200	1,30 – 1,50	65 – 75

Tuy nhiên, không phải toàn bộ lỗ khoan chứa dung dịch bentonite. Sau khi trừ phần chiếm chỗ bởi cần khoan, ống vách,...Về nguyên tắc, toàn bộ dịch khoan bentonite sẽ được thu hồi và tái sử dụng. Tuy nhiên thực tế cho thấy khoảng 20% dịch bentonite sẽ bị thất thoát ra bên ngoài. Nếu lượng bentonite bị tràn đổ ra ngoài môi trường sẽ ảnh hưởng chất lượng nguồn nước khu vực do gia tăng chất rắn lơ lửng và độ đục. Điều này dẫn đến những ảnh hưởng bất lợi lên đời sống thủy sinh như vùi lấp động vật đáy, hạn chế sự sinh trưởng của các loài thực vật thủy sinh sống chìm trong nước và ảnh hưởng tới môi trường sống của các loài thủy sinh.

Hiện trạng phạm vi thi công cầu có một số vị trí cầu vượt suối tại Km116+903.1; Km119+282.14; Km125+368.24; Km126+910.0; Km137+756.98; Km151+547.63 và cầu vượt sông Lô tại Km145+562 có chức năng tưới tiêu cho khu vực. Lượng bentonite không được thu gom tốt sẽ gia tăng độ đục, làm bồi lắng lòng suối, thu hẹp dòng chảy và ảnh hưởng tới hiệu quả tiêu thoát nước.

b6. Nguy cơ tràn các chất bẩn từ bề mặt công trường do nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua khu vực công trường sẽ mang theo các chất bẩn trên bề mặt, bùn đất trong phạm vi công trường cũng có thể theo dòng nước mưa chảy tràn và thoát ra ngoài.

- Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực dự án được xác định theo công thức thực nghiệm sau:

$Q = \varphi \times q \times f$

Trong đó:

φ : Hệ số dòng chảy. Đối với khu dự án trong giai đoạn xây dựng chọn ψ = 0,2

Q : Lưu lượng nước tính toán cực đại chảy tràn vào tháng có lượng mưa lớn nhất (l/s).

f : Diện tích lưu vực thoát nước. **F = 0,5 – 1,0 ha**

q : Cường độ mưa tính toán (l/s.ha);

q= 166,7 x I, trong đó I là cường độ mưa trung bình ngày trong tháng có lượng mưa lớn nhất ghi nhận tại Trạm khí tượng gần Dự án nhất. Theo số liệu khí tượng tại Trạm khí tượng Hà Giang cường độ mưa lớn nhất là 347 mm/ngày, tương đương 0,004 mm/s. Như vậy, q= 166,7 x 0,004 mm/s = 0,6668 l/s.ha.

Thay các dữ kiện lần lượt vào công thức trên tính được lượng nước mưa chảy tràn:

Q = 0,2 x 1,0 x 0,6668 = 0,1336 (l/s) tương đương 11,52 m^3/ngày

Thành phần chủ yếu của nước mưa được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 5. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)
1	TSS	mg/l	10 – 20	0,897 – 1,794
2	COD	mg/l	10 – 20	0,897 – 1,794
3	Tổng Nitơ	mg/l	0,5 – 1,5	0,045 – 0,135
4	Tổng Photpho	mg/l	0,004 – 0,03	0,0004 – 0,003

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới (WHQ), Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí — Tập l, Generva)

Khu vực tuyến đi qua có phân bố mưa trong năm tập trung vào thời kỳ từ tháng 6 đến tháng 10, lượng mưa lớn nhất trong năm vào tháng 7-8. Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn và các tác động bất lợi tại các công trường trong suốt giai đoạn mùa mưa (từ tháng 6 đến tháng 10) khu vực dự án được dự báo khoảng 0,00013 m^3/s đối với mỗi khu vực công trường.

Nước mưa chảy tràn qua các bãi chứa vật liệu, bãi xe, lán trại công nhân, nhà xưởng và bãi đúc dầm chứa các tạp chất khác như dầu mỡ, chất hữu cơ, chất rắn, kim loại nặng,... và chất rắn lơ lửng. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn chủ yếu từ nước mưa đợt đầu (tính từ khi bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 - 20 phút sau). Hàm lượng (BOD_5) trong nước mưa đợt đầu thường nằm trong khoảng 35 - 50mg/l; hàm lượng cặn lơ lửng 1.500 đến 1.800 mg/l. Vì vậy, khi nước mưa chảy tràn qua bề mặt công trường, chảy đến khu vực kế cận công trường. Chất lượng môi trường nước tại khu vực các suối Km116+903.1; Km119+282.14; Km125+368.24; Km126+910.0; Km137+756.98; Km151+547.63; sông Lô tại Km145+562 nằm trong khu dự án sẽ bị ảnh hưởng do nước mưa chảy tràn bởi gia tăng hàm lượng TSS trong nước mặt và gây ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tại khu vực sông/suối gần khu vực công trường. Tuy nhiên, nguồn gây tác động này chỉ xảy ra khi

xuất hiện các trận mưa có cường độ lớn, kéo dài. Đối với những cơn mưa nhỏ thì nguồn gây tác động này đến môi trường nước mặt tại khu vực là không đáng kể.

Mặt bằng tại khu vực thi công được thu dọn, vệ sinh sạch sẽ nhằm giảm thiểu tác động đến nguồn nước.

- *Phạm vi không gian tác động:* Bên trong và xung quanh khu vực dự án

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường đất, chất lượng môi trường nước tại khu vực các suối Km116+903.1; Km119+282.14; Km125+368.24; Km126+910.0; Km137+756.98; Km151+547.63; sông Lô tại Km145+562

- *Mức độ tác động:* Trung bình, có thể khắc phục

- *Thời gian tác động*: Trong quá trình thi công, diễn ra trong thời gian ngắn.

3.1.1.2. Các tác động đến môi trường không khí

a. Nguồn phát sinh khí thải

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng và bố trí công trường
- Hoạt động thi công đào, đắp nền đường
- Hoạt động vận chuyển đất đá đi đổ thải
- Hoạt động của thiết bị thi công
- Hoạt động của Trạm trộn BTXM; BTNN

b. Đánh giá tác động

b1. Ô nhiễm bụi từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và bố trí công trường

➢ *Ô nhiễm môi trường không khí từ hoạt động phá dỡ nhà cửa*

Lượng bụi phát sinh phụ thuộc vào nhiều yếu tố như vật liệu của công trình, quy mô công trình, độ ẩm, điều kiện thời tiết. Kinh nghiệm giám sát thi công các Dựán tương tự cho thấy, hoạt động phá dỡ nhà cửa thường tạo nên tình trạng ô nhiễm bụi vượt GHCP theo QCVN05:2023/BTNMT khoảng 2 ÷ 3 lần ở khoảng cách 30 ÷ 40m xuôi theo chiều gió từ vị trí phá dỡ.

Các nhà dân bị phá dỡ là các nhà dân nằm rải rác trên các vị trí thi công đường gom và nút giao và cách xa so với các KDC khác trong khu vực (khoảng trên 50m), do vậy đối tượng chịu ảnh hưởng bởi bụi từ quá trình phá dỡ là người tham gia/công nhân phá dỡ công trình.

- *Đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động*

+ *Đối tượng*: Người tham gia/công nhân phá dỡ công trình;

+ *Mức độ tác động*: Nhỏ.

+ *Thời gian tác động*: Trong suốt thời gian phá dỡ (15 ngày/vị trí)

➢ *Tác động đến môi trường không khí do bụi phát sinh từ hoạt động san ủi, phá dỡ tạo mặt bằng*

Theo kinh nghiệm giám sát thi công và kết quả quan trắc môi trường đối với hoạt động bố trí các hạng mục trong công trường đối với các Dự án thi công đường giao thông cho thấy môi trường không khí cách khu vực thi công công lán trại, công trường khoảng 10 ÷ 30m sẽ bị ô nhiễm bởi bụi (< 2 lần GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT) ở mức không lớn. Ngoài phạm vi khoảng 50m, hoạt động san gạt, lắp đặt các hạng mục như nhà điều hành, trạm trộn BTXM,… ít có nguy cơ bị ảnh hưởng.

- *Phạm vi tác động:*Tại các vị trí công trường

Do các vị trí bố trí công trường đều cách xa khu dân cư > 500m nên hoạt động dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt trạm trộn BTXM phát sinh bụi, khí thải không làm ảnh hưởng đến các đối tượng nhạy cảm dọc tuyến.

- *Mức độ tác động*: Trung bình

- *Thời gian tác động*: Trong thời gian chuẩn bị mặt bằng (3-4 tuần/công trường)

b2. Ô nhiễm bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp

Bụi và khí thải (NO_2, SO_2, CO, NO_x, VOC) là những chất thải gây tác động tới chất lượng môi trường không khí, phát sinh chủ yếu từ các hoạt động đào đắp. Lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp phụ thuộc vào thành phần đất đào, độ ẩm và điều kiện thời tiết.

Tổng lượng đất đào, đắp của dự án:

Bảng 3. 6. Tổng hợp khối lượng đào đắp thi công các hạng mục công trình

Hạng mục	Đào (m^3)	Đắp (m^3)
Phần tuyến chính cao tốc	17.853.401,8	8.805.732
Nút giao	1256.282,81	295.542,51
Đường ngang	101.013,53	212.962,29
Đường gom	490.048,26	347.940,89
Đường công vụ và xử lý nền đất yếu	109.997,14	206.902,05
Tổng	**19.810.743,53**	**9.869.079,73**

Nguồn: Dự toán khối lượng của dự án

Mức độ phát tán bụi trong quá trình đào đắp, san lấp nền phụ thuộc vào khối lượng đào, xúc đất và đắp đất san nền. Lượng bụi khuếch tán được tính toán dựa vào hệ số ô nhiễm và khối lượng đất đào, đắp. Trong quá trình đắp nền của dự án thì thường phát sinh ra bụi, để tính toán được tổng lượng bụi phát sinh ta áp dụng các công thức sau:

* Xác định khối lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đắp được áp dụng công thức:

$$W = E * Q \text{ (kg)} \quad [3.1]$$

Trong đó: - E là hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất)

- Q là lượng phát thải (tấn), **Q = (Khối lượng đào + khối lượng đắp) x 1,4 = (19.810.743,53 + 9.869.079,73) x 1,4 = 41.551.752,56** (tấn)

* Hệ số ô nhiễm E được tính theo công thức sau:

$$E = k * 0,0016 * (U/2,2)^{1,4}/(M/2)^{1,3} \text{ (kg/tấn)} \quad [3.2]$$

Trong đó: - k là cấu trúc hạt (có giá trị trung bình **k= 0,35**)

- U là tốc độ gió trung bình, **U = 1,5 m/s**
- M là độ ẩm trung bình của vật liệu, **M = 15%**

Dựa vào công thức [3.2], tính được hệ số ô nhiễm bụi E từ hoạt động đào đắp như sau:

$$E = 0,35 * 0,0016 * (1,5/2,2)^{1,4}/(0,15/2)^{1,3} = \mathbf{0,012 \text{ kg bụi/tấn}}$$

* Thay vào công thức [3.1] tính được khối lượng bụi phát sinh W từ hoạt động đào đắp của dự án như sau:

$$W = \mathbf{0,012 * 41.551.752,56 = 498.621,03 \text{ kg.}}$$

Thời gian thi công đào, đắp dự kiến là 18 tháng (468 ngày, mỗi ngày làm việc 8h, tháng làm việc 26 ngày)

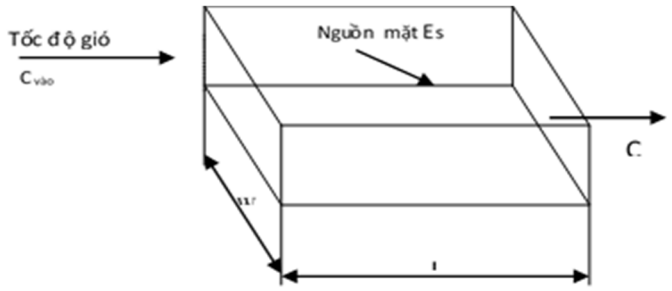
Tính toán lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp như sau:

Bảng 3. 7. Tổng hợp khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp

Hạng mục	Khối lượng bụi phát sinh lớn nhất (kg/ngày)	Khối lượng bụi phát sinh lớn nhất (mg/s)
Bụi từ quá trình đào, đắp san nền	1.065,43	36.994,08

** Đánh giá bụi, khí thải theo chiều cao phát tán*

Để đơn giản hóa ta xét nồng độ chất ô nhiễm trên một diện tích bằng cách sử dụng hình hộp khí điển hình, thừa nhận khối không khí ở trên vùng ô nhiễm bất kỳ được hình dung là hình hộp có một cạnh đáy song song với hướng gió ta có sơ đồ sau:



***Hình 3. 1.* Mô hình phát tán không khí nguồn mặt**

[Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 2003. Môi trường không khí, Nhà xuất bản khoa học Kỹ thuật, Hà Nội]

Để tính toán với một quần thể ô nhiễm trong hộp, số lượng chất ô nhiễm trong hộp là tích số của lưu lượng không khí và nồng độ chất ô nhiễm. Mức độ tăng trưởng

chất ô nhiễm trong hộp là hiệu số của lượng ô nhiễm đi ra khỏi hộp và lượng ô nhiễm đi vào hộp theo định luật cân bằng vật chất:

Mức độ thay đổi ô nhiễm trong hộp = Tổng mức độ ô nhiễm trong hộp - Mức độ ô nhiễm ra khỏi hộp.

Với giả thiết luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm $C_{(0)}$= 0 và nồng độ ô nhiễm không khí trong hộp (khu vực xác định) bằng nồng độ các chất đo được đo được tại thời điểm lập dự án, thì ta có thể xác định nồng độ chất ô nhiễm nguồn mặt dạng đơn giản như sau:

$$C_{\infty} = \frac{E_s . L}{u . H} + C_{\text{ban đầu}}$$

[3.3]

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 2003. Môi trường không khí Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật)

Trong đó:

C_{∞} : Nồng độ chất ô nhiễm ổn định trong vùng phát sinh ô nhiễm, mg/m^3

$C_{\text{ban đầu}}$: Nồng độ bụi trung bình chất ô nhiễm tại khu vực dự án (kết quả phân tích hiện trạng môi trường khu vực dự án tại chương 2) và $C_{\text{ban đầu}}$ khoảng 0,138 mg/m^3

Es: Tải lượng của chất ô nhiễm, mg/s.m2, Es=M/S = **0,012** mg/s.m2

M: Mức thải bụi (tính mức lớn nhất), M = 36.994,08 mg/s

S: diện tích khu đất thực hiện dự án, S = **5.770.400** m2

L: Chiều dài hộp khí. (Chiều dài dự án), L = 57.870 m ;

u: tốc độ gió của khu vực; u= 1,5 m/s;

H: Chiều cao xáo trộn (m).

Thay vào công thức [3.3] tính được nồng độ chất ô nhiễm C từ hoạt động đào đắp của dự án như sau:

Bảng 3. 8. Tổng hợp nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp theo chiều cao

Diện tích (m2)	Chiều cao (m)	Nồng độ (mg/m3)	QCVN 05:2023/BTNMT
5.770.400	**1**	4,9	**0,3**
	5	1,66	
	10	0,83	
	15	0,52	
	20	0,27	

Theo kết quả tính toán phát tán của bụi do đào đắp cho thấy:

- Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động thi công đào đắp khá cao, đã vượt GHCP

QCVN05:2023/BNTMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh nhưng khá cao, đã tiệm cận mức giới hạn trên của Quy chuẩn.

Bụi phát sinh từ các hoạt động thi công đào đắp bao gồm cả bụi lắng và bụi lơ lửng. Trong đó, theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới, lượng bụi lơ lửng chiếm khoảng 36% (*Nguồn:[9] WHO. 2013*).

** Đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động:*

- *Đối tượng chịu tác động*: Công nhân thi công và các khu dân cư sau sẽ chịu ảnh hưởng bởi bụi từ hoạt động đào đắp:

+ KDC tổ 13, xã Vị Xuyên tại lý trình Km120+600, cách tuyến 15 - 50m.

+ KDC thôn Ngọc Hà, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km123+800 – Km123+900, cách tuyến 10-50m.

+ Một số hộ dân xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác tại lý trình Km126+100 – Km126+200 cách vị trí dự án khoảng 5 – 30 m.

+ KDC thôn Lũng Loét, KDC Tân Lập, Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác trên tuyến tại Km127+600 – Km128+450, cách vị trí dự án khoảng 5 - 30m.

+ Một số hộ dân xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km140+500 – Km141+100, cách vị trí dự án khoảng 15 – 50 m

+ Một số hộ dân thuộc thôn Lắp 2, xã Phú Linh tại Km142+000 – Km142+500; Trường Tiểu học Đoàn Kết tại Km143+300 – Km144+600, cách vị trí dự án khoảng 10 – 50 m

+ KDC thôn Cầu Mè, KDC thôn Lâm Đồng, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại Km145+900 – Km146+900, cách vị trí dự án khoảng 10 – 50 m

+ Một số hộ dân dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km147+800 – Km148+050, Km148+300 – Km149+800, cách vị trí dự án khoảng 5 - 15m

+ KDC thôn Tha, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, tại lý trình Km150+200 – Km150+800, cách vị trí dự án khoảng 5 – 50m

+ KDC thôn Hạ Thành, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km151+800 – Km152+250, cách vị trí dự án khoảng 5 – 90m

+ KDC xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km157+00 – Km157+400 và Km159+200 – Km159+440 , cách vị trí dự án khoảng 5 – 50m

- *Mức độ tác động:* Trung bình, có thể khắc phục.

- *Thời gian tác động: 1*8 tháng thi công đào đắp.

b3. Ô nhiễm bụi và khí phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công và đất đá thải:

Trong giai đoạn thi công, hoạt động vận chuyển bao gồm: vận chuyển đất phục vụ cho san nền đắp đất, vận chuyển vật liệu xây dựng, đổ thải...

Theo hồ sơ dự toán, dự án sẽ cần vận chuyển các loại nguyên vật liệu và đổ thải được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng nguyên vật liệu chính và đất đá thải cần vận chuyển

STT	Nguyên vật liệu	Khối lượng		Ghi chú
		m^3	Tấn	
I	**Tuyến chính cao tốc**			
1	Đá và CPĐD các loại	512.376,3	819.802,08	1 m^3= 1,6 tấn
2	Đất đắp	8.669.651,42	13.004.477	1 m^3= 1,5 tấn
	Tổng I	**9.182.027,72**	**13.824.279,21**	
II	**Nút giao**			
1	Đá và CPĐD các loại	46.595,61	74.552,98	1 m^3= 1,6 tấn
2	Đất đắp	295.542,51	443.313,77	1 m^3= 1,5 tấn
3	Bê tông xi măng	3.853,93	9.249,42	1 m^3= 2,4 tấn
	Tổng II	**345.992,05**	**527.116,18**	
III	**Đường ngang**			
1	Đá và CPĐD các loại	3.339,18	5.342,68	1 m^3= 1,6 tấn
2	Đất đắp	212.962,29	319.443,44	1 m^3= 1,5 tấn
3	Bê tông xi măng	6.278,79	15069,09	1 m^3= 2,4 tấn
	Tổng III	**222,580.26**	**339,855.21**	
IV	**Đường gom, đường công vụ, hệ thống thoát nước**			
1	Đá và CPĐD các loại	30.820,80	49.313,28	1 m^3= 1,6 tấn
2	Đất đắp	554.842,94	832.264,42	1 m^3= 1,5 tấn
3	Bê tông xi măng	23.338,12	56.011,49	1 m^3= 2,4 tấn
	Tổng V	**609.001,87**	**937.589,19**	
VI	**Đất đá thải (toàn dự án)**			
1	Đất đá thải	8.805.926	13.208.889	1 m^3= 1,5 tấn
	Tổng VI	**8805926**	**13208889**	
	Tổng cộng	**19.165.527,9**	**28.837.728,79**	

Toàn bộ nguyên vật liệu cho quá trình thi công mặt bằng công trường, đường gom, nút giao, cầu vượt được vận chuyển bằng đường bộ.

- Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu bằng đường bộ dự kiến dài 30 km (tính trung bình) theo cung đường vận chuyển đến vị trí thi công.

Dự án sử dụng ô tô 16 tấn để vận chuyển nguyên vật liệu thỉ công, đất đá thải bỏ, dự kiến thời gian vận chuyển nguyên vật liệu thi công là 24 tháng (toàn thời gian thi công) trung bình 1 tháng làm việc 30 ngày, 1 ngày làm việc 8h. Số chuyến xe vận chuyển

ra vào công trường bao gồm cả lượt chạy có tải và không tải toàn thời gian là 2503,28 chuyến, tương đương khoảng **2503** chuyến xe/ngày, tương đương **313** chuyến/giờ

Các phương tiện vận chuyển sử dụng nhiên liệu sẽ phát sinh khí thải như SO2, NO2, CO. Mức độ phát thải các chất ô nhiễm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: Nhiệt độ không khí, vận tốc xe chạy, chiều dài quãng đường đi, phân khối động cơ, loại nhiên liệu sử dụng, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm áp dụng.

Theo Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điệm, nguồn điện và nguồn di động;

Bảng 3. 10. Hệ số phát thải cho phương tiện cơ giới đường bộ xe tải > 7,5T

Loại xe	Đơn vị	Bụi *(muội)*	CO	NO_x
Xe chạy bằng dầu 7,5 - 16T	g/km	0,3344	2,13	8,92

[Nguồn: Bảng 1.22, bảng 1.23 Văn bản số 1074/BTNMT-KSOMT ngày 21/02/2024]

Với cự ly vận chuyển nguyên vật liệu trung bình bằng đường bộ khoảng 10 km – 80 km, lấy trung bình 30Km, áp dụng hệ số phát thải trong bảng 3.7, khi đó tải lượng bụi và khí thải tích lũy trong ngày tại mỗi hạng mục thi công dự báo như sau:

Bảng 3. 11. Tải lượng các chất ô nhiễm của quá trình vận chuyển

TT	Hạng mục	Số xe/ h	$E_{Bụi}$ (mg/m.s)	E_{CO} (mg/m.s)	E_{NO2} (mg/m.s)
1	Vận chuyển NVL+ đổ thải khi thi công	313	0,86	4,88	20,58

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm gây ra do hoạt động vận chuyển, tư vấn môi trường sử dụng công thức Sutton dựa trên mức độ phát thải và dữ liệu thời tiết sẵn có của khu vực:

$$C = \frac{0{,}8E.\left\{\exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right]\right\}}{\sigma_z.u} \quad (mg/m^3)$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3).

E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s).

z - Độ cao của điểm tính toán (1,5m).

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (0,5m).

u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực U=1,5 m/s

σz - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương z(m).

Trị số hệ số khuếch tán chất ô nhiễm σz theo phương đứng (z) với độ ổn định của khí quyển tại khu vực là B, được xác định theo công thức:

$$\sigma_z = 0{,}53\ x^{0{,}73} \qquad (m)$$

Trong đó:

x - Khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải, theo chiều gió thổi (m).

Kết quả đánh giá sự phát tán theo chiều gió được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3. 12. Kết quả dự báo nồng độ bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển khi không xử lý

Đơn vị : mg/m³

Hạng mục	Thông số	Khoảng cách (m)				QCVN 05:2023/BTNMT
		5	**10**	**25**	**50**	
Vận chuyển NVL+ đổ thải khi thi công	Bụi TSP	0,572	0,39	0,26	0,017	**0,3**
	SO_2	0,015	0,006	< 0,001	< 0,001	**0,35**
	NO_2	0,016	0,004	0,003	0,001	**0,2**
	CO	2,96	1,34	0,68	0,432	**30**

Kết quả tính toán cho thấy:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển phá dỡ: Rất nhỏ do số lượt xe ít, rải rác trên tuyến, do đó không tác động nhiều tới môi trường không khí dọc tuyến đường vận chuyển

- Bụi và khí thải do vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải khi thi công: Cho thấy nồng bụi phát sinh do hoạt động vận chuyển nằm trong GHCP ở khoảng cách > 10m tính từ phương tiện vận chuyển. Hầu hết, lượng bụi này là bụi cuốn lên từ đường theo bánh xe vận chuyển.

- *Phạm vi tác động:* Dọc tuyến đường vận chuyển và bên trong khu vực dự án.

- *Đối tượng bị tác động:* Cán bộ công nhân thi công trên công trường và khu dân cư 2 bên tuyến đường vận chuyển như đã chỉ ra tại *Bảng 2.23 Các đối tượng bị tác động* và phương tiện, người tham gia lưu thông trên tuyến đường vận chuyển.

- *Mức độ tác động:* Lớn, có thể khắc phục, mang tính chất gián đoạn, tạm thời và sẽ giảm dần khi thực hiện công đoạn hoàn thiện công trình. Đồng thời, chủ dự án và đơn vị thi công sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm.

- *Thời gian tác động:* Trong suốt quá trình thi công các hạng mục công trình dự án (24 tháng).

b4. Khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng:

Trong quá trình triển khai xây dựng có sử dụng một số máy móc, thiết bị. Lượng bụi và khí thải phát sinh do máy móc, thiết bị thi công trên công trường phụ thuộc vào số lượng, chất lượng của các máy móc, thiết bị thi công và phương thức thi công. Hoạt động của các loại máy móc này cũng là nguồn phát sinh khí thải vào không khí. Thành phần khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của các động cơ sử dụng dầu diezen bao gồm: NO_x, SO_2, CO, VOCs ...

Tham khảo hệ số phát thải theo hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải khí thải từ nguồn điểm, nguồn diện và nguồn di động theo văn bản số 1074/BTNMT-KSOMT ngày 21/02/2024 tại bảng 1.15.5 (đính kèm trong văn bản).

Bảng 3. 13. Hệ số phát thải từ các phương tiện thi công điển hình

STT	Máy móc	SO_2	CO	NO_2	NMVOC
		g/h			
1	Máy ủi/gạt	0,620	1,740	13,730	0,406
2	Máy lu đầm	0,387	3,054	7,320	0,670
3	Máy xúc/đào	0,611	2,667	8,100	0,596
4	Xe tải (5-16 tấn (g/km)	0,198	2,13	8,92	0,696

Bảng 3. 14. Tổng hợp các phương tiện thi công điển hình

TT	Loại máy và thiết bị	Số ca máy
1	Máy ủi/gạt	**5.193,74**
-	Máy ủi 110cv	5.193,74
2	Máy lu đầm	**8446,06**
-	Máy lu bánh hơi 16t	803,45
-	Máy lu bánh hơi 25t	416,42
-	Máy lu bánh thép 25T	7.226,19
3	Máy xúc/ đào	**3.977,52**
-	Máy đào 0.5m^3	2.654,45
-	Máy đào 1.25m^3	1.306,98
-	Máy đào gầu dây 0.4m^3	16,09
4	Xe tải (5 - 16 tấn) (g/km)	**6029,36**
-	Ôtô vận tải thùng 2.5T	536,94
-	Ôtô tự đổ 10t	2.278,47
-	Ôtô tự đổ 12t	3.045,27
-	Ôtô tưới nước 5m^3	168,68

Tổng hợp số ca máy của máy ủi/ gạt là 5.193,74 ca; số ca máy của máy lu đầm là 8446,06 ca; số ca máy của máy xúc/ đào là 3.977,52 ca; số ca máy của xe tải là 6029,36 ca. 1 ca máy tương đương 8 giờ.

Vậy lượng phát thải của khí thải từ các máy thi công chính là:

Bảng 3. 15. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh

STT	Máy móc	Ca máy	SO_2	CO	NO_2	VOC
			(g/h)			
1	Máy ủi/gạt	5.193,74	3220,12	9037,11	71310,1	2108,7
2	Máy lu đầm	8446,1	3268,6	25794,3	61825,2	5658,9
3	Máy xúc/ đào	3.977,5	2430,3	10608,1	32217,9	2370,6
4	Xe tải (5 - 16 tấn)	6029,4	1193,8	12842,5	53781,9	4196,4
	Tổng cộng	23.647	10.112,8	58.282	219.135,0	14.334,6

** Đánh giá bụi, khí thải theo chiều cao phát tán*

Với diện tích khu vực thi công là **5.770.400** m^2, chiều cao phát tán khí thải ở chiều cao 5 m so với mặt đất. Ta có nồng độ khí thải phát sinh từ máy móc trên công trường như sau:

$$C = (EL/uH), mg/m^3$$

Trong đó: - C là nồng độ chất ô nhiễm, mg/m^3

- E là tải lượng chất ô nhiễm trên đơn vị diện tích, $mg/s.m^2$, E=M/S (M: Tải lượng phát sinh, S: diện tích dự án = **5.770.400 m^2**).

- L là chiều dài dự án, L = 57.870 m

- H là độ cao vùng xáo trộn (chọn H = 5 m)

- u là tốc độ gió trung bình (địa phương Tuyên Quang), u = 1,5 m/s.

Thay vào công thức tính được nồng độ chất ô nhiễm C từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công như sau:

Bảng 3. 16. Nồng độ khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy thi công theo chiều cao

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ ở chiều cao 5m	Nồng độ ở chiều cao 10m	QCVN 05:2023/BTNMT
		mg/m3	mg/m3	mg/m3
1	**SO_2**	0,5	0,3	0,35
2	**CO**	2,51	1,9	30
3	**NO_2**	6,82	4,21	0,2
4	**VOC**	0,63	0,38	-

** Đánh giá khí thải theo khoảng cách phát tán*

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm gây ra từ hoạt động của các phương tiện, máy thi công sử dụng công thức Sutton (chi tiết phần trên) dựa trên mức độ phát thải và dữ liệu thời tiết sẵn có của khu vực:

Kết quả đánh giá sự phát tán theo chiều gió được thể hiện ở bảng dưới đây

Bảng 3. 17. Kết quả dự báo nồng độ khí thải từ phương tiện, máy thi công theo khoảng cách

Đơn vị : mg/m³

Hạng mục	Thông số	Khoảng cách (m)				QCVN 05:2023/BTNMT
		5	10	25	50	
Thiết bị, máy thi công	VOC	0,43	0,21	0,12	0,05	-
	SO_2	0,043	0,031	<0,001	<0,001	**0,35**
	NO_2	0,096	0,074	0,034	0,022	**0,2**
	CO	0,992	0,523	0,113	0,082	**30**

- *Phạm vi tác động:* Chủ yếu là bên trong khu vực dự án, khu vực xung quanh cách công trường thi công hơn 10m hầu như không bị ảnh hưởng

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường không khí và công nhân trực tiếp tham gia thi công tại dự án.

- *Mức độ tác động:* Như vậy, Từ bảng kết quả cho thấy nồng độ các chất CO, SO2, VOC ở chiều cao từ 10 m trở lên nằm trong giới hạn cho phép, riêng NOx cao hơn giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên, các máy móc hoạt động trong không gian thoáng rộng và không hoạt động liên tục trong cùng một thời điểm nên tác động khí thải chỉ ảnh hưởng trực tiếp chủ yếu tới công nhân tham gia thi công xây dựng công trình và gián tiếp một phần tới chất lượng môi trường không khí khu vực. Do vậy, chủ dự án sẽ quy định với các đơn vị thi công phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của máy móc và thiết bị đến môi trường.

- *Thời gian tác động*: Trong suốt quá trình thi công công trình (24 tháng)

b5. Ô nhiễm bụi từ trạm trộn bê tông xi măng

Trong số các hoạt động diễn ra tại mỗi công trường, hoạt động trộn bê tông xi măng (trạm trộn, xi lô xi măng) là đối tượng chính tạo ra tình trạng ô nhiễm môi trường không khí bởi bụi, tiếp sau là nguồn phát tán bụi từ các bãi cấp liệu, từ mặt đường tạm trong công trường khi có phương tiện qua lại

Trong quá trình thi công Dự án sẽ bố trí 05 trạm trộn BTXM công suất từ 60 – 90 m^3/h tại 05 công trường để phục vụ thi công các hạng mục công trình. Trạm trộn BTXM nằm trong phạm vi GPMB, xa khu dân cư (khoảng 550 m trở lên) và được bao quanh bởi hàng rào an ninh công trường

Trong quá trình bốc dỡ các nguyên liệu tại sân bãi bằng gầu xúc hoặc bằng xe tự đổ sẽ làm phát sinh bụi. Bụi phát sinh từ quá trình này chủ yếu là bụi cát, đá và xi măng. Các hạt bụi này có trọng lượng lớn (trừ bụi xi măng) nên không có khả năng phát tán xa, chỉ gây ô nhiễm cục bộ trong một khoảng thời gian nhất định. Riêng bụi xi măng có

kích thước nhỏ nhưng được chứa trong các Silo xi măng kín nên hạn chế được bụi phát sinh.

** Đánh giá bụi, khí thải theo chiều cao phát tán*

Theo Nguyễn Đình Tuấn (Giáo trình kiểm soát ô nhiễm không khí – Đại học Quốc gia TP HCM, 2007), bụi phát sinh trong quá trình trộn bê tông tại các trạm trộn có hệ số phát thải 2,66 x 10-3 kg/m3 [11]. Lượng bụi phát sinh lớn nhất tại 1 trạm trộn BTXM là: 2,66 x 10-3 kg/m3 x 90 m3/h = 0,24 kg/h.

Trong phạm vi dự án, dự kiến đặt 05 trạm trộn bê tông xi măng công suất 90 m^3/h. Vị trí đặt trạm trộn bê tông xi măng tại vị trí sau:

Bảng 3. 18. Tổng hợp nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động trạm trộn xi măng theo chiều cao

Diện tích (m2)	Chiều cao (m)	Nồng độ (mg/m^3)	QCVN 05:2023/BTNMT
10.000	**1**	1,10	**0,3**
	5	0,22	
	10	0,11	
	15	0,07	
	20	0,05	

So sánh kết quả tính toán với QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m3) cho thấy nồng độ bụi phát sinh trong khoảng 1m có hàm lượng vượt QC cho phép, từ chiều cao 5m trở lên nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m3).

Đây là đánh giá trên lý thuyết, còn trong thực tế thì khu vực đất thực hiện dự án là đất lúa nên ẩn ướt và mức độ phát tán bụi sẽ thấp hơn nhiều so với tính toán nêu trên. Tuy nhiên, Chủ đầu tư và đơn vị thi công cần bảo đảm trang bị đầy đủ BHLĐ cho công nhân nhằm bảo vệ an toàn sức khỏe và năng lực làm việc của công nhân thi công.

** Đánh giá bụi, khí thải theo khoảng cách*

Nguồn nguyên liệu đầu vào của các trạm trộn bê tông là xi măng, cát, nước, đá dăm và chất phụ gia. Trong quá trình hoạt động của trạm, bụi sẽ phát sinh từ 2 nguồn là từ trạm trộn

Tham khảo nghiên cứu Hoàng Tung (2005), Troncons d'autoroutiers: Une méthodologie de modélisation environnementale et économique pour différents scénarios de construction et d'entretien. Thesede l'Ecole Centrale de Nantes et de LCPC, France, định mức khí thải từ trạm trộn BTXM như sau:

Bảng 3. 19. Định mức khí thải từ trạm BTXM

Thông số khí thải	Đơn vị (kg/m^3)	Trạm BTXM 90 m^3/h (kg/h)
CO	0,004	0,24

Thông số khí thải	Đơn vị (kg/m^3)	Trạm BTXM 90 m^3/h (kg/h)
CO_2	3,850	231
NO_x	0,035	2,1
PM	0,001	0,06
SO_2	0,003	0,18

Dự báo tải lượng khí thải từ trạm trộn BTXM được tính theo công thức Gauss:

$$C(x, y, z) = \{Q/(2\pi U\sigma_x\sigma_y)\} \exp(-y^2/2\sigma_y^2) [\exp\{- (Z + H)^2/2\sigma_x^2)\}+ \exp\{- (Z - H)^2/2\sigma_x^2)\}]$$

Trong đó:

C (x, y, z): nồng độ tại vị trí (x, y, z)

Q: Tải lượng phát thải (s)

U: tốc độ gió trung bình (m/s)

H: chiều cao của điểm phát (m)

x: khoảng cách theo hướng gió thổi dọc theo hướng gió (m)

y: khoảng cách ngang tại góc vuông với trục x (m)

z: khoảng cách dọc tại góc vuông với trục x (m)

σ_x, σ_y: khuyếch tán rộng theo chiều (y) và chiều dọc (x) (m). σ_x, σ_y phụ thuộc vào mức độ ổn định khí quyển. Mức độ ổn định khí quyển khu vực dự án là B.

$$\sigma_x = 0,282*x^{0,914}; \sigma_y = 0,1272*x^{0,964}$$

Các thông số đầu vào công thức:

+ Tốc độ gió: U=1,5 m/s

+ Chiều cao điểm phát: H=0,5m.

Kết quả dự báo được trình bày tại bảng 3.18.

Bảng 3. 20. Dự báo phạm vi phát tán bụi và khí thải từ trạm trộn BTXM 90 m^3/h theo khoảng cách

Thông số khí	Khoảng cách (m)					QCVN 05:2023/BTNMT (TB giờ)
	30	50	100	150	200	
TSP	0,51	0,40	0,31	0,24	0,17	**0,3**
SO_2	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	**0,35**
NO_2	0,12	0,10	0,06	0,001	0,005	**0,2**
CO	0,05	0,02	0,009	0,003	<0,001	**30**

Kết quả dự báo cho thấy khi trạm hoạt động, xuôi theo chiều gió, ở khoảng cách 50m nồng độ TSP vượt GHCP và chỉ đạt GHCP ở khoảng cách >100m xuôi theo chiều gió cách trạm trộn.

- *Phạm vi tác động:* Chủ yếu là bên trong khu vực dự án, các khu vực công trường, trong khu vực đặt trạm trộn bê tông xa khu dân cư, nên mức độ tác động từ trạm trộn BTXM không đáng kể

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường không khí và công nhân trực tiếp tham gia thi công tại dự án.

- *Mức độ tác động:* Trung bình, được yêu cầu giảm thiểu

b6. Đánh giá tác động bụi do từ hoạt động thảm bê tông nhựa

Dự án không dùng nhựa đường nấu bằng phuy để trải được thay thế bằng bê tông nhựa. Phương pháp thi công sử dụng bê tông nhựa để thi công đường sẽ không làm phát sinh khí độc hại như quá trình rải đường bằng nhựa đường truyền thống (vì rải nhựa truyền thống cần phải đun nấu nhựa đường ngay tại khu vực thi công). Bên cạnh đó, thi công đường bằng bê tông nhựa sẽ giảm được chi phí so với phương pháp truyền thống. Dự án dự kiến bố trí 02 trạm BTN công suất 120T/h tại 02 vị trí công trường.

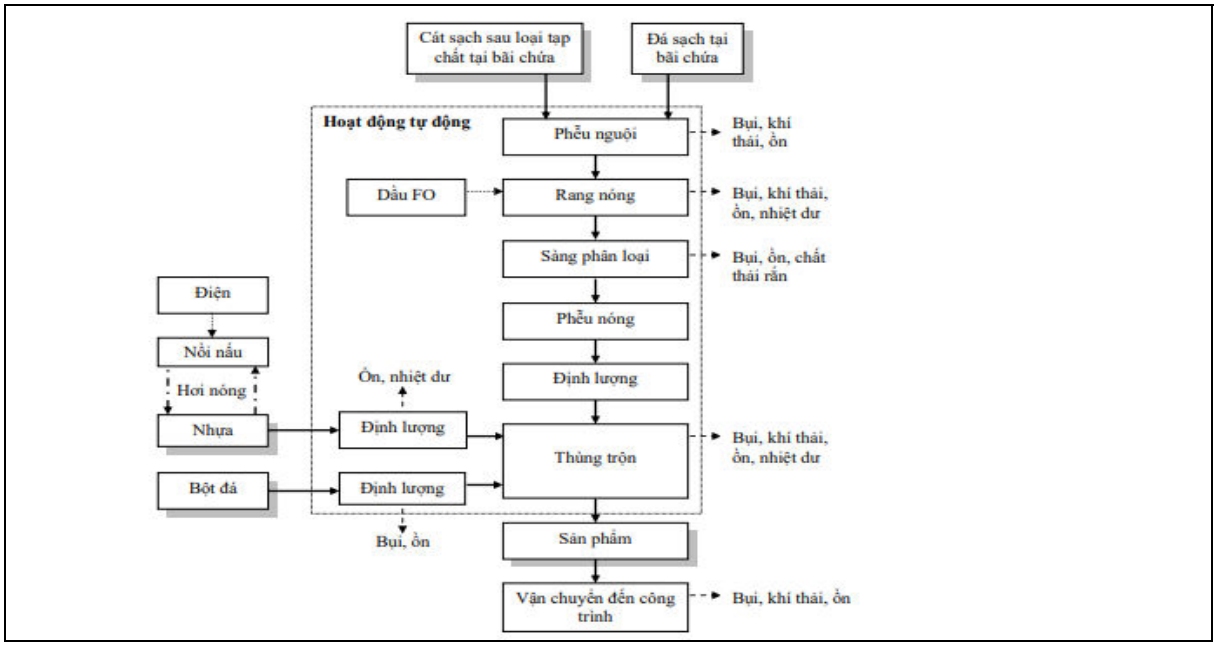
Trạm được cấu tạo bởi nhiều bộ phận khác nhau, cơ bản chia làm 3 khối chính:

+ Khối cấp cốt liệu gồm cần, truyền tải, phân chia, phễu...

+ Khối cấp nhựa đường bao gồm hệ thống gia nhiệt, tăng nhiệt, đun sấy...

+ Khối trộn: bao gồm các hệ cơ cấu khác tham gia quá trình hòa trộn cốt liệu

Quy trình sản xuất bê tông nhựa nóng:



***Hình 3. 2*. Quy trình sản xuất của trạm bê tông nhựa**

Căn cứ theo hệ số phát thải của trạm bê tông nhựa nóng:

Bảng 3. 21. Hệ số phát thải của trạm bê tông nhựa nóng

Quy trình	Hệ số phát thải (kg/tấn bê tông nhựa đường)				
1.Trộn mẻ	PM_{10}	NO_x	SO_2	VOS_x	CO
Dùng khí					

Quy trình	Hệ số phát thải (kg/tấn bê tông nhựa đường)				
Không lọc	2,2	0,013	0,0025	0,0072	0,17
Có lọc	0,0098				
Dùng dầu					
Không lọc	2,2	0,084	0,12	0,02	0,035
Có lọc	0,03				
2. Trộn liên tục					
Dùng khí					
Không lọc	2,2	0,015	0,0017	0,022	0,028
Có lọc	0,0041				
Dùng dầu					
Không lọc	2,2	0,038	0,028	0,03	0,018
Có lọc	0,015				

Nguồn: Npi- Australia

Với công suất 120 tấn/h, bê tông nhựa trộn theo mẻ, sử dụng nhiên liệu là dầu, thì dự báo tải lượng khí độc thải ra từ trạm trộn bê tông nhựa đường như sau:

Bảng 3.22. Dự báo dự báo tải lượng khí độc thải ra từ trạm trộn bê tông nhựa đường công suất 120 T/h sử dụng nhiên liệu dầu

Thông số		PM10	NOx	SO_2	VOS_x	CO
Không lọc	Hệ số	2,2	0,038	0,028	0,03	0,018
	Lượng thải (kg/h)	264	4,56	3,36	3,6	2,16
Có lọc	Hệ số	0,015				
	Lượng thải (kg/h)	1,8	4,56	3,36	3,6	2,16

Khí từ trạm trộn bê tông nhựa nóng được qua lọc nên hàm lượng bụi đã giảm đi khoảng 150 lần. Do các vị trí đặt trạm trộn hầu hết xa khu dân cư (như mô tả tại bảng 3.12) do đó đối tượng chịu tác động chủ yếu là cán bộ công nhân và các hộ dân gần khu vực đặt trạm trộn BTNN.

b7. Ô nhiễm bụi từ hoạt động thảm BTN

Hiện nay chưa có công trình nghiên cứu về nồng độ hơi hydrocacbon trong quá trình rải thảm BTN nóng nên đối với dự án này chúng tôi chưa có cơ sở để định lượng được khí thải phát sinh từ hoạt động này. Mặc dù vậy, theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động thì nồng độ giới hạn cho phép của hydrocacbon khi tiếp xúc là 300mg/m^3 và của hydro sunphua là 15mg/m^3.

So sánh với Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 thì khí thải phát sinh từ hoạt động rải thảm BTN nóng sẽ có tác động ở mức độ nhỏ. Mặc dù vậy, hoạt

động này diễn ra trong thời gian ngắn và phát sinh nhiều bụi kích thước lớn nền mức độ phát tán và thời gian tác động không nhiều. Do chỉ xảy ra xung quanh đoạn chuẩn bị thảm bê tông nhựa ở trong giai đoạn xây dựng và trong thời gian ngăn nên tác động này được đánh giá ở mức trung bình và có thể giảm thiểu được.

Trong công tác thi công, trước khi thảm nhựa đường, vệ sinh làm sạch và khô bề mặt lớp nền đá dăm là giải pháp bắt buộc trong quy trình làm đường. Việc này nhằm để đảm bảo độ dính bám cho lớp bêtông nhựa mặt đường. Để làm sạch mặt đường, có thể làm thủ công hoặc dùng máy nén khí công suất lớn thổi sạch bề mặt. Hoạt động này phát sinh rất nhiều bụi ảnh hưởng tới môi trường khu vực xung quanh.

Đối tượng chịu tác động chủ yếu là công nhân thi công và các đoạn tuyến đi qua khu dân cư:

+ KDC tổ 13, xã Vị Xuyên tại lý trình Km120+600, cách tuyến 15 - 50m.

+ KDC thôn Ngọc Hà, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km123+800 – Km123+900, cách tuyến 10-50m.

+ Một số hộ dân xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác tại lý trình Km126+100 – Km126+200 cách vị trí dự án khoảng 5 – 30 m.

+ KDC thôn Lũng Loét, KDC Tân Lập, Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang nằm rải rác trên tuyến tại Km127+600 – Km128+450, cách vị trí dự án khoảng 5 - 30m.

+ Một số hộ dân xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km140+500 – Km141+100, cách vị trí dự án khoảng 15 – 50 m

+ Một số hộ dân thuộc thôn Lắp 2, xã Phú Linh tại Km142+000 – Km142+500; Trường Tiểu học Đoàn Kết tại Km143+300 – Km144+600, cách vị trí dự án khoảng 10 – 50 m

+ KDC thôn Cầu Mè, KDC thôn Lâm Đồng, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại Km145+900 – Km146+900, cách vị trí dự án khoảng 10 – 50 m

+ Một số hộ dân dọc QL2, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km147+800 – Km148+050, Km148+300 – Km149+800, cách vị trí dự án khoảng 5 - 15m

+ KDC thôn Tha, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, tại lý trình Km150+200 – Km150+800, cách vị trí dự án khoảng 5 – 50m

+ KDC thôn Hạ Thành, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km151+800 – Km152+250, cách vị trí dự án khoảng 5 – 90m

+ KDC xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang tại lý trình Km157+00 – Km157+400 và Km159+200 – Km159+440 , cách vị trí dự án khoảng 5 – 50m

Kết luận: Như vậy, tất cả các đối tượng người lao động trong khu vực thi công các hạng mục công trình và KDC nằm gần khu vực thi công công trình tại **Bảng 2. 1. Các đối tượng bị tác động** *cũng như các hộ dân dọc tuyến đường vận chuyển, và người tham gia giao thông trên QL2, QL279 và các tuyến đường địa phương gần các vị trí thi công (nếu sử dụng) là đối tượng chịu ô nhiễm bụi trong suốt quá trình thi công các hoạt động thi công, tập trung nhiều trong thời gian đào đắp các hạng mục công trình khu bay. Tuy nhiên mức độ và thời gian bị tác động tại các đối tượng này là khác nhau.*

Bụi sẽ gây tác động bất lợi đến chất lượng môi trường không khí. Chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án sẽ bị suy giảm khi tiếp nhận lượng lớn bụi đất. Không khí bị ô nhiễm sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường sống của con người, động thực vật quanh khu vực dự án.

Bụi đất phát sinh bao gồm cả bụi nặng (có kích thước lớn) và bụi nhẹ (bụi bay). Đối với bụi có kích thước lớn hơn 10µm, nếu tiếp xúc với mắt có thể gây tổn thương cho mắt, gây nhiễm trùng, dị ứng. Đối với bụi bay có kích thước nhỏ hơn 5µm có thể xâm nhập vào phổi gây ra các bệnh về đường hô hấp như hen suyễn, viêm cuống phổi, nếu tiếp xúc lâu dài bụi sẽ lắng đọng và tích tụ gây xơ hóa phổi. Các tác động này có thể kéo dài vượt quá thời gian thi công.

Chính vì vậy, tác động của bụi cần được giảm thiểu thông qua việc áp dụng chặt chẽ các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí được chỉ ra tại mục *3.1.2.2. Giảm thiểu tác động đến chất lượng môi trường không khí.*

3.1.1.3. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

a. Nguồn tác động

Trong phạm vi dự án, dự kiến sẽ bố trí 5 công trường để thực hiện công tác cho thi công, giải lao giữa giờ làm việc là chính, sinh hoạt của công nhân tại khu vực nhà dân.

Tại mỗi công trường sẽ tập trung khoảng 50 công nhân tham gia thi công. Tính trung bình, mỗi ngày mỗi người thải ra 0,5kg chất thải rắn, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh do lực lượng thi công thải ra mỗi ngày là 25kg/công trường. Thành phần loại chất thải này gồm rác hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa) và các loại khó phân huỷ như vỏ hộp thải, nilon, giấy… Đây là loại chất thải phát sinh hàng ngày trong suốt giai đoạn thi công.

Bảng 3.23.Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt

TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)	TT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Các chất hữu cơ dễ phân huỷ	40 - 60	4	Kim loại	1 - 2
2	Các loại bao bì polyme	25 -35	5	Các chất khác	3 - 4
3	Các chất dễ cháy như giấy	10 - 14			

(Nguồn: Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn, Nguyễn Văn Phước, NXB xây dựng, 2010)

b5. Tác động gây ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt không được thu gom, quản lý, xử lý để vương vãi trên toàn bộ diện tích sẽ cuốn theo nước mưa chảy tràn gây tắc nghẽn hệ thống tiêu thoát khu vực. Mặt khác, chất thải rắn sinh hoạt không được xử lý, khi thải vào môi trường các

chất thải này phân hủy hoặc không phân hủy sẽ tạo ra tình trạng ô nhiễm rác thải với đặc trưng là mùi hôi do các chất thải hữu cơ bị phân hủy, làm gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường nước, gây hại cho hệ vi sinh vật đất, tạo điều kiện thuận lợi cho ruồi muỗi, các loài sinh vật gây hại (chuột, gián...) phát triển, làm mất mỹ quan và lây lan dịch bệnh

Lượng chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt tại khu vực thuê nhà dân được thu gom cùng chất thải rắn sinh hoạt của người dân địa phương. Tại khu vực công trường, Nhà thầu ký Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Công ty có chức năng của địa phương để định kỳ thu gom, xử lý, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường khu vực thi công.

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường đất, môi trường không khí, môi trường nước

- *Phạm vi tác động:* Trong phạm vi dự án (công trường thi công)

- *Mức độ tác động:* Trung bình và có thể được giảm thiểu

3.1.1.3. Tác động do chất thải rắn thông thường

a. Nguồn tác động

Các hoạt động trong quá trình thi công Dự án phát sinh các loại chất thải rắn thông thường như sau:

- Chất thải rắn và sinh khối từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng;

- Phế thải, chất thải rắn xây dựng từ hoạt động đào đắp (đất đá thải không thích hợp từ hoạt động đào đắp) và xây dựng công trình;

- Bùn đất xói từ hoạt động thi công đào đắp tuyến, nút giao, móng mố, tứ nón phát sinh chủ yếu từ quá trình thi công cầu;

- Chất thải rắn từ hoạt động hoàn nguyên môi trường: phá dỡ lán trại, công trường.

b. Đánh giá

b1. Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ, san ủi, phát quang, dọn dẹp mặt bằng

(1) Gạch ngói vỡ, vôi vữa, sắt, thép, gỗ… từ việc tháo dỡ nhà cửa, phá dỡ kết cấu gạch, đá xây, phá dỡ kết cấu bê tông, đào dỡ kết cấu (mặt đường cũ, cầu, hầm cũ,…)

Căn cứ theo văn bản số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng, về việc công bố định mức dự toán sửa chữa công trình xây dựng, trong đó có nội dung xác định mức thu hồi vật liệu phá dỡ là >30-50% quy đổi sang m^3. Thành phần chủ yếu của loại phế thải này là bê tông, gạch vỡ, vụn vữa... rất thích hợp cho việc san nền. Ngoài bê tông, gạch vỡ, vụn vữa còn có gỗ vụn, sắt thép, tôn vụn… Loại này khó định lượng, do phụ thuộc vào loại vật liệu sử dụng của từng công trình còn lại trước khi bị phá dỡ. Tuy nhiên, đây là loại chất thải rắn không độc và có thể tận thu, tái sử dụng. Dự án sẽ phá dỡ nhà của 430 hộ bị di dời, thu hồi khoảng 239.883 m^2 đất ở đô thị và

nông thôn, như vậy chất phải phát sinh khoảng 79.961,0 m^3.

(2) Sinh khối thực vật phát quang: Đây là loại chất thải phát sinh từ phát quang dọn dẹp thảm thực vật hiện có bao gồm các loại cây cỏ, rau mầu…

Việc tính toán dự báo khối lượng sinh khối thực vật phát quang được xác định dựa vào công thức:

$$M_{TV} = \sum Ki.Fi$$

Trong đó:

M (tấn): Khối lượng phát thải sinh khối thực vật phát quang

Fi (ha): Diện tích phát quang đặc trưng cho thảm thực vật

Ki (tấn/ha): Hệ số sinh khối thực vật đặc trưng thảm thực vật

Bảng 3. 24. Hệ số khối lượng sinh khối thực vật đối với dọn dẹp, phát quang 1 ha diện tích mặt bằng thi công

TT	Loại	Khối lượng (tấn/ha)					
		Thân	Cành	Lá	Rễ	Cỏ	Tổng
1	Đất vườn cây ăn quả	7,50	3,20	1,15	2,19	0,75	14,79
2	Đất trồng cây nông nghiệp hàng năm, đất lúa	4,15	3,00	1,65	2,40	0,50	11,70
3	Đất trống, cỏ, cây bụi	0,00	0,00	2,73	1,33	1,55	5,61
4	Rừng phục hồi	9,685	2,716	0,474	0,134	2,000	15,009
5	Rừng trồng	30,00	5,00	1,00	5,00	-	41,00
6	Rừng trung bình	60,00	4,04	1,15	5,36	2,00	76,55
7	Rừng nghèo	12	-	-	2,40	-	14,40

Nguồn: Theo nghiên cứu của Ogawa và Kato (2008)

Trên cơ sở diện tích dọn dẹp mặt bằng thi công và hệ số phát thải sinh khối thực vật phát quang được thực hiện trước khi chuẩn bị thi công, kết quả dự báo khối lượng sinh khối phát quang từ dọn dẹp mặt bằng thi công dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 25. Khối lượng sinh khối thực vật thải ra do bóc bỏ tầng phủ

Loại đất	Diện tích chiếm dụng (ha)	Hệ số	Khối lượng chất thải phát sinh (tấn/ha)
Đất trồng cây lâu năm	67,865	15	1.017,98
Đất trồng lúa hai vụ+ cây hàng năm	158,49	11,7	1.854,33
Đất rừng sản xuất, rừng đặc dụng và rừng phòng	288,17	76,55	22.059,41

Loại đất	Diện tích chiếm dụng (ha)	Hệ số	Khối lượng chất thải phát sinh (tấn/ha)
hộ			
Tổng cộng	514,53		24.931,72

Ước tính tổng sinh khối phát sinh khi bóc bỏ cây cối tầng phủ trong giai đoạn chuẩn bị thi công khu vực dự án khoảng 24.931,72 tấn.

Đánh giá tác động:

- Phế thải phát sinh từ việc phá dỡ nhà ở, chuồng trại, hàng rào... có thành phần chính gồm: bê tông, gạch vỡ, gỗ, ngói,… với đặc tính không độc và rất thích hợp cho việc san nền nên thường được tận dụng lại. Trong quá trình phá dỡ, nếu lượng phế thải trên không được thu gom sẽ không chỉ gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh, mà còn cản trở hoạt động sinh hoạt của người dân, đặc biệt là vấn đề đi lại.

- Đối với sinh khối thực vật: Kết quả tính toán cho thấy khối lượng cây cối tầng phủ khoảng 24.931,72 tấn. Phần lớn lượng sinh khối này là các cây lâu năm, cây trồng hàng năm (lúa, hoa màu,…) xen lẫn cây ăn quả trong vườn nhà (xoài, ổi, chuối, …) sẽ được người dân thu hoạch trước khi tiến hành di dời, phá dỡ. Dự án sẽ thống nhất với người dân về thời gian giải phóng mặt bằng để các hộ chủ động thu hái mùa màng. Vì vậy trong thực tế khối lượng sinh khối sẽ không lớn như tính toán.

Tại khu vực đất trống sau khi giải phóng mặt bằng để bố trí công trường sẽ phát sinh các loại rác thải thông thường (đất đá vụn, gỗ, giấy vụn,…) với khối lượng không lớn. Do không phải là loại chất thải nguy hại, nên các phế thải được yêu cầu thu gom và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Trong trường hợp các loại chất thải phát sinh không được thu gom xử lý và để tràn ra môi trường là các vùng đất canh tác, khu vực định cư, sông suối sẽ tạo ra các vấn đề, bao gồm:

- Cảnh quan tại vùng đất định cư bị ô nhiễm do phát tán các loại phế thải phát sinh khi phá dỡ công trình nhà cửa;

- Sinh hoạt thường nhật của cộng đồng tại các khu dân cư bị xáo trộn bởi các loại phế thải phát sinh khi phá dỡ công trình nhà cửa và cành, lá cây phát sinh khi chặt hạ cây cối vương vãi bừa bãi;

- Vùng đất canh tác bị ô nhiễm bởi các loại phế thải phát sinh khi phá dỡ nhà cửa;

- Các dòng chảy tại các sông, suối bị cản trở do lắng đọng phế thải phát sinh khi phá dỡ công trình nhà cửa và do trôi nổi các cành, lá cây thậm chí cả thân cây.

Do lượng chất thải chỉ giới hạn trong phạm vi phá dỡ nên chỉ có khả năng phát tán ra khu vực xung quanh vị trí phá dỡ. Tác động tới cảnh quan, sinh hoạt cộng đồng,

môi trường đất và chế độ dòng chảy tạo ra bởi chất thải rắn phát sinh từ việc phát quang tạo mặt bằng thi công thường để lại hậu quả lâu dài và trên diện rộng. Tác động chỉ chấm dứt khi các chất thải được thu dọn, phân loại và xử lý thích hợp.

- Phạm vi tác động, đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động

Tác động	Hạng mục	
	Tuyến đường	**Cầu, nút giao**
Không gian	Công trường thi công	Công trường thi công
Đối tượng	Cảnh quan, MT cộng đồng, MT nước, thoát nước	Cảnh quan, MT cộng đồng, MT nước, thoát nước
Mức tác động	Trung bình	Trung bình
TG tác động	3-4 tuần	3-4 tuần

b2. Phế thải, chất thải rắn xây dựng từ hoạt động xây dựng công trình

- Đất đá thải từ hoạt động đào đắp

Hoạt động đào đắp, đào khuôn, đào rãnh trong quá trình thi công tuyến đường gom, thi công cầu, cống, thi công nút giao đến cao độ thiết kế được tận dụng một phần để đắp DPC giữa và san nền các đảo trong nút giao, phần còn lại được được lưu giữ trong phạm vi giải phóng mặt bằng và tận dụng cho các hoạt động đắp nền của dự án, phần dư thừa được đổ thải tại các bãi thải được thỏa thuận bằng văn bản với chính quyền địa phương. Thành phần của chất thải rắn thi công phát sinh từ các hoạt động này bao gồm các loại đất phong hóa, đất hữu cơ, bùn nhão...

Căn cứ bảng tổng hợp khối lượng và cân bằng đất đào, đắp (bảng 1.12) chương 1, khối lượng đất, đá thừa phát sinh khối lượng khoảng 8.805.926 m^3.

- Phế thải xây dựng

Nguồn thải rắn này được xác định là phế liệu xây dựng như vật liệu kém chất lượng, gạch vỡ, ván khuôn, bao xi măng, sắt thép vụn,... Khối lượng các chất thải rắn này phát sinh phụ thuộc vào các yếu tố như quá trình xây dựng và chế độ quản lý của dự án, nguồn cấp vật liệu xây dựng,... Loại chất thải này phát sinh trong mỗi hạng mục thi công của Dự án. Lượng phế thải xây dựng được tính toán dựa trên khối lượng nguyên vật liệu dự án sử dụng và định mức hao hụt vật liệu. Theo phụ lục VII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc ban hành định mức xây dựng, định mức hao hụt vật liệu xây dựng trong công tác thi công trung bình khoảng 1% khối lượng nguyên vật liệu xây dựng sử dụng

Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình của dự án theo bảng 3.5 khoảng 1**.629.883** m^3, tương đương 2.281.836,2 tấn (đã trừ khối lượng đất đá đào, đắp). Khối lượng phế thải xây dựng phát sinh ước tính: **2.281.836,2** tấn x 0,01 ≈ 22.818,36 tấn tương đương 36,57 tấn/ngày (thời gian thi công Dự án khoảng 624 ngày) sẽ được đổ vào các 93 vị trí bãi chứa tại khu vực các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên và Thanh Thủy (Chi tiết tại Bảng 1.4. Vị trí tập kết đất bóc hữu cơ và đổ thải) theo biên bản thỏa thuận với địa phương.

Phế thải xây dựng với thành phần bao gồm các loại chất thải rắn thông thường, phế thải sẽ không tạo ra tình trạng ô nhiễm gây suy thoái môi trường. Tuy nhiên, nếu không được thu gom nhanh chóng và thích hợp, các loại chất thải này có thể phát tán ra môi trường xung quanh, gây mất mỹ quan. Bên cạnh đó, chất thải rắn thi công còn có thể gây ra một số vấn đề về môi trường. Các tác động xấu đến môi trường bao gồm:

+ Gây ô nhiễm môi trường không khí do phát tán bụi từ khu vực lưu giữ chất thải thi công;

+ Quá trình lưu giữ và đổ thải không đúng nơi quy định có thể gây ra vấn đề tràn đổ do mưa gây vùi lấp vùng đất trũng, ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái thủy sinh tại các sông suối khu vực dự án;

+ Chất thải rắn xây dựng khi đổ thải nếu không được đầm nén và che phủ tốt sẽ bị xói mòn do mưa dẫn tới hình thành dòng bùn đất, nước mưa chảy tràn chứa nhiều chất rắn lơ lửng... điều này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến khu vực đất sản xuất, chất lượng nước mặt của khu vực dự án;

+ Ảnh hưởng đến cảnh quan, dân cư và giao thông của khu vực thi công tại các vị trí giao cắt với tuyến đường tỉnh, quốc lộ;

- Trong quá trình thi công các hạng mục của dự án, việc rơi vãi vật liệu hoặc tập kết các vật liệu thừa sau mỗi ca thi công là khó tránh khỏi. Việc để rơi vãi vật liệu hoặc tập kết vật liệu thừa không đúng nơi quy định có thể sẽ gây tai nạn lao động, gây cản trở giao thông hoặc gây mất an toàn giao thông trong khu vực công trình, gây ô nhiễm chất lượng môi trường không khí, chất lượng nước mặt của các sông/kênh, hệ sinh thái nông nghiệp khu vực dự án. Việc để rơi vãi đinh sét, dây kẽm sét, lưỡi cưa,...lên đường nội bộ khu vực dự án dễ làm cho công nhân và người đi đường dẫm lên và hậu quả của nó tùy từng mức độ, có thể gây bệnh uốn ván – một trong những căn bệnh rất nguy hiểm đối với tính mạng con người.

Do vậy, các loại chất thải sẽ được lưu giữ trong phạm vi giải phóng mặt bằng và vận chuyển dần đến những nơi khác nhau để san lấp mặt bằng và đổ thải tại vị trí đã đạt được thỏa thuận bằng văn bản với chính quyền địa phương.

Đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động

Tác động	**Hạng mục**		
	Tuyến đường	Nút giao	Cầu
Không gian	Khu vực thi công	Khu vực thi công	Khu vực thi công
Đối tượng	Công nhân, KDC gần CT tuyến cắt qua	Công nhân thi công và KDC nút giao cắt qua	Công nhân, KDC gần CT cầu, gồm: 29 cầu vượt địa hình, cầu cạn và cầu trong nút giao và 01 cầu vượt sông Lô
Mức tác động	Trung bình	Trung bình	Trung bình
TG tác động	Trong suốt thời gian thi công 24 tháng		

b4. Bùn đất xói từ hoạt động đào đắp

- *Hoạt động thi công đào đắp nền đường*

Theo tính toán tại bảng Bảng 3. 26. Tổng hợp khối lượng đào đắp thi công các hạng mục công trình, hoạt động thi công nền đường, cầu và công trình phụ trợ đòi hỏi một lượng đất đá đào đắp ước tính 29.679.823,26 m^3 trên toàn các hạng mục công trình dự án.

Đất đá được đào lên nên kết dính kém, tại các khu vực lưu giữ tạm dễ dàng tràn xuống khu vực thấp hơn. Thêm vào đó, với mùa mưa kéo dài, nguy cơ xói và tràn đổ đất do mưa tại các bãi lưu giữ tạm thời là rất lớn, có thể đạt tới 0,04% *("Sinh thái học và môi trường" – Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Ân NXB Nông nghiệp 1997)*. Tổng lượng đất xói tiềm tàng do hoạt động đào đắp có thể đạt tới:

Khối lượng đào đắp (m^3)	Khối lượng bùn xói (m^3)
29.679.823,26	11.871,93

Các sản phẩm xói do mưa theo các dòng chảy mặt xuống sông suối dọc tuyến sẽ tạo ra các ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nước do tăng chất rắn lơ lửng, kim loại nặng

Trong quá trình thi công đào đắp đường gom, nút giao, đào đắp hố móng cầu vượt địa hình, cầu cạn và cầu trong nút giao và 01 cầu vượt sông - các bãi đất tập trung trong công trường khi thi công mố cầu không được che chắn sẽ làm phát sinh đất xói tại các trụ, mố cầu. Đất xói do mưa từ khu vực đào đắp đường gom, nút giao, hố móng nếu tràn xuống dòng chảy tự nhiên như làm giảm chất lượng nước do gia tăng hàm lượng TSS trong nước.

Các sản phẩm xói do mưa theo các dòng chảy mặt xuống sông dọc khu vực tập trung tại vị trí thi công cầu sông Lô tại Km145+562 và các khe suối dọc tuyến tại Km116+903.1; Km119+282.14; Km125+368.24; Km126+910.0; Km137+756.98; Km151+547.63 sẽ tạo ra các ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nước do tăng chất rắn lơ lửng, kim loại nặng.

Tác động trong suốt thời gian thi công đào đắp của Dự án.

b5. Tác động do chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phá dỡ lán trại, công trường

Sau thi công, việc hoàn nguyên bao gồm công tác thu dọn công trường, thu gom sắt thép của vòng quây quanh các trụ cầu trong dòng chảy và vật liệu của các công trình tạm trong dòng sông khi thi công phần dưới, giá đỡ khi thi công phần trên… không được thực hiện hoàn chỉnh sẽ là gây cản trở giao thông đường bộ, đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất, nước, trầm tích. Nguy cơ này chỉ mất đi khi công tác hoàn nguyên được thực hiện tốt. Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 10m^3/công trường.

Đối tượng chịu tác động:

+ Cảnh quan khu vực; công nhân thi công và người dân sống gần vị trí bố trí công trường.

+ Khu vực thi công cầu vượt sông Lô, 29 cầu vượt khác.

Mức độ tác động: Trung bình, có thể khắc phục,

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian phá dỡ, hoàn nguyên môi trường

3.1.1.4. Chất thải nguy hại

a. Nguồn tác động

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công, bao gồm:

- Dây điện, bóng đèn, dây cáp quang từ quá trình phá dỡ

- Dầu, mỡ thải và rơi vãi trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng máy móc và thiết bị thi công: Trong giai đoạn xây dựng, máy móc, thiết bị và các loại xe tham gia thi công sẽ được tập trung/ bảo trì tại khu vực bảo dưỡng được bố trí tại mỗi công trường thi công.

- Chất thải rắn chứa dầu (giẻ lau chứa dầu, giấy bọc máy móc thiết bị chứa dầu v,v,) phát sinh từ máy móc thi công và bảo dưỡng thiết bị tại mỗi công trường.

- Các loại chất thải có nguồn gốc hóa học như pin thải, bóng đèn cháy... phát sinh từ lán trại công nhận đặt tại mỗi công trường.

b. Đánh giá tác động

- Trong giai đoạn phá dỡ ước tính phát sinh 860 kg dây điện, bóng đèn (khoảng 2 kg/hộ)

- Trong giai đoạn thi công: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh phụ thuộc vào số lượng máy móc thiết bị được nhà thầu sử dụng, loại máy móc thiết bị tại công trường thi công và mức độ, nhu cầu sử dụng giẻ là khác nhau giữa người sử dụng cũng như chủng loại máy móc.

- Dầu thải được tạo ra từ quá trình thay dầu định kỳ. Lượng dầu thải được ước tính trên cơ sở (1) lượng dầu thải: kinh nghiệm cho thấy mỗi lần thay dầu tạo ra trung bình khoảng 7 lít dầu thải; (2) chu kỳ thay dầu: phụ thuộc vào cường độ hoạt động và chất lượng của loại phương tiện, thời gian dao động từ 3-6 tháng một lần thay dầu. Nếu ước tính việc rửa và bảo dưỡng diễn ra ít nhất 3 tháng/lần và lượng nước thải khoảng 200 lít/lần. Có khoảng 84 phương tiện thi công thường xuyên bảo dưỡng thì lượng dầu thải phát sinh khoảng: 7*84= 588 l/3 tháng tương đường 0,2 m^3/tháng.

- Các loại chất thải nguy hại khác được ước tính dựa trên kinh nghiệm giám sát các công

Bảng 3. 27. Bảng danh mục các CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công

TT	Tên	Mã CTNH	Khối lượng/tháng
1	Dầu mỡ thải	170601	0,2 m^3/tháng
2	Bao bì kim loại, vỏ thùng sơn	180102	2 kg

TT	Tên	Mã CTNH	Khối lượng/tháng
3	Pin, ắc quy thải	160112	1 bình
4	Giẻ lau dính dầu	1802201	30 kg
5	Que hàn	070401	10 kg
6	Nhựa đường thải	050117	5 kg
7	Linh kiện điện tử	200135	2 kg

Tùy theo quy mô xây dựng cũng như số lượng thiết bị thi công tập trung tại một khu vực công trường, các loại chất thải nguy ước tính khoảng 50 kg/tháng.

Loại chất thải này nếu không được quản lý tốt có nguy cơ gây ô nhiễm đất, nước ngầm, nước mặt, trầm tích…Lượng chất thải nguy hại tuy có khối lượng không lớn nhưng dễ phát tán và gây ra những vấn đề về môi trường, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người lao động do sự bất cẩn của công nhân thi công hoặc do không có biện pháp quản lý, xử lý thích hợp theo quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

- *Phạm vi tác động:* Các vị trí tập kết máy móc và lưu giữ dầu mỡ tại vị trí bố trí công trường thi công bên trong khu vực dự án.

- *Đối tượng bị tác động:* Môi trường đất, môi trường nước

- *Mức độ tác động:* Chất thải nguy hại rất khó phân huỷ trong môi trường tự nhiên, thời gian tồn lưu lâu và có khả năng tích luỹ nên thường gây tác động lâu đồng thời cũng rất khó khắc phục khi xảy ra ô nhiễm và yêu cầu chỉ phí khắc phục rất cao.

Như vậy tác động của chất thải nguy hại đến môi trường là khá lớn, tuy nhiên chất thải phát sinh tại Dự án trong giai đoạn xây dựng chỉ phát sinh trong một thời gian nhất định, các chất thải này được thu gom. vận chuyển xử lý theo quy định nên mức độ tác động của chất thải đến môi trường là không đáng kể.

Để thu gom và quản lý các CTNH phát sinh, các nhà thầu trang bị các thùng chứa dung tích 200 lit để thu gom và phân loại CTNH. nhà thầu thi công xây dựng bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, có mái che, có biển báo. Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng quy định.

Hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại khu vực. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại phải có đầy đủ năng lực và được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

3.1.1.5. Đánh giá tác động từ hoạt động đổ thải tại bãi thải, xử lý chất thải

Các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công của dự án:

Bảng 3. 28. CTR phát sinh trong quá trình thi công

TT	Loại chất thải phát sinh	Khối lượng	Phương án đổ thải
1	Đất đá thải bỏ và đất bóc hữu cơ	8.805.926 m^3	Tận dụng 1 phần, phần còn dư vận chuyển đến 93 bãi đổ đất đá thải thuộc 4 xã (Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên và Thanh Thủy)
2	Phá dỡ nhà cửa, công trình	79.961,0 m^3	
3	Sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng công trường xây dựng	24.931,72 tấn sinh khối	Được tận dụng phần lớn, phần còn lại vận chuyển đến bãi thải được thỏa thuận với địa phương
4	Rác sinh hoạt trong quá trình xây dựng trong vòng 24 tháng.	25 kg/ngày/ mỗi công trường.	Vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn.
5	Rác thải nguy hại bao gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn,… phát sinh trong quá trình thi công (dự kiến 245 tháng)	Khoảng 860 kg dây điện, bóng đèn và Khoảng 2,5 kg giẻ lau và khoảng 0,2 m^3 dầu thải mỗi tháng trong suốt quá trình thi công.	Vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn nguy hại.
6	Phá dỡ lán trại, công trường sau thi công	10m^3/công trường.	Vận chuyển đến bãi thải được thỏa thuận với địa phương

Chất thải rắn xây dựng của dự án chủ yếu là đất đá trong quá trình đào nền, sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang,... hiện hữu có thể gây ra các tác động xấu đến môi trường khi chưa thực hiện công tác đắp như:

Hoạt động đổ thải tại các bãi thải có thể gây ra các tác động môi trường như sau:

- Gây ô nhiễm môi trường không khí do phát tán bụi từ khu vực đổ thải ra khu vực xung quanh;

- Vào mùa mưa lũ, quá trình lưu giữ và đổ không đúng nơi quy định có thể gây cuốn dòng bùn, đất cát di chuyển xuống vùng thấp, tạo tiền đề cho mưa lũ bồi lấp dòng chảy của các khe tụ thủy, sông suối khu vực dự án, có thể gây xói mòn, sạt lở và tràn đổ vật liệu trong mùa mưa lũ. Điều này dẫn tới việc vùi lấp khu vực xung quanh và ảnh hưởng xấu đến đời sống thủy sinh của khu vực sông Lô và một số khu vực suối, khe tụ thủy,....

- Mất mỹ quan môi trường: Cũng giống như với chất thải rắn sinh hoạt, nếu không được thu gom nhanh chóng và thích hợp, các loại chất thải này có thể tạo ra tình trạng ô nhiễm và gây mất mỹ quan. Do thành phần hữu cơ trong phế thải thấp nên phế

thải từ hoạt động thi công sẽ ít bị phân hủy gây ra mùi khó chịu như rác thải sinh hoạt. Tuy nhiên nếu phế thải không được quản lý dẫn đến tình trạng đổ bừa bãi có thể gây cản trở dòng chảy tại các sông suối, hồ ao, thậm chí là đổ trộm tại các khu vực công cộng hay tại các khu đất của người dân gây bức xúc trong cộng đồng.

Tác động này sẽ được giảm thiểu thông qua các kế hoạch thu dọn, quy định đổ thải tạm thời đúng nơi quy định và vận chuyển đến bãi thải quy định của dự án.

Đối với trường hợp dự án, việc lựa chọn, ký hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải được cấp thép, đổ thải tại 93 bãi thải đã được quy hoạch sẽ giảm thiểu đáng kể tác động do hoạt động đổ thải tại các vị trí bãi thải.

* Tác động từ việc lựa chọn bãi thải

Việc lựa chọn bãi đổ thải cần xem xét các yếu tố: chi phí thực hiện của dự án và các tác động đến an toàn giao thông trên tuyến đường vận chuyển. Bãi thải của dự án được lựa chọn trên tiêu chí:

+ Tuyến đường vẫn chuyển ngắn nhất từ vị trí thi công đến bãi đổ thải;

+ Các loại chất thải của dự án phải phù hợp với trữ lượng, quy mô, công suất và loại hình chất thải xử lý của bãi thải; Các vị trí có địa hình phù hợp để đổ thải dọc trên tuyến.

+ Các vị trí đổ thải phù hợp nằm dọc tuyến đảm bảo hiệu quả kinh tế, phù hợp quy hoạch, ít ảnh hưởng đến nguồn nước và việc canh tác nông nghiệp.

Như hình 1.1, chương 1, các bãi đổ thải đều nằm dọc tuyến nên rất thuận tiện cho việc đổ thải của dự án.

Như đã đề cập ở bảng trên, lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị và thi công cần di dời ra khỏi phạm vi xây dựng gồm:

+ Đất thải bỏ: 8.805.926 m^3.

+ 24.931,72 tấn sinh khối sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng.

Căn cứ vào năng lực tiếp nhận chất thải của bãi thải, bãi thải mà dự án thỏa thuận với địa phương đủ khả năng chứa chất thải của dự án, không gây cản trở dòng chảy thoát nước, thoát lũ và các vị trí sườn đồi có địa hình phù hợp dọc trên tuyến để thực hiện đổ thải trong quá trình thi công.

Các bãi thải đều nằm gần tuyến xa khu dân cư, là bãi trống trũng, đất công hoặc đất ao, hầu hết đã có đường tiếp cận. Các tuyến đường này nhìn chung ít phương tiện giao thông qua lại. Do đó tác động đến môi trường không khí, tiếng ồn, chất lượng nước mặt cũng như tác động tới giao thông do việc vận chuyển đổ thải được đánh giá không lớn.

* Vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt

Trong quá trình thi công tùy theo điều kiện nhà thầu sẽ xem xét ký kết với các đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt để tư vấn hoặc xử lý chất thải rắn sinh

hoạt để đảm bảo thực hiện việc xử lý đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường.

* Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Trong quá trình thi công, Chủ dự án yêu cầu nhà thầu ký kết với đơn vị địa phương có chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường.

B. Các tác động không liên quan đến chất thải

3.1.1.6. Tác động do ồn và rung động

a. Tác động bởi tiếng ồn

Trong giai đoạn thi công, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động của thiết bị thi công bao gồm: Xe tải, máy xúc, máy phát điện, máy bơm bê tông, cần cẩu, trộn bê tông, xe lu, xe ủi đất, máy đầm, máy đóng cọc,…

Tiếng ồn là một trong những vấn đề cần quan tâm nhất, đặc biệt là trong quá trình xây dựng. Tùy thuộc vào hạng mục thi công công trình mà số lượng máy thi công hoạt động khác nhau. Vì vậy, tiếng ồn trong quá trình thi công các hạng mục công trình cũng khác nhau.

Trong phạm vi dự án, có 02 loại hình hoạt động gây ồn chủ yếu: Hoạt động của phương tiện, máy móc tham gia thi công xuất hiện tại tất cả các hạng mục công trình. Các máy thi công của dự án, gồm: Máy ủi, máy xúc, lu, máy trộn bê tông, máy phát điện, máy tưới nhựa, ô tô vận chuyển, ô tô tưới nước, thiết bị thảm BTN.

Mức ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công được xác định dựa trên:

(1) Mức ồn điển hình của các thiết bị thi công;

(2) Công thức tính ồn tổng hợp

Với thiết bị được sử dụng trong từng hạng mục thi công, đã dự báo được mức ồn tổng hợp từ các hoạt động này.

Bảng 3. 29. Kết quả tính toán mức ồn tại nguồn trong giai đoạn xây dựng

STT	Hạng mục	Các thiết bị sử dụng chủ yếu	Mức ồn nguồn (dBA)
1	**Thi công đường**		
-	Đào và vận chuyển đất	Máy ủi, gầu ngoạm, xe tải.	85÷96,6
-	San đầm	Máy san, xe lu	80,8÷93,1
-	Rải đường	Máy rải, máy đầm, xe tải	87,9÷95
-	Thảm mặt	Máy thảm	86÷88
-	Cảnh quan và dọn dẹp	Xe ủi, gầu ngược, xe tải	80,6÷93,2
2	**Thi công các cầu trên tuyến thuộc dự án**		
-	Thi công kết cấu	Cần cẩu, máy hàn, bơm, đầm bê tông, máy đóng cọc, xe tải	87,5÷96,3
-	Cảnh quan và dọn dẹp	Xe ủi, gầu ngược, xe tải	80,6÷93,2

STT	Hạng mục	Các thiết bị sử dụng chủ yếu	Mức ồn nguồn (dBA)
3	**Hoạt động trạm trộn**	Máy trộn, xe tải	90 ÷ 96
4	**Hoạt động vận chuyển bằng xe tải**	Xe tải	83 ÷ 94

(Nguồn: Bộ xây dựng Nhật Bản)

- **Tác động do ồn phát sinh từ hoạt động san ủi tạo mặt bằng**

Trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng, yếu tố gây tác động là tiếng ồn phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, chủ yếu là nhà tạm, nhà cấp 4, nhà mái tôn, hoạt động phá dỡ và san ủi mặt bằng công trường. Các hoạt động này có thể gây ra ô nhiễm tiếng ồn xung quanh khu vực phá dỡ, san ủi. Mức ồn phát sinh từ các thiết bị như: xe tải, máy xúc, xe ủi, cần cẩu…. Tiếng ồn phát ra sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân trong khu vực.

Dự báo tiếng ồn gây ra do các thiết bị phá dỡ được tính theo công thức sau:

$\Delta L = 20\ lg\ (\frac{r2}{r1})^{1+a}$ (dB) (áp dụng với nguồn điểm)

Trong đó:

+ ΔL: mức suy giảm ồn ở khoảng cách r2 so với nguồn ồn

+ r1: khoảng cách của mức âm đặc trưng cho nguồn ồn (r1=8m)

+ a: hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình (a = 0,1 – mặt đất trồng cỏ, không có vật cản)

+ Nguồn: Phạm Ngọc Đăng 2003, Môi trường không khí, NXB KHKT 2003,

Kết quả tính toán dự báo tiếng ồn do các thiết bị gây ra được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 30. Kết quả dự báo tiếng ồn do các thiết bị san ủi tạo mặt bằng

Khoảng cách (m)	10	20	30	40	50	60	QCVN 26:2025/BTNMT
L_{Ap} (dB)	79,3	73,3	69,8	67,3	65,3	63,7	70

Từ kết quả dự báo tiếng ồn cho thấy quá trình phá dỡ GPMB sẽ gây ra tiếng ồn tương đối lớn, vượt giới hạn cho phép của QCVN 27:2025/BTNMT trong khoảng cách <30m.

- **Mức ồn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án**

- Ồn phát sinh từ hoạt động của thiết bị thi công: cần cẩu, xe tải, máy ủi, trạm trộn bê tông xi măng...

Mức ồn phát sinh trong thi công mỗi hạng mục của Dự án được xác định dựa trên mức ồn điển hình của thiết bị thi công và công thức tính ồn tổng hợp:

$$L_{\Sigma} = 10 \cdot \lg\left(\sum_{i=1}^{n} 10^{0.1 \cdot L_i}\right) = 10 \cdot \lg\left(10^{0.1 \cdot L_1} + 10^{0.1 \cdot L_2} + \ldots + 10^{0.1 \cdot L_n}\right)$$

Trong đó:

- L_{Σ}: Mức ồn tổng hợp (dB/dBA).
- L_i: Mức ồn của nguồn thứ i (dB/dBA).
- n: Số lượng nguồn ồn.

- Kết quả được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 31. Mức ồn tác động phát sinh từ hoạt động thi công dự án tại mặt đứng

Hạng mục	Ồn nguồn (dBA)		Mức ồn lan truyền suy giảm cách mép khu vực thi công (dBA)											
			5m		10m		20m		50m		100m		200m	
	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max
Thi công đường	79,7	82,3	76,2	79,7	70,8	76,2	67,6	70,5	61,9	67,2	55,5	63,9	43,6	54,2
Thi công nút giao	73,9	78,2	70,1	73,4	68,7	70,2	63,3	68,5	59,7	63,4	52,8	58,8	41,9	52,7
Thi công cầu	84,3	86,6	73,2	83,8	70,9	77,2	68,6	73,3	65,5	71,8	50,5	69,9	45,8	55,9
QCVN 26: 2025/BNNMT	65 (khu vực A, B, C)													

So sánh kết quả dự báo với GHCP theo QCVN 26:2025/BNNMT thấy rằng mức rung ở phạm vi ngoài 20m tính từ mép đường nằm trong GHCP. Trong đó mức ồn chỉ gây tác động mạnh tới hộ dân sống dãy nhà đầu tiên, các dãy nhà phía sau do có dãy nhà phía trước chắn nên mức ồn đã được hạn chế. Tác động không diễn ra liên tục, chỉ xuất hiện khi vận hành các thiết bị.

Đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động

- *Đối tượng chịu tác động*: Công nhân tham gia thi công tại các hạng mục công trình và KDC ở khoảng cách < 50m được liệt kê tại **Bảng 2. 2. Các đối tượng bị tác động**.

- *Mức tác động:* Trung bình

- *Thời gian tác động*: Trong thời gian thi công 24 tháng

b. Tác động do rung

Thiết bị, máy xây dựng sử dụng trong hoạt động thi công là đối tượng làm phát sinh rung động. Do độ rung được đánh giá theo sự kiện rời, không phải mức trung bình của các sự kiện, nên mức rung nguồn được lấy theo mức rung lớn nhất của một trong những máy móc, thiết bị tham gia thi công. Mức rung lớn nhất khi thi công nền đường phát sinh từ hoạt động của xe lu (82 dB) và thi công cọc đóng phát sinh từ hoạt động của máy khoan (88 dB).

Bảng 3. 32. Mức rung của một số thiết bị thi công điển hình (cách 10m)

Hoạt động	**Thiết bị**	**Rung động (dB)**
Khoan	Máy khoan	88
	Xe tải	68
Giữ ổn định đất (đóng cọc, làm tường chắn)	Cần trục	33
	Máy phun vữa	50
	Đóng cọc	63
Đào đất	Máy xúc	76
	Máy đào	80
	Xe cần cẩu	40
	Xe tải	68
Đổ bê tông	Xe bơm bê tông	50
	Xe trộn bê tông	50
Lấp đất	Máy ủi	79
	Máy đầm	57
	Xe tải	68
	Xe lu	65

(Nguồn: Bộ xây dựng Nhật Bản, 1983; Viện nghiên cứu công trình công cộng Nhật Bản, 1979; Hội cơ khí hoá xây dựng Nhật Bản, 1987)

Để dự báo mức rung suy giảm theo khoảng cách, sử dụng công thức:

$L = L_0 – 10\log (r/r_0) – 8,7a (r – r_0)$ (dB)

Trong đó: - *L* là độ rung tính theo dB ở khoảng cách "r" mét đến nguồn;

- L_0 là độ rung tính theo dB đo ở khoảng cách "r_0" mét từ nguồn. Độ rung ở khoảng cách r_0 = 10m thường được thừa nhận là rung nguồn;

- *a* là hệ số giảm nội tại của rung đối với nền sét khoảng 0,5.

Kết quả dự báo được trình bày trong bảng sau.

Bảng 3. 33. Mức rung suy giảm theo khoảng cách từ hoạt động thi công

Hạng mục	**Rung nguồn max (r_0=10m) (dB)**	**Mức rung ở khoảng cách (*) (dB)**			
		r=20m	**r=30m**	**r=40m**	**r=50m**
Thi công nền đường	82	74,9	72,8	66,8	64,8
Thi công nút giao	97,5	74,4	70,1	69,1	66,3

Thi công cầu	76	73,8	70,7	65,4	60,8
QCVN 27:2025/BNNMT, đối với khu vực thông thường, mức cho phép từ hoạt động xây dựng là 70dB từ 6 ÷ 21h và 65dB từ 21 ÷ 6h					

(*) Khoảng cách tính từ mép đường

So sánh kết quả dự báo với GHCP theo QCVN 27:2025/BTNMT thấy rằng mức rung ở phạm vi ngoài 30 m tính từ mép đường hạng mục thi công nền đường (72,8dB), thi công nút giao (70,1dB), thi công cầu (70,7dB) đều nằm trong GHCP.

Đối tượng chịu tác động bởi rung: Công nhân thi công trên công trường, khu dân cư và các công trình cầu cống gần khu vực dự án cũng có nguy cơ bị nứt vỡ do rung từ hoạt động của máy móc thi công.

Mức độ tác động: Trung bình và có thể hồi phục.

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian thi công, tập trung nhiều trong giai đoạn lu nền đường, thi công móng trụ cầu

3.1.1.7. Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái

a. Nguồn tác động:

- Hoạt động chặt cây, phát quang sẽ gây tác động đến hệ sinh thái trên cạn, bao gồm hệ sinh thái rừng sản xuất và rừng phòng hộ (rừng trồng, rừng tự nhiên);

- Hoạt động thi công xây dựng cầu tác động tới hệ sinh thái thủy sinh khu vực thi công;

- Các hoạt động thi công phát sinh chất thải rắn, nước thải, ồn, rung tác động tới các loại động thực vật trong khu vực dự án.

- Khu vực bãi tiếp nhận đổ thải có nguy cơ bị vùi lấp cây trồng khu vực lân cận.

- Hoạt động của lực lượng thi công làm gia tăng các nhu cầu về sản vật rừng.

- Hoạt động thi công làm phát sinh các chất thải ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước tại các vực nước gần khu vực thi công

b. Đánh giá tác động:

b1. Tác động tới hệ sinh thái trên cạn

Kết quả điều tra và khảo sát sinh thái, tài nguyên sinh vật cho thấy, khu vực dự án chủ yếu là cây keo, quế,... xen lẫn cât tạp

Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 577,04 ha đất, gồm: **288,17 ha** (rừng đặc dụng: **0,41ha**, rừng phòng hộ: **1,66ha**, rừng sản xuất: **286,10ha**); 113,59 ha đất lúa; 67,85 ha đất trồng cây lâu năm, 23,99 ha đất ở và các loại đất khác. Do đó, trong giai đoạn xây dựng, các tác động tới hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật gây ra bởi các hoạt động của dự án có thể như sau:

Bảng 3. 34. Nhận dạng tác động của dự án tới sinh thái và tài nguyên sinh vật trong giai đoạn xây dựng

TT	Tác động	Mô tả
1	Mất sinh cảnh trên cạn do hoạt động thi công của dự án	Trong giai đoạn xây dựng, hoạt động phát quang để tạo mặt bằng xây dựng sẽ làm mất tạm thời và vĩnh viễn diện tích rừng (sinh cảnh sống)
2	Gây ảnh hưởng bất lợi tới sinh vật	Trong giai đoạn thi công, hoạt động thi công của máy móc, phương tiện thi công gây ồn, rung, bụi, …sẽ gây ra những tác động bất lợi tới sinh vật đang hiện hữu trong khu vực dự án
3	Cản trở và chia cắt	Do dự án trải dài và phân bố không tập trung dẫn tới việc hình thành các băng cản trở di chuyển và đi lại của động vật, ngoài ra còn gây ra hiệu ứng phân mảnh sinh cảnh sống.
4	Suy thoái môi trường và sinh cảnh	Môi trường và sinh cảnh trong và xung quanh dự án bị suy thoái bởi nước thải, bụi, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đến từ các hoạt động thi công và sinh hoạt của công nhân trên công trường.
5	Các loài động, thực vật hoang bị chết, săn bắt	Hoạt động của máy móc thi công có thể giết chết động vật hoang dã, ngoài ra, các loài động-thực vật tự nhiên có thể bị săn bắt bởi công nhân của dự án.

Đánh giá cụ thể những tác động đã được nhận dạng như sau:

- Mất sinh cảnh và suy giảm chức năng phòng hộ, các dịch vụ sinh thái của các hệ sinh thái rừng tự nhiên. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất rừng sang đất giao thông đã được Chủ dự án cùng UBND tỉnh tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng. Diện tích rừng mà dự án cần chuyển đổi 288,17 ha, trong đó: 0,41ha rừng đặc dụng, 1,66 ha rừng phòng hộ và 286,10 ha rừng sản xuất.

- Cản trở và chia cắt: Khi tuyến đường hình thành có khả năng cản trở sự di chuyển của các loài thú hoang dã, tuy nhiên, theo khảo sát đa dạng sinh học thì khu vực Dự án không có các loài thú quý hiếm thuộc sách đỏ Việt Nam. Do vậy, Dự án sẽ không gây tác động lớn đến việc cản trở và chia cắt này.

- Suy thoái môi trường và sinh cảnh: Trong quá trình thi công, việc đào đất và di chuyển của các phương tiện có khả năng phát sinh bụi, bụi có thể đọng lại trên thảm thực vật lân cận khu vực thi công (kể cả đường nội bộ). Sự lắng đọng quá nhiều bụi trên hệ thực vật có thể ngăn cản sự phát triển thông qua việc hạn chế quang hợp và những tán lá phủ đầy bụi cũng có thể trở nên khó ăn đối với động vật kiếm ăn. Các hoạt động xây dựng sẽ chỉ là tạm thời và khả năng phát sinh bụi sẽ lan rộng ra các khu vực làm việc đang hoạt động. Tuy nhiên, mưa sẽ loại bỏ bụi khỏi tán lá góp phần giảm thiểu một phần ảnh hưởng tác động của bụi. Đối với các loài chim, do khả năng và phạm vi hoạt động trên cao, điều này góp phần không gây ra mối đe dọa đáng kể cho nhóm loài. Đối với động vật có vú không di động và động vật có vú do tính di động thấp nên các loài này có thể gặp một số bệnh về đường hô hấp. Ngoài ra, dầu mỡ rơi vãi, nước thải phát

sinh từ các hoạt động thi công có thể dẫn tới suy thoái chất lượng môi trường và ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe của các loài động vật hoang dã.

Các kết quả đánh giá tác động tới môi trường bởi bụi, nước thải và chất thải cho thấy mức độ tác động là nhỏ. Do vậy ảnh hưởng của các hoạt động của dự án tới sức khỏe môi trường và các sinh vật sống trong khu vực dự án sẽ không lớn, đồng thời việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu suy thoái và ô nhiễm môi trường sẽ dẫn tới các tác động tàn dư tới môi trường sống và sức khỏe của các loài động-thực vật hoang dã trong và xung quanh khu vực dự án là nhỏ và có thể chấp nhận được.

- Săn bắt, khai thác trái phép động, thực vật hoang dã: Mặc dù không phát hiện được những loài động vật hoang dã dọc tuyến, nhưng những kết quả điều tra tham vấn cũng cho thấy hoạt động săn bắt động vật hoang dã tại các vùng núi xa tuyến và tại các nguồn nước dọc tuyến vẫn diễn ra và vẫn có điểm tiêu thụ những động vật săn bắt được. Trong quá trình thi công dự án, sự xuất hiện một lượng khá lớn công nhân thi công đến từ nơi khác sẽ tạo ra những nguy cơ gây tổn thất đa dạng sinh học, bao gồm:

+ Động vật hoang dã (nhất là tại các đoạn đi qua khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) sẽ bị chính những người công nhân săn bắn trái phép;

+ Kích thích săn bắn trái phép động vật hoang dã do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm động vật hoang dã từ phía lực lượng lao động.

- Hoạt động chặt cây (vườn tược, cây trồng cây hàng năm và lâu năm như bưởi, keo, dừa, cao su,...) phát quang mặt bằng tạo công trường sẽ làm mất một phần diện tích thảm thực vật tự nhiên, mất nơi sống và nguồn cung cấp thức ăn của một số loài động vật.

- Nước thải, rác thải sinh hoạt, rác thải thi công và khí thải của phương tiện thi công, vận chuyển nguyên vật liệu có thể làm thay đổi đặc tính của môi trường xung quanh dẫn đến thay đổi về thành phần loài. Do xung quanh khu vực dự án đã có nhiều tác động của con người để canh tác, sản xuất nên thành phần các loài không đa dạng và không quý hiếm nên tác động không lớn.

- Bụi phát sinh từ quá trình thi công sẽ bám lên bề mặt lá của cây trồng làm giảm quá trình quang hợp của cây dẫn đến giảm năng suất cây trồng. Đặc biệt khi quá trình thi công vào giai đoạn cây lúa hay cây ăn quả đang thời kỳ trổ bông, phơi màu, ra hoa nếu chịu ảnh hưởng của bụi sẽ làm suy giảm năng suất của cây trồng nghiêm trọng. Các tác động này hoàn toàn có thể khắc phục được nếu áp dụng đầy đủ các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thi công.

Ngoài ra, các hoạt động của máy móc và phương tiện thi công có thể dẫn tới va chạm, đè chết các loài động vật hoang dã trong khu vực dự án, đặc biệt là những loài bò sát. Về tác động này, theo kết quả điều tra cho thấy, khu vực dự án không có tính đa dạng sinh học cao với các loài động vật hoạt động nhiều về đêm, trong khi đó, các hoạt động xây dựng của dự án diễn ra chủ yếu vào ban ngày. Do vậy tác động gây chết động vật hoang dã do va chạm, đè sẽ ở mức nhỏ trong giai đoạn thi công.

Nhìn chung, qua các phân tích ở trên, tác động tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng ở mức độ nhỏ đến trung bình và có thể giảm thiểu đến mức độ chấp nhận được.

Vị trí tác động: Toàn tuyến dự án và khu vực lân cận tuyến.

Đối tượng bị ảnh hưởng: HST nông lâm nghiệp dọc tuyến dự án

Mức độ tác động: Lớn, có thể giảm thiểm thông qua biện pháp giảm thiểu bụi, nước,…

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian thi công

b1. Tác động tới hệ sinh thái dưới nước do hoạt động thi công cầu

Trong suốt giai đoạn xây dựng, nguồn tác động đến hệ sinh thái dưới nước được đánh giá lớn nhất là việc bùn đất, dầu mỡ cùng với nước cuốn trôi bề mặt khi đi vào các thủy vực đã làm cho độ đục tăng lên, hàm lượng chất rắn lơ lửng cao. Tác động này sẽ ảnh hưởng tới khả năng quang hợp của thực vật thủy sinh, gây vùi các loài động vật đáy, làm giảm hàm lượng oxy hòa tan trong nước.. dẫn tới ảnh hưởng xấu đến đời sống thủy sinh.

Tràn đổ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thi công và chất thải rắn nguy hại từ các công trường thi công vào hệ thống nước mặt (dòng chảy nhỏ, kênh trên tuyến) tạo ra nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước và ảnh hưởng đến các loài thủy sinh.

Xả nước thải sinh hoạt và nước thải thi công không được xử lý sơ bộ từ lán trại và từ các khu vực lưu giữ nhiên liệu sẽ gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận góp phần vào gia tăng quá trình ô nhiễm, phú dưỡng hóa nguồn nước mặt ở khu vực.

Trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng 01 cầu vượt sông Lô tại Km145+562,38 và các cầu vượt suối tại: Km116+903.10; Km119+282.14; Km125+368.24; Km126+910.00; Km137+756.98; Km151+547.63. Tại vị trí thi công cầu vượt sông suối không có các yếu tố nhạy cảm môi trường về mặt sinh thái, không có hoạt động nuôi thả bè tôm, cá của các hộ dân, hệ sinh thái nghèo, không có loài động thực vật có giá trị kinh tế cao, các loài động vật trong hệ sinh thái nước chủ yếu là các loài phổ biến, rong rêu, dương xỉ, cá nhỏ và một số loại động vật thủy sinh khác…nên tác động được đánh giá ở mức trung bình. Tuy nhiên, nếu các loại chất thải này không được thu gom sẽ ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của các loại tôm cá, thậm chí có thể gây chết tôm cá làm ảnh hưởng một phần đến chất lượng sinh kế người dân khi người dân có nhu cầu đánh bắt.

Mức độ tác động: Trung bình và có thể hồi phục.

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian thi công.

b3. Tác động tới hệ sinh thái khu vực bãi đổ thải

Khi đổ thải nếu gây tràn đổ ra môi trường xung quanh sẽ gây hại tới hệ sinh thái thực vật cũng như làm mất cảnh quan khu vực đổ thải. Hệ sinh thái quang khu vực đổ thải nghèo nàn, chủ yếu là cỏ, cây bụi, và một số động vật nhỏ như chuột, rắn...

Vị trí tác động: Khu vực 93 bãi đổ thải.

Mức độ tác động: Trung bình

Thời gian tác động: Trong suốt thời gian đổ thải

3.1.1.8. Tác động do GPMB, di dân, tái định cư

a. Nguồn gây tác động:

Theo kết quả điều tra sơ bộ, Dự án sẽ chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 577,04 ha. Cụ thể như sau:

Bảng 3. 35. Tổng hợp khối lượng sử dụng đất của dự án

Đơn vị: m²

TT	Hạng mục	Tân Quang	Linh Hồ	Vị Xuyên	Phú Linh	Hà giang 1	Thanh Thủy	Tổng cộng
1	Đất trồng cây lâu năm	318.415	212.907	40.566	18.375	19.125	55.226	**664.614**
2	Đất trồng cây lâu năm khác			9.581		513	3.837	**13.932**
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp			1.471		5.372	9.680	**16.522**
4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa				108.943	108.943	0	
5	Đồi núi chưa sử dụng	177			1.730	395	0	**2.125**
6	Đất giáo dục		989			962	98	**2.227**
7	Đất giao thông	8.421			604	294	0	**898**
8	Đất năng lượng	344	43.770	4.374	31.646	2.010	11.562	**101.783**
9	Đất thủy lợi	3.234			195		0	**539**
10	Đất trồng cây hàng năm khác		5.442		13.016	4.080	22.540	**48.312**
11	Đất chuyên trồng lúa nước	148.983	0		133.190	131.929	66.970	**522.547**
12	Đất trồng lúa nước còn lại	39.118	410.255	41.476	111.993	8.708	41.153	**613.388**
13	Đất nông nghiệp trồng cây	22.763	57.991	2.161	7.513	6.906	81.920	**177.274**

TT	Hạng mục	Tân Quang	Linh Hồ	Vị Xuyên	Phú Linh	Hà giang 1	Thanh Thủy	Tổng cộng
	hàng năm khác							
14	Đất nông nghiệp khác	8.641	0	182	1.017	-	0	**9.658**
15	Đất làm nghĩa trang...	854	0		83	1.260	0	**2.197**
16	Đất nuôi trồng thủy sản	18.396	8.066		15.228	8.278	2.667	**53.117**
17	Đất ở tại đô thị		0	483	-	-	0	**30.129**
18	Đất ở tại nông thôn	15.981	91.511	30.129	38.013	14.356	49.893	**209.754**
19	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		0	24.287			0	**24.287**
20	Đất có mặt nước dạng sông ngòi kênh...	3.585	47.350		10.708	630	13.292	**75.566**
21	Đất công trình xử lí chất thải		12.961				0	**12.961**
22	Đất bằng chưa sử dụng	2.718	0	64	13.526	5.082	12.955	**34.344**
23	Núi đá không có rừng cây	0	0	-	-	375	0	**375**
24	Đất bằng trồng cây hằng năm	65.974	108.943	15.672	24.675	31.555	24.338	**271.156**
25	TSC_Đất trụ sở cơ quan		0				539	**539**
26	Rừng đặc dụng		0	4.057			0	**4.057**
27	Đất Rừng phòng hộ		15.664			970	0	**16.635**
28	Đất có Rừng trồng sản xuất		45.515				25.602	**71.118**
29	Rừng sản xuất	11.325	502.141	955.306	783.845	80.924	412.649	**2.746.191**

(Nguồn: Thuyết minh chung Dự án)

b. Đánh giá tác động:

b1. Đánh giá tác động do chiếm dụng đất rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng:

Dự án sẽ chiếm dụng khoảng 288,17 ha đất từng, trong đó: 0,41 ha rừng đặc dụng; 1,66 ha rừng phòng hộ và 286,10 ha rừng sản xuất trên địa bàn 6 xã thuộc phạm vi dự án

Theo kết quả điều tra khảo sát, cây trồng chính là cây keo, cây quế, cây tràm trồng với mật độ khá dầy. Chất lượng cây rừng trồng ở mức khá trung bình.

Quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng làm suy giảm diện tích và chức năng phòng hộ của khu rừng phòng hộ và có thể làm mất hoặc thu hẹp sinh cảnh tự nhiên rừng đặc dụng. Tuy nhiên, phạm vi thu hồi đất rừng của dự án chiếm 99,3% là rừng trồng sản xuất, do đó việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng của dự án có tác động chính làm giảm hoặc mất thu nhập từ các hộ có nguồn thu từ rừng sản xuất; các tác động khả năng của dự án tới cảnh quan, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu và bảo vệ môi trường và chức năng của khu rừng phòng hộ nói riêng và khu vực dự án nói chung là trung bình.

Dự án cần chuyển đổi mục đích sử dụng của 288,17 ha đất từng, trong đó: 0,41 ha rừng đặc dụng; 1,66 ha rừng phòng hộ và 286,10 ha rừng sản xuất, theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, mục 21 sửa đổi bổ sung Điều 41 của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024, phần diện tích bổ sung của Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối với diện tích rừng bị thu hồi Chủ Dự án sẽ có phương án đền bù và có phương án trồng bồi hoàn rừng theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp 2017.

b2. Tác động do việc thu hồi đất canh tác

Dự án chiếm dụng khoảng 577,04 ha, trong đó: 288,17 ha đất rừng; 113,59 ha đất lúa; 66,46 ha đất trồng cây lâu năm; 24,92 ha đất trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp khác và các loại đất khác (đất giao thông, Y tế, giáo dục, thủy sản, ...)

Các loại cây cối trong rừng đặc dụng và rừng phòng hộ bị ảnh hưởng được xác định trong quá trình khảo sát gồm: giổi, bời lời; bồ đề, cáng lò, cứt ngựa, chân chim, dung sạn, cội, nóng sổ, sơn tra, Trâm, vối thuốc, dẻ, kháo, re bầu, súm lông, thị rừng, vối thuốc, xoan nhừ, cò ke, chân chim, dung giấy, ngát, côm, ba soi, lá nến, ngái, mán đỉa, ngõa lông, sung, đu đủ rừng, gáo, hu đay.

Các loại cây cối trong rừng trồng bị ảnh hưởng gồm quế, thông, keo.

Việc chiếm dụng đất canh tác sẽ gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế các hộ gia đình do:

- Giảm diện tích đất canh tác và năng suất cây trồng;

- Giảm hoặc mất nguồn thu nhập.

Trong quá trình giải phóng mặt bằng, Chủ dự án phối hợp với địa phương, bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo đúng với quyết định phê duyệt phương án đền bù

của Hội đồng đền bù xã/tỉnh bên cạnh đó chính sách đền bù cần phù hợp với nguyện vọng người dân thì các tác động do chiếm dụng đất canh tác của Dự án sẽ được giảm thiểu đến mức thấp nhất.

- ***Giảm diện tích đất canh tác và năng suất cây trồng; Giảm hoặc mất nguồn thu nhập***

Theo số liệu điều tra về kinh tế - xã hội các xã trong khu vực Dự án, nguồn thu nhập chính của các hộ bị ảnh hưởng trong khu vực chủ yếu đều từ nông lâm nghiệp (trồng lúa, hoa màu, cây keo, quế, thông, cây ăn quả - mít, xoài, nhãn, chuối, cây lâu năm…). Đất nông lâm nghiệp dự án chiếm dụng chủ yếu là đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm trồng ngô, khoai, sắn,... và đất rừng trồng cây keo, quế.

Như vậy, việc triển khai dự án thu hồi đất nông lâm nghiệp ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của các hộ dân do bị mất đất canh tác sẽ bị tổn thất một phần thu nhập cũng như thay đổi cơ cấu ngành nghề của các địa phương.

Phần lớn các hộ dân bị ảnh hưởng bị mất một phần đất canh tác trồng lúa, hoa màu và cây lâu năm. Phần diện tích còn lại sau khi GPMB (không bị chiếm dụng) vẫn được người dân tiếp tục sản xuất. Vì vậy tác động chủ yếu là sự suy giảm nguồn thu nhập từ hoạt động canh tác.

- ***Tác động tới điều kiện kinh tế - xã hội các hộ dân bị ảnh hưởng do giảm hoặc mất nguồn thu nhập***

Đối với các hộ nông nghiệp, mất một phần hoặc toàn bộ diện tích đất canh tác đồng nghĩa với việc giảm hoặc mất nguồn sống, không chỉ trong thời gian trước mắt mà còn kéo dài qua nhiều thế hệ do đất là tư liệu sản xuất không thể tái tạo nếu khu vực dự án đi qua không còn đất canh tác để đền bù cho các hộ gia đình bị Dự án chiếm dụng.

Theo điều tra khảo sát tại địa phương, năng suất lúa là khoảng 3,3 tấn/ha/năm cho 1 vụ, 1ha đất lúa 1 vụ cho lợi nhuận trung bình 30-35 triệu đồng;

Đất trồng cây lâu năm chủ yếu là keo, quế trong đó: cây keo có năng suất khoảng 100 tấn/ha, 05 năm thu hoạch 1 lần với giá keo theo thời giá hiện nay từ 900.000VNĐ tới 1.200.000 VNĐ/tấn, cho lợi nhuận trung bình 60 triệu đồng/ha; 1ha quế 20 năm thu hoạch 1 lần cho thu nhập 1 tỷ/ha; 1ha thuốc lá cho lợi nhuận 30 – 40 triệu/3 tháng; 1ha ngô cho thu hoạch 57 tạ với mức giá 10.000/cân tương đương 57 triệu/1ha . Thiệt hại tạm tính do mất đất sản xuất như sau:

Dự kiến thiệt hại do chiếm dụng đất phân theo loại đất ở bảng 3.36 trên địa bàn khu vực dự án như sau:

Bảng 3. 36. Thiệt hại tạm tính do mất đất sản xuất

TT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
1	Đất trồng lúa	ha/vụ	33.000.000
2	Đất trồng cây lâu năm	tấn/ha	1.200.000

TT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
3	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm	tấn/ha	5.700.000
4	Đất rừng trồng keo, thông	ha	30.000.000

Ghi chú: (1) Đơn giá trên là mức thu nhập bình quân của các loại hình sản xuất do đơn vị tư vấn điều tra được tháng 7 năm 2026.

Các hộ mất đất canh tác cũng gặp khó khăn khi chuyển từ nghề nông sang các ngành nghề khác bởi vì phần lớn những người ở độ tuổi lao động của các hộ bị thu hồi đất này chưa được đào tạo qua các trường dạy nghề. Phần lớn họ là những nông dân ở địa phương không có kỹ năng làm việc trong các nhà máy, công ty. Tuy nhiên, nếu có chính sách đền bù thỏa đáng, phù hợp với nguyện vọng người dân thì các tác động do chiếm dụng đất canh tác của Dự án sẽ được giảm thiểu đến mức thấp nhất.

- Việc các hộ gia đình bị thu hồi đất bị thiếu việc làm, suy giảm chất lượng cuộc sống, các tệ nạn xã hội gia tăng đều gây áp lực lên chính quyền địa phương của khu vực.

b3. Di dời nhà, cơ sở hạ tầng

Dự án dự kiến sẽ giải tỏa nhà ở, di dời khoảng 430 hộ tại khu vực 6 xã/phường khu vực dự án

Các tác động đến hộ gia đình do chiếm dụng đất thổ cư và tái định cư không tự nguyện là một loại tác động không thể đảo ngược, thường để lại hậu quả lâu dài.

Việc tái định cư đến nơi ở mới cũng tạo ra tác động mạnh đến người dân và làm xuất hiện những vấn đề liên quan đến xã hội như điều kiện sống của các hộ tái định cư bị thay đổi đột ngột, cách xa các mối liên hệ với làng xóm thân thuộc xung quanh, tiện nghi xã hội và điều kiện sống họ đang được hưởng, họ sẽ phải một khoảng thời gian dài để thích nghi với nơi ở mới.

Hoạt động chiếm dụng đất có thể tạo ra khiếu kiện kéo dài liên quan đến đất đai do mâu thuẫn trong quá trình đền bù đất đai. Trong quá trình xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, nếu không có sự tham khảo ý kiến của người dân có thể sẽ gặp vướng mắc khi triển khai do sự không phù hợp của các chính sách đền bù với điều kiện thực tế. Đồng thời, việc triển khai họp dân thông báo rộng rãi phương án đền bù xuống các hộ bị ảnh hưởng nếu không được thực hiện nghiêm túc sẽ gây tâm lý hoang mang và bất hợp tác từ phía người dân. Công tác giải tỏa, đền bù nếu không được thực hiện một cách hợp lý và đúng với phương án đã phê duyệt sẽ gây ra tranh chấp giữa các hộ dân, giữa hộ dân và chính quyền địa phương, hậu quả vừa làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án, vừa ảnh hưởng đến đời sống và gây ra những bức xúc cho người dân.

Loại tác động này chỉ có thể được giảm nhẹ thông qua Kế hoạch HĐTĐC được sự đồng thuận của từ hai phía: phía những đối tượng bị thiệt hại và phía đối tượng đền bù thiệt hại.

b3. Tác động do hoạt động cải mương, hệ thống công

Dự án không chiếm dụng đất để cải kênh mương, không thực hiện cải mương. Trên tuyến có các vị trí tuyến cắt qua các khe suối nhỏ bằng các cống thoát nước ngang đường. Các cống chủ yếu là cống nhỏ, trải qua thời gian sử dụng đều đã bị xuống cấp, hoặc bị hư hỏng. Khi tuyến được đầu tư xây dựng thì các cống này hầu hết đều không đảm bảo về khẩu độ và tải trọng theo tiêu chuẩn thiết kế, được thay thế bằng các cống mới.

Trong đó có các vị trí vượt qua các nhánh suối hình thành dòng chảy rõ ràng bằng các cống hộp có kích thước từ 1,5m đến 5,6m; các cống được xây mới sẽ được bố trí trong phần diện tích giải phóng mặt bằng của dự án. Hoạt động thi công cống sẽ tiềm ẩn gây gián đoạn nguồn nước tưới, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định, các Dự án xây dựng giao thông không được phép làm gián đoạn nguồn nước tưới. Do vậy, đối với Dự án, xây dựng hệ thống cống thoát nước ngang đã là một nội dung đầu tư. Theo đó:

+ Trước khi tiến hành các hoạt động thi công xây dựng, Chủ Dự án sẽ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Tuyên Quang, chính quyền địa phương và các đơn vị quản lý công trình để công tác thực hiện cải mương đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình.

+ Hoạt động xây dựng cống sẽ được tiến hành trước mùa gieo cấy để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của người dân.

+ Cống tạm dẫn nước sẽ được làm trước khi làm ngăn dòng tại khu vực thi công;

+ Thi công các công trình thủy lợi tại vị trí dòng chảy cũ. Sau khi đã hoàn tất công trình tại vị trí dòng chảy cũ, dòng nước lại được chuyển ngược về vị trí ban đầu. Mương tạm được lấp đi và hoàn nguyên bề mặt như hiện trạng.

Các nội dung trên là nội dung đầu tư của Dự án và được đưa vào hợp đồng đối với nhà thầu thi công. Toàn bộ hoạt động này diễn ra trong phạm vi GPMB của Dự án. Chi phí cho hoạt động này thuộc về kinh phí của Dự án và đã được nêu trong tổng mức đầu tư. Như vậy, nguồn cung cấp nước tưới hầu như không bị gián đoạn do hoạt động cải mương. Thiệt hại gây ra do gián đoạn nguồn nước tưới đối với nông nghiệp đã được loại trừ.

C. Các tác động khác

3.1.1.7. Tác động đến môi trường đất

a. Nguồn gây tác động

Các hoạt động tạo chất thải và yếu tố gây tác động có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường đất (đất thổ cư, đất nông nghiệp), bao gồm:

- Đào đắp, lưu giữ vật liệu: Xói do mưa, ngập úng cục bộ, tràn đổ đất;
- Đất thải lẫn bentonite và bentonite tràn đổ khi thi công các cầu vượt ;
- Hoạt động của công trường và hoạt động của phương tiện: Ô nhiễm đất, nén đất;

b. Đánh giá tác động

b1. Tác động đối với đất thổ cư

Các khu vực đất thổ cư có khả năng chịu ảnh hưởng từ các hoạt động thi công các hạng mục của dự án, bao gồm:

- Tại vị trí thi công đường, nút giao và cầu vượt: đất thổ cư có thể bị ảnh hưởng của dự án tập trung ở khoảng cách 30m.

Đối với đất thổ cư, tác động lớn nhất là cửa dự án là tràn đổ đất từ hoạt động đào đắp thi công các hạng mục công trình của dự án sang các vùng đất xung quanh và nguy cơ ngập úng cục bộ.

Mức độ tác động: Trung bình trong suốt thời gian thi công 36 tháng.

b2. Tác động đối với đất nông nghiệp

Đặc điểm chung của tuyến dự án đi qua phần lớn khu vực đất nông nghiệp tại hầu hết các hạng mục công trình đường, nút giao, cầu. Đất này chủ yếu trồng lúa, cây hàng năm, cây hoa màu, cây ăn quả có giá trị kinh tế.

Với thời gian thi công kéo dài (khoảng 24 tháng tùy từng hạng mục thi công) đặc biệt là vào vào mùa mưa, môi trường đất nông nghiệp có các nguy cơ bị ô nhiễm từ nước thải, chất thải rắn, ô nhiễm dầu và nhất là tình trạng ngập úng, bồi lắng cục bộ. Cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp rất nhạy cảm với tình trạng bồi lắng. Khi lớp đất phủ dầy 10cm cây lúa, cây màu, đặc biệt là lúa non có thể bị hư hại thậm chí chết non.

- Tác động do bentonite tràn đổ hoặc đất lẫn bentonite tràn đổ: Mặc dù bentonite không là chất độc hại về các đặc tính lý hóa, nhưng về cơ lý với độ mịn cao, bentonite khi thâm nhập vào các vùng đất liền kề và thấp hơn tuyến dự án sẽ làm suy thoái đất trồng nơi chúng vùi lấp do gây chết vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ. Đồng thời bentonite làm chết cây trồng khi bịt kín các hệ thở của cây.

Đất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi lượng bentonite tràn đổ chỉ diễn ra tại khu vực thi công cầu vượt. Lượng bentonite này sẽ được được giảm thiểu thông qua các biện pháp kiểm soát chất thải rắn, tuân thủ biện pháp thi công được phê duyệt.

- Các vùng đất nông nghiệp xung quanh các bãi chứa vật liệu sẽ bị vùi lấp do tràn đổ. Mặc dù phạm vi ảnh hưởng giới hạn hơn so với trường hợp bồi lắng sản phẩm xói tiềm tàng do mưa nhưng mức độ tác động lại lớn hơn do các vật liệu gây vùi lấp có kết cấu chặt nên không chỉ làm chết cây trồng mà còn làm thay đổi đặc tính cơ lý của đất.

- Đất nông nghiệp xung quanh khu vực công trường thi công có nguy cơ bị ô nhiễm bởi dầu thải, chất thải chứa dầu nếu xảy ra tràn đổ và chất thải rắn thi công hoặc sinh hoạt. Đất nông nghiệp nếu bị thấm dầu sẽ cản trở quá trình hấp thụ thức ăn của bộ rễ. Cải tạo những vùng đất này để trồng trọt cho sản phẩm an toàn sẽ rất tốn kém về tiền bạc và thời gian.

- Chất thải rắn thi công hoặc sinh hoạt đều có thể gây suy thoái đất, như phá vỡ cấu trúc của lớp trên của đất trồng, làm thay đổi tính chất cơ lý của đất hoặc gây mùi khó chịu hoặc tạo điều kiện cho côn trùng, vi sinh vật gây bệnh phát triển.

- Nén đất: Hoạt động thi công trên bề mặt công trường và di chuyển của các phương tiện vận chuyển dọc tuyến ngoài vùng đất dành cho Dự án sẽ tạo ra tình trạng đất bị nén chặt. Trong quá trình thi công, khó có thể tránh khỏi hoàn toàn việc các phương tiện thi công lấn chiếm sang các vùng đất nông nghiệp kế cận hành lang GPMB gây nén đất. Đất bị nén chặt trở nên suy thoái, chai cứng do bị phá vỡ cấu trúc, độ rỗng

và độ thấm giảm. Vị trí có xác suất xảy ra nén đất cao là các vùng đất canh tác dọc tuyến

+ Sạt lở: Tổng chiều dài dự án là 57,87 km, địa hình chủ yếu là vùng đồi núi có độ dốc lớn. Khi thi công làm đường phải san ủi và đào đắp một khối lượng đất đá lớn do vậy có nguy cơ sạt lở đất đá cao. Đoạn tuyến có nền đường đào sâu nên nguy cơ sạt lở trong giai đoạn thi công khi có mưa lớn cũng khá cao. Một số vị trí nền đường đào sâu có nguy cơ bị sạt lở trên tuyến:

TT	Lý trình	Chiều dài (m)	TT	Lý trình	Chiều dài (m)
1	Km104+295 - Km104+500	205	19	Km136+600 - Km137+000	400
2	Km110+200 - Km110+400	200	20	Km137+200 - Km137+400	200
3	Km110+900 - Km111+600	700	21	Km137+500 - Km137+700	200
4	Km117+000 - Km117+300	300	22	Km137+850 - Km138+300	450
5	Km120+100 - Km120+400	300	23	Km138+450 - Km138+550	100
6	Km120+900 - Km121+250	350	24	Km139+300 - Km139+450	150
7	Km124+200 - Km124+600	400	25	Km141+500 - Km142+300	800
8	Km125+700 - Km126+000	300	26	Km145+000 - Km145+450	450
9	Km127+100 - Km127+300	200	27	Km150+000 - Km150+250	250
10	Km129+400 - Km129+600	200	28	Km151+300 - Km151+400	100
11	Km130+200 - Km130+300	100	29	Km152+650 - Km152+750	100
12	Km130+700 - Km131+000	300	30	Km154+200 - Km154+850	650
13	Km131+300 - Km131+800	500	31	Km155+150 - Km155+500	350
14	Km132+300 - Km132+700	400	32	Km155+850 - Km155+950	100
15	Km133+000 - Km133+500	500	33	Km156+600 - Km156+700	100
16	Km134+500 - Km134+750	250	34	Km158+450 - Km158+600	150
17	Km134+850 - Km135+200	350	35	Km159+950 - Km160+450	500
18	Km135+650 - Km136+300	650			

+ Bồi lắng, ngập úng cục bộ: tuyến địa hình có mức độ phân hóa không nhiều, độ cao thay đổi không lớn và ở vị trí cao độ cao. Khi có mưa lớn trong khu vực, dòng chảy tập trung nhanh, tại các khu vực này có thể có hiện tượng nước chảy tràn dẫn đến ngập úng cục bộ tuy nhiên chỉ trong thời gian ngắn 1-2 giờ.

Nhìn chung các tác động đến môi trường đất do hoạt động thi công ở mức trung bình. Tác động này kéo dài suốt thời gian thi công, thậm chí nếu không có biện pháp giảm thiểu còn có thể để lại hậu quả lâu dài.

- *Phạm vi tác động:* Đất nông nghiệp trồng hoa màu, cây ăn quả dọc tuyến đường và khu vực lán trại công trường.

- *Mức độ tác độ:* Trung bình.

- *Thời gian tác động:* Trong suốt quá trình thi công (24 tháng).

3.1.1.8. Tác động đến môi trường nước ngầm

a. Nguồn tác động:

Các nguyên nhân cơ bản tác động đến chất lượng nguồn nước ngầm trong quá trình thi công, xây dựng cụ thể như sau:

Nước mặt là nguồn cung cấp nước cơ bản cho nước ngầm, vì thế sự ô nhiễm nước mặt sẽ dẫn đến ô nhiễm các tầng nước ngầm.

Quá trình thi công đóng cọc, khoan, đào hố xây dựng móng và trụ cầu gây thủng tầng đất mặt làm cho có sự trao đổi trực tiếp giữa nước mặt bị ô nhiễm và nước ngầm, gây ô nhiễm tầng nước ngầm.

Đối với các tầng nước ngầm nông, việc đào đắp, san ủi mặt bằng sẽ làm cho các mạch nước ngầm bị lộ ra, nước mặt và nước mưa chứa chất ô nhiễm xâm nhập vào tầng nước ngầm gây nên sự ô nhiễm tầng nước ngầm.

Sự thay đổi của hệ thống các dòng chảy làm biến đổi quy luật dòng chảy kéo theo là mực nước ngầm có thể bị hạ thấp hoặc nâng cao tuỳ theo quá trình biến đổi của hệ thống dòng chảy mặt cũng là một nguyên nhân dẫn tới sự thay đổi chất lượng và lưu lượng của các tầng nước ngầm.

b. Đánh giá tác động:

- Nguy cơ ô nhiễm nước ngầm bởi phụ gia trong bentonite:

Khi xuyên qua các tầng giữ nước, một phần thân cọc khoan nhồi với bentonite có chứa phụ gia sẽ nằm trong phức hệ chứa nước. Bentonite với phụ gia có khả năng gây độc nước sẽ thấm vào phức hệ này và theo mạch nước mang chất ô nhiễm ra khỏi khu vực cọc. Thời gian tồn lưu của bentonite trong lỗ khoan càng lâu, mức độ ô nhiễm nước ngầm do phụ gia gây ra càng lớn.

- Nguy cơ ô nhiễm nước ngầm do tràn nước mặt bẩn vào vách khoan trong thi công cọc khoan nhồi:

Mục đích của việc sử dụng ống vách là bảo vệ tầng địa chất phía dưới không bị sụp đổ khi có tác động từ các hoạt động thi công diễn ra ở phía trên. Đường kính trong

của ống vách sẽ lớn hơn đường kính lỗ khoan từ 5 ÷ 10cm. Chiều dài ngập sâu trong đất của ống vách sẽ là khoảng 5m ÷ 7m. Trong thi công, nước mặt bẩn trong vòng vây sẽ tràn theo khoảng hở giữa ống vách và lỗ khoan xuống dưới sâu. Khi thâm nhập vào các mạch nước ngầm, chất bẩn có thể gây ô nhiễm nước ngầm.

- Nguy cơ ô nhiễm nước ngầm do nước rỉ ra từ quá trình đổ bê tông cọc khoan nhồi:

Khi thực hiện đổ bê tông cọc khoan nhồi, trong quá trình đợi bê tông khô sẽ có lượng nước rỉ ra từ quá trình đổ bê tông. Nước thải loại này thường có pH lớn nên khi đi vào phức hệ nước ngầm trong đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, nước ngầm quanh khu vực thi công cầu.

Qua những phân tích ở trên cho thấy, việc thi công cọc khoan nhồi trong tầng nước ngầm khai thác sẽ dễ làm nhiễm bẩn nguồn nước do khi khoan cọc nguồn nước ngầm bị lộ ra, các chất bẩn sẽ theo các khe nứt trên vách lỗ khoan, thâm nhập và làm nhiễm bẩn nguồn nước. Trong quá trình thi công, nhà thầu thi công sẽ có biện pháp để giảm thiểu tác động.

Đối tượng chịu tác động: Khu vực thi công cầu

Thời gian tác động: Trong quá trình khoan cọc nhồi tại các cầu.

3.1.1.9. Đánh giá, dự báo tác động, nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông trong quá trình xây dựng

** Các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, hồ và các vùng đất ven sông, hồ khi thi công mố, trụ trong lòng sông và kênh*

Xói lở, bồi lắng xuất hiện chủ yếu trong công đoạn đào đắp và công đoạn tạo mặt đường, đặc biệt trong mùa mưa, từ tháng 5 tới tháng 11 với lượng mưa nhiều, cường độ mạnh tập trung vào tháng 9, 10. Đất bị xói do mưa, tràn xuống vùng thấp hơn gây bồi lắng tại chân cầu và phía hạ lưu. Cụ thể như sau:

- Tại khu vực thi công phần đường đầu cầu: khi mặt đường chưa kịp nhựa hóa hay taluy chưa kịp trồng cỏ, mưa sẽ gây xói ước tính khoảng 2,5cm lớp đất đắp bề mặt (tính theo mức xói mòn đồi đất bở rời không có cây cỏ, có độ dốc mặt đất từ 20 – 30^0).

- Tại khu vực thi công phần cầu: Mưa sẽ gây xói khoảng 0,04% lượng đất đào đắp hố móng.

Khi thi công đào đắp, xuất hiện nguy cơ:

+ Tràn đổ đất;

+ Bồi lắng sản phẩm xói trên bề mặt đất chưa được gia cố chống xói tại khu vực thi công nền khi gặp nước (do mưa hoặc do tưới nước làm ẩm).

Việc tích tụ bùn cát có thể làm thay đổi địa hình lòng sông, tạo thành các bãi bồi mới.

Ngoài ra để tiến hành thi công các trụ cầu, cần sử dụng hệ nổi đóng cọc ván thép tạo thành vòng vây ngăn nước và bố trí máy móc, thiết bị để tiến hành thi công trong vòng vây. Vòng vây ngăn nước sẽ chiếm dụng diện tích lòng kênh, dẫn đến thay đổi dòng chảy. Cấu trúc cầu cũng có thể làm thay đổi hướng và tốc độ dòng chảy, gây ra sự bồi lắng không đồng đều ở các khu vực khác nhau của lòng sông và bãi. Thay đổi dòng chảy do cầu gây ra có thể dẫn đến xói mòn bờ sông, đặc biệt ở khu vực hạ lưu cầu. Sự xói mòn này có thể làm thu hẹp bờ sông và ảnh hưởng đến các công trình ven sông.

Thay đổi địa hình và dòng chảy có thể gây sạt lở ở các bãi sông, ảnh hưởng đến sự ổn định của đất và các công trình trên bãi

Đây là những nguy cơ tiềm ẩn trong suốt thời gian thi công. Kết quả tính toán được mô tả cụ thể tại mục *3.2.1.7. Tác động của công trình tới chế độ thuỷ văn, sự ổn định lòng bờ bãi sông tại khu vực thi công cầu*

3.1.1.10 Tác động do xói lở và bồi lắng do vật liệu đào đắp tại các vị trí thi công tuyến, cầu, nút giao

a. Các tác động đến thoát nước, ngập úng

Tuyến đi qua khu vực đồi núi nên không có tình trạng ngập úng. Tuy nhiên vào mùa mưa lũ, nếu công trường không được vệ sinh gọn gàng sẽ cuốn trôi đất đá xuống phía dưới, có thể gây tắc nghẽn dòng chảy của sông suối phía dưới, ảnh hưởng đến thoát nước trong khu vực.

b. Các tác động do sụt trượt, xói lở trên tuyến

Xói lở, bồi lắng xuất hiện chủ yếu trong công đoạn đào đắp và công đoạn tạo mặt đường, đặc biệt trong mùa mưa, từ tháng 5 tới tháng 11 với lượng mưa nhiều, cường độ mạnh tập trung vào tháng 9, 10. Đất bị xói do mưa, tràn xuống vùng thấp hơn gây bồi lắng tại chân cầu và phía hạ lưu. Cụ thể như sau:

- Tại khu vực thi công phần đường đầu cầu: khi mặt đường chưa kịp nhựa hóa hay taluy chưa kịp trồng cỏ, mưa sẽ gây xói ước tính khoảng 2,5cm lớp đất đắp bề mặt (tính theo mức xói mòn đồi đất bở rời không có cây cỏ, có độ dốc mặt đất từ 20 – 30^0).

- Tại khu vực thi công phần cầu: Mưa sẽ gây xói khoảng 0,04% lượng đất đào đắp hố móng.

- Tác động tới dòng chảy do hoạt động đào đắp nền đường: Nguy cơ tràn đổ đất và bồi lắng sản phẩm xói trong thi công đào đắp phần đường và thi công hệ thống thoát nước ngang.

Nguyên nhân kịch phát quan trọng nhất làm phát sinh, phát triển trượt lở đất đá trên sườn dốc là tác động của mưa với cường độ lớn và kéo dài. Thực tế khảo sát, nghiên cứu cho thấy: Trượt lở đất đá hầu như chỉ xảy ra ồ ạt vào mùa mưa lũ với cường độ và lượng mưa lớn, kéo dài từ 2 - 4 ngày liên tục, gây tràn lấp, thu hẹp dòng chảy các suối khu vực dự án còn vào mùa khô hiếm khi xảy ra trượt.

Các chấn động, rung động do nổ mìn, đóng cọc, khai đào, máy thi công, lưu thông của xe tải trọng nặng... là những nguyên nhân rất quan trọng gây nứt nẻ đất đá làm xúc tiến nhanh quá trình phong hoá, giảm lực liên kết giữa các phân tố đất đá, gây tách phân lớp tại mặt trượt (mặt đá gốc hoặc đới yếu gần kề), làm giảm mạnh lực dính kết và góc nội ma sát của đất đá... đặc biệt là khi không phân thời - giản đoạn gây tập trung chấn động, rung động và thậm chí là cộng hưởng (có thể có) trực tiếp góp phần làm giảm hệ số ổn định sườn dốc và phát sinh, phát triển trượt.

Các vị trí sạt lở, sụt trượt trong quá trình thi công như đã được đề cập tại các vị trí đào sâu

Khi thi công đào đắp, xuất hiện nguy cơ:

+ Tràn đổ đất;

+ Bồi lắng sản phẩm xói trên bề mặt đất chưa được gia cố chống xói tại khu vực thi công nền khi gặp nước (do mưa hoặc do tưới nước làm ẩm).

Khi nguy cơ này xảy ra, đất tràn hoặc bồi lắng xuống dòng chảy tại các kênh/mương nước xung quanh, sẽ gây ảnh hưởng đến nước khu vực thi công cầu vượt theo các khía cạnh:

+ Giảm lượng nước do nông lòng dẫn bởi đất lắng xuống đáy mương;

+ Tăng chất rắn lơ lửng do khuếch tán đất bồi lắng trong khối nước.

Đây là những nguy cơ tiềm ẩn trong suốt thời gian thi công.

- *Mức độ tác động*: Trung bình.

3.1.1.11. Các tác động đến giao thông do hoạt động thi công

a. Nguồn gây tác động

Các hoạt động sau tạo ra các yếu tố gây tác động có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và đường thủy, bao gồm:

- Giao thông thủy: Hoạt động thi công cầu trên sông Lô.

- Giao thông bộ:

+ Hoạt động thi công cầu vượt QL2 và hoạt động thi công nâng cấp, mở rộng đoạn đi trùng QL2 khoảng từ Km146+00 – Km 150+00.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu bằng đường bộ sử dụng đường quốc lộ, tỉnh lộ và các đường dân sinh để vận chuyển vật tư thiết bị cần thiết đến công trình (QL2, QL4, ĐT.177, ĐT178, ĐT.182B, đường địa phương). Đây là phương thức vận chuyển chính.

b. Đánh giá

b1. Hoạt động thi công đào đắp nền đường, cầu vượt trên tuyến QL2 hiện hữu

+ Sự có mặt của máy móc thi công và hoạt động thi công trên các tuyến đường QL2 hiện hữu hiện sẽ gây cản trở giao thông và tiềm ẩn các nguy cơ về tai nạn giao thông.

+ Các hoạt động đào đắp cũng có thể gây tràn đổ đất, bùn trên đường khi gặp trời mưa sẽ gây trơn trượt làm mất an toàn giao thông.

+ Đất bùn tràn đổ ra đường gây bụi làm cản trở tầm nhìn.

b2. Tác động do hoạt động vận chuyển bằng đường bộ

- *Gia tăng lưu lượng giao thông trên các tuyến đường vận chuyển*

Hiện trạng mật độ giao thông trên các tuyến đường bộ vận chuyển vật liệu dự kiến các đường địa phương. Theo tính toán, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu với lưu lượng 4 – 6 lượt xe/ngày sẽ làm gia tăng lưu lượng giao thông trên các tuyến này, tiềm ẩn nguy cơ ùn tắc và tai nạn giao thông.

- *Tăng nguy cơ mất an toàn giao thông do rơi vãi vật liệu gây lầy hóa, trơn trượt*

Các xe chở nguyên vật liệu từ khu vực cung cấp nguyên vật liệu đến vị trí thi công khi lưu thông trên tuyến sẽ kéo theo đất bám dính trên lốp xe. Đất rơi vã trên đường sẽ sinh bụi và gặp nước cũng sẽ hóa lỏng. Bùn đất hóa lỏng trên bề mặt đường tạo ra tình trạng trơn trượt và làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông. Va chạm không

chỉ xảy ra giữa phương tiện giao thông trên đường và phương tiện thi công mà còn có thể xảy ra giữa các phương tiện giao thông với nhau. Nguy cơ này có thể xảy ra tại các tuyến vận chuyển địa phương.

- *Hư hại tiện ích cộng đồng do vận chuyển trên các đường cấp thấp*

Trong bước lập dự án đầu tư do chưa thể xác định được chính xác các đường liên thôn liên xã được sử dụng để chuyên chở vật liệu và phế thải từ các mỏ/ bãi vật liệu ra các Quốc lộ, đường tỉnh và từ khu vực thi công đến vị trí đổ thải nên các tác động đến tiện ích cộng đồng trong quá trình vận chuyển chỉ mang tính dự báo.

Các tuyến đường liên thôn liên xã trong khu vực dự án nhìn chung chất lượng khá thấp, chủ yếu phục vụ đi lại của người dân với phương tính chính là xe đạp, xe máy, xe ô tô tải trọng <10 tấn. Theo đó nếu sử dụng đường liên thôn liên xã để chuyên chở thì các tác động đến tiện ích cộng đồng chủ yếu là:

- Hư hại, xuống cấp đường trong thời gia thi công;

- Hư hại hoàn toàn nếu sau thi công không dược hoàn nguyên.

- Hư hại đường, gián tiếp gây thiệt hại cho người dân địa phương sử dụng đường hàng ngày. Tác động này diễn ra trong suốt thời gian thi công và còn kéo dài nếu đường không được hoàn trả ít nhất như trạng thái ban đầu.

b3. Tác động đến giao thông đường thủy khi thi công cầu sông Lô

Để tiến hành thi công các trụ cầu, cần sử dụng hệ nổi đóng cọc ván thép tạo thành vòng vây ngăn nước và bố trí máy móc, thiết bị để tiến hành thi công trong vòng vây. Vòng vây ngăn nước sẽ chiếm dụng diện tích lòng sông, làm giảm diện tích lưu thông của các phương tiện thủy. Bên cạnh đó, gia tăng các phương tiện thủy từ hoạt động của Dự án có thể làm gia tăng va chạm giữa các phương tiện tại đoạn sông thi công cầu. Tai nạn thủy có thể gây chìm tàu thuyền đe dọa đến tính mạng và tài sản con người.

Ngoài hệ nổi, hệ giàn giáo sẽ được lắp đặt để vận chuyển người và thiết bị thi công ra vị trí thi công các trụ giữa sông. Hệ giàn giáo tuy không bố trí lấn chiếm lòng chủ sông nhưng cũng chiếm một phần đáng kể mặt cắt lưu thông trên sông, gây cản trở giao thông thủy trên sông Đáy đoạn qua vực dự án. Khu vực sông Lô có mật độ giao thông thủy khá lớn. Dọc hai bên sông cũng có nhiều bến tập kết vật liệu xây dựng. Do đó khi thi công cầu sông Lô sẽ ảnh hưởng đáng kể đến giao thông thủy trên sông và cần có biện pháp giảm thiểu.

**Đối tượng chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động*

- *Đối tượng chịu tác động trực tiếp*:

+ Giao thông đường bộ: Tuyến QL2 đang khai thác và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trên QL2, QL4, ĐT.177, ĐT178, ĐT.182B,... và các tuyến đường liên thôn, liên xã;

+ Giao thông đường thủy: Đoạn sông Lô và khu vực thi công cầu.

- *Mức độ tác động đến giao thông*: Trung bình và được giảm thiểu tại khu vực dự án.

- *Thời gian tác động*: Trong suốt giai đoạn thi công

3.1.1.12. Tác động do tập trung công nhân

a. Nguồn gây tác động

Với việc tập trung khoảng 50 công nhân ở mỗi công trường tại khu vực dân cư hay trên công trường thi công trong thời gian thi công Dự án khoảng 15 tháng sẽ làm phát sinh các vấn đề, bao gồm:

- Phát sinh bệnh truyền nhiễm;
- Phát sinh các mâu thuẫn.

b. Đánh giá

b1. Nguy cơ lây lan truyền bệnh

Điều kiện vệ sinh không tốt trong các khu nhà tạm, khu lều trong khu vực công trường sẽ dẫn đến những dịch bệnh như sốt xuất huyết, bệnh mắt... của công nhân, sau đó la truyền rộng ra khu vực dân cư xung quanh. Ngoài ra, còn có khả năng xuất hiện nguy cơ lan truyền các bệnh xã hội như HIV/AIDS do các công nhân từ địa phương khác tới và ngược lại công nhân bị lây nhiễm từ cư dân địa phương. Tuy nhiên, qua quan sát thấy trong khu vực hầu hết là các vùng thuần nông, các dịch vụ có nguy cơ lan truyền bệnh xã hội như mại dâm không có công khai, hoặc cũng không thấy có các biểu hiện của các hoạt động này.

b2. Nguy cơ phát sinh mâu thuẫn

Nếu lực lượng công nhân không được tuyên truyền tốt sẽ dễ vi phạm an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, trong có khu vực Dự án, dân cư địa phương với nền văn hóa làng xã truyền thống mang tính địa phương, do sự khác biệt về lối sống và văn hóa giữa công nhân và người dân trong khu vực nên dễ làm phát sinh mâu thuẫn, đặc biệt là lớp thanh niên. Các va chạm và tranh chấp về vật liệu, đánh cắp tài sản của người dân và doanh nghiệp thi công, các thiệt hại về vật tư thiết bị, hoa màu... là các nguyên nhân gây mâu thuẫn, xung đột, làm mất an ninh trật tự đia phương.

b3. Gia tăng hành vi tội phạm và mất an ninh trật tự

Cùng với đó, dòng công nhân lao động sinh sống tập trung trong khu vực dự án nơi mà gần các cộng đồng dân cư địa phương có thể làm gia tăng tỷ tội phạm và sự nhận thức về mất an ninh trật tự của người dân địa phương. Do vậy việc đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương – nơi thực hiện dự án là một yêu cầu rất chặt chẽ. Tác động yêu cầu biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.

b4. Bạo lực giới tính

Công nhân xây dựng thường là các nam giới trẻ tuổi, đây là những người đang ở trong công trường xây dựng và xa gia đình, như vậy những người này bị tách khỏi gia đình của họ và thường có các hành động nằm ngoài khuôn khổ kiểm soát của xã hội. Điều này có thể dẫn đến các hành vi không phù hợp và phạm tội, như quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em gái, quan hệ tình dục bất chính với trẻ vị thành niên từ cộng đồng địa phương.

- *Mức độ tác động*: Trung bình và có thể kiểm soát.

- *Thời* gian tác động: Trong suốt quá trình thi công

3.1.1.13. Đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng

a. Nguồn gây tác động

Trong suốt quá trình thi công của dự án, các tác động đến sức khỏe của công nhân xây dựng và cộng đồng dân cư địa phương sẽ có nguy cơ phát sinh. Các vấn đề sức khỏe tiềm ẩn bùng phát gồm:

Bảng 3. 37. Các vấn đề sức khỏe tiềm tàng trong suốt quá trình xây dựng dự án

Các hoạt động	Các vấn đề sức khỏe mang tính cộng đồng/tính truyền nhiễm	Các vấn đề sức khỏe không mang tính cộng đồng/tính truyền nhiễm	Tai nạn và thương tật	Các vấn đề tâm lý
Hoạt động thi công nền đường và mặt đường	Các bệnh truyền nhiễm do ô nhiễm. điều kiện vệ sinh kém như: Tả. thương hàn, sốt rét, viêm da…	- Các bệnh về đường hô hấp do bụi và khí thải; - Các vấn đề sức khỏe do ảnh hưởng bởi ồn; - Các vấn đề sức khỏe do rung động.	- Gia tăng tai nạn và thương tật liên quan đến giao thông; - Gia tăng tai nạn và thương tật liên quan đến lao động	Căng thẳng, lo âu
Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu		- Các bệnh về hô hấp do bụi. khí thải; - Các vấn đề sức khỏe do ảnh hưởng bởi ồn	- Gia tăng tai nạn và thương tật liên quan đến giao thông	Căng thẳng, lo âu
Tập trung công nhân	Phát sinh các bệnh truyền nhiễm như: HIV; viêm gan B, C; sốt rét..	Nguy cơ phát sinh các bệnh do ký sinh trùng. thiếu dinh dưỡng, điều kiện vệ sinh kém	Tăng nguy cơ xung đột với cộng đồng dân cư địa phương	Căng thẳng, lo âu

b. Đánh giá tác động

Cụ thể các tác động đến sức khỏe người dân trong suốt quá trình thi công của dự án như sau:

b1. Đối với những tác động sức khỏe do ô nhiễm không khí:

Các vấn đề sức khỏe có liên quan đến chúng gồm:

+ Bụi có kích thước lớn hơn 10 µm, nếu tiếp xúc với mắt dẫn đến tăng nguy cơ gây tổn thương cho mắt, gây nhiễm trùng, dị ứng. Đối với bụi bay có kích thước nhỏ hơn 5µm có thể xâm nhập vào phổi gây ra các bệnh về đường hô hấp như: Hen suyễn, viêm phổi, nếu tiếp xúc lâu dài bụi sẽ lắng đọng và tích tụ gây xơ hóa phổi.

+ NO_2 xâm nhập vào phổi thông qua đường hô hấp và hấp thụ lên màng nhầy của phổi. Khoảng 80% - 90% NO_2 có thể được hấp thụ, mặc dù phần này biến đổi theo mũi và hơi thở điều này dẫn tới dị ứng đường hô hấp. Nếu việc tiếp xúc với NO_2 ở liều lượng lớn và trong thời gian lâu dẫn đến làm gia tăng nguy cơ gây viêm phổi.

b2. Đối với những tác động sức khỏe do ô nhiễm tiếng ồn:

Theo các đánh giá về tác động tiếng ồn trong quá trình thi công, đối tượng chịu tác động bởi ô nhiễm tiếng ồn là công nhân thi công trên công trường và khu dân cư nằm ở khoảng cách dưới 10m. Tuy nhiên, phần lớn khu vực dự án có dân cư tập trung thưa thớt, rải rác trên tuyến và cách xa tim đường (>10m).

Tiếng ồn là yếu tố có tác động lớn đến sức khỏe con người: làm giảm độ nhạy của tai, thính lực giảm sút, gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếng ồn gây ra các chứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch và các bệnh về hệ thống tiêu hóa.

Riêng đối với công nhân xây dựng, trong suốt thời gian làm việc của mình họ bị phơi nhiễm liên tục bởi tiếng ồn sẽ nguy cơ dẫn đến người công nhân cảm thấy mệt mỏi, giảm thính giác, gây mất tập trung trong lao động và có thể gây tai nạn lao động.

b3. Các vấn đề tai nạn và thương tật:

- Tại nạn lao động và thương tật trong quá trình thi công: Trong suốt quá trình thi công dự án, nguyên nhân phát sinh tai nạn và thương tật luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra. Nguyên nhân của vấn đề này có thể là do xe vận chuyển, tai nạn điện, tai nạn do rơi vật dụng hoặc đổ sập công trình... Vào những ngày mưa nguy cơ tai nạn lao động càng tăng cao do đất trơn trượt. dễ xảy ra sự cố về điện. Các tai nạn này có nguy cơ dẫn tới tình trạng chết người hoặc thương tật vĩnh viễn.

- Tai nạn giao thông và thương tật trong quá trình thi công: Trong quá trình thi công luôn tiềm ẩn tình trạng mất an toàn giao thông do hoạt động thi công và vận chuyển vật liệu. Đối tượng dễ bị tai nạn và thương tật thường là các công nhân xây dựng trên công trường.

** Đánh giá tổng hợp các vấn đề môi trường khi triển khai dự án trong giai đoạn xây dựng:*

Mặc dù khi thi công, các hoạt động của dự án gây tác động đến môi trường cùng diễn ra nhưng sẽ không đồng thời và tập trung tại một vị trí nhất định, do vậy các tác động tổng hợp đến môi trường đã được giảm thiểu đi đáng kể.

3.1.1.12. Các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn triển khai dự án

a. Sự cố rà phá bom mìn

Trong giai đoạn chuẩn bị, rủi ro sự cố đặc trưng là rủi ro sự cố bom mìn tàn dư.

- Trong chiến tranh, hàng nghìn tấn bom mìn đã được sử dụng. Hầu hết các loại bom mìn sau chiến tranh đã được di chuyển trong giai đoạn 1975 ÷ 1985. Tuy nhiên, vật liệu nổ còn lại trong lớp đất sâu nên cần quan tâm đến sự an toàn của công nhân xây dựng và trong quá trình xây dựng dự án trong tương lai. Không xác định vị trí và loại bỏ tất cả các vật liệu nổ từ công trường thi công sẽ gây ra rủi ro đối với công nhân thi công và dân cư trong vùng không chỉ giới hạn trong thời gian thi công, thậm chí sau khi Dự án được đưa vào khai thác. Do đó, Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn trước khi thi công.

b. Sự cố kỹ thuật

Đối với công tác thi công cầu vượt trong nút giao và cầu vượt: Việc thi công phần kết cấu trên của cầu được tiến hành trên độ cao lớn sẽ tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự

cố kỹ thuật gây đổ công trình trong quá trình thi công lắp đặt giàn giáo, lao lắp dầm BTCT DƯL, thi công trụ cầu trong dòng chảy. Sự cố kỹ thuật nếu xảy ra không chỉ đe dọa tính mạng của lực lượng tham gia thi công mà còn gây hậu quả nghiêm trọng với các phương tiện giao thông đường thủy phía dưới cầu. Tác động diễn ra trong suốt thời gian thi công phần cầu.

Hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị và các nguyên vật liệu đến bãi công trường chuẩn bị thi công có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình thủy lợi hiện hữu.

c. Nguy cơ cháy nổ

Trong giai đoạn xây dựng, xăng dầu được sử dụng cho hoạt động của các thiết bị thi công. Xăng dầu có thành phần chủ yếu là hợp chất carbuahydro (96 ÷ 99%) nên có khả năng bay hơi rất nhanh trên bề mặt thoáng. Do vậy rất dễ gây cháy nổ, đặc biệt khi hòa trộn vào không khí và gặp tia lửa.

d. An toàn lao động

Tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất cứ các hoạt động nào trong quá trình thi công có sử dụng lao động nếu không tuân thủ đúng quy trình an toàn lao động.

Các nhóm nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn lao động bao gồm:

- Thiếu sót trong thiết kế biện pháp công nghệ: biện pháp chống đỡ ván khuôn, biện pháp chống sạt lở vách đất... có thể dẫn đến đổ sập công trình, gây tai nạn lao động

- Thiếu sót trong tổ chức thi công: bố trí ca kíp không hợp lý, bố trí công việc không đúng trình tự. chồng chéo, sử dụng vật liệu không đúng tiêu chuẩn, cắt bớt quy trình thi công...;

- Thiếu sót về kỹ thuật: máy móc, phương tiện, dụng cụ thiếu hoàn chỉnh hoặc bị hư hỏng như thiếu cơ cấu an toàn, thiếu che chắn, thiếu hệ thống báo hiệu phòng ngừa...;

- Người dân xung quanh ra vào khu vực dự án, nhất là những khu vực có hố sâu.

- Vi phạm các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn;

- Các nguyên nhân do rủi ro: tai nạn do xe vận chuyển, trượt té trên giàn giáo, tai nạn điện... Vào những ngày mưa nguy cơ tai nạn lao động càng tăng cao do đất trơn trượt, dễ xảy ra sự cố về điện, dễ xảy ra sụt lún...

e. Sự cố do thiên tai (bão, lũ, lụt)

Như đã trình bày trong chương II, tại khu vực Dự án có các tai biến thiên nhiên bao gồm lũ lụt. Mưa bão kéo dài cho mực nước sông suối dâng cao, nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất và ngập lụt vùng trũng thấp ven sông, suối, ngập úng đô thị…. Các tai biến thiên nhiên này đều có thể gây ra các sự cố tại công trường thi công, cụ thể:

+ Làm gia tăng xác suất xảy ra tai nạn lao động trong trường hợp thi công; đặc biệt đe dọa đến tính mạng công nhân thi công do sét đánh;

+ Đe dọa đến sự ổn định của các kết cấu công trình, nhất là có thể gây đổ các kết cấu thi công khi mưa giông;

+ Trong trường hợp có lũ lớn, nếu không có biện pháp phòng chống thì công trường nằm trong vùng trũng có thể sẽ bị ngập lũ. Ngập lũ không chỉ gây thiệt hại cho Dự án mà sẽ tạo những tổn thất lớn tới môi trường xung quanh do các chất ô nhiễm (dầu mỡ, xăng…) trong công trường theo dòng nước lũ lan tràn trên diện rộng.

f. Sự cố tràn dầu

Trong quá trình thi công các cầu phải sử dụng các phương tiện thi công thủy như xà lan. Do đó sự cố tràn dầu có thể xảy ra do sự rò rỉ hoặc thủng, vỡ bồn chứa nhiên liệu của các thiết bị thi công thủy hoặc do va chạm với các phương tiện giao thông thủy.

Loại dầu sử dụng cho các thiết bị thi công và vận hành tàu thuyền là dầu DO. Theo tiêu chuẩn TCCS 02-2009 của Petrolimex quy định dầu DO (0,05S) có khối lượng riêng là 820 - 860 kg/m^3, dầu DO (0,25S) có khối lượng riêng là 820 - 870 kg/m^3. Các loại dầu này có tỷ trọng nhỏ hơn nước nên dễ lan truyền trên mặt nước.

Khi tràn ra, dầu có thể ảnh hưởng đến môi trường bằng nhiều cách khác nhau. Đầu tiên, về mặt tự nhiên dầu có thể làm ngạt sinh vật và chất nền để chúng tiếp xúc với các thành phần hóa học độc hại. Nó thường gây ra tử vong cho các sinh vật. Trong giai đoạn đầu của một sự cố tràn dầu, độc tính của dầu đối với các sinh vật liên quan đến số lượng các hợp chất thơm có thể tan được trong nước (các benzen thế alkyl, naphtalene) trong dầu. Các loại dầu nhẹ thường có tiềm năng độc hơn các dầu nặng và nó phân tán rất nhanh, điều đó cũng có nghĩa là việc tiếp xúc với dầu xảy ra nhanh chóng.

Khi xảy ra sự cố tràn dầu Chủ dự án và Nhà thầu thi công sẽ có trách nhiệm chỉ huy hiện trường, tổ chức chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình kết hợp cùng với lực lượng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng cung ứng dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu với đơn vị ứng phó của khu vực để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời.

g. Sự cố cháy rừng

Đặc điểm chung của đoạn tuyến là nằm trong khu vực đất đồi, núi có độ che phủ từ thấp đến cao. Diện tích rừng Keo, tràm, quế (tự trồng) chiếm diện tích phần lớn.

Các hạng mục thi công chính được tập trung tiến hành vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 5), lưu lượng nước thấp, thời tiết thuận lợi cho xây dựng. Tuy nhiên vào mùa này, nhiệt độ cao kết hợp với độ ẩm thấp nên khả năng xảy ra cháy rừng là rất lớn. Hoạt động của cán bộ công nhân viên như sử dụng điện, gỗ củi dể đun nấu, hút thuốc…tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng. Trong thực tế, cháy rừng sẽ gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng tới tính mạng, an toàn của con người cũng như những thiệt hại môi trường khó có thể lường hết được.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

A. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực liên quan đến chất thải

3.1.2.1. Giảm thiểu tác động đến chất lượng môi trường không khí

a. Đối với các tác động do bụi và khí thải từ quá trình dọn dẹp mặt bằng và bố trí mặt bằng

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí bởi bụi và khí thải tạo ra từ quá trình phá dỡ, san ủi tạo mặt bằng, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện

- Tưới nước làm ẩm: Khi phá dỡ công trình vào những ngày khô nóng; tưới bụi ít nhất 05-06 lần/ngày, tưới nước khi phát sinh bụi; dùng máy hút bụi trong quá trình làm sạch mặt bằng trước khi dải nhựa.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, chất thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định;

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận.

- Lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư dọc tuyến thi công, đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Vận chuyển chất thải: Loại không tái sử dụng được sẽ được xử lý thông qua hợp đồng với các công ty môi trường có chức năng.

b. Đối với tác động do bụi và các khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp nền đường

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí bởi bụi và khí thải tạo ra từ đào đắp và các hoạt động liên quan, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

+ Khu vực lưu giữ đất đá thải chỉ được thiết lập trong phạm vi công trường, nằm cuối hướng gió, phải được che phủ hoặc tưới nước làm ẩm bề mặt để tránh phát tán bụi ra các khu vực lân cận đặc biệt là các khu dân cư, đảm bảo khoảng cách tối thiểu đến KDC gần nhất khoảng 200m;

+ Lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo bánh xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường;

+ Tưới nước trong những ngày không có mưa: Biện pháp này được thực hiện tại các khu vực thi công. Tần suất tưới nước ngày tưới 2 lần, tưới với lượng vừa đủ tránh hiện tượng tưới quá nhiều sẽ gây lầy lội trơn trượt trên đường. Đặc biệt tăng cường tưới nước vào những ngày nắng nóng hay cường độ tưới nhiều hơn khi gia tăng phương tiện vận tải, đẩy nhanh tiến độ thi công, thời tiết nắng nóng hay theo yêu cầu của chính quyền, người dân địa phương.

+ Các máy móc và thiết bị thi công phải đảm bảo theo chứng nhận "Kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường";

+ Tuyệt đối không được đốt chất thải rắn khó phân hủy như: nilon, vải, nhựa, hắc ín… và chất thải nguy hại khác trong phạm vi công trường nói chung và tại các khu dân cư, điểm nhạy cảm khác. Tuyệt đối tuân thủ nghiêm chỉnh các biện pháp thu gom. xử lý theo quy định;

+ Cung cấp trang bị đầy đủ khẩu trang, mặt nạ phòng độc, mũ có trang bị đèn chiếu sáng, quần áo bảo hộ, ủng, giày...cho cán bộ kỹ thuật và công nhân thi công;

+ Giám sát bụi: Giám sát việc thực hiện và tuân thủ các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường của các nhà thầu tại các vị trí nhạy cảm gần KDC.

c. Đối với tác động do bụi và các khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng là nguồn ô nhiễm phân tán và rất khó thu gom và xử lý tập trung. Ngoài ra, các nguồn thải này là nguồn không liên tục, do đó, các biện pháp xử lý chủ yếu tập trung vào các biện pháp quản lý, nhằm giảm thiểu mức tối đa ô nhiễm môi trường. Để hạn chế bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển. máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình thi công, chủ dự án yêu cầu các đơn vị nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, các xe vận tải sẽ được phủ kín bằng vải bạt, tránh tình trạng rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển. Khi bốc dỡ nguyên vật liệu, công nhân bốc dỡ sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.

- Lựa chọn nhà thầu thi công có máy móc, thiết bị hiện đại, có mức độ phát thải khí thải ra môi trường thấp cho hoạt động xây dựng của dự án. Tất cả các xe vận tải và phương tiện thi công trên công trường phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác triển khai thực hiện dự án.

- Yêu cầu nhà thầu định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công để giảm tiếng ồn phát ra từ động cơ.

- Kiểm soát và quản lý môi trường nơi phương tiện ra vào khu vực thi công: Mỗi công trường quy định một cửa cho phương tiện vận chuyển ra vào. Các phương tiện chỉ được ra vào tại các cửa này. Đồng thời các phương tiện trước khi vào tuyến vận chuyển sẽ được làm sạch bùn đất bám tại lốp xe tại cửa ra bằng phương pháp thủ công (sử dụng tay).

- Kiểm soát vận tốc của các phương tiện thi công

- Che bạt bất cứ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hay đất cát từ công trường thi công. Ngăn chặn việc vận chuyển quá tải.

- Cụ thể là qui định về vận tốc vận chuyển trong khu vực thi công gần nhà dân phải đảm bảo tốc độ 10km/h và khu vực trong đô thị là 30km/h.

- Các phương tiện vận chuyển trước khi dời công trường đều được rửa sạch.

- Cung cấp chế độ bảo trì thích hợp cho tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công. Yêu cần mọi phương tiện và thiết bị phải đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn theo đúng quy định.

- Không sử dụng các phương tiện không đạt tiêu chuẩn về phát thải để giảm thiểu các tác động ô nhiễm không.

- Chỉ hợp đồng thuê các phương tiện vận chuyển, thi công có nồng độ phát thải các chất ô nhiễm thấp, bố trí các thiết bị có sự phát thải cao xa khu vực nhà dân. Tất cả các phương tiện vận chuyển đều phải có nồng độ phát thải các chất ô nhiễm đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT.

d. Đối với hoạt động phát sinh bụi của trạm trộn bê tông xi măng

- Ngăn ngừa phát tán bụi tại khu vực lưu trữ vật liệu trộn: Các bãi chứa cấp liệu sử dụng để trộn bê tông (cát, sỏi...) sẽ được che chắn bằng các tấm quây bằng vải bạt để tránh phát tán bụi. Tấm quây được bao quanh bãi chứa, nếu thấy bụi bốc lên, sẽ thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm.

- *Ngăn ngừa phát tán bụi khi đổ vật liệu:* Khi dùng xe ben để đổ vật liệu tại các bãi chứa, nếu thấy bụi bốc lên, sẽ thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm.

- *Ngăn ngừa phát tán bụi tại băng chuyền:* Vật liệu dùng để trộn (cát, sỏi) sẽ được làm ẩm trước khi đưa lên băng chuyền để vào máy trộn.

- *Ngăn ngừa phát tán bụi tại silo:* Sử dụng 05 trạm trộn bê tông xi măng có trang bị đầy đủ các túi lọc bụi tại các silo xi măng để thu gom toàn bộ bụi từ hoạt động của các trạm trộn bê tông xi măng. Tùy theo công suất và đặc tính kỹ thuật, phải đồng bộ lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện cho các thiết bị này. Các thiết bị này có hiệu suất lọc bụi hơn 90%. Trong giai đoạn thi công, nhà thầu sẽ được yêu cầu thường xuyên bảo dưỡng thiết bị này để lọc bụi đạt hiệu quả.

**Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

e. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động đổ và lưu giữ đất đào khi chưa được điều phối cho công tác đắp

- Xe vận chuyển đổ thải phải được vận tải theo đúng tỷ trọng, che chắn cẩn thận để tránh rơi vãi và phát sinh bụi; Nhanh chóng điều phối đất đá đào đến vị trí đắp theo đúng tiến độ thi công;

- Khu vực lưu giữ đất đá đào đặt trong phạm vi công trường thuộc ranh GPMB của dự án, cuối hướng gió, xa khu vực dòng chảy mặt và hình thành, bờ bao xung quanh bãi chứa tạm và đầm sơ bộ vừa hạn chế bụi, khí thải từ các bãi chữa vừa giảm thiểu khả năng xói và tràn đổ;

- Cam kết đổ đất đào đúng nơi quy định khi chưa điều phối;

- Cam kết đảm bảo điều kiện vệ sinh khu vực xung quanh bãi chứa tạm không gây mất vệ sinh khu vực công trường và cảnh quan khu vực xung quanh

- *Vị trí và thời gian thực hiện*

*+ Vị trí thực hiện:*Khu vực bãi chứa tạm trong phạm vi công trường thi công và dọc tuyến đường gom thuộc phạm vi GPMB của dự án.

+ Thời gian thực hiện: Trong suốt thời gian thi công

f. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tại khu vực tập kết nguyên vật liệu

- Xây dựng kho bãi tập kết nguyên vật liệu tại khu vực cuối hướng gió, xa khu dân cư

- Quản lý chặt chẽ khu vực chứa tạm thời vật liệu thi công và phương tiện thi công, tránh việc rò rỉ hay rơi vải vật liệu, xây dựng nhà kho tạm nếu cần thiết để tránh bụi phát tán. Thiết lập các hàng rào để cách ly khu vực thi công với khu vực xung quanh, đặc biệt tại khu vực công trường và tại các nút giao với tuyến đường hiện hữu.

- Che bạt các bãi chứa tạm.

- Trang bị mặt nạ bảo hộ, khẩu trang cho công nhân khi ra vào tại khu vực tập

kết nguyên vật liệu.

Vị trí và thời gian thực hiện

- *Vị trí thực hiện:* Dọc tuyến thi công, vị trí công trường và tại các nút giao với tuyến đường hiện hữu.

- *Thời gian thực hiện:* Trong suốt thời gian thi công

**Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các biện pháp đề xuất đều dựa trên nguyên tắc giảm thiểu bụi ngay từ nguồn không chỉ tạo ra hiệu quả giảm bụi cao mà còn có cơ sở để điều tiết hoạt động là giảm mức độ ô nhiễm bụi (nếu xảy ra) tại các đối tượng nhạy cảm là các khu dân cư. Biện pháp đề xuất khả thi và cho hiệu quả cao. Các biện pháp được áp dụng nêu trên có ưu điểm là rất dễ thực hiện. không yêu cầu cao về kỹ thuật.

- Biện pháp thu gom đất cát tràn đổ, rơi vãi trên đường nhằm giải quyết nốt phần đất và bùn thải do các phương tiện vận chuyển này còn sót lại. Cùng với đó sẽ tiến hành tưới nước định kỳ nhằm hạn chế phát tán bụi. Lượng bụi này có xu hướng không phát tán quá xa khu vực công trường, bởi vậy sẽ được xử lý trong ngày khi tiến hành dọn dẹp và tưới nước.

- Đối với các biện pháp giảm thiểu phát sinh khí thải do các phương tiện thi công. phương tiện vận chuyển thì hoàn toàn có thể làm được khi thực hiện sẽ mang lại cả hiệu quả về kinh tế và môi trường. tạo ấn tượng tốt với người dân địa phương. Điều này sẽ mang lại thuận lợi rất lớn trong quá trình thi công.

Áp dụng đồng thời các biện pháp nêu trên sẽ giảm được 30-40% lượng bụi và khí thải của các phương tiện tham gian thi công.

3.1.2.2. Giảm thiểu tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

a. Nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút, vận chuyển, xử lý 860 m3 chất thải từ bể phốt của các hộ dân giải tỏa hoàn toàn và giải tỏa 1 phần trước khi phá dỡ công trình.

Thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt.

Xử lý nước thải sinh hoạt: Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động, loại buồng đôi thiết kế bằng vật liệu thép cường độ cao kết hợp với nhựa uPVC và composite, với bể tự hoại có thể tích khoảng 01 m^3 để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi gần đầy bể, đảm bảo không xả thải ra môi trường. Hoạt động này được duy trì trong suốt thời gian thi công. Sau khi hoàn tất thi công xây dựng, các nhà vệ sinh sẽ được tháo dỡ, các bể chứa được phá bỏ và hoàn trả mặt bằng theo thiết kế.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: giám sát thực hiện bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định

của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.



Hình 3. 3. Hình ảnh các nội quy công trường

Vị trí và thời gian thực hiện

+ *Vị trí thực hiện:* Tại 05 khu vực thiết lập công trường, lán trại tại 5 đoạn tuyến.

+ *Thời gian thực hiện:* Trong suốt thời gian thi công

b. Nước thải xây dựng

➢ *Nước thải xây dựng*

Đối với nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình làm ẩm mặt đường: thông thường lượng nước này sẽ thấm trực tiếp vào mặt đường và một phần rơi xuống nền móng, ngấm vào vật liệu san nền, phục vụ cho việc gia cố nền móng, không thải ra môi trường.

➢ *Giảm thiểu tác động do nước thải từ hoạt động bảo dưỡng máy móc*

Trong quá trình thi công dự án sử dụng một lượng lớn thiết bị máy móc, thiết bị thi công trong thời gian dài. Do đó tại công trường cần có các biện pháp thực hiện và quản lý nhằm giảm thiểu tác động từ hoạt động bảo dưỡng các thiết bị này như sau:

+ Vị trí tập trung thiết bị thi công, để xa nguồn nước sông, kênh, rạch tối thiểu 300m, để tránh cho dầu thải, xăng dầu xâm nhập trược tiếp vào nguồn nước do dòng nước mưa chảy tràn.

+ Vật liệu xây dựng được phủ kín bằng bạt khi chưa sử dụng để tránh nước chảy tràn hoặc gió lớn.

+ Làm sạch và khôi phục lại như ban đầu vị trí kho bãi, vị trí tập kết nguyên vật liệu sau khi kết thúc công trình.

+ Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe kích thước L

x B x H khoảng (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn với tổng dung tích khoảng 6,0 m^3 (bể gom có dung tích khoảng 1 m^3, bể tách dầu mỡ dung tích khoảng 1 m^3, bể lắng cặn dung tích khoảng 1 m^3, bể chứa nước sau xử lý dung tích khoảng 3 m^3) để thu gom, tách dầu và lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với CTNH khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu giữ tạm thời và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với CTR khác của Dự án theo quy định.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa xe → Bể lắng → Tách dầu → Lắng cặn → Nước rửa sau khi được lắng cặn → Làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

Vị trí và thời gian thực hiện:

+ *Vị trí thực hiện:* Khu vực công trường, bãi tập kết bảo dưỡng xe máy.

+ *Thời gian thực hiện:* Trong suốt 24 tháng thi công dự án

- *Nước thải trạm trộn bê tông xi măng*

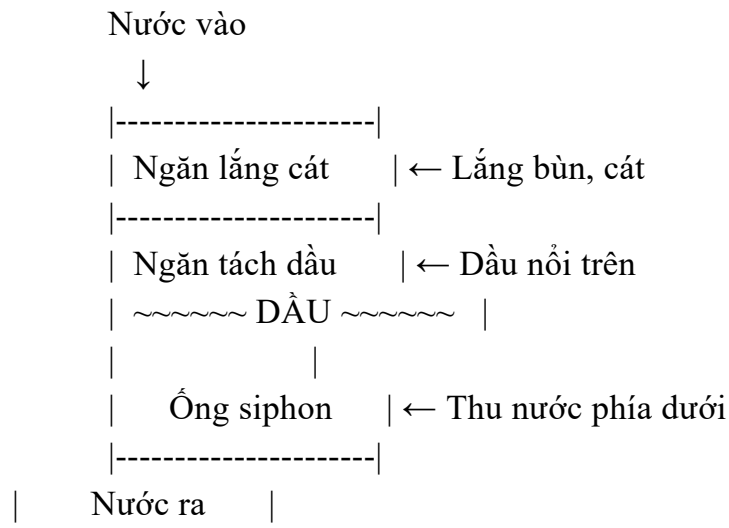
Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 bể lắng dung tích khoảng 9,0 m^3 cấu tạo 03 ngăn để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn → Bể lắng 03 ngăn → Bể chứa → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

c. Nước mưa chảy tràn

Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần các kênh, mương tiêu thoát nước;

Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố với khoảng cách khoảng 50 m/hố lắng để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án. Tại hố ga cuối trước khi thải ra sông Lô, khe suối và kênh mương thủy lợi bố trí ngăn thu dầu thể tích 1m^3 để thu gom toàn bộ dầu lẫn trong nước thải xây dựng trước khi thoát ra môi trường.



+ Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn →môi trường

✓ *Vị trí và thời gian thực hiện*

Áp dụng các biện pháp trên tại 05 bãi công trường thi công của Dự án trong suốt thời gian hoạt động của công trường, đặc biệt vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Hầu hết các biện pháp đều cho hiệu quả cao do xây dựng trên cơ sở phòng ngừa nên đã loại trừ được các nguy cơ làm tăng mức ô nhiễm nguồn nước bởi TSS, vật trôi nổi. Tính khả thi của các biện pháp cao do diện tích các công trường đủ rộng, lượng chất thải không quá lớn. Các biện pháp chủ yếu tập trung vào khía cạnh quản lý, còn khía cạnh kỹ thuật của các biện pháp lại đơn giản và nằm trong khả năng thực hiện của các nhà thầu và kinh phí của Dự án.

Đối với nhiều dự án việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu thường bị các nhà thầu bỏ qua. Để bảo đảm tính khả thi, các biện pháp yêu cầu phải thực hiện nêu trên sẽ được ghi nhận trong hợp đồng kinh tế giữa chủ dự án với nhà thầu thi công. Thông qua giám sát, chủ dự án sẽ buộc các nhà thầu tuân thủ nghiêm túc hợp đồng. tác động tàn dư có thể chấp nhận được.

3.1.2.3. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động bởi chất thải rắn

a. Đối với phế thải sinh xây và sinh khối từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng

- Thực hiện phân loại và xử lý thích hợp: Phế thải sau khi phá dỡ sẽ được phân loại để tái sử dụng như gạch, tôn, sắt thép, gỗ sẽ được tận thu để làm nền công trường, làm chất đốt... Các loại phế thải như gạch vỡ, bê tông… sẽ được tận dụng san nền, phần không sử dụng sẽ vận chuyển về các vị trí đổ thải đã có biên bản thỏa thuận với chính quyền địa phương

Ưu tiên cho người dân tận thu cây trồng trên đất trước khi bàn giao mặt bằng cho Chủ Dự án; phần không thể tận dụng và sinh khối, CTR từ hoạt động phát quang được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b. Chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt sẽ do các nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý và thu gom rác thải sinh hoạt trên công trường. Các biện pháp giảm thiểu được áp dụng gồm:

- Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 03 thùng rác chuyên dụng phân loại 02 ngăn (rác hữu cơ và vô cơ) dung tích 120 lít/thùng bằng chất liệu composite, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Rác thải sinh hoạt tại khu vực lán trại công nhân, văn phòng điều hành sẽ được Nhà thầu ký Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt với đơn vị thu gom chất thải của địa phương thu gom hàng ngày và chuyển đến các vị trí tập kết rác của địa phương. Tuyệt đối không được để lẫn giữa chất thải nguy hại như: Pin cũ, bóng đèn cháy, giẻ lau dầu mỡ, cặn mực… chung với rác thải sinh hoạt.

- Chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng thường xuyên nhắc nhở nhân viên thực hành tiết kiệm, tận dụng triệt để các vật dụng có thể tái sử dụng để hạn chế lượng thải ra môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường với toàn thể cán bộ, công nhân thi công.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư số 52/2022/TT-BGTVT ngày 31/12/2022 của Bộ GTVT và các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động do đổ đất đá loại

Nhằm ngăn ngừa nguy cơ tràn đổ đất tại các bãi đổ đất đá loại áp dụng các biện pháp:

+ Trước khi thi công Chủ dự án sẽ thoả thuận với chính quyền địa phương về vị trí đổ thải. Vật liệu đất đá đào được tận dụng tại các vị trí đắp. Hợp đồng với các đơn vị trong khu vực có nhu cầu san lấp để tận dụng đất thừa. Vật liệu thải không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (bùn nhão, gạch vụn, gỗ vụn. …) sẽ đổ thải tại các bãi thải theo thỏa thuận với địa phương;

+ Chất thải sẽ được Nhà thầu ký hợp đồng với các đơn vị vận chuyển để chuyển đến các bải đỗ thải đã được sự cho phép của chính quyền địa phương;

+ Xác định phạm vị (chiều rộng, chiều dài bãi đổ) và đắp bờ quây xung quanh phạm vi này (bờ quây ngoài) có chiều cao bằng chiều cao san nền đảm bảo chắc chắn không xảy ra sự cố vỡ bờ. Chiều cao đổ thải trung bình khoảng 2-5 m.

+ Đầm chặt: Các vị trí bãi đổ thải bám theo dọc tuyến, ở xa khu dân cư, chủ yếu

là các bãi đất trống, khu ao trũng. Đất đá loại đổ tại các bãi sẽ được đầm chặt, việc này vừa hạn chế khả năng xói và tràn đổ ra các khu vực xung quanh đồng thời tạo điều kiện cho địa phương/hộ dân có mặt bằng bố trí các công trình hay trồng cây;

+ Kiểm tra, giám sát đổ thải: Kiểm tra, giám sát quá trình đổ thải, không để đất tràn đổ ra khu vực xung quanh không thuộc phạm vi đổ thải, đảm bảo chiều cao của các bãi đổ theo thảo thuận với địa phương

+ Phun nước chống bụi: 2 lần/ngày.

+ Cam kết đổ thải đúng nơi quy định, hoàn trả tuyến đường vận chuyển của địa phương theo hiện trạng ban đầu trong quá trình vận chuyển đất đá thải bỏ.

+ Cam kết đảm bảo điều kiện vệ sinh, đặc tính kỹ thuật của bãi đổ thải sau khi kết thúc việc đổ thải tại các bãi thải theo yêu cầu của Chính quyền và người dân địa phương theo Thỏa thuận đổ thải giữa Chủ dự án và địa phương.

+ Quản lý chặt chẽ, chống lấn chiếm, không để người dân tự ý vào trồng cây đối với khu đất được sử dụng để tập kết vật liệu dư thừa và khu phụ trợ.

+ Bàn giao nguyên trạng cho địa phương quản lý đối với các vị trí sử dụng tập kết vật liệu dư thừa không có nhu cầu sử dụng.

+ Giảm thiểu tác động của bãi thải: Vào mùa mưa lũ, lên kế hoạch thu dọn, đổ thải đúng nơi quy định và vận chuyển đến bãi thải một cách hợp lý.

d. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động do lưu giữ đất đá đào tạm bãi chứa tạm thuộc phạm vi công trường thi công

Nhằm ngăn ngừa nguy cơ tràn đổ đất tại các khu vực lưu giữ tạm thời ra khu vực xung quanh công trường khi chưa đưa vào đắp nền áp dụng các biện pháp:

+ Xác định khu vực lưu trữ tạm thời đất đào trong phạm vi công trường ở khu vực cuối hướng gió, cách xa khu vực thoát nước xung quanh và và đắp bờ quây xung quanh phạm vi này.

+ Kiểm tra, giám sát đổ thải: Kiểm tra, giám sát quá trình đổ thải, không để đất tràn đổ ra khu vực xung quanh không thuộc phạm vi tập kết và GPMB

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

- *Vị trí áp dụng*: Tại khu vực bãi chứa tạm trong phạm vi GMPB của dự án;

- *Thời gian áp dụng:* Trong suốt thời gian lưu giữ khi chưa đưa vào hạng mục đắp.

d. Giảm thiểu tác động do tràn đổ đất thải lẫn betonite và betonite tràn đổ phát sinh từ quá trình thi công cọc khoan nhồi sử dụng bentonit

Nhằm ngăn ngừa nguy cơ tràn đổ đất thải lẫn betonite và và betonite tràn đổ phát sinh từ quá trình thi công cọc khoan nhồi sử dụng bentonit, các biện pháp sau đây sẽ được áp dụng:

- Không thải đất lẫn betonite và bentonit tràn đổ vào dòng chảy hay các vùng đất xung quanh;

- Thu gom đất lẫn bentonit và dung dịch bentonit tràn đổ bằng các rãnh tạm thời nhằm ngăn ngừa không để tràn ra khu vực xung quanh;

- Trong quá trình thi công cọc khoan nhồi, tất cả đất lẫn bentonit và dung dịch

bentonit tràn đổ sẽ được hút vào bãi lưu giữ tạm thời được bố trí trong các công trường xây dựng. Các vị trí lưu giữ tạm thời phải được bố trí rãnh để ngăn bùn và đất lẫn bentonit tràn ra các vùng đất xung quanh. Đất bùn lẫn bentonit sẽ vận chuyển dần về vị trí san lấp đã đạt được thỏa thuận với chính quyền địa phương;

- Khi các sản phẩm xói tràn đổ ra các vùng đất xung quanh do mưa. Dự án sẽ làm sạch các khu vực này ngay lập tức.

Vị trí và thời gian thực hiện BPGT

- *Vị trí áp dụng:* Khu vực đất nông nghiệp dọc tuyến dự án và khu vực xung quanh công trường thi công;

- *Thời gian thực hiện:* Trong suốt quá trình thi công tuyến và hoạt động thi công cầu

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư số 52/2022/TT-BGTVT ngày 31/12/2022 của Bộ GTVT và các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3.1.2.4. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động bởi chất thải nguy hại và vật liệu nguy hại

Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 04 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 120 lít/thùng có gắn mã phân định CTNH theo quy định để thu gom, lưu chứa tất cả các loại CTNH phát sinh, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 10m^2 tại công trường thi công; kho lưu chứa được xây dựng theo đúng quy định. có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại. đảm bảo không rò rỉ. bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh bởi Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

a. Đối với lưu giữ dầu nhiên liệu và dầu thải

Để giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực do dầu nhiên liệu và dầu thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án. Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Dầu mỡ thải phát sinh tại khu vực dự án không được phép chôn lấp và phải được thu gom vào các thùng chứa thích hợp đặt trong khu vực dự án.

- Tổng khối lượng dầu mỡ thải phát sinh tại công trường phải được thu gom và

xử lý theo đúng quy định.

- Nhà thầu thi công cần ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Khu vực lưu giữ dầu nhiên liệu cần phải có mái che, các phi dầu cần phải dựng thẳng, đặt trên nên bê tông và có tường bê tông (gạch) để phòng ngừa dầu tràn.

b. Đối với các chất thải nguy hại khác

- Thu gom riêng đối với các loại chất thải khác chứa trong các vật dụng có nắp đậy và có ký hiệu nhận biết chất thải nguy hại theo quy định.

- Các chất thải nguy hại cần được bố trí trong các khu vực lưu giữ tạm thời đã đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo quy định như: Chứa trong thùng có nắp đậy, khu lưu trữ phải có mái che, cách xa nguồn nước…

- Các Nhà thầu thi công thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

Vị trí và thời gian thực hiện

- *Vị trí áp dụng:* Tại các vị trí tập kết máy móc, lưu giữ dầu mỡ tại các vị trí bố trí công trường thi công

- *Thời gian thực hiện:* Các biện pháp giảm thiểu được triển khai xuyên suốt quá trình thực hiện dự án và trong giai đoạn hoàn nguyên môi trường

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, giám sát, quản lý đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

** Đánh giá hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp giảm thiểu*

Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong thi công là yêu cầu bắt buộc mang tính pháp lý. Do vậy, Dự án đảm bảo thực hiện các cam kết trước các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và nội dung thực hiện đối với nhà thầu cũng như nội dung giám sát đối với tư vấn sẽ được đưa vào điều khoản thầu, theo các điều khoản trong hợp đồng kinh tế. Dự án sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra để yêu cầu nhà thầu cũng như tư vấn giám sát thực hiện đúng hợp đồng.

Bên cạnh đó. việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện thông qua các biện pháp quản lý tại khu vực phát sinh. Đồng thời. việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại sẽ có các đơn vị có chức năng thực hiện thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế với Nhà thầu thi công.

Chính vì vậy, tính hiệu quả và khả thi của biện pháp đề xuất được đảm bảo. Thực tế cho thấy nếu thực hiện nghiêm túc các biện pháp nêu trên có thể đảm bảo thu gom đến 90% lượng chất thải nguy hại nói trên.

B. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực không liên quan đến chất thải

3.1.2.5. Giảm thiểu ồn và rung động trong giai đoạn thi công

a. Tiếng ồn

- Quy định chung: Mục đích là đưa ra các nội dung bắt buộc áp dụng đối với hoạt động thi công nhằm tuân thủ các yêu cầu có tính pháp lý về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng; đồng thời đưa ra nội dung thực hiện bảo đảm có hiệu quả giảm ồn mà không cần tốn thêm các chi phí.

- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng: giới hạn 70dBA và 55dBA vào ban ngày của QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ ồn là tiêu chí áp dụng đối với an toàn về mức ồn tác động phát sinh từ các hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công.

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công:

**Đối với hoạt động của máy móc thi công*

+ Sử dụng những phương tiện. xe máy thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cho công nhân thi công.

+ Dự kiến tại các điểm gần khu dân cư tránh thi công vào giờ nghỉ ngơi của KDC là 12h-1h và sau 18h tối.

+ Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; đảm bảo tiếng ồn, độ rung xung quanh khu vực Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

+ Bố trí các máy móc phương tiện phát sinh ồn ở một vị trí có khoảng cách phù hợp sao cho tiếng ồn lan truyền đến khu dân cư không lớn hơn 70dBA và đến trường học, chùa... không lớn hơn 55dBA. Mức ồn suy giảm này được tính nhanh theo nguyên tắc cứ tăng đôi khoảng cách, mức ồn giảm 3dBA.

+ Tất cả các phương tiện khi đỗ ở hiện trường sẽ tắt động cơ.

+ Tất cả các thiết bị và máy móc ngoài hiện trường sẽ được kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần;

+ Ưu tiên sử dụng máy móc phương tiện có phát thải âm nguồn thấp khi thi công gần đối tượng nhạy cảm với ồn;

+ Các lái xe được giáo dục tốt để có hành vi đúng như tắt máy khi không cần thiết và tránh những hành động gây ồn không đáng có như nhấn còi hơi khi không cần thiết trong khi điều khiển phương tiện;

+ Thông thường các thiết bị cố định như máy phát điện để cách xa khu dân cư. trường hợp không để cách xa được thì máy phát được để trong thùng kín để giảm âm (khuyến nghị thùng kín được xây bằng gạch).

** Đối với hoạt động phát sinh ồn trong thi công của Dự án*

+ Tuân thủ các quy định nêu trong quy định chung

+ Kiểm soát mức ồn nguồn, bao gồm:

- Hạn chế thi công ban đêm (từ 21h – 5 h sáng). nếu thi công vào ban đêm chỉ sử dụng những máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp.
- Vào ban ngày khi thi công cách các khu dân cư tập trung khoảng 200m sẽ lựa chọn máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp;
- Phương tiện sử dụng để vận chuyển sẽ được giới hạn tốc độ tại các khu vực đang thi công (5km/giờ). ngoài ra trên các tuyến đường ngoài khu vực thi công lái xe phải tuân thủ tốc độ quy định cho các phương tiện của các tuyến đường đó.

- Giám sát mức ồn tác động: Thực hiện quan trắc ồn tại các đối tượng nhạy cảm là khu dân cư tập trung. Khi kết quả đo đạc cho thấy mức ồn tại khu vực này vượt quá GHCP vào ban ngày, sẽ thực hiện ngay việc tăng cường các biện pháp kiểm soát ồn tại nguồn và việc tuân thủ các quy định chung đối với các hoạt động thi công gây ồn để có các biện pháp bổ sung, thậm chí, tạm dừng công việc để điều chỉnh biện pháp cho tới khi mức ồn tại các đối tượng nhạy cảm đạt GHCP vào ban ngày mới tiếp tục công việc thi công.

b. Rung động

** Đối với hoạt động của máy móc thi công*

- Sử dụng các máy móc, phương tiện thi công phải có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường. Tránh sử dụng cùng lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công nhằm làm giảm ảnh hưởng của rung động tới người dân và các công trình hai bên tuyến.

- Có hệ thống rãnh chống rung xung quanh khu vực thi công.

- Quan trắc độ rung và giám sát tình trạng các công trình nhạy cảm.

- Hạn chế các xe tải trọng tải lớn vận chuyển vật liệu vào ban đêm.

- Quá trình đóng cọc, cấy bấc thấm phải được tiến hành vào ban ngày, nếu vị trí thi công gần khu dân cư và các công trình xây dựng cần có hệ thống rãnh chống rung xung quanh khu vực thi công.

+ Kiểm tra khảo sát hiện trạng nhà dân có kết cấu đơn giản, đảm bảo tính khách quan khi có khiếu kiện về vấn đề rung nứt nhà.

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

- *Vị trí thực hiện:* Các khu dân cư gần vị trí thi công như đã đề cập tại phần Đánh giá tác động do tiếng ồn và độ rung

- *Thời gian thực hiện:* Trong suốt thời gian thi công

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Hiệu quả giảm ồn và rung động tại các đối tượng nhạy cảm là rất cao thông qua việc thực hiện các quy định chung cũng như biện pháp giảm ồn, rung động tại nguồn và theo dõi giám sát ồn, rung động tại đối tượng tiếp nhận để có những biện pháp điều chỉnh phù hợp. Các quy định này sẽ được đưa vào hợp đồng để ràng buộc các nhà thầu thực hiện. Điều này sẽ đảm bảo việc thực thi có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu mức ồn và rung động trong quá trình thi công của các nhà thầu. Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu mức rung nêu trên sẽ cho phép môi trường ồn và rung tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép của QCVN 26:2025/BNNMT. QCVN 27:2025/BNNMT.

C. Biện pháp giảm thiểu các tác động khác

3.1.2.6. Đối với tác động đến môi trường đất

a. Đối với nguy cơ tràn đổ đất và bồi lắng đất xói do mưa phát sinh trong hoạt động đào đắp ảnh hưởng tới môi trường nước

- ✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu*

- Thi công dứt điểm và đầm nén chặt: Vào thời kỳ có mưa kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 5 năm sau, sẽ thực hiện thi công dứt điểm từng đoạn nền và đầm chặt tránh xói do mưa, đồng thời kiểm tra đoạn nền đắp trước mỗi cơn mưa, nếu thấy có khả năng xói sẽ tiếp tục gia cố thêm.

- Thu gom và vận chuyển ngay đất đá loại về vị trí san lấp: Thu gom đất đá loại vào các bãi chứa trong phạm vi GPMB. Đất cần thải sẽ không lưu giữ tại mỗi bãi đến khi kết thúc thi công mà bố trí chuyển dần về các vị trí san lấp mặt bằng theo quy định. Đặc biệt vào thời kỳ có mưa kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 5 năm sau, thực hiện ngay việc vận chuyển về các vị trí san lấp mặt bằng theo quy định; phần còn lại chưa kịp chuyển đi sẽ được tiếp tục che chắn để tránh mưa.

- Tạo các bãi chứa hợp lý:

+ Không bố trí các bãi chứa tại các khu vực có dân cư hoặc hoạt động kinh tế tập trung có cao độ thấp hơn mặt bằng thi công.

+ Trong phạm vi GPMB sẽ bố trí các bãi chứa riêng biệt đối với đất hữu cơ lưu giữ chờ tái sử dụng và đất là phế thải chờ chuyển về vị trí san lấp theo quy định. Diện tích mỗi bãi chứa không quá 25m^2 và đất chứa không cao quá 1,5m để dễ dàng che chắn tránh xói khi gặp mưa và phát tán bụi vào ngày nắng có gió mạnh. Các bãi chứa đất tạm và đất thải được bao quanh bằng hàng rào làm bằng vải địa kỹ thuật hoặc vải bạt. Lớp vải kỹ thuật hoặc vải bạt hàng rào chôn sâu xuống đất khoảng 15 ÷ 20cm và được đỡ bằng các cọc ghim sâu xuống đất để giữ cho chắc chắn.

- Bố trí rào chắn bùn: Không chỉ giới hạn vào thời kỳ có mưa, trong khi thi công các đoạn nền đắp sẽ lắp đặt các rào chắn ngăn bùn lắng và đất tràn đổ ra vùng đất xung quanh.

- Làm sạch vùng đất bị tràn đổ: Trong trường hợp xảy ra tràn dòng bùn đất ra vùng đất nông nghiệp dọc 2 bên đoạn tuyến làm mới. những vùng đất này sẽ được làm sạch và hoàn trả nguyên trạng.

b. Ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm đất do dầu thải và chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của công trường thi công

Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm đất do dầu thải và chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của công trường thi công tương tự như biện pháp giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm nước bởi dầu thải từ hoạt động thay dầu và bảo dưỡng tại mục Biện pháp giảm thiểu các tác động do nước thải.

c. Ngăn ngừa và xử lý đất bị nén

✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu*

- Ngăn ngừa nguy cơ gây nén đất: Giới hạn phạm vi thi công nằm trong phạm vi GPMB và đường công vụ bằng cọc tiêu. Các phương tiện chỉ được phép hoạt động trong phạm vi giới hạn này.

- Xử lý do sơ xuất: Trong trường hợp do sơ xuất. các phương tiện lấn ra khỏi phạm vi được giới hạn. sẽ thực hiện ngay việc làm tơi đất bằng cách cày xới vùng đất bị xâm hại, sâu ít nhất khoảng 0,3m.

- Xử lý vùng đất bị chiếm dụng tạm thời sau thi công: Sau thi công. tại các vùng đất đặt công trường thi công và tại các đường công vụ trên bãi, ngoài việc dọn sạch bề mặt, sẽ làm tơi đất bằng cách cày xới đất sâu ít nhất 0,5m trước khi bàn giao lại cho chủ sở hữu.

d. Biện pháp giảm thiểu đối với nguy cơ gây ngập úng cục bộ

✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu*

Ngăn ngừa nguy cơ ngập úng cục bộ diễn ra tại các vùng đất thấp gần nơi bố trí các bãi chứa vật liệu và gần khu vực đào đắp thông qua các biện pháp:

- Thi công cống ngang: Sẽ tiến hành làm các cống ngang tại các vị trí theo thiết kế trước khi tiến hành đắp nền các đoạn đường dẫn.

- Thực hiện đắp nền vào thời gian thích hợp: Đắp nền chỉ thực hiện sau khi kiểm tra thấy rằng các cống ngang đã hoạt động tốt.

- Trong giai đoạn thi công sẽ tiến hành xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời để hạn chế hiện tượng ngập úng của khu vực và đảm bảo cho việc thi công đạt hiệu quả cao trong mùa lũ. Tránh để các loại nguyên vật liệu và các loại trang thiết bị thi công làm hẹp dòng chảy của các lưu vực sông và hệ thống thoát nước tạm dọc tuyến.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các biện pháp giảm thiểu tác động đã được xây dựng trên cơ sở từng nguyên nhân gây tác động và với mục đích giảm thiểu ngay từ nguồn đồng thời với việc xử lý hậu quả sẽ cho hiệu quả tốt. Kỹ thuật thực hiện đơn giản phù hợp năng lực của các nhà thầu.Tuy nhiên khó tránh khỏi việc các phương tiện lấn sang các vùng đất ngoài ranh giới quy định. Trong trường hợp này, phía Dự án cam kết phục hồi vùng đất này như đã nêu trên. Mặt khác, trong thi công. các nhà thầu thường tránh thực hiện nhiều biện pháp môi trường nếu không ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung thi công do e ngại về tiến độ và tăng chi phí. Do vậy, để tăng tính khả thi của biện pháp đề xuất, chi phí thực hiện sẽ được tính toán để đưa vào tổng mức đầu tư của Dự án và nội dung thực hiện sẽ được đưa vào điều khoản thầu. Theo các điều khoản trong hợp đồng kinh tế. Dự án

sẽ thực hiện giám sát và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng hợp đồng, đảm bảo tính khả thi của biện pháp đề xuất.

3.1.2.7. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường nước ngầm

- Mô tả biện pháp giảm thiểu:

+ Thực hiện quy định chung: nghiêm cấm mọi hành động thải ra môi trường xung quanh bùn khoan là đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite tràn đổ phát sinh trong quá trình thi công các mố, trụ bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite.

+ Làm bờ vây để ngăn ngừa nguy cơ tràn đổ ra môi trường xung quanh: làm bờ vây bằng cọc ván thép che chắn phía có nguồn nước mặt đối với các mố/trụ sát mép nguồn nước. Bờ vây cao hơn mặt đất để chất bẩn không tràn được ra ngoài. Diện tích trong khung vây đủ rộng để thực hiện toàn bộ quy trình thi công các cọc của móng và phần mố trụ.

+ Thực hiện đúng quy trình xử lý đất lẫn bentonite và bentonite tràn đổ: theo trình tự thi công, từng cọc sẽ có hố chứa bentonite để tái sử dụng. Sau mỗi lần thi công 1 cọc sẽ thu hồi về các thùng chứa để tái sử dụng. Bentonite tràn đổ và một phần đất lẫn bentonite dư sẽ được chuyển vào bãi tạm bố trí gần khu vực thi công móng, mố trong phạm vi GPMB, làm khô sơ bộ để dễ dàng vận chuyển. Sau đó *xử lý như chất thải rắn thông thường*

3.1.2.8. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở, sụt lún

Đắp đất gia cố bờ bao tại các ta luy âm khi tiến hành đắp đất, mở rộng đường nhằm hạn chế xảy ra tình trạng sạt lở đất gây vùi lấp dòng chảy và hoa màu của người dân địa phương;

+ Tăng cường vệ sinh công trường, che phủ các bãi vật liệu, bãi thải, các kho nhiên liệu, xăng dầu tránh không cho thẩm thấu theo nước mưa xuống các tầng nước dưới đất;

+ Vị trí xây dựng cầu được chọn qua khảo sát thực địa, nơi có dòng chảy khá ổn định, không quan sát thấy hiện tượng xói bờ do thay đổi dòng chảy;

+ Việc đào mố trụ được sắp xếp vào mùa khô, thi công càng nhanh càng tốt (tránh các đợt mưa lũ kéo dài) sẽ tránh được xói lở móng và bờ;

+ Kiểm soát không để đất đá thải trên mái taluy tràn xuống dòng chảy;

+ Thi công các trụ cầu trong lòng sông sẽ tránh mùa mưa và gia cố các mố cầu hai phía bờ sông để tránh xói mòn. Việc gia cố mố cầu sẽ được thực hiện bằng cách ốp đá từ dưới đáy lên.

+ Các hoạt động phá bỏ lớp phủ thực vật sẽ thực hiện không trùng vào mùa lũ sau khi thi công sẽ khôi phục lại các thảm này bằng các biện pháp thích hợp và chủ động.

Các biện pháp thi công đã được tính toán để loại trừ tối đa nguy cơ xảy ra xác

suất sụt lún khi thi công cầu. Chủ Dự án sẽ giám sát chặt chẽ, yêu cầu Nhà thầu thi công theo đúng thiết kế, phương án thi công đã được duyệt.

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

- *Vị trí thực hiện*: Toàn tuyến.

- *Thời gian thực hiện:* Trong suốt thời gian thi công

- *Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các biện pháp thi công đã được tính toán để loại trừ tối đa nguy cơ xảy ra xác suất sụt lún khi thi công cầu. Chủ Dự án sẽ giám sát chặt chẽ, yêu cầu Nhà thầu thi công theo đúng thiết kế, phương án thi công đã được duyệt.

3.1.2.9. Các biện pháp giảm thiểu đối với tác động đến giao thông

a. Giảm thiểu tác động đến giao thông đường bộ do hoạt động thi công trên tuyến giao thông hiện hữu trên QL2 và tại cầu vượt

Nhằm ngăn ngừa và hạn chế gây gián đoạn hoạt động giao thông hiện hữu khi thi công cầu cạn đoạn đi trùng tim đường đôi Quốc lộ 2 phạm vi từ cầu Mè (Km145+680) đến công viên nước Hà Phương (Km150+000), biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công sẽ áp dụng các biện pháp:

Đảm bảo giao thông Phương án 1:

+ Bố trí phân luồng giao thông từ xa bằng cách điều tiết lưu lượng giao thông qua đường đôi sang tuyến: Quốc lộ 2 - Nguyễn Trãi – 19 tháng 5 – 20 tháng 8 – Quốc Lộ 2 và ngược lại. Bố trí người và phương tiện hướng dẫn, phân luồn giao thông từ hai đầu phạm vi tiến hành phân luồng.

+ Bổ sung đường đảm bảo giao thông dọc 2 bên với Bnền = 3,5-5,0m, phục nhu cầu đi lại của dân cư trên dọc tuyến đường đôi và là đường công vụ trong quá trình thi công cầu cạn. Tại các vị trí giao cắt với đường nhánh bố trí các điểm mở ngang phục vụ đảm bảo giao thông cho tuyến đường.

+ Xây dựng hệ thống hàng rào, biển báo, chỉ dẫn và cảnh báo giao thông phục vụ đảm bảo an ninh, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

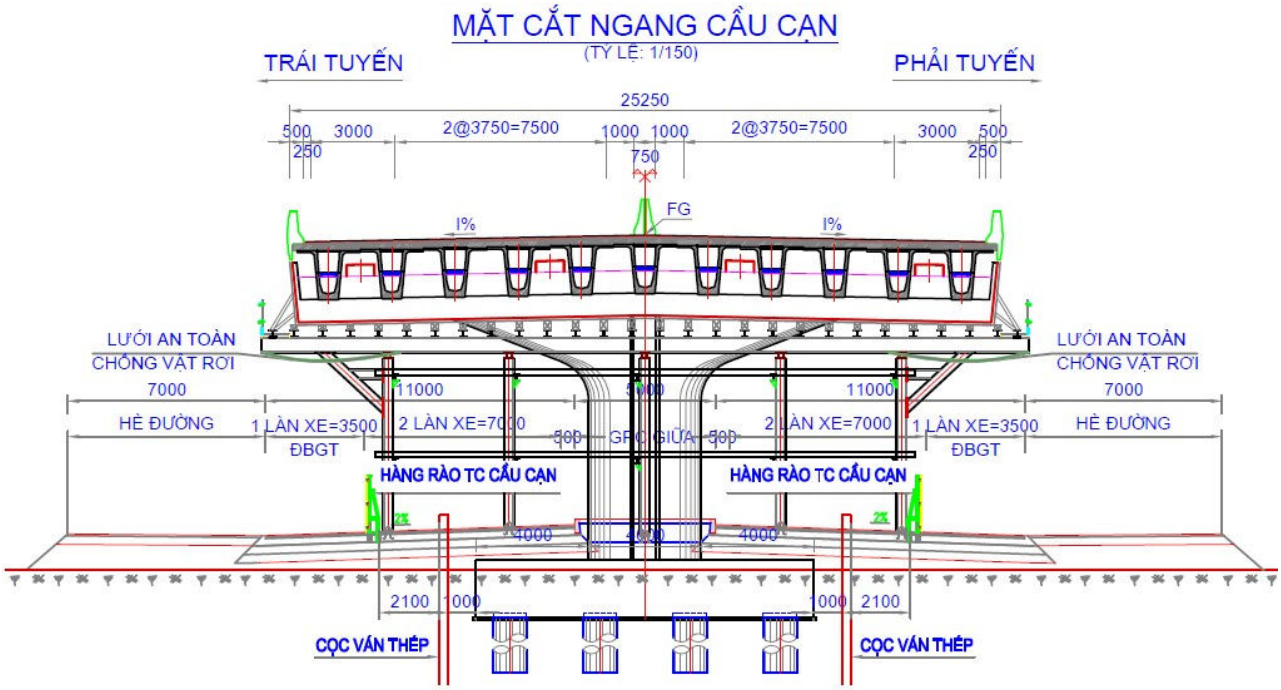


Hình 3. 4 Sơ đồ phân luồng giao thông thi công cầu cạn đường đôi, phường Hà Giang

Đảm bảo giao thông Phương án 2:

+ Bổ sung đường đảm bảo giao thông dọc 2 bên với Bnền = 3,5m ~ 7,0m, để phục vụ cho các phương tiện giao đi từ đầu cầu Mè đến công viên nước Hà Phương và nghược lại trong quá trình thi công cầu cạn. Tại các vị trí giao cắt với đường nhánh bố trí các điểm mở ngang phục vụ đảm bảo giao thông cho tuyến đường.

+ Xây dựng hệ thống hàng rào, biển báo, chỉ dẫn và cảnh báo giao thông phục vụ đảm bảo an ninh, an toàn giao thông trong quá trình thi công.



Hình 3. 5. MCN phân luồng giao thông thi công cầu cạn đường đôi, phường Hà Giang 1

- Thực hiện biện pháp thi công để không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có. Trường hợp gây ảnh hưởng thì phải được sự chấp thuận

bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Các vị trí có khả năng ảnh hưởng đến khu vực lân cận đã được rà soát bố trí công trình phòng hộ như tường chắn, gia cố... để đảm bảo ổn định

- Bố trí nhân sự thực hiện cảnh giới, hướng dẫn giao thông. Trong suốt thời gian thi công phải có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: Biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm; cắm biển báo, biển hướng dẫn giao thông theo đúng quy định; thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn. Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân tham gia thi công phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định.

b. *Đối với nguy cơ gây tai nạn giao thông đường bộ và hư hại tiện ích cộng đồng trong vận chuyển vật liệu hoặc đất đá loại bằng đường bộ*

✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu*

Ngăn ngừa và kiểm soát được các nguy cơ gây mất an toàn giao thông do vật liệu rơi vãi gây trơn trượt trên các đường Quốc lộ, tỉnh lộ và nguy cơ gây hư hại các đường địa phương có mức độ kiên cố thấp khi các con đường này được sử dụng để vận chuyển vật liệu hoặc đất đá loại.

+ Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý: Trong giờ cao điểm từ 6 ÷ 8h và 16 ÷ 18h;

+ Không vận chuyển quá tốc độ;

+ Che chắn trong quá trình vận chuyển: Sử dụng bạt để che chắn tránh làm rơi vãi đất xuống đường.

+ Vệ sinh, làm sạch: Đất đá loại rơi vãi sẽ được hót ngay và làm sạch đường. bảo đảm không trơn trượt khi trời mưa.

- Khi sử dụng đường liên thôn, liên xã để vận chuyển:

+ Thỏa thuận với địa phương: Đạt được sự đồng ý bằng văn bản với địa phương về việc sử dụng tạm các đường liên thôn, liên xã đúng với các mục đích vận chuyển;

+ Tổ chức vận chuyển hợp lý: Không chuyên chở vật liệu và đất đá loại trong các khoảng thời gian đông người dân sử dụng đường và những ngày lễ.

+ Thực hiện các biện pháp vệ sinh và phục hồi: Đảm bảo vệ sinh an toàn trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng đường, bảo đảm người dân đi lại bình thường, an toàn và khôi phục như trạng thái ban đầu trước khi bàn giao cho địa phương.

- Các phương tiện giao thông cần phải đảm bảo việc chuyên chở theo đúng tải trọng của xe, đảm bảo vận tốc quy định khi lưu hành trên tuyến đường.

- Tại vị trí thi công nút giao, cầu vượt

+ Phân luồng, chuyển tuyến tạm thời cho các phương tiện, có bảng hướng dẫn rõ ràng từ xa.

+ Lập rào chắn công trường, ngăn cách khu vực thi công với làn xe giao thông

+ Thi công cuốn chiếu, chia nhỏ mặt bằng thi công, chỉ chiếm một phần làn

đường trong mỗi giai đoạn để giảm gián đoạn giao thông

+ Bố trí người điều tiết giao thông, lắp đặt hệ thống biển báo, đèn chiếu sáng.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Thực tế cho thấy, khó có thể loại trừ hết những tác động tới giao thông, đặc biệt tại những nơi có mật độ giao thông cao. Các biện pháp được xây dựng dựa trên nội dung thi công, hiện trạng giao thông (thủy, bộ) mỗi khu vực và mức độ tác động có thể hạn chế tối đa tình trạng ùn tắc giao thông, đặc biệt đảm bảo tuyệt đối an toàn giao thông.

Biện pháp giảm thiểu các tác động từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu đề xuất đơn giản, có tính khả thi và cho hiệu quả cao. Dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thông báo rộng rãi kế hoạch vận chuyển của nhà thầu để người dân có những phát hiện việc không tuân thủ tới Dự án kèm theo đó yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu đã được phê duyệt cũng như những biện pháp bổ sung cho thích hợp.

Các biện pháp giảm thiểu đối với tiện ích cộng đồng là những cam kết của Dự án. Tiến độ của Dự án phụ thuộc vào việc thực hiện cam kết này. Tính khả thi của biện pháp đề xuất, do vậy, được đánh giá là khá cao.

Vị trí và thời gian thực hiện

- *Vị trí thực hiện*: Các biện pháp sẽ được thực hiện tại các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và toàn tuyến hiện hữu.

- *Thời gian áp dụng*: Trong suốt giai đoạn thi công

c. Đối với nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy do thi công các trụ cầu

Nhằm ngăn ngừa nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy, áp dụng các biện pháp:

- Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy nội địa: Thực hiện nghiêm túc các quy định về giao thông đường thủy nội địa: không chuyên chở quá danh định; không vận hành quá tốc độ cho phép; trang bị các thiết bị an toàn, bao gồm các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng, phao cứu sinh.

- Lắp đặt hệ thống phao tiêu, đèn báo, biển báo tại khu vực thi công ở những nơi chủ phương tiện dễ quan sát. Biển báo giao thông ổn định trong điều kiện giao thông bình thường cũng như khi có gió to và có tấm phản quang để dễ dàng nhận biết về ban đêm. Sau khi kết thúc thi công, tất cả các biển báo cảnh giới sẽ được di dời.

- Hướng dẫn giao thông: Trong thời gian sử dụng hệ nổi thi công cọc ván thép và lắp dựng khung chống sẽ bố trí những người cầm cờ cảnh giới và ra hiệu lệnh cho phương tiện tại gần vị trí thi công.

-*Vị trí và thời gian áp dụng BPGT*

- *Vị trí thực hiện*: Các biện pháp sẽ được thực hiện tại các tuyến đường cao tốc QL2, QL4, đường vận chuyển nguyên vật liệu: ĐT176, ĐT177, ĐT178,…. các đường địa phương; đoạn sông Lô khu vực thi công cầu.

- *Thời gian áp dụng*: Trong suốt giai đoạn thi công

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Thực tế cho thấy, khó có thể loại trừ hết những tác động tới giao thông, đặc biệt tại những nơi có mật độ giao thông cao. Các biện pháp được xây dựng dựa trên nội dung thi công, hiện trạng giao thông (thủy, bộ) mỗi khu vực và mức độ tác động có thể hạn chế tối đa tình trạng ùn tắc giao thông, đặc biệt đảm bảo tuyệt đối an toàn giao thông.

Biện pháp giảm thiểu các tác động từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu đề xuất đơn giản, có tính khả thi và cho hiệu quả cao. Dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thông báo rộng rãi kế hoạch vận chuyển của nhà thầu để người dân có những phát hiện việc không tuân thủ tới Dự án kèm theo đó yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu đã được phê duyệt cũng như những biện pháp bổ sung cho thích hợp.

Các biện pháp giảm thiểu đối với tiện ích cộng đồng là những cam kết của Dự án. Tiến độ của Dự án phụ thuộc vào việc thực hiện cam kết này. Tính khả thi của biện pháp đề xuất, do vậy, được đánh giá là khá cao.

3.1.2.10. Đối với các tác động do tập trung công nhân

✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu*

- Quản lý công nhân: Dự án cung cấp đầy đủ tiện nghi ở khu vực thuê nhà dân như nước, điện, tủ thuốc y tế,... đảm bảo cho công nhân sống trong các khu vực nhà dân, làm việc tại công trường được chăm sóc về sức khỏe trong khi thi công. Đăng ký tạm trú cho công nhân; giáo dục công nhân thi công tôn trọng văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng địa phương và nghiêm cấm uống rượu khi thực hiện thi công, nghiêm cấm đánh bạc tại công trường và lập thời gian biểu (giờ làm và giờ nghỉ) cho công nhân.

- Phối hợp với địa phương:

+ Phối hợp với chính quyền địa phương, bao gồm cả UB MTTQ và Hội phụ nữ với mục đích tuyên truyền cho công nhân hiểu biết về các tệ nạn xã hội, mại dâm, bệnh dịch và HIV trong khu vực...

+ Phối hợp và hợp tác chặt chẽ với địa phương làm tốt vệ sinh cộng đồng khi có triệu chứng bệnh dịch xuất hiện trong khu vực;

+ Phối hợp và hợp tác với chính quyền địa phương trong ngăn ngừa và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội;

- Sử dụng lao động địa phương: Sử dụng những lao động phổ thông, cả nữ và nam tại địa phương để làm những công việc giản đơn. Đối với một số công việc có yêu cầu tái đào tạo, nhà thầu sẽ lựa chọn trong số lao động thuê tại địa phương để huấn luyện cho họ những kỹ năng mới để hốc thể thực hiện tốt công việc.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các biện pháp giảm thiểu tác động do tập trung công nhân cũng chính là các quy định về công tác an toàn và vệ sinh môi trường của Dự án trong quá trình thi công nên sẽ được đưa vào hợp đồng thầu. Sự ràng buộc pháp lý này tạo điều kiện để thực thi đầy đủ biện pháp đề xuất.

3.1.2.11. Giảm thiểu các tác động đến hệ sinh thái dọc theo tuyến dự án

✓ *Mô tả biện pháp giảm thiểu:*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nước, đất để hạn chế các tác động tới hệ sinh thái;

- Lập lịch mùa vụ theo xã/phường (gieo – đòng – thu hoạch) để quy hoạch khung giờ thi công bụi/ồn và lịch cắt – đấu nối kênh. Người dân trồng lúa hai vụ mỗi năm, thời gian gieo trồng và thu hoạch vào khoảng tháng 2 và tháng 5 đối với vụ Đông Xuân, tháng 7 và tháng 9 đối với vụ Hè Thu, bên cạnh đó, họ còn canh tác vụ đông từ tháng 11 năm trước đến tháng 1 năm sau với các loại cây hoa màu như khoai, ngô, tỏi, hành, ớt,...

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống tại những vị trí sát vườn cây; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, đảm bảo không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây cối ngoài phạm vi thi công của Dự án.

- Nghiêm cấm không đốt lửa, xả rác, chặt phá cây cối, thảm thực vật ngoài phạm vi đã giải phóng mặt bằng.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công, vận hành Dự án; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, đảm bảo không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây cối ngoài phạm vi thi công của Dự án.

- Hạn chế ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn, nước thải, dầu mỡ đến các hệ sinh thái nước có trong khu vực dự án. Thông qua các giải pháp thu gom, quản lý và xử lý như đã nêu ở các mục trên;

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý phù hợp nhằm tránh tình trạng đổ trực tiếp ra môi trường;

- Chất thải nguy hại được lưu giữ, quản lý và xử lý phù hợp đặc biệt là đối với dầu mỡ thải;

- Các khu vực bị chiếm dụng tạm thời được phục hồi môi trường sau khi kết thúc việc thi công;

- Giám sát chất lượng nước mặt tại các vị trí thi công cầu.

3.1.2.14. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở, sụt lún

Các biện pháp giảm thiểu tập trung chủ yếu vào các giải pháp thiết kế sao cho mức độ can thiệp gây sụt lở vò sông, các vùng đất ven sông là ít nhất.

- Việc đào mố trụ được sắp xếp vào mùa khô, thi công càng nhanh càng tốt (tránh các đợt mưa lũ kéo dài) sẽ tránh được xói lở móng và bờ;

- Thi công nhanh từng đoạn: Sau khi hoàn thành lớp mặt sẽ tiến hành che phủ các taluy bằng lố cỏ hoặc có những đoạn nguy cơ sụt lún và xói lở cao sẽ phải kè đá hoặc gạch xi măng như khu vực các đầu cầu, miệng cống;

- Kiểm soát không để đất đá thải trên mái taluy tràn xuống dòng chảy;

- Phục hồi lớp phủ thực vật sẽ được thực hiện sớm tại những vùng đất đã bị bóc lớp phủ thực vật;

- Thi công các trụ cầu trong lòng sông sẽ tránh mùa mưa và gia cố các mố cầu hai phía bờ sông để tránh xói mòn. Việc gia cố mố cầu sẽ được thực hiện bằng cách ốp đá từ dưới đáy lên;

- Các bãi tập kết vật liệu như đất, đá, cát sẽ được bố trí hợp lý và có che chắn, không để tràn xuống dòng chảy khi gặp mưa;

- Đối với phần bãi sông: Nhằm giảm độ nhám mặt bãi sông, tăng khả năng thoát lũ đề nghị Chủ đầu tư phải dọn dẹp các vật cản trên bãi sông trong không gian thoát lũ của sông (phạm vi giữa hai đê tả và hữu) trước mùa lũ; Sau khi hoàn thành công trình, phải tháo dỡ, thanh thải phế thải, vật liệu và các công trình tạm phục vụ thi công trên bãi sông, hoàn trả hiện trạng bãi sông, lòng sông để tạo thông thoáng cho dòng chảy lũ và an toàn đê điều.

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

Áp dụng các biện pháp trên trong suốt thời gian thi công Dự án (24 tháng).

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các biện pháp giảm thiểu trên sẽ được ghi nhận trong hợp đồng. Điều này sẽ đảm bảo việc thực thi có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu các tác động tới môi trường trong quá trình thi công của các nhà thầu.

3.1.2.15. Khôi phục, hoàn nguyên môi trường sau thi công

Các công việc khôi phục lại môi trường bao gồm: khôi phục lại cảnh quan tại các khu vực đất bị chiếm dụng làm lán trại, công trường tạm, đường dân sinh, thanh thải lòng sông tại các vị trí xây dựng cầu, san lấp mặt bằng những khu vực đào đắp

a. Dỡ bỏ các công trình tạm thời phục vụ thi công

- Dỡ bỏ toàn bộ các lán trại, cầu tạm, thu gom vật liệu thừa (đá, nhựa đường...) trên công trường. Thu gom các thùng chứa dầu, các bộ phận máy bị loại bỏ, các vật liệu rào chắn trong phạm vi cách mép đường 20m và trồng cây trở lại nhanh chóng để phục hồi các diện tích thực vật bị mất.

- Khôi phục và hoàn nguyên hiện trạng đối với các vị trí đúc cấu kiện, đặt trạm bê tông nhựa, bê tông xi măng để bàn giao cho địa phương quản lý.

- Dỡ bỏ các biển báo, dọn dẹp vệ sinh, hoàn trả các tuyến đường dân sinh hay các đường địa phương sử dụng làm đường công vụ như hiện trạng ban đầu theo Biên bản thỏa thuận được thiết lập trước đó với Chính quyền và người dân địa phương. Quá trình bàn giao hoàn trả tuyến đường dân sinh/đường địa phương sau khi thi công xong có sự tham gia của Chủ dự án, Nhà thầu, chính quyền và người dân địa phương xác nhận.

b. Biện pháp thanh thải phục hồi lòng sông, bờ sông tại vị trí xây dựng cầu

Khi thi công xong, chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thực hiện các công tác sau:

- Nhổ và thu hồi hết cọc ván thép đóng dưới lòng sông trong quá trình khoan cọc nhồi, đóng cọc BTCT.

- Phá bỏ, thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý toàn bộ vật tư làm đảo tạm để thi công các trụ cầu, dọn sạch các vật liệu thi công như sắt thép gỗ ván, đá hộc còn lại

rơi xuống dòng chảy tại vị trí xây dựng cầu.

- Di chuyển các thiết bị thi công trên mặt sông như: xà lan, các phao tín hiệu, biển báo tạm, cầu dẫn tạm,…

c. Hoàn nguyên môi trường tại khu vực bãi đổ thải

- Hoàn nguyên môi trường tại các bãi thải sau khi thi công kết thúc: đầm chặt, trồng cây phủ xanh bãi thải

Hạng mục *Khôi phục, hoàn nguyên môi trường* sau thi công được ghi trong hợp đồng thi công và trong hạng mục bàn giao đối với nhà thầu.

3.1.2.12. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn triển khai dự án

a. Phòng ngừa sự cố do rà phá bom mìn

Nhằm ngăn ngừa vật liệu nổ sau chiến tranh có thể gây ra các sự cố, ảnh hưởng xấu tới kinh tế, xã hội và thi công của dự án, công tác rà phá bom mìn sẽ được Chủ đầu tư thực hiện theo đúng Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ ban hành kèm theo Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 59/2022/TT-BQP ngày 30/8/2022 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chuẩn QCVN 01:2022/BQP, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ; Quyết định số 441/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Cụ thể sau:

- Thông báo tới địa phương, cộng đồng trước khi tiến hành các công tác khảo sát vật liệu nổ.

- Thực hiện khảo sát xác định vật liệu nổ còn sót lại: các vật liệu nổ (nếu có) phát hiện được sẽ được đánh dấu khu vực để cộng đồng dân cư biết và phòng tránh.

- Xử lý, loại bỏ các vật liệu nổ ra khỏi khu vực dự án. Việc xử lý loại bỏ sẽ do đơn vị công binh chuyên trách thực hiện.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện thực hiện gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ.

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

- *Vị trí thực hiện:* Tại khu vực dự án.

- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành trước khi bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

b. Ứng phó sự cố kỹ thuật

✓ *Mô tả biện pháp*

Mục đích là để ngăn chặn sự cố kỹ thuật xảy ra trong giai đoạn xây dựng của dự án. Các biện pháp sau đây sẽ được áp dụng:

- Thực hiện đúng các quy trình kiểm soát chất lượng bao gồm các hạng mục khảo sát trước khi thi công, phương án thi công, bản vẽ thi công...;

- Thực hiện đúng kế hoạch an toàn lao động;

- Phối hợp chặt chẽ với các Ủy ban nhân dân, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và đơn vị quản lý thủy lợi của địa phương trong suốt quá trình triển khai dự án để công tác thực hiện đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình.

c. Phòng ngừa sự cố cháy nổ

✓ *Mô tả biện pháp*

Mục đích là để ngăn chặn sự bất cẩn có thể gây ra cháy nổ trong giai đoạn xây dựng của dự án. Các biện pháp sau đây sẽ được áp dụng:

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

- Lập phương án chữa cháy, thoát nạn; trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (bình cứu hỏa, chuông báo cháy…); xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; ban hành nội quy cấm công nhân không được hút thuốc. Tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống cháy nổ tại công trường; có biện pháp bố trí phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công theo quy định hiện hành; tuyệt đối không mang các chất cháy, chất nổ vào các khu vực công trường thi công dự án; không hút thuốc tại các công trường thi công; các loại vật liệu dễ gây cháy nổ phải được lưu giữ an toàn cách xa các nguồn có khả năng phát sinh lửa; ngắt các thiết bị điện khi không sử dụng; bố trí các phương tiện, trang thiết bị phòng chống cháy, nổ phù hợp với đặc thù, tính chất của dự án để kịp thời ứng cứu với các sự cố cháy nổ theo quy định; tập huấn nghiệp vụ phòng chống cháy nổ cho người lao động làm việc tại dự án.

- Khẩn trương sơ tán, ứng cứu kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại cho người, tài sản và thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- *Vị trí thực hiện:* Trên toàn bộ tuyến dự án, đặc biệt tại công trường thi công cầu trên tuyến.

- *Thời gian thực hiện:* Trong suốt thời gian thi công

d. Phòng ngừa sự cố an toàn lao động

✓ *Mô tả biện pháp*

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, nội quy sử dụng thiết bị nâng cẩu, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; trang bị đầy đủ hệ thống an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và phòng cháy chữa cháy tại công trường thi công và bảo hộ lao động cho lực lượng thi công; yêu cầu đơn vị thi công tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường; lắp đặt hệ thống chiếu sáng, biển cảnh báo nguy hiểm tại những vị trí đang thi công, đường giao thông khu vực Dự án.

e. Phòng ngừa sự cố do mưa lớn, lũ lụt

✓ *Mô tả biện pháp*

- Đối với mưa, gió lớn:

+ Ngừng toàn bộ hoạt động thi công khi có mưa lớn;

+ Che chắn các kết cấu mới xây dựng khi mưa bằng bạt ni lông che chùm;

+ Có hệ thống dây dẫn sét, tiếp địa nối với các đà giáo, kết cấu thép khi thi công phần trên cầu để tránh sét.

- Đối với lũ, lụt:

+ Khi có biểu hiện úng ngập (mưa lớn, nước dâng nhanh), nhanh chóng di dời toàn bộ phương tiện thi công ra khỏi công trường. Trước hết vận chuyển các loại nhiên liệu xăng dầu, hóa chất sau đó vận chuyển máy móc thiết bị.

+ Có phương án ứng xử khi úng ngập. Cụ thể sẽ bố trí trước các nơi tập kết tài sản, hàng hóa, vật tư khi phải di chuyển.

+ Theo dõi thông tin khí tượng thủy văn thường xuyên để có kế hoạch ứng phó kịp thời.

+ Thường xuyên liên hệ với các đơn vị có khả năng ứng cứu là bộ đội, công an và phối hợp với các địa phương.

- Các biện pháp sẽ được áp dụng trong suốt thời gian thi công.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các rủi ro, sự cố là những tình huống ngoài mong muốn và rất khó lường trước. Tuy nhiên trong quá trình thiết kế và xây dựng phương án thi công đã tính đến nguy cơ rủi ro. Nếu thực hiện đúng theo các phương án đã được duyệt thì nguy cơ rủi ro sự cố rất thấp. Việc xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố sẽ giúp công tác khắc phục được thực hiện nhanh, hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do rủi ro, sự cố gây ra.

f. Phòng ngừa sự cố rò rỉ bentonite và bùn khoan

- Thi công bệ khoan kín.

- Xây dựng bể lắng có dung tích dự phòng khi mưa lớn

- lắp đặt phao quay, bạt chắn bùn quan khu vực trụ cầu

- Ngừng thi công khi mưa lớn

- Nếu phát hiện xảy ra rò rỉ thì ngay lập tức dùng phao quay hạn chế lan truyền, hút và thu gom bentonite tràn đỏ. Sau đó gia cố hố khoan, đê quai

g. Phòng ngừa sự cố sạt lở bãi thải, rửa trôi bùn đất vào đất ruộng của người dân

- Bãi chứa được bố trí ở vị trí cao, gia cố mái bằng bao tải đất hoặc rọ đá, dùng bạt che chắn bãi chứa.

- Giám sát khối lượng đổ thải theo ngày.

- Nếu xảy ra sự cố lập tức dừng việc đổ thải, dùng bao tảo đất chặn dòng bùn; thu gom, nạo vét bùn trong ruộng; khơi thông mương nội đồng; đền bù cho người dân nếu xảy ra thiệt hại.

i. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố úng ngập cục bộ

Sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hở để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung

quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở do mưa lớn:

✓ *Mô tả biện pháp*

- Không thi công trong thời gian có mưa lũ; cắm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Thường xuyên theo dõi, giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá, sụt lún tại các mái taluy âm dọc theo các tuyến đường và các vị trí cầu, cống; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để phối hợp ứng phó sự cố môi trường.

- Thi công các hạng mục trụ cầu trong dòng chảy theo khẩu độ thiết kế được duyệt; khơi thông dòng chảy tại các khu vực cống thoát nước ngang và dọc theo tuyến đường; bố trí các công trình phòng hộ, biện pháp phòng chống xói lở phù hợp với từng vị trí có nguy cơ; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Đối với mưa, gió lớn:

+ Ngừng toàn bộ hoạt động thi công khi có mưa lớn;

+ Che chắn các kết cấu mới xây dựng khi mưa bằng bạt ni lông che chùm;

+ Có hệ thống dây dẫn sét, tiếp địa nối với các đà giáo, kết cấu thép khi thi công phần trên cầu để tránh sét.

- Đối với lũ, lụt:

+ Khi có biểu hiện úng ngập (mưa lớn, nước dâng nhanh), nhanh chóng di dời toàn bộ phương tiện thi công ra khỏi công trường. Trước hết vận chuyển các loại nhiên liệu xăng dầu, hóa chất sau đó vận chuyển máy móc thiết bị.

+ Có phương án ứng xử khi úng ngập. Cụ thể sẽ bố trí trước các nơi tập kết tài sản, hàng hóa, vật tư khi phải di chuyển.

+ Theo dõi thông tin khí tượng thủy văn thường xuyên để có kế hoạch ứng phó kịp thời.

+ Thường xuyên liên hệ với các đơn vị có khả năng ứng cứu là bộ đội, công an và phối hợp với các địa phương.

- Các biện pháp sẽ được áp dụng trong suốt thời gian thi công.

Vị trí và thời gian áp dụng BPGT

- *Vị trí thực hiện:* Vị trí công trường thi công của Dự án.

- *Thời gian thực hiện:* Các biện pháp sẽ được duy trì trong suốt thời gian thi công.

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu*

Các rủi ro, sự cố là những tình huống ngoài mong muốn và rất khó lường trước. Tuy nhiên trong quá trình thiết kế và xây dựng phương án thi công đã tính đến nguy cơ rủi ro. Nếu thực hiện đúng theo các phương án đã được duyệt thì nguy cơ rủi ro sự cố rất thấp. Việc xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố sẽ giúp công tác khắc phục được thực hiện nhanh, hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do rủi ro, sự cố gây ra

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án

Dự án khi đi vào vận hành sẽ đem lại nhiều lợi ích như giao thông thông suốt. an toàn, tiện lợi, tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng. Tuy nhiên cũng tiềm ẩn các tác động tiêu cực đối với kinh tế xã hội và môi trường

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

A. Đối với các tác động liên quan đến chất thải

3.2.1.1. Tác động do nước thải và nước mưa chảy tràn

a. Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân tại nhà điều hành

**** Nguồn gây tác động***

Hoạt động của nhà điều hành ITS trong giai đoạn vận hành sẽ là nguồn phát sinh các loại chất thải như chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt. Số lượng nhân viên đến làm việc tại khu điều hành dự kiến khoảng 10 người.

Khi dự án đi vào hoạt động, hệ thống thoát nước mưa và thoát nước sinh hoạt được xây dựng làm 2 hệ thống thoát nước riêng biệt.

* Đánh giá tác động

- Nước mưa chảy tràn

Nước mưa mái các khu vực nhà ở, nhà ăn,… được thu gom bởi hệ thống phễu thu nước mưa đặt tại các vị trí thích hợp của mái, tự chảy vào hệ thống theo đường ống từ trên mái xuống hệ thống hố ga thoát nước mưa dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chỉ từ hoạt động của cán bộ công nhân viên tại trạm khu điều hành nhà điều hành.

Theo tính toán của Tư vấn thiết kế, nhu cầu dùng nước cho sản xuất, sinh hoạt của cán bộ CNV làm việc tại khu điều hành trung tâm khoảng 1 m^3/ngày đêm.

Lưu lượng nước thải theo tiêu chuẩn được lấy bằng 100% lưu lượng nước cấp: Qth = 100%Qsh = 1,0 (m^3/ngày đêm).

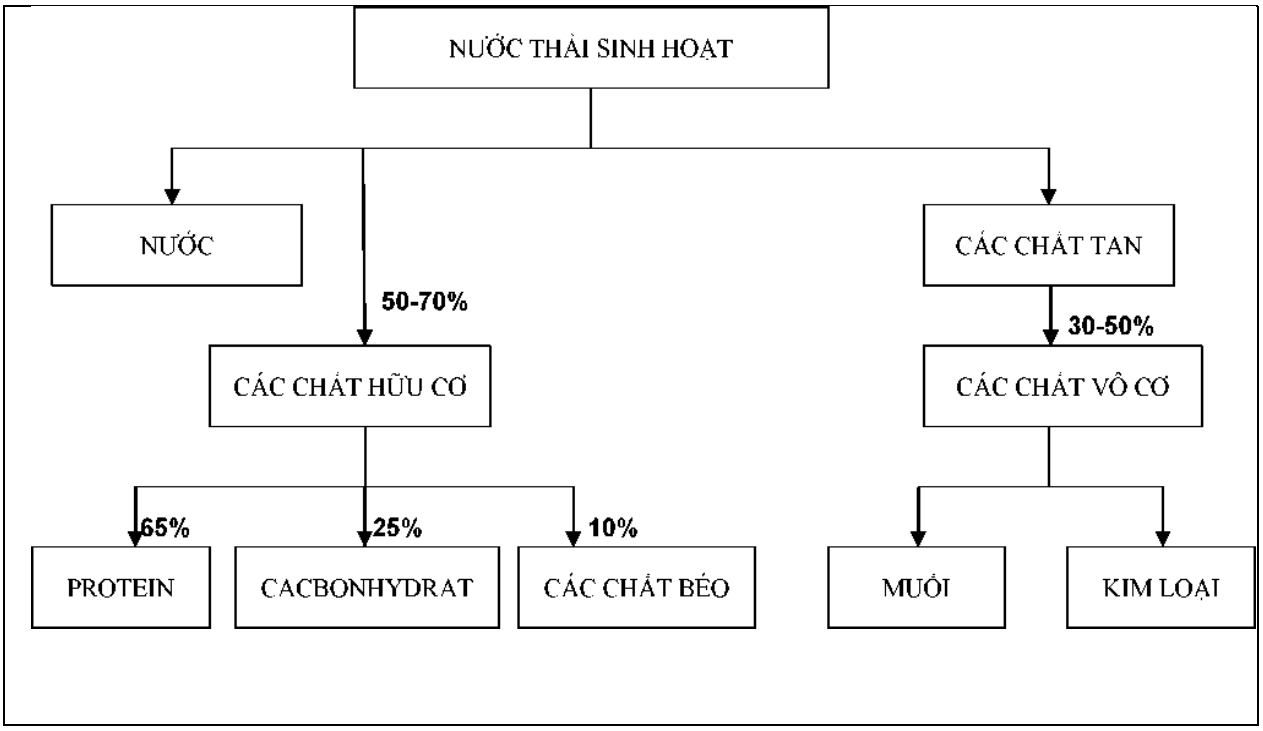
- Thành phần nước thải:

Nước thải sinh hoạt có nguồn gốc khác nhau sẽ có thành phần và tính chất khác nhau. Tuy nhiên, nước thải sinh hoạt của Dự án có thể chia làm 2 loại chính như sau:

+ Nước thải từ các thiết bị vệ sinh như chậu rửa mặt: Loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, các chất tẩy giặt và thường gọi là nước "xám". Nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học. Trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

+ Nước thải từ các khu vệ sinh (toilet) còn được gọi là "nước đen". Trong nước thải thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ gây mùi hôi thối. Hàm lượng chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, dự án nước thải sau xử lý sơ bộ từ bể tự hoại được dẫn vào bể chứa thể tích 150 m^3, định kì thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý, không xả thải ra môi trường



Hình 3. 6. Thành phần và tính chất của nước thải

(Nguồn: Trần Đức Hạ, Kỹ thuật môi trường, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật)

b. Tác động do nước mưa chảy tràn

a. Nguồn gây tác động

Nước mưa chảy tràn phát sinh dọc tuyến. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

a. Nguồn gây tác động

Nước mưa chảy tràn phát sinh trên tuyến theo tính toán như trong giai đoạn thi công với khối lượng khoảng 31.550 (l/s) tương ứng với lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

Hàm lượng Kim loại nặng trong lớp đất bẩn trên mặt đường phát hiện được phụ thuộc vào phương thức giao thông và tỷ lệ thuận với mật độ giao thông. Bảng 3.34 trình bày kết quả nghiên cứu về hàm lượng hoá chất trong lớp đất bẩn trên mặt đường.

Bảng 3. 38 Đặc điểm hoá học của lớp đất bẩn trên mặt đường

TT	Thông số	Hàm lượng (mg/ kg)	TT	Thông số	Hàm lượng (mg/ kg)
1	pH	6,7 ÷ 7,6	7	Cr	2 ÷ 35
2	Grease	5 ÷ 73	8	Cu	24 ÷ 310

TT	Thông số	Hàm lượng (mg/ kg)	TT	Thông số	Hàm lượng (mg/ kg)
3	Clo	0,1 ÷ 4	9	Fe	24 ÷ 65
4	NO_3^-	3 ÷ 386	10	Pb	19 ÷ 553
5	SO_4^{2-}	34 ÷ 2.700	11	Ni	2 ÷ 73
6	Cd	1,3 (trung bình)	12	Zn	90 ÷ 577

Nguồn: Clark và đồng nghiệp, Đặc tính hoá học của lớp đất bẩn trên mặt đường, 2000, Tạp chí CIWEM.

Nước mưa chảy qua tuyến đường, cầu sẽ mang theo các chất bẩn ô nhiễm trên mặt đường, cầu xuống khu vực sông Lô và sông suối dọc 2 bên tuyến

b. Tác động của kim loại nặng trong nước mưa chảy tràn

Các kết quả tính toán và thực tế tại môi trường đã cho thấy: lượng chất bẩn trên mặt đường được tích tụ do thời tiết khô ráo sẽ đạt đến cân bằng sau 10 ngày. Sau 10 ngày, tốc độ lắng đọng tương tự như tốc độ di chuyển gây ra bởi sự nhiễu loạn của không khí. Sự cân bằng được duy trì cho tới khi xuất hiện hiện tượng "quét sạch". Hiện tượng này được xác định là gió thổi với vận tốc vượt 5,8m/s hoặc mưa với lượng vượt 7mm/giờ. Lượng mưa này làm sạch rất nhanh chất bẩn trên mặt đường. Sau 20 ÷ 30 phút, nồng độ chất bẩn trong nước chảy tràn, khi đó, không đáng kể.

Do tác động diễn ra trong thời đoạn dài và tích tụ nên chất lượng nước, trầm tích nước khu vực dự án đều có nguy cơ bị ô nhiễm.

- *Vị trí chịu tác động*: Các tác động của nước mưa chảy tràn hiện diện trên toàn tuyến đường, bao gồm cả các dòng chảy tự nhiên trong khu vực dự án tiếp nhận nguồn nước mưa chảy tràn.

- *Mức độ tác động:* Nhỏ.

- *Thời gian tác động:* Trong suốt thời gian vận hành

3.2.1.2. Tác động đến môi trường không khí

a. Tác động do vận hành dòng xe

Trong giai đoạn khai thác cầu, đương gom và nút giao, nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí trong lĩnh vực giao thông vận tải chủ yếu phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của các loại phương tiện vận chuyển. Thành phần gây ô nhiễm môi trường không khí, gồm: Bụi và các loại khí thải như SO_2, NO_x, CO… sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng không khí của khu vực xung quanh dự án.

- Số liệu dòng xe dự báo trên tuyến theo báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án được thể hiện tại **Bảng Tổng hợp lưu lượng trên các đoạn tuyến năm tương lai**

- Hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (bảng 3.39);

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng và diezel (QCVN 1:2007/BKHCN) quy định hàm lượng lưu huỳnh S trong xăng và diezel dùng trong giao thông là S = 0,05%.

Để xác định lượng thải chất ô nhiễm báo cáo này sử dụng hệ số ô nhiễm môi trường không khí do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đưa ra.

Bảng 3. 39. Hệ số ô nhiễm môi trường không khí chuyển theo ô tô con (PCU)

Chất khí phát thải	**Bụi**	**SO_2**	**NO_x**	**CO**
Hệ số ô nhiễm (g/km)	0,07	2,05	1,19	7,72

Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới (WHO)-1993

Tải lượng ô nhiễm của dòng xe trên tuyến như sau:

Bảng 3. 40 Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua đoạn 1 tại Km104+295 - Km128+067

Năm	**Khoảng cách**	**TSP ($\mu g/m^3$)**	**SO_2 ($\mu g/m^3$)**	**CO ($\mu g/m^3$)**	**NO_x ($\mu g/m^3$)**
2030	**5**	131,9	284,6	2432,5	91,7
	20	53,8	116,1	1741,1	87,4
	30	34,8	75,2	1660,4	72,5
2040	**5**	166,7	319,7	2794,5	96,5
	20	68,0	146,7	1850,3	93,4
	30	44,0	95,0	1555,7	83,0
2050	**5**	209,4	321,8	3030,0	105,6
	20	85,4	184,3	1878,9	94,4
	30	55,3	119,3	1687,4	85,4
QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1 giờ)		**300**	**350**	**30.000**	**200**

Bảng 3. 41. Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua khu vực đoạn 2 Km128+067 - Km144+236

Năm	**Khoảng cách**	**TSP ($\mu g/m^3$)**	**SO_2 ($\mu g/m^3$)**	**CO ($\mu g/m^3$)**	**NO_x ($\mu g/m^3$)**
2030	**5**	131,9	284,6	2432,5	91,7
	20	53,8	116,1	1741,1	87,4
	30	34,8	75,2	1660,4	72,5

Năm	Khoảng cách	TSP ($\mu g/m^3$)	SO_2 ($\mu g/m^3$)	CO ($\mu g/m^3$)	NO_x ($\mu g/m^3$)
2040	**5**	166,7	319,7	2794,5	96,5
	20	68,0	146,7	1850,3	93,4
	30	44,0	95,0	1555,7	83,0
2050	**5**	209,4	321,8	3030,0	105,6
	20	85,4	184,3	1878,9	94,4
	30	55,3	119,3	1687,4	85,4
QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1 giờ)		**300**	**350**	**30.000**	**200**

Bảng 3. 42. Kết quả dự báo nồng độ chất ô nhiễm do dòng xe qua khu vực đoạn 3 Km144+236-Km162+164

Năm	Khoảng cách	TSP ($\mu g/m^3$)	SO_2 ($\mu g/m^3$)	CO ($\mu g/m^3$)	NO_x ($\mu g/m^3$)
2030	**5**	97,3	209,9	1719,9	81,0
	20	39,7	85,6	1448,0	73,9
	30	25,7	55,4	1215,4	71,6
2040	**5**	123,0	265,4	1986,9	83,9
	20	50,2	108,2	1515,5	76,5
	30	32,5	70,1	1278,6	73,7
2050	**5**	166,2	318,7	2017,0	84,5
	20	67,8	146,3	1618,7	78,5
	30	43,9	94,7	1357,2	76,9
QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1 giờ)		**300**	**350**	**30.000**	**200**

Dựa vào kết quả tính toán, dự báo với GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT thấy rằng, ở khoảng cách 5m tính từ mép đường:

- Nồng độ các khí thải phát sinh do đốt nhiên liệu từ vận hành dòng xe có giá trị nhỏ hơn GHCP.

- Các hộ dân cư sống cách mép đường 5m có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng ô nhiễm bụi với mức độ là nhỏ do tình trạng ô nhiễm bụi chỉ xuất hiện cục bộ vào giờ

cao điểm dưới tác dụng của hướng gió chủ đạo

- Mức tác động nhỏ

b. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình

Lượng bụi phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, bảo trì công trình giao thông phụ thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô sửa chữa, bảo dưỡng, độ ẩm, điều kiện thời tiết,… Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thường tạo nên tình trạng ô nhiễm bụi vượt GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT khoảng 1 ÷ 3 lần ở khoảng cách khoảng 30 ÷ 40m xuôi theo chiều gió cách vị trí thi công nếu không có các biện pháp giảm thiểu.

Kinh nghiệm giám sát thi công cũng cho thấy môi trường không khí cách khu vực thi công sửa chữa, bảo dưỡng công trình giao thông từ 25÷30m sẽ bị ô nhiễm bởi bụi (và thường >2 lần GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT) ở mức không đáng kể, thời gian ô nhiễm ngắn.

- Mức tác động trung bình

3.2.1.3. Chất thải rắn sinh hoạt

a. Nguồn gây tác động

Chất thải rắn sinh hoạt tại nhà trực thu phí mỗi ngày mỗi người thải ra 0,5kg chất thải rắn, thì lượng chất thải tại nhà trực thu phí và khu điều hành (khoảng 10 người) là 5,0 kg.

- Tại nhà trực thu phí và trạm điều hành ITS, chất thải rắn sinh hoạt có thể phân thành 2 loại riêng biệt, loại hưu cơ (rác thực phẩm) và các loại rác còn lại. Về tính chất, (i) chất thải rắn sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ (30-60%), độ ẩm cao (50-70%) thường tạo ra khí hôi, là môi trường lý tưởng cho các loài vi khuẩn sinh sống, đặc biệt là các loài hiếu khí và gây bệnh; (ii) chất thải rắn sinh hoạt còn là loại rác khó phân hủy, có khả năng thâm nhập vào trong môi trường đất và nước gây ô nhiễm.

- Với thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt như giấy, nhựa, các loại chất hữu cơ... Trong đó có một lượng lớn chất hữu cơ dễ phân hủy, tạo ra các mùi hôi như H_2S và ẩm tạo môi trường thuận lợi phát triển mầm bệnh. Những người sống trong trạm và khách vãng lai sẽ phải chịu tác động này. Mặc dù chỉ giới hạn trong khu vực nhà trực thu phí nhưng tác động ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người. Ngoài ra, các loại chất trơ khó phân hủy (nilon, plastic) làm ô nhiễm cảnh quan, thay đổi cấu trúc của đất nông nghiệp.

3.2.1.4. Chất thải rắn thông thường, CTNH

a. Nguồn gây tác động

Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khu vực nhà điều hành và hoạt động bảo dưỡng tuyến đường phát sinh CTR thông thường và CTNH

b. Đánh giá

- Chất thải rắn thông thường

+ CTR xây dựng phát sinh từ quá trình bảo trì, duy tu công trình khoảng 2 - 3m^3/ đợt duy tu, bảo trì. Thành phần chủ yếu: đất, đá, bê tông, cọc tiêu hỏng.

- Chất thải rắn nguy hại

+ Khi khu điều hành nhà điều hành đi vào hoạt động có thể phát sinh một số loại chất thải nguy hại với chủng loại như sau: pin thải từ hoạt động chiếu sáng, các linh kiện điện tử hỏng; rất ít mực in thải, vỏ hộp mực in thải hoặc thiết bị điện từ hỏng của máy móc thiết bị. Tuy nhiên, khi dự án đi vào giai đoạn hoạt động, bóng đèn sử dụng là bóng đèn led nên không phát sinh bóng đèn huỳnh quang hỏng

Thành phần chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành của Dự án được nêu trong bảng sau:

Bảng 3. 43. Thành phần các chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng trung bình dự kiến (kg/năm)
1	Pin và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 12	2
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	17 06 01	1
3	Mực in, hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	3
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
Tổng				**11**

Đây là các loại chất thải độc hại, mặc dù khối lượng không lớn nhưng nếu không được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp có thể gây ô nhiễm môi trường đất, không khí, nước mặt, nước ngầm khu vực và ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của mọi người. Con người có thể bị phơi nhiễm qua tiếp xúc trực tiếp, đường hô hấp hoặc đường tiêu hóa với những chất độc trong quá trình sử dụng. CTNH khi thải vào cống rãnh mà chưa được xử lý sẽ làm ô nhiễm nguồn nước. Khi thải bỏ chung với rác thải sinh hoạt, các chất thải có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân vệ sinh hoặc chúng có thể diễn ra các phản ứng hóa học trong xe chở rác hoặc trong lòng bãi rác… Những tác động này được đánh giá là tiêu cực, đáng kể nhưng có thể giảm thiểu được.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom riêng vào trong thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 60l có nắp đậy được dán nhãn tại phòng rác tại tầng 1 – nơi tập kết rác tập trung để đơn vị thu gom vào thu gom, vận chuyển đi xử lý, xây bằng bê tông, cửa khóa, nền bê tông chống thấm, có rãnh. Định kỳ, đơn vị thu gom có chức năng thu gom hàng ngày cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

Hoạt động bảo dưỡng không phát sinh nhiều CTNH, chỉ khoảng 2-3 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là sơn thừa và vỏ thùng sơn. Đối với các chất thải nguy hại (vỏ thùng sơn...) sẽ được thu gom riêng và xử lý theo đúng quy định của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-

BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

Bên cạnh đó, Dự án sẽ xây dựng nội quy vệ sinh môi trường trạm điều hành ITS, đồng thời tiến hành các giải pháp thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025

Do đó tác động của chất thải nguy hại là nhỏ và có thể giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý.

B. Các tác động không liên quan đến chất thải

3.2.1.4. Ô nhiễm tiếng ồn và rung động do vận hành dòng xe

a. Tác động bởi tiếng ồn

Để dự báo tương đối chính xác mức ồn gây ra do các phương tiện giao thông trong giai đoạn vận hành của dự án vào các năm 2025 đến năm 2050 đến khu vực hai bên tuyến đường, đơn vị Tư vấn môi trường sử dụng phần mềm ASJ RTN-Model 2003 *(Introduction to Noise and Traffic Noise Prediction)*, Nhật Bản.

$$L_{Aeq,T} = a - 10\log_{10}\lambda + 10\log_{10}N_T + 10\log_{10}\frac{3.6}{2T}$$

Trong đó: a : độ ồn phát ra từ nguồn (áp dụng đối với xe con, a = 82,3).

λ : Khoảng cách từ mép đường đến điểm tiếp nhận.

N: Số liệu phương tiện đã quy đổi CPU

T: Thời gian (tính theo giây).

Từ những điều kiện trên, kết quả dự báo tiếng ồn được dự báo như sau:

Bảng 3. 44. Kết quả dự báo mức ồn do hoạt động giao thông tại khu vực dự án

Năm	Khoảng cách				
	10m	20m	25m	50m	100m
2030	**72,2**	69,2	67,7	60,2	45,2
2040	**73,4**	**70,4**	68,9	61,4	46,4
2050	**74,3**	**71,3**	69,8	62,3	47,3
QCVN 26:2025/BNNMT	**65**				

Nhận xét:

Vào năm 2030 đến năm 2050 mức ồn tương đương do dòng xe trên tuyến lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN 26:2025/BTNMT (65dBa) ở khoảng cách 10m, 20m và chỉ thấp hơn giới hạn cho phép ở khoảng cách >25m

b2. Ô nhiễm rung

Kết quả đo đạc mức rung trong trường hợp tồi tệ nhất đo đạc trong giai đoạn

chuẩn bị thực hiện Dự án tại vị trí khu vực đông dân cư. Theo số liệu đo đạc tại 7 vị trí lấy mẫu KK1 đến KK7 là 33,6dB ứng với tốc độ dòng xe khoảng 40km/h. Khi tốc độ dòng xe tăng mỗi 10km/h, mức rung tăng thêm 3dB

Theo thiết kế, tốc độ dòng xe tại các hạng mục công trình: Đường có Vtk=100Km/h.

Như vậy, với tốc độ thiết kế của các hạng mục công trình dự án khoảng 100km/h tại các vị trí đo rung hiện trạng điển hình khoảng 45,6dB. Vì thế, dự báo mức rung so với QCVN 26:2025/BNNMT ở khoảng cách 5m so với mép đường thấp hơn giới hạn cho phép, do đó nguy cơ sụt lút, nứt vỡ công trình kiến trúc là nhỏ.

Mức độ và phạm vi tác động:

- Mức độ tác động: Nhỏ.

- Phạm vi tác động: Hộ dân dọc tuyến đường và khu vực cầu. 25m

3.2.1.5. Nguy cơ ngập úng cục bộ khi xuất hiện tuyến đường

Đoạn tuyến nghiên cứu được bao bọc bởi hệ thống đê sông Lô đã tạo ra chế độ thủy văn nội đồng, hoàn toàn phụ thuộc vào chế độ mưa nội đồng và hệ thống trạm bơm tiêu cưỡng bức ra các sông. Tuy nhiên trong một số trường hợp mực nước của các sông lên cao, các cống tiêu tự chảy và các trạm bơm phải dừng hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả gây ra ngập nội đồng và kéo dài thời gian ngập. Trong các tính toán thủy văn và thoát nước dọc tuyến, vấn đề vỡ đê không được đề cập tới. Mực nước cao nhất nội đồng chính là mực nước trong ruộng.

Việc tính toán thủy văn dựa trên cơ sở các tài liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và sử dụng thông số về lượng mưa ngày lớn nhất. Kết quả tính toán thủy văn được các cơ quan chức năng thẩm tra, thẩm định trước khi phê duyệt báo cáo NCKT của dự án.

Để ngăn chặn tình trạng ngập úng cục bộ khi tuyến đường gom hình thành do cos nền được nâng cao so với khu vực xung quanh, đồng thời đồng bộ với hệ thống thoát nước trên tuyến đường, giải pháp thiết kế hệ thống cống thoát nước ngang qua đường gom bố trí trên cơ sở nối dài cống trên tuyến. Tổng số có khoảng 64 cống thoát nước.

Trong quá trình vận hành, các cống tiêu thoát nước ngang sẽ được đơn vị vận hành, quản lý thường xuyên giám sát để kịp thời khơi thông khi bị tắc nghẽn, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tốt. Do vậy, nguy cơ ngập úng cục bộ khi xuất hiện tuyến đường được đánh giá là nhỏ và có thể giảm thiểu thông qua biện pháp kỹ thuật.

3.2.1.6. Tác do xuất hiện tuyến đường

a. Tác động tới chia cắt cộng đồng

Việc xuất hiện tuyến đường sẽ dẫn tới chia cắt cộng đồng theo 02 hình thức chính:

- Chia cắt cộng đồng dân cư thành 2 phần nằm về hai phía đường: Việc tuyến đường cắt qua các khu dân cư sẽ dẫn đến hệ quả chia cắt địa giới hành chính ảnh hưởng đến hoạt động đi lại sinh hoạt hàng ngày của người dân, làm cho cự ly đi lại xa hơn khi họ phải đến nhà người thân, họ tộc hay các cơ sở công cộng như Ủy ban nhân dân xã,

trạm y tế, trường học.

- Chia cắt dân cư với khu canh tác nông nghiệp: Việc chia cắt này có thể sẽ làm cho phí cho sản xuất tăng do đi lại khó khăn hơn ảnh hưởng đến thu nhập do giá bán sản phẩm có thể phải giảm bớt, tuy nhiên các vấn đề này sẽ được bù đắp bằng việc tuyến đường vành đai sẽ tạo thuận lợi hơn trong việc tiếp cận để vận chuyển với khối lượng lớn các sản phẩm nông nghiệp.

b. Phân mảnh đất nông nghiệp

Việc thu hồi một phần đất sản xuất nông nghiệp của người dân sẽ gây phân mảnh đất canh tác, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Việc chia cắt này có thể sẽ làm cho phí cho sản xuất tăng do điều kiện canh tác khó khăn hơn ảnh hưởng đến thu nhập do giá bán sản phẩm có thể phải giảm bớt, tuy nhiên các vần đề này sẽ được bù đắp bằng việc tuyến đường mới sẽ tạo thuận lợi hơn trong việc tiếp cận để vận chuyển với khối lượng lớn các sản phẩm nông nghiệp.

3.2.1.6. Các rủi ro, sự cố môi trường giai đoạn vận hành

a. Nguy cơ sụt lún nền đường

Khi xây dựng nền đường trên nền đất yếu, có khả năng xảy ra sụt lún đất, khi vấn đề xảy ra, không chỉ sự ổn định của công việc bị đe dọa nhưng cũng có nghĩa là giao thông trên tuyến đường cũng không an toàn.

Dựa trên khảo sát hiện trường, có thể thấy rằng các vị trí dễ dàng xảy ra lún là hai bờ sông, kênh, các đoạn đi qua ruộng, đặc biệt tại các đoạn đất có cấu trúc yếu

b. Sự cố xói lở, sụt lún

Các nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố xói lở, sụt lún:

- Thay đổi dòng chảy do cầu gây ra có thể dẫn đến xói mòn bờ sông, đặc biệt ở khu vực hạ lưu cầu. Sự xói mòn này có thể làm thu hẹp bờ sông và ảnh hưởng đến các công trình ven sông.

- Thay đổi địa hình và dòng chảy có thể gây sạt lở ở các bãi sông, ảnh hưởng đến sự ổn định của đất và các công trình trên bãi.

c. Sự cố cháy nổ tại khu vực nhà trực thu phí, điều hành ITS

- Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do:

+ Vứt tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực chứa nhiên liệu dễ cháy.

+ Sự cố về các thiết bị điện: Dây điện, động cơ điện, thiết bị điện tử,...bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy.

+ Lửa cháy do các nhiên liệu lỏng dễ cháy như: xăng, dầu, gas, v.v… từ quá trình đun nấu hoặc các vật liệu gặp lửa;

+ Sự cố sét đánh vào mùa mưa bão.

- Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ của dự án không cao. Tuy nhiên, khi xảy ra sự cố cháy nổ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tính mạng con người, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gây thiệt hại tài sản

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường

A. Đối với các tác động liên quan đến chất thải

3.2.2.1. Giảm thiểu tác động do bụi và khí thải

a. Mô tả biện pháp giảm thiểu

Các biện pháp giảm thiểu được đưa ra trong giai đoạn vận hành như sau:

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa kịp thời các hư hỏng trên tuyến; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa tại vị trí bảo dưỡng đi qua khu dân cư.

b. Vị trí và thời gian áp dụng

- *Vị trí thực hiện:* Trên toàn tuyến dự án.
- *Thời gian thực hiện:* Trong thời gian bảo hành Dự án.

**Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư*

Làm sạch đường, duy tu, bảo dưỡng là biện pháp mang lại hiệu quả cao để giảm phát thải bụi khi vận hành dòng xe.

3.2.2.2. Giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

a. Mô tả biện pháp giảm thiểu

Yêu cầu nhà thầu vệ sinh mặt đường trước khi bàn giao sử dụng. Theo đó, mức độ ô nhiễm do tràn nước mưa từ cơn mưa đầu tiên là rất nhỏ. Sau cơn mưa đầu tiên, các bụi bẩn trong nước mưa chảy tràn sẽ không tồn tại hoặc rất ít.

b. Vị trí và thời gian áp dụng

- *Vị trí thực hiện:* Trên toàn tuyến dự án.
- *Thời gian thực hiện:* Trong thời gian bảo hành Dự án

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư

Làm sạch đường để bảo đảm an toàn và khai thác tốt là biện pháp mang lại hiệu quả cao.

3.2.2.3. Giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà trực thu phí

Toàn bộ 5m^3 nước thải/ngày đêm của Nhà điều hành trung tâm ITS được thu gom về 01 bể tự hoại ba ngăn thể tích 7,5 m^3 để xử lý sơ bộ; nước thải sau xử lý sơ bộ từ bể tự hoại được dẫn vào bể chứa thể tích 150 m3, định kì thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý, không xả thải ra môi trường. Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể chứa → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng bơm hút, xử lý.
- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại mỗi trạm thu phí thu gom về bể chứa có thể tích 5,0 m_3 (kích thước 5,0 m x 1,0 m x 1,0 m), định kì thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý.

Vị trí và thời gian thực hiện

Vị trí thực hiện: Tại nhà điều hành trung tâm

Thời gian thực hiện: Trong thời gian vận hành của dự án.

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư

Đề xuất biện pháp quả lý các loại chất thải thông thường từ Dự án là hợp lý và phù hợp với các quy định của , sơn thừa, vỏ thùng sơn...) sẽ được thu gom riêng và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường

Các biện pháp xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành là khả thi. Việc xây dựng các bể tự hoại cải tiến BASTAF sẽ giúp xử lý triệt để nước thải. Ngoài ra, nhằm đảm bảo tác động tàn dư là không đáng kể, giám sát chất lượng nước thải từ trạm dịch vụ trước khi thải môi trường xung quanh sẽ được thực hiện để có các biện pháp giảm thiểu điều chỉnh thích hợp.

3.2.2.4. Giảm thiểu tác động do rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà trực thu phí, điều hành ITS

a. Giảm thiểu tác động do rác thải sinh hoạt

- Mô tả biện pháp

Nguyên tắc quản lý chất thải rắn: Rác sinh hoạt được quản lý theo nguyên tắc 3R: giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế (Reduction, Reuse and Recycle). Theo đó, giảm thiểu được thực hiện thông qua việc mua sản phẩm với số lượng lớn và với ít bao bì hơn để giảm bớt chất thải; tái sử dụng là cách thay thế các sản phẩm chỉ sử dụng một lần bằng các loại có thể tái sử dụng được như các loại pin sạc, các bình chứa xà phòng và dầu gội đầu có thể đổ đầy lại,…; tái chế được hiểu là cung cấp các thùng chứa chất thải có thể tái chế tại những phòng khách và các thùng đựng rác hữu cơ có thể phân hủy ở các khu vực bếp núc, tổ chức thu gom ở những nơi có sử dụng các sản phẩm tái chế, đặt thùng rác ở những khu vực cần thiết, giữ rác thải ở một nơi an toàn và vệ sinh cho tới khi rác được thu gom, xử lý cùng rác thải chung của khu dân cư.

- Công tác thu gom và vận chuyển ra khỏi khu nhà trực thu phí, điều hành ITS

+ Thu gom tại địa điểm trong trạm: Sử dụng các thùng rác nhỏ có phân biệt để chứa loại phân hủy và các loại khác, đặt tại các vị trí thuận lợi trong khu nhà làm việc, nhà ở, nhà ăn... tại các nơi tránh mưa trong nhà điều hành, cụ thể: Bố trí 01 thùng rác dung tích 50 lít có nắp đậy cho mỗi loại rác được phân loại tại khu vực nhà ăn nghỉ giao ca CBCNV và nhà điều hành trung tâm, gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm và Chất thải rắn sinh hoạt khác. Tổng số 6 thùng rác dung tích 50 lít thùng dung tích.

+ Tập trung rác tại các vị trí cố định trong nhà điều hành: Hàng ngày, thu gom

rác tại các địa điểm khác nhau trong trạm đến khu để rác tập trung. Đây là khu vực đã được xem xét thuận lợi cho xe ra vào và tránh gây mất mỹ quan. Tại đây, bố trí 3 loại thùng rác có thể tích 240 lít và phân biệt chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm và Chất thải rắn sinh hoạt khác. Định kỳ vận chuyển và xử lý tại bãi rác địa phương, thông qua hợp đồng kinh tế với giữa Đơn vị vận hành trạm thu phí và trạm ITS với các công ty môi trường của địa phương.

Các loại CTRSH được thu gom, quản lý theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b. Giảm thiểu tác động do rác thải nguy hại

Chất thải nguy hại:

- CTNH phát sinh thường xuyên bao gồm: Mực in thải; hộp mực in thải; vỏ hộp, thùng bằng kim loại chứa thành phần nguy hại; giẻ lau dính dầu; pin, ắc quy chì thải, chất thải điện tử… từ hoạt động thiết bị máy móc của hệ thống hạ tầng kỹ thuật ITS cũng như từ sinh hoạt và làm việc của cán bộ tại khu nhà điều hành trung tâm. Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được quản lý (thu gom, vận chuyển và xử lý) theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP về về quản lý chất thải nguy hại. Các biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực nhà trực thu phí, điều hành ITS cụ thể như sau:

+ Toàn bộ chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để chất thải nguy hại lẫn với CTR sinh hoạt thông thường và yêu cầu các căn hộ sinh sống trong tòa nhà công vụ nghiêm chỉnh chấp hành quy định phân loại rác thải tại nguồn.

+ Lắp đặt 02 thùng chứa rác thải nguy hại dung tích 200l có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và dán nhãn chất thải nguy hại theo thông tư quản lý về chất thải nguy hại để đơn vị thu gom có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

+ Đơn vị vận hành nhà trực thu phí, điều hành IST thực hiện việc ký hợp đồng với đơn vị được cấp Giấy phép Quản lý chất thải nguy hại để nhanh chóng đưa chất thải nguy hại đi xử lý. Trong trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh quá thấp, đơn vị quản lý và vận hành trạm ITS sẽ thông báo với cơ quan quản lý chất thải nguy hại bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo quản lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-

CP ngày 06/01/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

B. Đối với các tác động không liên quan đến chất thải

3.2.2.5. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung động

a. Mô tả biện pháp giảm thiểu

Khi đoạn tuyến được đưa vào khai thác, dòng xe chạy trên đường sẽ trở thành nguồn chính tác động tới chất lượng không khí, tiếng ồng và rung động.

- Luôn bảo trì, bảo dưỡng mặt đường, để giảm tiếng ồn sinh ra do sự tương tác giữa lốp ô tô với mặt đường.

- Thực hiện kiểm soát tải trọng đối với các phương tiện lưu thông trên tuyến, bảo đảm các phương tiện lưu thông trên tuyến đều đúng tải trọng cho phép; lắp đặt các biển báo phù hợp.

- Nghiên cứu lắp tường chống ồn tại các vị trí đường cao tốc đi qua khu vực dân cư đông đúc

- Thiết kế các gờ giảm tốc phù hợp tại các nút giao.

b. Vị trí và thời gian áp dụng

- *Vị trí thực hiện:* Tại các hạng mục dự án, gồm: đường gom, cầu vượt, nút giao.
- *Thời gian thực hiện:* Trong thời gian bảo hành Dự án

** Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư:* Các biện pháp đưa ra là các biện pháp truyền thống và mang hiệu quả cao.

3.2.2.6. Biện pháp giảm thiểu tác động do chia cắt cộng đồng và phân mảnh đất nông nghiệp

a. Mô tả biện pháp giảm thiểu

Lắp các biển báo hạn chế tải/ khổ tại 2 phía của hầm chui. Bố trí bãi qua đầu ở bên phải khu đất trống trước cửa hầm chui.

Mặc dù không thể so sánh được với sự thuận tiện qua lại trong vùng khi không có tuyến đường, nhưng với mật độ nút giao thiết kế hai bên đã giúp cho việc qua lại giữa hai vùng nằm hai bên tuyến đường không quá khó khăn.

Đối với tác động chia mảnh đất nông nghiệp, địa phương sẽ tạo điều kiện cho người dân tiến hành trao đổi mảnh đất nông nghiệp (nếu có nhu cầu) để việc canh tác được thuận lợi

b. Vị trí và thời gian áp dụng

Biện pháp được áp dụng trong trên phạm vi các khu đất nông nghiệp bị chia cắt.

* Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư: Biện pháp giảm thiểu nêu trên có tính khả thi cao và giúp ngăn ngừa chia cắt từ nguồn. Tuy nhiên, hiệu quả biện pháp này còn phụ thuộc vào khả năng đổi đất và quy hoạch sử dụng đất của từng địa phương.

3.2.2.6. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố môi trường giai đoạn vận hành

a. Sự cố sụt lún nền đường

+ Thực hiện thi công theo đúng thiết kế, phương án thi công đã duyệt.

+ Định kỳ đơn vị vân hành thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng tuyến đường trong suốt thời gian vận hành nhằm đảm bảo tuyến đường luôn trong tình trạng sử dụng với chất lượng tốt.

b. *Phòng ngừa sự cố xói lở, sụt lún*

Tại các vị trí có nguy cơ sạt lở, gia cố mái ta luy nền đắp bằng đinh đất, đinh đá kết hợp khung BTCT, gia cố lề đường BTXM.

Xây dựng hệ thống các biển báo quy định tải trọng xe tối đa được phép lưu thông trên tuyến đường theo quy định; đảm bảo việc thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật tuân thủ nghiêm các quy trình thi công và được nghiệm thu theo quy định trước khi đưa vào vận hành; thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng thi công các công trình trên tuyến.

Vị trí thực hiện: Tại vị trí gần cầu.

Thời gian thực hiện: Các biện pháp sẽ được duy trì trong suốt thời gian vận hành.

c. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng

Định kỳ duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước ngang, rãnh dọc tuyến, đảm bảo thoát nước mặt trên tuyến.

Vị trí thực hiện: Tại vị trí thoát nước ngang, rãnh dọc tuyến.

Thời gian thực hiện: Các biện pháp sẽ được duy trì trong suốt thời gian vận hành.

d. Phòng ngừa sự cố cháy nổ tại nhà trực thu phí, điều hành ITS

- Trang bị hệ thống PCCC trong nhà trực thu phí có kế hoạch PCCC được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng một đội ngũ phòng cháy, chữa cháy và có một đội thường trực làm công tác chữa cháy khi cần thiết. Thường xuyên kiểm tra hiệu lực của các thiết bị, kịp thời thay thế, bổ sung khi bị hỏng, mất mát. Đội cứu hộ khẩn cấp luôn sẵn sàng để can thiệp kịp thời.

- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và chữa cháy tự động và lắp đặt họng cấp nước cứu hỏa theo tính toán PCCC. Tại mỗi tầng sử dụng đều được lắp đặt hộp cứu hỏa theo quy định gồm: van, lăng, vòi phun và các bình bọt CO2 tại vị trí trung tâm, dễ thấy và thuận lợi sử dụng khi có sự cố.

+ Khả năng cháy nổ có thể do sét đánh hoặc chạm chập dây điện. Giải pháp thiết kế có kim thu sét trên mái, chiều cao đảm bảo bán kính bảo vệ theo quy phạm, có hệ thống dây dẫn sét và hệ thống cọc tiếp địa. Ngoài ra còn lắp đặt hệ thống bảo vệ an toàn cho hệ thống điện bằng các automat và hệ thống nối đất cho thiết bị, hệ thống này được thiết kế độc lập với hệ thống nối đất chống sét.

Chi tiết về vị trí các điểm lắp đặt thiết bị PCCC sẽ được triển khai trong bước thiết kế bản vẽ thi công tiếp theo nhằm kiểm soát được diễn biến và tình hình cháy, giúp lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp chữa cháy kịp thời, có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra, góp phần đảm bảo an ninh trên địa bàn

thành phố nói chung và khu vực doanh trại nói riêng.

Vị trí thực hiện: Toàn bộ công trình kiến trúc khu điều hành nhà trực thu phí

Thời gian thực hiện: Các biện pháp sẽ được duy trì trong suốt thời gian vận hành.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chủ yếu của dự án bao gồm:

- Bạt che tại các khu tập kết nguyên vật liệu và chất thải để hạn chế phát tán bụi cũng như bị rửa trôi ra môi trường xung quanh.
- Hàng rào bằng tôn bao quanh công trường tại các vị trí nút giao, cầu vượt.
- Dây chắn công trường tại các vị trí không qua khu dân cư
- Hoạt động tưới nước giảm bụi.
- Hố thu rãnh kết hợp hố ga.
- Hố lắng thu gom nước thải thi công.
- Thùng chứa chất thải tại công trường và khu lán trại.
- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng chứa chất thải nguy hại trong kho tại khu vực công trường thi công.
- Quan trắc và giám sát môi trường.

Bảng 3. 45. Tổng hợp các thiết bị, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Giai đoạn thi công**			
1	Tấm che được làm bằng được làm bằng vải bạt	m^2/công trường	400	Các bãi chứa tạm vật liệu
2	Tấm tôn bao quanh vị trí công trường	m^2/vị trí	400	5 công trường
3	Nhà vệ sinh di động	cái	10	Bố trí tại các công trường, lán trại
4	Thùng rác (thùng nhựa 120L, có nắp)	cái	10	Bố trí các thùng rác tại khu vực tại các công trường thi công, lán trại và nhà điều hành
5	Thùng chứa chất thải nguy hại, loại thùng nhựa 60 lít, có nắp	cái	10	Bố trí tại nơi tập kết thiết bị tại các công trường thi công (để riêng biệt, trên sàn xi măng và có mái che)
6	Cầu rửa xe và hố lắng tái sử dụng nước rửa xe	HT	5	Cầu rửa xe bằng bê tông, xung quanh có rãnh thu nước về hố lắng
7	Nhà kho chứa CTNH	Nhà	5	Bố trí tại các công trường
II	**Giai đoạn vận hành**			

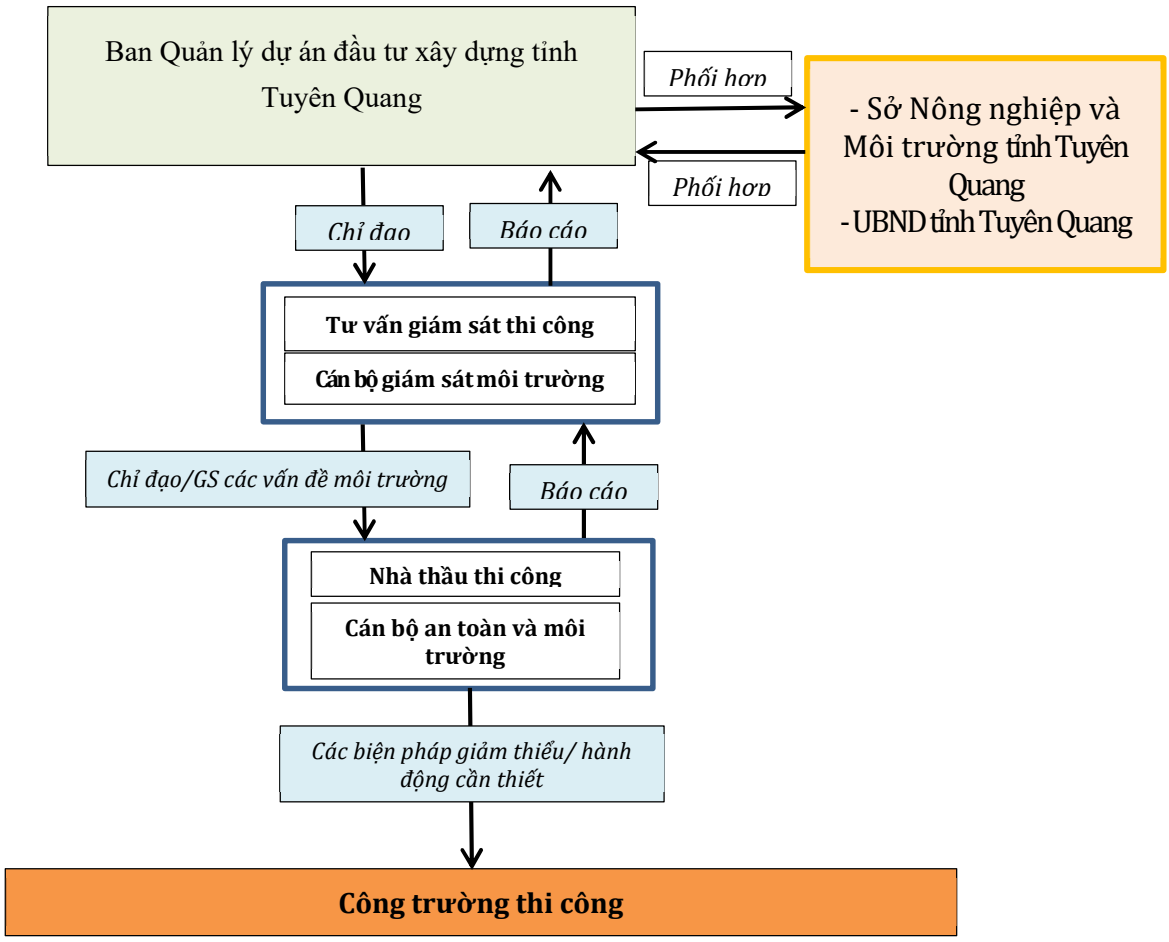
TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Giai đoạn thi công**			
8	Thùng rác sinh hoạt:			
-	Thùng nhựa có nắp các loại dung tích (2x20) l	cái	2	Bố trí tại khu vực nhà trực thu phí, điều hành ITS
9	Thùng chứa chất thải nguy hại, loại thùng nhựa 200 lít, có nắp	cái	2	Bố trí nhà trực thu phí, điều hành ITS

Ghi chú: Chi phí cho các thiết bị, biện pháp bảo vệ môi trường đã được lồng ghép *trong giá trị gói thầu xây lắp (được quy định tại mục 3.1, khoản 3 điều 6 của Thông tư số: 04/2010/TT-BXD, ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng).*

3.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án có sự tham gia của các tổ chức và các bên liên quan, với vai trò và trách nhiệm khác nhau bao gồm:

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tuyên Quang



Hình 3. 7. Sơ đồ thực hiện quản lý môi trường dự án

- Cơ quan phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

- Tư vấn giám sát thi công (CSC)/ cán bộ giám sát môi trường (ES);

- Nhà thầu thi công;

- Cán bộ môi trường và an toàn của Nhà thầu (SEO);

- Mối quan hệ và liên hệ giữa các bên liên quan trong công tác quản lý môi trường của dự án được thể hiện theo hình dưới đây.

Trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan được trình bày trong bảng dưới đây

Bảng 3. 46. Vai trò và trách nhiệm của bên liên quan

Các bên liên quan	Trách nhiệm về khía cạnh môi trường
Chủ dự án	- Niêm yết công khái Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM tại các địa phương thực hiện tham vấn cộng đồng - Chịu trách nhiệm tổng thể đối với việc tuân thủ các quy định, cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại thông tư số 15/2017/TT-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông

Các bên liên quan	Trách nhiệm về khía cạnh môi trường
	vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải. Cụ thể như sau: + Đưa các yêu cầu về việc cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật đối với công tác bảo vệ môi trường và những cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường gây ra bởi các hoạt động thi công trong báo cáo ĐTM đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng kinh tế với các Nhà thầu thi công. + Thiết lập hệ thống quản lý môi trường trong quá trình thực hiện dự án. + Tổ chức giám sát, đôn đốc Nhà thầu thi công thực thi các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải, các biện pháp giảm bụi, ồn, rung và các biện pháp ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm an toàn giao thông trong thi công xây dựng; định kỳ hàng tuần đánh giá sự tuân thủ môi trường của Nhà thầu và lập, lưu trữ biên bản đánh giá + Liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương về sự tham gia của cộng đồng trong thời gian chuẩn bị và thực hiện Dự án. + Chỉ đạo và giám sát thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường của Tư vấn môi trường độc lập, cùng với đó Chủ dự án tổng hợp, lưu giữ các báo cáo kết quả quan trắc và giám sát môi trường + Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động thi công, thực hiện các biện pháp khắc phục và báo ngay cho cơ quan phê duyệt ĐTM của dự án và UBND cấp xã/thị trấn. - Báo cáo giải trình cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM trong trường hợp dự án có thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM. - Xử lý vi phạm của Nhà thầu thi công xây dựng về công tác bảo vệ môi trường trong gói thầu theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết. - Lưu trữ hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án, hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra.
Tư vấn	- Tư vấn giám sát thi công sẽ chịu trách nhiệm cho việc giám sát chung

Các bên liên quan	**Trách nhiệm về khía cạnh môi trường**
giám sát thi công	các hoạt động xây dựng và đảm bảo Nhà thầu thực hiện các yêu cầu trong hợp đồng và chỉ dẫn kỹ thuật. Các cán bộ giám sát thuộc nhóm Tư vấn giám sát thi công sẽ chịu trách nhiệm cho việc giám sát và theo dõi các hoạt động xây dựng và đảm bảo Nhà thầu thực hiện các yêu cầu đã được nêu trong hợp đồng với Chủ Dự án, trong đó có vấn đề phải đảm bảo tuân thủ các về môi trường – sức khỏe - an toàn. (EHS). - Các cán bộ giám gồm một số lượng Kỹ sư với đủ kiến thức trong lĩnh vực EHS để thực hiện các trách nhiệm yêu cầu và để giám sát các vấn đề có liên quan trong các hoạt động thi công của Nhà Thầu. - Thông báo trực tiếp cho các đơn vị thi công về bất kỳ vấn đề EHS tiềm tàng nào có thể gây trở ngại cho tiến trình của Dự án. - Giám sát việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và giảm thiểu của nhà thầu, kịp thời đề xuất và triển khai các biện pháp can thiệp bổ sung để hoàn thiện các biện pháp đảm bảo EHS. - Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với các vấn đề môi trường, các tình huống khẩn cấp về sức khỏe và an toàn có thể xảy ra trong quá trình thi công xây dựng. - Kiến nghị với Chủ dự án đình chỉ thi công một phần hoặc toàn bộ công tác thi công nếu nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về EHS đã thống nhất hoặc đã nêu trong hợp đồng. - Báo cáo định kỳ cho Chủ dự án.
Tư vấn môi trường độc lập	- Hỗ trợ cho Chủ dự án trong phạm vi hợp đồng để thiết lập và vận hành hệ thống quản lý môi trường, đưa ra những khuyến nghị điều chỉnh, nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong quá trình thực hiện và giám sát việc thực hiện EMP của nhà thầu trong các giai đoạn của Dự án. - Lập tham chiếu và chuẩn bị các kế hoạch cụ thể ở hiện trường theo khung kế hoạch quản lý môi trường đã được Chủ dự án phê duyệt. - Thiết lập các thủ tục môi trường, thông báo và cam kết chính thức đạt được từ phía các Nhà thầu. - Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ. - Trực tiếp báo cáo kết quả quan trắc, giám sát lên Chủ dự án. - Đề xuất các hành động khắc phục đối với các vi phạm, sự cố môi trường phát sinh. - Thực hiện các đo đạc bổ sung khi được yêu cầu. - Đơn vị Tư vấn môi trường độc lập phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa

Các bên liên quan	Trách nhiệm về khía cạnh môi trường
	đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. - Đơn vị Tư vấn môi trường độc lập phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong quá trình thực hiện công tác quan trắc môi trường.
Nhà thầu thi công	- Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hợp đồng đã ký với chủ dự án. - Trong thi công xây dựng, nhà thầu thi công phải thực hiện các công việc cơ bản sau: + Tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đối với gói thầu xây dựng. + Thường xuyên giám sát, đôn đốc cán bộ, công nhân viên tuân thủ thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với gói thầu trong quá trình thi công xây dựng; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động. + Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý hoặc đổ chất thải rắn trong quá trình thi công đúng vị trí, phương pháp và khối lượng quy định. + Thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương để vận chuyển, xử lý hoặc tự xử lý theo biện pháp được quy định. + Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý. + Bố trí nhà vệ sinh, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải, công trình xử lý nước thải tạm thời trên công trường thi công, văn phòng điều hành công trường và khu vực lán trại công nhân. + Thực hiện các biện pháp giảm bụi, ồn, rung, các biện pháp thoát nước, chống ngập cục bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó sự cố, đảm bảo an toàn giao thong trong suốt quá trình thi công. + Quản lý, bảo dưỡng, duy trình trạng thái kỹ thuật của phương tiện vận tải, phương tiện, thiết bị, máy móc thi công xây dựng theo đúng quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; tuân thủ quy định về tải trọng phương tiện; che chắn, ngăn ngừa rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải trong suốt quá trình thi công. + Hoàn nguyên môi trường, thu dọn vệ sinh công trường, thanh thải lòng sông, suối sau khi hoàn thành thi công gói thầu. + Hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra.

Các bên liên quan	Trách nhiệm về khía cạnh môi trường
	- Trong trường hợp có bất cứ sự vi phạm hoặc gia tăng khối lượng công việc mà được phát hiện bởi Tư vấn môi trường hoặc được đề xuất bởi Nhà thầu, Chúng phải được báo cáo tới Chủ dự án đầu tư để thực hiện thêm các hành động khắc phục. - Chịu sự quản lý của Cán bộ giám sát môi trường và điều chỉnh hoặc tăng cường các biện pháp khi được Cán bộ giám sát môi trường, Đơn vị môi trường yêu cầu. - Trên cơ sở kế hoạch quản lý môi trường được phê duyệt, Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường cho từng khu vực công trường thi công, đệ trình kế hoạch cho Chủ dự án xem xét và chấp thuận trước khi khởi công. - Nhà thầu sẽ phân công các cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp là Cán bộ an toàn và môi trường tại công trường, chịu trách nhiệm giám sát sự tuân thủ của nhà thầu với các yêu cầu trong KHQLMT.

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

3.4.1. Độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của các đánh giá, dự báo về các tác động môi trường của Dự án còn được thể hiện ở những đặc điểm sau:

- Tính chính xác: các đánh giá được dựa trên các dữ liệu, thông tin, số liệu của báo cáo NCKT của Dự án và tính toán có mức tin cậy cao, nguồn gốc rõ ràng.

- Tính trung thực: các đánh giá được dựa trên các dữ liệu, thông tin, số liệu do chủ Dự án tạo lập và của các tổ chức có uy tín công bố.

- Tính tin cậy: báo cáo tuân thủ theo đúng Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 về đánh giá tác động môi trường, tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu môi trường trong các Quy chuẩn Việt Nam hiện hành. Vì vậy báo cáo có độ tin cậy cao và đảm bảo tính pháp lý, là cơ sở để Chủ đầu tư, Cơ quan quản lý môi trường địa phương quản lý khi thực thi Dự án theo đúng các quy định về môi trường và qua đó giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường xung quanh và cộng đồng.

Bảng 3. 47. Độ tin cậy của đánh giá

STT	Các đánh giá, dự báo	Độ tin cậy	Diễn giải
I	*Giai đoạn thi công xây dựng*		
1	Tác động do bụi và khí thải từ quá trình đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục thi công tuyến đường và cầu	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm. - Chi tiết hóa các tác động trong quá trình thi công của Dự án. - Sử dụng hệ số ô hiễm của WHO và công thức để tính toán đánh giá, dự báo. - Trong giai đoạn nghiên cứu khả thi, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, thời hạn thi công riêng rẽ từng hạng mục cầu chưa cụ thể nên mức độ Định lượng cụ thể tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm còn hạn chế, độ tin cậy ở mức trung bình.
2	Tác động do nước mưa chảy tràn	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng chất ô nhiễm. - Sử dụng phương pháp cường độ giới hạn để xác định lượng nước mưa chảy tràn.
3	Tác động do nước thải sinh hoạt	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng và nông độ chất ô nhiễm. - Đánh giá, dự báo theo TCXD 51-2006 và QCVN 14:2025/BTNMT.
4	Tác động do chất thải thi công xây dựng	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
5	Tác động do tiếng ồn và rung	Cao	- Định lượng cụ thể mức ồn, rung cho từng thiết bị. - Sử dụng phương pháp tính toán lan truyền tiếng ồn.
6	Tác động do chất thải rắn	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính. - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính.
7	Tác động do chất thải nguy hại	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
II	*Giai đoạn vận hành*		
1	Tác động ồn, rung động	Cao	- Sử dụng mô hình để tính toán, dự báo tác động đến môi trường xung quanh

STT	Các đánh giá, dự báo	Độ tin cậy	Diễn giải
2	Nước mưa chảy tràn	Trung bình	- Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
3	Sụt lún, xói lở bờ sông	Cao	- Phương pháp tính toán mô hình MIKE NAM có độ tin cậy cao để tính toán, dự báo đánh giá mức độ ổn định bờ sông khi có công trình
III	*Các tác động do rủi ro, sự cố môi trường*		
1	Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng	Trung bình	- Mức độ tác động là định tính. - Sử dụng các thông tin để đánh giá theo tài liệu tham khảo. - Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính.
2	Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn vận hành	Trung bình	- Mức độ tác động là định tính. - Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính

3.4.2. Về mức độ chi tiết của các đánh giá, dự báo về các tác động môi trường

Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường của Dự án đã tuân thủ trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo hoạt động của Dự án (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của Dự án.

- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.

- Đánh giá, dự báo tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Bảng 3. 48. Mức độ chi tiết của các đánh giá

STT	Các đánh giá, dự báo	Độ chi tiết	Diễn giải
I	*Giai đoạn thi công xây dựng*		
1	Tác động do bụi và khí thải từ quá trình đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục thi công	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm - Chi tiết hóa các tác động trong quá trình thi công của Dự án - Sử dụng hệ số ô hiễm của WHO và công thức để tính toán đánh giá, dự báo
2	Tác động do nước mưa chảy tràn	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng chất ô nhiễm - Sử dụng phương pháp cường độ giới hạn để xác định lượng nước mưa chảy

STT	Các đánh giá, dự báo	Độ chi tiết	Diễn giải
			tràn
3	Tác động do nước thải sinh hoạt	Cao	- Định lượng cụ thể tải lượng và nông độ chất ô nhiễm
4	Tác động do chất thải thi công xây dựng	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
5	Tác động do tiếng ồn và rung	Cao	- Định lượng cụ thể mức ồn, rung cho từng thiết bị - Sử dụng phương pháp tính toán lan truyền tiếng ồn
6	Tác động do chất thải rắn	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
7	Tác động do chất thải nguy hại	Trung bình	- Mức độ tác động ở mức định tính - Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
II	*Giai đoạn vận hành*		
1	Tác động do bụi và khí thải	Trung bình	- Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính và mang tính chất dự báo
2	Tác động do ồn	Trung bình	- Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
3	Tác động do nước thải	Trung bình	- Độ tin cậy trung bình do đánh giá tác động ở mức định tính
III	*Các tác động do rủi ro, sự cố môi trường*		
1	Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng	Trung bình	- Mức độ tác động là định tính - Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
2	Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn vận hành	Trung bình	- Mức độ tác động là định tính - Sử dụng các thông tin để đánh giá theo tài liệu tham khảo - Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính

CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Vì vậy, Dự án không thuộc đối tượng cần thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng dạng sinh học theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

CHƯƠNG 5. THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Dự án không thuộc trường hợp Dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

6.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án

Tóm lược nội dung chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường của Dự án được tóm lược trong bảng 6.1 dưới đây:

Bảng 6.1. Bảng tổng hợp chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Xây dựng	Dự án chiếm dụng vĩnh viễn đ khoảng 577,04 ha đất, gồm: 288,17 ha (rừng đặc dụng: 0,41ha, rừng phòng hộ: 1,66ha, rừng sản xuất: 286,10ha); 113,59 ha đất lúa; 67,85 ha đất trồng cây lâu năm, 23,99 ha đất ở và các loại đất khác	Suy giảm diện tích rừng Thiệt hại kinh tế đối với các hộ làm nông nghiệp và các hộ bị ảnh hưởng về công trình nhà ở,.. Ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý các hộ bị ảnh hưởng Ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội như: mối quan hệ cộng đồng, tâm lý….	- Xây dựng Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. - Thực hiện tốt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được xây dựng theo các quy định của Nhà nước từ trung ương đến cấp tỉnh có tính đến nguyện vọng của người bị ảnh hưởng. - Cung cấp đầy đủ, kịp thời kinh phí GPMB. - Thông báo tới chủ sở hữu - Thực hiện phương án trồng bồi hoàn rừng	Hoàn thành trước khi Dự án đi vào thi công.
	Phá dỡ và san ủi tạo mặt bằng	Ô nhiễm bụi vượt GHCP ở khoảng cách 10 ÷ 40m.	Kiểm soát bụi trong phá dỡ nhà cửa - Tận thu vật liệu: Nhà thầu sẽ tạo điều kiện để người dân có thể tận thu vật liệu từ phế thải phá dỡ. Không	Trong thời gian phá dỡ, san ủi tạo mặt bằng

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			đốt các vật liệu phá dỡ tại khu vực GPMB. - Vận chuyển chất thải: Chất thải không tái sử dụng được sẽ được xử lý như là chất thải rắn. - Tưới nước làm ẩm trong suốt quá trình phá dỡ	
		Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa trong thời gian từ 6h-21h có thể gây ảnh hưởng đến các hộ dân sống trong phạm vi tới 20m tính từ vị trí phá dỡ	Giảm thiểu ô nhiễm ồn từ hoạt động phá dỡ: - Không phá dỡ và vận chuyển phế liệu vào ban đêm: từ 22 giờ đến 6 giờ. - Sử dụng thiết bị có mức phát thải ồn thấp.	nt
		Tác động đến cảnh quan, sinh hoạt cộng đồng, môi trường đất và chế độ dòng chảy do chất thải rắn phát sinh: - Phá dỡ nhà ở các loại, tường xây, phát sinh phế thải gồm đất, đá, gạch vụn,... - Dự án sẽ chặt hạ cây các loại với chủ yếu là cây bụi, hoa màu…	Xử lý chất thải rắn phát sinh từ hoạt động GPMB: - Phân loại và tận thu các chất thải có thể tái sử dụng (sắt, thép, gỗ). - Vận chuyển các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ đến các vị trí cần san lấp mặt bằng. - Nghiêm cấm việc đổ bỏ các loại cây bị chặt hạ xuống kênh. - Thu gom cây chặt hạ và cho phép người dân địa phương tân thu.	Hoàn tất sau 15 ngày tính từ khi kết thúc phá dỡ.

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Rà phá bom mìn	Việc rà phá bom mìn không đúng kỹ thuật hoặc bất cẩn có thể gây tác hại đến sinh mạng chiến sĩ quân đội tham gia rà phá bom mìn và nhân dân chung quanh khu vực	Nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình rà phá bom mìn, công tác dò mìn sẽ được thực hiện tại và xung quanh khu vực thi công và được khẳng định an toàn bởi đơn vị quốc phòng chuyên xử lý các vật liệu gây nổ thông qua hợp đồng kinh tế với chủ Dự án. Diện tích, độ sâu và hành lang an toàn rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án tuân thủ theo đúng Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ ban hành kèm theo Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 59/2022/TT-BQP ngày 30/8/2022 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chuẩn QCVN 01:2022/BQP, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ; Quyết định số 441/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc khắc phục hậu quả chiến tranh bảo đảm yêu cầu trong thi công rà phá bom mìn vật nổ.	nt
Xây dựng	Bụi từ hoạt động thảm bê tông nhựa	Trong bê tông nhựa nóng khi rải trên mặt đường sẽ phát sinh hơi hydrocacbon và một lượng rất nhỏ	- Phòng ngừa: Thay vì sử dụng giải pháp quét thủ công hoặc thổi bụi, nhà thầu xây dựng cần áp dụng biện pháp	Trong suốt thời gian thảm bê tông nhựa

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		hydro sunphua	hút bụi để làm sạch bề mặt. Thực hiện lượm thủ công các rác thải, vật liệu vô cơ lớn trên bề mặt đường trước khi sử dụng thiết bị làm vệ sinh và làm nhám. Đây là các vật sẽ gây cản trở quá trình thi công vệ sinh làm nhám mặt đường, gây hư hỏng thiết bị cũng như làm gia tăng ô nhiễm. Quá trình vệ sinh làm nhám mặt đường sử dụng thiết bị có gầm sàn thấp và thuộc loại được phủ kín nhằm giảm thể tích vùng khoảng không tạo gió gây lôi cuốn bụi; - Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động phòng bụi như khẩu trang, quần áo, kính… cho công nhân khi thi công. - Lập kế hoạch chi tiết tuyến đường, thời gian tiến hành vệ sinh mặt đường tạo nhám, thông báo tới chính quyền và người dân gần tuyến chủ động trong công tác sinh hoạt và kinh doanh	
	- Chất thải rắn sinh hoạt tập trung chủ yếu trong các lán trại công nhân trong công trường	Các loại chất thải này nếu không được thu gom và xử lý có thể thâm nhập vào các nguồn nước kế cận công trường gây ô nhiễm nước tại	- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình thi công theo một Kế hoạch quản lý chất thải - Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được xử	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		kênh khu vực dự án. Đối tượng chính có nguy cơ bị ô nhiễm là hệ thống nước mặt khu vực xây dựng các cầu thuộc dự án trong thời gian thi công..	lý từng bước. - Tất cả các chất thải rắn từ khu vực lán trại công nhân sẽ được thu gom vào dụng 03 thùng rác chuyên dụng phân loại 02 ngăn (rác hữu cơ và vô cơ) có nắp đậy tại mỗi công trường thi công, dung tích khoảng 120 lít/thùng), sau đó đươc thu gom và vận chuyển theo hợp đồng công ty môi trường đô thị của địa phương.	
	Hoạt động đào đắp tạo nền đường và hố móng trên mỗi đoạn và thi công cầu của Dự án; Hoạt động thi công phần trên cầu sẽ làm phát sinh các chất thải như cặn nghiền, gỗ vụn, xỉ than, cặn vữa, bê tông thừa…	- Gây ô nhiễm môi trường không khí do phát tán bụi từ khu vực lưu giữ chất thải thi công. - Gây ô nhiễm đất do đất bị xói mòn do mưa, - Ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong khu vực, - Ảnh hưởng đến cảnh quan, dân cư và giao thông của khu vực, - Gây ô nhiễm nước kênh khu vực xây dựng cầu do chất rắn lơ lửng phát sinh từ chất thải thi công hoặc nước mưa chảy trên bề mặt khu vực lưu giữ chất thải thi công, - Dòng chảy tại đoạn kênh xây dựng cầu bị cản trở do lắng đọng đất trong quá trình thi công trụ cầu dưới nước.	- Tất cả các chất thải xây dựng được thu gom và lưu giữ thích hợp tại các bãi chứa để tái sử dụng. - Cấm thải chất thải thi công xuống kênh hoặc đồng ruộng; - Nhà thầu lưu giữ đất, bùn nhão trong quá trình xử lý đất yếu, vận chuyển về khu vực đổ thải theo quy định. - Tái sử dụng để san lấp mặt bằng các công trình dân dụng. Các loại chất thải này có sẽ được vận chuyển tới nơi cần san lấp tại 04 vị trí đã đạt được thỏa thuận bằng văn bản với chính quyền địa phương	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	- Chất thải rắn chứa dầu (giẻ lau chứa dầu, dầu thải…) phát sinh từ máy móc thi công và trạm bảo dưỡng thiết bị tại mỗi công trường. Các loại chất thải có nguồn gốc hóa học như pin thải, bóng đèn, phát sinh từ lán trại công nhân đặt tại mỗi công trường. Nước thải chứa dầu và dầu thải phát sinh từ trạm bảo dưỡng xe và máy móc.	– Ô nhiễm đất và phá hủy hệ sinh thái trên cạn (đất trồng lúa, cây hoa màu) khu vực nằm sát công trường thi công cầu, Gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận	*Đối với lưu giữ dầu nhiên liệu và dầu thải:* – Khu vực lưu giữ dầu nhiên liệu cần phải có mái che, các phi dầu cần phải dựng thẳng, đặt trên nên bê tông và có tường bê tông (gạch) để phòng ngừa dầu tràn, cách xa dòng chảy tự nhiên ít nhất 200m: – Khu vực bảo dưỡng sẽ được bố trí tạm thời và có hệ thống thu gom dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu thiết bị thi công cơ giới. *Đối với chất thải nguy hại khác:* - Nhà thầu phải 04 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy tại mỗi công trường thi công, dung tích khoảng 120 lít/thùng có gắn mã phân định chất thải nguy hại theo quy định để thu gom, lưu chứa tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh, bảo đảm lưu chứa an toàn; - Thiết đặt khu lưu trữ chất thải nguy hại riêng biệt; - Nhà thầu không tự ý xử lý chất thải nguy hại mà phải chuyển giao cho	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			các đơn vị có chức năng để xử lý	
	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ lán trại, các khu vực bảo dưỡng máy móc, các khu vực đào đắp đường	– Gây ô nhiễm nguồn nước bởi chất rắn, chất hữu cơ, tăng nguy cơ hiện tượng phú dưỡng cho các nguồn tài nguyên nước, gia tăng mầm bệnh...	- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý - Nhắc nhở công nhân đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Xây dựng hệ thống cầu rửa xe và cống để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường thi công vào 01 bể lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, dung tích 6,0 m^3. Nước rửa sau khi được tách dầu và lắng cặn được tận dụng rửa cốt liệu hoặc tưới rửa xe trước khi ra công trường; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và vận chuyển đến vị trí đổ thải phế thải xây dựng. - Nước thải trạm trộn bê tông xi măng và đúc cấu kiện bê tông: Xây dựng tại mỗi công trường thi công 01 bể lắng dung tích khoảng 9,0 m^3 cấu tạo 03 ngăn để thu gom, lắng cặn	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông, không xả thải ra môi trường. - Thu gom toàn bộ nước thải từ khoan cọc nhồi trong thi công cầu, không để chảy ra trực tiếp ra sông do nước thải từ khoan cọc nhồi có chứa Bentonit, nước thải này được thu gom bơm hút vào téc chứa cùng với Bentonit để sử dụng cho các lần khoan tiếp theo, không thải ra ngoài môi trường.	
	Tải nguyên sinh vật	Đối với hệ sinh thái cạn: - Mất đất nông nghiệp và hệ thống cây trồng. - Vùi lấp các hệ sinh thái nông nghiệp. - Ảnh hưởng tiêu cực của bụi đối với sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. - Nguy cơ chặt hạ cây trái phép. Đối với hệ sinh thái nước: - Gây ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh. - Xói mòn và lắng đọng gây ảnh hưởng bất lợi tới đời sống thủy sinh	- Việc chặt cây trong quá trình thi công cần phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế. - Hạn chế ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn, nước thải, dầu mỡ đến các hệ sinh thái nước có trong khu vực dự án. - Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý phù hợp nhằm tránh tình trạng đổ trực tiếp ra môi trường. - Chất thải nguy hại phải được lưu giữ, quản lý và xử lý phù hợp đặc biệt là đối với dầu mỡ thải.	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Ngăn ngừa xói mòn và tràn đổ đất xuống các dòng chảy tự nhiên trong mùa mưa. - Các khu vực bị chiếm dụng tạm thời cần phải được hoàn nguyên môi trường sau khi kết thúc việc thi công.	
	+ Hoạt động thi công đường gom, nút giao, công trình cầu	+ Mức ồn vào ban ngày, các khu dân cư (trong phạm vi ≤20m sẽ bị ảnh hưởng bởi tình trạng ô nhiễm ồn) + Rung động: Ngoài phạm vi 10m tính từ máy móc và thiết bị thì mức rung mới đạt ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT	- Sử dụng máy móc, thiết bị vẫn còn đăng kiểm, đảm bảo tiêu chuẩn mức ồn, mức rung theo quy định. - Thay thế các thiết bị, máy móc cũ, đảm bảo mức rung đạt ngưỡng giới hạn cho phép. - Yêu cầu nhà thầu thi công hạn chế hoạt động các máy móc thiết bị đồng thời để giảm mức ồn tích lũy.	nt
	Lưu giữ tạm vật liệu tại công trường	Khi xâm nhập nước kênh gây ra ô nhiễm nước bởi độ đục và chất rắn lơ lửng, + Khi xâm nhập nguồn nước mặt sẽ gây ra suy giảm chất lượng nước bởi độ đục và chất rắn lơ lửng, dầu mỡ… + Nước chảy tràn kéo theo bùn đất xuống tuyến thoát nước dọc đường sẽ gây lầy lội, mất vệ sinh môi trường và ảnh hưởng tới sinh hoạt cộng đồng của dân cư quanh khu vực dự án	- Ngăn ngừa xói mòn và tràn đổ đất xuống các dòng chảy tự nhiên trong mùa mưa. - Hoàn nguyên môi trường sau khi thi công.	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Đổ đất đá loại	Đất đá loại tràn đổ từ khu vực cần san lấp có thể gây ra tình trạng lầy hóa tại các khu vực dân cư kế cận bãi đổ thải qua đó làm ảnh hưởng đến sinh hoạt cộng đồng dân cư trong khu vực. Trong quá trình vận chuyển đất đá loại có thể tràn đổ ra các tuyến đường vận chuyển gây lầy hóa, trơn trượt vào thời gian có mưa.	- Đất đá loại tràn đổ từ khu vực cần san lấp có thể đầm chặt, việc này vừa hạn chế khả năng xói và tràn đổ ra các khu vực xung quanh đồng thời tạo điều kiện cho địa phương có mặt bằng bố trí các công trình công cộng và ngăn ngừa tràn đất ra khu vực xung quanh.	36 tháng thi công
	Tập trung công nhân	Nguy cơ mất an ninh trật tự do tập trung công nhân.	- Giáo dục và quản lý người lao động nhằm ngăn ngừa các tệ nạn như rượu chè, cờ bạc và đánh nhau giữa các công nhân và giữa công nhân với người dân địa phương; - Đăng ký tạm trú cho công nhân với công an địa phương;	36 tháng thi công
		Lan truyền dịch bệnh	- Cung cấp nước đủ sạch để sử dụng trong sinh hoạt và lựa chọn các nguồn thực phẩm an toàn. - Thường xuyên vệ sinh môi trường khu vực lán trại. - Cung cấp đầy đủ trang thiết bị y tế ở tất cả các công trường thi công để	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			cấp phát thuốc, chăm sóc sức khỏe, sơ cứu, trong trường hợp ốm đau hoặc tại nạn lao động.	
	Hoạt động thi công Hoạt động vận chuyển vật liệu bằng đường bộ và đường thủy sử dụng các Quốc lộ, tỉnh lộ và các đường địa phương	- Nguy cơ tai nạn ùn tắc và tai nạn giao thông tại vị trí xây dựng. - Hư hại tiện ích cộng đồng do vận chuyển trên các đường cấp thấp	- Không tập kết các phương tiện máy móc thi công của Dự án trên đoạn tuyến giao cắt với đường địa phương hiện hữu. - Các lái xe của Dự án và công nhân thi công phải hiểu và tuân thủ các quy định về an toàn giao thông và không được uống rượu, sử dụng ma túy. - Phối hợp với cảnh sát giao thông địa phương điều khiển dòng xe trên đường bộ. - Áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường vừa thi công vừa khai thác theo các quy định hiện hành, Thông tư TT50/2015/TT-BGTVT: - Lắp đặt biển báo, đèn báo và tổ chức hướng dẫn giao thông. - Không vận chuyển quá tốc độ. - Che chắn trong quá trình vận chuyển.	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Tác động do đổ thải	- Ô nhiễm không khí bởi bụi dọc theo các tuyến đường vận chuyển. - Xói lở và bồi lắng ảnh hưởng đến hệ sinh thái nước - Tác động đến hoạt động giao thông	- Xác định phạm vi (chiều rộng, chiều dài bãi đổ) và đắp bờ quây xung quanh phạm vi này (bờ quây ngoài) có chiều cao bằng chiều cao san nền đảm bảo chắc chắn không xảy ra sự cố. - Đền bù các diện tích đất còn lại cho người dân nhằm đảm bảo mặt bằng thông thoáng trong quá trình đổ thải. - Kiểm tra, giám sát quá trình đổ thải, không để đất tràn đổ ra khu vực xung quanh không thuộc phạm vi đổ thải. - Rào chắn xung quanh bãi thải và cắm biển cảnh báo hạn chế tiếp cận, san ủi khu vực đổ thải và ổn định các mái dốc hình thành trong quá trình đổ thải, rãnh thoát nước xây dựng rãnh thu nước và hố lắng với khoảng cách 100m/hố lắng xung quanh vị trí đổ thải;	36 tháng thi công

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Tác động đến giao thông do hoạt động thi công	* Giao thông đường bộ - Hư hại đường, gián tiếp gây thiệt hại cho người dân địa phương sử dụng đường hàng ngày và các tuyến đường liên xã. - Ùn tắc và tai nạn giao thông	- Phối hợp với cảnh sát giao thông địa phương điều khiển dòng xe trên đường vận chuyển nguyên vật liệu. - Hoạt động thi công sẽ được tiến hành vào giờ thấp điểm để không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trên đường. - Thỏa thuận với địa phương khi sử dụng đường liên thôn, liên xã để vận chuyển.	36 tháng thi công
Rủi ro, sự cố môi trường	Sự cố do tàn dư vật liệu nổ trong chiến tranh	Gây ra rủi ro đối với công nhân thi công và dân cư trong vùng không chỉ giới hạn trong thời gian thi công, thậm chí sau khi Dự án được đưa vào khai thác.	- Thông báo tới địa phương, cộng đồng trước khi tiến hành các công tác khảo sát vật liệu nổ. - Thực hiện khảo sát xác định vật liệu nổ còn sót lại. - Xử lý, loại bỏ các vật liệu nổ ra khỏi khu vực dự án.	Hoàn thành trước khi Dự án đi vào thi công.
	Hoạt động của các thiết bị xây dựng	Sự cố cháy nổ	- Quy định về lưu giữ vật liệu dễ cháy. - Bố trí phương tiện phòng cháy trong các công trình xây dựng. - Huấn luyện chữa cháy.	nt

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Hoạt động thi công	Nguy cơ tai nạn lao động	Thực hiện các quy định về an toàn lao động - Nhà đầu tư sẽ thiết lập các quy định về an toàn lao động trong quá trình xây dựng. - Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh, an toàn lao động. - Người làm việc được trang bị đầy đủ với các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết. - Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc tương xứng để đảm bảo an toàn lao động trong thời gian thực hiện của dự án. - Thiết lập kế hoạch ứng phó	Trong thời gian thi công phần trên các cầu.
		Sự cố ngộ độc thực phẩm	- Nguồn thực phẩm cung cấp cho công nhân cần biết rõ nguồn gốc xuất xứ và được đảm bảo an toàn. - Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực lán trại công nhân.	36 tháng thi công
Vận hành	- Vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ công trình giao thông và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến. - Hoạt động của nhà trực trạm thu phí trên tuyến. - Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến.	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình làm việc và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến với khối lượng khoảng 5,0 kg/ngày	- Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nghân viên tại trạm trực thu phí vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định	Trong toàn bộ thời gian vận hành

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động của Dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Phát sinh chất thải nguy (pin thải) từ hoạt động chiếu sáng, các linh kiện điện tử hỏng; rất ít mực in thải, vỏ hộp mực in thải hoặc thiết bị điện từ hỏng của máy móc thiết bị. Khối lượng ước tính khoảng 2-3 kg/đợt bảo dưỡng.	- Toàn bộ chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để chất thải nguy hại lẫn với CTR sinh hoạt thông thường và yêu cầu cán bộ công nhân viên tại nhà trực trạm thu phí nghiêm chỉnh chấp hành quy định phân loại rác thải tại nguồn.	Trong toàn bộ thời gian vận hành
		Phát sinh nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại khu trực trạm thu phí khoảng 1,5 m^3/ngày đêm.	- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà trực thu phí được thu gom về hệ thống của nhà điều hành chung với nhà trực thu phí của Nút giao Cao Bồ với QL 10	Trong toàn bộ thời gian vận hành
		Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.	- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa kịp thời các hư hỏng trên tuyến; - Xem xét lắp tường chống ồn tại tại các vị trí đường cao tốc đi qua khu vực dân cư đông đúc.	Trong toàn bộ thời gian vận hành

6.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án

6.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

*** Chương trình quan trắc chất lượng môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

Bảng 6.2. Chương trình giám sát giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

TT	Hạng mục giám sát	Giai đoạn thực hiện dự án (Chuẩn bị và thi công xây dựng)
1	Thông số giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn và rung động	Tổng bụi lơ lửng (TSP), Laeq, Lveq
2	Vị trí	- Tại 18 vị trí: (1) KDC thôn Mục Lan, xã Tân Quang Km104+200, (2) KDC Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ Km115+700, (3) KDC Thôn Khuổi Thài, xã Linh Hồ, Km117+900, (4) KDC Đội 30, xã Linh Hồ km120+600, (5) KDC Đội 5, xã Linh Hồ tại km122+300, (6) Khu vực chùa Nậm Dầu, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên Km126+900, (7) KDC thuộc xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang Km128+100, (8) KDC thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang Km140+500, (9) Khu vực trường học Đoàn Kết, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km142+100), (10) KDC thôn Bản Lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km144+200), (11) KDC đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km146+000), (12) KDC thôn Lép, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km149+600), (13) KDC thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km150+700), (14) Khu vực trường Tiểu học Phương Độ, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km151+600), (15) KDC thuộc phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km152+100), (16) thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km156+600), (17) KDC thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km157+400), (18) KDC thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km159+400)
3	Tần suất giám sát	3 tháng/lần trong suốt thời gian thi công theo tiến độ thi công của dự án (

TT	Hạng mục giám sát	Giai đoạn thực hiện dự án (Chuẩn bị và thi công xây dựng)
4	Tiêu chuẩn so sánh	QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2025/BTNMT, QCVN 27:2025/BTNMT

- Vị trí quan trắc: được trình bày ở bảng 6.2 và hình 6.1

*** Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, vật liệu thải và chất thải nguy hại:**

- Vị trí giám sát: Tất cả các vị trí có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, thùng chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

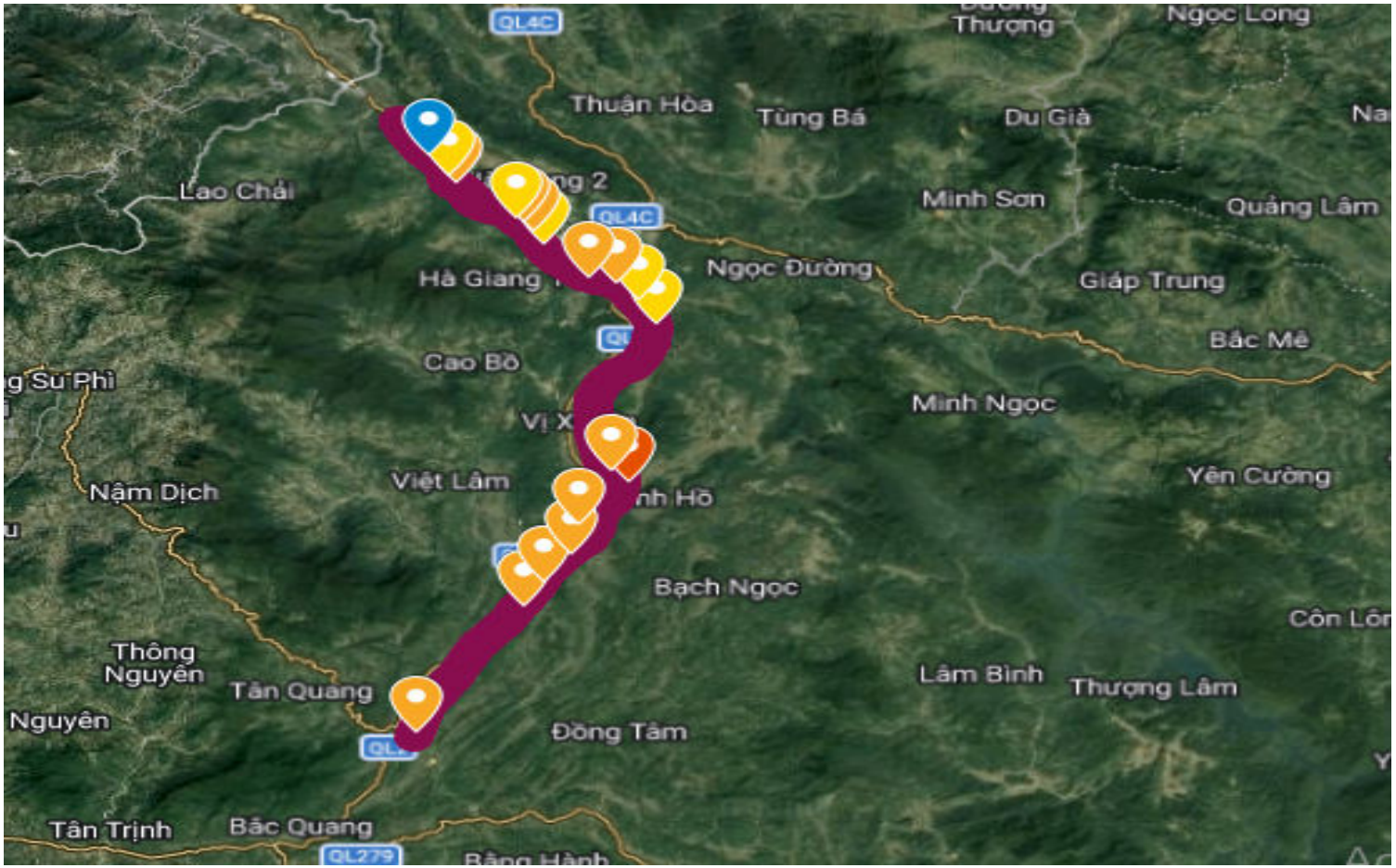
- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp thu gom, vận chuyển đất, đá, vật liệu thải, phế thải; phương án vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; giám sát sạt lở, sụt lún, ngập úng tại các khu vực đổ thải của dự án; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 và các quy định khác có liên quan.

6.2.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành

Bảng 6.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành

TT	Hạng mục giám sát	Giai đoạn thực hiện dự án (vận hành)
1	Thông số giám sát	- Giám sát sụt lún nền đường và xói lở dọc tuyến đường - Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng cục bộ.
2	Vị trí	- Tại các vị trí xử lý nền đất yếu. - Tại các vị trí cống thoát nước ngang đường và cống thoát nước trên đường gom.
3	Tần suất giám sát	- Giám sát định kỳ trong giai đoạn bảo hành công trình (2 năm đầu khi dự án đi vào vận hành).



Hình 6.1. Sơ đồ giám sát không khí giai đoạn thi công

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Việc thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trong giai đoạn xây dựng và vận hành có thể sẽ tạo ra những tác động tiêu cực đối với môi trường khu vực dự án:

- ***Trong giai đoạn xây dựng dự án:***

+ Tác động đến kinh tế -xã hội khu vực do thu hồi đất lâm nghiệp, đất thổ cư và đất sản xuất (đất nông nghiệp, đất thổ cư, đất trồng cây hàng năm,...) trên địa bàn dự án.

+ Tác động đến chất lượng không khí, chất thải rắn bởi quá trình phá dỡ, san ủi tạo mặt bằng thi công, do hoạt động thi công xây dựng tuyến đường, cầu, trạm thu phí và hoạt động vận chuyển...;

+ Tác động đến chất lượng nước do nước thải, nước mưa chảy tràn, xói mòn đất, tràn đổ đất...;

+ Tác động đến sức khỏe cộng đồng do tiếng ồn bởi hoạt động thi công;

+ Tác động cảnh quan môi trường, chất lượng đất bởi chất thải rắn;

+ Những ảnh hưởng tiềm ẩn đến hoạt động giao thông do thi công tuyến đường, cầu, nút giao và vận chuyển vật liệu;

+ Tác động đến kinh tế - xã hội do hoạt động thi công, tập trung công nhân;

+ Tác động đến hệ sinh thái khu vực do hoạt động chiếm dụng đất nông nghiệp, các loại đất khác và hoạt động thi công các hạng mục công trình;

- ***Trong giai đoạn vận hành:***

+ Bụi, ồn, rung, các rủi ro và sự cố: Sự cố về kỹ thuật, cháy nổ, mất an toàn giao thông.

Nhìn chung, các tác động của dự án đều ở mức trung bình, khả năng hồi phục do những tác động bởi hoạt động thi công là lớn. Những tác động này đều được dự báo đầy đủ, một số được lượng hóa cụ thể. Mặc dù vậy một số dự báo về các tác động, đặc biệt là đối với chất lượng môi trường không khí, chất lượng nước mặt,… dựa trên các đánh giá nhanh nên có độ chính xác tương đối, cần có giám sát tại nguồn phát thải và các đối tượng tiếp nhận để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp, kịp thời.

Tương ứng với từng tác động tiêu cực đến môi trường nhóm tác giả đã xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động và các rủi ro, sự cố dựa trên cơ sở từng nguyên nhân gây tác động và với mục đích giảm thiểu ngay từ nguồn. Những biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu có hiệu quả và có tính khả thi trong việc áp dụng ngoài thực tế.

Trên cơ sở những tác động tới xấu tiêu cực tới môi trường và những biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được xây dựng, một chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường được thiết lập nhằm xây dựng khung quản lý và giám sát môi trường trong suốt vòng đời của dự án, gồm: Giai đoạn triển khai dự án và vận hành. Các hạng mục giám sát bao gồm: chất lượng không khí, ồn, rung và nước thải. Chủ đầu tư - Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông chịu trách nhiệm về công tác quản lý môi trường và giám sát môi trường.

Công tác tham vấn đã được thực hiện theo đúng yêu cầu của Luật BVMT năm 2020 và theo hướng dẫn của TT02/2022/TT-BTNMT. Đối tượng tham vấn bao gồm: đại diện của UBND các xã/phường trong phạm vi Dự án.

Báo cáo ĐTM được gửi tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xin ý kiến tham vấn. Các kết quả tham vấn được tiếp thu và giải trình trong báo cáo.

2. Kiến nghị

Dự án rất cần sự phối hợp và hỗ trợ của UBND tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang trên cùng với các xã/phường nằm trên địa bàn dự án để thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

Kiến nghị UBND các địa phương có dự án đi qua phối hợp với chủ dự án trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đúng tiến độ và sớm bàn giao mặt bằng sạch cho dự án.

Ngoài ra, Chủ dự án mong sự phối hợp chặt chẽ của Công An, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, y tế địa phương trong việc quản lý, phòng chống sự cố, cháy nổ,… giai đoạn thi công.

3. Cam kết

Chủ đầu tư - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang cam kết:

1. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường đã được đề xuất tại Chương 5, bao gồm những biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, xây dựng các công trình xử lý môi trường và thực hiện công tác giám sát môi trường sau khi báo cáo ĐTM của Dự án được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

Trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định, các tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường nhằm bảo đảm chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm và trầm tích đạt các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường, bao gồm:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam về môi trường:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26: 2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung động;

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

+ QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

+ QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ QCVN 03: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;

+ QCVN 43:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích;

+ QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

+ QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ

+ Các tiêu chuẩn môi trường của các Tổ chức Quốc tế và khu vực xây dựng như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO);

2. Cam kết với cộng đồng dân cư:

- Chủ dự án cam kết các thông tin, số liệu, tài liệu sử dụng trong báo cáo ĐTM chính xác, trung thực.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của dự án, đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giải pháp thiết kế, thi công công trình phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận, đảm bảo không gây các tác động tiêu cực khu vực dự án và khu vực lân cận; đảm bảo an toàn, ổn định công trình trong suốt giai đoạn thi công và hoạt động. Chỉ được phép triển khai thi công xây dựng công trình khi các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công được cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận để đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; đối với đất trồng lúa; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 5 thông qua ngày 18/1/2024.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo không ảnh hưởng đến công trình, cảnh quan, môi trường.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống lụt bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Thanh thải lòng kênh mương, lòng suối, tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường, cháy nổ, an toàn lao động, tai biến địa chất, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến các yếu tố nhạy cảm về môi trường đã nêu.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thạc Cán và tập thể tác giả - *Đánh giá tác động môi trường. Phương pháp luận và kinh tế thực tiễn* - NXB Khoa học Kỹ thuật Hà Nội - 1992;
2. GS.TSKH Phạm Ngọc Đăng - *Ô nhiễm môi trường không khí* - NXB Khoa học Kỹ thuật, 1997;
3. Trung tâm đào tạo ngành nước và môi trường - *Sổ tay xử lý nước* - NXB Khoa học và Kỹ thuật;
4. Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang năm 2025;
5. Tổ chức Y tế thế giới - Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution – 1993;
6. Quản lý chất thải rắn, *Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, năm 2019;*
7. Sổ tay xử lý nước, *Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, năm 2015;*
8. Các tài liệu về hướng dẫn đánh giá tác động môi trường.
9. Tài liệu điều tra và tính toán thủy văn do Tư vấn thiết kế của Dự án thực hiện

PHỤ LỤC I

VĂN BẢN PHÁP LÝ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

Căn cứ Văn bản số 611/TTg-CN ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư 05 tuyến đường bộ cao tốc: Bắc Kạn - Cao Bằng, Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), Vinh - Thanh Thủy, Quảng Ngãi - Kon Tum, Quy Nhơn - Pleiku;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương;

Căn cứ Văn bản số 289-TB/VPTW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc thông báo kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại chương trình làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang;

Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và Báo cáo thẩm tra số 199/BC-HĐND ngày 08 tháng 12

năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến của khẩu quốc tế Thanh Thủy, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là dự án trọng điểm của tỉnh. Việc đầu tư xây dựng dự án nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 57,87 Km.

- Dự án được thiết kế theo Tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc (TCVN 5729:2012).

- Quy mô mặt cắt ngang: Bnền = 25,25m (Bề rộng mặt đường B_m =4x3,75m; Bề rộng rải phân cách giữa B_{pc} = 0,75m; Bề rộng dải an toàn giữa B_{at}=2x1,0m; Bề rộng làn dừng khẩn cấp B_{kc}=2x3,0m; Bề rộng lề đất $B_{lề}$ =2x0,75m;).

+ Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1 (Km27+295) thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm cuối: Km162+164 (tại Km307+500 Quốc lộ 2) kết nối với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

3. Tổng mức đầu tư: 14.802.262.000.000 đồng *(Mười bốn nghìn, tám trăm linh hai tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu đồng).*

4. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách trung ương.

5. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí

- Vốn ngân sách trung ương năm 2025: 100.000.000.000 đồng *(Quyết định số 1566/QĐ-TTG ngày 19/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ).*

- Vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030: 14.702.000.000.000 đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy, Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2025-2030.

8. Nội dung khác: Dự kiến quy mô diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án là 288,17ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Xây dựng;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh uỷ; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (G).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Minh Xuân

SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; 27/01/2026; 10:04:14; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 157 /QĐ - UBND	*Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ - HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ - UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thành lập Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Giang; Quyết định số 02/QĐ - UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tiếp nhận Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Giang thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quản lý;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh tại Văn bản số 04/BDACT - QLDA2 ngày 06 tháng 01 năm 2026; đề xuất của Sở Tài chính tại Văn bản số 373/STC - ĐTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc tham mưu giao chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh làm Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh:

- Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nhiệm vụ được giao theo quy định.

2. Giao các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tân Quang, Vị Xuyên, Linh Hồ, Phú Linh, Thanh Thủy, Hà Giang 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tân Quang, Vị Xuyên, Linh Hồ, Phú Linh, Thanh Thủy, Hà Giang 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước - Khu vực VIII và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
(Báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- VNPTioffice;
- Lưu: VT, QHĐTXD (Dũng gt).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phan Huy Ngọc

BBTQ01+02+03+03A
+09A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang.

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh;

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. THÀNH PHẦN THAM GIA

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Vinh Quang và thôn Tân Tiến xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Tân Quang.

Ông: Thiều Văn Hoàn - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Bùi Đức Toàn - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Tân Quang. (Vắng mặt)

4. Đại diện thôn Tân Tiến

Ông: Phan Văn Thảo - Chức vụ: Trưởng thôn Tân Tiến.

5. Đại diện thôn Vinh Quang

Ông: Vũ Đức Minh - Chức vụ: Trưởng thôn Vinh Quang.

6. Các hộ gia đình, cá nhân.

- Trịnh Xuân Hiển - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Hà Đức Điện - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Vương Kim Nhung - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Đức Lai - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Vương Tiến Lượng - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Văn Thụ - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Hoàng Thành Quang - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Đào Văn Vân - Địa chỉ: thôn Tân Tiến;

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Vinh Quang; thôn Tân Tiến xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Thuộc đất của các hộ gia đình, tổ chức:

- Trịnh Xuân Hiển - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Hà Đức Điện - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Vương Kim Nhung - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Đức Lai - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Vương Tiến Lượng - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- UBND xã Tân Quang - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Nguyễn Văn Thụ - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Hoàng Thành Quang - Địa chỉ: thôn Vinh Quang;
- Đào Văn Vân - Địa chỉ: thôn Tân Tiến;

- Diện tích: 4,5 ha Chiều cao dự kiến đổ: 3,0 m.
- Loại đất: CLN; BHK; LUK; ONT; TMD;NHK.
- Trữ lượng dự kiến 110.000. m^3
- Phần diện tích đất LUK *(đất lúa hiện trạng là đất thụt lún, người dân đã bỏ hoang lâu và không trồng cấy được).*

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình có mặt tham gia cuộc họp đề nghị Ban quản lý dự án, UBND xã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây cối, tài sản trên đất thực hiện cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý bàn giao lại quyền sử dụng đất cho UBND xã Tân Quang

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Quá trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	**PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN QUANG**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tú	Chiều Văn Hoàn
THÔN VINH QUANG	**THÔN TÂN TIẾN**
Vũ Đức Minh.	Phan Văn Thảo

A. CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Khắc Dương - Ký tên:.....

Ông: Quán Anh Hiếu - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Tân Quang

Ông: Bùi Đức Toàn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA

Trịnh Xuân Hiến - Ký tên:.....

Hà Đức Điện - Ký tên:.....

Vương Kim Nhung - Ký tên:.....

Nguyễn Văn Hùng - Ký tên:.....

Nguyễn Đức Lai - Ký tên:.....

Trần Văn Quang - Ký tên:.....

Vương Tiến Lượng - Ký tên:.....

Nguyễn Văn Thụ - Ký tên:.....

Hoàng Thành Quang - Ký tên:.....

Đào Văn Vân - Ký tên:.....

BTT 04+05+06+07+08+09+10+11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Mục Lạn, thôn Mỹ Tân xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Tân Quang.

Ông: Thiều Văn Hoàn - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Bùi Đức Toàn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Tân Quang. (Vắng mặt)

Ông: - Chức vụ: Phó trưởng công an xã.

4. Đại diện thôn Mục lạn

Ông: Hoàng Văn Thiện - Chức vụ: Trưởng thôn Mục Lạn

5. Đại diện thôn Mỹ Tân

Ông: Trần Văn Hoàng - Chức vụ: Trưởng thôn Mỹ Tân

6. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông/bà: Nguyễn Quang Vinh - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/bà: Trần Văn Thao - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/bà: Phạm Văn Huỳnh - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/bà: Trần Quốc Tuấn - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Trần Văn Thành - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Lương Đại Tề - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Hoàng Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Vương Thị Nhuộm - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Vũ Đức Thắng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Lưu Trần Hùng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Tạ Văn Điệt - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Lưu Thị Lợi - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Lưu Thị Ích - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Vượng Xuân Dương - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Hoàng Văn Thiện - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Vũ Đức Thắng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Lại Đình Ba - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Hoàng Thị Lản - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Vòong Phùng Hồng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Cổ Say Phạt - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/bà: Hoàng Văn Chính - Địa chỉ: thôn Mục Lạn

III. Kết quả rà soát.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Mục Lạn; thôn Mỹ Tân xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Thuộc đất của các hộ gia đình, tổ chức:

Ông/Bà: Nguyễn Quang Vinh - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/Bà: Trần Văn Thao - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/Bà: Phạm Văn Huỳnh - Địa chỉ: thôn Mỹ Tân
Ông/Bà: Trần Quốc Tuấn - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Trần Văn Thành - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Lương Đại Tề - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Hoàng Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Vương Thị Nhuộm - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Vũ Đức Thắng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Lưu Trần Hùng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Tạ Văn Điệt - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Lưu Thị Lợi - Địa chỉ: thôn Mục Lạn

Ông/Bà: Lưu Thị Ích - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Vương Xuân Dương - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Hoàng Văn Thiện - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Vũ Đức Thắng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Lại Đình Ba - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Hoàng Thị Làn - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Vòong Phùng Hồng - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Cổ Say Phạt - Địa chỉ: thôn Mục Lạn
Ông/Bà: Hoàng Văn Chính - Địa chỉ: thôn Mục Lạn

- Diện tích: 2,5ha. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.
- Loại đất: CLN; BHK; LUK; ONT; TMD;NHK
- Trữ lượng dự kiến: 113.000. m^3

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình có mặt tham gia cuộc họp đề nghị Ban quản lý dự án, UBND xã thực hiện bồi thường hỗ trợ cây cối, hoa mầu, tài sản trên đất khi thực hiện dự án để làm bãi đổ thải của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Ý kiến ông Lương Đại Tề, hiện nay cây cối gia đình tôi nhiều gia đình tôi không có nhu cầu đổ thải đề nghị các cấp có thẩm quyền đưa hộ gia đình tôi ra ngoài danh sách đổ thải.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ thải sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý bàn giao lại quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn Mục Lạn, Mỹ Tân và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Quá trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản này đã được thông qua tại cuộc họp, tất cả thành phần tham gia đều nhất trí, thống nhất ký tên xác nhận dưới đây làm căn cứ pháp lý để Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Long Tế

PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN QUANG

Chiêu Văn Hoàn

CÔNG AN XÃ (Vắng mặt)

ĐẠI DIỆN THÔN MỤC LẠN

Hoàng Văn Thoảng

ĐẠI DIỆN THÔN MỸ TÂN

Trần Văn Hoàng

Cty CP TVXD A22

Nguyễn Đình Long

CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông/Bà: Nguyễn Quang Vinh Ký tên:.....

Ông/Bà: Trần Văn Thao Ký tên:.....

Ông/Bà: Phạm Văn Huỳnh Ký tên:.....

Ông/Bà: Trần Quốc Tuấn Ký tên:.....

Ông/Bà: Trần Văn Thành Ký tên:.....

Ông/Bà: Lương Đại Tề Ký tên:.....(Vắng mặt)

Ông/Bà: Hoàng Văn Hùng Ký tên:.....

Ông/Bà: Vương Thị Nhuộm Ký tên:.....

Ông/Bà: Vũ Đức Thắng Ký tên:.....

Ông/Bà: Lưu Trần Hùng Ký tên:.....(Vắng mặt)

Ông/Bà: Tạ Văn Điệt Ký tên:.....(Vắng mặt)

Ông/Bà: Lưu Thị Lợi Ký tên:.....

Ông/Bà: Lưu Thị Ích Ký tên:.....

Ông/Bà: Vương Xuân Dương Ký tên:.....(Vắng mặt)

Ông/Bà: Hoàng Văn Thiện Ký tên:.....

Ông/Bà: Vũ Đức Thắng Ký tên:.....

Ông/Bà: Lại Đình Ba Ký tên:.....(Vắng mặt)

Ông/Bà: Hoàng Thị Lản Ký tên:.....

Ông/Bà: Vòong Phùng Hồng Ký tên:.....

Ông/Bà: Cổ Say Phạt Ký tên:.....

Ông/Bà: Hoàng Văn Chính Ký tên:.....

BTTQ12 + BTTQ13+14+15+16+17+18+19+20+21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang.

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. THÀNH PHẦN THAM GIA.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn **Bản Cướm** (thôn Bản Tân cũ) xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Tân Quang.

Ông: Thiều Văn Hoàn - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Tăng Văn Thành - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Tân Quang: (vắng mặt)

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đặng Văn Đàm - Chức vụ: BT chi bộ thôn **Bản Cướm**

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông/Bà: Lưu Văn Minh - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lý Văn Tiến - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Trương Văn Hiền - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Chương Văn Giàng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bàn Văn Hộn - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lê Thanh Nghị - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lê Thị Dung - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Trần Văn Quang - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Phạm Văn Bảo - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Triệu Chòi Phin - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bàn Văn Kiên - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lò Văn Lăm (Phạm Thị Chát)- Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bàn Văn Hiệu - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bùi Văn Bích- vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Phạm Thị Tuyết -vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Phạm Thị Yêng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bàn Văn Nặng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Bàn Văn Tâm - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nguyễn Thị Phương- vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Vũ Thi Luyến- vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lý Chỉnh Ly - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nguyễn Văn Chiến - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Trương Văn Vinh - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Trần Văn Dẻo - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nguyễn Thanh Nghị - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nguyễn Văn Tuyến - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: **UBND (MN)** - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nguyễn Uyên Hùng - vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lương Văn Minh- vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Nông Tiến Tư - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm
Ông/Bà: Lù Văn Hương - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn **Bản Cưởm** xã Tân Quang tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi số 12:BTTQ12

Ông/Bà: Lưu Văn Minh - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lý Văn Tiến - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Trương Văn Hiền - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 5000 m2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: RSX; BHK.

- Ý kiến của các hộ gia đình có mặt tham gia: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 13:BTTQ13

Ông/Bà: Chương Văn Giàng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bàn Văn Hộn - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lê Thanh Nghị - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lê Thị Dung - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Trần Văn Quang - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Phạm Văn Bảo - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Triệu Chòi Phin - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bàn Văn Kiên - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lò Văn Lăm (Phạm Thị Chát)- Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bàn Văn Hiệu - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bùi Văn Bích vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Phạm Thị Tuyết vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Phạm Thị Yêng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Chương Văn Giàng - Địa chỉ:thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bàn Văn Nặng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Bàn Văn Tâm - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Nguyễn Thị Phương vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Vũ Thi Luyến vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 139.000 m2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: LUA; RSX; CLN.

- Ý kiến của các hộ gia đình có mặt tham gia: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 14:BTTQ14

Bà: Lý Chinh Ly - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 4.900 M2 . Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: BHK; CLN;LUK hiện trạng là ruộng thụt nhiều năm không canh tác trồng lúa.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho gia đình tiếp tục sử dụng.

Bãi số 15:BTTQ15

Ông/Bà: Nguyễn Văn Chiến- chưa tìm được chủ sử dụng đất – không tham gia cuộc họp.

- Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 8.400 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: NTS; CLN, BHK.

Bãi số 16:BTTQ16

Ông/Bà: Trương Văn Vinh - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Trần Văn Dẻo - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 9.400 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: CLN, BHK; NTK kiểm tra lại diện tích NTS và loại bỏ phần diện tích đất NTS.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 17: BTTQ17

Ông/Bà: Nguyễn Văn Tuyến - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 16,500 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: CLN; NHK; NTS kiểm tra lại diện tích NTS và loại bỏ phần diện tích NTS.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 18: BTTQ18

Ông/Bà: **UBND (MN)** - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Nguyễn Uyên Hùng- Vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lương Văn Minh –vắng - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 5.000 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: BHK, CLN.

Bãi số 19: BTTQ19

Ông/Bà: Nông Tiến Tư - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Nguyễn Thị Nổi - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

Ông/Bà: Lù Văn Lương - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 11.000 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: NHK; CLN; NTS kiểm tra lại diện tích NTS và loại bỏ phần diện tích NTS.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 20:BTTQ20

Ông/Bà: Lù Văn Hương - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 1.5000 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: NTS.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Bãi số 21:BTTQ21

Ông/Bà: Nguyễn Trung Thịnh - Địa chỉ: thôn Bản Cưởm

- Diện tích: 500 M2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

- Loại đất: CLN

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng cho các hộ gia đình, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Số diện tích, trữ lượng có thể thay đổi sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình có mặt tham gia cuộc họp nhất trí cho đổ thải phục vụ dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 40 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN QUANG**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Long Tú	Chiêu Văn Hoàn
Ký CP TVXD A22	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tăng	Đặng Văn Đàm

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Tân Quang.

Ông: Thiều Văn Hoàn - Ký tên:.....

Ông: Tăng Văn Thành - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông/Bà: Trịnh Xuân Hiến Ký tên:.....

Ông/Bà: Lưu Văn Minh Ký tên:.....

Ông/Bà: Lý Văn Tiến Ký tên:.....

Ông/Bà: Trương Văn Hiền Ký tên:.....

Ông/Bà: Chương Văn Giàng Ký tên:.....

Ông/Bà: Bàn Văn Hộn Ký tên:.....

Ông/Bà: Lê Thanh Nghị Ký tên:.....

Ông/Bà: Lê Thị Dung Ký tên:.....

Ông/Bà: Trần Văn Quang Ký tên:.....

Ông/Bà: Phạm Văn Bảo Ký tên:.....

Ông/Bà: Triệu Chỏi Phin Ký tên:.....

Ông/Bà: Bàn Văn Kiên Ký tên:.....

Ông/Bà: Lò Văn Lãm (Phạm Thị Chát) Ký tên:.....

Ông/Bà: Bàn Văn Hiệu Ký tên:.....

Ông/Bà: Bùi Văn Bích Ký tên:.....

Ông/Bà: Phạm Thị Tuyết Ký tên:.....

Ông/Bà: Phạm Thị Yêng Ký tên:.....

Ông/Bà: Bàn Văn Nặng Ký tên:.....

Ông/Bà: Bàn Văn Tâm Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Thị Phương Ký tên:.....

Ông/Bà: Vũ Thi Luyến Ký tên:.....

Ông/Bà: Lý Chinh Ly Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Văn Chiến Ký tên:.....

Ông/Bà: Trương Văn Vinh Ký tên:.....

Ông/Bà: Trần Văn Dẻo Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Thanh Nghị Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Văn Tuyến Ký tên: Nguyễn Văn Tuyến

Ông/Bà: **UBND (MN)** Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Uyên Hùng Ký tên:.....

Ông/Bà: Lương Văn Minh Ký tên:.....

Ông/Bà: Nông Tiến Tư Ký tên:.....

Ông/Bà: Nguyễn Thị Nổi Ký tên:.....

Ông/Bà: Lù Văn Lương Ký tên:.....

Ông/Bà: Lù Văn Hương Ký tên:.....

Ông Nguyễn Trung Thành Ký tên:

RT BTLH02A +03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 04 tháng 08 năm 2026 tại hội trường thôn Hai Luồng xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Thèn Chúng Tài - Chức vụ: trưởng thôn Hai Luồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Mã Văn Đại - Địa chỉ: Thôn Hai Luồng.

Ông: Mã Văn Lùng - Địa chỉ: Thôn Hai Luồng.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

1. **Ông: Mã Văn Đại** - Địa chỉ: Thôn Hai Luồng.

Diện tích: 1.500 m^2 , Loại đất: Đất lúa nhưng hiện nay gia đình trồng cây lâu năm, không còn trồng lúa đã nhiều năm.

Lý trình : Km115+100 (PT)

2. **Ông: Mã Văn Lùng** - Địa chỉ: Thôn Hai Luồng

Diện tích: 1.400 m^2, Loại đất: NTS (Hiện trạng ao khô cạn)

Lý trình : Km115+150 (TT) cạnh ĐT.184 Km 25+400.

Ý kiến của các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng. (Đối với đất nhà ông Mã Văn Lùng Sau khi đổ xong hộ gia đình tự có trách nhiệm hoàn trả lại khe thoát nước, đảm bảo không úng ngập và ảnh hưởng đến các hộ xung quanh).

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 50 phút cùng ngày.

KT.GIÁM ĐỐC

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Song Tứ

PHÒNG KINH TẾ XÃ

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Đức Thắng

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

ĐẠI DIỆN THÔN

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Mã Văn Đại Ký tên:.....

Ông: Mã Văn Lùng Ký tên:.....

BTLH08A 09A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Anh Tuấn - Chức vụ: trưởng thôn Trung Sơn;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Phùng Thị Uyên - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn;
Ông: Phạm Văn Vĩnh - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

Ông: Phùng Thị Uyên - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn;
Ông: Phạm Văn Vĩnh - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

Diện tích: 3.000 m^2, Phùng Thị Uyên; Phạm Văn Vĩnh (Diện tích: 2.300m2 (trồng sen) ; Loại đất: ONT; CLN,

Lý trình : Km1211+900 (PT), giáp đường ĐT 184, km 27+650m.

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Duy Tùng	Phạm Anh Thắng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến, ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Phùng Thị Uyên ký tên:.....

Ông: Phạm Văn Vĩnh, Ký tên:.....

BTLH 01+02+03+05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Thôn hai Luồng xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Linh Hồ.

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Chức vụ: Công an viên xã.

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Thèn Chúng Tài - Chức vụ: Trưởng thôn Hai Luồng

5. Đơn vị tư vấn. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

Ông: Nguyễn Đình Cháng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa chất.

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Kết quả rà soát.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Hai Luồng xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

- Tổng số bãi đổ thải dự kiến phục vụ dự án là 06 bãi. Trong đó:

+ Tổng số bãi đổ thải đề nghị đổ thải nhận lại mặt bằng tiếp tục canh tác: 6/6 vị trí.

+ Tổng số đề nghị thu hồi đất vĩnh viễn để đổ thải: 0/6 vị trí.

(Có danh sách hộ gia đình và diện tích, vị trí, lý trình, loại đất chi tiết kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình: Không.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tú	Đỗ Đức Thiện
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Văn Quyết	**Thèn Chúng Tài**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Nguyễn Đức Tùng

DANH SÁCH HỘ DÂN BÃI ĐỔ THẢI, THÔN HAI LUỒNG XÃ LINH HỒ

(Có biên bản làm việc ngày 17/7/2026 kèm theo)

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

TT	Số hiệu bãi	Vị trí/ Thôn, xã	Lý trình cao tốc/ Điểm tiếp cận	Diện tích dự kiến	Tên chủ hộ/ Cơ quan quản lý	Ý kiến gia đình		Ký xác nhận
						Đổ thải nhận lại mặt bằng	Thu hồi đất vĩnh viễn	
1	BTLH01	Thôn Hai Luồng	Km113+350 (TT)	2.400	Lưu Văn Chiến	x		Chiến
2	BTLH02	Thôn Hai Luồng	Km113+850 (PT)	3.800	UBND xã	x		
					Lưu Văn Minh	x		
3	BTLH03	Thôn Hai Luồng	Km 114+400	4.000	Nguyễn Minh Hường	x		
4	BTLH04	Thôn Hai Luồng	Km114+500 (PT)	31.600	Tráng Văn May	x		
					Vương Minh Thường	x		
					Vương Đức Trung	x		
					Vương Đức Hùng	x		
					Lý Văn Kiều	x		
					Trần Văn Dương	x		
5	BTLH05	Thôn Hai Luồng	KM115+550 (PT)	1.500	UBND xã	x		
					Thèn Văn Bằng	x		
					Trương Mạnh Dung	x		
					Trần Văn Toàn	x		
					UBND xã	x		
					Lý Văn Kiều	x		

TT	Số hiệu bãi	Vị trí/ Thôn, xã	Lý trình cao tốc/ Điểm tiếp cận	Diện tích dự kiến	Tên chủ hộ/ Cơ quan quản lý	Ý kiến gia đình		Ký xác nhận
						Đồ thải nhận lại mặt bằng	Thu hồi đất vĩnh viễn	
6	BTLH05	Thôn Hai Luồng	Km116+500 (TT)	48.000	Vi Văn Dũng	x		Dũng
					Triệu Văn Pin (Phin)	x		Phin
					Lý Văn Sản	x		Cô Con trai ký
					Pào Thìn Chiến	x		Chiến
					Vi Văn Trường	x		Trường
					Pào Thìn Huy	x		Huy
					Trương Văn Cường	x		Cường

BTLH 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Thôn Khuổi Khải xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Linh Hồ.

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Chức vụ: Công an xã.

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Thèn Văn Min - Chức vụ: Trưởng thôn Khuổi Khải.

5. Đơn vị tư vấn. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa chất.

6. Các hộ gia đình, cá nhân. *(Có danh sách hộ gia đình)*

III. Kết quả rà soát.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Khuẩy Khải xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

- Tổng số bãi đổ thải dự kiến phục vụ dự án là 01 vị trí. Loại đất là sân thể thao của thôn Khuổi Khải sau khi đổ thải san gạt mặt bằng để thôn tiếp tục sử dụng.

(Có danh sách hộ gia đình và diện tích, vị trí, lý trình, loại đất chi tiết kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình: Không.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Sông Tú	
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Văn Quyết	**Thèn Văn Min**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Nguyễn Đình Tùng

DANH SACH BÃI ĐỔ THẢI, THÔN KHUỔI KHÀI XÃ LINH HỒ

(Có biên bản làm việc ngày /7/2026 kèm theo)

TT	Số hiệu bãi	Vị trí/ Thôn, xã	Lý trình cao tốc/ Điểm tiếp cận	Diện tích dự kiến	Tên chủ hộ/ Cơ quan quản lý	Ý kiến thôn
1	BTLH07	Thôn Khuổi Khài	Km118+500 (PT)	2.700	Sân văn hóa thể thao thôn Khuổi Khài UBND xã	Đồng Ý

BTLH07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Trung Sơn xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Anh Tuấn - Chức vụ: trưởng thôn Trung Sơn;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nông Thế Hạnh - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

Ông: Nông Mạnh Tuấn - Địa chỉ: thôn Trung Sơn

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Trung Sơn xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc hộ:

- Ông: Nông Thế Hạnh và Ông Nông Mạnh Tuấn - Địa chỉ: thôn Trung Sơn
- Diện tích khoảng: 10.000 m ². Chiều cao dự kiến đổ: 3 m.
- Loại đất theo bìa đỏ: Đất lúa 1 vụ. Hiện trạng: Đang sử dụng trồng cây giang Và trồng chè, gia đình 20 năm không trồng lúa.
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 20 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ LINH HỒ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tú	Võ Đức Thiện

Cty CP TUKO A22

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Đình Tạo Phạm Anh Tuấn

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nông Thế Hạnh - Ký tên.....

Ông: Nông Mạnh Tuấn - Ký tên.....

BTLH 07 A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Trung Sơn xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Anh Tuấn - Chức vụ: trưởng thôn Trung Sơn

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Đặng Thị Tịnh - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

Bà: Trần Thị Hợi - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

Bà: Đặng Thị Tịnh - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

Bà: Trần Thị Hợi - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn

Diện tích: 7.000 m^2, Loại đất: CLN

Lý trình : Km121|+400, Đường tỉnh ĐT.184 Km 28+400

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Trang	Phạm Anh Tuấn

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Đặng Thị Tịnh Ký tên:.....

Bà: Trần Thị Hợi Ký tên:.....

BTLH08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Trung Sơn xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Anh Tuấn - Chức vụ: trưởng thôn Trung Sơn;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Đỗ Trọng Kim - Địa chỉ: Thôn Trung Sơn.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Trung Sơn xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc hộ:

- Ông : Đỗ Trọng Kim - Địa chỉ: thôn Trung Sơn

(Lý trình cao tốc: Km 121+500) cách tim tuyến 320m.

- Diện tích khoảng: 1,4 ha. Chiều cao dự kiến đổ: 3-5 m.

- Loại đất: CLN.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 20 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tú	Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

Cty CP TVXD A22

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Đình Tùng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Đỗ Trọng Kim - Ký tên.....

BTLH20 +20A +23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Thôn Nậm Dầu xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

3. Đại diện công an xã Linh Hồ.

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Chức vụ: Công an xã.

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Dương Công Soạn - Chức vụ: Trưởng thôn Nậm Dầu.

5. Đơn vị tư vấn. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa chất.

6. Các hộ gia đình, cá nhân. *(Có danh sách hộ gia đình)*

III. Kết quả rà soát.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Nặm Dầu xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

- Tổng số bãi đổ thải dự kiến phục vụ dự án là 04 vị trí.

+ Số vị trí các hộ gia đình, tổ chức đề nghị đổ thải nhận lại mặt bằng tiếp tục canh tác: 4/4 vị trí.

+ Số vị trí các hộ gia đình, tổ chức đề nghị bồi thường, thu hồi vĩnh viễn: 0/4 vị trí.

(Có danh sách hộ gia đình và diện tích, vị trí, lý trình, loại đất chi tiết kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình: Không.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tú	Vũ Đức Thiệp
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Văn Quyết	Dương Công Soạn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Nguyễn Thị Tuyết

DANH SÁCH HỘ DÂN BÃI ĐỔ THẢI, THÔN NẬM DÀU XÃ LINH HỒ

(Có biên bản làm việc ngày /7/2026 kèm theo)

TT	Số hiệu bãi	Vị trí/ Thôn, xã	Lý trình cao tốc/ Điểm tiếp cận	Diện tích dự kiến	Tên chủ hộ/ Cơ quan quản lý	Ý kiến gia đình		Ký xác nhận
						Đổ thải trả lại mặt bằng	Thu hồi đất vĩnh viễn	
1	BTLH13	BT phải DT184, đoạn Km23+060 TB số (Nậm Thanh)	Km125+600 (PT)	6.900	Lý Quang Phú	x		
					Vàng Thị Nhì	x		
					Trương Văn Cúi	x		
					Thào Thị Mai	x		
2	BTLH14	Bên phải sát đường (DT184 đoạn Km22 +310) BT Thôn Nậm Thanh	Km126+400 (PT)	47.000	Lý Văn Sinh	x		
					Lý Quang Duyên	x		
					Lý Quảng Chẩn	x		
					Lý Văn Dào	x		
					Trương Văn Cúi	x		
3	BTLH16	Bãi rác cũ Thôn Lũng Loét	Km129+000 (PT)	30.000	Nhà Lâm Thanh	x		
					Đặng Thị Nga	x		
					Nguyễn Hồng Gấm	x		
					Đặng Văn Dũi	x		
					Đặng văn Biển	x		
					Đất UBND	x		
					Lý Văn Lòng	x		
					Đặng Văn Hôn (Vũ Viết Nhì)	x		

TT	Số hiệu bãi	Vị trí/ Thôn, xã	Lý trình cao tốc/ Điểm tiếp cận	Diện tích dự kiến	Tên chủ hộ/ Cơ quan quản lý	Ý kiến gia đình		Ký xác nhận
						Đồ thải trả lại mặt bằng	Thu hồi đất vĩnh viễn	
4	BTLH15 8	Thôn Lũng Loét	Km127+500 (PT)	19.600	Đặng Văn Trọng	x		Trọng
					Đặng Văn Thi	x		Thi
					Vi Thị Nguyệt	x		Nguyệt
					Đặng Văn Bền	x		Bền
					Lục Thị Nga	x		Nga
					Lý Văn Thắng	x		Thắng
					Đặng Văn Đến	x		Đến
					Đặng Văn Thân	x		Thân
					Đặng Văn Nhài	x		Doanh
					Đặng Văn Phôn (Đặng Văn Trọng)	x		Trọng
					Bàn Thị Gia	x		Gia
					Đặng Thị Mừu	x		Mừu

BTLH22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Nậm Dầu xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Dương Công Soạn - Chức vụ: trưởng thôn Nậm Dầu;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Đào Seo Thề - Địa chỉ: Thôn Nậm Dầu;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH22 thuộc đất của:

Ông: Đào Seo Thề - Địa chỉ: Thôn Nậm Dầu

Diện tích: 6.000 m^2, - Loại đất: CLN

Lý trình : Bên phải tuyến cao tốc Km 126+350.

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tây	Dương Công Soon

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Đào Seo Thề ký tên:.....

BTLH 4A+4B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Thủy Lâm xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Văn Thắng - Chức vụ: Trưởng ban MT thôn Thủy Lâm

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Thanh Hải - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

Ông: Thèn Văn Tiện - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Lê Thanh Hải - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

Ông: Thèn Văn Tiện - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

Diện tích khoảng: 4.800 m^2, Trong đó: Lê Thanh Hải Diện tích khoảng 3.500m2; Ông: Thèn Văn Tiện diện tích khoảng 1.300m2; loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km 116+900m, phải tuyến cách cao tốc đất ông Lê Thanh Hải là 700m; Ông: Thèn Văn Tiện, cách cao tốc 500m,

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho 02 hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tăng	Nguyễn Văn Phương

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Lê Thanh Hải ký tên:.....

Ông: Thèn Văn Tiện ký tên:.....

BTLH 4C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày tháng năm 2026 tại hội trường thôn Thủy Lâm xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Văn Thắng - Chức vụ: Trưởng ban MT thôn Thủy Lâm

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Quốc - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Nguyễn Văn Quốc - Địa chỉ: Thôn Thủy Lâm.

Diện tích khoảng: 5.000 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km 116+300m, phải tuyến cách cao tốc 700m.

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho 02 hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

KT GIÁM ĐỐC

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Song Tứ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z

Nguyễn Đình Tạo

Đ/D PHÒNG KINH TẾ

Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Văn Phương

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Nguyễn Văn Quốc ký tên:.....

Vợ Nguyễn Thị Uyên

BTLH09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ: Km 121+800

Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 10.000 m^2.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN.
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**	
Nguyễn Song Tú	Vũ Đức Thiện	
ĐẠI DIỆN THÔN	Cty CP TVXD A22	
Đỗ Xuân Cường	Nguyễn Đình Tuấn	

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Phạm Trung Thành - Ký tên.....

Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Ký tên.....

BTLHLO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 10.000 m^2.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN, ONT.
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Song Tú	CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ X. LINH HỒ - T. TUYÊN QUANG Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN THÔN	Cty CP TV XD A22 Nguyễn Đình Tuấn
Đỗ Xuân Cường	

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Phạm Trung Thành - Ký tên.....

BT LHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tử - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Văn Minh - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

Ông: Lê Văn Minh - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

Diện tích: 4.500 m^2, Loại đất: CLN

Lý trình : Km122+550 (PT).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thuận
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tăng	Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Lê Văn Minh ký tên: Thuan Lê Thị Bích Thiêm (vợ)

BTLH11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà
Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: Trưởng thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Bùi Duy Hiển - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà (con ông Nguyễn Văn Trọng (Giấy sử dụng đất số 00021, cấp ngày 03/9/1997)

Bà: Phạm Thị Năm - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

Ông: Bùi Duy Hiển - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 7.000 m^2.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN; ONT.
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Song Tú	CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN THÔN	Cty CP TVXD A22 Nguyễn Đình Tăng
Đỗ Xuân Quảng	

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Văn Quyết - Ký tên.....

Bà: Phạm Thị Năm - Ký tên.....

Ông: Bùi Duy Hiển - Ký tên.....

BTLHH12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT chi bộ thôn Ngọc Hà;
Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

4. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Hoàng Văn Thống - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Xuân Mạnh - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Phạm Thị Dung - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Sùng Chúa Dình - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Văn Quế - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Hoàng Văn Thống - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Xuân Mạnh - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Phạm Thị Dung - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Phạm Trung Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Sùng Chúa Dình - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà
Ông: Nguyễn Văn Quế - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 35.000 m^2.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN; LUC (Đối với diện tích đất LUC của gia đình Hoàng Thị Ánh Hương hàng năm hay bị ngập, không trồng cấy được).
- Ý kiến của các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho các hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Song Tú

PHÒNG KINH TẾ XÃ

Vũ Đức Thiện

Cty CTTVXD A22

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Đức Tùng

Đỗ Xuân Cường

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Hoàng Văn Thống - Ký tên.....

Ông: Nguyễn Văn Tiến - Ký tên.....

Ông: Nguyễn Xuân Mạnh - Ký tên.....

Bà: Phạm Thị Dung - Ký tên.....

Bà: Hoàng Thị Ánh Hương - Ký tên.....

Ông: Phạm Trung Thành - Ký tên.....

Ông: Sùng Chúa Dình - Ký tên.....

Ông: Nguyễn Văn Quế - Ký tên.....

BTLH13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Tiến - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;
Ông: Phạm Văn Lâm - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH13 (Ngọc Hà xưởng gỗ ép) thuộc đất của:

Ông: Nguyễn Văn Tiến - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;
Ông: Phạm Văn Lâm - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Diện tích: 46.00 m^2, Loại đất: ...CLN..

Lý trình : Km122+825 (TT).

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiệp**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tang	Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Phạm Văn Lâm, Ký tên:.....

BTH-H14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Phạm Văn Lâm - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH14 (Ngọc Hà - sát Nghĩa trang) thuộc đất của:

Ông: Phạm Văn Lâm - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Diện tích: 46.00 m^2, Loại đất: .....CLN.....

Lý trình : Km122+825 (PT).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tuấn	Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Phạm Văn Lâm, Ký tên:.....

BTLH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lương Công Hòa - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Hoàng Tiến Dũng - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Bà: Tạ Thị Thuyến - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Bà: Trần Thị Mai - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Hoàng Trường Giang - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Lương Công Hòa - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Hoàng Tiến Dũng - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Bà: Tạ Thị Thuyến - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Bà: Trần Thị Mai - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Hoàng Trường Giang - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Diện tích: 6.000 m^2, - Loại đất: ONT, CLN

Lý trình : Km 122+900.

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ XÃ
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tú	Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

ctg CĐ TV XD A22

Đỗ Xuân Cường

Nguyễn Đức Tạng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Lương Công Hòa - Ký tên.....

Bà: Tạ Thị Thuyến - Ký tên.....

Bà: Trần Thị Mai - Ký tên.....

Ông: ~~Phạm~~ Hoàng Trường Giang - Ký tên.....

Ông: Hoàng Tiến Dũng - Ký tên.....

BTHH16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Xuân Trường - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Ông: Phạm Văn Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Nguyễn Xuân Trường - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

Ông: Phạm Văn Thành - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 10.000 m ^{2}.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN Km123+070
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng. Hiện trạng có rãnh thoát nước mặt, hộ gia đình cam kết có trách nhiệm tự đào hoàn trả lại sau khi san lấp mặt bằng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Sung Tài	Vũ Đức Thiện

Chg CE TUKD 122

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Xuân Tuyến

Nguyễn Đình Tăng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Xuân Trường - Ký tên. KT. thanh 0978221675

Ông: Phạm Văn Thành - Ký tên. thanh 0984716511

BTLH 16+

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Bùi Thị Loan - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH (nối tiếp bãi của ông Phạm Văn Thành và Nguyễn Xuân Trường) thuộc đất của:

Bà: Bùi Thị Loan - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

Diện tích: 1.900 m^2, Loại đất: CLN

Lý trình : Km123+050 .

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tùng	Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Bùi Thị Loan ký tên:.....

BT 158/17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Nhiên - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

Bà: Phạm Thị Nhân - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Nguyễn Văn Nhiên - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

Bà: Phạm Thị Nhân - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 10.000 m².

- Loại đất theo bìa đỏ: CLN, HNK (Có 1 rãnh thoát nước dọc đường ĐT.184 hộ gia đình tự hoàn trả).

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ XÃ
Nguyễn Song Tế	Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Xuân Xuyến

Nguyễn Đình Tiếng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Văn Nhiên - Ký tên..Nhiên...0867247899

Bà: Phạm Thị Nhân - Ký tên..Nhân...0397536427

BTLH 18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Phạm Thị Nhân - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Bà: Phạm Thị Nhân - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà (Đồi chè).

- Diện tích khoảng: 10.000 m^2.
- Loại đất theo bìa đỏ: CLN; HNK
- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tú	Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

Chị có TUXO A22

Nguyễn Xuân Xuyên

Nguyễn Thị Tâm

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Bà: Phạm Thị Nhân - Ký tên...N. Nhân.....

BTLH19C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Phạm Văn Giang - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Phạm Đức Cảnh - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

Ông: Phạm Văn Giang - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Phạm Đức Cảnh - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Diện tích: ..... m^2, Loại đất: .....

Lý trình : Km124+100 (TT) cạnh ĐT.184 Km 24+910.

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Tùng	Đỗ Xuân Cảng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Phạm Văn Giang Ký tên:.....giàng.....

Ông: Phạm Đức Cảnh Ký tên:.....KT giàng (Bố.....

BTHH19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Xuyến - Chức vụ: BT thôn Ngọc Hà

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Văn Lợi - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất hộ:

Ông: Lê Văn Lợi - Địa chỉ: thôn Ngọc Hà

- Diện tích khoảng: 17.000 m^2.

- Loại đất theo bìa đỏ: HNK .

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng. Sau khi san mặt bằng xong, hộ gia đình cam kết tự đào chỉnh lại rảnh thoát nước cạn và rãnh dọc thoát nước đường ĐT.184.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ XÃ
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Tùng Tế	VŨ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN THÔN

Ctg cổ TUXD A22

Nguyễn Xuân Xuyến

Nguyễn Đức Tiếng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Lê Văn Lợi - Ký tên.....

BTLH19A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Chương Văn Long - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH Bổ Sung thuộc đất của:

Ông: Chương Văn Long - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà;

Diện tích: 2.500 m^2, - Loại đất: Hiện trạng ao cạn nước.

Lý trình : Km123+850 (PT). Trên trục đường liên xã, vào nhà văn hóa thôn.

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tử	Vũ Đức Thiện
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Tăng	Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Chương Văn Long ký tên:.....

BTLH198

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Linh Hồ.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Đỗ Xuân Cường - Chức vụ: trưởng thôn Ngọc Hà;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Bùi Văn Thành - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Bùi Đức Chính - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Lương Văn Huy - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Lương Văn Bích - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTLH thuộc đất của:

Ông: Bùi Văn Thành - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Bùi Đức Chính - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Lương Văn Huy - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Ông: Lương Văn Bích - Địa chỉ: Thôn Ngọc Hà.

Diện tích: 20.000 m^2, Loại đất: .....

Lý trình : Km123+850 (TT) cạnh ĐT.184 Km 25+400.

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ LINH HỒ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Đức Tăng

ĐẠI DIỆN THÔN

Đỗ Xuân Cường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Linh Hồ

Ông: Chu Mai Sơn, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Bùi Văn Thành Ký tên:.....

Ông: Bùi Đức Chính Ký tên: KT. Vũ thị thanh (Vợ).....

Ông: Lương Văn Huy Ký tên: Huy (V.Ô Huệ).....

Ông: Lương Văn Bích Ký tên:.....

BTVX01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại UBND xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện UBND xã Vị Xuyên

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công an xã Vị Xuyên.

Ông: Phạm Quang Hưng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã;

4. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

5. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Giàng Mí Lình - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Bà: Trương Thị Vinh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Giàng Mí Lình **(Soi)** - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Bà: Trương Thị Vinh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Diện tích: 20.900 m^2, loại đất CLN.

Các nội dung khác: Không.

Ý kiến của hộ gia đình:

Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu có trên đất, thực hiện đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Nguyễn Song Tứ

UBND XÃ VỊ XUYÊN

PHÒNG KINH TẾ

Lê Thanh Chiến

CÔNG AN XÃ

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạm Văn Trung

CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA

.....Oriale trường Hải viết.....

Hiền Công ty Lĩnh.....

.....

.....Công ty CP TUXO A22.....

.....

Nguyễn Đình Toàng

BTVX02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn 11 xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Bùi Đức Cộng - Chức vụ: Trưởng thôn 11

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Phạm Văn Tâm- Địa chỉ: Thôn 11

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Phạm Văn Tâm - Địa chỉ: Thôn 11

Diện tích: 2.000 m^2, loại đất CLN.

Lý trình : cách Km120 CT 200m, bên trái tuyến theo tuyến đường ĐT.184 (Gần khu nhà ông Zon).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Toàng	Bùi Đức Cộng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Phạm Văn Tâm ký tên:.....Phạm Văn Tâm

BTVX 02A +02B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Vạt xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Bùi Văn Năm - Chức vụ: Trưởng thôn Vạt;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nông Đình Chẻ - Địa chỉ: Thôn Vạt;

Bà: Triệu Thị Hảo - Địa chỉ: Thôn Vạt;
Ông: Lê Quang Đạo - Địa chỉ: Thôn Vạt;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Nông Đình Chẻ - Địa chỉ: Thôn Vạt;
Bà: Triệu Thị Hảo - Địa chỉ: Thôn Vạt;
Ông: Lê Quang Đạo - Địa chỉ: Thôn Vạt;

Diện tích: 12.197 m^2, trong đó (Diện tích Ông: Nông Đình Chẻ là 3.274 m2; Bà: Triệu Thị Hảo là 2.000m2; Ông: Lê Quang Đạo là 6.950m2); loại đất ONT, CLN.

Lý trình: Cao tốc Km 120+200m, tiếp cận theo tuyến đường tỉnh QL 2 (cách Phường Hà Giang 1, khoảng Km 30+500m Hà Giang đi Hà Nội bên trái QL2).

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Tuấn	Bùi Văn Năm

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Nông Đình Chẻ ký tên:.....

Bà: Triệu Thị Hảo ký tên:.....

Ông: Lê Quang Đạo ký tên:.....

BTVX02C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Tổ 11 xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Bùi Đức Cộng - Chức vụ: Trưởng thôn Tổ 11

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Trịnh Thị Liên - Địa chỉ: Thôn Tổ 11

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Trịnh Thị Liên - Địa chỉ: Thôn Tổ 11

Diện tích: 500 m^2, loại đất ONT, CLN.

Lý trình: Cao tốc Km120+600 theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km.....).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN PHÒNG KINH TẾ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	Lê Thanh Chiến
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Dương	Bùi Đức Cộng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Trịnh Thị Liên ký tên:.....

BTQX03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Lê Thị Độ - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Lê Thị Độ - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 4.000 m^2, loại đất CLN, ODT.

Lý trình: Cao tốc Km120+600 theo tuyến đường tỉnh ĐT.184(Km 29+600).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG**	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tiếng	Phạm Văn Quý

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Lê Thị Độ ký tên:.....

BTVK 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Văn Hằng - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Lê Văn Hằng - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 6.000 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km120+600 theo tuyến đường tỉnh ĐT.184(Km 29+600).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Toàng	Phạm Văn Đông

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Lê Văn Hằng ký tên:.....

BTV 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Nguyễn Thị Oanh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Nguyễn Thị Oanh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 1.500 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km120+600 theo tuyến đường tỉnh ĐT.184(Km 29+600).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tùng	Phạm Văn Tùng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Nguyễn Thị Oanh ký tên:.....

BTVX 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Tạ Văn Hà - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của Ông: Tạ Văn Hà (sát đất của hộ nhà ông Lê Văn Hằng và bà Lê Thị Độ) :

Ông: Tạ Văn Hà - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 3.700 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km120+600 theo tuyến đường tỉnh ĐT.184(Km 29+600).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC	PHÓNG KINH TẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tăng	Phạm Văn Quang

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ,

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Tạ Văn Hà ký tên:.....Hà.....tạ.....văn.....hà.....

BTVX 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Toán Thị Hường - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Toán Thị Hường - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 3.500 m^2, loại đất CLN.

Lý trình : Cao tốc Km120 cách đường cao tốc 1,2 km, theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km 30+100).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
Giám đốc	PHÒNG KINH TẾ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Thắng	Phạm Văn Long

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Toán Thị Hưởng ký tên: Toán Thị Hưởng

BTVX 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Nguyễn Thị Chiên - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Bà: Lò Thị Ban - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
Bà: Nguyễn Thị Nhung - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
Ông: Nguyễn Văn Hòa - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Nguyễn Thị Chiên - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Bà: Lò Thị Ban - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
Bà: Nguyễn Thị Nhung - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
Ông: Nguyễn Văn Hòa - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Diện tích: 1.000 m^2, loại đất CLN. (trên đất nhà bà Nguyễn Thị Chiên có công trình chuồng trại, hộ gia đình cam kết tự tháo dỡ).

Lý trình : Cao tốc Km120 cách đường cao tốc 1,2 km, theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km 30+100).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Đình Trang

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạm Văn Trung

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Nguyễn Thị Chiên ký tên:.....Chiên.....

Bà: Nguyễn Thị Nhung ký tên:.....Nhung.....

Bà: Lò Thị Ban ký tên:.....KT. Chiên (ký hộ).....

Ông: Nguyễn Văn Hòa ký tên:.....Hòa.....

BTVK 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Đặng Kim Nhân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Bà: Bùi Thị Điều - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Trần Hữu Khánh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Nguyễn Văn Ước - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Trần Văn Quân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Đặng Kim Nhân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Bà: Bùi Thị Điều - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Trần Hữu Khánh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Nguyễn Văn Ước - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng
Ông: Trần Văn Quân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 8.000 m^2, loại đất CLN. (trên đất nhà Ông: Đặng Kim Nhân có công trình chuồng trại, hộ gia đình cam kết tự nguyện tháo dỡ, Nhà nước không hỗ trợ chi phí tháo dỡ).

Lý trình: Cao tốc Km120 cách đường cao tốc 1,2 km, theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km 30+100).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC	PHÓNG KINH TẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Anh Tùng

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạm Văn Tùng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Đặng Kim Nhân ký tên:.....

Bà: Bùi Thị Điều ký tên:.....

Ông: Trần Hữu Khánh ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Ước ký tên:.....

Ông: Trần Văn Quân ký tên:.....

BTVX 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Đặng Văn Quân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Đặng Văn Quân - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 3.000 m^2, loại đất CLN

Lý trình: ....Sát đất nhà Hường, Chấn.....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Trung	Phạm Văn Trung

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Đặng Văn Quân ký tên: Lê thị Bình (mẹ)

BT VX 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Phí Thị Duyên - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Phí Thị Duyên - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 900 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: ..Giáp ranh đất nhà Mạnh Sinh.....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
PHÓ GIÁM ĐỐC	**PHÒNG KINH TẾ**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tiếng	Phạm Văn Trung

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Phí Thị Duyên ký tên:.....

BTVX04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (BQLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Giàng Mí Linh - Chức vụ: Phó thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân

Ông: Giàng Mí Phùa - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
Bà: ThàoThị Dí - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

Ông: Lưu Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng.

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của: Thuộc đất của các hộ gia đình:

1. Ông: Giàng Mí Phùa - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;
2. Bà: Thào Thị Dí - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 900 m2, loại đất ONT.

3. Ông: Lưu Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 5.000 m2, Loại đất: HNK

Lý trình : Km120 cách đường cao tốc 1km, bên phải tuyến theo tuyến đường ĐT.184 (Km 29+960) .

Ý kiến của hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	UBND XÃ VỊ XUYÊN
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN THÔN

Cty CPTVXD A22

Nguyễn Đình Tuấn

Giàng Mí Phùa

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Giàng Mí Phùa, ký tên:.....Phùa.....

Bà: Thào Thị Dí, ký tên:.....KT. Phùa.....

Ông:..... Ký tên:.....KT. Con trai.....

BTVX 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Văn Trung - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Lê Văn Trung - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 2.500 m^2, loại đất CLN.

Lý trình : Cao tốc Km120 cách đường cao tốc 1,2 km, theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km 30+100).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QL DA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A22	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tiếng	Phạm Văn Trung

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Lê Văn Trung ký tên:.....

Lê Văn Chung

BTVL06

85CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phạm Văn Trung - Chức vụ: Trưởng thôn Suối Đồng;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Vương Đức Sinh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Vương Đức Sinh - Địa chỉ: Thôn Suối Đồng

Diện tích: 2.500 m^2, loại đất CLN. (Trên đất có công trình chuồng lợn, hộ gia đình cam kết tự tháo dỡ).

Lý trình: Cao tốc Km120 cách đường cao tốc 1,2 km, theo tuyến đường tỉnh ĐT.184 (Km 30+300).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Song Tứ

PHÒNG KINH TẾ

Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Đình Tuấn

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạm Văn Tùng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Vương Đức Sinh ký tên:.....

BTVX06A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Nguyễn Anh Đức - Địa chỉ: Thôn Mỹ

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Nguyễn Anh Đức - Địa chỉ: Thôn Mỹ

Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 40, Diện tích 100m^2 đất ONT;

Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 40, Diện tích 46,9m^2 đất HNK;

Lý trình : Km 120 + 600 cách CT 2km (Tiếp cận QL2)

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÒNG KINH TẾ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tường	Nguyễn Thế Bảo

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

ông: Nguyễn Anh Đức ký tên: B...Nguyễn Anh Đức.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mỷ xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tử - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mỷ

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Trương Thị Tuyết Nga - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Trương Thị Tuyết Nga - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 40, Diện tích 200m^2 đất ONT;

Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 40, Diện tích 142,2m^2 đất HNK;

Lý trình : ..Km120+600 cách CT 2km(...Tiếp cận Alt 2...).....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

PHÒNG KINH TẾ

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Trung	Nguyễn Thái Bình

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

ông: Trương Thị Tuyết Nga ký tên:.....Trương Thị Tuyết Nga

TỈNH TUYÊN QUANG
ÂN LÝ
ÂN
ÂY DỰNG
TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Trịnh Quốc Lập - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Trịnh Quốc Lập - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 40, Diện tích 100m^2, đất ONT;

Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 40, Diện tích 54m^2, đất HNK;

Lý trình : Km 110+600 cách CT 2km (Tuyến cao tốc QL 2).....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

KT. GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Nguyễn Song Tứ

PHÒNG KINH TẾ

UBND XÃ VỊ XUYÊN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM * PHÒNG KINH TẾ * VỊ XUYÊN - T. TUYÊN QUANG

Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Đình Tuấn

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Thanh Biêu

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Trịnh Quốc Lập ký tên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Nguyễn Tiến Đô - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Nguyễn Tiến Đô - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 40, Diện tích 100,3m^2 đất ONT;

Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40, Diện tích 82,2m^2 đất HNK;

Lý trình : ..Km120+600 Cách QL2 khoảng 70m (Tiếp cận QL2)..

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÒNG KINH TẾ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	Lê Thanh Chiến
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Toàn	Nguyễn Khánh Bằng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

ông: Nguyễn Tiến Đô ký tên:.....Nguyễn Tiến Đô



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Phạm Quang Tạo - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Phạm Quang Tạo - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 40, Diện tích 109,5m^2 đất ONT;

Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 40, Diện tích 130,0m^2 đất ONT;

Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 40, Diện tích 104,8m^2 đất ONT;

Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 40, Diện tích 102,3m^2 đất HNK;

Lý trình : Km1+20 ÷ 600 Cách CT 2km (Tiếp cận QL2).....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
	PHÒNG KINH TẾ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	Lê Thanh Chiến
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Đinh Toàng	Nguyễn Mạnh Biên.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

ông: Phạm Quang Tạo ký tên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Lưu Đình Mạnh - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Lưu Đình Mạnh - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 40, Diện tích 200m^2, đất ONT;

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 40, Diện tích 143,8m^2 đất HNK;

Lý trình : ..Km110..+..600..cách..CT.....2Km..(Tiếp..cận..QL2..)

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÒNG KINH TẾ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Tùng	Nguyễn Khắc Bình

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

ông: Lưu Đình Mạnh ký tên:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Mý xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Thành Biên - Chức vụ: Trưởng thôn Mý

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Trần Thị Huyền - Địa chỉ: Thôn Mý

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Trần Thị Huyền - Địa chỉ: Thôn Mý

Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 40, Diện tích 100m^2, đất ONT;

Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 40, Diện tích 61,6m^2, đất HNK;

Lý trình : ..Km120+600..cách CT..2km..(..Tiếp cận QL2..).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Nguyễn Song Tử

UBND XÃ VỊ XUYÊN

PHÒNG KINH TẾ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ

Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Thanh Tùng

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Thanh Bình

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà : Trần Thị Huyền ký tên:..... Trần Thị Huyền

BTVX 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. THÀNH PHẦN THAM GIA.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Vạt xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất sân vận động của UBND xã Vị Xuyên:

Diện tích: 3.000 m^2, sân vận động trung tâm xã Vị Xuyên,

Lý trình: Tiếp cận theo cầu Vị Xuyên đến tuyến QL 2.

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Quá trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thành Chiến**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đức Tùng	

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa Ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Ký tên:.....

BT VX OBA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn 1 xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Xuân Trường - Chức vụ: Trưởng thôn 1

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Lã Thị Hương Thuần - Địa chỉ: Thôn 1

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Lã Thị Hương Thuần - Địa chỉ: Thôn 1

1. Thửa số 128 tờ bản đồ số 4, diện tích: 103,4m^2 loại đất CLN,

2. Thửa số 82C, tờ bản đồ giải thửa số 2, diện tích: 124 m^2, loại đất ONT, và CLN.

Lý trình : ..Tiếp cận đường CT QL2 Km 18.....

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Song Tứ

UBND XÃ VỊ XUYÊN

PHÒNG KINH TẾ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z

Nguyễn Đức Tùng

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Xuân Trường

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến , ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà : Lã Thị Hương Thuần ký tên:.....Lã Thị Hương Thuần

BTVL09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đơn vị tư vấn. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

Ông: Nguyễn Đình Tráng –Phó phòng khảo sát địa chất.

3. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

4. Đại diện công an xã Vị Xuyên.

Ông: Phạm Quang Hưng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã;

5. Đại diện thôn bản.

Ông: Hoàng Thị Dung - Chức vụ: Trưởng thôn Làng Khèn;

6. Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang.

Ông: Nguyễn Văn Thuỷ - Chức vụ: Giám đốc;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể các vị trí như sau:

Vị trí: Thuộc đất của Công ty Gạch Bát Tràng HG Thôn Làng Khèn xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

Diện tích: 100.600 m2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

Loại đất: .....

Trữ lượng dự kiến ..... m^3

Các nội dung khác: Không.

Các ý kiến có liên quan (Nếu có):

- Ý kiến của Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG;

1. Nhất trí tiếp nhận đất vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) từ Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

2. Đề nghị Chủ đầu tư Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang, UBND xã Vị Xuyên và các Sở, Ngành liên quan thực hiện việc chấp thuận vị trí đổ thải, đánh giá tác động môi trường không gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG.

UBND xã, Trưởng thôn và Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN**
	Lê Thanh Chiến
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Phạm Quang Hưng	**Hoàng Thị Dung**
ĐƠN VỊ VẬN	**TRƯỞNG THÔN**
Nguyễn Đình Tráng	**Hoàng Thị Dung**

CÔNG TY GẠCH CỔ BÁT TRÀNG HG
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuỷ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tử - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đơn vị tư vấn. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z.

Ông: Nguyễn Đình Tráng –Phó phòng khảo sát địa chất.

3. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

4. Đại diện công an xã Vị Xuyên.

Ông: Phạm Quang Hưng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã;

5. Đại diện thôn bản.

Ông: Hoàng Thị Dung - Chức vụ: Trưởng thôn Làng Khèn;

6. Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang.

Ông: Nguyễn Văn Thuỳ - Chức vụ: Giám đốc;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể các vị trí như sau:

Vị trí: Thuộc đất của Công ty Gạch Bát Tràng HG Thôn Làng Khèn xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

Diện tích: 100.600 m2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.

Loại đất: .....

Trữ lượng dự kiến ..... m^3

Các nội dung khác: Không.

Các ý kiến có liên quan (Nếu có):

- Ý kiến của Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG;

1. Nhất trí tiếp nhận đất vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) từ Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

2. Đề nghị Chủ đầu tư Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang, UBND xã Vị Xuyên và các Sở, Ngành liên quan thực hiện việc chấp thuận vị trí đổ thải, đánh giá tác động môi trường không gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG.

UBND xã, Trưởng thôn và Công ty Gạch cổ Bát Tràng HG cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT. GIÁM ĐỐC

CÔNG AN XÃ

PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN

Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạm Quang Hưng

Hoàng Thị Dung

ĐƠN VỊ VẬN

TRƯỞNG THÔN

Nguyễn Đình Tráng

Hoàng Thị Dung

CÔNG TY GẠCH CỔ BÁT TRÀNG HG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuỷ

BTVX 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bình Vàng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (BQLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).
Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.
Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công an xã Vị Xuyên
Ông: Phạm Quang Hưng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã

4. Đại diện công ty cổ phần A2Z
Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

5. Đại diện thôn bản.
Ông: Nguyễn Thị Liền - Chức vụ: Trưởng thôn Bình Vàng;

6. Các hộ gia đình, cá nhân
Ông: Lùng Văn Trung - địa chỉ: Thôn Bình Vàng

Ông: Phạm Thị Chanh - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Tráng Thị Gồ - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hiến - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Thị Thủy - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Đặng Văn Nguyên - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Hoàng Đức Thuận - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hoan - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Nguyễn Minh Bộ - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hải - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Chu Văn Phả - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hoàn - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;

III. Kết quả rà soát.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủyđoạn tuyến thuộc địa phận thôn Bình Vàng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Thuộc đất của các hộ gia đình, tổ chức:

Ông: Lùng Văn Trung - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Phạm Thị Chanh - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Tráng Thị Gồ - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hiến - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Thị Thủy - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Đặng Văn Nguyên - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Hoàng Đức Thuận - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hoan - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Nguyễn Minh Bộ - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Trần Văn Hải - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;
Ông: Chu Văn Phả - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng.
Ông: Trần Văn Hoàn - Địa chỉ: Thôn Bình Vàng;

- Diện tích: 4,1 ha. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.
- Loại đất: CLN; BHK;LUK
- Trữ lượng dự kiến ..... m^3

Số diện tích, trữlượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình có mặt tham gia cuộc họp đề nghị Ban quản lý dự án, UBND xã thực hiện thu hồi đất vĩnh viễn phục vụ cho dự án để làm bãi đổ thải của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được

san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý bàn giao lại quyền sử dụng đất choUBND xã Vị Xuyên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Sông Tú	Lê Thanh Chiến
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Phạm Quang Hưng	**Nguyễn Thị Liền**

CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA

Ông: Lùng Văn Trung	Ký tên: Lùng Văn Chung
Ông: Phạm Thị Chanh	Ký tên: Phạm
Ông: Tráng Thị Gỗ	Ký tên:
Ông: Trần Văn Hiến	Ký tên:
Ông: Trần Thị Thủy	Ký tên:
Ông: Đặng Văn Nguyên	Ký tên:
Ông: Hoàng Đức Thuận	Ký tên:
Ông: Trần Văn Hoan	Ký tên: Hoan
Ông: Nguyễn Minh Bộ	Ký tên: Bộ
Ông: Trần Văn Hải	Ký tên: KT Hải
Ông: Chu Văn Phả	Ký tên: Phả
Ông: Trần Văn Hoàn	Ký tên:

Cty CP TV XD A22

Ký Đinh Toàng

BTW 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bản Bang xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (BQLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - chức vụ: Tổ viên tổ QLDA

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Bà: Bàn Tị Nhày - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Bang

5. Các hộ gia đình, cá nhân

Ông: Phùng Minh Thắng - địa chỉ: Thôn Bản Bang
Ông: Trần Nhật Vượng - địa chỉ: Thôn Bản Bang

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Bản Bang xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Phùng Minh Thắng - địa chỉ: Thôn Bản Bang

- Diện tích: 2 ha . Chiều cao dự kiến đổ: 15 m.

- Loại đất: HNK, ONT, NTS.

- Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Song Tú	Lê Thanh Chiến

ĐẠI DIỆN THÔN

Ctg CPTVXD AZZ

Nguyễn Đức Trang

Bùi Thị Nhung

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Phùng Minh Thắng - Ký tên.....

Ông: Trần Nhật Vượng - Ký tên.....

BTVX 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 30 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Suối Đồng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Bàn Thị Nhày - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Bang;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Bùi Xuân Công - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;

Ông: Phạm Văn Toán - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;
Bà: Phạm Thị Bé - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;
Ông: Đặng Văn Hồn - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Bùi Xuân Công - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;
Ông: Phạm Văn Toán - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;
Bà: Phạm Thị Bé - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;
Ông: Đặng Văn Hồn - Địa chỉ: Thôn Bản Bang;

Diện tích: 10.160 m^2, loại đất CLN.

Lý trình: Cao tốc Km 130+600m, tiếp cận theo tuyến đường tỉnh QL 2 (cách Phường Hà Giang 1, khoảng Km13+700m Hà Giang đi Hà Nội bên trái QL2).

Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Vị Xuyên cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/Đ PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	Lê Thanh Chiến
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tăng	Bùi Thị Nhàng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Thanh Hưng ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Bùi Xuân Công ký tên:.....

Ông: Phạm Văn Toán ký tên:.....

Bà: Phạm Thị Bé ký tên:.....

Ông: Đặng Văn Hồn ký tên:.....

BTVX-14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 14 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Làng Cúng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (BQLDA ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).
Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.
Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z
Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện công an xã Vị Xuyên
Ông: Phạm Quang Hưng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã

5. Đại diện thôn bản.
Ông: Hoàng Ngọc Hữu - Chức vụ: Trưởng thôn Làng Cúng

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Minh (Nga) - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Hoàng Văn Đông - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nông Văn Thuyết - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Văn Tiền B - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Văn Huân - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Hoàng Ngọc Hữu - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Công Khanh - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT:

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Làng Cúng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Thuộc đất của các hộ gia đình, tổ chức:

Ông: Nguyễn Văn Minh (Nga) - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Hoàng Văn Đông - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nông Văn Thuyết - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Văn Tiền B - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Văn Huân - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Hoàng Ngọc Hữu - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;
Ông: Nguyễn Công Khanh - Địa chỉ: Thôn Làng Cúng;

- Diện tích: 130.100 m2. Chiều cao dự kiến đổ: ..... m.
- Loại đất: TXN. (Đất rừng nghèo).
- Trữ lượng dự kiến ..... m^3

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình có mặt tham gia cuộc họp đề nghị Ban quản lý dự án, UBND xã thực hiện thu hồi đất vĩnh viễn để làm bãi đổ thải của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho UBND xã Vị Xuyên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo không để thay đổi hoặc bổ sung vị trí đổ thải tránh gây chậm tiến độ và tăng chi phí vận chuyển.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Long Tú	**Lê Thanh Chiến**
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Phạm Quang Hưng	**Hoàng Ngọc Hữu**

A. CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên: .....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Vị Xuyên.

Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Ký tên: .....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA

Ông: Nguyễn Văn Minh (Nga) - Ký tên: .....

Ông: Hoàng Văn Đông - Ký tên: .....

Ông: Nông Văn Thuyết - Ký tên: .....

Ông: Nguyễn Văn Tiền B - Ký tên: .....

Ông: Nguyễn Văn Huân - Ký tên: .....

Ông: Hoàng Ngọc Hữu - Ký tên: .....

Ông: Nguyễn Khương Khanh - Ký tên: .....

Cty A22 Nguyễn Ngọ Đồng Hoàng Đức Cấp

BTPLO1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 22 tháng 07 năm 2026 tại thôn Bản Mường xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Bà: Phà Thị Bích - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Mường

4. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Văn Dự - thôn Bản Mường

Ông: Mám Văn Cắm - thôn Bản Mường

Ông: Nông Xuân Huy - thôn Bản Mường

Ông: Lý Văn Thắng - thôn Bản Mường

Ông: Nông Xuân Thanh(Lục Thị Hoàng) - thôn Bản Mường

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Bản Mường xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất của các hộ:

Ông: Nguyễn Văn Dự - thôn Bản Mường

Ông: Mám Văn Cắm - thôn Bản Mường

Ông: Nông Xuân Huy - thôn Bản Mường

Ông: Lý Văn Thắng - thôn Bản Mường

Ông: Nông Xuân Thanh (Lục Thị Hoàng) - thôn Bản Mường.

(Điểm từ km10Km+530 ĐT.184 rẽ trái đường liên xã 1,6km, trái đường thôn Mường Bắc cũ nay là thôn Bản Mường).

- Diện tích khoảng: 5,5 ha.
- Loại đất: RSX.
- Ý kiến của các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất, (Hộ nhà ông Mám Văn Cắm lấp 02 ao)và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	ĐẠI DIỆN UBND XÃ
KT GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	KT CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Tùng Tú	Vũ Văn Kiên

Công ty CP TUKO A22 — ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Đình Trung — Phùng Thị Biển

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Phú Linh.

Ông: Nông Văn Phúc - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Văn Dự - Ký tên.....

Ông: Mám Văn Cắm - Ký tên.....

Ông: Nông Xuân Huy - Ký tên.....

Ông: Lý Văn Thắng - Ký tên.....

Ông: Nông Xuân Thanh (đã Chuyển nhượng cho Lục Thị Hoàng) - Ký tên.....

BTPLO1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 22 tháng 07 năm 2026 tại thôn Bản Mường xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tử - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Bà: Phà Thị Bích - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Mường;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nguyễn Hùng Vương - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Bản Mường xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất của các hộ:

Ông: Nguyễn Hùng Vương - thôn Bản Mường

(Điểm từ km10Km+530 ĐT.184 rẽ trái đường liên xã 1,6km, trái đường thôn Mường Bắc cũ nay là thôn Bản Mường).

- Diện tích khoảng: 2,5 ha.
- Loại đất: RSX.
- Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ PHÚ LINH**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Song Tú	Vũ Văn Kiên

ĐẠI DIỆN THÔN

Phạ Thị Bích

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Phú Linh.

Ông: Nông Văn Phúc - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Hùng Vương - Ký tên.....

Công ty CP TVXD A2Z

Nguyễn Đình Tuấn

BTPL02

Cộng Hoà xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Biên Bản

Họp Hộ Làm Liên Lới Các Hộ có Ruộng Khu Na Lăng, Na phan Lới Bản Làng Đạo xã phú Linh

I. Thời gian: 9h ngày 03-06-2026 Tại bụi Sở thôn

II. Thành phần: 1. Đ/c Lê Trung Nhân UVBTV Trưởng CA xã

2. Đ/c Lục Anh Tú phó trưởng KT xã

3. Đ/c Nguyễn Quang Hưng BTCB Thôn

4. Đ/c Hoàng Thu Thủy T. Thôn Bắc Ngân

Cùng Hộ hộ dân có ruộng tại khu Na Lăng, Na phan

1. Triệu Văn Lới

2. phạ Thị Dương

3. Hoàng Văn Cường

4. Nông Văn Sỹ

5. Lý Thị Dung

6. Lộ Văn Quân

7. Ng Văn Yên

8. Nông Văn Đông

9. Lý Đức Thuận

10. Nông Nguyễn Văn

11. Nông Văn Minh

12. Hoàng Văn Quất

13. Hoàng Văn Thao

14. Lý Văn Công

15. Ng Văn phu

16. La Văn Tân

Còn Thiếu 2 hộ: Sầm Văn Tuấn

Hoàng Thị Hoàn

Scanned with CamScanner

Còn lại 16 hộ dân đều đồng tình nhất trí với
kế hoạch của UBND X về việc thiên đất để mở rộng
trụ sở công an xã phù linh
Biên bản kết thúc vào 10 hôm cùng ngày
Đại diện chính quyền Người lập biên bản
Đảng ủy xã Hoàng Thu Thủy
Cán bộ dân
1, Hoàng Văn Tường
2, Hoàng Văn Cường
3, Nông Văn Đồng
4, Nguyễn Văn Phú
5, Lê Văn Tân
6, Vũ Thị Dung
7, Lê Văn Quân
8, Nông Văn Sỹ
9, HOÀNG VĂN THẢO
10, Nông Nguyễn Văn
11, Phạm Thu Dương
12, Triệu Văn Lợi
13, Lý Đắc Thuần
14, Lý Văn Công
15, Dg Văn Yên
16, Hoàng Văn Minh

BTPL03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bản Chăn xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh.

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện UBND xã Phú Linh

Ông: Vũ Văn Kiên - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nguyễn Văn Dung - Chức vụ trưởng thôn Bản Chăn

5. Các hộ gia đình cá nhân

Bà: Đặng Thị Vui - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Đồng - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Chanh - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Thày - thôn Bản Chăn

Ông: Đặng Văn Dần - thôn Bản Chăn

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Bản Chăn xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

Bãi đổ thải thuộc đất của các hộ:

Bà : Đặng Thị Vui - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Đồng - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Chanh - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Thày - thôn Bản Chăn
Ông: Đặng Văn Dần - thôn Bản Chăn

Vị trí: Trái tuyến VT đào sâu Km 141+800
- Diện tích khoảng: 7,5 ~~Ha~~ (7.500m²) Huyen
- Loại đất: RSX.
- Ý kiến của hộ gia đình: hộ gia đình tự nguyện nhất trí đổ thải phục vụ cho dự án, đền bù cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong, hoàn trả lại đất cho hộ tiếp tục sử dụng.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo ra mặt bằng cho vị trí đất nêu trên.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Tùng Tú	KT CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Vũ Văn Kiên
Công ty CP TVXD 422 Nguyễn Đình Tùng	**ĐẠI DIỆN THÔN** Nguyễn Đắc Dũng

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Phú Linh.

Ông: Vương Thế Anh - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Bà: Đặng Thị Vui - Ký tên.....

Ông: Đặng Văn Đồng - Ký tên:.....

Ông: Đặng Văn Chanh - Ký tên:.....

Ông: Đặng Văn Thày - Ký tên:.....

Ông: Đặng Văn Dần - Ký tên:.....

BTPL03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bản Lắp xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nông Văn Dưỡng - Chức vụ: Bí thôn Bản Lắp;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

~~Bà:~~ Ông: Dương Phi Trường - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;

Ông: Triệu Bình Nguyên - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Dương Đức Thường - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;
Ông: Triệu Bình Nguyên - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;
Diện tích: ...2500..... m^2; loại đất .....
Lý trình: Cao tốc Km192+250.m, cách cao tốc khoảng 0,5 km.

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	Lục Anh Tú
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tuấn	Nông Văn Dương

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú linh

Ông: Nông Văn Phúc ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Dương Đức Trường ký tên:.....

Ông: Trần Thị Nguyên ký tên:.....

BTPLOSB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bản Lắp xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nông Văn Dưỡng - Chức vụ: Bí thôn Bản Lắp;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Nông Văn Vân - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;

Bà: Hứa Thị Phân - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;
Ông: Hứa Văn Bình - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Ông: Nông Văn Vân - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;
Bà: Hứa Thị Phân - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp;
Ông: Hứa Văn Bình - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp
Diện tích: 10.000 m^2; loại đất ONT, CLN

Lý trình: Cao tốc Km 142+ 900m, Tiếp cận đường tỉnh ĐT.184.....

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG**	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
Nguyễn Song Tứ	**Lục Anh Tú**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tùng	Nông Văn Dương

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú linh

Ông: Nông Văn Phúc ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Nông Văn Vân ký tên:.....

Bà: Hứa Thị Phân ký tên:..... K.T Nguyễn Văn Huyên (con)

Ông: Hứa Văn Bình ký tên:.....

BTPL04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2026 tại hội trường thôn Bản Lắp xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó Giám đốc QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Phú Linh.

Ông: Mông Đức Nghĩa - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế;
Ông: Vương Thế Anh - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng KSĐH

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Nông Văn Dưỡng - Chức vụ: BT thôn Bản Lắp ;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông: Lê Việt Cường - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Linh Hồ tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải số BTPL thuộc đất của:

Ông: Lê Việt Cường - Địa chỉ: Thôn Bản Lắp

Diện tích: ....33.000.... m^2, Loại đất: .....RSX.....

Lý trình : ....Km145+500.....

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình và UBND xã Linh Hồ cũng như các đơn vị liên quan.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ**
Nguyễn Song Tứ	**Mông Đức Nghĩa**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tráng	

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Dũng , ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền , ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú Linh

Ông: Vương Thế Anh, ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Ông: Lê Việt Cường Ký tên:.....

BTPL05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bắc Ngàn xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Lý Thanh Điệp - Chức vụ: Trưởng thôn Bắc Ngàn;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: La Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Hiệu - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;

Ông: Lý Văn Gia - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Thức - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Phan Văn Chung - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Đức Hiển - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Phan Văn Thành - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Tô Văn Chuẩn - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Tô Văn Kỳ - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Chài - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: La Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Hiệu - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Gia - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Thức - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Phan Văn Chung - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn (gia đình tự nguyện tháo dỡ nhà và chuồng trại, không đền bù);
Ông: Lý Đức Hiển - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn (gia đình tự nguyện tháo dỡ nhà và chuồng trại, không đền bù);
Ông: Phan Văn Thành - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn (gia đình tự nguyện tháo dỡ nhà và chuồng trại, không đền bù);
Ông: Tô Văn Chuẩn - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Tô Văn Kỳ - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn;
Ông: Lý Văn Chài - Địa chỉ: Thôn Bắc Ngàn (trên đất có ngôi mộ vô chủ gia đình cam kết tự di chuyển trước khi đổ thải);

Diện tích: 13.000 m^2; loại đất ONT, CLN.

Lý trình: Cao tốc Km136+700m, cách cao tốc khoảng 2 km (phạm vi cầu 20). Tiếp cận theo tuyến đường tỉnh 184 (tại lý trình 184, km 10+00m).

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành.

Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Song Tứ

Đ/D PHÒNG KINH TẾ

Lục Anh Tú

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z

Nguyễn Đình Tương

ĐẠI DIỆN THÔN

Lý Thanh Tiếp.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú linh

Ông: Nông Văn Phúc ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: La Thị Hương ký tên: KT. Lý Văn Gia

Ông: Lý Văn Hiệu ký tên: Hiệu

Ông: Lý Văn Gia ký tên: Gia

Ông: Lý Văn Thức ký tên: KT. Hiệu (Lý Văn Thức)

Ông: Phan Văn Chung ký tên: Chung

Ông: Lý Đức Hiển ký tên: Hiển

Ông: Phan Văn Thành ký tên: Thành

Ông: Tô Văn Chuẩn ký tên: Chuẩn

Ông: Tô Văn Kỳ ký tên: Kỳ

Ông: Lý Văn Chài ký tên: KT. Chài. Nguyễn Thị Dần

BTPL 06+07+08+09+10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại hội trường thôn Bản Mường xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phả Thị Bích - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Mường;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Đất trụ sở thôn - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

Bà: Hoàng Thị Bài - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

Bà: Phí Thị Hoa - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

Ông: Lý Hải Chuyền - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

Ông: Lý Văn Lập - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

Ông: Lý Văn Đoàn - Địa chỉ: Thôn Bản Mường;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

- Đất trụ sở thôn, diện tích 2.900m2 (quá trình vận chuyển đất có hỏng đường đoạn đường bê tông thôn cam kết tự sửa chữa và tháo dỡ tường rào xây, có trách nhiệm đảm bảo an toàn học sinh điểm trường);

- Bà: Hoàng Thị Bài, diện tích 1.800m2;

- Bà: Phí Thị Hoa, diện tích 1.500m2 (gia đình tự nguyện tháo dỡ nhà và chuồng trại, không đền bù);

- Ông: Lý Hải Chuyền; diện tích 800m2, hiện trạng ao cạn đang trồng khoai môn);

- Ông: Lý Văn Lập, diện tích 700 m2, hiện trạng ao cạn;

-Ông: Lý Văn Đoàn, diện tích 800m2, hiện trạng ao cạn,

- Tổng diện tích: 7.000 m^2; loại đất ONT, CLN, AO.

- Lý trình: Cao tốc Km136+700m (phạm vi cầu 20). Tiếp cận theo tuyến đường tỉnh 184 (Đất trụ sở thôn tại lý trình ĐT 184, km 11+400m; Hoàng Thị Bài tại lý trình ĐT 184, km 11+050m; Bà: Phí Thị Hoa tại lý trình ĐT184, km 10+500m; Lý Hải Chuyền, Lý Văn Lập, cách cao tốc 1,5km).

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành.

Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Song Tứ

Đ/D PHÒNG KINH TẾ

Lục Anh Tú

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z

Nguyễn Đình Tuấn

ĐẠI DIỆN THÔN

Phùng Thị Biển

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú linh

Ông: Nông Văn Phúc ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Đất trụ sở thôn ký tên: Phùng Thị Biển

Bà: Hoàng Thị Bài ký tên: Nguyễn Văn Tân

Bà: Phí Thị Hoa ký tên: Phí Thị Hoa

Ông: Lý Hải Chuyền ký tên:

Ông: Lý Văn Lập ký tên: Bế Thị Hằng

~~Bà: Bế Thị Hằng ký tên: Bế~~

Ông: Lý Văn Đoàn Kí bởi Nguyễn Thị Thanh

BTPL11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi giờ 30 phút ngày 24 tháng 07 năm 2026 tại thôn Bản Noong xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế;
Ông: Nông Văn Phúc - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế;

3. Đại diện công ty cổ phần A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Phó phòng KS Địa hình

4. Đại diện thôn bản.

Ông: Phà Văn Luận - Chức vụ: Trưởng thôn Bản Noong;

5. Các hộ gia đình, cá nhân.

Bà: Lục Thị Tiên - Địa chỉ: Thôn Bản Noong;
Ông: Nguyễn Văn Trà - Địa chỉ: Thôn Bản Noong;

III. Kết quả rà soát:

Các thành phần tiến hành họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí như sau:

Vị trí bãi đổ thải thuộc đất của:

Bà: Lục Thị Tiên, diện tích thuộc đất rừng sản xuất. Hiện trạng đã đổ đất đá một phần (gia đình tự nguyện tháo dỡ nhà và chuồng trại, không đền bù);

Ông: Nguyễn Văn Trà, diện tích thuộc đất rừng sản xuất số AO781802, cấp ngày 16/12/2008. Hiện trạng đã đổ đất đá thải một phần.

Diện tích: 17.000 m^2; loại đất RSN.

Lý trình: Cao tốc phạm vi Nút giao Km 128+ 800 m, cách cao tốc khoảng 1,5 km .Tiếp cận theo tuyến đường tỉnh 184 (tại lý trình 184, km 1+500m).

Ý kiến của hộ gia đình: Hộ gia đình tự nguyện nhất trí cho sử dụng đất để làm bãi đổ thải, bồi thường cây cối hoa màu, vật kiến trúc, tài sản trên đất và đổ đất và san gạt tạo mặt bằng, sau khi đổ thải xong hoàn trả đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

Các ý kiến khác:

Đoàn kiểm tra qua khảo sát thực địa đánh giá việc đổ vật liệu thừa, đất đá của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy là phù hợp. Sau khi đổ sẽ được san gạt tạo mặt bằng cho vị trí đất nêu trên. Thuận tiện cho việc quản lý sử dụng cho hộ gia đình.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nge nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 30 phút cùng ngày.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Song Tứ	**Lục Anh Tứ**
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN A2Z	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Đình Tùng	phó trưởng thôn

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

Đại diện ban quản lý dự án các công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa ký tên:.....

Đại diện Phòng kinh tế xã Phú linh

Ông: Nông Văn Phúc ký tên:.....

Đại diện hộ gia đình:

Bà: Lục Thị Tiên ký tên:..Con..K.T...Thị..nguyên..Văn Trà

Ông: Nguyễn Văn Trà ký tên:.....Trà...nguyên..Văn Trà.....

BTHG 01

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2026

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc rà soát các vị trí bãi đổ thải và khu tái định cư Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 9/6/2026 về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 17/6/2026 về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ công văn số 727/BDACT-QLDA ngày 19/6/2026 v/v rà soát các vị trí bãi đổ thải và khu tái định cư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 01/07/2026 tại UBND phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN

1. Đại diện: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

- Ông: Nguyễn Song Tứ — Chức Vụ: Phó giám đốc Ban QLDA
- Ông: Nguyễn Văn Dũng — Chức vụ: Phó Giám đốc dự án, tổ trưởng
- Ông: Quán Anh Hiếu — Chức vụ: Thành viên tổ QLDA.

2. Đại diện: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

- Ông: Phạm Việt Hùng — Chức Vụ: Phó tổng giám đốc
- Ông: Nguyễn Đình Tráng — Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

3. Đại diện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường Hà Giang 1

- Ông: Lê Văn Tới - Chức vụ: P. Trưởng phòng;
- Bà Phạm Thị Vân - Chức vụ: Chuyên viên

II. NỘI DUNG

1. Đối với các vị trí bãi đổ vật liệu thừa

Ban Quản lý dự án đã phối hợp với UBND phường Hà Giang 1 và đơn vị tư vấn kiểm tra thực địa, sơ bộ xác định các vị trí dự kiến làm bãi đổ thải của dự án.

- Vị trí 1: Đường xuống bãi cát thuộc TDP 28-Tân Tiến cũ nay là TDP 04 - Thôn Tha: Diện tích khoảng 10,000 m2; hiện trạng trên đất đang có cây cối hoa màu do các hộ gia đìn, cá nhân đang quản lý sử dụng (chưa xác định ranh giới, chủ sử dụng đất cụ thể của từng chủ sử dụng đất). Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn phối với UBND phường đo đạc xác định ranh giới đất cụ thể thửa đất của từng hộ gia đình, cá nhân.

- Vị trí 2: Địa chỉ thửa đất thuộc TDP 31 - Hạ Thành cũ (đường xuống bãi cát, diện tích 2653,3m2, thửa đất số 23, tờ bản đồ 16 (đất trồng cây hàng năm khác) đất công ích do UBND phường quản lý.

2. Đối với vị trí khu tái định cư

Ban Quản lý dự án đã phối hợp với UBND phường Hà Giang 1 đã rà soát, xác định được vị trí dự kiến bố trí khu tái định cư phục vụ Dự án. Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế tại hiện trường, các bên thống nhất lựa chọn và bố trí các khu tái định cư để thực hiện việc di chuyển, sắp xếp chỗ ở cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi Dự án, cụ thể như sau:

Vị trí dự kiến khu TĐC là khu đất đã được UBND Hà Giang thu hồi tại Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 để thực hiện xây dựng công trình nghĩa trang nhân dân và khu đất đã được UBND thành phố Hà Giang thu hồi tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 để thực hiện dự án khu xử lý chất thải rắn tại xã Phương Độ cũ. Toàn bộ vị trí khu đất này đã được UBND thành phố Hà Giang cũ bàn giao cho Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp quản lý cho đến nay (theo biên bản bàn giao ngày 01/6/2021)

Diện tích dự kiến: 5.3 (ha).

Địa điểm: TDP 13 - Thôn Lúp, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

- Quy mô, diện tích và số lượng lô đất tái định cư sẽ được rà soát, xác định chính xác trên cơ sở kết quả kiểm đếm, khảo sát, thiết kế chi tiết và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giao đất tái định cư cho các hộ dân phải được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

III. KẾT LUẬN

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, biên bản này làm cơ sở tính toán, thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật. Biên bản được lập thành 03 bản thông qua các bên cùng nghe và nhất trí, có giá trị pháp lý như nhau.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG HÀ GIANG 1**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Lê Văn Tới**

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

Nguyễn Đình Tráng

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

- Ông: Nguyễn Văn Dũng — Ký tên: .....
- Bà: Quản Anh Hiếu — Ký tên: .....

2. Đại diện: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z.

- Ông: Nguyễn Đình Tráng — Ký tên: .....

3. Đại diện: Phòng kinh tế - Hạ tầng và đô thị phường Hà Giang 1

- Bà: Phạm Thị Vân — Ký tên: .....

BTHG 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc lấy ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân có đất tại vị trí đổ thải vật liệu liên quan đến dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, vào hồi 17 giờ 00 phút ngày tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở nhà Văn hóa tổ dân phố 13 - Thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi gồm có:

II. THÀNH PHẦN

1. Đại diện: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA;
Ông: Lương Minh Đức - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA;
Ông: Quán Anh Hiếu - Chức vụ: Tổ viên tổ QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Ông: Lê Văn Tới - Chức vụ: Phó trưởng phòng;
Bà: Phạm Thị Vân - Chức vụ: Chuyên viên.

3. Đại diện Công ty CP TVXD A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

3. Đại diện Tổ dân phố 13 - Thôn Tha

Ông: Nguyễn Văn Trụ - Chức vụ: Tổ trưởng.

4. Các hộ gia đình, cá nhân có đất tại khu dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu.

1.Ông: Nguyễn Văn Nguyên;
2. Ông: Nguyễn Văn Dược;
3. Ông: Nguyễn Văn Thăng;
4. Ông: Nguyễn Thế Vinh;
5. Ông: Nguyễn Văn Sống;
6. Ông: Nguyễn Đình Chương;
7. Ông: Nguyễn Văn Chuyền;
8. Ông: Nguyễn Văn Phiên;
9. Ông: Nguyễn Văn Lâm;
10. Bà Lê Thị Huệ.

III. NỘI DUNG.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp Phòng KTHT&ĐT phường Hà Giang 1, Tổ trưởng TDP 13- Thôn Tha và 10 hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình, cá nhân.

Ông Quán Anh Hiếu, đại diện ban QLDA công trình tỉnh thông qua nội dung buổi làm việc và thông qua các vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc, trong đó có 01 vị trí liên quan đến diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân và thông báo qua hình thức đổ thải,vật liệu đổ thải, loại đất đổ thải là đất màu, sau khi thực hiện xong và san gạt trả lại mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân để canh tác, thiệt hại về cây cối, hoa màu trên đất sẽ được hỗ trợ, bồi thường theo quy định. Đề nghị các hộ gia đình họp, thống nhất cho ý kiến để BQLDA làm cơ sở cho các bước tiếp theo.

+ Vị trí Bãi thải BTHG1-02: Phải QL2 đoạn Km298+900 (đường xuống mỏ cát) Lý trình cao tốc: Km154 (PT) cách tim tuyến 320m.

+ Diện tích khoảng: 9.000m^2. Chiều cao dự kiến đổ: 5-7m.

* Ý kiến tham gia tại buổi họp:

- Ý kiến ông: Nguyễn Văn Chuyền, về cơ bản tôi nhất trí với chủ trương của dự án làm đường cao tốc cũng như vị trí dự kiến làm bãi đổ thải. Đề nghị

BQLDA trước khi đổ thải phải tiến hành đo đạc, cắm mốc ranh giới đất cho các hộ gia đình, vật liệu đổ thải phải đảm bảo để sau này các hộ gia đình còn canh tác sử dụng trồng cây hoa màu, không đổ các vật liệu khác làm ảnh hưởng đến thoái hóa đất….

- Ý kiến ông Nguyễn Văn Dược, gia đình tôi có đất tại vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA trước khi đổ thải phải đo đạc, cắm mốc ranh giới đất, tránh tình trạng sau khi đổ đất tạo mặt bằng lại xảy ra tình trạng tranh chấp đất đai.

Các hộ gia đình khác còn lại đều nhất trí khu vực dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA xác định ranh giới đất cụ thể cho từng hộ gia đình, và bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong đề nghị chủ đầu tư san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

+ Vị trí Bãi thải BTHG1-03: Phải QL2 đoạn Km296+300 (đường xuống mỏ cát) Lý trình cao tốc: Km152+100 (PT) cách tim tuyến 320m.

+ Diện tích khoảng: 2.200m^2. Chiều cao dự kiến đổ: 5m.

+ Loại đất: HNK. Đất công đang được UBND phương Hà Giang 1 quản lý

- Ý kiến ông Nguyễn Văn Trụ, tổ trưởng TDP 13 - Thôn Tha: Nhất trí vị trí khu vực dự kiến làm bãi đổ thải của dự án đường cao tốc, đề nghị BQLDA phối hợp các đơn vị có liên quan, các hộ gia đình, cá nhân có đất tại khu vực đo đạc, xác định ranh giới, cắm mốc cụ thể cho từng hộ gia đình và có phương án đổ thải theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực.

IV. KẾT LUẬN

- Các hộ gia đình, cá nhân có đất tại khu vực dự kiến bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc đều đồng ý vị trí đổ thải.

- BQLDA có trách nhiệm phối hợp các đơn vị liên quan, các hộ gia đình, cá nhân có đất tại khu vực đo đạc xác định ranh giới đất cho từng hộ gia đình, kiểm kê, bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong sẽ san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

- Trong quá trình đổ thải vật liệu phải đảm bảo an toàn, đảm bảo vệ sinh, môi trường cho khu vực.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Song Tú	Lê Văn Tố

ĐẠI DIỆN THÔN

Nguyễn Văn Trực

Công ty CP TVXD A2Z

Nguyễn Đình Tuấn

A. CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Lương Minh Đức - Ký tên:.....

Ông: Quán Anh Hiếu - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị.

Ông: Phạm Thị Vân..... - Ký tên:.....

Ông: ..... - Ký tên:.....

B. CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KÝ TÊN

Ông: Nguyễn Văn Nguyên - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Dược - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Thăng - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Thế Vinh - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Sống - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đình Chương - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Phiến - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Lâm - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Đức - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Văn Chuyền - Ký tên:.....

Bà: Lê Thị Huệ - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn văn Thuận - ký tên:

Ông: Nguyễn văn Thuận - ký tên:

BTT03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Thực hiện giấy mời số 210/GM-BDACT ngày 27/7/2026 của BQL dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang. Về việc phối hợp tổ chức họp dân và kiểm tra thực địa các vị trí bãi đổ thải dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 29 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Giang Nam xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

- Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
- Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Thanh Thủy.

- Ông: Lệnh Văn Dự - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã.
- Ông: Nguyễn Xuân Thắng - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế
- Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế
- Ông: Lê Duy Hưng - Chức vụ: Phó công an xã

3. Đại diện Công ty CP TVXD A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

4. Đại diện thôn Thanh Sơn.

- Ông: Nguyễn Hồng Viết - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Nội Dung.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã Thanh thủy, trưởng thôn Thanh Sơn và các hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình, cá nhân.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất dự kiến như sau:

- Vị trí Bãi thải BTTT-03:

- Tổng diện tích: 40.000m^2; vị trí, địa điểm tại thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy; Lý trình cao tốc: Km157 +200 (PT)

- Điểm tiếp cận thuộc QL2 đoạn Km301+550 (PT) Lý trình cao tốc: cách tim tuyến 500m

- Loại đất: NHK; BHK; LUK; TSN

- Diện tích khoảng: 40.000m^2. Chiều cao dự kiến đổ: 5-7m.

(Có danh sách hộ gia đình kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình đều nhất trí, đồng ý vị trí đổ thải khu vực dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA xác định ranh giới đất cụ thể cho từng hộ gia đình, và bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong đề nghị chủ đầu tư san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

IV. KẾT LUẬN

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ XÃ
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Long Tú	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÓ TRƯỞNG PHÒNG Nguyễn Xuân Thắng
CÔNG AN XÃ	ĐẠI DIỆN THÔN
	Nguyễn Hồng Việt

Công ty CP TVXD A2Z

Nguyễn Đình Trang

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT QUY HOẠCH BÃI ĐỔ THẢI THÔN THANH SƠN XÃ THANH THỦY TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo biên bản ngày 29/7/2026)

STT	Họ và tên	Ký xác nhận
1	Nguyễn Văn Dứng	Dứng
2	Nguyễn Văn Huy	Huy
3	Nguyễn Thị Lã	KT Lã
4	Nguyễn Văn Chinh	
5	Nguyễn Văn Dưỡng	KT. Dưỡng
6	Nguyễn Văn Hiến	KT Hiến
7	Nguyễn Văn Hạt	Hạt
8	Nguyễn Văn Tân	
9	Hà Quốc Niệm	
10	Hà Văn Thắng	
11	Hà Văn Sận	KT Sận
12	Hà Phúc Hiếu	
13	Hà Văn Khỏe	Khoẻ
14	Hoàng Thị Nga	Nga
15	Viên Nguyễn Sơn	

16	Hà Minh Chính	
17	Nguyễn Đại Dương	

BTTT 03A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 29 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Nà Thải **xã Thanh Thủy** tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Thanh Thủy.

- Ông: Lệnh Văn Dự - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã.
- Ông: Nguyễn Xuân Thắng - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế
- Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế
- Ông: Lê Duy Hưng - Chức vụ: Phó công an xã

3. Đại diện Công ty CP TVXD A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

4. Đại diện thôn Nà Thải.

- Ông: Nguyễn Hồng Viết - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Kết quả rà soát.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã Thanh thủy, trưởng thôn Thanh Sơn và các hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình, cá nhân.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất dự kiến như sau:

- Vị trí Bãi thải BTTT-03A:

- Tổng diện tích: 50.000m^2, vị trí, địa điểm tại thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy; Lý trình cao tốc: Km159 +850 (Phải tuyến)

- Điểm tiếp cận thuộc QL2 đoạn Km302+000 (Phải tuyến) Cách tim tuyến 500m

- Loại đất: NHK;

- Diện tích khoảng: 50.000m^2.

- Chiều cao dự kiến đổ: 5-7m.

(Có danh sách hộ gia đình kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình đều nhất trí, đồng ý vị trí đổ thải khu vực dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA xác định ranh giới đất cụ thể cho từng hộ gia đình, và bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong đề nghị chủ đầu tư san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

IV. KẾT LUẬN

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC	KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Tùng Tới	Nguyễn Xuân Thắng
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
	Nguyễn Hồng Việt

Công ty CPTVXD A2Z

Nguyễn Đình Trang

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT QUY HOẠCH BÃI ĐỔ THẢI THÔN THANH SƠN XÃ THANH THỦY TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo biên bản ngày 29/7/2026)

STT	Họ và tên	Ký xác nhận
1	Nguyễn Văn Thỏng	
2	Vi Văn Dú	
3	Nguyễn Văn Lòng	Lòng
4	Nguyễn Văn Tiến	
5	Nguyễn Văn Xoáy	
6	Hoàng Văn Tầm	
7	Nguyễn Văn Xuân	Phần KT Con
8	Nguyễn Văn Nhật	nhật
9	Nguyễn Thanh Nam	
10	Nguyễn Văn Kim	
11	Nguyễn Văn Trưởng	
12	Nguyễn Thị Kiên	
13	Nguyễn Văn Ngợi	Ngợi
14	Nguyễn Thị Triệu	
15	UBND xã	

BTTT04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Thanh Thủy.

- Ông: Lệnh Văn Dự - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã.
- Ông: Nguyễn Xuân Thắng - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế
- Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế
- Ông: Lê Duy Hưng - Chức vụ: Phó công an xã

3. Đại diện Công ty CP TVXD A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

3. Đại diện thôn Thanh Sơn.

- Ông: Nguyễn Hồng Viết - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Nội Dung.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã Thanh thủy, trưởng thôn Thanh Sơn và các hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình, cá nhân.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất dự kiến như sau:

- Vị trí Bãi thải BTTT-04:

- Tổng diện tích: 40.000m^2; vị trí, địa điểm tại thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy; Lý trình cao tốc: Km160+300(Trái tuyến)

- Điểm tiếp cận thuộc QL2 đoạn Km301+550 (Phải tuyến) Cách tim tuyến 500m

- Loại đất: BHK; TSN

- Diện tích khoảng: 40.000m^2. Chiều cao dự kiến đổ: 5-7m.

(Có danh sách hộ gia đình kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình đều nhất trí, đồng ý vị trí đổ thải khu vực dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA xác định ranh giới đất cụ thể cho từng hộ gia đình, và bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong đề nghị chủ đầu tư san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

IV. KẾT LUẬN

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	PHÒNG KINH TẾ XÃ
KT. GIÁM ĐỐC	KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	PHÒNG KINH TẾ
Nguyễn Tùng Tú	Nguyễn Xuân Thắng
CÔNG AN XÃ	ĐẠI DIỆN THÔN
Nguyễn Hồng Việt	Đặng Văn Liệt

Công ty CP TVXD A2Z

Nguyễn Đình Tường

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT QUY HOẠCH BÃI ĐỔ THẢI THÔN THANH SƠN XÃ THANH THỦY TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo biên bản ngày 29/7/2026)

STT	Họ và tên	Ký xác nhận
1	Nguyễn Văn Xuân	KT Con Phấn
2	Pa Thị Roàn	KT Con Phong
3	Nguyễn Văn Nguynh	Nguynh
4	Nguyễn Văn Thỏn	
5	UBND xã	

BTT 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 29 tháng 07 năm 2026 tại Hội trường thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Quán Anh Hiếu - Chức vụ: Viên chức.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Thanh Thủy.

Ông: Trương Tuấn Anh - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế.
Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Công chức phòng Kinh tế.

4. Đại diện thôn bản.

Ông: ..... - Chức vụ:.....
Ông: ..... - Chức vụ:.....

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Kết quả rà soát.

Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế xã Thanh Thủy, trưởng các thôn và các hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án Cao tốc Tuyên Quang Hà Giang (giai đoạn II) đoạn từ Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình như sau:

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất thu hồi như sau:

- **Vị trí Bãi thải BTTT-05:**
- Thuộc đất: UBND xã đang quản lý
- Tổng diện tích: 18.000 m^2
- Lý trình cao tốc: KM160+900
- Loại đất: RST
- Đường tiếp cận: thuộc lý trình Km160+900 (TT) cách khoảng 50m

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc lập bình đồ, đo vẽ xác định cụ thể khối lượng vị trí đổ thải.

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình nhất trí đổ thải các vị trí nêu trên. Đề nghị đơn vị tư vấn cùng chủ đầu tư kiểm tra vị trí nêu trên đảm bảo đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Long Tú	Trương Tuấn Anh

ĐẠI DIỆN THÔN

Đặng văn Liệt

BTTTOSA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất đá bóc hữu cơ (Đổ thải) Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Địa phận xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ Văn bản số 3782/SNNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Về việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động đổ đất, đá thải đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo kết luận số 123/TB-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Về việc thông báo kết luận của đồng chí Hoàng Gia Long - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

Căn cứ tiến độ thực hiện bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2026 tại Hội trường Giang Nam xã Thanh Thủy , tỉnh Tuyên Quang chúng tôi gồm có:

II. Thành phần tham gia.

1. Đại diện chủ đầu tư. (Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang).

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc ban QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.

2. Đại diện phòng Kinh tế xã Thanh Thủy.

- Ông: Lệnh Văn Dự - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã.
- Ông: Nguyễn Xuân Thắng - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế
- Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế
- Ông: Lê Duy Hưng - Chức vụ: Phó công an xã

3. Đại diện Công ty CP TVXD A2Z

Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Phó phòng khảo sát địa hình

4. Đại diện thôn Thanh Sơn.

- Ông: Nguyễn Hồng Viết - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình, cá nhân. ***(Có danh sách hộ gia đình)***

III. Kết quả rà soát.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang, chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã Thanh thủy, trưởng thôn Thanh Sơn và các hộ gia đình, cá nhân hiện đang quản lý sử dụng đất tại khu vực vị trí dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. cùng tiến hành kiểm tra thực địa, họp lấy ý kiến thống nhất của các hộ gia đình, cá nhân.

Các thành phần tiến hành kiểm tra hiện trạng, họp thống nhất vị trí dự kiến đổ thải dự án và so sánh nhu cầu cần đổ thải, vật liệu thừa của Dự án Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đoạn tuyến thuộc địa phận thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể vị trí đất dự kiến như sau:

- Vị trí Bãi thải BTTT-05A:

- Tổng diện tích: 11.000m^2; vi trí, địa điểm tại thôn Thanh Sơn xã Thanh Thủy; Lý trình cao tốc: Km161+500 (Trái tuyến)

- Điểm tiếp cận thuộc QL2 đoạn Km301+550 (Phải tuyến) Cách tim tuyến 150m

- Loại đất: BHK; RXS

- Diện tích khoảng: 11.000m^2. Chiều cao dự kiến đổ: 5-7m.

(Có danh sách hộ gia đình kèm theo)

Số diện tích, trữ lượng cụ thể sẽ có sau khi hoàn thành việc đo đạc bản đồ thu hồi đất và có quyết định phê duyệt dự án có cấp thẩm quyền phê duyệt.

***/ Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Ý kiến các hộ gia đình:

Các hộ gia đình đều nhất trí, đồng ý vị trí đổ thải khu vực dự kiến làm bãi đổ thải vật liệu thừa của dự án đường cao tốc. Đề nghị BQLDA xác định ranh giới đất cụ thể cho từng hộ gia đình, và bồi thường cây cối hoa màu trên đất (nếu có) cho các hộ gia đình, cá nhân, vật liệu đổ thải là đất màu và sau khi đổ thải xong đề nghị chủ đầu tư san gạt tạo mặt bằng, hoàn trả lại đất cho hộ gia đình tiếp tục sử dụng.

IV. KẾT LUẬN

UBND xã, Trưởng thôn và các hộ gia đình cam kết các vị trí rà soát nêu trên đủ điều kiện đổ thải theo Luật đất đai và các quy định pháp luật hiện hành. Đường tiếp cận, vấn đề môi trường không ảnh hưởng đến phạm vi lân cận. Đủ điều kiện để Chủ đầu tư đưa vào hồ sơ đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và lập dự toán điều phối cự li vận chuyển của dự án.

Qúa trình đổ thải có ý kiến vướng mắc của nhân dân UBND xã và thôn phối hợp Chủ đầu tư cùng nhau phối hợp giải quyết đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**PHÒNG KINH TẾ XÃ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tú	Nguyễn Xuân Thắng
CÔNG AN XÃ	**ĐẠI DIỆN THÔN**
Nguyễn Hồng Việt	Đặng Văn Liệt
Công ty CP TVXD A2Z	
Nguyễn Đình Tạng	

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐẤT QUY HOẠCH BÃI ĐỔ THẢI THÔN THANH SƠN XÃ THANH THỦY TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo biên bản ngày 29/7/2026)

STT	Họ và tên	Ký xác nhận
1	Nguyễn Văn Long	KT 2 (Thơ)
2	Mùng Văn Ban	2
3	Pa Văn Đoàn	KT Tuấn
4	UBND xã	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Linh Hồ ngày 08/07/2026 và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 07 tháng 08 năm 2026 tại thôn Nặm Dầu (Hội trường thôn Tân Lập cũ) xã Linh Hồ chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ	- Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng	- Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Bùi Quang Thắng	- Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền	- Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Vũ Đức Thiện	- Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế
Ông: Chu Mai Sơn	- Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế

3. Đại diện thôn Nặm Dầu.

Ông: Dương Công Soạn	- Chức vụ: Trưởng thôn

4. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

Ông: Hà Văn Ẹt	Nậm Thanh (Nặm Dầu mới)
Ông: Hà Ngọc An	Nậm Thanh (Nặm Dầu mới)
Ông: Nguyễn Văn Thuận (vắng)	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà: Nguyễn Thị Thanh Tường	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Bùi Đình Tới	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Dương Công Soạn	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Vũ Khắc Quang	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Hoàng Bảo Ngọc (vắng)	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Ôn	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Nguyễn Văn Tính	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Phảng (vắng)	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà: Nguyễn Thị Dung (vắng)	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Nguyễn Văn Chính	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Nguyễn Văn Sơn	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà : Lê Thị Liên (vắng)	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà: Đặng Thị Sinh	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Lý Văn Thắng	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Lý Đức Tuấn	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Quang	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Thị Hồng	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Dùi	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Thạch	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Nguyễn Trung Tuấn	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)

Ông: Đặng Văn Thiều	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Hội	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà: Lưu Thị Oanh	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Ông: Đặng Văn Hội	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)
Bà: Viên Thị Oanh	Lũng Loét (Nặm Dầu mới)

Có mặt: 21/26 hộ gia đình, vắng mặt 05 hộ gia đình.

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: 20/ 26 hộ gia đình nhất trí phương án tái định cư tại chỗ.

- 01 hộ gia đình ông Hà Văn Ẹt chưa lựa chọn phương án lý do: Họp gia đình, xin ý kiến gia đình rồi mới quyết định tái định cư tại chỗ hay tập trung.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN** **PHÒNG KINH TẾ** **TRƯỞNG PHÒNG**
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**

ĐẠI DIỆN BQL THÔN NẬM DÀU

Dương Công Soạn

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Bùi Quang Thắng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

THỐNG KÊ LÝ TRÌNH CÁC HỘ DÂN XÃ ẢNH HƯỞNG ĐỊA PHẬN XÃ LINH HỒ

STT	Họ và tên	Lý trình Km	Nguyện vọng của các hộ gia đình		Thôn	Ký tên	Điện thoại	Loại nhà	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung					
1	Hà Văn Ẹt	126+100 bên trái			Nậm Thanh (Nậm Dầu mới)		0977301645	nhà xây cấp 4	xin ý kiến gia đình
2	Hà Ngọc An	126+100 bên phải	x		Nậm Thanh (Nậm Dầu mới)	Bố Thắng	0339448595	nhà xây cấp 4	
3	Nguyễn Văn Thuận	128+120			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)			nhà xây cấp 4	vắng mặt
4	Nguyễn Thị Thanh Tường	128+120	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Nguyễn Thị Thanh Tường	0902831436	nhà xây cấp 4	Lấy tiền
5	Bùi Đình Tới	128+120	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Vũ Giang Nguyễn Thị Thu Giang	0962226146	nhà xây cấp 4	BR14
6	Dương Công Soạn	128+150	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Dương Công Soạn	0366.553064	nhà xây cấp 4	Bí Thư Thôn
7	Vũ Khắc Quang	128+530			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0915448944	nhà xây cấp 4	
8	Hoàng Bảo Ngọc	128+900			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)			BR12B-LK1 đi Qua đường điện	vắng mặt
9	Đặng Văn Ôn	128+650	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Vũ Thị Nguyệt	0989549359	nhà xây cấp 4	Nút Giao
10	Nguyễn Văn Tính	128+680 (PT)	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Nguyễn Văn Tính	0343523432	nhà sàn	lấy tiền
11	Đặng Văn Phàng	128+640 (PT)			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)			Nút Giao	vắng mặt
12	Nguyễn Thị Dung	128+700			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)			Nút Giao	vắng mặt
13	Nguyễn Văn Chính	128+720	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Lão Xuân	0865879998	nhà sàn	lấy tiền

14	Nguyễn Văn Sơn	128+780	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	con dâu chưa thi xong	0941033376	nhà cấp 4	Nút Giao
15	Lê Thị Liên	128+900	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)				vắng mặt
16	Đặng Thị Sinh	128+400			Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Đặng Hộ Sinh	0961708922	nhà cấp 4 và nhà sàn	xin ý kiến gia đình
17	Lý Văn Thắng	128+400 bên phải cái tuyến	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Cao Lý Văn Thắng	0354826994	nhà xây cấp 4	Nút Giao
18	Lý Đức Tuấn	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0835306897	02 nhà (01xây cấp 4, 01 nhà sàn)	Nút Giao
19	Đặng Văn Quang	128+400	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0377077462	nhà cấp 4	Nút Giao
20	Đặng Thị Hồng	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Hồng KT		nhà xây 2 tầng	Nút Giao
21	Đặng Văn Dùi	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Dùi	0398476983	nhà gỗ, nhà xây 2 tầng	Nút Giao
22	Đặng Văn Thạch	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Vợ cháu	0369075441	nhà cấp 4	Nút Giao
23	Nguyễn Trung Tuấn	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0868391887		Nút Giao
24	Đặng Văn Thiều	bên trái cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0338653875	nhà sàn bị ảnh hưởng	Nút Giao
25	Đặng Văn Hội	bên phải cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)	Vợ	0349397832	nhà cấp 4	Nút Giao
26	Lưu Thị Oanh	bên trái cái tuyến 184	x		Lũng Loét (Nậm Dầu mới)		0988535433	nhà cấp 4	Nút Giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Linh Hồ ngày 08/07/2026 và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 08 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở hội trường thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Bùi Quang Thắng - Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Vũ Đức Thiện - Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế
Ông: Chu Mai Sơn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế

3. Đại diện Thôn Ngọc Hà.

Ông: Thèn Chúng Tài - Chức vụ: Trưởng thôn

4. Đại diện Thôn Trung Sơn.

Ông: Thèn Văn Min - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

Ông: Sài Văn Tuyên Trung Sơn
Ông: Trần Văn Điển Trung Sơn
Bà: Đặng Thị Tịnh Trung Sơn

Ông: Trần Văn Lực (Mất) (cháu Lê Minh Công)	Trung Sơn
Ông: Ngô Văn Tá	Trung Sơn
Ông: Thào Mí Giáo	Trung Sơn
Bà: Nguyễn Thị Chiên	Trung Sơn
Ông: Nguyễn Văn Tuất	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Duy Văn	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Quốc Phòng	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Văn Chinh	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Văn Quyết	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Xuân Xuyến	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Văn Đồng	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông: Nguyễn Văn Tuyển	Thôn Đội 5 (ngọc hà)
Ông:Vương Văn Sự	Thôn Đội 5 (ngọc hà)

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng - thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: 07/07 hộ gia đình thuộc thôn Trung Sơn Linh Hồ có nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: 09/09 hộ gia đình thuộc thôn Ngọc Hà xã Linh Hồ có nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN PHÒNG KINH TẾ** **TRƯỞNG PHÒNG**
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**
ĐẠI DIỆN BQL THÔN NGỌC HÀ	**ĐẠI DIỆN BQL THÔN TRUNG SƠN**
Đỗ Xuân Cường	**Phạm Anh Tuấn**

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Bùi Quang Thắng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

THỐNG KÊ LÝ TRÌNH CÁC HỘ DÂN XÃ ẢNH HƯỞNG ĐỊA PHẬN XÃ LINH HỒ

STT	Họ và tên	Lý trình Km	Nguyện vọng của các hộ gia đình		Thôn	Ký tên	Điện thoại	Loại nhà	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung					
1	Sải Văn Tuyên	121+040	x		Trung Sơn	Tuyên	0973770784	nhà xây cấp 4	
2	Trần Văn Điểm	121+340	x		Trung Sơn	Điểm	0350206126	nhà xây cấp 4	
3	Đặng Thị Tịnh	121+340	x		Trung Sơn	Tịnh	0917385966	nhà mái bằng	
4	Trần Văn Lực (Mất)	121+720	x		Trung Sơn	Kế Công (cháu)	0349210211	nhà xây cấp 4	
5	Ngô Văn Tá	121+750	x		Trung Sơn	Tuấn (Cháu)	0987.752.687.	nhà xây cấp 4	
6	Thào Mí Giáo	121+840	x		Trung Sơn	Thào Mí Giáo	0832996829	nhà xây cấp 4	
7	Nguyễn Thị Chiên	121+880	x		Trung Sơn	chiên	0358809606	nhà xây cấp 4	
8	Nguyễn Văn Tuất	122+200	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)		0985608281	nhà xây cấp 4	
9	Nguyễn Duy Văn	122+440	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Vũ Thị Nam	0385720558	nhà xây cấp 4	
10	Nguyễn Quốc Phòng	122+440	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Nguyễn Quốc Phòng	0855053910	nhà xây cấp 5	
11	Nguyễn Văn Chính	122+450	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)		0886488982	Nhà mái bằng	
12	Nguyễn Văn Quyết	122+510	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Quyết	0981127686	nhà xây cấp 4	
13	Nguyễn Xuân Xuyến	122+660	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)		0365782814	Nhà mái bằng	Bí thư Thôn
14	Nguyễn Văn Đồng	124+620	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Đồng Nguyễn Văn	0962119885	Nhà gỗ	Giáp cầu BR8
15	Nguyễn Văn Tuyến	124+750	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Huệ (vợ)	0332029699	Nhà mái bằng	
16	Vương Văn Sự	125+090	x		Thôn Đội 5 (ngọc hà)	Cỏ (vợ)	0868895147	nhà xây cấp 4	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Linh Hồ ngày 08/07/2026 và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 07 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở hội trường thôn Thủy Lâm xã Linh Hồ chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ	- Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng	- Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Bùi Quang Thắng	- Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Bà: Nguyễn Thị Tuyền	- Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Vũ Đức Thiện	- Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế
Ông: Chu Mai Sơn	- Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế

3. Đại diện Thôn Hai Luồng.

Ông: Thèn Chúng Tài	- Chức vụ: Trưởng thôn

4. Đại diện Thôn Thủy Lâm.

Ông: Thèn Văn Mìn - Chức vụ: Trưởng thôn

5. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

- Ông: Thèn Sào Tiến
- Ông: Lý Văn Tiến
- Ông: Lủ Văn Quang
- Ông: Lèng Văn Lương B
- Ông: Cháng Văn May
- Ông: Vàng Văn Sinh
- Ông: Dương Văn Tuyên
- Ông: Lèng Văn Hùng
- Ông: Cháng Thế Vinh
- Ông: Tráng Văn Cương
- Ông: Vàng Đức Trưởng
- Ông: Nùng Văn Sơn
- Ông: Lủ Văn Chỉ
- Ông: Lù Văn Trưởng
- Ông: Lủ Văn Lương
- Ông: Pảo Thìn Thắng
- Ông: Lù Văn Chấn

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: 07/08 hộ gia đình thuộc thôn Hai Luồng có nguyện vọng tái định cư tại chỗ. 01/08 hộ gia đình thuộc thôn Hai Luồng (hộ Dương Văn Tuyên) :xem xét họp gia đình về mong muốn của gia đình rồi mới quyết định.

- Ý kiến các hộ gia đình: 09/09 hộ gia đình thuộc thôn Khuổi Khài cũ (thôn Thủy Lâm mới) có nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	**ĐẠI DIỆN PHÒNG KINH TẾ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG PHÒNG**
Nguyễn Song Tứ	**Vũ Đức Thiện**
ĐẠI DIỆN BQL THÔN HAI LUỒNG	**ĐẠI DIỆN BQL THÔN THỦY LÂM**
Thèn Chúng Tài	**Thèn Văn Mìn**

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Bùi Quang Thắng - Ký tên:.....

Bà: Nguyễn Thị Tuyền - Ký tên:.....

2. Đại diện Phòng kinh tế.

Ông: Chu Mai Sơn - Ký tên:.....

THỐNG KÊ LÝ TRÌNH CÁC HỘ DÂN XÃ ẢNH HƯỞNG ĐỊA PHẬN XÃ LINH HỒ

STT	Họ và tên	Lý trình Km	Nguyện vọng của các hộ gia đình		Thôn	Ký tên	Điện thoại	Loại nhà	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung					
1	Thèn Sào Tiến	113+610	x		Thôn Hai Luồng	Tiến	0369698228	nhà sàn cột bê tông	
2	Lù Văn Quang	113+890	x		Thôn Hai Luồng	Quang	0974087261	nhà cấp 4	
3	Chàng Văn May	114+350	x		Thôn Hai Luồng	May	0385158233	nhà sàn gỗ	
4	Dương Văn Tuyên	114+710			Thôn Hai Luồng	Tuyên	0327327494	nhà cấp 4	xin ý kiến gia đình
5	Chàng Thế Vinh	114+780	x		Thôn Hai Luồng	KP.TA'14	0327563155	nhà sàn gỗ	
6	Vàng Đức Trường	115+260	x		Thôn Hai Luồng	Trường	0975955140	nhà cấp 4	
7	Lù Văn Chi	117+340	x		Khuổi Khài	Chi	0362134198	nhà sàn	
8	Lù Văn Lương	117+460	x		Khuổi Khài	Lương	0356720078	nhà sàn	
9	Lù Văn Chấn	117+640	x		Khuổi Khài	Chấn	0326826509	nhà sàn	
10	Lý Văn Tiến	117+800	x		Khuổi Khài	Vũ: Tiến	0336056115	nhà sàn	
11	Lèng Văn Lương B	117+890	x		Khuổi Khài	Gửi Vũ Giang	0732168783	nhà sàn	
12	Vàng Văn Sinh	117+930	x		Khuổi Khài	Sinh	0982648052	nhà sàn	
13	Lèng Văn Hùng	118+000	x		Khuổi Khài	Vũ. Hoạt	0865929030	nhà sàn	
14	Chàng Văn Cương	118+620	x		Khuổi Khài	Hồng	0378608725	nhà sàn	
15	Nùng Văn Sơn	118+740	x		Khuổi Khài		0342288532	nhà sàn	

16	Lù Văn Trường		x		Thôn Hai Luồng			Nhà sàn	
17	Pảo Thìn Thắng		x		Thôn Hai Luồng			Cấp 4	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Phú Linh và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 08 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở thôn Bản Chăn xã Phú Linh chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: P. Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế

Ông: Mông Đức Nghĩa - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã;
Ông: Vương Thế Anh - Chuyên viên phòng kinh tế phụ trách

3. Đại diện thôn Bản Chăn

Ông: Nguyễn Văn Dung - Trưởng thôn
Ông: Vi Chung Đoàn - Bí thư thôn

4. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

(Có danh sách kèm theo)

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống

nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Đồng chí Mông Đức Nghĩa: Trưởng phòng kinh tế xã triển khai chủ trương của Trung ương, tỉnh triển khai dự án cao tốc Tân Quang – Thanh Thủy (giai đoạn 2) thông qua một số nội dung thống nhất các hộ dân ảnh hưởng tuyến và nút giao Cao tốc trên địa bàn xã Phú Linh việc tái định cư tại chỗ hoặc tái định cư khu tập chung để có cơ sở TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: Các hộ gia đình nhất trí phương án tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi đất và Đề nghị UBND xã tạo điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư đối với vị trí mới.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Mông Đức Nghĩa**
TRƯỞNG THÔN BẢN CHĂN	**BT THÔN BẢN CHĂN**
Nguyễn Văn Dung	**Vi Chung Đoàn**

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế.

Ông: Vương Thế Anh - Ký tên:.....

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ LINH

THÔN BẢN CHẮN

(Kèm theo biên bản ngày 8/8/2026)

STT	Họ và tên	Nguyện vọng		Ký tên	SĐT	Số nhân khẩu	Ghi chú
		Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung				
1	Lê Trọng Chích	x			386093811	1	Nhà sàn gỗ
2	Chu Hồng Nhung	x			0366275311	4	Nhà xây cấp 4
3	Chu Văn Hải	x			0345900975	4 5	Nhà xây cấp 4
4	Chu Văn Tấn	x			0366275311	4 3	Nhà xây 2 tầng
5	Vi Văn Cấm				0893121696		Đền bù Chuồng trại
6	Vi Văn Phúc	x			0357909761	4	Nhà sàn gỗ
7	Vi thị thu Hằng	x			0342511326	2	Nhà xây
8	Vi Văn Mạnh	x			0392972461	5	Nhà sàn gỗ
9	Vi Văn Hải	x			0363956382	6	Nhà sàn gỗ
10	Nông Thanh Tùy	x			0823133444	4	Nhà xây
11	Hoàng văn Hưởng	x			0983.559.605	4	Nhà sàn gỗ
12	Hoàng văn Quản	x			0384150985	7	Nhà sàn gỗ

13	Nguyễn Văn Thư	x		Vũ Thông	0392002615	4	Nhà sàn gỗ + nhà đất
14	Nguyễn Văn Điều	x		Vũ Chiến	0387518724	2	Nhà sàn gỗ
15	Nguyễn Thị Thắm	x		Thắm	0343509365	6	Nhà sàn gỗ +Chuồng trại
16	Lục Văn Thinh			Thinh	0388028807		Đền bù Chuồng trại
17	Hoàng Tiến Phúc				0387675844		Đền bù Chuồng trại
18	Lục Văn Dương			KT Dương	0386590109		Đền bù Chuồng trại
~~19~~	~~Ngô Thị Chang~~						~~Đền bù Chuồng trại~~
~~19~~	Nguyễn Văn Minh			Minh	0966731296		Đền bù Chuồng trại
20	Tẻ Thị Nga	x			0326821083	3	Nhà gỗ

(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Phú Linh và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 08 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở thôn Bản Lắp xã Phú Linh chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: P. Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế

Ông: Mông Đức Nghĩa - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã;
Ông: Vương Thế Anh - Chuyên viên phòng kinh tế phụ trách

3. Đại diện thôn Bản Lắp

Ông: Lục Văn Tài - Trưởng thôn
Ông: Nông Văn Dưỡng - Bí thư thôn

4. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

(Có danh sách kèm theo)

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Mông Đức Nghĩa: Trưởng phòng kinh tế xã triển khai chủ trương triển khai dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), thông qua một số nội dung thống nhất các hộ dân ảnh hưởng tuyến và nút giao Cao tốc trên địa bàn xã Phú Linh, việc tái định cư tại chỗ hoặc tái định cư khu tập trung để có cơ sở TĐC cho dự án cao tốc.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: Các hộ gia đình nhất trí phương án tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi đất và Đề nghị UBND xã tạo điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư đối với vị trí mới.

- 03 hộ gia đình cá nhân chưa lựa chọn phương án tái định cư xin ý kiến gia đình sau mới đưa ra quyết định.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Mông Đức Nghĩa**
TRƯỞNG THÔN	**BÍ THƯ THÔN**
Lục Văn Tài	**Nông Văn Dưỡng**

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế.

Ông: Vương Thế Anh - Ký tên:.....

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÔN BẢN LẤP (Lấp 1 và Lấp 2 cũ) XÃ PHÚ LINH

(Kèm theo biên bản ngày 8/8/2026) ***(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)***

STT	Họ và tên	Nguyện vọng		Ký tên	SĐT	Thôn	Nhà	Ghi chú
		TĐC tại chỗ	TĐC tập trung					
1	Vi Văn Ngọ	x		Ngọ		(Thôn Lấp) II	Nhà sàn Gỗ	
2	Vi Văn Nghiệp					(Thôn Lấp) II	Nhà sàn gỗ	Vắng mặt
3	Vi Văn Sự	x		Sự		(Thôn Lấp) II	Nhà sàn BT	
4	Vi Văn Nghĩa	x		Nghĩa		(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	
5	Vi Văn Thế	x		Thế		(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	
6	Hội trường thôn Lấp II					(Thôn Lấp) II	nhà cấp 4 -6 gian	
7	Dương Đức Trường	x		Trường		(Thôn Lấp) II	2 nhà (sàn BT, nhà đất gỗ)	
8	Hoài Văn Tuyên					(Thôn Lấp) II	Nhà xây	Vắng mặt
9	Dương Công lợi	x		Lợi		(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	
10	Hoài Văn Trọng	x		Trọng		(Thôn Lấp) II	2 nhà (sàn BT, nhà đất gỗ)	
11	Sầm Văn Diễn					(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	Vắng mặt
12	Lý Văn Bằng			Bằng	033 571 3338	(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	Xin ý kiến gia đình
13	Lý Văn Nho	x		Nho		(Thôn Lấp) II	Nhà gỗ	

STT	Họ và tên	Nguyện vọng		Ký tên	SĐT	Thôn	Nhà	Ghi chú
		TĐC tại chỗ	TĐC tập trung					
14	Lý Văn Thiên	x		Thiên		(Thôn Lắp) II	Nhà gỗ	
15	Sầm Văn Chiến	x		Chiến	0375615389	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn BT	
16	Sầm Văn Tính			Tính	0343169066	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn gỗ	Xin ý kiến gia đình
17	Vi Văn Chích	x		Chiến con	0332861884	(Thôn Lắp) II	Nhà gỗ	
18	Lục Văn Hùng	x		Vũ Hiền	0348563731	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn bê tông cọc	
19	Lục Văn Tinh	x		Vũ Thức	0368796287	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn bê tông	
20	Lục Văn Phúc	x		KT Hậu (con)	0965783309	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn gỗ	
21	Lục Văn Cường	x		Cường	0335238143	(Thôn Lắp) II	Nhà sàn gỗ	
22	Lý Thị Nga	x		Nga		(Thôn Lắp) II	Nhà sàn	
23	Lục Văn Lợi					(Thôn Lắp) II	Nhà xây	Vắng mặt
24	Nguyễn Thị Nhuần					(Thôn Lắp) II	Nhà xây	Vắng mặt
25	Hoàng Văn Huệ	x		Huệ		(Thôn Lắp) II	Nhà sàn gỗ	
27	Hoàng Văn Bình	x		Bình	0383381348	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn BT	
28	Hoàng Văn Đô	x		Đô	0352172118	(Thôn Lắp) I	Nhà xây 2 tầng	
29	Lý Văn Phúc	x		phúc	0376819652	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn BT	
30	Vi Văn Bạch	x		Bạch	0916373674	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	

STT	Họ và tên	Nguyện vọng		Ký tên	SĐT	Thôn	Nhà	Ghi chú
		TĐC tại chỗ	TĐC tập trung					
31	Lý Văn Hiệp	x		H Cập	0395531301	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
32	Vi Văn Đường	x		Đường	0389052762	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
33	Hoàng Văn Chung	x		Chung.		(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
34	Lý Văn Lâm	x		Lâm	0364610727	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn BT	
35	Lý Văn Bình	x		Bình	0965199342	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
36	Nguyễn Văn Thượng	x		Thượng	0975505640	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
37	Lý Văn Tế	x		TC	0338048213	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	
38	Hoàng Văn Hợi	x		KT. Võ Quyền	0856777991	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
39	Hoàng Văn Xuyên	x		Võ Xuyên	0347058090	(Thôn Lấp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao
40	Hoàng Văn Vị	x		Vị	0392772185	(Thôn Lấp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao
41	Phí Thị Mầm	x		Mầm		(Thôn Lấp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao
42	Nguyễn Thị Điện	x		Điện	0979044650	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
43	Hoàng Thị Tươi	x		Tươi	0378459404	(Thôn Lấp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao
44	Hoàng Văn Toàn	x		Toàn	0333846974	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
45	Hoàng Văn Thắm	x		Thắm	0359533480	(Thôn Lấp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
46	Lý Thị Độ			Độ	Không nhớ	(Thôn Lấp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao Xin ý kiến gia đình

STT	Họ và tên	Nguyện vọng		Ký tên	SĐT	Thôn	Nhà	Ghi chú
		TĐC tại chỗ	TĐC tập trung					
47	Hoàng Văn Hưng	x		Hưng	0974563364	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
48	Hoàng Văn Hoa	x		Hoa		(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
49	Nguyễn Văn Dương	x		Vũ Dương	0972681553	(Thôn Lắp) I	Nhà gỗ	Nút giao
50	Vi Văn Giang	x		giang	0983711651	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
51	Nông Văn Trực			Trực	0394682047	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao (Kiểm tra lạ)
52	Vi Văn Bạch	x				(Thôn Lắp) I	Nhà gỗ+ nhà xây	Nút giao
53	Vi Kiên Phú	x		phú		(Thôn Lắp) I	Nhà gỗ	Nút giao
54	Vi Văn Minh	x		Minh	0355671934	(Thôn Lắp) I	Nhà gỗ	Nút giao
55	Hoàng Văn Thương	x		Thương	0965252806	(Thôn Lắp) I	nhà xây C4	Nút giao
56	Vi Văn Cường	x		Cường	0336646984	(Thôn Lắp) I	Nhà gỗ	Nút giao
57	Vi Văn Chinh	x		Vũ Duy Chinh	0353905475	(Thôn Lắp) I	Nhà đất gỗ	Nút giao
58	Vi Xuân Tài	x		Tài	0357288815	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
59	Vi Văn Hạnh	x		Vũ Phương	0352015289	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn BT	Nút giao
60	Vi Đình Mậu	x		Mậu	0392013675	(Thôn Lắp) I	Nhà sàn gỗ	Nút giao
61	Hoàng Văn Linh	x		Linh	0979517271	(Thôn Lắp) I	nhà xây C4	Nút giao
62	Nguyễn Văn Diện					(Thôn Lắp) II	Nhà sàn gỗ	Nút giao (vắng mặt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Phú Linh và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 08 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở thôn Tiền Phong (Nà Trừ cũ), xã Phú Linh chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: P. Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện Phòng kinh tế

Ông: Mông Đức Nghĩa - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã;
Ông: Vương Thế Anh - Chuyên viên phòng kinh tế phụ trách

3. Đại diện thôn Tiền Phong

Ông: Lý Văn Thọ - Trưởng thôn

4. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

(Có danh sách kèm theo)

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập

trung *(Có Biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Đồng chí Mông Đức Nghĩa: Trưởng phòng kinh tế xã triển khai chủ trương của Trung ương, tỉnh triển khai dự án cao tốc Tân Quang – Thanh Thủy (giai đoạn 2) thông qua một số nội dung thống nhất các hộ dân ảnh hưởng tuyến và nút giao Cao tốc trên địa bàn xã Phú Linh việc tái định cư tại chỗ hoặc tái định cư khu tập chung để có cơ sở TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: Các hộ gia đình nhất trí phương án tái định cư tại chỗ khi nhà nước thu hồi đất và Đề nghị UBND xã tạo điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư đối với vị trí mới.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 00 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**Đ/D PHÒNG KINH TẾ**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Song Tứ	**Mông Đức Nghĩa**

THÔN TIỀN PHONG

Lý Văn Thọ

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Ký tên:.....

2. Đại diện phòng Kinh tế.

Ông: Vương Thế Anh - Ký tên:.....

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ LINH

THÔN TIỀN PHONG

(Kèm theo biên bản ngày 8/8/2026)

STT	Họ và tên	Thôn	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Nhân khẩu đang cùng sinh sống	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung				
1	Hà Văn Chính	Tiền Phong (Nà Trừ cũ)			Chính	0338098406		Lá trại
2	Hà Văn Thượng	Tiền Phong (Nà Trừ cũ)	X		Thượng	0393480849	7	Nhà sàn
3	Hà Văn Thông	Tiền Phong (Nà Trừ cũ)	x		Thông	0985080747	2	Nhà gỗ tạm
4	Lý Trung Hổ	Tiền Phong (Nà Cọn cũ)	x		Hổ	0362276898	3	Nhà đất gỗ + nhà sàn

(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư của Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu thiết kế cơ sở sơ bộ tại UBND xã Tân Quang ngày 08/07/2026 (địa phận phường Hà Giang 1) đối với Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Thực hiện giấy mời số 216/GM-BDACT ngày 04 tháng 08 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang. Về việc tổ chức họp các hộ dân và kiểm tra thực địa vị trí dự kiến xây dựng khu tái định cư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 07 tháng 08 năm 2026 tại Hội trường thôn Tha Phường Hà giang 1. Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Lương Minh Đức - Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Ông: Nguyễn Khắc Dương - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện UBND phường Hà Giang 1.

Ông: Mao Quyết Thắng - Chức vụ: P. Chủ tịch UBND phường.
Ông: Lê Văn Tới - Chức vụ: Phó phòng KT-HT-ĐT.

3. Đại diện thôn bản:

Ông: Nguyễn Văn Trụ - Chức vụ: Tổ trưởng tổ 13 thôn Tha.
Ông: Nguyễn Văn Long - Chức vụ: Tổ trưởng tổ 14 thôn Tha.

4. Các hộ gia đình, cá nhân. Có mặt 32/35 hộ gia đình, vắng mặt 03 hộ.

(Có danh sách các hộ kèm theo biên bản).

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ gia đình có nhà ở nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Lê Văn Tới - Phó phòng KT-HT-ĐT điểm danh các hộ, thông qua nội dung của buổi làm việc.

- Đồng chí Lương Minh Đức thông qua các văn bản của Trung ương, UBND tỉnh liên quan đến thực hiện triển khai dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Thông quá các bước triển khai dự án. Danh sách các hộ dự kiến phải di chuyển nhà ở nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án

- Đồng chí Mao Quyết Thắng quán triệt thêm nội dung đề nghị các hộ gia đình cung cấp các giấy tờ liên quan đến đất của các hộ gia đình, thông qua sơ bộ các điểm dự kiến xây dựng khu tái định cư, lấy ý kiến nhân dân về việc nhu cầu tái định cư tại chỗ hoặc tái định cư tập trung.

Qua lấy ý kiến có 17/32 hộ gia đình có mặt tại cuộc họp đề nghị được tái định cư tập trung *(Trừ 3 hộ gia đình vắng mặt, chưa có ý kiến).*

- Ý kiến các hộ gia đình:

1. Ông: Nguyễn Văn Hồi tổ 14 thôn Tha nhất trí tái định cư tại chỗ tuy nhiên đề nghị cấp GCN đất ở cho hộ gia đình nhận tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án Công viên nước Hà Phương.

2. Các hộ gia đình đề nghị nhà nước sớm tổ chức cắm mốc GPMB để người dân nắm được ranh giới hành lang thu hồi đất, kiểm tra diện tích đất còn lại có đủ điều kiện chuyển mục đích sang đất ở để phục vụ tái định cư tại chỗ.

3. Mong muốn việc tái định cư tập trung có diện tích đủ để xây dựng nhà sàn và các công trình phục vụ sinh hoạt, nơi tái định cư thuận lợi canh tác sản xuất, phù hợp phong tục tập quán địa phương.

- Ý kiến UBND Phường Hà Giang 1:

UBND phường đề nghị Chủ đầu tư phối hợp tốt trong công tác trao đổi thông tin, sớm hoàn thiện hồ sơ thiết kế dự án, cắm mốc GPMB để nhân dân trong vùng dự án nắm được.

UBND phường sẽ phối hợp Chủ đầu tư nghiên cứu và đề xuất các địa điểm dự kiến xây dựng khu tái định cư, tuyên truyền vận động nhân dân trong vùng dự án đồng thuận nhất trí tuân thủ theo quy định pháp luật.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**UBND PHƯỜNG HÀ GIANG 1**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	U.B.N.D PHƯỜNG HÀ GIANG 1 T. TUYÊN QUANG
Nguyễn Công Bé	Mao Quyết Thắng
TỔ DÂN PHỐ 13 THÔN LÚP	**TỔ DÂN PHỐ 14 THÔN LÚP**
Nguyễn Văn Tây	Nguyễn Văn Long

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HÀ GIANG 1

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
1	Nguyễn Văn Hồi	Thôn Tha	X				
2	Chương Thị Chẩu	Thôn Tha					
3	Nguyễn Văn Tài	Thôn Tha	X				
4	Nguyễn Văn Thiện	Thôn Tha		X			
6	Nguyễn Văn Đoán	Thôn Tha		X	Đoán		
7	Nguyễn Văn Thắm	Thôn Tha		X			
8	Nguyễn Văn Hùng	Thôn Tha		X			
9	Nguyễn Văn Thới	Thôn Tha		X			
10	Nguyễn Văn Phước	Thôn Tha		X			Lối chăn nuôi
11	Nguyễn Văn Bút	Thôn Tha		X			
12	Nguyễn Văn Quốc	Thôn Tha	X	X			Tại chỗ
13	Nguyễn Văn Đang	Thôn Tha	X	X			Tập trung
14	Nguyễn Văn Học	Thôn Tha	X	X	Học		Tại đó
15	Nguyễn Văn Phú	Thôn Tha	X		Phú		
16	Nguyễn Văn Tiệp	Thôn Tha		X			
17	Nguyễn Văn Diễm	Thôn Tha	X		Diễm		
	Nguyễn Văn Huyến		X		Huyến		
	Nguyễn Văn Viên		X				

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
18	Nguyễn Văn Mơ	Thôn Tha	X		Mơ		
19	Nguyễn Thị Chứ	Thôn Tha	X		chứ		
20	Nguyễn Văn Trung	Thôn Tha	X		Trung		
21	Nguyễn Tiến Nhiệm	Thôn Tha		X	Nhiệm		
22	Nguyễn Văn Hiệu	Thôn Tha	X		Hiệu		
23	Nguyễn Văn Sáng	Thôn Tha	X	X			tập trung
24	Nguyễn Văn Thiện	Thôn Tha		X	Thiện		
25	Nguyễn Văn Mười	Thôn Tha		X	Mười		
26	Nguyễn Văn Lừng	Thôn Tha	X		Lừng		
27	Nguyễn Văn Duyến	Thôn Tha	X		Duyến		
28	Nguyễn Văn Hàng	Thôn Tha		X	Hàng		
29	Nguyễn Thị Hoa (Doái)	Thôn Tha		X	Hàng Hoa		Tại chỗ
30	Nguyễn Văn Huấn	Thôn Tha	X	X			Tại chỗ
31	Nguyễn Văn Thắm	Thôn Tha		X			
32	Nguyễn Văn Đạo	Thôn Tha	X		Đạo		
33	Nguyễn Văn Điển	Thôn Tha		X	Điển		

(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc phối hợp tổ chức họp dân, lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ gia đình trong phạm vi ảnh hưởng cần tái định cư thuộc Dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Giấy mời số 220/GM-BDACT ngày 04/08/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc phối hợp tổ chức họp dân và kiểm tra thực địa các vị trí dự kiến xây dựng khu tái định cư;

Căn cứ Buổi trình chiếu tại UBND xã Tân Quang ngày 09/07/2026 và tiến độ thực hiện Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Ban Quản lý dự án ĐXTD công trình tỉnh Tuyên Quang phối hợp với UBND xã tiến hành họp dân với nội dung như sau:

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 07 tháng 08 năm 2026

Địa điểm: Tại trụ sở UBND xã Tân Quang chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: Giám đốc QLDA.
Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện UBND xã Tân Quang.

Ông: Đỗ Hà Văn - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.
Ông: Lưu Văn Đông - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã.
Ông: Thiều Văn Hoàn - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã;

Ông: Bùi Đức Toàn - Chuyên viên phòng kinh tế phụ trách khu vực;
Ông: Nguyễn Thị Dung - Chuyên viên phòng HĐND- UBND.

3. Đại diện Ban quản lý các thôn

Ông: Hoàng Văn Thiện - Trưởng thôn Mục Lạn;
Ông Hoàng Văn Tuyển - Trưởng BCTMT thôn Mục Lạn;
Ông: Đặng Văn Đàn - Trưởng thôn Bản Cưởm;
Ông: Thào Văn Lèn - Bí thư thôn Bản Cưởm;
Bà : Bàn Thị Mùng - Trưởng BCTMT thôn Bản Cưởm;
Ông: Nguyễn Xuân Nhật - Bí thư chi bộ Mỹ Tân
Ông: Trần Văn Hoàng - Trưởng thôn Mỹ Tân;
Ông: Long Văn Thành - Trưởng BCTMT thôn Mỹ Tân

8. Các hộ gia đình nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án. Gồm 55 hộ dân có đất, nhà ở nằm trong phạm vi thu hồi và giải phóng mặt bằng của dự án trên địa bàn xã (*Có danh sách chi tiết kèm theo*).

III. Nội dung làm việc.

Tổ chức họp công khai với các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2):

1. Thông báo chủ trương, vị trí, phạm vi ranh giới dự kiến thu hồi đất và dự kiến xây dựng các khu tái định cư.

2. Lấy ý kiến, nguyện vọng trực tiếp của các hộ gia đình về phương án tái định cư (tái định cư tại chỗ hoặc tái định cư tập trung).

3. Phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản, cây trồng, vật kiến trúc trên đất và các nội dung liên quan.

4. Trao đổi, giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của người dân.

IV. Thảo luận

1. Ý kiến Đồng chí Đỗ Hà Văn Chủ tịch UBND xã Tân Quang.

Quán triệt toàn bộ chủ trương đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc và phương án bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Yêu cầu giữ nguyên hiện trạng: Kể từ ngày **07/08/2026** (Thời điểm BQL Dự án công khai, trình chiếu sơ đồ thu hồi đất), đề nghị toàn thể các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực dự án nghiêm túc chấp hành:

+ Về vật kiến trúc, công trình: Nghiêm cấm tuyệt đối việc xây dựng mới, cơi nới, cải tạo nhà ở, công trình phụ, chuồng trại, hàng rào, tường bao, sân bê tông, bể nước, mái che, nhà tạm...

+ Về cây trồng, vật nuôi: Nghiêm cấm trồng mới, trồng dày thêm các loại cây lâu năm, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, hoa màu; không đào ao mới hoặc đưa

thêm vật nuôi vào nhằm mục đích tăng mật độ kiểm đếm.

+ Về tài sản di động: Nghiêm cấm việc di chuyển, tập kết máy móc, thiết bị, vật tư từ nơi khác vào khu vực đất dự án để đòi bồi thường.

+ Nguyên tắc xử lý: Toàn bộ tài sản, công trình, cây trồng phát sinh sau ngày 07/08/2026 sẽ bị coi là vi phạm hiện trạng. Tổ bồi thường GPMB sẽ **từ chối kiểm đếm và không bồi thường, hỗ trợ** dưới bất kỳ hình thức nào; đồng thời xử lý vi phạm hành chính, buộc tháo dỡ hoặc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của đồng chí Lưu Văn Đông – Phó Chủ tịch UBND xã Tân Quang

- Phổ biến chi tiết chủ trương của Trung ương và của tỉnh Tuyên Quang về việc triển khai Dự án cao tốc Tân Quang - Thanh Thủy (Giai đoạn 2).

- Đề nghị các hộ dân bị ảnh hưởng dọc tuyến và khu vực nút giao cao tốc kê khai rõ ràng nguyện vọng lựa chọn hình thức **tái định cư tại chỗ** hoặc **tái định cư tập trung** để UBND xã và Ban QLDA có cơ sở tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quy hoạch khu tái định cư phù hợp.

3. Ý kiến của đồng chí Thiều Văn Hoàn – Trưởng phòng Kinh tế xã Tân Quang:

- Sau khi Ban QLDA trình chiếu chi tiết bản đồ ranh giới thu hồi đất, các hộ dân xác định rõ diện tích bị ảnh hưởng và khả năng ảnh hưởng đến nhà ở.

- Các hộ tiến hành đăng ký trực tiếp nguyện vọng tái định cư ngay tại buổi họp. Trên cơ sở đó, Phòng Kinh tế sẽ tham mưu UBND xã phối hợp đề xuất vị trí, quy mô khu tái định cư đáp ứng tốt nhất quyền lợi chính đáng và ổn định đời sống cho bà con sau khi thu hồi đất.

4. Ý kiến hộ gia đình ông Hoàng Văn Hiển công dân thôn Mục Lạn:

Đề nghị Ban Quản lý dự án trình chiếu rõ ranh giới, vị trí dự kiến thu hồi đất cụ thể đối với từng hộ gia đình để người dân nắm rõ mức độ ảnh hưởng đến đất đai, nhà ở, từ đó có cơ sở chính xác để đăng ký nguyện vọng tái định cư tập trung hay tái định cư tại chỗ.

V. Thống nhất buổi làm việc

1. Các bên tham dự và đại diện các hộ gia đình nhất trí với các nội dung đã triển khai tại buổi họp.

2. Ban QLDA và UBND xã đã tổng hợp bảng thống kê nguyện vọng tái định cư của **55 hộ gia đình** (*Có danh sách chi tiết đính kèm biên bản này*).

Biên bản đã được đọc lại cho toàn thể hội nghị cùng nghe, thống nhất các nội dung và ký tên xác nhận dưới đây.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	Đ/D UBND XÃ TÂN QUANG
Nguyễn Song Tứ	Đỗ Hà Văn
THÔN MỸ TÂN	**THÔN MỤC LẠN**
Trần Văn Hồng	Hoàng Văn Thuần

THÔN BẢN CƯỚM

Thào Văn Lên

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Tiến - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Ký tên:.....

2. Đại diện UBND xã Tân Quang.

Ông: Lưu Văn Đông - Ký tên:.....

Ông: Thiều Văn Hoàn - Ký tên:.....

Ông: Bùi Đức Toàn - Ký tên:.....

3. Đại diện hộ dân

Ông Hoàng Văn Hiển - Ký tên:.....

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN QUANG

STT	Họ và tên	Thôn	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Nhân khẩu đang cùng sinh sống
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
1	Ngọc Thị Nguyên	Mỹ Tân	1			0368089202	02
2	Nguyễn Đức Tín	Mỹ Tân	1			0862604123	03
3	Nguyễn Đức Đường	Mỹ Tân	1			0964692092	04
4	Hoàng Thanh Hải	Mỹ Tân	1			0989808214	05
5	Phạm Văn Huỳnh	Mỹ Tân	1			0349434592	06
6	Ngọc Hùng Đạt	Mỹ Tân		1		0347271602	07
7	Đào Đông Dương	Mỹ Tân	1			0943939507	04
8	Hoàng Đình Hội	Mục Lạn		1		0868800731	08
9	Hoàng Thị Hương	Mục Lạn		1		0354793016	07
10	Hoàng Văn Mạnh	Mục Lạn		1	Vợ : Hoa	0822717469	04
11	Hoàng Văn Hiền	Mục Lạn		1		0982486918	07
12	Bùi Trọng Dũng	Mục Lạn	1			0948092109	03
13	Lầu Thị Nương	Mục Lạn		1		0868156635	04

14	Hoàng Thị Làn	Mục Lạn		1	Lan	0399443948	07
15	Trần Văn Xuân	Mục Lạn		1	Xuân	0838330902	02
16	Trần Văn Quang	Mục Lạn		1	QT Xuân	0942215226	04
17	Vũ Đức Thắng	Mục Lạn		1	Vợ Lan	0976360958	02 Lan
18	Hoàng Văn Trường	Mục Lạn		1	Trung	0989156233	04 Trung
19	Lại Đình Kiên	Mục Lạn		1	Kiên	0396429354	05
20	Hoàng Khắc Lập	Mục Lạn		1	Lập	0974598439	02
21	Hoàng Văn Thổ	Mục Lạn		1	Vợ Mai	0397629454	06
22	Hoàng Văn Thanh	Mục Lạn		1		0385802749	08
23	Trúng Mạnh Khiên	Mục Lạn	1			0373643545	04
24	Vũ Văn Sáng	Mục Lạn	1			0352699637	06 Sáng
25	Trịnh Thị Dệt	Mục Lạn		1		0984432685	05 Dệt
26	Trương Văm Luận	Mục Lạn		1		0988621567	05 Luận
27	Nguyễn Như Thắng	Mục Lạn		1		0347342485	04 Thắng
28	Nguyễn Văn Thịnh	Mục Lạn	1		Thịnh	0332345292	07
29	Phạm Thị Hồng	Mục Lạn		1	Hồng	0942111969	13

30	Nguyễn Văn Doanh	Mục Lạn		1	Doanh	0368683212	05
31	Nguyễn Thị Ngọc	Mục Lạn		1	Ngọc	0342827928	08
32	Trần Đăng Thành	Mục Lạn		1	Mẹ Thăng	0966012842	04 Ngọc
33	Vương Vũ Bang	Mỹ Tân	1			0353588725	07
34	Nguyễn Thị Dịu	Mỹ Tân		1	Dịu	0358485862	04
35	Vương Đức Hoan	Mỹ Tân		1	KT Hoa	0385719469	05
36	Vương A Phủng	Mỹ Tân	1		Phủng		05
37	Lý Văn Công	Mỹ Tân		1	KT Hoa	0342606319	04
38	Long Văn Ngọc	Mỹ Tân		1	Trần Thị Xa	0328203521	05
39	Long Văn Sáu	Mỹ Tân		1	Vũ Vương Hồng Thanh	0972034305	04
40	Long Văn Thành	Mỹ Tân		1	Hoa	0328914363	04
41	Long Đức Khánh	Mỹ Tân	1		KT: Hồng	0369920422	04
42	Vương Văn Lý	Mỹ Tân	1		Lý	0394606284	06
43	Lý Văn Thiện	Bản Cướm		1		0352048795	02
44	Bàn Văn Tuấn	Bản Cướm		1		0384409701	09
45	Bàn Thị Ản	Bản Cướm		1	Bàn Thị Ản	0353398204	03

46	Bàn Văn Đại	Bản Cướm		1	Đại	0364546883	05
47	Đặng Văn Chương	Bản Cướm	1			0385984753	04
48	Lù Văn Dẫn	Bản Cướm		1		0327816532	07
49	Trịnh Việt Hà	Bản Cướm		1		0968688441	04
50	Nguyễn Như Thú	Bản Cướm	1		Thú Huệ	0384895322	09
51	Lò Mùi Chiều	Bản Cướm		1	Lò Mùi Chiều	0337335793	07
52	Thào Văn Lên	Bản Cướm		1	Thào Văn Lên	0333384053	04
53	Lù Văn Lương	Bản Cướm		1	Lù Văn Lương	0332238362	05
54	Lù Seo Chương	Bản Cướm		1	Vũ Lù Thị Bảo	0395119304	04
55	Chảo Cò Kính	Bản Cướm		1	Kính	0328893463	10

Hoà (Hà)

(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
V/v phối hợp tổ chức họp dân và kiểm tra thực địa các vị trí dự kiến xây dựng khu tái định cư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Buổi trình chiếu thiết kế cơ sở sơ bộ tại UBND xã Tân Quang ngày 08/07/2026 (thuộc phận tại xã Thanh Thuỷ) đối với Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Thực hiện giấy mời số 216/GM-BDACT ngày 04 tháng 08 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD công trình tỉnh Tuyên Quang. Về việc tổ chức họp các hộ dân và kiểm tra thực địa vị trí dự kiến xây dựng khu tái định cư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 05 tháng 08 năm 2026 tại Hội trường thôn Nà Thải xã Thanh Thuỷ chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Quán Anh Hiếu - Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Ông: Lương Minh Đức - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện UBND xã Thanh Thuỷ.

Ông: Trương Tuấn Anh - Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế.
Ông: Mã Phúc Yên - Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế.

11. Các hộ gia đình, cá nhân. Có mặt 28/31 hộ gia đình, vắng mặt 03 hộ.
(Có danh sách các hộ kèm theo biên bản).

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ gia đình có nhà ở nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư tại chỗ, định cư tại chỗ tập trung *(Có biểu chi tiết nguyện vọng của các hộ đính kèm)*. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Mã Phúc Yên chuyên viên phòng Kinh tế thông qua nội dung của buổi làm việc.

- Đồng chí Lương Minh Đức thông qua các văn bản của Trung ương, UBND tỉnh liên quan đến thực hiện triển khai dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

- Thông quá các bước triển khai dự án. Danh sách các hộ dự kiến phải di chuyển nhà ở nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án.

- Ý kiến các hộ gia đình:

1. Ông: Nguyễn Văn Toàn thôn Thanh Sơn mong muốn Tái định cư tập trung tuy nhiên do phong tục tập quá, canh tác của địa phương mong muốn Chủ đầu tư, UBND xã tạo điều kiện xây dựng khu tái định cư trên địa bàn thôn Thanh Sơn để thuận lợi trong canh tác, sản xuất.

2. Ông: Đinh Văn Chiến thôn Cường Thịnh gia đình đã xây dựng Homestay đang trong quá trình hoàn thiện giấy phép đăng ký kinh doanh. Đề nghị được tái định cư tập chung. Tuy nhiên tái định cư phải trên địa bàn thôn, thuận lợi cho việc kinh doanh, sản xuất của hộ gia đình.

3. Các hộ gia đình: Hoàng Thị Nga, Nguyễn Thị Liên, Vàng Thị Duyên, Lương Văn Phúc, Hà thanh Tuyết, Vàng Thị Châu, Lương Thị Nhâm, Lương Thị Mai, Hoàng Thị Chiến thôn Giang Nam nhất trí tái định cư tập trung tại địa bàn thôn Giang Nam. Đề nghị xây dựng khu tái định cư tập chung trên địa bàn thôn Giang Nam tại gần khu bản cờ xã Thanh Thủy.

- Ý kiến UBND xã Thanh Thủy:

UBND xã đề nghị Chủ đầu tư phối hợp tốt trong công tác trao đổi thông tin, sớm hoàn thiện hồ sơ thiết kế dự án, cắm mốc GPMB để nhân dân trong vùng dự án nắm được.

UBND xã sẽ phối hợp Chủ đầu tư nghiên cứu và đề xuất các địa điểm dự kiến xây dựng khu tái định cư, tuyên truyền vận động nhân dân trong vùng dự án đồng thuận nhất trí tuân thủ theo quy định pháp luật.

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	Đ/D PHÒNG KINH TẾ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Sông Tứ	Trương Tuấn Anh

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THANH THUỶ

STT	Họ và tên	Thôn	Nguyện vọng của hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
1	Nguyễn Văn Chiến	Cường Thịnh		x			Đinh văn chiến
2	Nguyễn Văn Vương	Nà Miều		x			
3	Nguyễn Hải Như	Nà Miều	x				
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Nà Miều	x				
5	Nguyễn Văn Quyền	Thôn Sửu	x				
6	Lộc Văn An	Thôn Sửu		x			
7	Nguyễn Văn Hinh	Thôn Sửu					
8	Nguyễn Văn Suy	Thôn Sửu					
9	Nguyễn Thị Chiến	Thôn Sửu	x				
10	Nguyễn Chiến Khu	Thôn Sửu	x				
11	Nguyễn Văn Nghĩa	Nà Thải	x				
12	Nguyễn Văn Biên	Nà Thải	x				
13	Nguyễn Văn Khuyến	Nà Thải		x			
14	Nguyễn Văn Chuyền	Nà Thải	x				
15	Nguyễn Văn Luyến	Nà Thải		x			
16	Nguyễn Văn Mạnh	Nà Thải	x				
17	Nguyễn Văn Toàn	Thanh Sơn		x			
18	Nguyễn Văn Thanh	Thanh Sơn	x				

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Họ và tên	Thôn	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện Thoại	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
19	Nguyễn Văn Phần	Thanh Sơn	x		Phần		
20	Nguyễn Văn Ất	Thanh Sơn		x	Ất		
21	Nguyễn Văn Ninh	Thanh Sơn	x		Ninh		
22	Nguyễn Thị Lương	Thanh Sơn	x		Lương		
23	Hoàng Linh Nga	Giang Nam		x	Nga		
24	Nguyễn Thị Liên	Giang Nam		x			
25	Vàng Thị Duyên	Giang Nam		x	Duyên		
26	Lương Văn Phúc	Giang Nam		x	Phúc		
27	Hà Thanh Tuyết	Giang Nam		x	Tuyết		
28	Vàng Thị Châu (chấ)	Giang Nam		x	Châu		
29	Lương Thị Nhâm	Giang Nam		x	Nhâm		
30	Lương Thị Mai	Giang Nam		x	Mai		
31	Hoàng Thị Chiến	Giang Nam		x	Chiến		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v phối hợp tổ chức họp dân và kiểm tra thực địa các vị trí dự kiến xây dựng khu tái định cư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

I. Căn cứ thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2) đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ buổi trình chiếu thiết kế cơ sở sơ bộ tại UBND xã Vị Xuyên ngày 09/07/2026 (thuộc địa bàn tại xã Vị Xuyên) đối với Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

II. Thành phần tham gia.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở UBND xã Vị Xuyên chúng tôi gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Song Tứ - Chức vụ: Phó giám đốc Ban
Ông: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Phó giám đốc QLDA.
Ông: Quán Anh Hiếu - Chức vụ: Tổ viên QLDA.
Ông: Nguyễn Khắc Dương - Chức vụ: Tổ viên QLDA.

2. Đại diện phòng kinh tế xã Vị Xuyên

Ông: Lê Thanh Chiến - Chức vụ: Phó trưởng phòng KT xã
Ông: Lê Quang Phong - Chức vụ: Chuyên viên phòng KT xã
Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Chức vụ: Chuyên viên phòng KT xã

3. Đại diện Công an xã Vị Xuyên

Ông: Nguyễn Đức Thắng - Chức vụ: Phó trưởng công an xã
Ông: Đặng Minh Tới - Chức vụ: Tổ An ninh xã
Ông: Nguyễn Tuấn Anh - Chức vụ: Tổ cảnh sát khu vực

4. Đại diện thôn 11 xã Vị Xuyên

Ông: Bùi Đức Công - Chức vụ: Trưởng thôn 11

5. Đại diện thôn Làng Khẻn xã Vị Xuyên

Ông: Hoàng Thị Dung - Chức vụ: Trưởng thôn Làng Khẻn

6. Các hộ gia đình, cá nhân.

Ông/Bà: Mã Văn Lầu - Thôn 11
Ông/Bà: Mua Mí Súng - Thôn 11

Ông/Bà: Giàng Mí Chứ - Thôn 11
Ông/Bà: Lầu Thị Máy - Thôn 11
Ông/Bà: Phùng Thị Tuyên - Thôn 11
Ông/Bà: Phùng Ngọc Tiến (con)- Thôn 11
Ông/Bà: Sùng Mí Thành - Thôn 11
Ông/Bà: Lềng Thị Mây - Thôn 11
Ông/Bà: Hoàng Quốc Huy - Thôn Làng khẻn
Ông/Bà: Hoàng Văn Nơi - Thôn Làng khẻn
Ông Bà: Hoàng Thị Đôi - Thôn Làng khẻn
Ông/Bà: Hoàng Quyết Chiến - Thôn Làng khẻn

III. Nội dung.

Tổ chức họp các hộ dân nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án, thông báo vị trí, phạm vi dự kiến làm khu tái định cư, trao đổi lấy ý kiến nguyện vọng của các hộ dân về việc tái định cư, phối hợp xác định hiện trạng sử dụng đất, tài sản trên đất và các nội dung liên quan, giải đáp các ý kiến, kiến nghị của người dân.

*** Các ý kiến có liên quan (Nếu có):**

- Các bên tiến hành họp bàn, lấy ý kiến, nguyện vọng của các hộ dân thống nhất với các hộ gia đình theo nguyện vọng tái định cư, định cư tại chỗ. Khi nhà nước thu hồi dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. để có cơ sở lập báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch khu đất tái định cư.

- Đồng chí Phạm Văn Toàn thông qua một số nội dung thống nhất việc bố trí TĐC cho dự án cao tốc.

- Ý kiến các hộ gia đình: Mã Văn Lầu không đồng ý tái định cư tập trung, gia đình nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Mua Mí Súng nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình:Giàng Mí Chứ nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Mua Mí Hồ nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Phùng Văn Tuyên nguyện vọng tái định cư tại chỗ nhưng không lắm được diện tích còn lại

- Ý kiến các hộ gia đình: Phùng Văn Don nguyện vọng tái định cư tại chỗ nhưng không lắm được diện tích còn lại

- Ý kiến các hộ gia đình: Sùng Mí Thành nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Lềng Thị Mây nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Hoàng Thị Đôi nguyện vọng tái định cư tại chỗ.

- Ý kiến các hộ gia đình: Hoàng Quyết Chiến nguyện vọng gia đình thu hồi đất trả tiền mặt

Biên bản lập và được thông qua cho các bên cùng nghe nhất trí ký tên. Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày./.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN PHÒNG KINH TẾ XÃ VỊ XUYÊN**
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Song Tứ	**Lê Thanh Chiến**
CÔNG AN XÃ	**THÔN LÀNG KHÈN**
Nguyễn Đức Thắng	**Hoàng Thị Dung**
THÔN 11	
Bùi Đức Công	

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Đại diện chủ đầu tư. (Đại diện tổ quản lý dự án và cán bộ phụ trách)

Ông: Nguyễn Văn Dũng - Ký tên:.....

Ông: Quán Anh Hiếu - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Khắc Dương - Ký tên:.....

2. Đại diện UBND xã Vị Xuyên

Ông: Lê Thanh Chiến - Ký tên:.....

Ông: Lê Quang Phong - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Thanh Hưng - Ký tên:.....

3. Đại diện Công an xã Vị Xuyên

Ông: Đặng Minh Tới - Ký tên:.....

Ông: Nguyễn Tuấn Anh - Ký tên:.....

THỐNG KÊ CÁC HỘ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VỊ XUYÊN

STT	Họ và tên	Thôn	Nguyện vọng các hộ gia đình		Ký tên	Điện thoại	Ghi chú
			Tái định cư tại chỗ	Tái định cư tập trung			
1	Mã Văn Lầu	Thôn 11	Lầu		Lầu		
2	Mua Mí Súng	Thôn 11	Súng		Súng		
3	Giàng Mí Chứ	Thôn 11	Chứ		Chứ		
4	Lầu Thị Máy (vợ)	Thôn 11	Máy		Máy		
5	Phùng Thị Tuyên	Thôn 11					
6	Phùng Ngọc Tiến (Con)	Thôn 11	Tiến		Tiến		
7	Sùng Mí Thành	Thôn 11	Thành		Thành		
8	Lèng Thị Mây	Thôn 11	Như KT		Như KT		
9	Hoàng Quốc Huy	Làng Khén					
10	Hoàng Văn Nơi	Làng Khén					
11	Hoàng Thị Đôi (Vợ)	Làng Khén	Đôi		Đôi		
12	Hoàng Quyết Chiến	Làng Khén			Hoàng Quyết Chiến		Đại Tôn

(Ghi chú: Số liệu các hộ dân có thể thay đổi khi hồ sơ thiết kế được NCKT được phê duyệt)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 23 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính Phường Hà Giang 1 chúng tôi gồm các bên:

I. THANH PHẦN CAC BEN THAM GIA:

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến — Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Quán Anh Hiếu — Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; — Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Đại diện UBND Phường Hà Giang 1.

Ông: Mao Quyết Thắng — Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường;

Ông: Trần Quang Đức — Chức vụ: Chuyên viên phòng KT,HT&ĐT;

4. Tổ trưởng các tổ dân phố

Ông: Nguyễn Thanh Vầng — Chức vụ: Tổ trưởng tổ dân phố 29 – Tân Tiến;

Ông: Nguyễn Văn Thường — Chức vụ: Tổ trưởng tổ dân phố 30 – Tân Thành;

Ông: Nguyễn Văn Hướng — Chức vụ: Tổ trưởng tổ dân phố 31 – Hạ Thành;

Ông: Nguyễn Văn Long — Chức vụ: Tổ trưởng tổ dân phố 32 – Thôn Tha;

II. NỘI DUNG:

Căn cứ vào giấy mời số 161/GM-BDACT ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cải mương thủy lợi như sau:

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km150+300 theo hiện trạng.
- Điều chỉnh thiết kế đường gom, đường ngang Km150+315 đảm bảo không đấu nối vào đường QL2, thay vào đó đó, đấu nối vào đường hiện trạng.

- Bổ sung thêm tuyến đường gom dọc bên phải tuyến đường cao tốc kết nối hầm chui đoạn Km 151+760m đến hầm chui Km 152+120m và từ hầm chui hầm chui Km 152+120m đến hầm chui Km 152+850m để đảm bảo kết nối giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong quá trình canh tác, sản xuất.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km150+667 theo hiện trạng.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km151+100 theo hiện trạng.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km151+195 theo hiện trạng.

- Bổ sung cống tròn D1,25 tại Km151+660 để phục nhân dân dẫn nước về làm ruộng.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km151+800 theo hiện trạng.

- Điều chỉnh cống tròn D1,25 tại Km152+ 110 về vị trí hợp lý để phục nhân dân dẫn nước về làm ruộng.

- Bổ sung đập thủy lợi và mương thủy lợi tại Km152+890 sau khi cải suối vì theo hiện trạng đã có đập và mương thủy lợi.

- Bổ sung rãnh thoát nước chạy song song hầm chui Km153+255 để thoát nước sinh hoạt của dân.

- Bổ sung cống thoát nước địa hình tại Km153+930 theo hiện trạng tự nhiên có khe suối nước chảy thường xuyên.

III. KẾT LUẬN:

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 17h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mao Quyết Thắng

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN UBND PHƯỜNG HÀ GIANG 1**

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

ĐẠI DIỆN CÁC TỔ DÂN PHỐ

1. Ông: Nguyễn Thanh Vàng: .....
2. Ông Nguyễn Văn Thường: .....
3. Ông Nguyễn Văn Hướng:.....
4. Ông: Nguyễn Văn Long:.....

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HẦM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km150+315,00	BxH=6,5x4,5	61,4	Phường Hà Giang 1
2	Km150+667,00	BxH=6,5x4,5	41,58	Phường Hà Giang 1
3	Km151+195,00	BxH=5,0x3,5	50	Phường Hà Giang 1
4	Km151+775,00	BxH=5,0x3,5	30	Phường Hà Giang 1
5	Km152+125,00	BxH=6,5x4,5	45	Phường Hà Giang 1
6	Km152+850,00	BxH=5,0x3,5	79	Phường Hà Giang 1
7	Km153+255,00	BxH=5,0x3,5	76	Phường Hà Giang 1
8	Km153+920,00	BxH=5,0x3,5	68	Phường Hà Giang 1

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH

Stt	Tên đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Cấp đường	Ghi chú
1	DN150-2	Km150+667,00	152,91	3,5	5,0	GTNT cấp B	
2	DN151-1	Km151+195,00	293,62	3,5	5,0	GTNT cấp B	
3	DN152-1	Km152+125,00	225,82	3,5	5,0	GTNT cấp B	
4	DN152-2	Km152+830,00	194,31	3,5	5,0	GTNT cấp B	
5	DN153-1	Km153+255,00	139,18	3,5	5,0	GTNT cấp B	
6	DN153-2	Km153+920,00	365,76	3,5	5,0	GTNT cấp B	

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG GOM DÂN SINH

STT	Tên đường	Lý trình		Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Chiều dài (m)	Cấp đường
		Từ	Đến				
1	DG151-1	Km151+719,69	Km152+132,57	3,5	5,0	474,58	GTNT cấp B
2	DG152-1	Km152+850,00	Km152+974,39	3,5	5,0	128,69	GTNT cấp B
3	DG153-1	Km152+850,00	Km152+432,47	3,5	5,0	589,97	GTNT cấp B
4	DG153-2	Km153+254,08	Km153+426,15	3,5	5,0	176,73	GTNT cấp B

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km145+644.30	39,1+47,5+55+47,5+36,1+30,5	114.50	25.25
2	Km145+638.24	39,1+47,5+55+47,5+40,0+40,0	261.80	12.63
3	Km145+904.87	36,1+30,5+47,5+55+47,5+39,9	275.20	12.63
4	Km145+904.74	40,0+40,0+47,5+55+47,5+30,6	256.50	12.63
5	Km146+050.00	60x40+5x36,3+30,7+42,4+44,8 +42,4+17x40+32+15x40+39	260.60	12.63
6	Km151+533.35	3x33	4059.00	25.25
Cầu trong nút giao, cầu vượt ngang				
1	Km149+000.00	2x40+39,1	41.10	25.25
2	Km149+000.00	2x40+39,1	114.50	25.25

PHỤ LỤC 5:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
1	Km150+460,00	Hộp	2,5x2,5	
2	Km150+590,00	Tròn	D1,25	
3	Km150+970,00	Hộp	3,0x3,0	
4	Km151+100,00	Tròn	D1,25	
5	Km151+220,00	Tròn	D1,25	
6	Km152+000,00	Tròn	D1,25	
7	Km152+110,00	Tròn	D1,25	
8	Km152+142,00	Tròn	D1,25	
9	Km152+212,50	Tròn	D1,25	
10	Km152+320,00	Tròn	D1,25	
11	Km152+380,00	Tròn	D1,25	
12	Km152+555,00	Hộp	2x2,5x2,5	
13	Km152+589,62	Tròn	D1,25	
14	Km152+632,00	Tròn	D1,25	
15	Km152+897,00	Hộp	2x3,0x3,0	
16	Km153+220,00	Tròn	D1,25	
17	Km153+640,00	Hộp	2x3,0x3,0	

PHỤ LỤC 6:

DANH SÁCH CÁC CẢI MƯƠNG, CẢI SUỐI

TT	Lý trình dự kiến			Chiều dài	Bên		Ghi chú
	Từ Km…	-:-	Đến Km…	(m)	Trái	Phải	
1	Km151+202,93	-:-	Km151+257,08	129,379		x	
2	Km152+204,24	-:-	Km152+241,04	66,515		x	
3	Km152+320,00	-:-	Km152+445,05	177,798		x	
4	Km152+326,31	-:-	Km152+413,99	99,449		x	
5	Km152+877,51	-:-		184,659			Cải mương đầu cống
6	Km152+909,07	-:-	Km153+246,88	340,585	x		
7	Km152+958,11	-:-	Km153+256,36	394,23		x	
8	Km153+647,38	-:-	Km153+751,07	127,252	x		
9	Km153+900,00	-:-	Km153+959,99	99,021		x	

PHỤ LỤC 7:

DANH SÁCH MỎ VẬT LIỆU THÔNG THƯỜNG CÁT, ĐÁ

TT	Tên Dự án	Xã Mới	Số GP khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m3)	Công suất năm(m3)	Tình trạng	Khoảng cách đến điểm tiếp cận của DA (km)
I	**MỎ CÁT**							
1	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, tổ 5, thôn Cầu Mè, Phường Hà Giang 1	Phường Hà Giang 1	Số 2709/GP-UBND ngày 23/12/2014	3,68	276.140	9.600	Mỏ hoạt động khai thác	
2	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Tân Thành, Phường Hà Giang 1	Phường Hà Giang 1	Số 2853/GP-UBND ngày 25/12/2018	2,63	175.876	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính xã Linh Hồ chúng tôi gồm các bên:

I. Thành phần các bên tham gia:

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Nguyễn Đăng Khoa Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Đại diện UBND xã Linh Hồ

Ông: Vũ Đức Thiện; Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã.

Ông: Chu Mai Sơn; Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế.

Ông: Tạ Minh Thành; Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế.

4. Đại diện các thôn xã Linh Hồ

Ông: Thèn Chúng Tài; Chức vụ: Trưởng thôn Hai Luồng.

Ông: Dương Công Soạn; Chức vụ: Trưởng thôn Lũng Loét.

Bà: Trần Thị Thủy; Chức vụ: Trưởng thôn Đội 5.

Ông: Đỗ Xuân Cường; Chức vụ: Trưởng thôn Ngọc Hà.

Ông: Phạm Anh Tuấn; Chức vụ: Trưởng thôn Trung Sơn.

II. Nội dung:

Căn cứ vào giấy mời số 154/GM-BDACT ngày 15/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương

thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cải mương thủy lợi như sau:

- Bổ sung hầm chui dân sinh kích thước BxH=4x3 trong đoạn từ Km115+800-Km116+800 để phục người dân đi lại trên đồi để khai thác các loại cây lâm nghiệp.

- Bổ sung hầm chui kích thước BxH=5x3,5 tại Km116+970 theo hiên trạng thực tế đã có đường giao thông liên thôn trong xã.

- Nối vuốt dài thêm đường gom tại hầm chui Km118+740,54 để đảm bảo người dân đang sinh sống thuận tiện đi lại.

- Điều chỉnh kích thước hầm chui Km122+820,63 từ BxH=5x3,5 lên kích thước BxH=6,5x4,5 để đảm bảo tĩnh không để các xe lưu thông chở vật liệu tại mỏ cát.

- Keo dài hiện trạng đường gom đã có sẵn tại mố Cầu Vị Xuyên thuộc ĐT.184 đi vào khu nghĩa trang của đồng bào dân tộc Dao tại Km128+400.

Ngoài ra tư vấn chú ý các đoạn mương thủy lợi và cầu máng tại các vị trí hầm chui Km114+995, Km115+437; Km118+094; Km121+635.

III / Kết luận:

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 17h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Tiến

ĐẠI DIỆN UBND XÃ LINH HỒ

Vũ Đức Thiện

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

Trần Văn Phương

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HẦM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km113+592,00	BxH=5,0x3,5	34	Xã Linh Hồ
2	Km114+187,57	BxH=5,0x3,5	34	Xã Linh Hồ
3	Km114+995,82	BxH=5,0x3,5	34	Xã Linh Hồ
4	Km115+437,37	BxH=5,0x3,5	30	Xã Linh Hồ
5	Km117+595,11	BxH=5,0x3,5	40	Xã Linh Hồ
6	Km118+094,82	BxH=5,0x3,5	27	Xã Linh Hồ
7	Km118+740,54	BxH=5,0x3,5	33	Xã Linh Hồ
8	Km121+635,13	BxH=5,0x3,5	55	Xã Linh Hồ
9	Km122+246,05	BxH=5,0x3,5	43	Xã Linh Hồ
10	Km122+820,63	BxH=5,0x3,5	29	Xã Linh Hồ
11	Km123+618,54	BxH=5,0x3,5	29	Xã Linh Hồ
12	Km126+341,81	BxH=5,0x3,5	32	Xã Linh Hồ

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH

Stt	Tên đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Cấp đường	Ghi chú
Xã Linh Hồ							
1	DN11	Km113+592,00	56,87	3,5	5,0	GTNT cấp B	
2	DN12	Km114+187,57	88,42	3,5	5,0	GTNT cấp B	
3	DN13	Km114+995,82	92,98	3,5	5,0	GTNT cấp B	
4	DN14	Km115+437,37	81,69	3,5	5,0	GTNT cấp B	
5	DN15	Km117+595,11	111,69	3,5	5,0	GTNT cấp B	
6	DN16	Km118+094,82	68,7	3,5	5,0	GTNT cấp B	
7	DN17	Km118+740,54	74,64	3,5	5,0	GTNT cấp B	
8	DN18	Km121+635,13		3,5	5,0	GTNT cấp B	Là đường gom
9	DN19	Km122+246,05		3,5	5,0	GTNT cấp B	Là đường hiện trạng
10	DN20	Km122+820,63	92,71	3,5	5,0	GTNT cấp B	
11	DN21	Km123+618,54		3,5	5,0	GTNT cấp B	Là đường hiện trạng
12	DN22	Km126+341,81	132,26	3,5	5,0	GTNT cấp B	

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG GOM DÂN SINH

STT	Tên đường	Lý trình		Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Chiều dài (m)	Cấp đường
		Từ	Đến				
Xã Linh Hồ							
1	DG113-1	Km113+350,00	Km113+600,00	3,5	5,0	250,00	GTNT cấp B
2	DG114-1	Km113+900,00	Km114+220,00	3,5	5,0	320,00	GTNT cấp B
3	DG114-2	Km114+750,00	Km115+030,00	3,5	5,0	280,00	GTNT cấp B
4	DG115-1	Km115+450,00	Km115+750,00	3,5	5,0	300,00	GTNT cấp B
5	DG117-1	Km117+320,00	Km118+100,00	3,5	5,0	780,00	GTNT cấp B
6	DG118-1	Km118+620,00	Km118+750,00	3,5	5,0	130,00	GTNT cấp B
7	DG118-2	Km118+720,00	Km119+000,00	3,5	5,0	280,00	GTNT cấp B
8	DG119-1	Km119+740,00	Km119+935,00	3,5	5,0	195,00	GTNT cấp B
9	DG15	Km121+450,00	Km121+600,00	3,5	5,0	150,00	GTNT cấp B
10	DG16	Km121+635,00	Km121+870,00	3,5	5,0	235,00	GTNT cấp B
11	DG17	Km122+500,00	Km123+075,00	3,5	5,0	575,00	GTNT cấp B
12	DG18	Km126+350,00	Km126+500,00	3,5	5,0	150,00	GTNT cấp B

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km116+901.28	39.1+39.1	94.90	25.25
2	Km119+280.30	39.1+3x40+ 9x40+39.1	572.40	25.25
3	Km120+557.90	1x33	572.40	25.25
4	Km123+838.50	1x24	47.20	25.25
5	Km124+603.80	1x33	38.10	25.25
6	Km124+950.00	2x33	46.20	25.25
7	Km125+387.73	3x33	80.30	25.25
8	Km126+912.30	39.1+8x40+39.1	113.40	25.25
9	Km128+120.00	39.1+4x40+39.1	412.40	25.25
10	Km128+560.00	1x33	252.40	25.25
11	Km128+923.40	1x33	45.20	25.25
12	Km129+473.36	3x33	45.20	25.25
13	Km130+100.00	3x33	111.40	25.25

PHỤ LỤC 5:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
Xã Linh Hồ				
1	Km113+035	Hộp	2x(3,0x3,0)	
2	Km113+300	Hộp	2x(3,0x2,0)	
3	Km113+534	Tròn	D1,5	
4	Km113+697	Hộp	2x(2,0x2,0)	
5	Km114+000	Hộp	2,0x2,0	
6	Km114+200	Tròn	D1,25	
7	Km114+580	Hộp	2x(2,5x2,5)	
8	Km114+925	Hộp	2x(2,5x2,5)	
9	Km115+084	Hộp	1,25x1,25	
10	Km115+320	Tròn	D1,5	
11	Km115+465	Hộp	2x(2,0x2,0)	
12	Km115+562	Hộp	1,25x1,25	
13	Km115+695	Tròn	D1,25	
14	Km115+920	Hộp	1,25x1,25	
15	Km115+925	Hộp	2,0x2,0	
16	Km116+100	Tròn	D1,25	
17	Km116+256	Tròn	D1,25	
18	Km116+360	Tròn	D1,25	
19	Km117+514	Hộp	2x(2,5x2,5)	
20	Km117+870	Tròn	D2,0	
21	Km118+027	Hộp	2x(2,0x2,0)	
22	Km118+091	Hộp	1,25x1,25	
23	Km118+261	Hộp	2x(2,0x2,0)	
24	Km118+503,88	Tròn	D1,25	
25	Km118+650	Hộp	2,0x2,0	
59	Km121+534	Hộp	2x(5,0x4,0)	
60	Km121+638	Hộp	1,25x1,25	
61	Km121+945,15	Tròn	D1,25	
62	Km122+124	Hộp	2x(4,0x3,0)	

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
63	Km122+290	Hộp	2x(4,0x3,0)	
64	Km122+609	Tròn	D1,25	
65	Km122+887	Tròn	D1,25	
66	Km123+176	Hộp	2x(2,0x2,0)	
67	Km123+350	Hộp	2x(3,0x2,5)	
68	Km123+477	Tròn	D1,25	
69	Km124+040	Hộp	2x(3,0x3,0)	
70	Km124+377	Tròn	D1,25	
71	Km125+099,3	Tròn	D1,25	
72	Km125+145,42	Tròn	D1,25	
73	Km125+181,5	Tròn	D1,25	
74	Km125+525,78	Tròn	D1,5	
75	Km125+637,45	Tròn	D1,25	
76	Km125+855,98	Tròn	D1,25	
77	Km126+237,75	Hộp	2x(2,0x2,0)	
78	Km126+448,29	Tròn	D2,0	
79	Km127+860	Tròn	D1,5	
80	Km128+455,46	Tròn	D1,5	
81	Km128+900	Hộp	2x(2,5x2,5)	
82	Km129+189,02	Tròn	D1,25	
83	Km129+468,23	Tròn	D1,5	
84	Km129+629,00	Tròn	D1,25	
85	Km129+783,78	Tròn	D1,25	
86	Km129+883,25	Tròn	D1,25	
87	Km129+978,12	Tròn	D1,25	
88	Km130+069,32	Tròn	D1,25	
89	Km130+170,67	Tròn	D2,0	

PHỤ LỤC 6:

DANH SÁCH CÁC CẢI MƯƠNG, CẢI SUỐI

TT	Lý trình dự kiến			Chiều dài	Bên		Ghi chú
	Từ Km…	-:-	Đến Km…	(m)	Trái	Phải	
Xã Linh Hồ							
1	Km113+280,00	-:-	Km113+320,00	40,00		x	Cải mương
2	Km113+650,00	-:-	Km113+830,00	180,00		x	Cải mương
3	Km114+560,00	-:-	Km114+605,00	45,00		x	Cải mương
4	Km115+080,00	-:-	Km115+180,00	100,00		x	Cải mương
5	Km115+180,00	-:-	Km115+380,00	200,00			Cải mương
6	Km115+460,00	-:-	Km115+510,00	50,00		x	Cải mương
7	Km115+530,00	-:-	Km115+560,00	30,00	x		Cải mương
8	Km115+925,00	-:-	Km115+930,00	5,00	x		Cải mương
9	Km117+870,00	-:-	Km117+900,00	30,00	x		Cải mương
10	Km118+080,00	-:-	Km118+100,00	20,00		x	Cải mương
11	Km118+090,00	-:-	Km118+120,00	30,00	x		Cải mương
12	Km118+100,00	-:-	Km118+340,00	240,00		x	Cải mương
13	Km118+260,00	-:-	Km118+290,00	30,00		x	Cải mương
14	Km118+600,00	-:-	Km118+670,00	70,00	x	x	Cải mương
15	Km121+420,00		Km121+600,00	160,53		x	Cải mương
16	Km122+040,00	-:-	Km122+120,00	85,041	x		Cải mương
17	Km123+120,00	-:-	Km123+200,00	86,805		x	Cải mương
18	Km123+920,00	-:-	Km124+040,00	108,17		x	Cải mương
19	Km125+540,00	-:-	Km125+600,00	55,789		x	Cải suối
20	Km125+660,00	-:-	Km125+720,00	54,492	x		Cải suối
21	Km130+100,00	-:-	Km130+220,00	120	x	x	Cải suối

PHỤ LỤC 7:

DANH SÁCH MỎ VẬT LIỆU THÔNG THƯỜNG CÁT, ĐÁ

TT	Tên Dự án	Xã Mới	Số GP khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m3)	Công suất năm(m3)	Tình trạng	Khoảng cách đến điểm tiếp cận của DA (km)
I	**MỎ ĐÁ**							
1	Mỏ đá vôi Lũng Loét, thôn Noong 2, xã Phú Linh	Xã Linh Hồ	Số 2047/GP-UBND ngày 20/10/2015	2,83	1.815.308	50.000	Mỏ hoạt động khai thác	0,2 (Km128+00)
2	Mỏ đá vôi thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ	Xã Linh Hồ	Số 51/GP-UBND ngày 12/01/2016	3,50	773.968	25.000	Mỏ hoạt động khai thác (Xin nâng công suất lên 100.000m3/ năm phục vụ Dự án)	2 (Km120+600)
II	**Mỏ cát**							
1	Lòng Sông Lô, thôn Ngọc Hà, Xã Linh Hồ	Xã Linh Hồ	Số 1882/GP-UBND ngày 18/08/2016	5,8	199.433	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	0,1 (Km122+850)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 22 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính xã Phú Linh chúng tôi gồm các bên:

I. THÀNH PHẦN CÁC BÊN THAM GIA

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến - Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Nguyễn Đăng Khoa - Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; - Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Đại diện UBND xã Phú Linh

Ông: Lục Anh Tú - Chức vụ: P. Trưởng phòng Kinh tế

Ông: Vương Thế Anh - Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế

II. NỘI DUNG

Căn cứ vào giấy mời số 159/GM-BDACT ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cải mương thủy lợi như sau:

- Bổ sung hầm chui dân sinh kích thước BxH=4x3 tại Km138+450 để phục người dân đi lại trên đồi để khai thác các loại cây lâm nghiệp.

- Bổ sung hầm chui hoặc cầu vượt ngang tại Km141+550 theo hiên trạng thực tế đã có đường giao thông liên thôn trong xã.

- Hoàn trả đường dân sinh dưới gầm cầu Km137+831 theo hiện trạng đã có đường dân sinh.

- Bổ sung đập tràn thủy lợi sau khi cải suối tại Km140+720 theo hiện trạng đã có đập tràn thủy lợi.

- Hầm chui tại Km141+098 khi thiết kế đường ngang qua khu vực cải suối bổ sung cống thoát nước theo hiện trạng đã có.

III. KẾT LUẬN

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 17h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ PHÚ LINH**
Nguyễn Văn Tài	PHÒNG KINH TẾ Lục Anh Tú

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HẦM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km138+705.70	BxH=5.0x3.5	45	Xã Phú Linh
2	Km139+211.00	BxH=5.0x3.5	40	Xã Phú Linh
3	Km139+557.00	BxH=5.0x3.5	48	Xã Phú Linh
4	Km140+542.00	BxH=5.0x3.5	45	Xã Phú Linh
5	Km141+098.00	BxH=5.0x3.5	39	Xã Phú Linh
6	Km142+643.00	BxH=5.0x3.5	35	Xã Phú Linh
7	Km143+312.00	BxH=5.0x3.5	39	Xã Phú Linh
8	Km143+784.00	BxH=7.5x4.5	49	Xã Phú Linh

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH

Stt	Tên đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Cấp đường	Ghi chú
Xã Phù Linh							
1	DN138-1	Km138+705.70	183	3,0	4,0	GTNT cấp C	
2	DN139-1	Km139+211.00	137	3,5	5,0	GTNT cấp B	
3	DN139-2	Km139+557.00	268	3,5	5,0	GTNT cấp B	
4	DN140-1	Km140+542.00	153	3,5	5,0	GTNT cấp B	
5	DN141-1	Km141+098.00	171	3,5	5,0	GTNT cấp B	
6	DN142-1	Km142+643.00	192	3,5	5,0	GTNT cấp B	
7	DN143-1	Km143+312.00	186	3,5	5,0	GTNT cấp B	
8	DN143-2	Km143+830.00	350	5,5	7,5	Cấp IV - MN	

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG GOM DÂN SINH

STT	Tên đường	Lý trình		Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Chiều dài (m)	Cấp đường
		Từ	Đến				
Xã Phủ Linh							
1	DG139-1	Km139+160	Km139+283	3,5	5,0	184	GTNT cấp B
2	DG140-1	Km140+542	Km141+200	3,5	5,0	658	GTNT cấp B
3	DG142-1	Km142+242	Km142+519	3,5	5,0	279.43	GTNT cấp B
4	DG142-2	Km142+519	Km143+551			1023.83	GTNT cấp B
5	DG143-1	Km143+800	Km143+900	3,5	5,0	109	GTNT cấp B
6	DG143-2	Km143+670	Km144+616	5,5	7,5	1062	Cấp IV-MN

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km136+640.98	39.1+2x40+39.1	473.40	25.25
2	Km137+218.60	3x33	250.40	25.25
3	Km137+549.60	3x33	112.50	25.25
4	Km137+831.00	3x33	114.50	25.25
5	Km138+934.00	41.7+45+41.7	140.40	25.25
6	Km144+250.00	3x33	140.40	25.25

PHỤ LỤC 5:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
Xã Phú Linh				
1	Km138+470.00	Tròn	D2.0	
2	Km138+680.00	Tròn	D1.5	
3	Km139+334.45	Tròn	D1.25	
4	Km139+425.21	Tròn	D1.25	
5	Km139+540.00	Tròn	D1.25	
6	Km139+880.00	Tròn	D1.5	
7	Km140+086.00	Hộp	1.25x1.25	
8	Km140+280.00	Hộp	3x(3.5x3.5)	
9	Km140+543.00	Hộp	1.25x1.25	
10	Km140+755.52	Hộp	3x(3.5x3.5)	
11	Km140+980.00	Tròn	D2.0	
12	Km141+300.00	Tròn	D1.5	
13	Km141+525.15	Tròn	D1.5	
14	Km141+964	Hộp	2x(2.0x2.0)	
15	Km142+252.52	Tròn	D1.5	
16	Km142+500	Hộp	2x(2.0x2.0)	
17	Km142+840	Tròn	D2.0	
18	Km143+030.00	Tròn	D2.0	
19	Km143+313.00	Tròn	D1.5	
20	Km143+660.00	Hộp	2x(3.5x3.5)	
21	Km143+960	Tròn	D2.0	
22	Km144+620.00	Tròn	D1.25	
23	Km144+827.46	Hộp	2.0x2.0	
24	Km144+914	Tròn	D1.25	
25	Km145+265	Tròn	D1.25	
59	Km145+407	Tròn	D1.25	

PHỤ LỤC 6:

DANH SÁCH CÁC CẢI MƯƠNG, CẢI SUỐI

TT	Lý trình dự kiến			Chiều dài	Bên		Ghi chú
	Từ Km...	-:-	Đến Km...	(m)	Trái	Phải	
Xã Phú Linh							
1	Km139+825.00	-:-	Km140+061.00	231	x		Cải suối
2	Km140+171.00	-:-	Km140+737.00	544	x		Cải suối
3	Km140+951.00	-:-	Km141+022.00	72		x	Cải suối
4	Km141+039.00	-:-	Km141+964	925		x	Cải suối
4b	Km141+964	-:-	Km142+090	126		x	Cải mương
5	Km142+258.00	-:-	Km142+474.00	217		x	Cải mương
6	Km142+474.00	-:-	Km142+573.00	100		x	Cải mương
7	Km142+589.00	-:-	Km143+159.00	573		x	Cải suối
8	Km143+159.00	-:-	Km143+660.00	512		x	Cải suối
9	Km143+660.00	-:-	Km143+760.00	102		x	Cải mương
10	Km143+875.00	-:-	Km144+135.00	251	x		Cải suối
11	Km144+160.00	-:-	Km144+240.00	77	x		Cải suối
12	Km144+352.00	-:-	Km144+640.00	331	x		Cải suối
13	Km144+640.00	-:-	Km144+938.00	297	x		Cải suối

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính xã Tân Quang chúng tôi gồm các bên:

I. Thành phần các bên tham gia:

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Nguyễn Đăng Khoa Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Phòng Kinh tế xã Tân Quang

- Ông: Thiều Văn Hoàn - Trưởng phòng Kinh tế
- Ông: Bùi Đức Toàn - Chuyên viên phòng Kinh tế

II. Nội dung:

Căn cứ vào giấy mời số 157/GM-BDACT ngày 17/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây

dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cải mương thủy lợi như sau:

- Bổ sung hầm chui kích thước BxH=4x3 tại Km107+180 theo hiện trạng thực tế đã có đường giao thông liên thôn trong xã.

- Bổ sung hầm chui kích thước BxH=4x3 tại Km109+00 theo hiện trạng thực tế đã có đường giao thông liên thôn trong xã.

- Hầm chui tại Km109+783,94 tại vị trí đường ngang thiết kế bổ sung công trình thoát nước qua suối theo hiện trạng đã có.

- Bổ sung đập tràn thủy lợi tại cống Km104+400 và Km104+566,9 theo hiện trạng đã có.

- Bổ sung đập tràn thủy lợi và mương thủy lợi tại cống Km107+825 theo hiện trạng đã có.

- Nối vuốt dài thêm đường gom tại hầm chui Km104+695,80 về hầm chui đã thi công xong trong giai đoạn 1 phía phải tuyến để đảm bảo người dân đang sinh sống thuận tiện đi lại.

III / Kết luận:

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 16h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐD PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN QUANG**
Nguyễn Văn Quân	Thiều Văn Hoàn

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HÀM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km104+695,80	BxH=5,0x3,5	28	Xã Tân Quang
2	Km105+661,75	BxH=6,5x4,5	49	Xã Tân Quang
3	Km106+819,33	BxH=5,0x3,5	28	Xã Tân Quang
4	Km107+892,00	BxH=5,0x3,5	29	Xã Tân Quang
5	Km108+586,15	BxH=5,0x3,5	28	Xã Tân Quang
6	Km109+783,94	BxH=5,0x3,5	28	Xã Tân Quang
7	Km111+363,44	BxH=6,5x4,5	51	Xã Tân Quang
8	Km111+917,80	BxH=5,0x3,5	38	Xã Tân Quang
9	Km112+694,05	BxH=6.5x4,5	37	Xã Tân Quang

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH

Stt	Tên đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Cấp đường	Ghi chú
Xã Tân Quang							
1	DN1	Km104+695,80	54	3,5	5,0	GTNT cấp B	
2	DN2	Km105+661,75	148	3,5	6,5	GTNT cấp A	
3	DN3	Km106+819,33	68,8	3,5	5,0	GTNT cấp B	
4	DN4	Km107+892,00	82,2	3,5	5,0	GTNT cấp B	
5	DN5	Km108+586,15	89,3	3,5	5,0	GTNT cấp B	
6	DN6	Km109+783,94	75	3,5	5,0	GTNT cấp B	
7	DN7	Km110+600,00		3,5	5,0	GTNT cấp B	Là đường hiện trạng
8	DN8	Km111+363,44	202,78	3,5	6,5	GTNT cấp A	
9	DN9	Km111+917,80	96,27	3,5	5,0	GTNT cấp B	
10	DN10	Km112+694,05	213,9	3,5	5,0	GTNT cấp B	

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG GOM DÂN SINH

STT	Tên đường	Lý trình		Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Chiều dài (m)	Cấp đường
		Từ	Đến				
Xã Tân Quang							
1	DG104-1	Km104+600,00	Km104+820,00	3,5	5,0	220,00	GTNT cấp B
2	DG105-1	Km105+020,00	Km105+720,00	3,5	6,5	700,00	Cấp A
3	DG105-2	Km105+640,00	Km106+130,00	3,5	5,0	490,00	GTNT cấp B
4	DG106-1	Km106+820,00	Km107+160,00	3,5	5,0	340,00	GTNT cấp B
5	DG107-1	Km107+520,00	Km107+880,00	3,5	5,0	360,00	GTNT cấp B
6	DG108-1	Km108+590,00	Km108+980,00	3,5	5,0	390,00	GTNT cấp B
7	DG109-1	Km109+800,00	Km109+950,00	3,5	5,0	150,00	GTNT cấp B
8	DG110-1	Km110+500,00	Km110+640,00	3,5	5,0	140,00	GTNT cấp B
9	DG111-1	Km111+900,00	Km112+170,00	3,5	5,0	270,00	GTNT cấp B

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km104+295.30	1x33	45.2	25.25
2	Km110+673.00	1x33	49.20	25.25

PHỤ LỤC 5:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
Xã Tân Quang				
1	Km104+400	Tròn	D2,0	
2	Km104+566,9	Tròn	D2,0	
3	Km104+650	Hộp	2x(2,0x2,0)	
4	Km105+149,91	Tròn	D1,25	
5	Km105+250	Hộp	2x(2,0x2,0)	
6	Km105+561,74	Tròn	D2,0	
7	Km105+745,65	Tròn	D1,25	
8	Km105+950,00	Hộp	1,251,25	
9	Km106+040	Hộp	2x(2,5x2,5)	
10	Km106+420	Hộp	2x(2,0x2,0)	
11	Km106+600	Hộp	2x(2,5x2,5)	
12	Km107+061	Hộp	2,0x2,0	
13	Km107+360	Hộp	2x(2,5x2,5)	
14	Km107+500	Tròn	D1,25	
15	Km107+825	Hộp	2x(2,5x2,5)	
16	Km108+030	Hộp	2x(2,5x2,5)	
17	Km108+421,49	Tròn	D1,5	
18	Km108+707,4	Tròn	D2,0	
19	Km108+953,53	Tròn	D2,0	
20	Km109+080	Hộp	2x(4,0x3,0)	
21	Km109+256,04	Tròn	D1,5	
22	Km109+600	Hộp	2x(4,0x3,5)	
23	Km109+800	Hộp	2x(2,5x2,5)	
24	Km110+640	Hộp	2x(4,0x3,5)	
25	Km111+494,31	Tròn	D1,25	
26	Km111+637,86	Tròn	D1,5	
27	Km111+812,99	Tròn	D1,5	
28	Km112+102	Hộp	2x(3,0x3,0)	
29	Km112+783,28	Tròn	D2,0	

PHỤ LỤC 6:

DANH SÁCH CÁC CẢI MƯƠNG, CẢI SUỐI

TT	Lý trình dự kiến			Chiều dài	Bên		Ghi chú
	Từ Km…	-:-	Đến Km…	(m)	Trái	Phải	
Xã Tân Quang							
1	Km104+570,00	-:-	Km104+640,00	70,00	x		Cải suối
2	Km105+880,00	-:-	Km105+950,00	70,00		x	Cải mương
3	Km106+340,00	-:-	Km106+390,00	50,00	x		Cải suối
4	Km106+410,00	-:-	Km106+590,00	180,00	x		Cải suối
5	Km106+600,00	-:-	Km106+680,00	80,00		x	Cải suối
6	Km107+000,00	-:-	Km107+065,00	65,00		x	Cải mương
7	Km107+750,00	-:-	Km107+815,00	65,00	x		Cải suối
8	Km108+020,00	-:-	Km108+145,00	125,00		x	Cải suối
9	Km108+820,00	-:-	Km108+920,00	100,00		x	Cải suối
10	Km109+000,00	-:-	Km109+060,00	60,00		x	Cải suối
11	Km109+096,00	-:-	Km109+260,00	164,00	x		Cải suối
12	Km109+525,00	-:-	Km109+600,00	75,00	x		Cải suối
13	Km109+720,00	-:-	Km109+830,00	110,00	x		Cải suối
14	Km109+800,00	-:-	Km109+970,00	170,00		x	Cải mương
15	Km110+760,00	-:-	Km110+910,00	150,00		x	Cải mương
16	Km112+655,00	-:-	Km112+760,00	105,00		x	Cải mương

PHỤ LỤC 7:

DANH SÁCH MỎ VẬT LIỆU THÔNG THƯỜNG CÁT, ĐÁ

TT	Tên Dự án	Xã Mới	Số GP khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m3)	Công suất năm(m3)	Tình trạng	Khoảng cách đến điểm tiếp cận của DA (km)
I	**MỎ CÁT**							
1	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Ngần Hạ, xã Tân Quang	Xã Tân Quang	Số 1614/GP-UBND ngày 30/7/2018	1,47	73.733	7.000	Mỏ hoạt động khai thác	8,5 (Km104+700)
2	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, thôn Tân Thắng, xã Tân Quang	Xã Tân Quang	Số 670/GP-UBND ngày 12/04/2018	5,12	255.785	15.000	Mỏ hoạt động khai thác	3,8 (Km104+700)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 24 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính xã Thanh Thủy chúng tôi gồm các bên:

I. Thành phần các bên tham gia:

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Quán Anh Hiếu Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Đại diện UBND xã Thanh Thủy.

Ông: Nguyễn Xuân Thắng Chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế.

Ông: Mã Phúc Yên Chức vụ: Chuyên viên Kinh tế.

Ông: Nguyễn Văn Khánh Chức vụ: Chuyên viên Kinh tế.

4. Tổ trưởng các tổ dân phố

Ông: Nguyễn Văn Hưởng Chức vụ: Tổ trưởng thôn Cường Thịnh;

Ông: Nguyễn Khánh Toạn Chức vụ: Tổ trưởng thôn Nà Miều;

Ông: Nguyễn Văn Viết Chức vụ: Tổ trưởng thôn Sửu;

Ông: Nguyễn Trung Sen Chức vụ: Tổ trưởng thôn Nà Thài.

II. Nội dung:

Căn cứ vào giấy mời số 160/GM-BDACT ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường

ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cải mương thủy lợi như sau:

- Kiểm tra xem bể chứa nước sinh hoạt tại cầu vượt ngang Km154+480 có nằm trên đỉnh ta luy đào nền đường không để có giải pháp thiết kế hoàn trả lại cho dân.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km155+658 theo hiện trạng.

- Bổ sung đường gom phải tuyến Km155+050-Km155+650.

- Bổ sung đường gom trái tuyến Km154+480-Km155+080.

- Hoàn trả lại mương thủy lợi Km157+050 theo hiện trạng.

- Hoàn trả mương thủy lợi Km157+600-Km157+700 theo hiện trạng.

- Hoàn trả đường dân sinh dưới gầm cầu Km159+931 theo hiện trạng đã có đường dân sinh.

III / Kết luận:

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 16h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	**ĐẠI DIỆN UBND XÃ THANH THỦY**
Nguyễn Văn Bảo	Nguyễn Xuân Thắng

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

ĐẠI DIỆN CÁC THÔN

1. Ông: Nguyễn Văn Hưởng: .....
2. Ông: Nguyễn Khánh Toạn: .....
3. Ông: Nguyễn Văn Viết:.....
4. Ông: Nguyễn Trung Sen:.....

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HẦM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km154+480,00	Cầu vượt B=5m	40	Xã Thanh Thủy
2	Km155+670,00	BxH=5,0x3,5	45	Xã Thanh Thủy
3	Km156+375,00	BxH=5,0x3,5	35	Xã Thanh Thủy
4	Km156+970,00	BxH=5,0x3,5	49	Xã Thanh Thủy
5	Km158+335,00	BxH=5,0x3,5	31	Xã Thanh Thủy
6	Km160+570,00	BxH=5,0x3,5	34	Xã Thanh Thủy
7	Km161+800,00	Cầu vượt B=5m	84	Xã Thanh Thủy

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG NGANG DÂN SINH

Stt	Tên đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Cấp đường	Ghi chú
Xã Thanh Thủy							
1	DN154-1	Km154+480,00	238,95	3,5	5,0	GTNT cấp B	Cầu vượt ngang
2	DN155-1	Km155+670,00	240,23	3,5	5,0	GTNT cấp B	
3	DN155-2	Km156+375,00	138,16	3,5	5,0	GTNT cấp B	
4	DN156-1	Km156+970,00	143,11	3,5	5,0	GTNT cấp B	
5	DN157-1	Km157+152,00	98,99	3,5	5,0	GTNT cấp B	
6	DN157-2	Km157+395,00	124,65	3,5	5,0	GTNT cấp B	
7	DN157-3	Km157+625,00	90,47	3,5	5,0	GTNT cấp B	
8	DN157-4	Km157+675,00	47,84	3,5	5,0	GTNT cấp B	
9	DN159-1	Km159+195,00	121,59	3,5	5,0	GTNT cấp B	
10	DN159-2	Km159+408,00	181,22	3,5	5,0	GTNT cấp B	
11	DN160-1	Km160+570,00	184,55	3,5	5,0	GTNT cấp B	
12	DN161-1	Km162+030,00	66,27	3,5	5,0	GTNT cấp B	

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG GOM DÂN SINH

STT	Tên đường	Lý trình		Bề rộng mặt đường	Bề rộng nền đường	Chiều dài (m)	Cấp đường
		Từ	Đến				
Xã Thanh Thủy							
1	DG157-1	Km157+400,28	Km158+341,49	3,5	5,0	973,1	GTNT cấp B
2	DG158-1	Km158+041,83	Km158+353,08	3,5	5,0	396,86	GTNT cấp B
3	DG158-2	Km158+789,18	Km159+186,35	3,5	5,0	406,55	GTNT cấp B
4	DG159-1	Km159+408,72	Km159+474,22	3,5	5,0	89,15	GTNT cấp B
5	DG161-1	Km161+682,65	Km162+035,90	3,5	5,0	355,78	GTNT cấp B

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km157+359.70	39.1+12x40+39.1	122.20	25.25
2	Km159+344.15	39.1+9x40+39.1	122.20	25.25
3	Km159+931.55	1x33	114.50	25.25
4	Km161+276.60	3x33	570.40	25.25
Cầu trong nút giao, cầu vượt ngang				
1	Km154+440.00	1x38,2	50.40	5.00
2	Km161+800.00	24+33+24	89.20	5.00

PHỤ LỤC 5:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
Xã Thanh Thủy				
1	Km153+960,00	Hộp	2,0x2,0	
2	Km154+135,00	Hộp	2,5x2,5	
3	Km154+515,00	Tròn	D1,25	
4	Km154+560,00	Hộp	2x4,0x4,0	
5	Km154+835,00	Tròn	D1,25	
6	Km154+980,00	Hộp	2,0x2,0	
7	Km155+155,00	Hộp	2,5x2,5	
8	Km155+640,00	Hộp	2x4,0x4,0	
9	Km155+845,00	Tròn	D1,25	
10	Km156+080,00	Tròn	D1,50	
11	Km156+355,00	Hộp	2x2,0x2,0	
12	Km156+393,00	Hộp	2,0x2,0	
13	Km156+540,00	Hộp	2,0x2,0	
14	Km156+910,00	Tròn	D1,50	
15	Km157+735,00	Tròn	D1,25	
16	Km158+095,00	Hộp	2,0x2,0	
17	Km158+270,00	Hộp	2,0x2,0	
18	Km158+375,00	Tròn	D1,25	
19	Km158+700,00	Hộp	2,5x2,5	
20	Km159+700,00	Hộp	2,5x2,5	
21	Km159+810,00	Hộp	1,5x1,5	
22	Km160+280,00	Tròn	D1,25	
23	Km161+132,00	Hộp	3,5x3,5	
24	Km161+760,00	Hộp	2x3,0x3,0	
25	Km162+015,21	Hộp	2,0x2,0	

PHỤ LỤC 6:

DANH SÁCH CÁC CẢI MƯƠNG, CẢI SUỐI

TT	Lý trình dự kiến			Chiều dài	Bên		Ghi chú
	Từ Km…	-:-	Đến Km…	(m)	Trái	Phải	
Xã Thanh Thủy							
1	Km154+480,00	-:-	Km154+514,25	115,761		x	
2	Km155+622,66	-:-	Km155+659,62	145,021	x		
3	Km159+290,01	-:-	Km159+465,61	244,644		x	
4	Km160+500,00	-:-	Km160+598,37	103,079	x		

PHỤ LỤC 7:

DANH SÁCH MỎ VẬT LIỆU THÔNG THƯỜNG CÁT, ĐÁ

TT	Tên Dự án	Xã Mới	Số GP khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m3)	Công suất năm(m3)	Tình trạng	Khoảng cách đến điểm tiếp cận của DA (km)
I	**MỎ ĐÁ**							
1	Mỏ đá vôi Nà Cáy, thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	Số 2219/GP-UBND ngày 6/11/2019	1,226	290.139	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	0,2 (Km162+00)
II	**Mỏ cát**							
1	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 21, xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	Số 1100/GP-UBND ngày 7/06/2018	1,5	96.678	7.000	Mỏ hoạt động khai thác	2,1 (Km162+00)
2	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 17, xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	Số 607/GP-UBND ngày 5/04/2018	2,07	86.534	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	0,3 (Km161+700)
3	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 16+500, xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	Số 608/GP-UBND ngày 5/04/2018	4,73	293.632	10.500	Mỏ hoạt động khai thác	0,58 (Km160+500)
5	Mỏ cát, sỏi thôn Nà Miều, xã Thanh Thủy và Thôn Nà Rang, Phường Hà Giang 2 (Khu I)	xã Thanh Thủy	1065/GP-UBND ngày 03/7/2020	4,38	309.797	15.000	Mỏ hoạt động khai thác	1,7 (Km157+700)
5	Mỏ cát, sỏi thôn Nà Miều, xã Thanh Thủy và Thôn Nà Rang, Phường Hà Giang 2 (Khu II)	xã Thanh Thủy	1070/GP-UBND ngày 03/7/2020	4,46	310.914	15.000	Mỏ hoạt động khai thác	1,0 (Km155+700)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Kiểm tra thực tế hiện trường các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải tạo kênh mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 18 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thuộc địa giới hành chính xã Vị Xuyên chúng tôi gồm các bên:

I. Thành phần các bên tham gia:

1. Đại diện Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Văn Tiến Chức vụ: P Trưởng phòng QLDA & DVTV2.

Ông: Nguyễn Đăng Khoa Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Trần Văn Phương; Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

3. Đại diện UBND xã Vị Xuyên

Ông: Bùi Doãn Tạo; Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế xã.

Ông: Long Văn Minh; Chức vụ : Chuyên viên phòng kinh tế xã.

II. Nội dung:

Căn cứ vào giấy mời số 155/GM-BDACT ngày 17/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải tạo kênh mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường, cải suối (nếu có) Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng thống nhất các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường gom, cống thoát nước, cải tạo kênh mương thủy lợi, vị trí cầu, mỏ vật liệu thông thường (cát, đá), cải suối (nếu có) theo hồ sơ của nhà thầu tư vấn đề xuất.

(có phụ lục chi tiết đính kèm)

Đồng thời các bên cùng thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z bổ sung thêm các vị trí đường ngang (hầm chui) giao cắt cao tốc, đường

gom, cải tạo kênh mương thủy lợi như sau:

- Bổ sung hầm chui dân sinh kích thước BxH=4x3 trong đoạn từ Km130+300-Km131+00 để phục người dân đi lại trên đồi để khai thác các loại cây lâm nghiệp.

- Bổ sung hầm chui dân sinh kích thước BxH=4x3 trong đoạn từ Km131+00-Km131+900 để phục người dân đi lại trên đồi để khai thác các loại cây lâm nghiệp.

- Bổ sung hầm chui dân sinh kích thước BxH=4x3 trong đoạn từ Km132+800-Km134+600 để phục người dân đi lại trên đồi để khai thác các loại cây lâm nghiệp và làm nương trên đồi hiện trạng đã có đường đất dân sinh tại Km134+200 và Km134+400.

III / Kết luận:

Các bên nhất trí với các nội dung nêu trên, để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z triển khai công việc các bước tiếp theo.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 16h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Bắc

ĐẠI DIỆN UBND XÃ VỊ XUYÊN

PHÒNG KINH TẾ

Bùi Doãn Tạo

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

Bùi Văn Thưởng

PHÒNG KINH TẾ

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ HÀM CHUI

TT	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Km132+000,00	BxH=4,0x3	35	Xã Vị Xuyên

PHỤ LỤC 2:

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH CẦU

STT	Lý trình	Sơ đồ nhịp	Chiều dài cầu	Bề rộng cầu
Cầu tuyến chính				
1	Km132+764.00	1x33	113.40	25.25
2	Km134+881.70	2x33	45.20	25.25
3	Km135+487.50	39.1+9x40+32+31.2	78.15	25.25
4	Km136+640.98	39.1+2x40+39.1	473.40	25.25

PHÒNG KINH TẾ

PHỤ LỤC 3:
DANH SÁCH CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ dự kiến	Ghi chú
Xã Vị Xuyên				
1	Km119+066,95	Tròn	D1,25	
2	Km119+890	Tròn	D1,25	
3	Km120+434	Tròn	D1,25	
4	Km120+680	Tròn	D1,25	
5	Km130+448,41	Tròn	D1,25	
6	Km130+562,96	Tròn	D1,25	
7	Km130+711,28	Tròn	D2,0	
8	Km130+777,78	Tròn	D1,25	
9	Km131+080	Tròn	D2,0	
10	Km131+175,61	Tròn	D1,25	
11	Km131+300	Tròn	D1,5	
12	Km131+482,42	Tròn	D1,5	
13	Km131+754,51	Tròn	D1,5	
14	Km131+979,93	Tròn	D2,0	
15	Km133+473	Hộp	2x(2,0x2,0)	
16	Km133+727	Hộp	2x(2,0x2,0)	
17	Km134+115,45	Hộp	2x(2,0x2,0)	
18	Km134+311,84	Hộp	2x(2,0x2,0)	
19	Km134+480,75	Tròn	D1,5	

PHỤ LỤC 4:

DANH SÁCH MỎ VẬT LIỆU THÔNG THƯỜNG CÁT, ĐÁ

TT	Tên Dự án	Xã Mới	Số GP khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m3)	Công suất năm(m3)	Tình trạng	Khoảng cách đến điểm tiếp cận của DA (km)
I	**MỎ ĐÁ**							
1	Mỏ đá vôi thôn Làng Đông, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 1067/GP-UBND ngày 3/7/2020	6,7	1.008.258	35.000	Mỏ hoạt động khai thác	2,5 (Km128+00)
II	**Mỏ cát**							
1	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 17 thôn Đức Thành, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 604/GP-UBND ngày 5/04/2018	5,35	259.280	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	0,5 (Km131+600)
2	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, km 16+300, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 606/GP-UBND ngày 5/04/2018	4,07	218.220	12.000	Mỏ hoạt động khai thác	1,3 (Km131+600)
3	Mỏ cát, sỏi lòng suối thôn Làng Má, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 2707/GP-UBND ngày 10/12/2018	5,598	265.388	14.000	Mỏ hoạt động khai thác	
4	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, tổ 14, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 1069/GP-UBND ngày 3/7/2020	3,2	247.447	10.000	Mỏ hoạt động khai thác	1,9 (Km128+00)
5	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 1414/GP-UBND ngày 28/11/2025	4,66			Mỏ hoạt động khai thác	
6	Mỏ cát, sỏi lòng suối Má, thôn Chất Tiền, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Số 1083/GP-UBND ngày 27/6/2025	6,9191	155.466	10.365	Mỏ hoạt động khai thác	4,5 (Km131+600)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc kiểm tra, rà soát và thỏa thuận di chuyển các vị trí cột điện, giao cắt (cột điện cao thế thuộc đường dây 110kV, 220kV) thuộc phạm vi hướng tuyến dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao nhiệm chủ đầu tư dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy;

Căn cứ hợp đồng số 142/2026/HĐTV-NCKT ngày 28/3/2026 về việc thực hiện gói thầu số 04: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo NCKT, Cắm cọc GPMB và Mốc lộ giới thuộc dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang với Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z;

Thực hiện Giấy mời số 162/GM-BDACT ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc Về việc kiểm tra, rà soát và thỏa thuận di chuyển các vị trí cột điện, giao cắt (cột điện cao thế 110kV, 220kV) thuộc phạm vi dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

Hôm nay, ngày 23/6/2026, tại thực địa dự án đoạn nút giao Km144+200 và đoạn Km160-Km162 dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy thành phần gồm các bên

I. Thành phần tham gia

1. Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Song Tử	Chức vụ: Phó Giám Đốc
Ông: Nguyễn Văn Tiến	Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA&DVTV2
Ông: Quán Anh Hiếu	Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA&DVTV2

2. Đại diện Sở Công thương:

Ông: Nguyễn Văn Hạ Chức vụ: Chuyên viên phòng năng lượng

3. Đại diện Công ty Truyền tải 1 - Truyền tải điện Đông Bắc 3

Ông: Đinh Nho Hợi Chức vụ: Phó Truyền tải điện

Ông: Trần Quốc Kiên Chức vụ: Kỹ thuật an toàn

Ông: Nguyễn Như Quỳnh Chức vụ: Tổ Trưởng tổ QLVH đường dây Hà Giang

4. Đại diện Công ty Điện lực Tuyên Quang

Ông: Nguyễn Duy Hiếu Chức vụ: Trưởng phòng Xí nghiệp lưới điện cao thế

5. Đại diện nhà thầu tư vấn : Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Ông: Nguyễn Quốc Trưởng Chức vụ: Tư vấn thiết kế

Ông: Nguyễn Văn Báo Chức vụ: Tư vấn thiết kế

II. Nội dung

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z lập các bên cùng nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa cùng ghi nhận các vị trí cột điện 110kV và 220 kV nằm trong hướng tuyến của dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy cụ thể tại các vị trí như sau:

- Hướng tuyến cao tốc giao cắt ngang với các cột điện 220kV và 110kV tại lý trình Km144+173,57; Km144+251,27; Km146+165,32; Km158+755,58.

- Các vị trí cột điện 220kV và 110kV nằm trong hướng tuyến của dự án Cao tốc tại lý trình Km160+754; Km160+858; Km161+203; Km161+459; Km161+459; Km161+458; Km161+647; Km161+824.

Các bên thống nhất:

Qua kiểm tra thực tế hiện trường theo thống kê trên hồ sơ của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z các vị trí trên đường dây 110kV và 220kV chưa chính xác có sự nhầm lẫn giữa các đường dây 110kV và 220kV. Các bên thống nhất, đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z xác định lại các vị trí ảnh hưởng của cột điện thuộc đường dây 110kV và 220kV nằm trong phạm vi hướng tuyến dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy để đưa vào phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư để làm cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Song Tứ
ĐẠI DIỆN TRUYỀN TẢI ĐIỆN ĐÔNG BẮC 3

Đinh Nho Hợi

ĐẠI DIỆN SỞ CÔNG THƯƠNG

Nguyễn Văn Hạ
ĐẠI DIỆN CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG

Nguyễn Duy Hiếu

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

Nguyễn Quốc Trưởng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kiểm tra thực tế hiện trường về vệc thống nhất hoàn trả Quốc lộ 2 đoạn Km294+00-Km294+250 nằm trong phạm vi hướng tuyến của Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại hiện trường thực địa dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy (Km294 Quốc lộ 2) chúng tôi gồm các bên:

I. Thành phần tham dự.

1. Đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh.

- Ông: Nguyễn Song Tứ – Phó Giám Đốc.

- Ông: Nguyễn Văn Tiến – Phó phòng Quản lý dự án dịch vụ tư vấn 02.

2. Đại diện Sở Xây dựng.

- Ông: Trần Nguyên Giáp - Phó trưởng phòng Quản lý đầu tư xây dựng

3. Đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Chức vụ: Phó Giám đốc;

4. Đại diện Ủy ban nhân dân Phường Hà Giang 1.

- Ông: Trần Quang Đức - Chức vụ: Chuyên viên phòng KT,HT&ĐT;

5. Đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

- Ông: Trần Văn Phương; Chức vụ: Chủ trì thiết kế.

II. Nội dung

Thực hiện theo giấy mời số 170/GM-BDACT ngày 28/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang về việc phối hợp kiểm tra, rà soát ảnh hưởng của dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy tới dự án khu đô thị mới Hà Phương và hoàn trả Quốc lộ 2.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z đề xuất 03 phương án hoàn trả Quốc lộ 2 đoạn Km294+00-Km294+250 các bên cùng nhau nghiên cứu hồ sơ và đi thực địa như sau:

- Phương án 1: Hoàn trả bên trái và bên phải mỗi bên 5,5m theo dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc; tận dụng một bên nền đường hiện tái tiết kiệm chi phí xây dựng.

- Phương án 2: Hoàn trả theo hướng bên trái dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc; mở vào đồi dẫn đến tăng chi phí, khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Phương án 3: Hoàn trả theo hướng bên phải dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc; chiếm dụng vào đất khu đô thị khoảng 1000m2 dẫn đến ảnh hưởng tiến độ chung của dự án cao tốc do phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Bất động sản Mỹ đồi dẫn đến tăng chi phí xây dựng.

(có đính kèm theo 03 phương án)

Các bên thống nhất:

Qua kiểm tra thực tế hiện trường Các bên thống nhất lựa chọn Phương án 1- Hoàn trả bên trái và bên phải mỗi bên 5,5m theo dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc.

Biên bản hiện trường được lập vào hồi 16h30 cùng ngày, thông qua cho mọi người cùng nghe nhất trí ký tên./.

SỞ XÂY DỰNG	**ĐẠI DIỆN BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH**
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Nguyên Giáp	**Nguyễn Song Tứ**
UBND PHƯỜNG HÀ GIANG 1	**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
Trần Quang Đức	Nguyễn Thị Thanh Thủy
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	

BIỂU SO SÁNH CÁC PHƯƠNG ÁN ĐÍNH KÈM BIÊN BẢN LÀM VIỆC NGÀY 30/6/2026				
TT	**Hạng mục**	**Phương án 1:** **Hoàn trả bên trái và bên phải mỗi bên 5,5m theo dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc**	**Phương án 2** **Hoàn trả theo hướng bên trái dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc**	**Phương án 3** **Hoàn trả theo hướng bên phải dải phân cách trụ cầu cạn theo hướng tuyến cao tốc**
1	So sánh hướng tuyến	- Huyến tuyến đi thẳng dọc theo các trụ cầu cạn tuyến cao tốc, các trụ cầu nằm hoàn toàn trong phạm vi giải phân cách giữa, tuyến đi thẳng qua phạm vi đường cong, sau đó vuốt nối êm thuận với đường QL.2 hiện trạng. - Hướng tuyến cơ bản tuân theo QH PK2 đã phê duyệt	- Hướng tuyến từ phía đường đôi: Rẽ sang phía bên trái tuyến phía trụ cầu cạn, R=140m sau đó khớp nối với QL.2 hiện trạng. - Hướng tuyến: điều chỉnh so với QH-PK2	- Hướng tuyến từ phía đường đôi: Rẽ sang phía bên phải tuyến phía trụ cầu cạn, R=140m sau đó khớp nối với QL.2 hiện trạng. - Hướng tuyến: điều chỉnh so với QH-PK2
2	Vị trí nút giao QL.2 và đường đôi	- Vị trí nút giao cắt nằm hoàn toàn trong phạm vi đường thẳng. - Góc giao cắt : 43 độ (giữ nguyên theo hiện trạng)	- Vị trí nút giao cắt nằm trong phạm vi đường cong với R=140m. - Góc giao cắt : 43 độ => Vị trí nút giao với góc giao nhỏ, nằm trong phạm vi đường cong => cần phải cải thiện tuyến để cải thiện góc giao (căn cứ theo điều 11.3.1 tcvn 4054:2005)	- Vị trí nút giao cắt nằm hoàn toàn trong phạm vi đường cong. - Góc giao cắt : 43 độ => Vị trí nút giao với góc giao nhỏ, nằm trong phạm vi đường cong => cần phải cải thiện tuyến để cải thiện góc giao (căn cứ theo điều 11.3.1 tcvn 4054:2005)
3	Quy mô mặt cắt dự kiến	Bnền= 0.5+ 5,25 + 5 + 5,25 + 0.5= 16.5m (bề rộng bên trái tuyến đến phạm vi mép đường hiện trạng tối thiểu 5,5m)	B nền = 0.5+5.25+5.25+0.5=11.5m	B nền = 0.5+5,25+5.25+0.5=11.5m
4	Quy hoạch Phân khu 2- số 698/QĐ-UBND ngày 10/04/2023: mặt cắt 3-3: B nền = Bhè + Bmđ+Bhè = 2,5(6)+10,5+2,5(6)=15,5(22.5) m	- Tuyến cơ bản tuân thủ theo quy mô mặt cắt quy hoạch với Bmđ=10,5m. - Tuyến nằm trong phạm vi chỉ giới theo QH, không lấn vào ranh giới KĐT Hà Phương đã phê duyệt	- Tuyến cơ bản tuân thủ theo quy mô mặt cắt quy hoạch với Bmđ=10,5m. - Tuyến lấn sang phía bên trái (phía đồi núi) phạm vi chỉ giới theo QH,	- Tuyến cơ bản tuân thủ theo quy mô mặt cắt quy hoạch với Bmđ=10,5m - Tuyến lấn sang phía bên phải (phía KĐT) phạm vi chỉ giới theo QH,
5	Cảnh quan đô thị	- Đảm bảo cảnh quan,mỹ quan tính liền mạch đối với tuyến đường đôi, toàn bộ trụ cầu cao tốc nằm hoàn toàn trong phạm vi GPC		
6	Nhận xét ưu điểm	- Hướng tuyến: tuân theo hướng tuyến QH-PK2	- Phạm vi hoàn trả không lấn vào ranh giới KĐT Hà Phương => không phải điều chỉnh QH => đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án.	
		- Nút giao cắt: thuận lợi đảm bảo các yếu tố kích thước hình học		
		- Phạm vi hoàn trả nằm trong phạm vi chỉ giới đã QH, không lấn vào ranh giới KĐT Hà Phương => không phải điều chỉnh QH => đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án		
		- Đảo bảo tính thẩm mỹ, cảnh quan đô thị		
		- Chi phí GPMB nhỏ nhất do tận dụng tối đa hướng tuyến hiện hữu		

7	Nhận xét nhược điểm	- Trong quá trình thi công có ảnh hưởng đến các phương tiện tham gia giao thông	- Hướng tuyến: điều chỉnh so với QH-PK2	- Hướng tuyến: điều chỉnh so với QH-PK2
			- Nút giao cắt: góc giao nhỏ, nằm trong phạm vi đường cong=> không thuận lợi, cần phải cải thiện tuyến để cải góc giao	- Nút giao cắt: góc giao nhỏ, nằm trong phạm vi đường cong=> không thuận lợi, cần phải cải thiện tuyến để cải góc giao
				- Phạm vi hoàn trả lấn vào ranh giới KĐT Hà Phương => phải điều chỉnh QH => khó đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện dự án
				- Chi phí GPMB là nhiều nhất do phải thu hồi đất lấn vào KDT và giải phóng các cột điện hiện trạng (dự kiến khoảng 1000m2)
8	**Đánh giá**	**Kiến nghị lựa chọn Phương án 1**		

PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 24 /GCN-BNNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản số 20/CV-VCNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Thông báo số 25/TB-BXD ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Bộ Xây dựng về danh sách các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. **Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng**

Địa chỉ: Số 1252 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37663841 Fax: 024.37663841

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 037**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày *10* tháng *6* năm 2028.

4. Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:
- Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở NNMT TP Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, MT (06).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

Phụ lục

PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với Viện chuyên ngành Môi trường thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng

(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. NỀN MẪU NƯỚC

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 2.000 µS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	IES.HT.07	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1.000 NTU
7	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

** IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước.*

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-6:2018 TCVN 6663-4:2020 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	5,0 Pt-Co
2	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	SMEWW 2340C:2023	2,0 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
4	BOD_5	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
5	COD	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
7	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,002 mg/L
8	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,01 mg/L
9	Tổng N	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO_3^- .E:2023	0,05 mg/L
10	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
11	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2023	2,0 mg/L
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
13	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
14	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,002 mg/L
15	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
16	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
17	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL

1.2. Nước dưới đất

1.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 2.000 µS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	IES.HT.07	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1.000 NTU
7	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-11:2011 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	SMEWW 2340C:2023	2,0 mg/L
2	Chỉ số permanganat	TCVN 6186:1996	0,3 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L
4	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
5	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,002 mg/L
6	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,01 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
7	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
8	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2023	2,0 mg/L
9	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
11	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,002 mg/L
12	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
13	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL

1.3. Nước biển

1.3.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1.000 NTU
5	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5998:1995 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
2	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
3	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,002 mg/L
4	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
5	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,002 mg/L
7	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
8	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL

1.4. Nước thải

1.4.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	IES.HT.07	0 ÷ 1.999 mg/L

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5999:1995 TCVN 8880:2011 TCVN 6663-3:2016

1.4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
3	BOD_5	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4	COD	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
6	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,002 mg/L
7	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2023	0,02 mg/L
8	Tổng N	TCVN 6638:2000	3,5 mg/L
9	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
10	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2023	0,02 mg/L
11	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
12	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
13	Crôm VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,002 mg/L
14	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
15	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
16	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
17	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	02 MPN/100mL

2. NỀN MẪU KHÍ

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 50°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	5 ÷ 100% RH
3	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
4	Hướng gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 360°
5	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 20 m/s
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	25 ÷ 130 dBA
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 129 dB

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
2	Bụi PM_{10}	40 CFR Part 50 - Appendix J
3	SO_2	TCVN 5971:1995
4	CO	IES.LM.11
5	NO_2	TCVN 6137:2009

** IES.LM.11: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy mẫu CO trong không khí xung quanh.*

2.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	12,0 µg/Nm^3
2	SO_2	TCVN 5971:1995	13,0 µg/Nm^3
3	CO	IES.TN.04	3.300 µg/Nm^3
4	NO_2	TCVN 6137:2009	9,0 µg/Nm^3

** IES.TN.04: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích CO trong không khí xung quanh.*

3. NỀN MẪU RẮN

3.1. Đất

3.1.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu đất	TCVN 5297:1995 TCVN 7538-1:2006 TCVN 7538-2:2005 TCVN 7538-4:2007 TCVN 7538-5:2007

3.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2	Độ dẫn điện (EC)	TCVN 6650:2000	0 ÷ 100 mS/cm
3	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 7010	0,5 mg/kg
4	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A SMEWW 3113B:2023	0,3 mg/kg
5	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 3051A US EPA 7000B	7,5 mg/kg
6	Đồng (Cu)	US EPA 3051A US EPA 7000B	3,5 mg/kg
7	Thủy ngân (Hg)	US EPA 7471B	0,6 mg/kg
8	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 7000B	15,0 mg/kg
		US EPA 3051A SMEWW 3113B:2023	0,4 mg/kg
9	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 7000B	20,0 mg/kg
10	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 7000B	3,0 mg/kg

3.2. Trầm tích

3.2.1. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu trầm tích	ISO 5667-12:2017 TCVN 6663-19:2015 TCVN 6663-15:2004

3.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Dải đo
1	Asen (As)	US EPA 3051A US EPA 7010	0,5 mg/kg
2	Cadimi (Cd)	US EPA 3051A SMEWW 3113B:2023	0,3 mg/kg
3	Tổng Crôm (Cr)	US EPA 3051A US EPA 7000B	7,5 mg/kg
4	Đồng (Cu)	US EPA 3051A US EPA 7000B	3,5 mg/kg
5	Thủy ngân (Hg)	US EPA 7471B	0,16 mg/kg
6	Niken (Ni)	US EPA 3051A US EPA 7000B	15,0 mg/kg
		US EPA 3051A SMEWW 3113B:2023	0,4 mg/kg
7	Chì (Pb)	US EPA 3051A US EPA 7000B	21,0 mg/kg
8	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A US EPA 7000B	3,0 mg/kg

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.141/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K1 - Khu dân cư thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang (Km104+200);
Tọa độ: X(m): 2488459; Y(m): 436336
Ngày lấy mẫu : 29/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 29/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K1.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,5	76,4	1002,8	1,3	91	88	35	42	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K1.2 (09:30 ÷ 11:30)	30,1	74,5	1001,1	1,5	95	95	41	53	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
3	K1.3 (13:00 ÷ 15:00)	31,7	69,6	1001,2	1,2	90	112	40	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
4	K1.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,3	70,3	1002,8	0,9	97	107	39	44	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K1.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,6	73,9	1003,5	1,1	92	82	35	42	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHẢT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.142/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K2 - Khu dân cư Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km115+700);
Tọa độ: X(m): 2498025; Y(m): 442501
Ngày lấy mẫu : 29/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 29/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3(*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K2.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,8	76,6	1002,7	1,2	94	85	36	43	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K2.2 (09:30 ÷ 11:30)	30,5	74,1	1001,2	1,4	96	98	37	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
3	K2.3 (13:00 ÷ 15:00)	31,4	69,8	1001,4	1,3	92	94	37	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
4	K2.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,5	70,7	1002,6	0,8	98	91	41	52	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K2.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,3	73,5	1003,1	1,2	91	87	35	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.143/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K3 - Khu dân cư Thôn Khuổi Thài, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km117+900); Tọa độ: X(m): 2499779; Y(m): 443588
Ngày lấy mẫu : 29/6/2026
Thời giau thử nghiệm : Từ 29/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3(*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K3.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,4	76,0	1002,9	1,1	97	92	39	51	< 9900 (LOQ=9900)	17,8	15,2
2	K3.2 (09:30 ÷ 11:30)	30,2	73,9	1001,7	1,3	92	117	37	42	< 9900 (LOQ=9900)	23,5	19,8

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K3.3 (13:00 ÷ 15:00)	31,6	69,9	1001,6	1,5	95	129	40	50	< 9900 (LOQ=9900)	25,7	22,1
4	K3.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,8	70,2	1002,3	0,9	96	114	40	48	< 9900 (LOQ=9900)	27,5	20,7
5	K3.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,9	73,6	1002,8	1,1	93	105	39	47	< 9900 (LOQ=9900)	21,3	16,2
QCVN 05:2023/ BTNMT		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.144/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K4 - Khu dân cư Đội 30, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km120+600);
Tọa độ: X(m): 2501936; Y(m): 445265
Ngày lấy mẫu : 30/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 30/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**HES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K4.1 (05:30 ÷ 07:30)	26,2	79,5	1002,2	1,2	163	86	34	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K4.2 (11:00 ÷ 13:00)	30,3	76,3	1001,6	0,9	177	95	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K4.3 (14:02 ÷ 16:02)	31,5	74,7	1001,5	1,5	179	113	39	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K4.4 (17:00 ÷ 19:00)	29,1	76,8	1002,4	1,3	168	97	38	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K4.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,5	77,5	1002,9	1,7	173	94	38	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.145/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K5 - Khu dân cư Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km122+300);
Tọa độ: X(m): 2504133; Y(m): 445687
Ngày lấy mẫu : 30/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 30/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3(*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K5.1 (05:30 ÷ 07:30)	26,4	78,9	1002,1	1,4	166	109	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K5.2 (11:02 ÷ 13:02)	30,1	76,6	1001,4	1,1	174	125	38	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K5.3 (14:04 ÷ 16:04)	31,3	74,5	1001,7	1,3	175	136	37	44	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K5.4 (17:00 ÷ 19:00)	29,5	76,9	1002,1	1,2	163	117	40	49	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K5.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,6	77,3	1002,5	1,6	177	103	38	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.146/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K6 - Khu vực chùa Nậm Dầu, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km126+900); Tọa độ: X(m): 2507287; Y(m): 448453
Ngày lấy mẫu : 30/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 30/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3(*) (µg/Nm³)	H_2S(*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	QCVN46:2022/BTNMT					TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IES-TN-04	TCVN 5293:1995	MASA 701
1	K6.1 (05:30 ÷ 07:30)	26,6	78,7	1002,5	1,3	166	107	35	43	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K6.2 (11:00 ÷ 13:00)	30,2	76,4	1001,6	1,0	174	113	36	44	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K6.3 (14:01 ÷ 16:01)	31,1	74,9	1001,9	1,6	175	128	41	50	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K6.4 (16:30 ÷ 18:30)	29,7	76,3	1002,4	1,1	163	116	39	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K6.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,4	77,6	1002,7	1,7	177	92	35	42	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.147/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫn : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị tri lấy mẫu : K7 - Khu dân cư thuộc xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km128+100);
Tọa độ: X(m): 2508225; Y(m): 447474
Ngày lấy mẫu : 30/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 30/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP ($\mu g/Nm^3$)	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	NH_3(*) ($\mu g/Nm^3$)	H_2S(*) ($\mu g/Nm^3$)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K7.1 (05:30 ÷ 07:30)	26,9	78,5	1002,4	1,2	168	114	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K7.2 (11:00 ÷ 13:00)	30,5	76,3	1001,9	1,3	179	125	39	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K7.3 (14:05 ÷ 16:05)	31,4	75,2	1001,6	1,8	182	129	39	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K7.4 (17:02 ÷ 19:02)	29,9	76,1	1002,1	1,3	167	115	37	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K7.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,8	77,9	1002,2	1,5	174	109	35	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.148/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K8 - Khu dân cư thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km140+500);
Tọa độ: X(m): 2519211; Y(m): 450052
Ngày lấy mẫu : 01/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 01/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K8.1 (06:07 ÷ 08:07)	27,2	74,2	1003,9	1,2	166	116	35	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K8.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,1	72,1	1003,1	1,7	175	122	39	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K8.3 (13:00 ÷ 15:00)	32,6	68,5	1002,5	0,9	181	137	38	50	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K8.4 (16:30 ÷ 18:30)	31,3	69,8	1003,2	1,3	176	125	35	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K8.5 (20:00 ÷ 22:00)	26,5	71,3	1003,6	1,1	169	119	32	40	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láug - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.149/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K9 - Khu vực trường học Đoàn Kết, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km142+100);
Tọa độ: X(m): 2521041; Y(m): 449028
Ngày lấy mẫu : 01/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 01/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP ($\mu g/Nm^3$)	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	NH_3(*) ($\mu g/Nm^3$)	H_2S (*) ($\mu g/Nm^3$)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K9.1 (06:07 ÷ 08:07)	27,3	74,5	1003,8	I,4	169	121	36	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K9.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,4	72,3	1003,2	1,6	173	132	39	51	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi thco yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K9.3 (13:00 ÷ 15:00)	32,3	68,2	1002,7	1,1	180	138	37	49	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K9.4 (16:30 ÷ 18:30)	31,5	69,6	1003,1	1,4	179	126	36	44	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K9.5 (20:00 ÷ 22:00)	26,4	71,5	1003,8	1,3	165	107	33	42	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.150/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K10 - Khu dán cư thôn Bản Lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km144+200);
Tọa độ: X(m): 2522301; Y(m): 447792
Ngày lấy mẫu : 01/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 01/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K10.1 (06:05 ÷ 08:05)	27,5	74,7	1003,5	1,7	175	127	35	44	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K10.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,6	72,5	1003,1	1,2	177	132	37	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	QCVN 46:2022/BTNMT					TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IES-TN-04	TCVN 5293:1995	MASA 701
3	K10.3 (13:00 ÷ 15:00)	32,4	68,4	1002,4	1,3	171	139	38	50	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K10.4 (16:30 ÷ 18:30)	31,7	69,1	1003,0	1,6	176	124	37	45	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K10.5 (20:00 ÷ 22:00)	26,6	71,0	1003,6	1,0	163	114	35	41	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.151/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K11 - Khu dân cư đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km146+000);
Tọa độ: X(m): 2522801; Y(m): 446253
Ngày lấy mẫu : 01/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 01/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	QCVN 46:2022/BTNMT					TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IES-TN-04	TCVN 5293:1995	MASA 701
1	K11.1 (06:03 ÷ 08:03)	27,8	74,4	1003,6	1,5	164	129	40	54	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K11.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,9	72,9	1003,3	1,4	179	143	48	59	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	QCVN 46:2022/BTNMT					TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IES-TN-04	TCVN 5293:1995	MASA 701
3	K11.3 (13:02 ÷ 15:02)	32,8	68,2	1002,7	1,1	172	141	47	56	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K11.4 (16:30 ÷ 18:30)	31,3	69,3	1003,1	1,7	175	136	46	60	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K11.5 (20:00 ÷ 22:00)	26,8	71,4	1003,9	1,2	168	125	41	56	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
	QCVN 05:2023/ BTNMT	-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.152/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K12 - Khu dân cư thôn Lép, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km149+600);
Tọa độ: X(m): 2525299; Y(m): 443676
Ngày lấy mẫu : 02/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 02/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K12.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,2	71,3	1003,7	0,8	189	119	40	54	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K12.2 (09:30 ÷ 11:30)	33,1	68,8	1003,1	1,2	192	143	40	51	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K12.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,2	66,2	1002,6	1,1	197	131	47	59	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K12.4 (16:30 ÷ 18:30)	32,6	67,9	1003,2	1,4	206	127	48	61	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K12.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,5	70,5	1003,6	1,3	215	115	46	60	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÁ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.153/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K13 - Khu dân cư thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km150+700);
Tọa độ: X(m): 2526267; Y(m): 443209
Ngày lấy mẫu : 02/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 02/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K13.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,9	71,5	1003,9	1,2	197	109	42	58	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K13.2 (09:30 ÷ 11:30)	33,3	68,4	1003,3	1,4	199	125	44	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K13.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,1	66,4	1002,4	1,0	183	138	47	59	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K13.4 (16:30 ÷ 18:30)	32,9	67,2	1003,1	1,6	211	122	42	55	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K13.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,2	70,2	1003,5	1,5	217	113	42	54	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.154/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K14 - Khu vực trường Tiểu học Phương Độ, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km151+600); Tọa độ: X(m): 2527002; Y(m): 442629
Ngày lấy mẫu : 02/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 02/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3(*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K14.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,6	71,1	1003,5	1,4	201	136	41	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K14.2 (09:30 ÷ 11:30)	33,5	68,2	1003,1	1,2	196	145	41	53	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K14.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,4	66,0	1002,7	1,1	189	149	44	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K14.4 (16:30 ÷ 18:30)	32,8	67,7	1003,6	1,5	216	133	47	58	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K14.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,3	70,8	1003,9	1,9	212	129	42	59	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.155/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K15 - Khu dân cư thuộc phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km152+100);
Tọa độ: X(m): 2527259; Y(m): 442136
Ngày lấy mẫu : 02/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 02/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K15.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,9	71,5	1003,7	1,3	205	134	42	55	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K15.2 (09:30 ÷ 11:30)	34,1	68,6	1003,0	1,1	194	147	44	58	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K15.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,5	66,2	1002,4	1,0	186	142	45	58	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K15.4 (16:30 ÷ 18:30)	32,8	67,4	1003,2	1,6	212	131	45	57	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K15.5 (20:00 ÷ 22:00)	28,3	70,3	1003,7	1,7	210	120	41	56	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ môi Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.156/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K16 - Khu dân cư thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km156+600);
Tọa độ: X(m): 2529966; Y(m): 438788
Ngày lấy mẫu : 03/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 03/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K16.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,3	69,6	1004,2	0,8	236	108	36	43	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K16.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,9	66,3	1003,7	1,2	222	136	35	42	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K16.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,2	65,2	1003,1	1,6	264	131	38	49	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K16.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,7	66,7	1004,0	0,7	235	115	40	51	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K16.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,2	68,6	1004,7	1,3	227	102	35	46	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.157/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K17 - Khu dân cư thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km157+400);
Tọa độ: X(m): 2530568; Y(m): 438418
Ngày lấy mẫu : 03/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 03/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
1	K17.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,5	69,2	1004,5	0,9	242	117	33	39	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K17.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,4	66,1	1003,4	1,1	229	141	37	49	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 701**
3	K17.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,0	65,6	1003,2	1,4	261	145	38	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K17.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,3	66,3	1004,1	0,6	230	131	35	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K17.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,4	68,1	1004,3	1,0	218	126	33	40	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.158/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 05 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí lấy mẫu : K18 - Khu dân cư thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km159+400);
Tọa độ: X(m): 2532130; Y(m): 437259
Ngày lấy mẫu : 03/7/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 03/7/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	**QCVN 46:2022/BTNMT**					**TCVN 5067:1995**	**TCVN 6137:2009**	**TCVN 5971:1995**	**IES-TN-04**	**TCVN 5293:1995**	**MASA 70**
1	K18.1 (06:00 ÷ 08:00)	27,1	68,7	1004,0	1,1	239	126	36	50	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
2	K18.2 (09:30 ÷ 11:30)	32,6	66,3	1003,2	1,0	224	133	37	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Thông số	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Áp suất (hPa)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió (Độ)	TSP (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	NH_3 (*) (µg/Nm³)	H_2S (*) (µg/Nm³)
	Phương pháp	QCVN 46:2022/BTNMT					TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	IES-TN-04	TCVN 5293:1995	MASA 701
3	K18.3 (13:00 ÷ 15:00)	34,3	65,1	1003,6	1,2	253	129	39	47	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
4	K18.4 (16:30 ÷ 18:30)	30,8	66,9	1004,2	0,9	235	121	35	48	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
5	K18.5 (20:00 ÷ 22:00)	27,7	68,4	1004,6	1,3	211	118	34	43	< 9900 (LOQ=9900)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=5,0)
QCVN 05:2023/ BTNMT		-	-	-	-	-	**300**	**200**	**350**	**30000**	**200**	**42**

Ghi chú: *"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
IES-TN-04: Quy trình nội bộ xác định hàm lượng CO trong không khí xung quanh;
QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (bảng 1 - trung bình 1 giờ);
(*) Thông số được thực hiện bởi Công ty Cổ phần phát triển công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.159/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K1 - Khu dân cư thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang (Km104+200); Tọa độ: X(m): 2488459; Y(m): 436336
Thời gian đo : 29/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR1.1 (06:00 - 06:15)	51,8	66,9	31,1
2	OR1.2 (08:45 - 09:00)	53,3	68,2	31,9
3	OR1.3 (12:00 - 12:15)	54,1	71,1	32,5
4	OR1.4 (15:00 - 15:15)	54,5	71,5	32,8
5	OR1.5 (17:45 - 18:00)	56,4	72,8	32,1
6	OR1.6 (20:45 - 21:00)	51,5	66,3	30,8
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Trung Thắng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.160/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K2 - Khu dân cư Thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km115+700); Tọa độ: X(m): 2498025; Y(m): 442501
Thời gian đo : 29/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR2.1 (06:35 - 06:50)	52,5	67,3	31,4
2	OR2.2 (09:20 - 09:35)	54,6	68,7	31,9
3	OR2.3 (12:35 - 12:50)	56,3	72,6	33,2
4	OR2.4 (15:35 - 15:50)	55,7	71,2	32,8
5	OR2.5 (18:20 - 18:35)	54,2	70,9	32,1
6	OR2.6 (20:10 - 20:25)	53,1	68,5	31,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giải mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.161/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K3 - Khu dân cư Thôn Khuổi Thài, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km117+900); Tọa độ: X(m): 2499779; Y(m): 443588
Thời gian đo : 29/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR3.1 (06:40 - 06:55)	52,7	65,9	30,5
2	OR3.2 (09:35 - 09:50)	56,5	71,3	33,1
3	OR3.3 (12:45 - 13:00)	54,4	67,8	32,1
4	OR3.4 (15:50 - 16:05)	56,1	71,0	32,8
5	OR3.5 (18:20 - 18:35)	55,3	70,7	32,1
6	OR3.6 (20:30 - 20:45)	53,6	64,2	30,3
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Thắng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giá trị do khách hàng cung cấp;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.162/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K4 - Khu dân cư Đội 30, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km120+600); Tọa độ: X(m): 2501936; Y(m): 445265
Thời gian đo : 30/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR4.1 (06:00 - 06:15)	55,2	68,7	31,1
2	OR4.2 (08:45 - 09:00)	56,3	71,6	31,9
3	OR4.3 (12:00 - 12:15)	55,8	70,5	32,2
4	OR4.4 (15:00 - 15:15)	56,3	72,9	33,8
5	OR4.5 (17:45 - 18:00)	56,6	73,4	34,1
6	OR4.6 (20:45 - 21:00)	54,5	70,7	31,5
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Long Thắng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.163/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K5 - Khu dân cư Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang (Km122+300); Tọa độ: X(m): 2504133; Y(m): 445687
Thời gian đo : 30/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR5.1 (06:30 - 06:45)	51,9	63,6	30,6
2	OR5.2 (08:10 - 08:25)	54,5	67,3	31,9
3	OR5.3 (11:30 - 11:45)	55,7	68,2	32,8
4	OR5.4 (14:20 - 14:35)	54,8	67,1	31,6
5	OR5.5 (17:00 - 17:15)	56,2	68,9	33,5
6	OR5.6 (20:15 - 20:30)	54,1	66,5	31,3
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Quang Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.164/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K6 - Khu vực chùa Nậm Dầu, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km126+900); Tọa độ: X(m): 2507287; Y(m): 448453
Thời gian đo : 30/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR6.1 (06:00 - 06:15)	56,1	72,1	32,5
2	OR6.2 (08:45 - 09:00)	58,3	74,3	34,9
3	OR6.3 (12:00 - 12:15)	57,2	73,2	33,2
4	OR6.4 (15:00 - 15:15)	59,5	74,6	34,8
5	OR6.5 (17:45 - 18:00)	56,6	72,1	32,1
6	OR6.6 (20:45 - 21:00)	55,2	70,5	31,6
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Thường Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.165/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K7 - Khu dân cư thuộc xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (Km128+100); Tọa độ: X(m): 2508225; Y(m): 447474
Thời gian đo : 30/6/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR7.1 (06:30 - 06:45)	55,8	68,7	32,5
2	OR7.2 (08:10 - 08:25)	58,3	72,6	33,9
3	OR7.3 (11:30 - 11:45)	59,2	73,7	34,5
4	OR7.4 (14:20 - 14:35)	59,5	73,9	34,7
5	OR7.5 (17:00 - 17:15)	60,1	74,2	35,1
6	OR7.6 (20:15 - 20:30)	57,6	69,4	32,9
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Quang Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.166/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K8 - Khu dân cư thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km140+500); Tọa độ: X(m): 2519211; Y(m): 450052
Thời gian đo : 01/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR8.1 (06:00 - 06:15)	54,0	65,2	31,5
2	OR8.2 (08:45 - 09:00)	55,9	67,6	33,1
3	OR8.3 (12:00 - 12:15)	57,3	68,3	33,8
4	OR8.4 (15:00 - 15:15)	56,8	67,7	32,7
5	OR8.5 (17:45 - 18:00)	54,4	65,5	31,1
6	OR8.6 (20:45 - 21:00)	53,2	64,1	30,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Trần Trung Thắng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.167/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K9 - Khu vực trường học Đoàn Kết, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km142+100); Tọa độ: X(m): 2488459; Y(m): 436336
Thời gian đo : 01/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR9.1 (06:30 - 06:45)	57,6	70,9	33,4
2	OR9.2 (08:10 - 08:25)	58,2	73,3	34,5
3	OR9.3 (11:30 - 11:45)	59,1	74,1	33,8
4	OR9.4 (14:20 - 14:35)	59,3	75,2	33,9
5	OR9.5 (17:00 - 17:15)	58,0	73,2	32,6
6	OR9.6 (20:15 - 20:30)	57,3	71,0	31,7
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		70	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		65	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	65

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Phụng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.168/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lương mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K10 - Khu dân cư thôn Bản Lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang (Km144+200); Tọa độ: X(m): 2522301; Y(m): 447792
Thời gian đo : 01/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR10.1 (06:00 - 06:15)	54,6	66,9	32,5
2	OR10.2 (08:45 - 09:00)	56,3	68,3	33,9
3	OR10.3 (12:00 - 12:15)	55,7	67,5	33,2
4	OR10.4 (15:00 - 15:15)	59,5	70,7	34,8
5	OR10.5 (17:45 - 18:00)	56,4	68,1	32,1
6	OR10.6 (20:45 - 21:00)	54,7	67,3	31,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Thắng

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.169/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K11 - Khu dân cư đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km146+000); Tọa độ: X(m): 2522801; Y(m): 446253
Thời gian đo : 01/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR11.1 (06:30 - 06:45)	57,2	70,6	33,5
2	OR11.2 (08:10 - 08:25)	58,3	71,5	34,0
3	OR11.3 (11:30 - 11:45)	58,1	71,2	34,2
4	OR11.4 (14:20 - 14:35)	59,5	72,9	34,8
5	OR11.5 (17:00 - 17:15)	57,4	71,1	33,1
6	OR11.6 (20:15 - 20:30)	56,8	70,3	32,4
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuyên Thang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.170/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K12 - Khu dân cư thôn Lép, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km149+600); Tọa độ: X(m): 2525299; Y(m): 443676
Thời gian đo : 02/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR12.1 (06:00 - 06:15)	56,3	69,5	33,5
2	OR12.2 (08:45 - 09:00)	58,7	70,6	34,1
3	OR12.3 (12:00 - 12:15)	57,9	69,7	33,2
4	OR12.4 (15:00 - 15:15)	59,5	72,3	34,8
5	OR12.5 (17:45 - 18:00)	57,1	71,8	33,0
6	OR12.6 (20:45 - 21:00)	56,8	70,4	32,7
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.171/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K13 - Khu dân cư thôn Tha, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km150+700); Tọa độ: X(m): 2526267; Y(m): 443209
Thời gian đo : 02/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR13.1 (06:30 - 06:45)	57,1	69,8	32,9
2	OR13.2 (08:10 - 08:25)	58,3	71,3	33,2
3	OR13.3 (11:30 - 11:45)	56,7	68,7	32,5
4	OR13.4 (14:20 - 14:35)	59,6	72,6	33,7
5	OR13.5 (17:00 - 17:15)	58,5	71,4	32,6
6	OR13.6 (20:15 - 20:30)	56,7	70,3	32,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.172/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K14 - Khu vực trường Tiểu học Phương Độ, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km151+600); Tọa độ: X(m): 2527002; Y(m): 442629
Thời gian đo : 02/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR14.1 (06:00 - 06:15)	59,6	71,0	33,6
2	OR14.2 (08:45 - 09:00)	60,5	74,6	34,9
3	OR14.3 (12:00 - 12:15)	58,7	70,8	32,7
4	OR14.4 (15:00 - 15:15)	59,9	71,2	33,5
5	OR14.5 (17:45 - 18:00)	60,7	74,9	34,8
6	OR14.6 (20:45 - 21:00)	58,3	70,7	32,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu thử nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại. 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.173/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K15 - Khu dân cư thuộc phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Km152+100); Tọa độ: X(m): 2527259; Y(m): 442136
Thời gian đo : 02/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	**TCVN 7878-2:2018**		**TCVN 6963:2001**
1	OR15.1 (06:30 - 06:45)	54,2	64,3	32,1
2	OR15.2 (08:10 - 08:25)	55,7	66,7	32,6
3	OR15.3 (11:30 - 11:45)	56,1	67,2	32,9
4	OR15.4 (14:20 - 14:35)	54,3	63,9	31,5
5	OR15.5 (17:00 - 17:15)	55,9	66,3	32,1
6	OR15.6 (20:15 - 20:30)	53,2	62,1	30,4
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuyng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.174/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K16 - Khu dân cư thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km156+600); Tọa độ: X(m): 2529966; Y(m): 438788
Thời gian đo : 03/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR16.1 (06:00 - 06:15)	55,2	67,3	32,6
2	OR16.2 (08:45 - 09:00)	56,7	68,7	33,5
3	OR16.3 (12:00 - 12:15)	55,9	67,8	32,7
4	OR16.4 (15:00 - 15:15)	57,1	69,2	33,6
5	OR16.5 (17:45 - 18:00)	56,3	67,7	32,3
6	OR16.6 (20:45 - 21:00)	54,7	66,1	32,1
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.175/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K17 - Khu dân cư thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km157+400); Tọa độ: X(m): 2530568; Y(m): 438418
Thời gian đo : 03/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR17.1 (06:30 - 06:45)	53,8	64,6	31,8
2	OR17.2 (08:10 - 08:25)	56,2	66,3	32,9
3	OR17.3 (11:30 - 11:45)	54,7	64,7	32,5
4	OR17.4 (14:20 - 14:35)	55,5	65,4	32,1
5	OR17.5 (17:00 - 17:15)	53,1	64,2	31,0
6	OR17.6 (20:15 - 20:30)	52,6	63,5	30,2
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu thử nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.176/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung (nền mẫu không khí xung quanh)
Số lượng mẫu : 06 mẫu/chỉ tiêu
Mô tả vị trí đo : K18 - Khu dân cư thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang (Km159+400); Tọa độ: X(m): 2532130; Y(m): 437259
Thời gian đo : 03/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Mức ồn Leq (dBA)	Mức ồn Lamax (dBA)	Mức gia tốc rung Lvaeq (dB)
	Phương pháp đo	TCVN 7878-2:2018		TCVN 6963:2001
1	OR18.1 (06:00 - 06:15)	52,9	63,2	30,1
2	OR18.2 (08:45 - 09:00)	55,4	65,3	31,3
3	OR18.3 (12:00 - 12:15)	55,7	65,8	32,1
4	OR18.4 (15:00 - 15:15)	54,8	64,7	31,6
5	OR18.5 (17:45 - 18:00)	55,1	65,3	32,5
6	OR18.6 (20:45 - 21:00)	53,9	64,8	30,7
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h - 18h)		**70**	-	-
QCVN 26:2025/BNNMT (Khu vực B, 18h - 22h)		**65**	-	-
QCVN 27:2025/BNNMT (Khu vực B, 6h – 22h)		-	-	**65**

Ghi chú: *QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (giới hạn tối đa cho phép đã được điều chỉnh theo Bảng 2).*
QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.177/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang I, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM1-1 - Cầu số 31 tại Km157+359 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2530403, Y(m): 438326
NM1-2 - Cầu số 31 tại Km157+359 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2530478, Y(m): 438564
NM1-3 - Cầu số 31 tại Km157+359 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2530403, Y(m): 438326
NM1-4 - Cầu số 31 tại Km157+359 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2530478, Y(m): 438564
Ngày lấy mẫu : 17/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 17/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM1-1	NM1-2	NM1-3	NM1-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	25,4	25,2	25,7	25,8	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	8,04	7,92	7,96	7,93	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM1-1	NM1-2	NM1-3	NM1-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,66	6,54	6,87	6,73	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	1,01	1,25	0,97	0,90	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	34,2	35,6	36,9	33,7	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	51,5	54,3	56,2	50,6	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3	3	4	4	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	7	7	9	8	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,82	0,81	0,83	0,82	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,005	0,006	0,005	0,005	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM1-1	NM1-2	NM1-3	NM1-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,004	0,003	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	680	910	600	560	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; .
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.178/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM2-1 - Cầu số 30 tại Km151+533 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2526801, Y(m): 442561
NM2-2 - Cầu số 30 tại Km151+533 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2526897, Y(m): 442663
NM2-3 - Cầu số 30 tại Km151+533 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2526801, Y(m): 442561
NM2-4 - Cầu số 30 tại Km151+533 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2526897, Y(m): 442663
Ngày lấy mẫu : 17/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 17/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM2-1	NM2-2	NM2-3	NM2-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	26,1	25,8	26,0	25,6	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,10	7,09	7,11	7,09	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM2-1	NM2-2	NM2-3	NM2-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,90	7,04	7,11	6,84	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,86	0,82	0,88	0,95	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	20,7	20,5	19,6	21,3	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	33,8	33,1	32,4	35,3	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3	3	4	3	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	6	7	8	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,09	1,26	1,01	1,11	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,006	0,007	0,005	0,005	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM2-1	NM2-2	NM2-3	NM2-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	KPH (MDL=0,0003)	0,004	KPH (MDL=0,0003)	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	780	830	610	550	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.179/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM3-1 - Cầu số 25 tại Km145+644 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2522713, Y(m): 446487
NM3-2 - Cầu số 25 tại Km145+644 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2522496, Y(m): 446681
NM3-3 - Cầu số 25 tại Km145+644 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2522713, Y(m): 446487
NM3-4 - Cầu số 25 tại Km145+644 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2522496, Y(m): 446681
Ngày lấy mẫu : 17/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 17/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM3-1	NM3-2	NM3-3	NM3-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,9	25,3	25,6	25,7	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,76	7,82	7,69	7,73	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM3-1	NM3-2	NM3-3	NM3-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,91	7,22	6,85	6,76	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	2,22	2,26	2,24	2,29	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	212	206	193	186	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	320	312	306	295	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	7	6	5	6	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3	3	3	4	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	6	5	6	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	2,27	2,58	2,34	2,67	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,006	0,006	0,005	0,008	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM3-1	NM3-2	NM3-3	NM3-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,001	0,005	0,003	0,002	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	830	910	810	820	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.180/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM4-1 - Cầu số 23 tại Km138+934 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2517639, Y(m): 449869
NM4-2 - Cầu số 23 tại Km138+934 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2517749, Y(m): 449647
NM4-3 - Cầu số 23 tại Km138+934 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2517639, Y(m): 449869
NM4-4 - Cầu số 23 tại Km138+934 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2517749, Y(m): 449647
Ngày lấy mẫu : 18/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 18/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM4-1	NM4-2	NM4-3	NM4-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	25,2	25,9	25,7	25,3	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,56	7,48	7,52	7,41	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM4-1	NM4-2	NM4-3	NM4-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,65	6,69	6,73	6,58	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	15,6	12,4	14,8	13,6	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	124	120	129	123	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	170	165	174	168	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	12	10	11	9	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	<2 (LOQ=2)	4	4	3	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	5	8	7	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,98	0,90	0,89	0,91	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,006	0,005	0,008	0,007	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM4-1	NM4-2	NM4-3	NM4-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,010	0,005	0,002	0,003	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	810	920	680	930	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.181/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM5-1 - Cầu số 9 tại Km125+387 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2507477, Y(m): 448304
NM5-2 - Cầu số 9 tại Km125+387 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2507438, Y(m): 448142
NM5-3 - Cầu số 9 tại Km125+387 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2507477, Y(m): 448304
NM5-4 - Cầu số 9 tại Km125+387 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2507438, Y(m): 448142
Ngày lấy mẫu : 19/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 19/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	26,3	26,4	26,2	26,0	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,96	7,91	7,83	7,88	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	7,02	6,88	6,75	6,94	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	6,83	6,79	6,85	6,72	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	183	176	179	181	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	268	257	261	264	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	8	11	7	9	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3	4	3	<2 (LOQ=2)	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	6	7	7	5	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,41	1,14	1,17	1,27	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,008	0,006	0,007	0,005	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM5-1	NM5-2	NM5-3	NM5-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,003	0,004	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	680	780	560	610	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÁ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.182/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị tri lấy mẫu : NM6-1 - Cầu số 4 tại Km119+280 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2501284, Y(m): 444743
NM6-2 - Cầu số 4 tại Km119+280 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2501326, Y(m): 444580
NM6-3 - Cầu số 4 tại Km119+280 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2501284, Y(m): 444743
NM6-4 - Cầu số 4 tại Km119+280 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2501326, Y(m): 444580
Ngày lấy mẫu : 19/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 19/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM6-1	NM6-2	NM6-3	NM6-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	25,3	25,1	25,7	25,2	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	8,09	7,86	7,92	7,87	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM6-1	NM6-2	NM6-3	NM6-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,11	6,16	6,24	6,27	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	34,3	33,6	32,1	30,5	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	97,5	96,1	98,3	99,7	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	144	141	148	150	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	16	18	14	15	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	4	5	4	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9	8	8	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,85	1,18	1,14	1,01	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,006	0,007	0,006	0,007	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM6-1	NM6-2	NM6-3	NM6-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,002	0,003	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	550	400	560	610	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.183/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM7-1 - Cầu số 3 tại Km116+901 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2498872, Y(m): 443115
NM7-1 - Cầu số 3 tại Km116+901 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2499026, Y(m): 442952
NM7-1 - Cầu số 3 tại Km116+901 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2498872, Y(m): 443115NM7-1 - Cầu số 3 tại Km116+901 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2499026, Y(m): 442952
Ngày lấy mẫu : 19/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 19/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,9	25,3	25,0	24,8	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,66	7,75	7,80	7,72	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	7,03	6,88	6,91	6,85	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	2,29	2,23	2,35	2,34	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	156	151	147	142	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	231	226	220	217	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	6	<5 (LOQ=5)	7	7	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	5	3	3	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8	9	6	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,08	1,06	1,38	1,10	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	0,5	-
14	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,005	0,004	0,005	0,006	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM7-1	NM7-2	NM7-3	NM7-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,004	0,003	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	680	610	810	560	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.184/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NM8-1 - Cầu số 2 tại Km110+673 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2493930, Y(m): 439527
NM8-1 - Cầu số 2 tại Km110+673 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi sáng;
Tọa độ: X(m): 2494043, Y(m): 439448
NM8-1 - Cầu số 2 tại Km110+673 - cách 100m về phía thượng lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2493930, Y(m): 439527
NM8-1 - Cầu số 2 tại Km110+673 - cách 100m về phía hạ lưu so với vị trí xây cầu - mẫu lấy buổi chiều;
Tọa độ: X(m): 2494043, Y(m): 439448
Ngày lấy mẫu : 19/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 19/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM8-1	NM8-2	NM8-3	NM8-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,8	24,5	24,2	24,6	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,19	7,06	7,22	7,13	-	A

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM8-1	NM8-2	NM8-3	NM8-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	7,12	7,06	6,98	6,87	-	A
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	1,25	1,22	1,28	1,31	-	-
5	TDS	mg/L	IES.HT.07	38,6	38,3	37,9	38,0	-	-
6	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	56,2	55,7	55,1	55,3	-	-
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	<5 (LOQ=5)	-	A
8	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	3	4	3	-	A
9	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	8	6	7	7	-	A
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,3	-
11	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,23	1,36	0,95	1,21	-	-
12	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	<0,03 (LOQ=0,03)	-	-
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	0,5	-
I4	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,005	0,006	0,004	0,006	0,01	-
15	Cadimi (Cd)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	-
16	Đồng (Cu)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,1	-

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
				NM8-1	NM8-2	NM8-3	NM8-4	GTGH theo Bảng 1	Mức phân loại theo Bảng 2
17	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001	-
18	Chì (Pb)*	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,002	0,006	KPH (MDL=0,0003)	0,005	0,02	-
19	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,5	
20	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	KPH (MDL=1,0)	5,0	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	400	370	550	450	-	A

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu ""được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.185/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước dưới đất
Số lượng mẫu : 04
Mô tả vị trí lấy mẫu : NN1 - Giếng khoan nhà bà Triệu Thị Hồng, thôn Lắp 1, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2522023, Y(m): 448271
NN2 - Giếng khoan nhà bà Nguyễn Thị Hồng, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2520708, Y(m): 449189
NN3 - Giếng khoan nhà ông Chu Văn Hải, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2519232, Y(m): 449988
NN4 - Giếng khoan nhà ông Hoàng Văn Dư, thôn Nà Cọn, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2517771, Y(m): 449921
Ngày lấy mẫu : 18/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 18/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 09:2023/BTNMT
				NN1	NN2	NN3	NN4	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,3	23,6	23,9	24,7	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,82	6,86	7,28	7,19	**5,8 - 8,5**

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 09:2023/BTNMT
				NN1	NN2	NN3	NN4	
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	2,5	1,8	2,7	2,2	-
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,73	0,46	0,52	0,54	-
5	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	179	91,6	171	196	-
6	TDS	mg/L	IES.HT.07	116	60,5	113	132	1500
7	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	112	100	98	102	500
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	1
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	<0,006 (LOQ=0,006)	1
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,15	0,80	0,80	3,23	15
11	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-} E:2023	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	13,6	KPH (MDL=2)	400
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,073	0,031	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	-
13	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3	7	250
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	5
15	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3
16	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,01

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 09:2023/BTNMT
				NN1	NN2	NN3	NN4	
17	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-
18	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,006	0,005	0,007	0,007	0,05
19	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005
20	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	1
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,003	0,01
23	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	3
24	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,037	KPH (MDL=0,015)	KPH (MDL=0,015)	0,466	0,5
25	Tổng Cr	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,01	0,009	0,007	0,01	0,05

Ghi chú: *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất (bảng 1);*
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu "" được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.186/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	:	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ	:	Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu	:	Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu	:	Nước dưới đất
Số lượng mẫu	:	06
Mô tả vị trí lấy mẫu	:	NN5 - Giếng khoan nhà ông Trương Đình Vằng, thôn Nàng Thanh, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang; Tọa độ: X(m): 2506686, Y(m): 447986 NN6 - Giếng đào nhà ông Nguyễn Văn Đông, thôn Ngọc Hòa, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang Tọa độ: X(m): 2505322, Y(m): 447353 NN7 - Giếng đào nhà ông Phạm Văn Thành, Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang Tọa độ: X(m): 2503869, Y(m): 446811 NN8 - Giếng đào nhà ông Nông Văn Sơn, Đội 5, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang Tọa độ: X(m): 2503790, Y(m): 446620 NN9 - Giếng khoan nhà bà Trần Thị Lý, Đội 30, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang Tọa độ: X(m): 2502002, Y(m): 445212 NN10 - Giếng khoan nhà ông Phạm Văn Sơn, thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang Tọa độ: X(m): 2497939, Y(m): 442563
Ngày lấy mẫu	:	19/6/2026
Thời gian thử nghiệm	:	Từ 19/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ (xem traug sau)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả						QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN5	NN6	NN7	NN8	NN9	NN10	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	23,7	24,2	23,9	23,5	24,7	24,4	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,85	6,98	7,45	6,00	6,29	6,34	5,8 - 8,5
3	ĐO	mg/L	TCVN 7325:2016	1,2	1,9	2,1	2,5	1,7	1,5	-
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,36	0,62	1,23	0,76	0,41	0,57	-
5	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	195	143	240	95,2	95,3	87,9	-
6	TDS	mg/L	IES.HT.07	128	94,4	153	62,8	62,9	61,5	1500
7	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	128	96	136	68	66	50	500
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	<0,06 (LOQ=0,06)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	1
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	<0,006 (LOQ=0,006)	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	1

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả						QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN5	NN6	NN7	NN8	NN9	NN10	
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	2,39	2,07	1,86	2,73	3,18	3,01	15
11	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-} E:2023	<6 (MDL=6)	<6 (MDL=6)	<6 (MDL=6)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	400
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,059	0,065	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	-
13	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	250
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
15	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3
16	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,01
17	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-
18	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,005	0,004	0,006	0,006	0,008	0,006	0,05
19	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005
20	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	1

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả						QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN5	NN6	NN7	NN8	NN9	NN10	
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,002	0,004	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,01
23	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,031	0,021	0,021	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	0,03	3
24	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,062	0,110	0,019	0,298	0,156	0,180	0,5
25	Tổng Cr	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,008	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,004	0,05

Ghi chú: *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất (bảng 1);*
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu "" được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.187/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Nước dưới đất
Số lượng mẫu : 05
Mô tả vị trí lấy mẫu : NN11 - Khe mạch lộ nhà ông Nguyễn Huy Phương, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2489644, Y(m): 436937
NN12 - Khe mạch lộ nhà ông Đỗ Thế Anh, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2489644, Y(m): 436937
NN13 - Khe mạch lộ nhà bà Lý Thị Song, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2489158, Y(m): 436783
NN14 - Khe mạch lộ nhà ông Phùng Văn Thắng, thôn Mục Lan, xã Tán Quang, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2489208, Y(m): 436677
NN15 - Khe mạch lộ nhà ông Bùi Dinh Thế, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang
Tọa độ: X(m): 2488536, Y(m): 436369
Ngày lấy mẫu : 20/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 20/6/2026 đến 03/7/2026.

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN11	NN12	NN13	NN14	NN15	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,8	23,5	23,2	22,9	23,7	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,34	7,82	8,16	6,98	7,04	5,8 - 8,5

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN11	NN12	NN13	NN14	NN15	
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	3,6	3,9	4,2	3,7	4,5	-
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	2,2	0,78	0,39	0,19	0,68	-
5	Độ dẫn điện	µS/cm	SMEWW 2510B:2023	240	504	74,0	45,7	47,9	-
6	TDS	mg/L	IES.HT.07	162	334	48,5	31,5	33,2	1500
7	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	148	304	70	44	30	500
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	0,154	KPH (MDL=0,02)	0,09	0,167	1
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,006 (LOQ=0,006)	0,031	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,007	1
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	2,91	0,44	0,43	0,87	0,78	15
11	Sunfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-} E:2023	<6 (LOQ=6)	10,3	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	400
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03 (LOQ=0,03)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	<0,03 (LOQ=0,03)	-
13	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	250
14	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,15 (LOQ=0,15)	<0,15 (LOQ=0,15)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
15	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3
I6	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,01

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: cepthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 09:2023/ BTNMT
				NN11	NN12	NN13	NN14	NN15	
17	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-
18	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,008	0,005	0,006	0,005	0,006	0,05
19	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005
20	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	1
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	KPH (MDL=0,00007)	0,001
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	0,004	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,005	0,01
23	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	3
24	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,015)	0,062	KPH (MDL=0,015)	0,104	0,038	0,5
25	Tổng Cr	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,002	KPH (MDL=0,0003)	0,004	0,003	0,05

Ghi chú: *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất (bảng 1);*
IES.HT.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn xác định tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước;
"-": Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
Các chỉ tiêu đánh dấu "" được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ mới Hà Nội (VIMCERTS 238).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả.*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.188/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Loại mẫu : Đất

Số lượng mẫu : 06

Mô tả vị trí lấy mẫu :
Đ1 - Đất vườn tại Km 161, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2534323, Y(m): 435878
Đ2 - Đất vườn tại Km160, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2533053, Y(m): 436619
Đ3 - Đất vườn tại Km157+400, thôn Nà Thài, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2530566, Y(m): 438422
Đ4 - Đất vườn tại Km155+700, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2529304, Y(m): 439446
Đ5 - Đất ruộng ngô tại Km151+600, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2527003, Y(m): 442630
Đ6 - Đất vườn tại Km145+700, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2522566, Y(m): 446580

Ngày lấy mẫu : 17/6/2026

Thời gian thử nghiệm : Từ 22/6/2026 đến 15/7/2026

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả						QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	Đ6	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	35,7	11,7	30,8	<10,5 (LOQ=10,5)	30,5	59,4	150
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	KPH (MDL=20)	<60 (LOQ=60)	64,5	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	80,8	40,2	119	37,0	64,6	115	300
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA 3051A + SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	4
5	Asen (As)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7010	13,5	14,4	17,4	6,32	8,38	15,1	25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA 7471B	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	12

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất (loại 1).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.189/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Loại mẫu : Đất

Số lượng mẫu : 06

Mô tả vị trí lấy mẫu :
Đ7 - Đất rừng, Km136+600, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2515890, Y(m): 448571
Đ8 - Đất vườn thôn bản lắp, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2522303, Y(m): 447794
Đ9 - Đất vườn tại Km142+200, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2520708, Y(m): 449189
Đ10 - Đất vườn tại Km140+500, thôn Lắp 2, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2519232, Y(m): 449988
Đ11 - Đất vườn tại Km139+000, thôn Nà Cọn, xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2517771, Y(m): 449921
Đ12 - Đất vườn tại Km128+200, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2508146, Y(m): 447383

Ngày lấy mẫu : 18/6/2026

Thời gian thử nghiệm : Từ 22/6/2026 đến 15/7/2026

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả						QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ7	Đ8	Đ9	Đ10	Đ11	Đ12	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	106	131	61,0	54,2	127	29,0	150
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	74,3	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	127	78,2	93,6	74,4	107	63,9	300
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA 3051A + SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	4
5	Asen (As)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7010	2,3	<1,5 (LOQ=1,5)	7,04	4,58	2,18	9,94	25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA 7471B	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	12

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất (loại 1).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.190/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy

Loại mẫu : Đất

Số lượng mẫu : 05

Mô tả vị trí lấy mẫu : Đ13 - Đất vườn tại Km126+300, thôn Nàng Thanh, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: Tọa độ: X(m): 2506765, Y(m): 448152

Đ14 - Đất vườn tại Km123+800, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2504626, Y(m): 446914

Đ15 - Đất vườn tại Km119+200, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2500829, Y(m): 444725

Đ16 - Đất vườn tại Km115+700, thôn Hai Luồng, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2497940, Y(m): 442563

Đ17 - Đất vườn tại Km113+000, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2496516, Y(m): 441527

Ngày lấy mẫu : 19/6/2026

Thời gian thử nghiệm : Từ 22/6/2026 đến 15/7/2026

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả					QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ13	Đ14	Đ15	Đ16	Đ17	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	38,0	35,3	21,1	21,6	10,8	150
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	89,5	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	<60 (LOQ=60)	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	113	55,6	48,8	60,0	39,0	300
4	Cađimi (Cd)	mg/kg	US EPA 3051A + SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	4
5	Asen (As)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7010	9,69	9,99	7,40	12,4	10,3	25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA 7471B	KPH (MDL=0,6)	<1,8 (LOQ=1,8)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	12

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất (loại 1).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÁ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.191/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Đất
Số lượng mẫu : 03
Mô tả vị trí lấy mẫu : Đ18 - Đất vườn tại Km105+600, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2489644, Y(m): 436937
Đ19 - Đất vườn tại Km105+000, thôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2489158, Y(m): 436783
Đ20 - Đất vườn tại hôn Mục Lan, xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Tọa độ: X(m): 2488536, Y(m): 436369
Ngày lấy mẫu : 20/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 22/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ18	Đ19	Đ20	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	20,3	25,4	46,4	150

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ18	Đ19	Đ20	
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	110	<60 (LOQ=60)	93,6	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	84,5	46,1	127	300
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA 3051A + SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	4
5	Asen (As)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7010	11,9	7,73	12,6	25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA 7471B	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	<1,8 (LOQ=1,8)	12

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất (loại 1).*

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2026.192/PKQ-VCNMT

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ : Phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy
Loại mẫu : Trầm tích
Số lượng mẫu : 08
Mô tả vị trí lấy mẫu : TT1 - Cầu số 31 tại Km157+359; Tọa độ: X(m): 2530466, Y(m): 438475
TT2 - Cầu số 30 tại Km151+533; Tọa độ: X(m): 2526827, Y(m): 442607
TT3 - Cầu số 25 tại Km145+644; Tọa độ: X(m): 2522589, Y(m): 446599
TT4 - Cầu số 23 tại Km138+934; Tọa độ: X(m): 2517668, Y(m): 449815
TT5 - Cầu số 9 tại Km125+387; Tọa độ: X(m): 2507467, Y(m): 448223
TT6 - Cầu số 4 tại Km119+280; Tọa độ: X(m): 2501328, Y(m): 444634
TT7 - Cầu số 3 tại Km116+901; Tọa độ: X(m): 2498979, Y(m): 443152
TT8 - Cầu số 2 tại Km110+673; Tọa độ: X(m): 2493819, Y(m): 439379
Ngày lấy mẫu : TT1, TT2, TT3: ngày 17/6/2026; TT4: ngày 18/6/2026; TT5, TT6, TT7, TT8: ngày 19/6/2026
Thời gian thử nghiệm : Từ 22/6/2026 đến 15/7/2026

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 43:2025/ BNNMT
				TT1	TT2	TT3	TT4	TT5	TT6	TT7	TT8	
1	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	35,8	13,5	19,6	80,0	51,2	85,0	56,6	28,9	197

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VILAS 752 - VIMCERTS 037
Địa chỉ: số 1252 Đường Láng - Phường Láng - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 37663841 - Email: ceptthinghiem@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả								QCVN 43:2025/ BNNMT
				TT1	TT2	TT3	TT4	TT5	TT6	TT7	TT8	
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	<63 (LOQ=63)	<63 (LOQ=63)	<63 (LOQ=63)	64,9	<63 (LOQ=63)	KPH (MDL=21)	90,5	<63 (LOQ=63)	91,3
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	101	36,4	72,1	118	103	105	129	81,7	315
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA 3051A + SMEWW 3113B:2023	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	<0,9 (LOQ=0,9)	<0,9 (LOQ=0,9)	KPH (MDL=0,3)	3,5
5	Asen (As)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7010	10,5	2,93	12,3	5,87	10,3	11,3	10,4	11,0	17,0
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA 7471B	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	<0,48 (LOQ=0,48)	0,5
7	Tổng Crom (Cr)	mg/kg	US EPA 3051A + US EPA 7000B	KPH (MDL=7,5)	KPH (MDL=7,5)	KPH (MDL=7,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	<22,5 (LOQ=22,5)	KPH (MDL=7,5)	90

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;*
QCVN 43:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (trầm tích nước mặt).

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Phạm Thị Trà

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

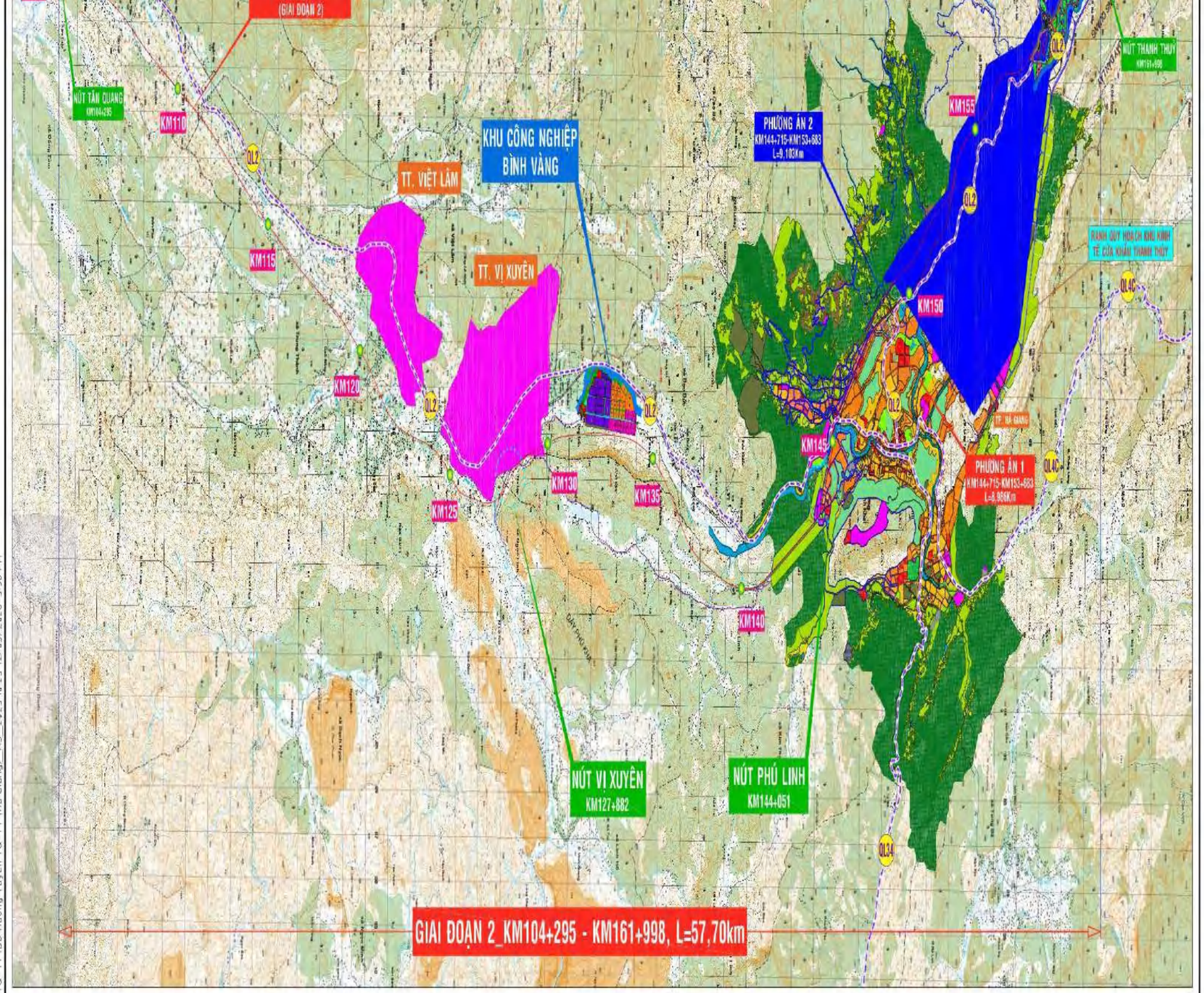
Đinh Trọng Khang

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm;*
2. *Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Chuyên ngành Môi trường;*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
4. *Viện Chuyên ngành Môi trường không giải quyết thắc mắc về kết quả phân tích sau 10 ngày trả kết quả*

PHỤ LỤC III

BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH

I. CÁC BẢN VẼ CHUNG

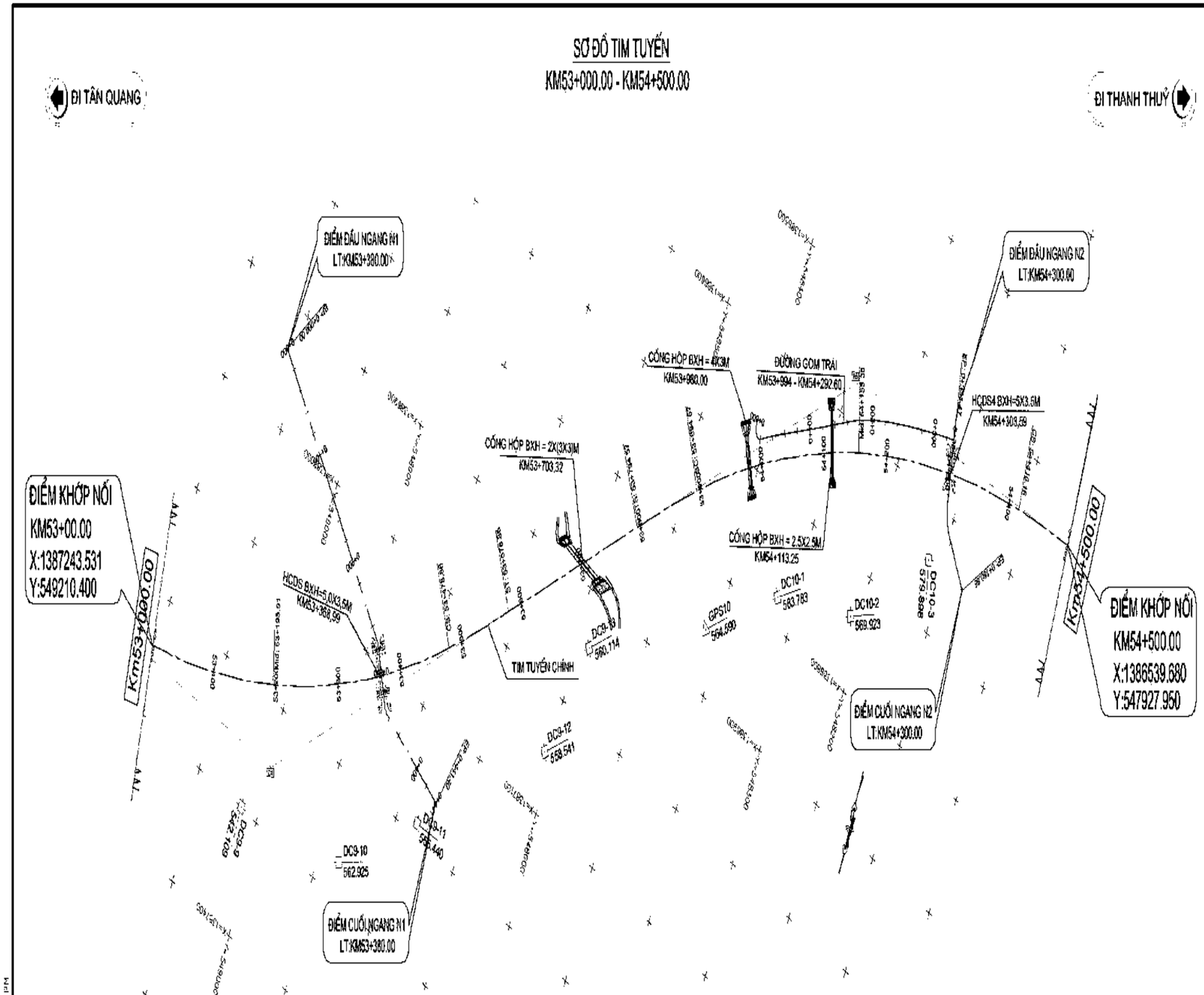


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2) ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TỔNG THỂ
ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z		TỶ LỆ: / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ:

Location: D:\TAI LIEU LUONG\TAI LIEU LUONG\Tu_TT\BD Huong Tuyen Tu_TT (Ha Giang)_A3_2025 10 23 12/05/2026 3:56 PM

SƠ ĐỒ TIM TUYẾN

KM53+000.00 - KM54+500.00



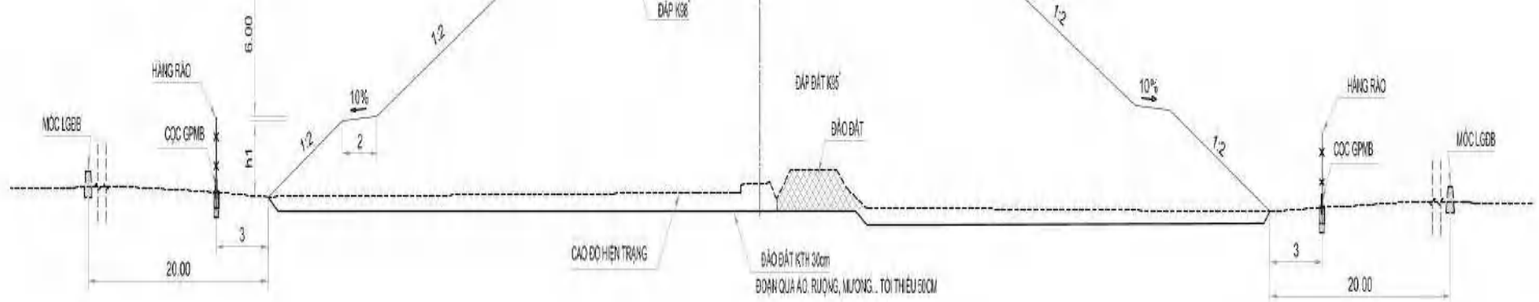
BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐCC2 VÀ ĐCKT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		CAO ĐỘ
	X (M)	Y (M)	(M)
DC9-9	1387298.824	549026.871	542.163
DC9-10	1387271.410	548867.401	562.970
DC9-11	1387189.252	548767.702	555.476
DC9-12	1387049.408	548608.773	558.585
GPS10	1386850.348	548419.502	564.613
DC9-13	1386944.087	548580.699	560.149

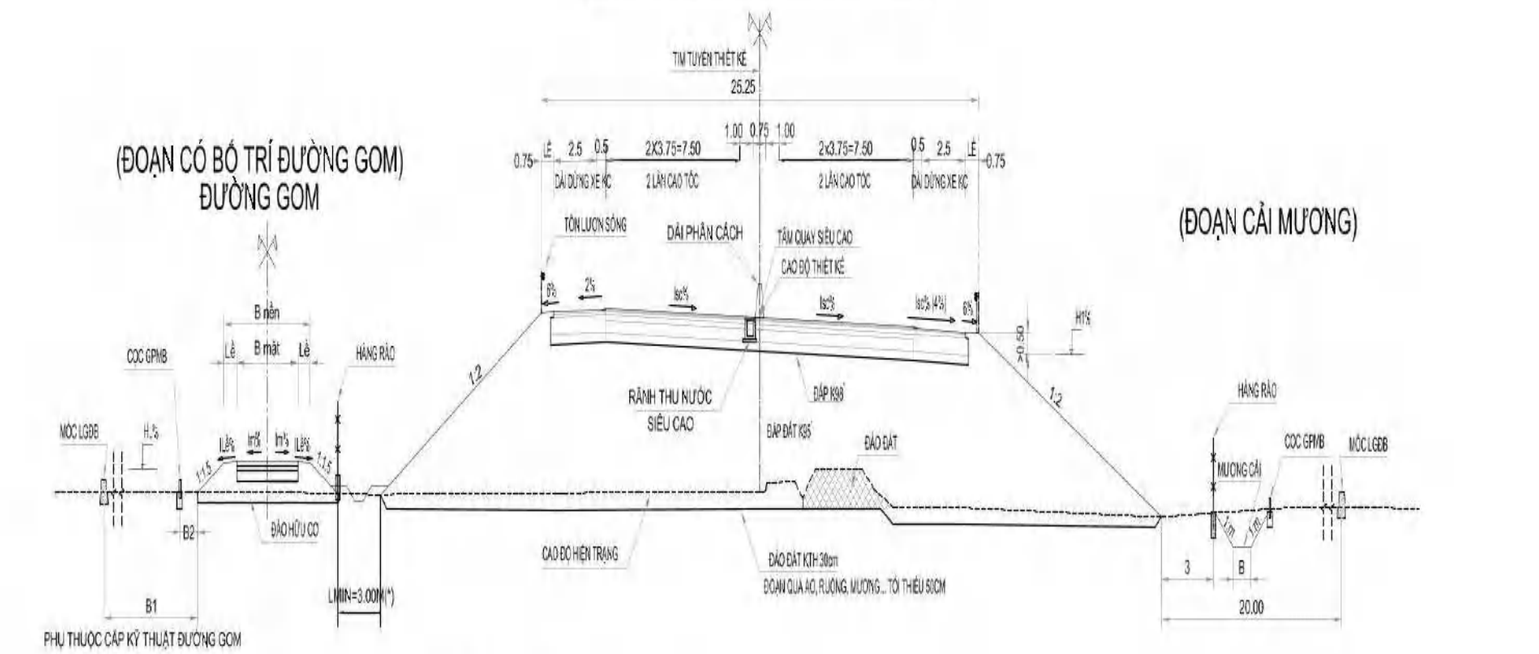
...\05. So do tim tuyen\So do tim tuyen 05,06,07.dwg, 2:51 PM

II. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH

II.1. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH PHẦN TUYẾN



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH SIÊU CAO



GHI CHÚ:

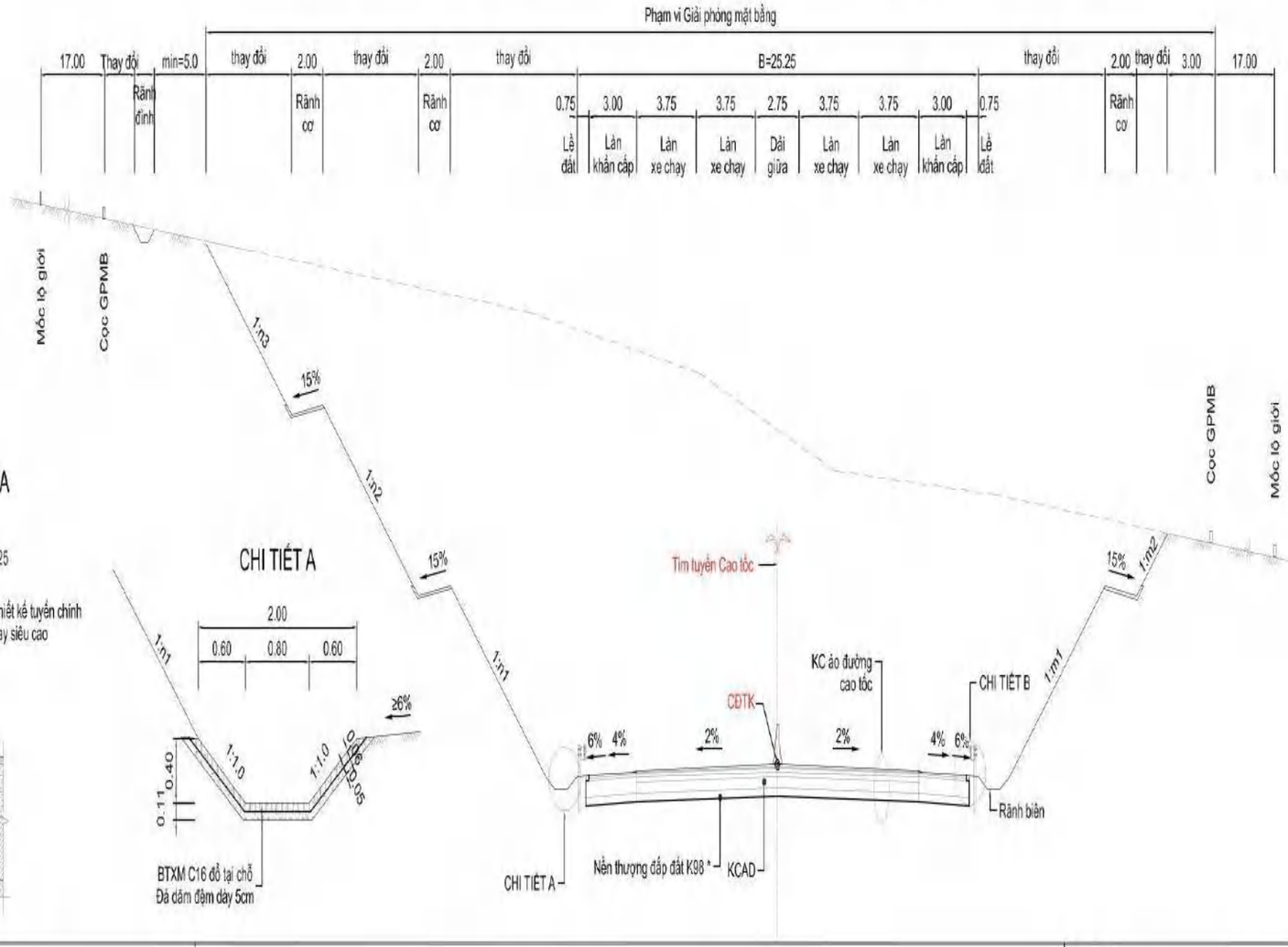
- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- (*) TRƯỜNG HỢP KHÓ KHĂN VỀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG HOẶC ĐỊA HÌNH, CHÂN TRƯỚC KHOẢNG CÁCH GIỮA CHÂN TALUY ĐƯỜNG GOM VÀ ĐƯỜNG CAO TỐC NHỎ HƠN 3M.
- DỐC NGANG MẶT ĐƯỜNG GOM TUÂN THỦ THEO TCVN 10380:2014 VÀ PHỤ THUỘC KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG. TRƯỜNG HỢP ĐƯỜNG GOM THEO CẤP (TCVN 4054:2005 HOẶC TCVN 13592:2022) THÌ ÁP DỤNG ĐÚNG QUY TRÌNH.
- CHI TIẾT KCAD XEM TRONG BẢN VẼ RIÊNG.
- ĐOẠN NỀN ĐẮP THÔNG THƯỜNG: ĐỐI VỚI CHIỀU CAO ĐẮP CÓ H>8M, NỀN ĐƯỜNG ĐƯỢC GIẬT CẤP (CHIỀU CAO MỖI CẤP 6M), GIỮA CÁC CẤP TẠO MỘT BẬC THỀM RỘNG B=2.0M DỐC 10% RA NGOÀI.
- B1, B2 XEM CHI TIẾT BẢN VẼ RIÊNG.
- CHIỀU SÂU ĐÀO HỮU CƠ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH THEO HỒ SƠ ĐỊA CHẤT VÀ THỰC TẾ THI CÔNG NGOÀI HIỆN TRƯỜNG.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG GOM, ĐƯỜNG NGANG TỶ LỆ: XEM BV / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

Location: D:\Tân Quang – Thanh Thu?\03_Các bản vẽ điển hình\01. MCN điển hình\?H-01? MCNDH TUYEN 14/04/2026 9:13 AM



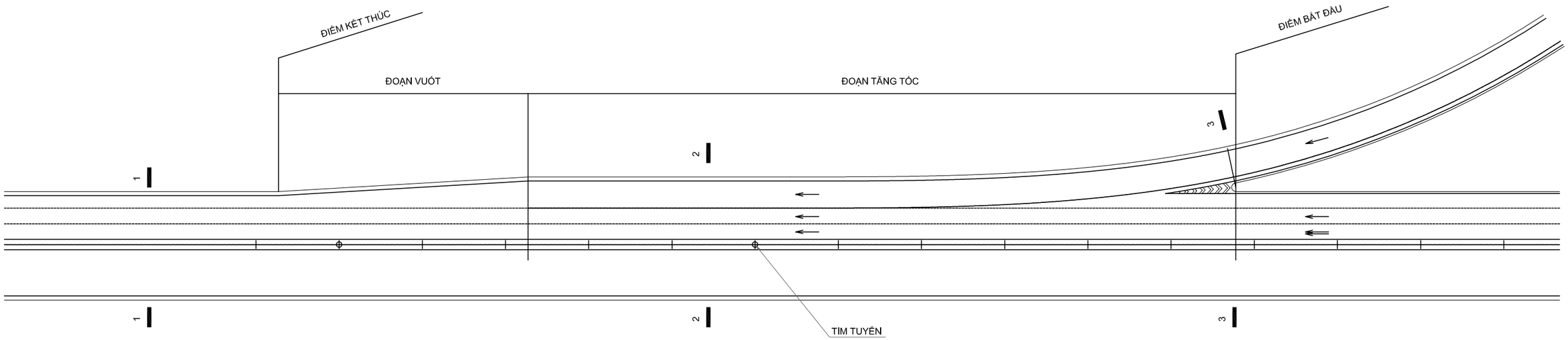
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
NỀN ĐÀO THÔNG THƯỜNG (B nền = 25.25m)



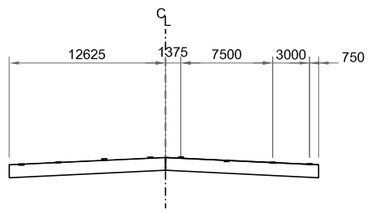
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG	DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2) ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY	TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TỶ LỆ: XEM BV / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thuỷ\03__Các bản vẽ điển hình\01. MCN điển hình\01. TQTT-A2z_D2_Mat cat ngang dao dap 11/06/2026 3:04 PM

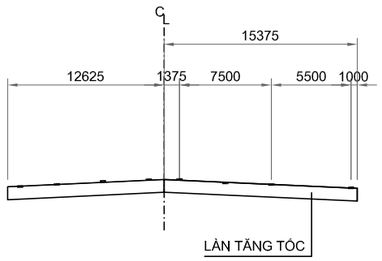
CHI TIẾT LÀN TĂNG TỐC



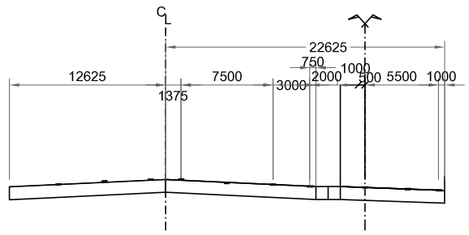
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

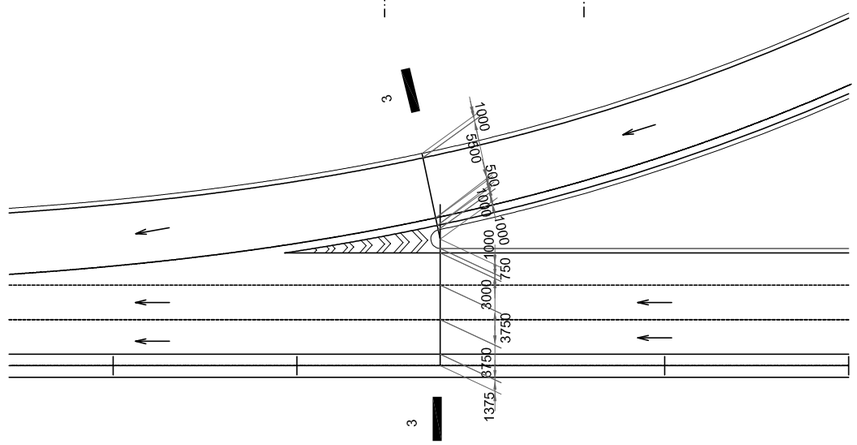


MẶT CẮT 3-3



CÁC THÔNG SỐ LÀN TĂNG TỐC

VẬN TỐC TUYẾN CHÍNH	VẬN TỐC TUYẾN NHÁNH	ĐƯỜNG NHÁNH 1 LÀN		ĐƯỜNG NHÁNH 2 LÀN	
		CHIỀU DÀI ĐOẠN TĂNG TỐC (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN VUỐT (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN TĂNG TỐC (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN VUỐT (M)
100KM/H	40KM/H	130.00	60.00	180.00	85.00
	50KM/H	120.00	60.00	180.00	85.00
	60KM/H	120.00	60.00	180.00	85.00



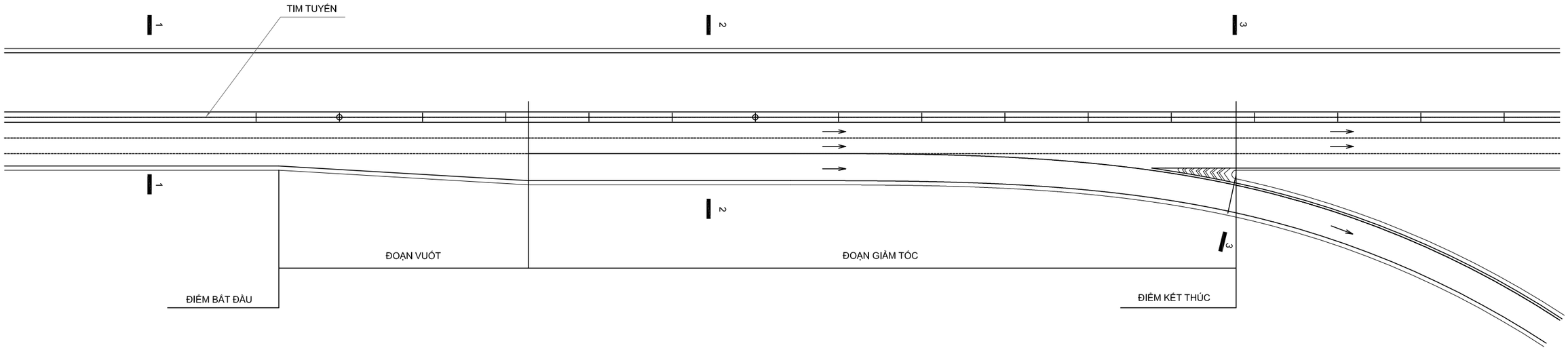
GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM, TRỪ KHI CÓ CHỈ ĐỊNH KHÁC.
- CHIỀU DÀI LÀN TĂNG TỐC LẤY THEO TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ NÚT GIAO.
- TRƯỜNG HỢP ĐOẠN CHUYỂN TIẾP HÌNH NÊM CÙNG VỚI ĐOẠN TĂNG TỐC NẰM TRÊN ĐOẠN LÊN DỐC THÌ CHIỀU DÀI CỦA CHÚNG PHẢI NHÂN VỚI HỆ SỐ HIỆU CHỈNH THEO ĐIỀU 8.8.9 (TCVN 5729-2012)

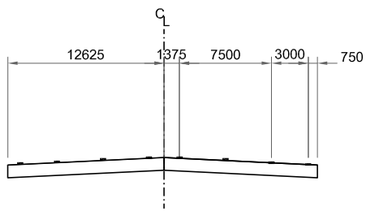
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2) ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO CHI TIẾT LÀN TĂNG TỐC TỶ LỆ: XEM BV / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH02

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01. MCN dien hinh\02. TQTT-A2z-D2 - Tang giam toc 05/06/2026-3:48 PM

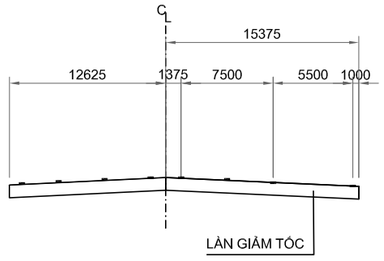
CHI TIẾT LÀN GIẢM TỐC



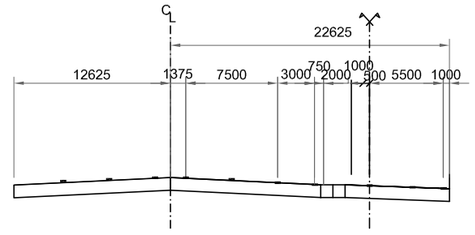
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

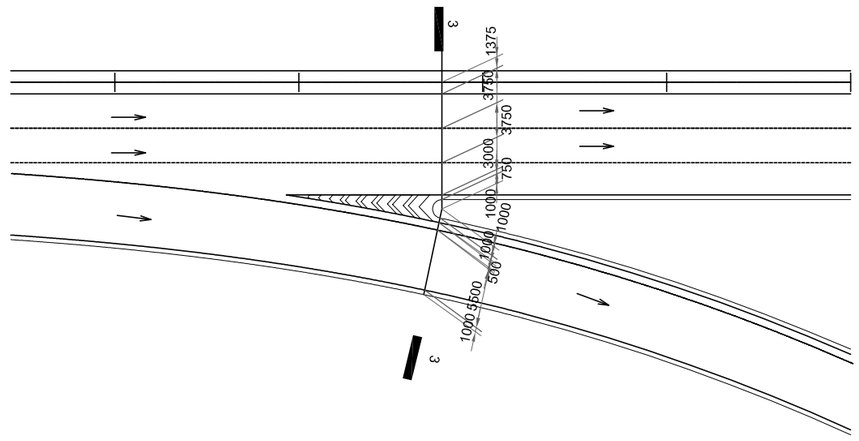


MẶT CẮT 3-3



CÁC THÔNG SỐ LÀN GIẢM TỐC

VẬN TỐC TUYẾN CHÍNH	VẬN TỐC TUYẾN NHÁNH	ĐƯỜNG NHÁNH 1 LÀN		ĐƯỜNG NHÁNH 2 LÀN	
		CHIỀU DÀI ĐOẠN GIẢM TỐC (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN VUỐT (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN GIẢM TỐC (M)	CHIỀU DÀI ĐOẠN VUỐT (M)
100KM/H	40KM/H	60.00	60.00	60.00	85.00
	50KM/H	40.00	60.00	50.00	85.00
	60KM/H	30.00	60.00	50.00	85.00



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM, TRỪ KHI CÓ CHỈ ĐỊNH KHÁC.
- CHIỀU DÀI LÀN GIẢM TỐC LẤY THEO TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ NÚT GIAO.
- TRƯỜNG HỢP ĐOẠN CHUYỂN TIẾP HÌNH NÊM CÙNG VỚI ĐOẠN TĂNG TỐC NẰM TRÊN ĐOẠN LÊN DỐC THÌ CHIỀU DÀI CỦA CHÚNG PHẢI NHÂN VỚI HỆ SỐ HIỆU CHỈNH THEO ĐIỀU 8.8.9 (TCVN 5729-2012)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

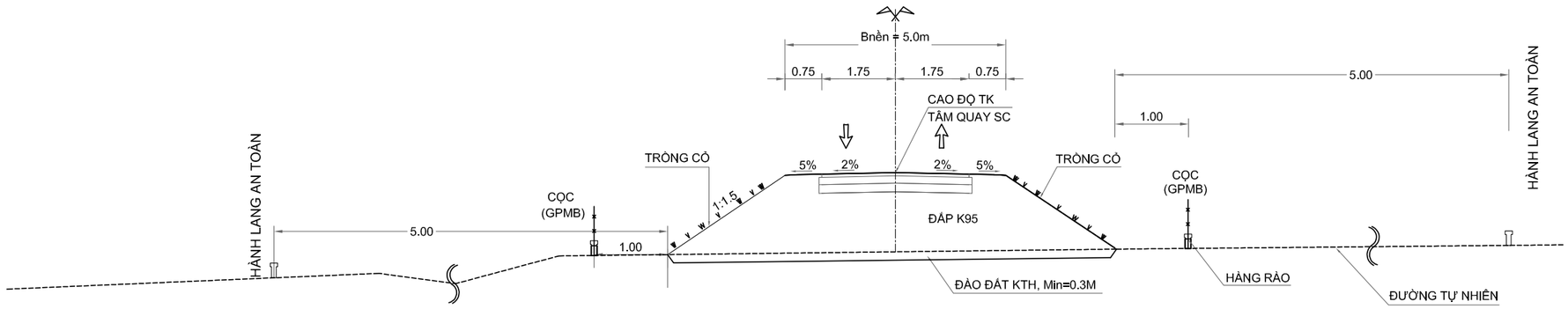
DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)
ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY
BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO CHI TIẾT LÀN GIẢM TỐC

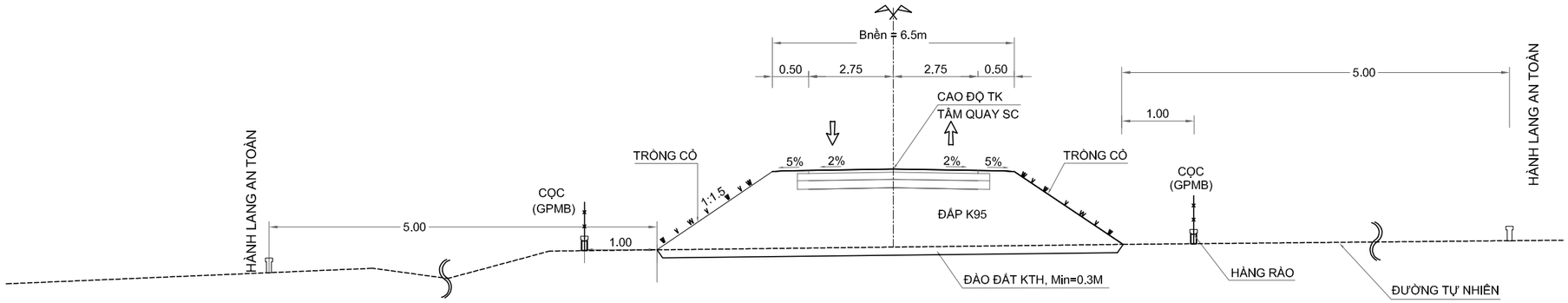
TỶ LỆ: XEM BV	LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: / /2026	BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH03

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01 MCN dien hinh\02. TQTT-A2z-D2 - Tang giam toc 05/06/2026 3:48 PM

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG GOM 3.5/5.0



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG GOM 5.5/6.5



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MÉT NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CHỈ RA CỤ THỂ
- KHOẢNG CÁCH ĐƯỜNG GOM VÀ ĐƯỜNG CAO TỐC L MIN=3M, BỐ TRÍ RÃNH BIÊN THOÁT NƯỚC GIỮA CAO TỐC VÀ ĐƯỜNG GOM VÀ BỐ TRÍ HÀNG RÀO NGĂN CÁCH.
- (1 : N; 1 : M) PHỤ THUỘC ĐỊA CHẤT NỀN ĐƯỜNG ĐÀO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

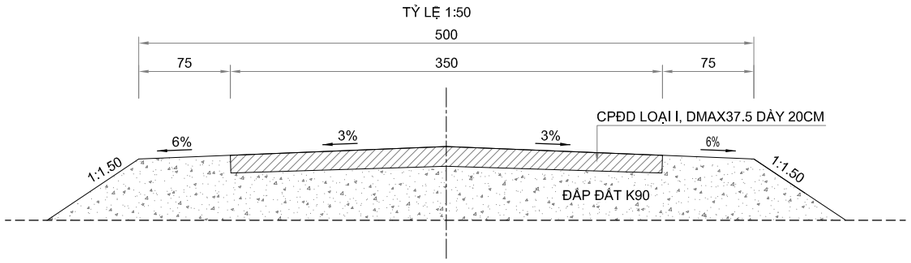
DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)
ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY
BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG GOM, ĐƯỜNG NGANG
TỶ LỆ: XEM BV
LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: / /2026
BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

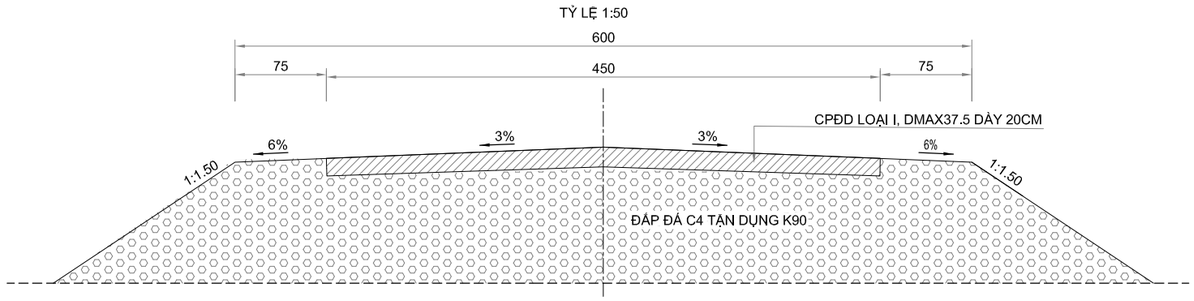
Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01. MCN dien hinh\?H-010 MCNDH TUYEN 03/02/2026 - 10:21 PM

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG CÔNG VỤ

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG CÔNG VỤ



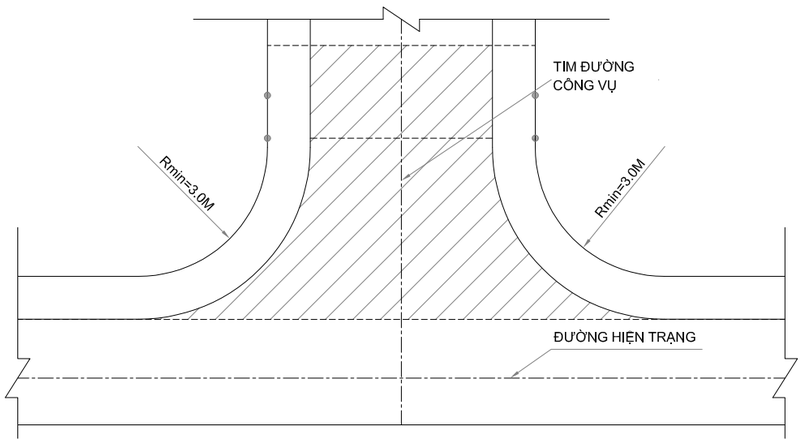
MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG CÔNG VỤ QUA SÔNG



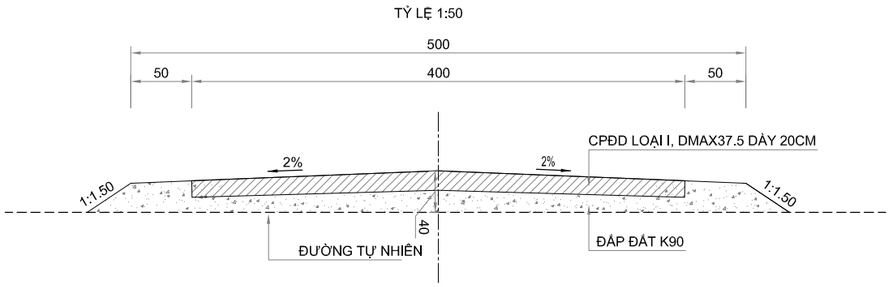
CHI TIẾT LÀN TRÁNH XE

TỶ LỆ 1:50

CHI TIẾT VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG

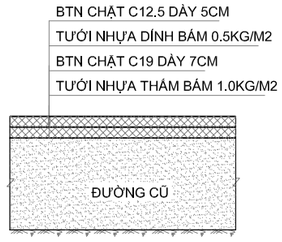


MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG TẠM DÂN SINH : VỊ TRÍ HẦM CHUI

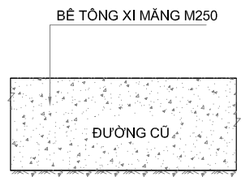


KẾT CẤU HOÀN TRẢ ĐƯỜNG CÔNG VỤ NGOẠI TUYẾN

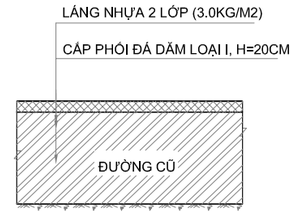
ÁP DỤNG CHO ĐƯỜNG CŨ BÊ TÔNG NHỰA



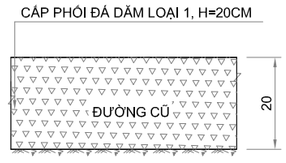
ÁP DỤNG CHO ĐƯỜNG CŨ BÊ TÔNG XI MĂNG



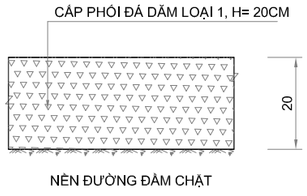
ÁP DỤNG CHO ĐƯỜNG HIỆN HỮU LÁNG NHỰA



ÁP DỤNG CHO HIỆN HỮU CẤP PHỐI ĐỒI



KẾT CẤU ĐƯỜNG CÔNG VỤ NỘI TUYẾN



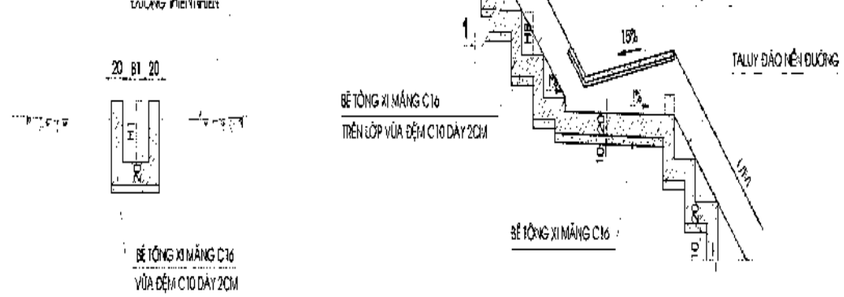
GHI CHÚ:

- ĐƠN VỊ BẢNG VẼ LÀ CM, TRỪ NHỮNG VỊ TRÍ CHỈ RA CỤ THỂ

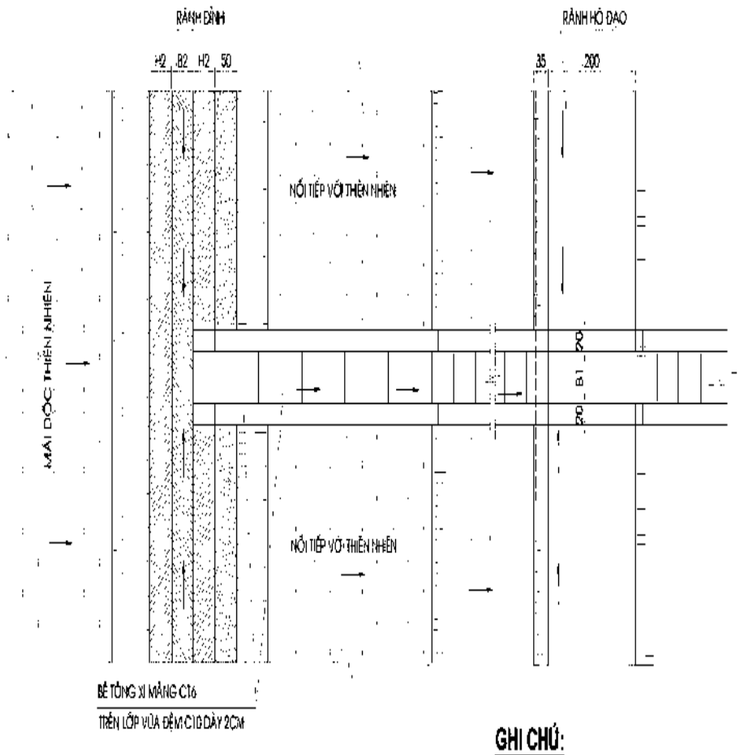
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG** **ĐƠN VỊ TƯ VẤN** **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z**	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐƯỜNG CÔNG VỤ TỶ LỆ: XEM BV / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH02A

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01 MCN dien hinh\02a. TQTT-A2z-D2 MC(NDH DCV 14/04/2026-7:02 AM

II.2. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH THOÁT NƯỚC NHỎ



MẶT BẰNG BẬC NƯỚC



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ CM
- RÃNH HỘ ĐẠO ÁP DỤNG TẠI NHỮNG VỊ TRÍ ĐÀO CAO TỪ 2 BẬC TRỞ LÊN, ĐỊA CHẤT LÀ ĐẤT HOẶC ĐÁ PHONG HOÁ MẠNH.
- BẬC NƯỚC, RÃNH ĐỈNH VÀ RÃNH BẬC ĐƯỢC THI CÔNG ĐỒNG THỜI VỚI THI CÔNG ĐÀO NỀN ĐƯỜNG THEO TỪNG BẬC CỐ.
- TRỊ SỐ H1, B1 CỦA BẬC NƯỚC VÀ TRỊ SỐ H2, B2 CỦA RÃNH ĐỈNH ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRÊN CƠ SỞ TÍNH TOÁN THỦY VĂN
- BẬC NƯỚC THƯỜNG THIẾT KẾ VỚI CHIỀU CAO MỖI BẬC 0.3-0.6M VÀ ĐỘ DỐC MẶT BẬC I=2-3%
- ĐỘ DỐC MÁI TALUY M VÀ CHIỀU CAO BẬC CỐ HỢP TRONG HỒ SƠ ĐỊNH HƯỚNG THIẾT KẾ TUYẾN.
- ĐỐI VỚI NỀN ĐÁ C3 CHỈ ĐÀO TẠO BẬC, KHÔNG GIA CỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2) ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: ĐIỂN HÌNH BẬC NƯỚC TỶ LỆ: XEM BV LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH14

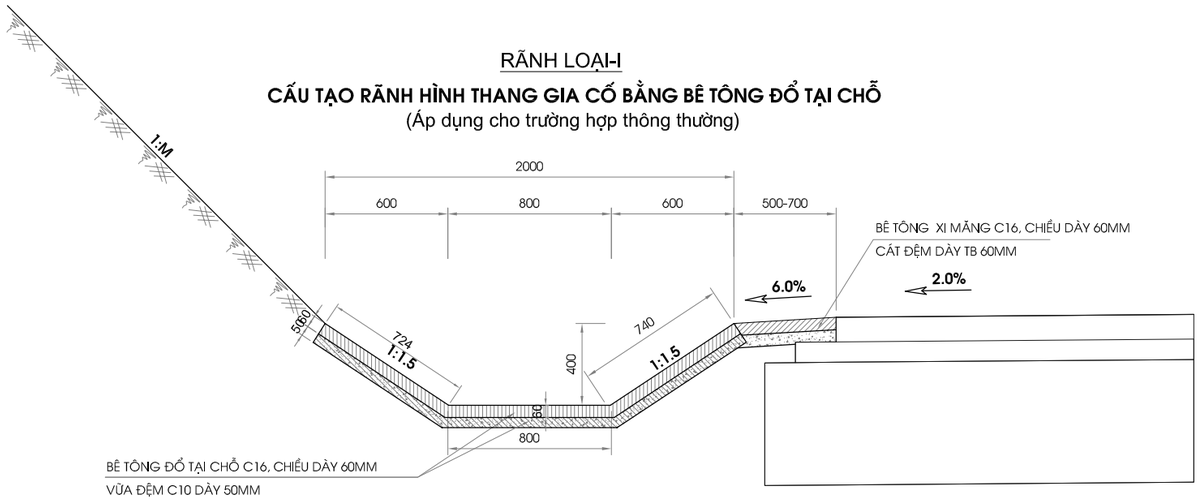
Location: D:\Tân Quang_Thanh Thuỷ\03__Các bản vẽ điển hình\03__Các bản vẽ điển hình\01 MCN điển hình.dwg, 13/01/2026 4:33 PM

CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH BIÊN

RÃNH LOẠI-I

CẤU TẠO RÃNH HÌNH THANG GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ

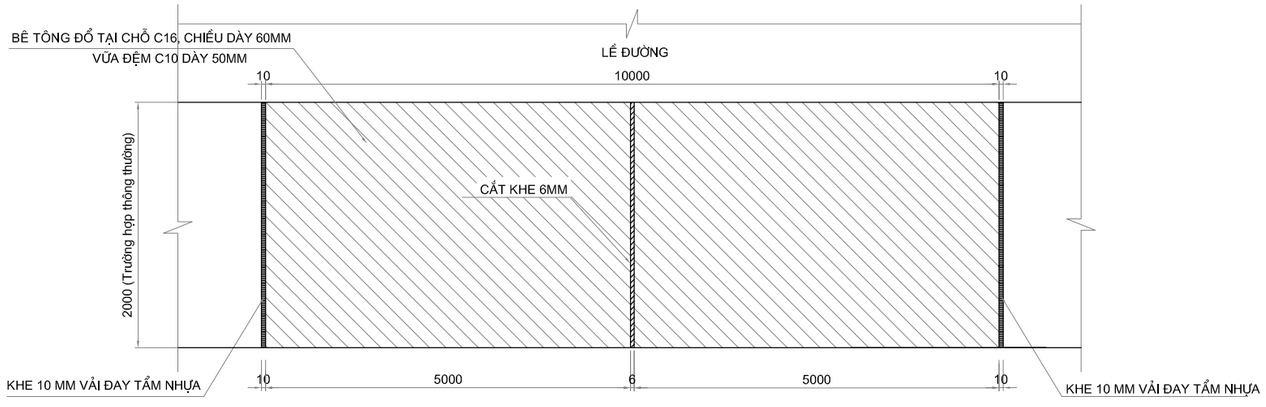
(Áp dụng cho trường hợp thông thường)



BẢNG KHỐI LƯỢNG

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG (Tính cho 1m)	GHI CHÚ
LOẠI 1-1	BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ C16	M3	0.164	
	VỮA ĐỆM C10 DÀY 50MM	M3	0.143	
	VÁN KHUÔN	M2	1.448	
	VẢI ĐAY TẨM NHỰA 1KHE	M2	0.164	10M BỐ TRÍ 1 KHE
	ĐÀO ĐẤT	M3	0.81	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ RÃNH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)

ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH BIÊN
TRƯỜNG HỢP NỀN ĐẤT

TỶ LỆ: XEM BV	LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: / /2026	BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH18

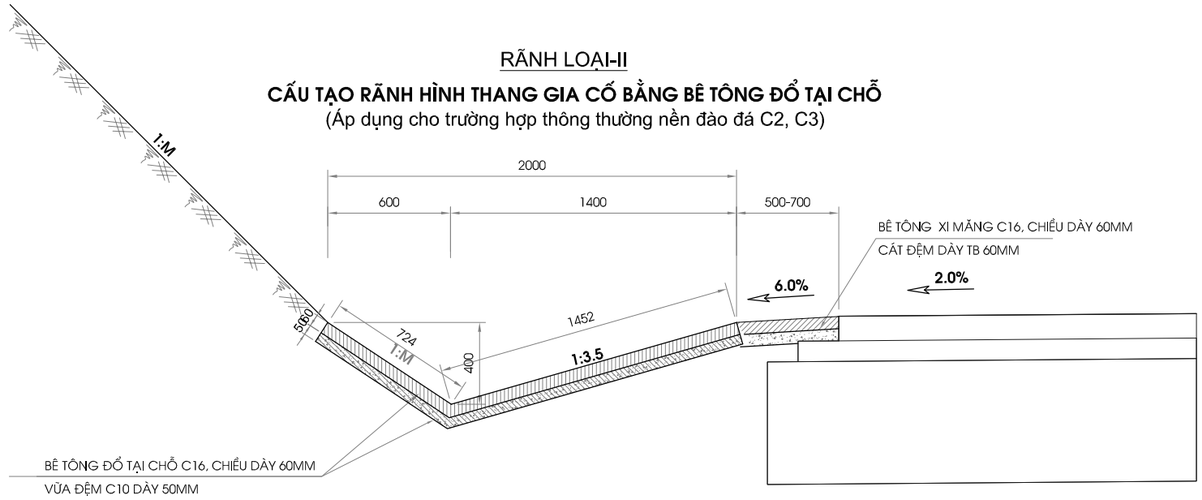
Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01 MCN dien hinh\13. TQTT-A2z-02-Ranh bien, ranh dinh, ranh co 16/01/2026 1:44 AM

CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH BIÊN ÁP DỤNG CHO NỀN ĐÀO ĐÁ

RÃNH LOẠI-II

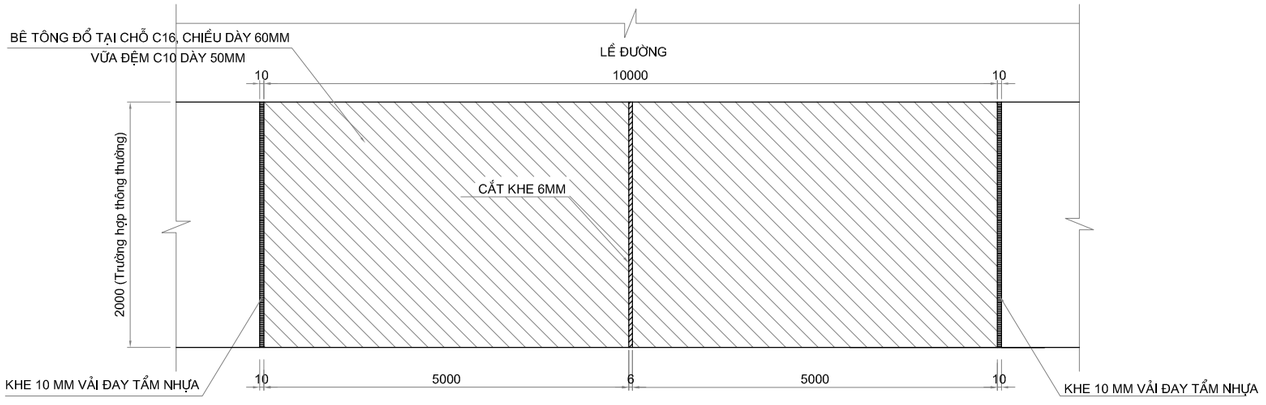
CẤU TẠO RÃNH HÌNH THANG GIA CỐ BẰNG BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ

(Áp dụng cho trường hợp thông thường nền đào đá C2, C3)



STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG (Tính cho 1m)	GHI CHÚ
LOẠI II	BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ C16	M3	0.16	
	VỮA ĐỆM C10 DÀY 50MM	M3	0.138	
	VÁN KHUÔN	M2	2.174	
	VẢI ĐAY TẨM NHỰA 1KHE	M2	0.16	10M BỐ TRÍ 1 KHE
	ĐÀO ĐÁ	M3	0.65	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ RÃNH

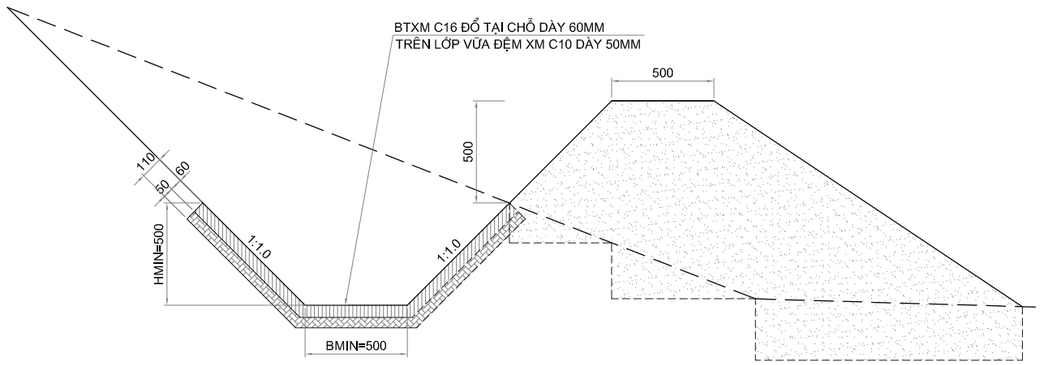


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2) ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH BIÊN TRƯỜNG HỢP NỀN ĐÀO ĐÁ TỶ LỆ: XEM BV / LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 / BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH19

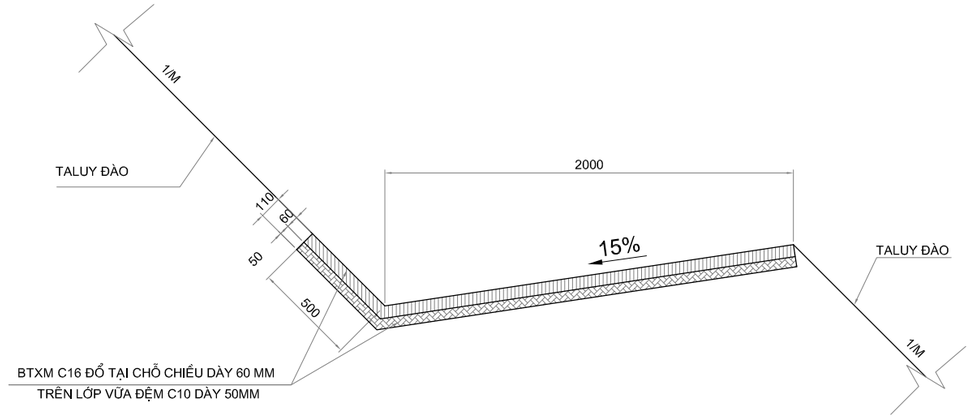
Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\01 MCN dien hinh\13. TQTT-A2z-02-Ranh bien, ranh dinh, ranh co 16/01/2026 1:44 AM

CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH ĐỈNH, RÃNH CƠ

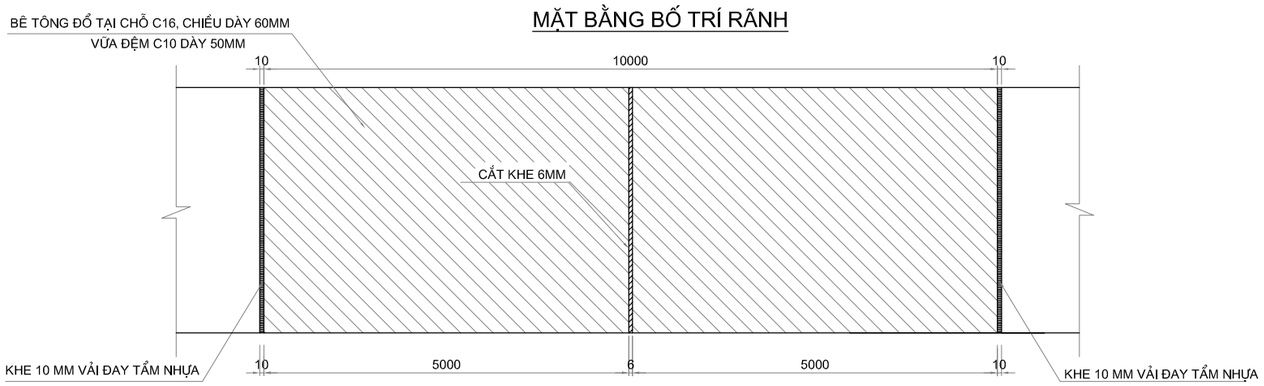
RÃNH ĐỈNH BTXM ĐỔ TẠI CHỖ



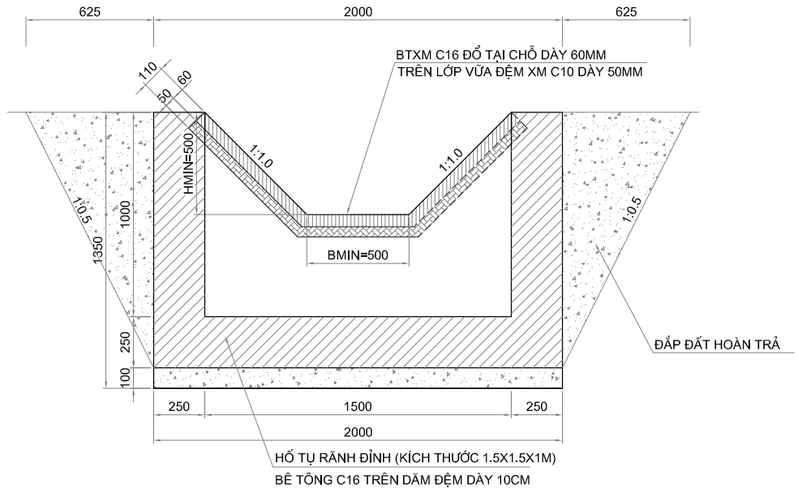
RÃNH CƠ BTXM ĐỔ TẠI CHỖ



MẶT BẰNG BỐ TRÍ RÃNH



HỐ TỤ RÃNH ĐỈNH



BẢNG KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1.0 M DÀI RÃNH ĐỈNH

A	RÃNH ĐỈNH			
1	VỮA ĐỆM C10 DÀY 50 MM	M3	0.10	
2	BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ C16	M3	0.12	
3	VÁN KHUÔN	M2	1.41	
4	VẢI ĐAY TẨM NHỰA 1 KHE	M2	0.12	10M BỐ TRÍ 1 KHE
5	ĐÀO ĐẤT RÃNH CƠ	M3	0.72	
B	HỐ TỤ			
1	BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ C16	M3	2.39	
2	VÁN KHUÔN	M2	13.12	
3	ĐÁ DĂM ĐỆM DÀY 10CM	M3	0.40	
3	ĐÀO HỐ TỤ	M3	9.70	
4	ĐẮP ĐẤT HOÀN TRẢ HỐ TỤ	M3	4.70	

BẢNG KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1.0 M DÀI RÃNH CƠ

1	VỮA ĐỆM C10 DÀY 50 MM	M3	0.13	
2	BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ C16	M3	0.15	
3	VÁN KHUÔN	M2	0.50	
4	VẢI ĐAY TẨM NHỰA 1 KHE	M2	0.15	10M BỐ TRÍ 1 KHE

GHI CHÚ:

- CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM.
- RÃNH HÌNH THANG ÁP DỤNG CHO NỀN ĐẤT VÀ NỀN ĐÁ C4.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)
ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY
BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO ĐIỂN HÌNH RÃNH ĐỈNH, RÃNH CƠ

TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01

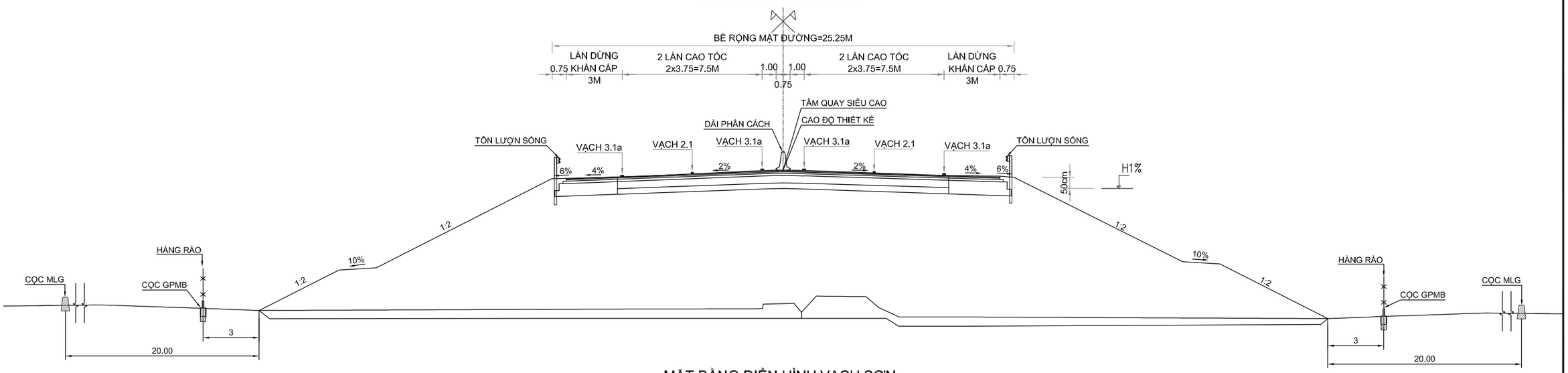
HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH20

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\01. MCN dien hinh\13. TQTT-A2z-D2-Ranh bien, ranh dinh, ranh co 16/01/2026 1:44 AM

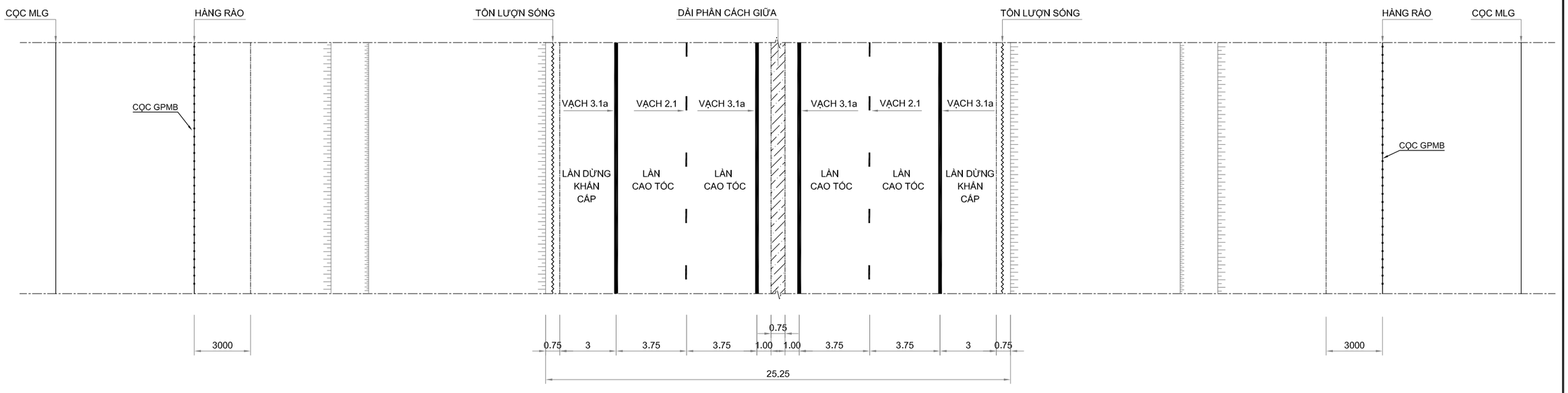
II.3. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH ATGT

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH BỐ TRÍ AN TOÀN GIAO THÔNG

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ VẠCH SƠN



MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN



GHI CHÚ:

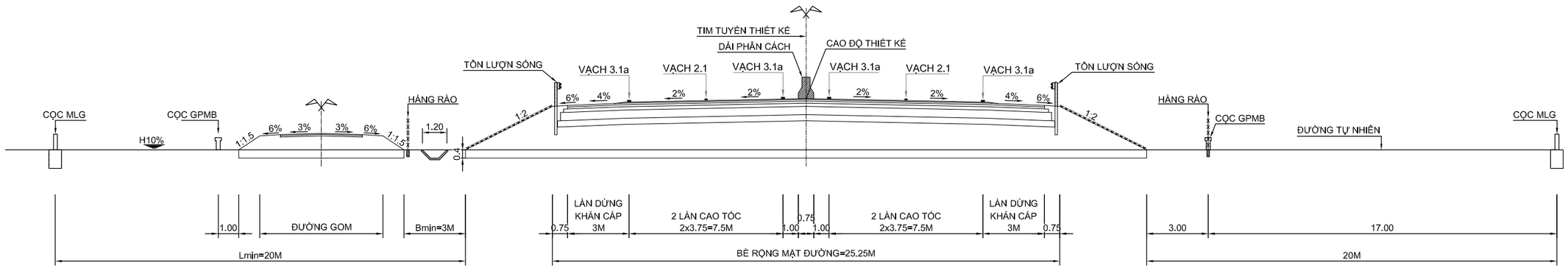
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- QUY CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
- SƠN KẺ ĐƯỜNG BẰNG SƠN DẺO NHIỆT, PHẢN QUANG CHIỀU DÀY LỚP SƠN = 2MM

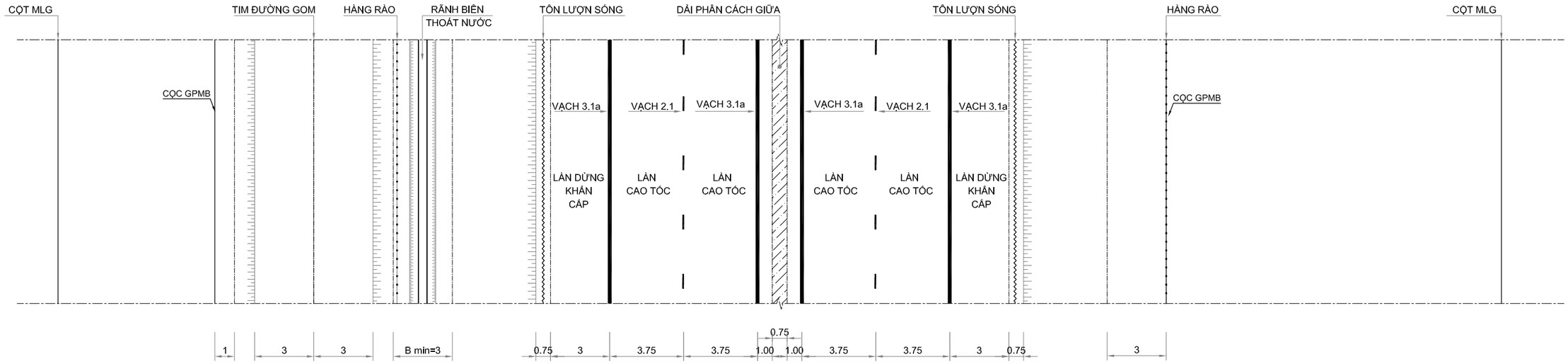
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG** **ĐƠN VỊ TƯ VẤN** **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z**	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: AN TOÀN GIAO THÔNG MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT VẠCH SƠN TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH76

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\03_DH ATGT\ATGT-030 MCNDH VS 13/04/2026 4:31 PM

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ AN TOÀN GIAO THÔNG (ĐOẠN NỀN ĐẮP)

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ VẠCH SƠN





GHI CHÚ:

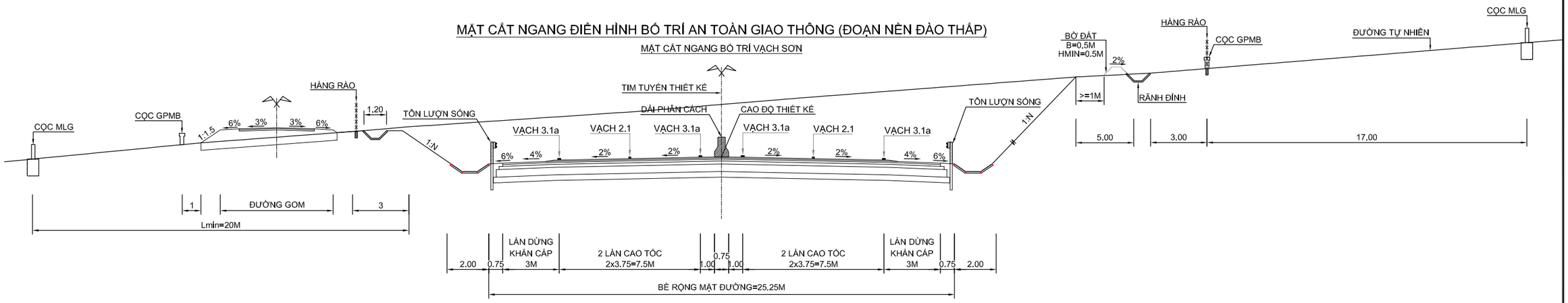
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- QUY CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
- SƠN KẺ ĐƯỜNG BẰNG SƠN DẺO NHIỆT, PHẢN QUANG CHIỀU DÀY LỚP SƠN = 2MM

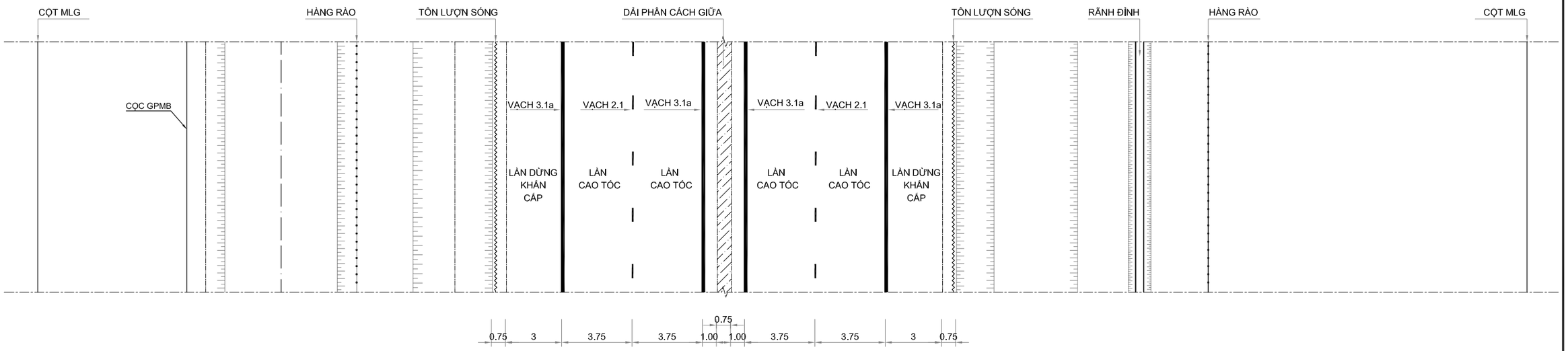
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: AN TOÀN GIAO THÔNG MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT VẠCH SƠN TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH77

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\03 DH ATGT\ATGT-030 MCNDH VS 13/04/2026 4:31 PM

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH BỐ TRÍ AN TOÀN GIAO THÔNG (ĐOẠN NỀN ĐÀO THẤP)

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ VẠCH SƠN





GHI CHÚ:

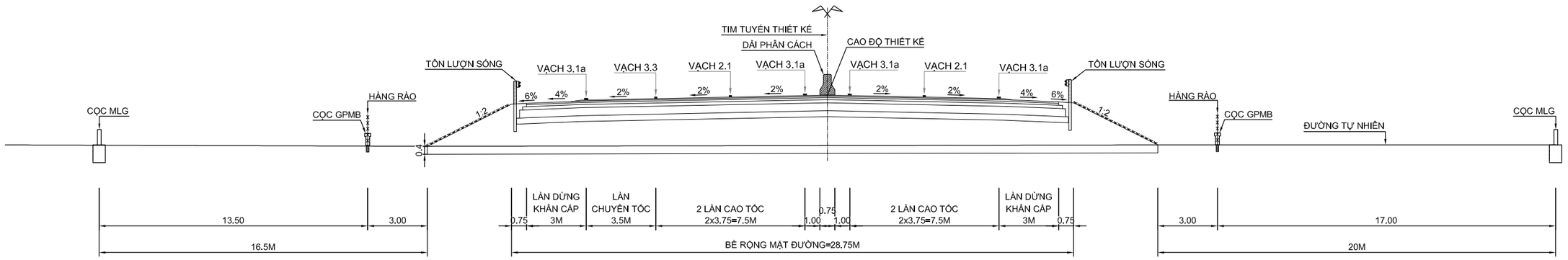
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- QUY CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
- SƠN KẺ ĐƯỜNG BẰNG SƠN DẺO NHIỆT, PHẢN QUANG CHIỀU DÀY LỚP SƠN = 2MM

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: AN TOÀN GIAO THÔNG MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT VẠCH SƠN TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH78

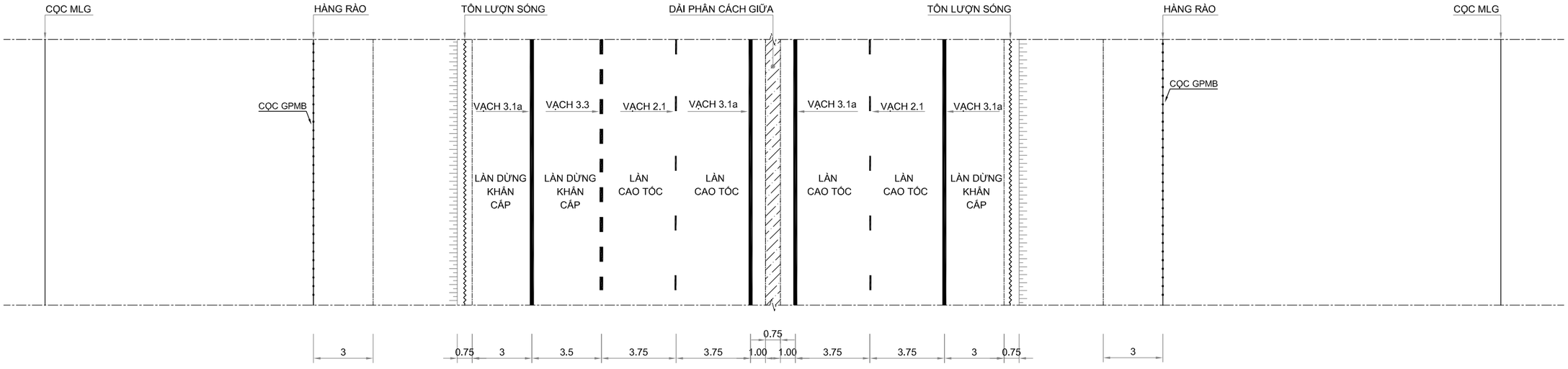
Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\03. DH ATGT\ATGT-030 MCNDH VS 13/04/2026 4:31 PM

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH BỐ TRÍ AN TOÀN GIAO THÔNG (VỊ TRÍ LÀN CHUYÊN TỐC)

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ VẠCH SƠN



MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- QUY CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
- SƠN KẺ ĐƯỜNG BẰNG SƠN DẺO NHIỆT, PHẢN QUANG CHIỀU DÀY LỚP SƠN = 2MM

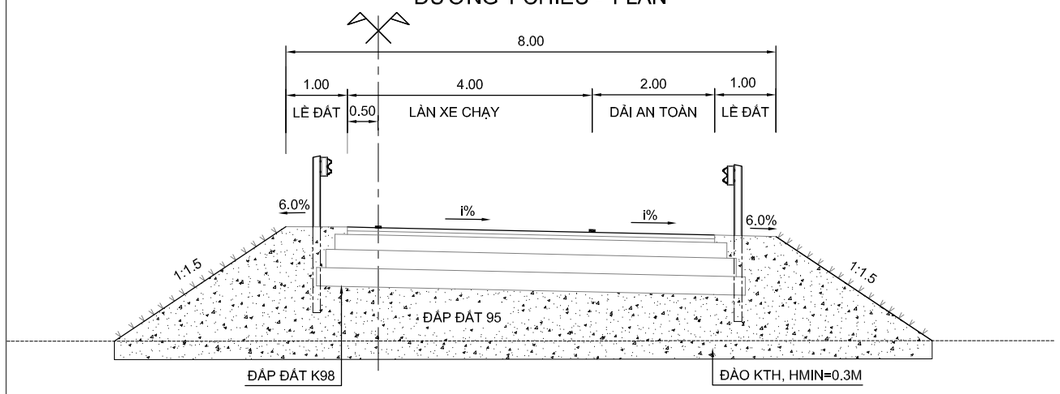
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN A2Z CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: AN TOÀN GIAO THÔNG MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT VẠCH SƠN TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH79

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\03 DH ATGT\ATGT-030 MCNDH VS 13/04/2026-4:31 PM

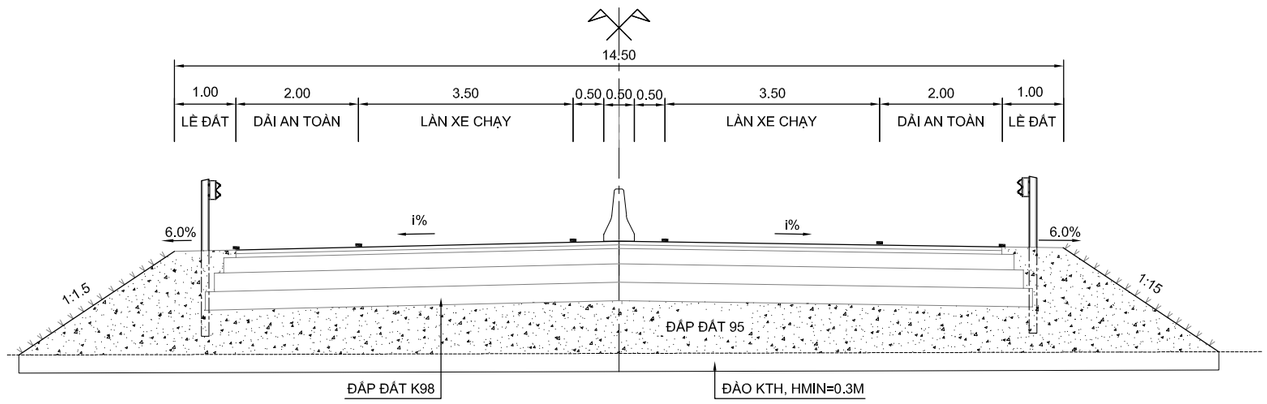
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH BỐ TRÍ AN TOÀN GIAO THÔNG NHÁNH RẼ

MẶT CẮT NGANG BỐ TRÍ VẠCH SƠN

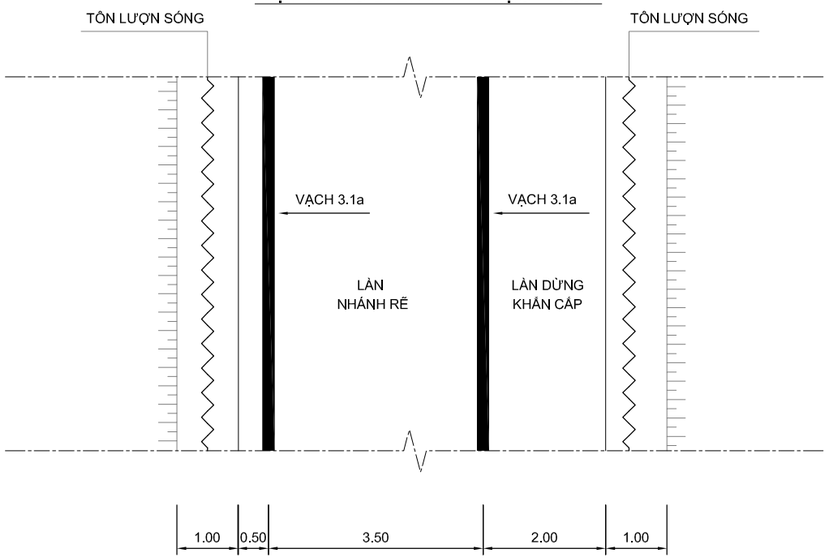
ĐƯỜNG 1 CHIỀU - 1 LÀN



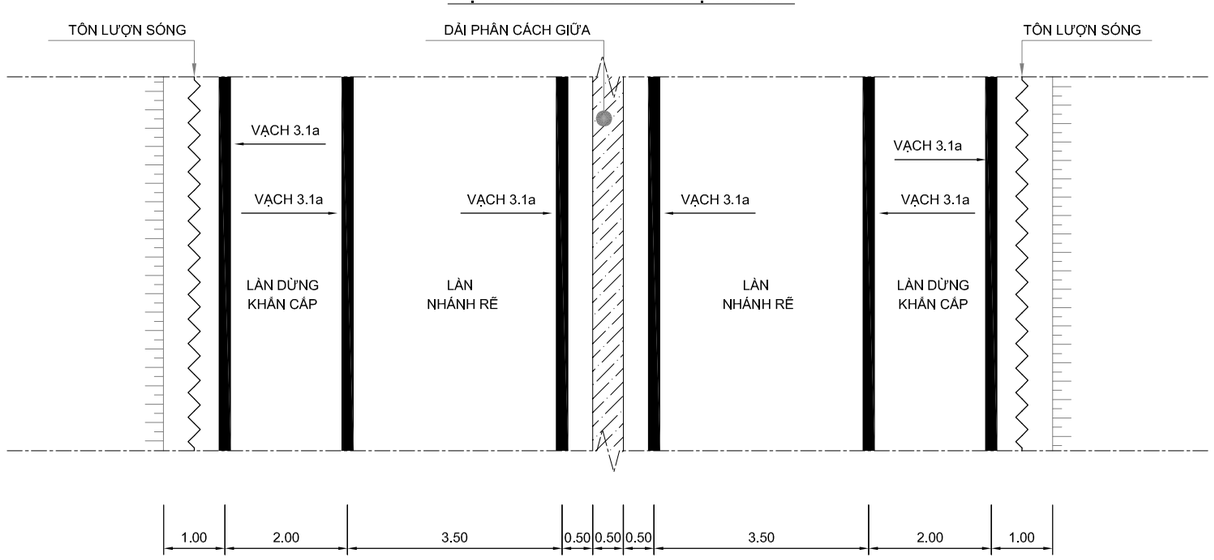
ĐƯỜNG 2 CHIỀU - 2 LÀN



MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN



MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN



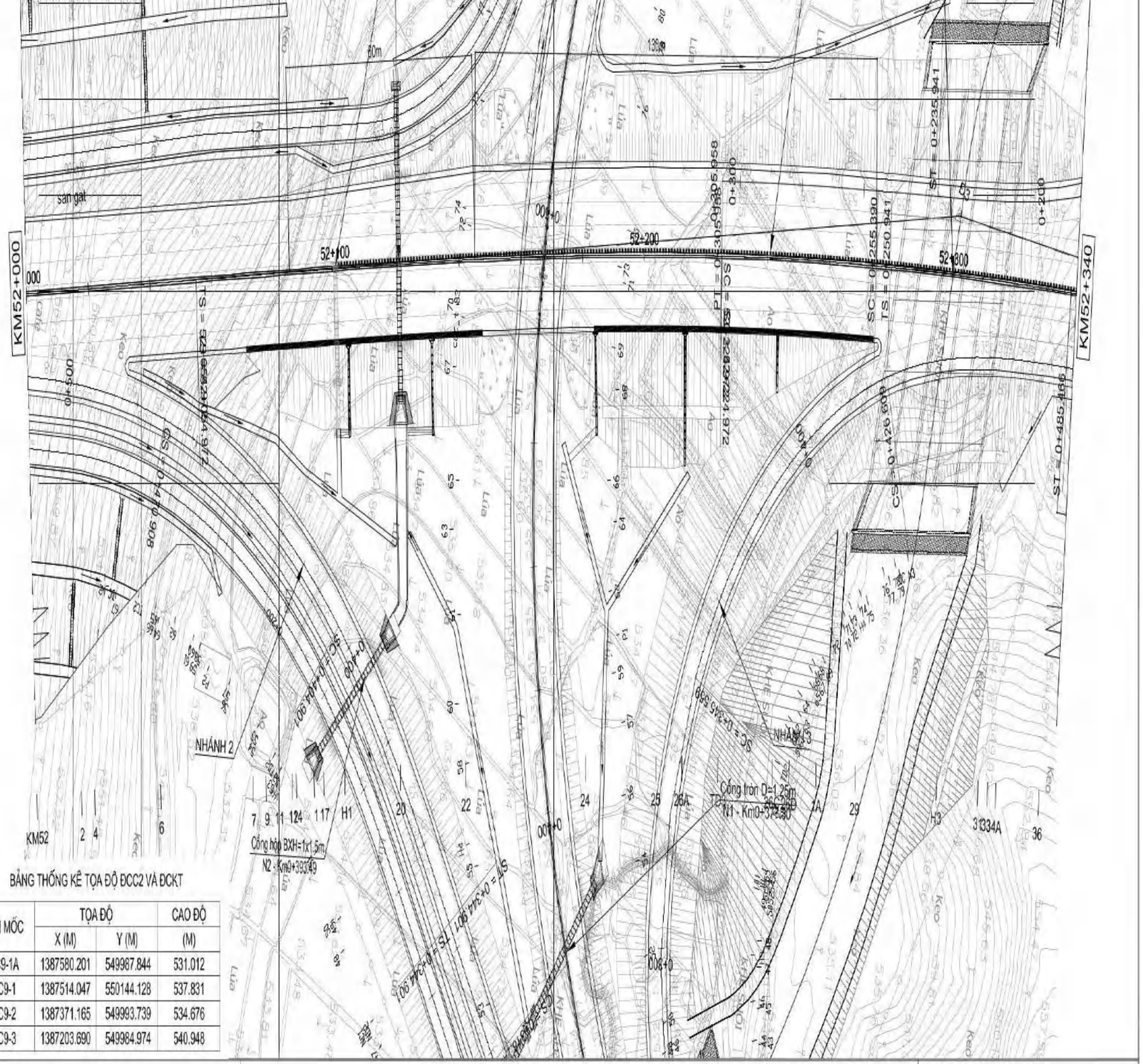
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.
- QUY CÁCH VẠCH SƠN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT
- SƠN KẺ ĐƯỜNG BẰNG SƠN DẺO NHIỆT, PHẢN QUANG CHIỀU DÀY LỚP SƠN = 2MM

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG** **ĐƠN VỊ TƯ VẤN** **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z**	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: AN TOÀN GIAO THÔNG MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT VẠCH SƠN TỶ LỆ: XEM BV | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH80

Location: D:\Tân Quang - Thanh Thu?\03_Cac ban ve dien hinh\03_Cac ban ve dien hinh\03 DH ATGT\ATGT-030 MCNDH VS 13/04/2026-4:31 PM

III. CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ MẪU



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐCC2 VÀ ĐCKT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		CAO ĐỘ
	X (M)	Y (M)	(M)
DC9-1A	1387580.201	549967.844	531.012
DC9-1	1387514.047	550144.128	537.831
DC9-2	1387371.165	549993.739	534.676
DC9-3	1387203.690	549984.974	540.948

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)

ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

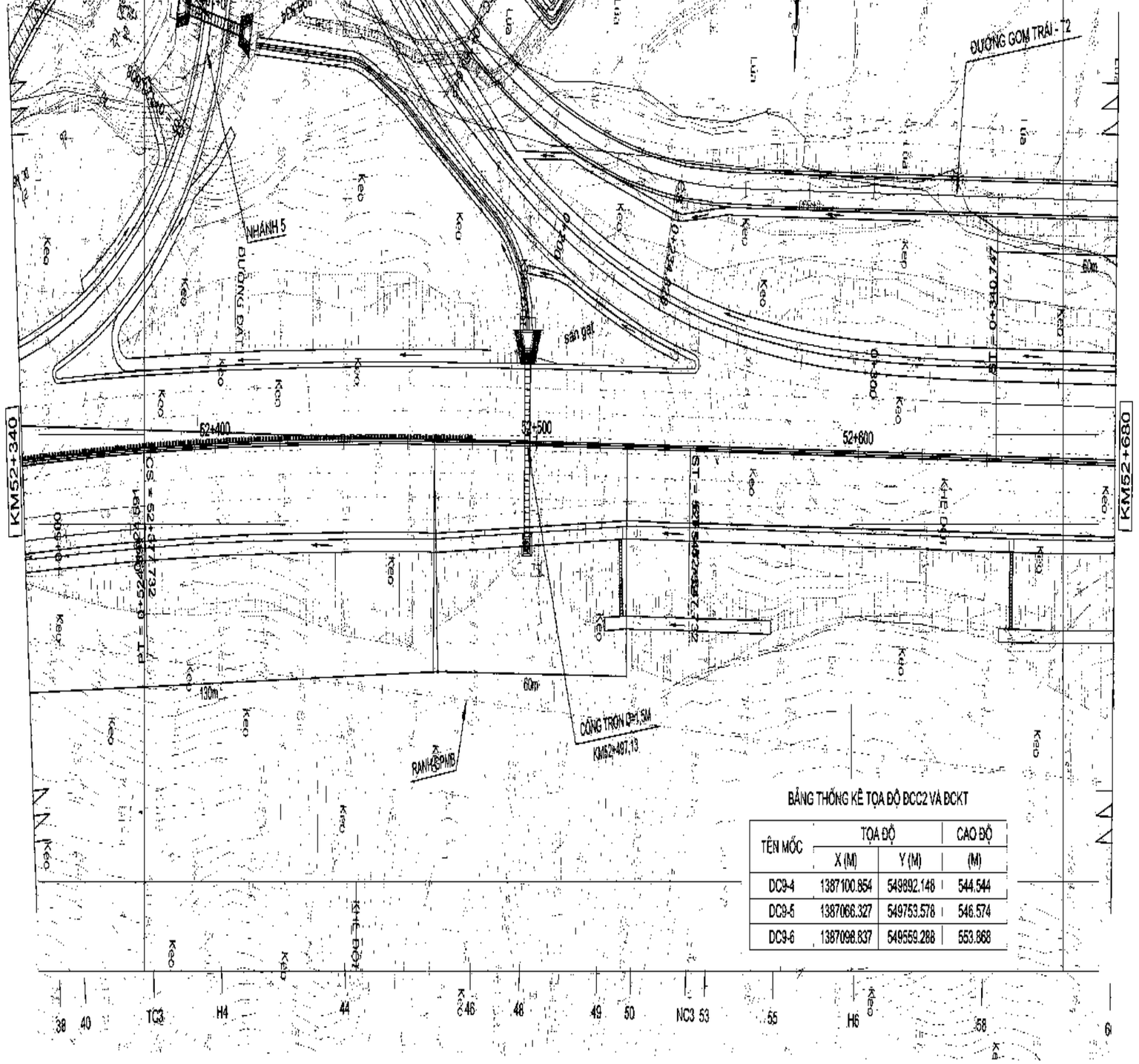
BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NÚT GIAO

TỶ LỆ: 1:1000	LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: / /2026	BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

Location: D:\Khanh Hoa - Buon Ma Thuot\Ho so Hecs\Gom File XL02 - Hoa Hiep\Gom File XL02 - Hoa Hiep\02 Binh do\Binh do K50-K54+500 - Standard\Binh do K50-K54+500 09/06/2026 11:26 AM



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐCC2 VÀ ĐCKT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		CAO ĐỘ
	X (M)	Y (M)	(M)
DC9-4	1387100.854	549892.148	544.544
DC9-5	1387066.327	549753.578	546.574
DC9-6	1387098.837	549559.288	553.868

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)

ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

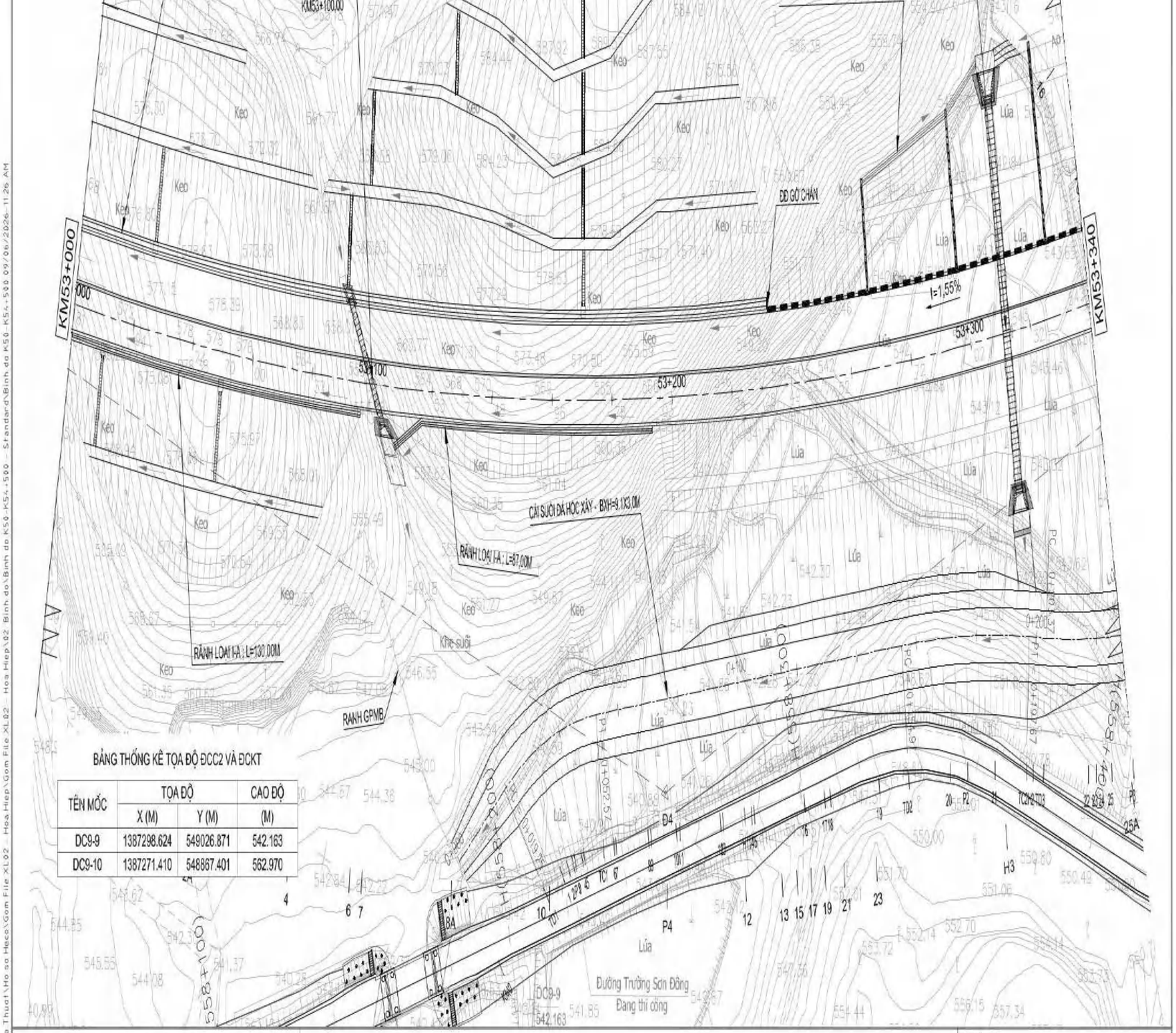
BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ NÚT GIAO

TỶ LỆ: 1:1000 LẦN XUẤT BẢN 01

HOÀN THÀNH: / /2026 BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

Location D:\Thanh Hoa - Buon Ma Thuot\Ho so Hsce\Gom File XL92 Hoa Hiep\Gom File XL92 Hoa Hiep\Gom File XL92 Hoa Hiep\82. Binh do\Binh do K50-K54,500 - Standard\Binh do K50 K54,500 09/05/2026 11:26 AM



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ ĐCC2 VÀ ĐCKT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		CAO ĐỘ
	X (M)	Y (M)	(M)
DC9-9	1387298.624	549026.871	542.163
DC9-10	1387271.410	548867.401	562.970

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z

DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)

ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY

BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN
KM53+000 - KM53+340

TỶ LỆ: 1:1000	LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: / /2026	BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

Location: D:\Khanh Hoa - Buon Ma Thuot\Ho so Hsce\Gom File XL02 - Hoa Hiep\Gom File XL02 - Hoa Hiep\02 Binh do\Binh do K50 - K54+500 - Standard\Binh do K50 - K54+500 09/06/2026 11:26 AM



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỈNH TUYÊN QUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN CAO TỐC TUYÊN QUANG - HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN 2)** **ĐOẠN TỪ TÂN QUANG ĐẾN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN KM53+340 - KM53+680 TỶ LỆ: 1:1000 | LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: / /2026 | BẢN VẼ SỐ: CT-TQ-TT-DH

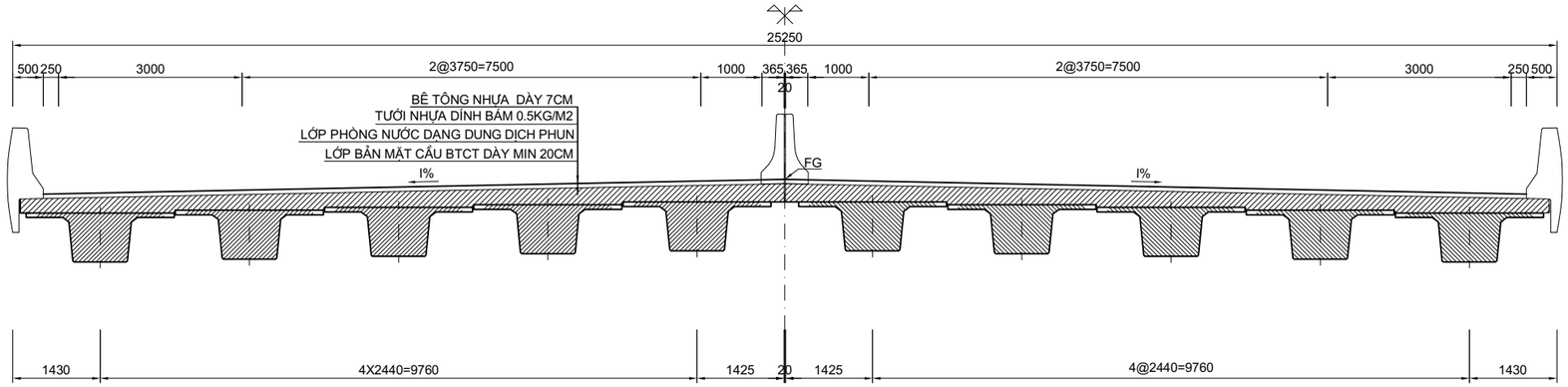
Location D:\Thanh Hoa - Buon Ma Thuot\Ho so Hscs\Gom File XL02 - Hoa Hiep\Gom File XL02 - Hoa Hiep\02 Binh do\Binh do K50 - K54+500 - Standard\Binh do K50 - K54+500 09/06/2026 11:26 AM

II. CÁC BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH PHẦN CẦU

II.1. MẶT CẮT NGANG CẦU ĐIỂN HÌNH

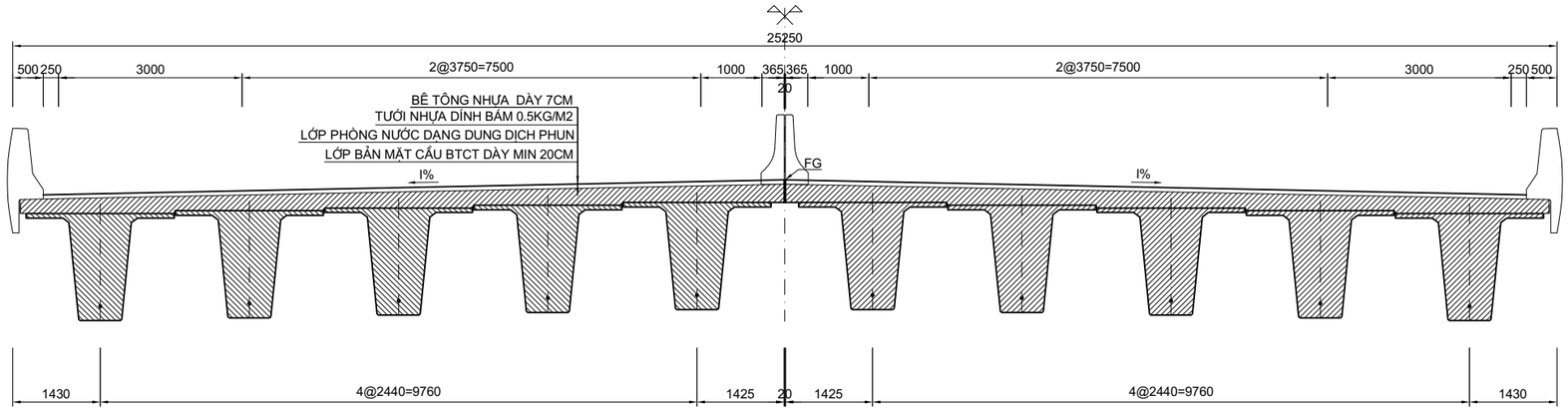
MẶT CẮT NGANG CẦU DẦM SPT LOẠI CẮT KHẤC

(1:100)



MẶT CẮT NGANG CẦU DẦM SPT LOẠI KHÔNG CẮT KHẤC

(1:100)

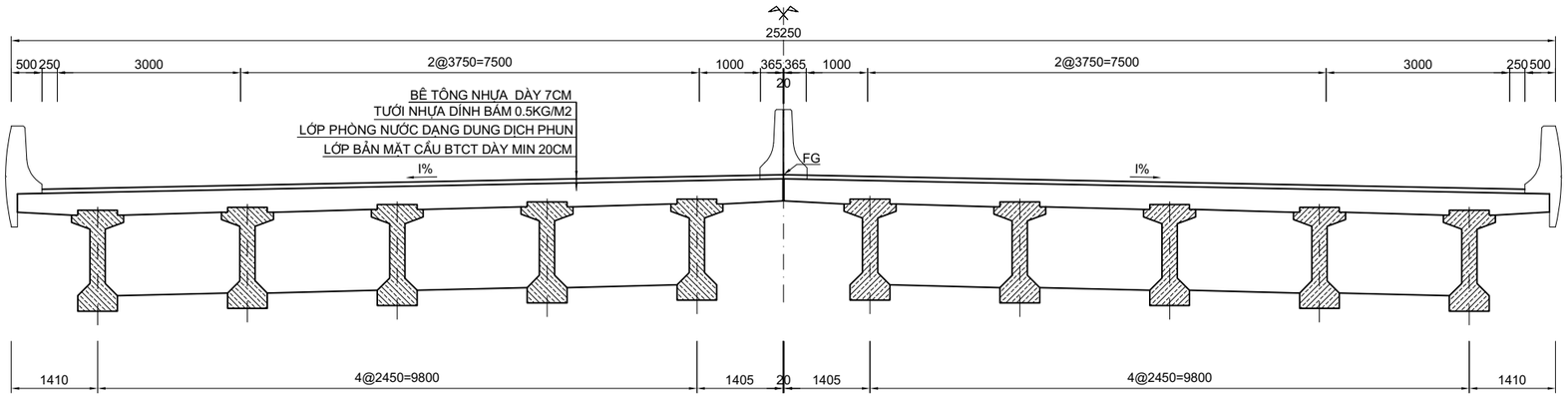


		THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	MẶT CẮT NGANG CẦU (1/2)	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY			NGUYỄN HỮU DŨNG		

D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\01.GE\02. MCN DIEN HINH 25.25M TQ-TT.DWG, 5/28/2026 5:56:53 PM
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\01.GE\02. MCN DIEN HINH 25.25M TQ-TT.DWG May28, 2026 - 10:04 AM

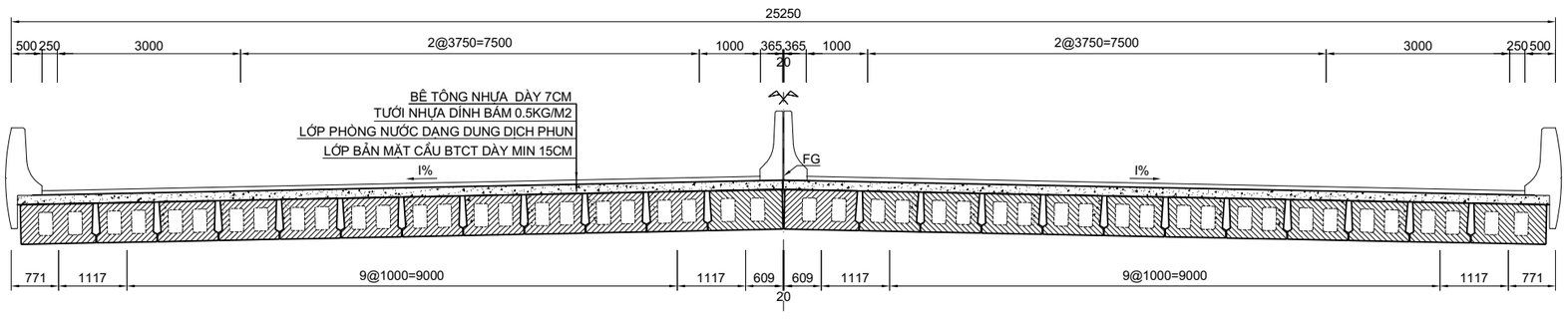
MẶT CẮT NGANG CẦU DẦM I

(1:100)



MẶT CẮT NGANG CẦU DẦM BẢN

(1:100)



		THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	MẶT CẮT NGANG CẦU (2/2)	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY			NGUYỄN HỮU DŨNG		

D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\01.GE\02. MCN DIEN HINH 25.25M TQ-TT.DWG, 5/28/2026 5:56:54 PM

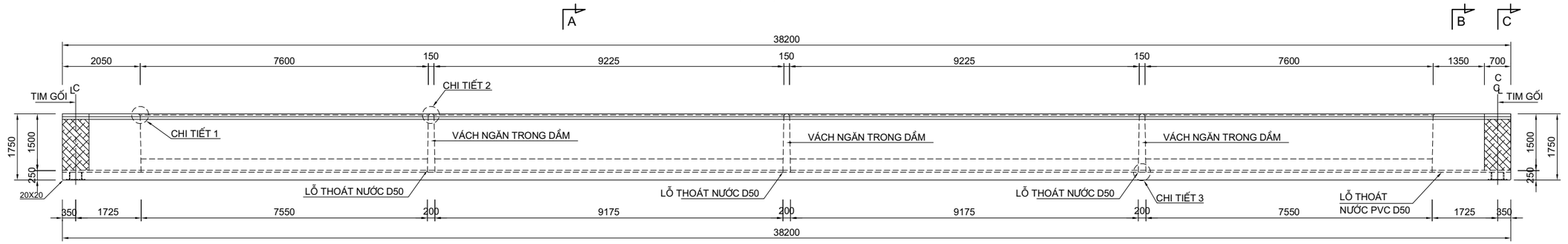
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\01.GE\02. MCN DIEN HINH 25.25M TQ-TT.DWG May28, 2026-10:04 AM

II.2. CÁC BẢN VẼ DẦM ĐIỂN HÌNH

II.2.1. DẦM SUPER T

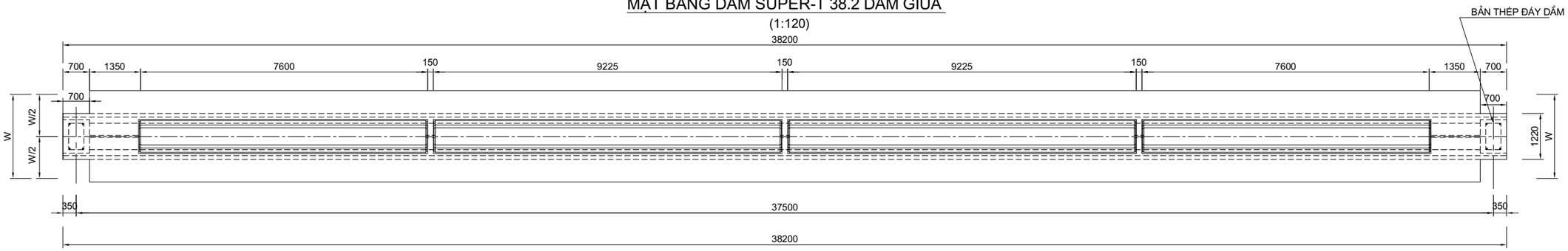
KÍCH THƯỚC DẦM SUPER-T 38.2 - DẦM GIỮA

(1:120)



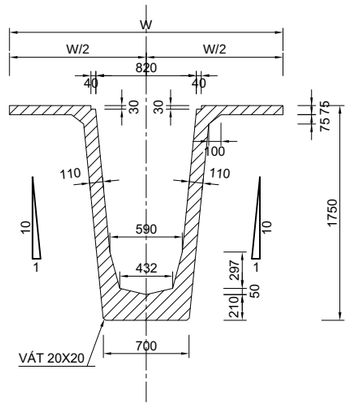
MẶT BẰNG DẦM SUPER-T 38.2 DẦM GIỮA

(1:120)



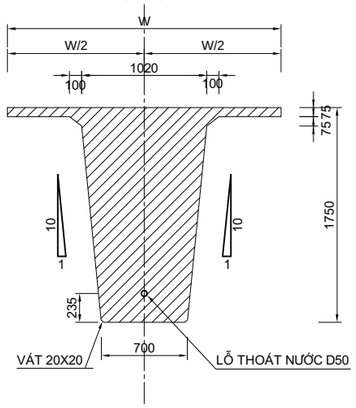
A-A

(1:50)



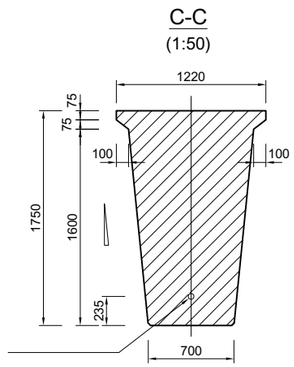
B-B

(1:50)



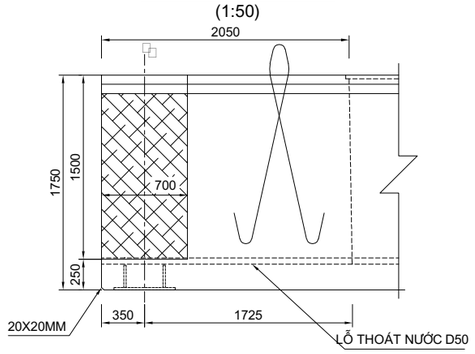
C-C

(1:50)



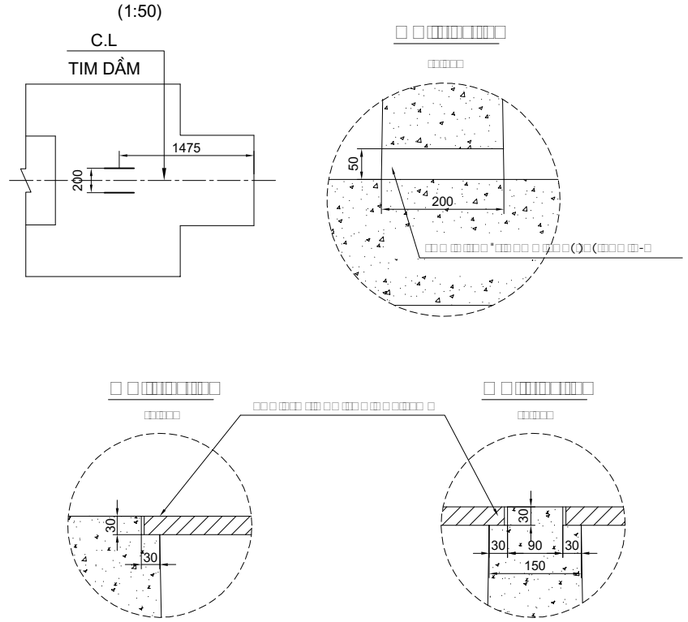
CHI TIẾT ĐẦU DẦM

(1:50)



MÓC CẨU ĐẦU DẦM

(1:50)



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG MM.

		THỰC HIỆN	
		KIỂM TRA	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
		CHỦ NHIỆM	
		KCS CÔNG TY	

HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU DŨNG

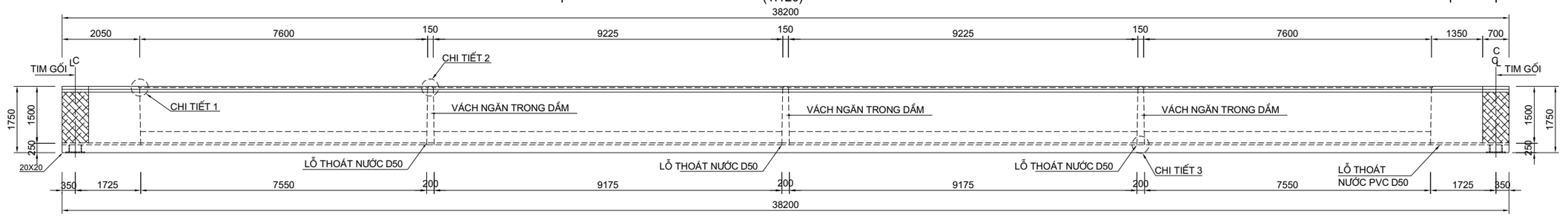
ĐIỂN HÌNH DẦM SUPER T 38.2 KHÔNG CẮT KHẤC
KÍCH THƯỚC CHUNG DẦM GIỮA

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\3. SUP\DAM SPT 38.2 K CAT KHAC\02. KTC-CAUCAP.DWG, 5/28/2026 5:57:44 PM
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\3. SUP\DAM SPT 38.2 K CAT KHAC\02. KTC-CAUCAP.DWG May28, 2026-10:04 AM

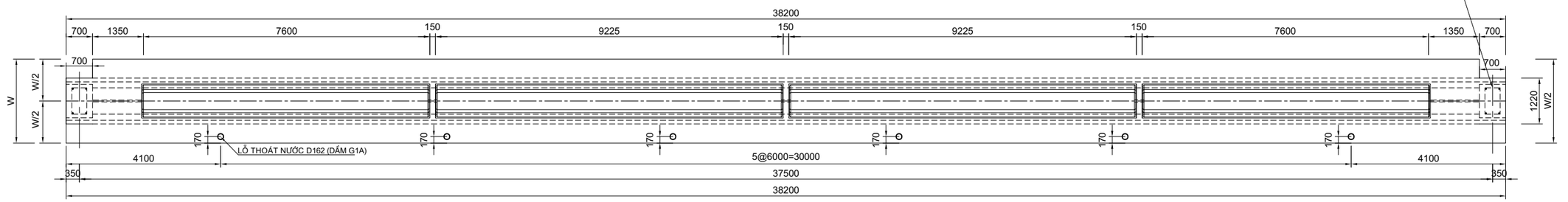
KÍCH THƯỚC DẦM SUPER-T 38.2 DẦM BIÊN

(1:120)



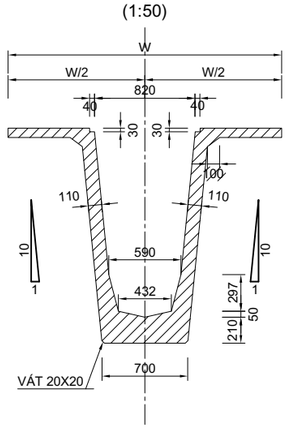
MẶT BẰNG DẦM SUPER-T 38.2 DẦM BIÊN

(1:120)



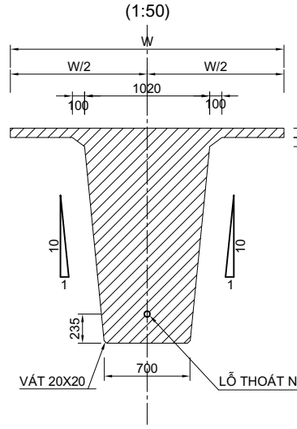
A-A

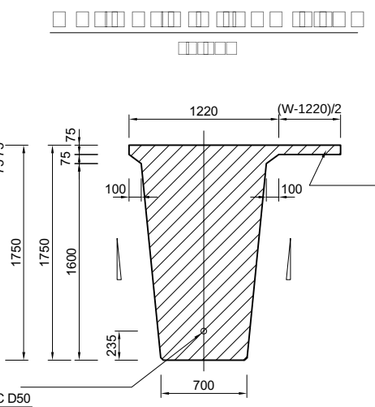
(1:50)



B-B

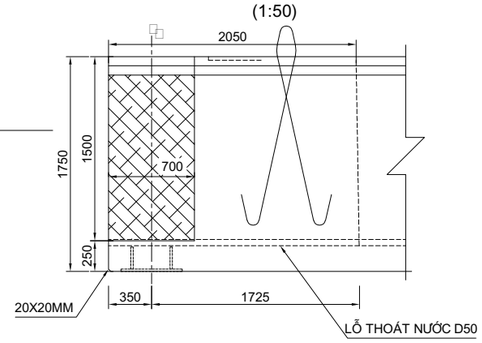
(1:50)





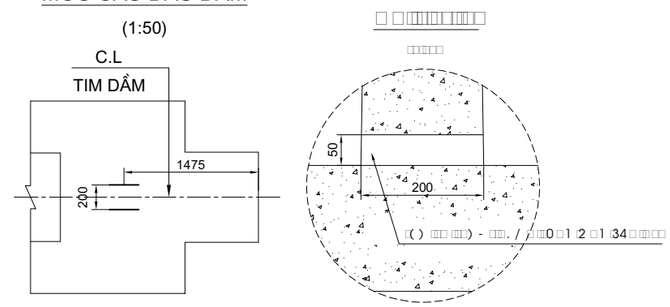
CHI TIẾT ĐẦU DẦM

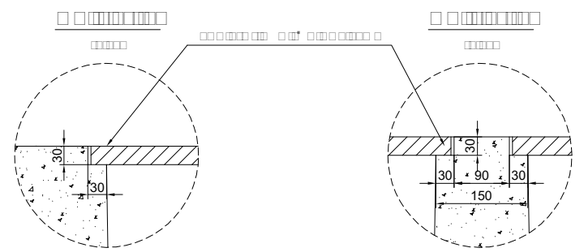
(1:50)



MÓC CẨU ĐẦU DẦM

(1:50)





GHI CHÚ:

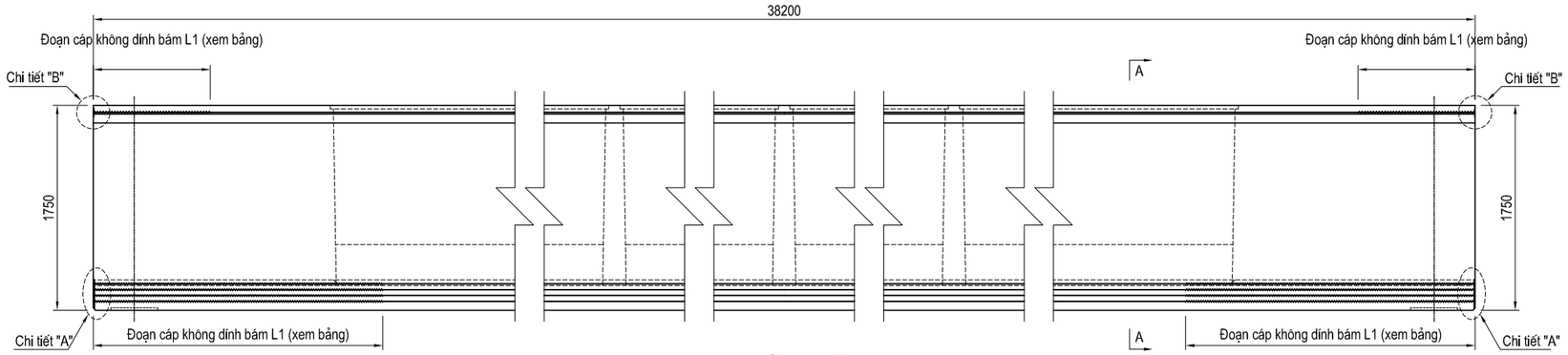
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG MM.
- LỖ THOÁT NƯỚC CHỈ BỐ TRÍ CHO DẦM G1A PHÍA GỜ LAN CAN

		THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	**ĐIỂN HÌNH DẦM SUPER T 38.2 KHÔNG CẤT KHẮC KÍCH THƯỚC CHUNG DẦM BIÊN**	
		KIỂM TRA					
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				**TỶ LỆ BẢN VẼ:**	**BẢN VẼ SỐ:**
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY			NGUYỄN HỮU DŨNG	**LẦN XUẤT BẢN:** 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00	**MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

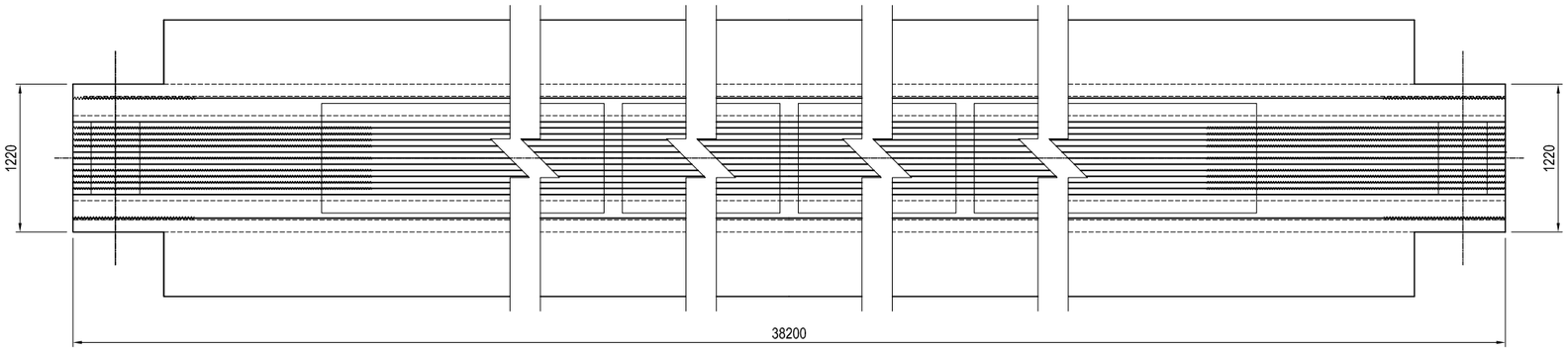
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\3. SUP\DAM SPT 38.2 K CAT KHAC\02. KTC-CAUCAP.DWG, 5/28/2026 5:57:45 PM

D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\3. SUP\DAM SPT 38.2 K CAT KHAC\02. KTC-CAUCAP.DWG May28, 2026-10:04 AM

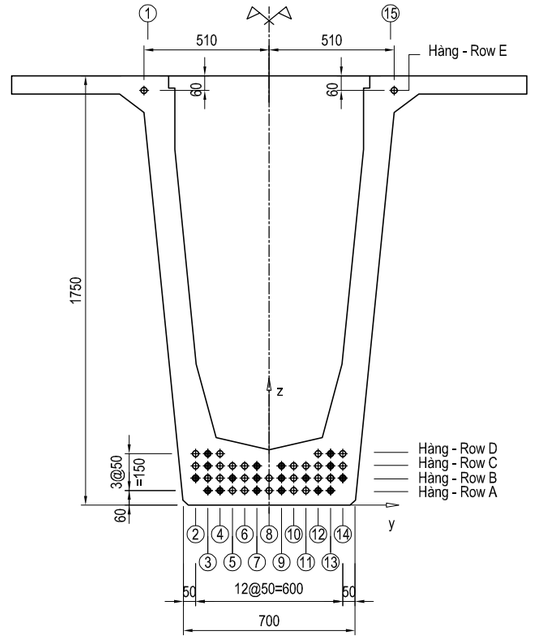
MẶT CHÍNH DẦM
(1:50)



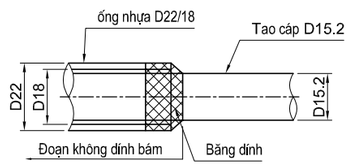
MẶT BẰNG DẦM
(1:50)



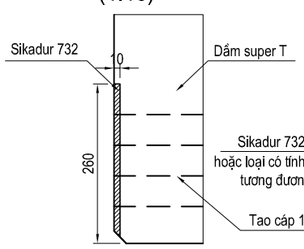
MẶT CẮT A-A
(1:25)



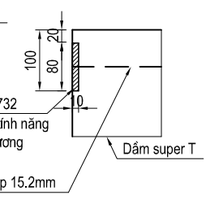
CHI TIẾT ĐOẠN CÁP KHÔNG DÍNH BÁM
(1:20)



CHI TIẾT "A"
(1:10)



CHI TIẾT "B"
(1:10)



KHỐI LƯỢNG CÁP DƯL LOẠI 15.2MM CHO 1 DẦM SUPER T, L=38.2M

DẦM	VỊ TRÍ	CÁP DƯL LOẠI 15.2MM: SỐ LƯỢNG CÁP (TAO - STRAND)	KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1 TAO CÁP: CHIỀU DÀI 1 CÁP TRONG DẦM (M)	KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1 TAO CÁP: CHIỀU DÀI CÁP TỰ DO TẠI 2 ĐẦU (M)	KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1 DẦM: TỔNG CHIỀU DÀI CÁP TRONG DẦM (M)	KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1 DẦM: TỔNG CHIỀU DÀI CÁP TỰ DO TẠI 2 ĐẦU (M)	TỔNG CHIỀU DÀI ỐNG BỌC CÁP PVC D18/22 (M)	VỮA SIKADUR 732 (M3)
SUPER T (L=38.2M)	CÁNH DẦM	2	38.2	3.00	76.40	6.00	4.00	0.00076
	BỤNG DẦM	42	38.2	3.00	1604.40	126.00	236.00	0.00377
	TỔNG CỘNG				1680.80	132.00	240.00	0.0040

BẢNG CHIỀU DÀI CÁP KHÔNG DÍNH BÁM

CỘT SỐ	CHIỀU DÀI KHÔNG DÍNH BÁM, L1 (MM)				
	HÀNG A	HÀNG B	HÀNG C	HÀNG D	HÀNG E
1					1000
2		0	3400	1700	
3	0	1700	0	0	
4	0	6000	3400	3400	
5	6000	0	6000		
6	3400	8000	8000		
7	0	0	0		
8	8000	8000			
9	0	0	0		
10	3400	8000	8000		
11	6000	0	6000		
12	0	6000	3400	3400	
13	0	1700	0	0	
14		0	3400	1700	
15					1000
TỔNG SỐ TAO CÁP	11	13	12	6	2

GHI CHÚ:

1. Kích thước có đơn vị là mm;
2. Hệ thống dự ứng lực sử dụng phải được sự chấp nhận của tư vấn;
3. Cáp DUL sử dụng loại 1T 15.2, có độ tự chùng thấp theo tiêu chuẩn ASTM A416, grade 270;
4. Lực căng trong mỗi tao cáp trước khi cắt cáp là 195 KN và trình tự cắt cáp phải làm đối xứng qua tim dầm, bắt đầu từ cáp trong ra cáp ngoài;
5. Các tao cáp phải được cắt thẳng với đầu dầm. vữa sikadur 732 hoặc vật liệu tương đương phải được sử dụng để bịt kín các phần thép lộ ra nhằm chống lại sự ăn mòn.
6. Các tao cáp chỉ được cắt khi bê tông đạt cường độ nhỏ nhất là 90% của cường độ bê tông 28 ngày.
7. Nhà thầu phải đệ trình cách bố trí đoạn không dính bám cho tư vấn xem xét để được chấp thuận.
8. Khối lượng cáp được tính thêm mỗi đầu 3.0 m để căng keo, không tính cho dự toán.
9. Độ vồng sau khi cắt cáp là 41mm.

KÝ HIỆU :

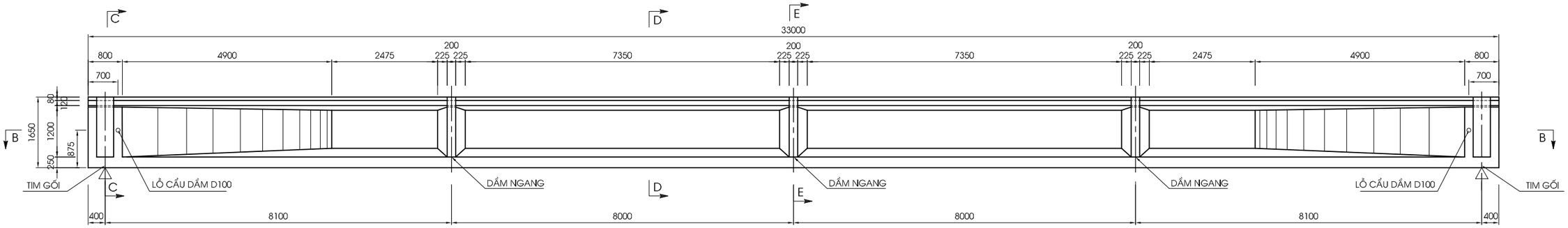
- Đoạn cáp không dính bám với bê tông
- Đoạn cáp dính bám với bê tông
- Tao cáp bố trí đoạn không dính bám ở hai đầu

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	ĐIỂN HÌNH DẦM SUPER T 38.2 KHÔNG CẮT KHẤC BỐ TRÍ CÁP DỰ ỨNG LỰC DẦM TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

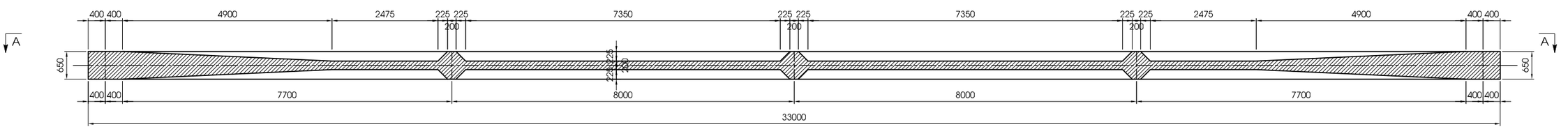
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUP\DAM SPT 38.2 K CAT KHAC\03.CAPDUL.DWG May14, 2026 - 1:54 PM

II.2.2. DẦM I33

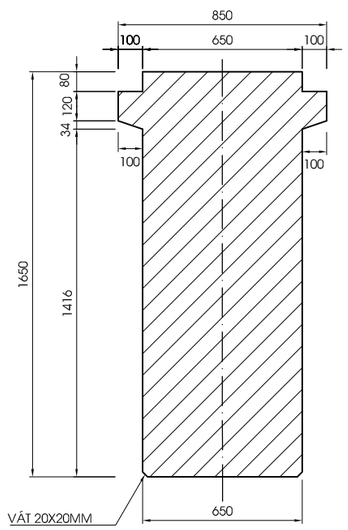
MẶT CẮT A-A
(1:100)



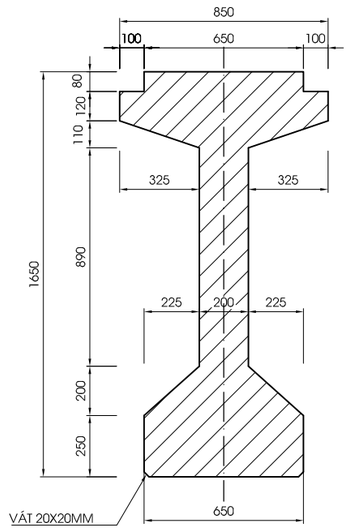
MẶT CẮT B-B
(1:100)



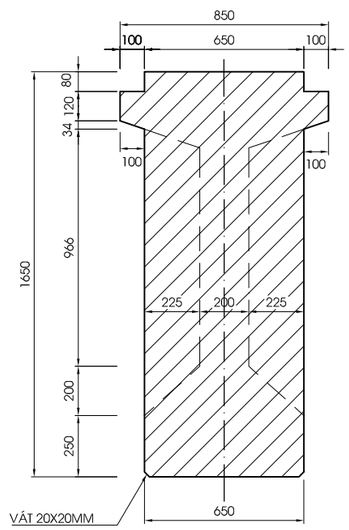
MẶT CẮT C-C
(1:25)



MẶT CẮT D-D
(1:25)



MẶT CẮT E-E
(1:25)



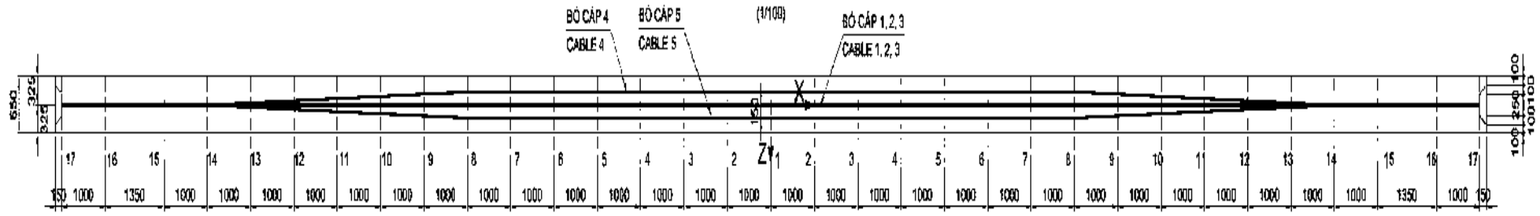
GHI CHÚ:

1. CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM .

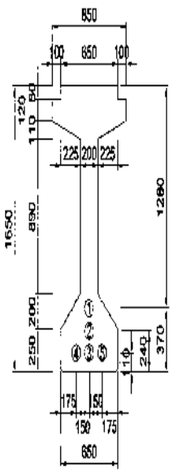
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG DẦM I33M	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY					

D:\1-CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUP\DAM I33\02.KICH THUOC CHUNG DAM.DWG May14, 2026-1:56 PM

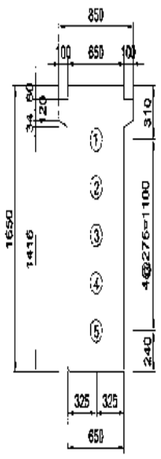
PLAN OF CABLE (1/100)



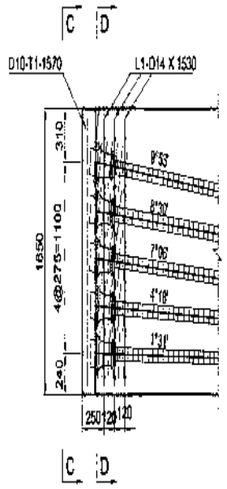
MẶT CẮT B - B (1:50)



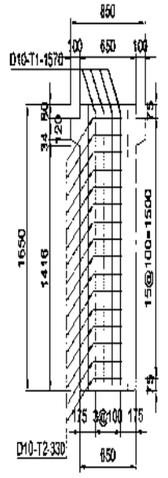
MẶT CẮT A - A (1:50)



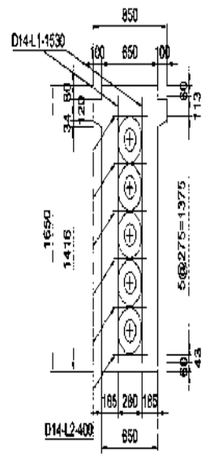
CHI TIẾT ĐẦU DẦM (1:50)



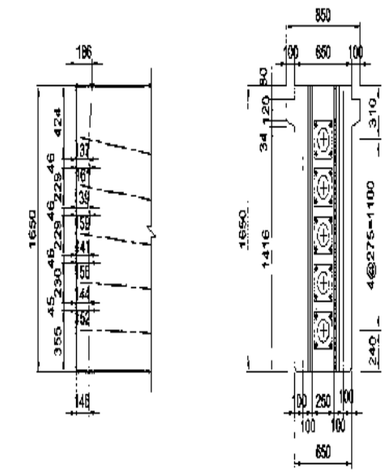
MẶT CẮT C - C (1:50)



MẶT CẮT D - D (1:50)



CHI TIẾT ĐẦU DẦM (KHÔNG THỂ HIỆN BÓ CÁP) (1:50)



TOẠ ĐỘ CÁP SO VỚI ĐÁY DẦM

MẶT CẮT		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
BÓ CÁP / TOẠ ĐỘ	X	0	1000	2000	3000	4000	5000	6000	7000	8000	9000	10000	11000	12000	13000	14000	15350	16350
B1	Y	370	374	385	403	428	461	501	548	602	664	733	809	893	983	1081	1225	1340
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B2	Y	240	243	252	268	289	317	351	391	438	490	549	613	684	762	845	987	1065
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B3	Y	110	113	120	133	151	174	202	235	273	316	364	418	476	540	609	709	790
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B4	Y	110	112	116	124	134	148	165	184	207	233	262	293	328	366	407	467	515
	Z	-150	-150	-150	-150	-150	-150	-150	-150	-125	-100	-75	-50	-25	0	0	0	0
B5	Y	110	110	112	114	118	122	128	134	141	149	159	169	180	192	205	225	240
	Z	150	150	150	150	150	150	150	150	125	100	75	50	25	0	0	0	0

KHỐI LƯỢNG CÁP 1 DẦM

HẠNG MỤC / ITEM	BÓ CÁP SỐ / CABLE NO.	ĐỘ, PHÚT DEGREES MINUTES	CHIỀU DÀI CÁP LC LENGTH OF CABLE LC (MM)	Lc+2000 (MM)
CÁP DỰ Ứ/ CABLE 12T12.7 MM	B1	9°53'	32777	34777
	B2	8°30'	32755	34755
	B3	7°06'	32738	34738
	B4	4°18'	32713	34713
	B5	1°31'	32701	34701
	TỔNG CHIỀU DÀI TOTAL LENGTH (MM)			173684
	TỔNG KHỐI LƯỢNG/ TOTAL WEIGHT (KG)			1615.9
NEO CÁP/ ANCHORAGE 12T12.7 (CÁI)				10
ỐNG GHEN/ DUCT D65/72 (M)				173.7
VỮA LẤP LỒNG ỐNG GHEN/ MOTAR GROUTING 40MPA (M3)				0.58

GHI CHÚ

- QUY ĐỊNH CHUNG XEM BẢN VẼ: QUY ĐỊNH CHUNG
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- TRÌNH TỰ CĂNG KÉO : 1-> 2-> 3-> 4-> 5
- BÊ TÔNG DẦM F'C=40 MPA. CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG KHI CĂNG KÉO PHẢI ĐẠT TỐI THIỂU 90% CƯỜNG ĐỘ THIẾT KẾ
- THÉP CƯỜNG ĐỘ CAO LOẠI TAO 7 SỢI 12,7
  + GIỚI HẠN CHẢY FPY = 1670 MPA
  + GIỚI HẠN BỀN FPU = 1860 MPA
  + ĐƯỜNG KÍNH DANH ĐỊNH : 12,7MM
  + LỰC KÉO MỖI BÓ (12 TAO 12,7) : 1652 KN
- ỐNG GEN BẰNG THÉP VÀ MẠ TRÁNG KẼM
- NEO PHẢI ĐẶT VUÔNG GÓC VỚI TIM CÁP.
- VỮA XI MĂNG: F'C =40 MPA
- ĐỘ VỒNG KHI CĂNG KÉO THÉP DỰC 43 MM.

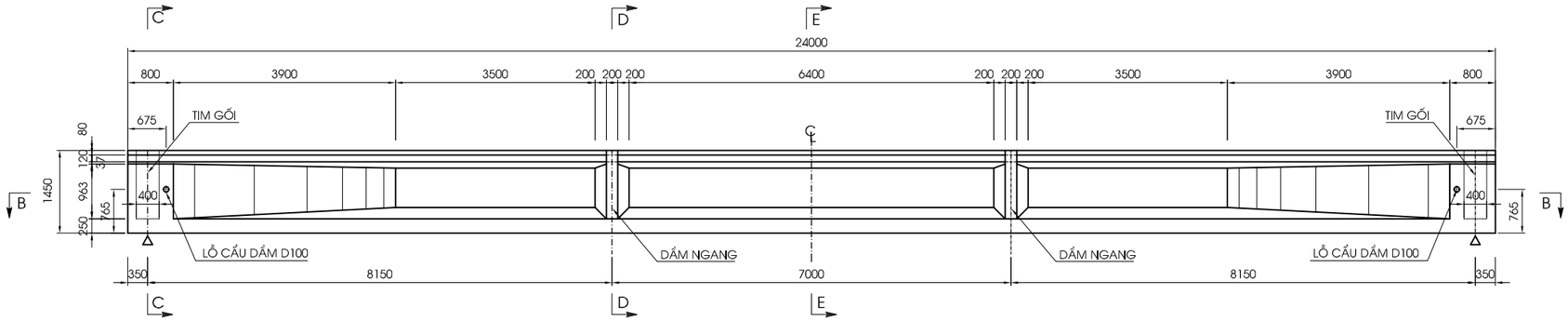
UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA BTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG	DỰ ÁN BTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	BỐ TRÍ CÁP DỰ ỨNG LỰC DẦM TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03. TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUPERDAM 133\03. CAP DUL 133.DWG May14, 2026 - 1:59 PM

II.2.3. DẦM I24

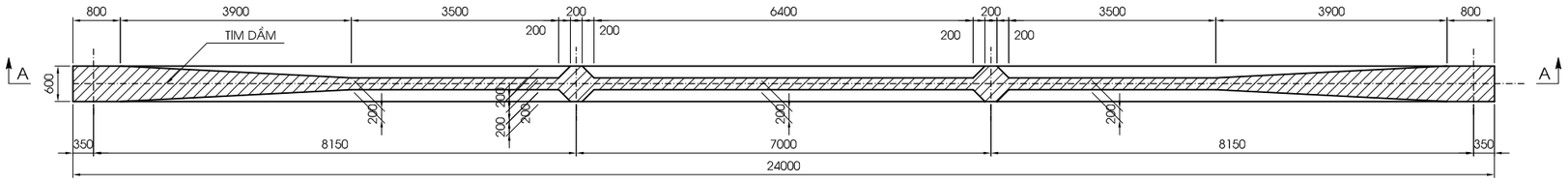
MẶT CẮT A-A

(1:100)



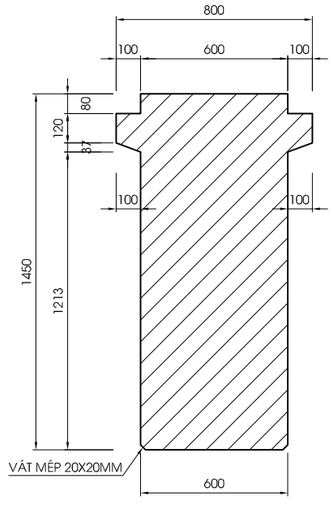
MẶT CẮT B-B

(1:100)



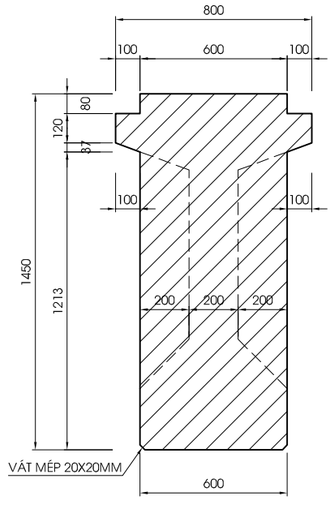
MẶT CẮT C-C

(1:25)



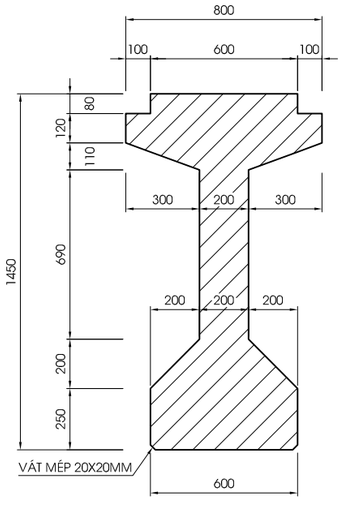
MẶT CẮT D-D

(1:25)



MẶT CẮT E-E

(1:25)



GHI CHÚ

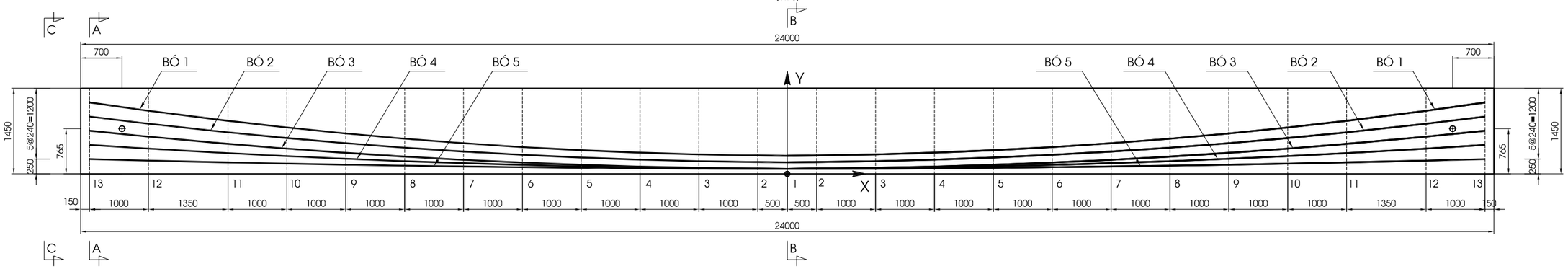
1. CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM.

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG DẦM I24 TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUP\DAM I24\02.KTC DAM.DWG May14, 2026 - 2:00 PM

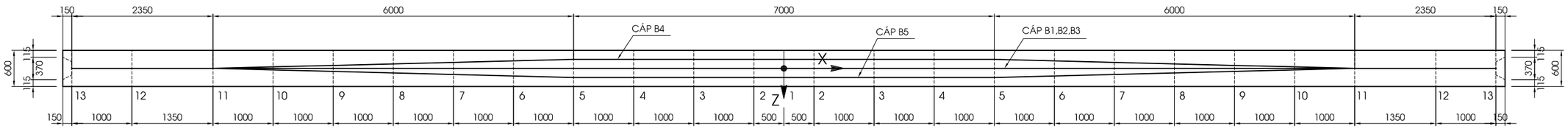
BỐ TRÍ CÁP DỰ ỨNG LỰC

(1:75)



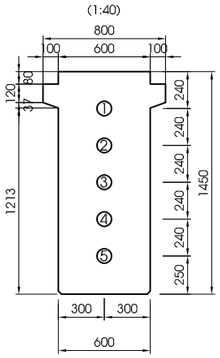
MẶT BẰNG

(1:75)



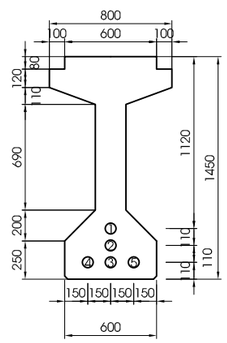
MẶT CẮT A - A

(1:40)



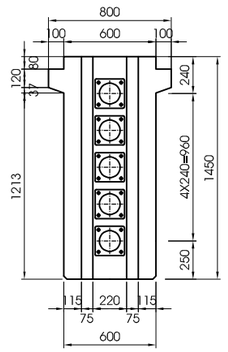
MẶT CẮT B - B

(1:40)



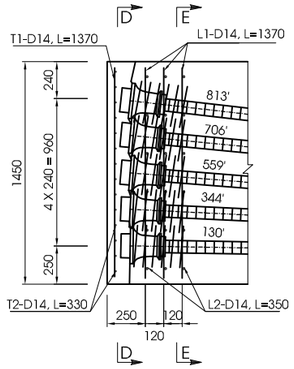
MẶT CẮT C - C

(1:40)



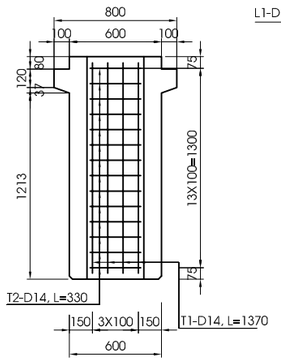
CHI TIẾT ĐẦU DẦM

(1:40)



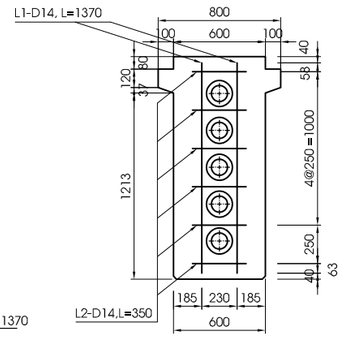
MẶT CẮT D - D

(1:40)



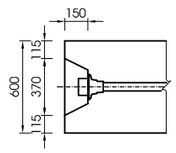
MẶT CẮT E - E

(1:40)



MẶT BẰNG ĐẦU DẦM

(1:40)



TỌA ĐỘ CÁP TÍNH ĐẾN ĐÁY DẦM

Section		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Cable/ Coordinate	X	0	500	1500	2500	3500	4500	5500	6500	7500	8500	9500	10850	11850
Cable 1	Y	330	332	344	369	407	457	520	595	683	783	896	1068	1210
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cable 2	Y	220	221	232	253	285	328	382	446	520	606	702	849	970
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cable 3	Y	110	111	120	138	164	199	244	297	358	429	508	630	730
	Z	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cable 4	Y	110	111	116	127	143	165	192	224	262	306	354	429	490
	Z	-150	-150	-150	-150	-150	-125	-100	-75	-50	-25	0	0	0
Cable 5	Y	110	110	112	116	122	130	140	152	166	182	200	227	250
	Z	150	150	150	150	150	125	100	75	50	25	0	0	0

KHỐI LƯỢNG 1 DẦM

KHỐI LƯỢNG CÁP 1 DẦM					
HẠNG MỤC	CÁP	0 (BÓ PHÚT)	CHIỀU DÀI LC I2000		ĐỘ GIÃN DÀI
			MM	MM	MM
CÁP 9T12.7MM	CÁP 1	8°13'	23787	25787	149
	CÁP 2	7°06'	23763	25763	150
	CÁP 3	5°59'	23743	25743	151
	CÁP 4	3°44'	23716	25716	153
	CÁP 5	1°30'	23702	25702	154
	TỔNG CHIỀU DÀI (MM)		118711	128711	(MM)
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG)		828.00	897.75	(KG)
NEO CÁP 9T12.7MM (BỘ)				10	(BỘ)
ỐNG GHEN D65/72 (M)				118.7	(M)
VỮA LẤP ỐNG GHEN C45 (M3)				0.378	(M3)

GHI CHÚ:

- TRÌNH TỰ CĂNG KÉO : 1-> 2-> 3-> 4-> 5
- BÊ TÔNG DẦM F'C=40 MPA. CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG KHI CĂNG KÉO PHẢI ĐẠT TỐI THIỂU 90% CƯỜNG ĐỘ THIẾT KẾ
- THÉP CƯỜNG ĐỘ CAO LOẠI TAO 7 SỢI 12,7
  - + GIỚI HẠN CHẢY FPY = 1670 MPA
  - + GIỚI HẠN BỀN FPU = 1860 MPA
  - + ĐƯỜNG KÍNH DANH ĐỊNH : 12,7MM
  - + ỨNG SUẤT KÉO (FPJ) TẠI THỜI ĐIỂM KÍCH BẰNG 70% CƯỜNG ĐỘ GIỚI HẠN (Fpu)
  - + LỰC KÉO MỖI BÓ (9 TAO 12.7MM): 1156.57KN.

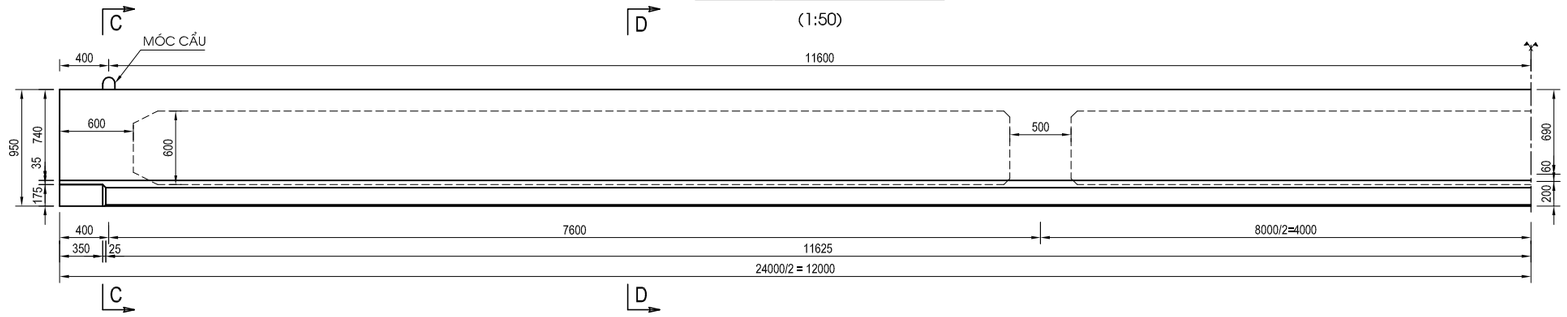
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	CÁP DỰ ỨNG LỰC DẦM I24 TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUP\DAM I24\03.CAP DUL.DWG May14, 2026 - 2:01 PM

II.2.4. DẦM BẢN 24M

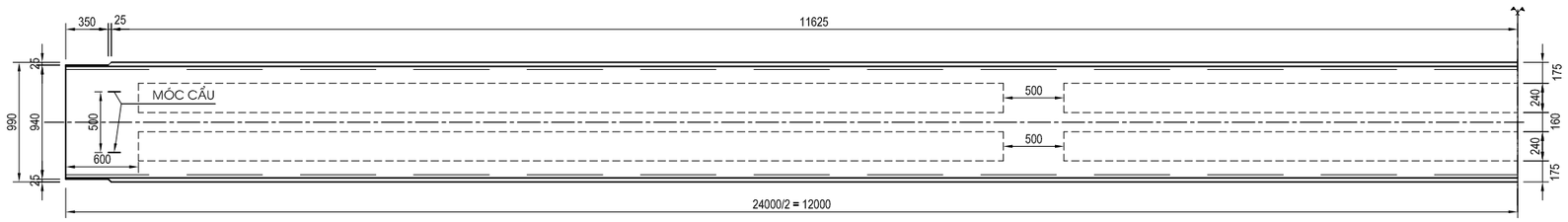
1/2 MẶT CHÍNH DẦM

(1:50)



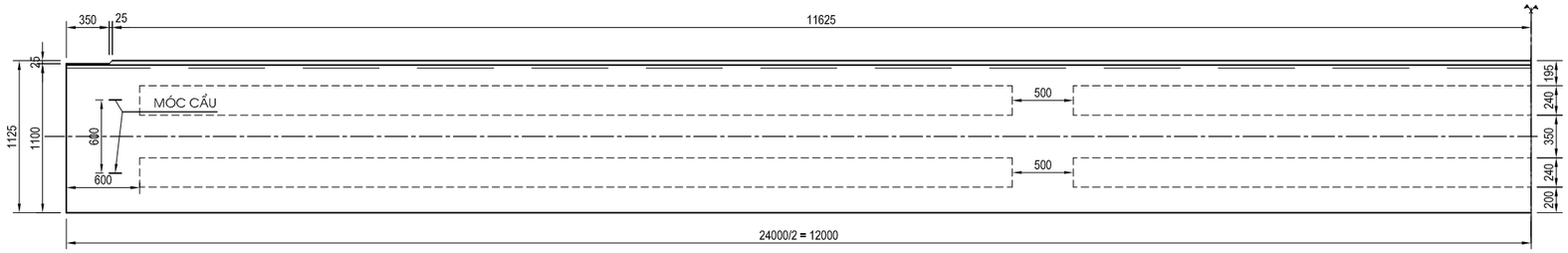
1/2 MẶT BẰNG DẦM GIỮA

(1:50)



1/2 MẶT BẰNG DẦM BIÊN

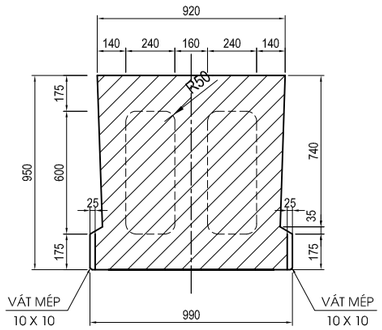
(1:50)



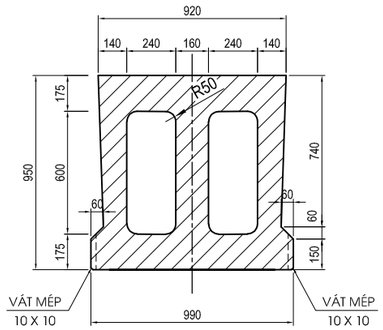
DẦM GIỮA

(1:30)

D - D



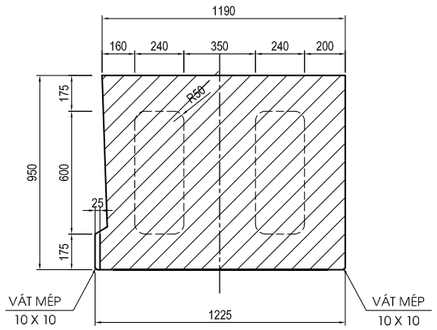
C - C



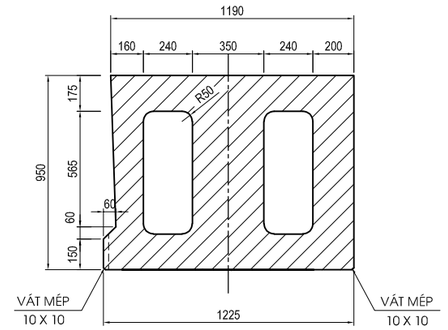
DẦM BIÊN

(1:30)

D - D



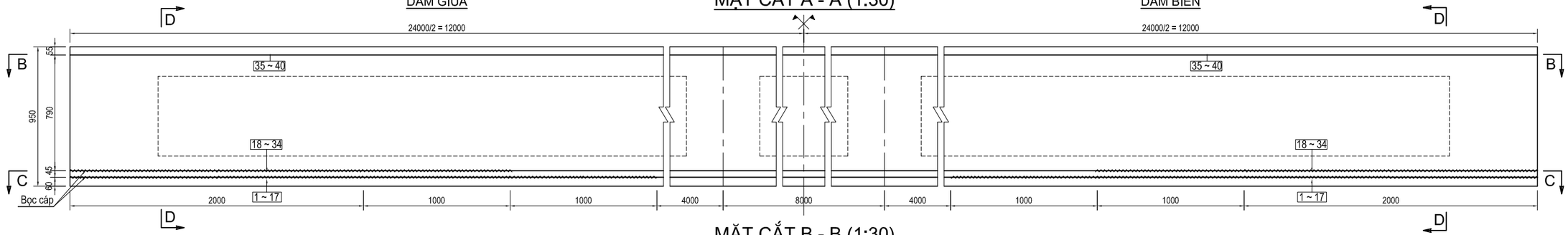
C - C



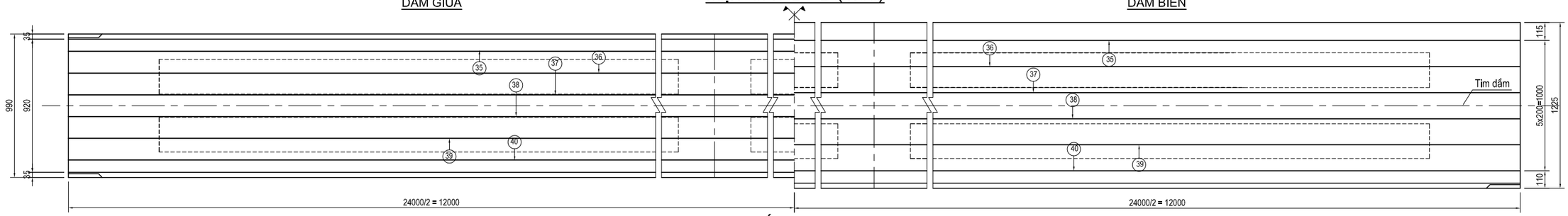
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG DẦM BẢN L=24M TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUPER\DAM BAN 24M\02.KTCDAMBANS24.DWG May15, 2026 - 12:00 PM

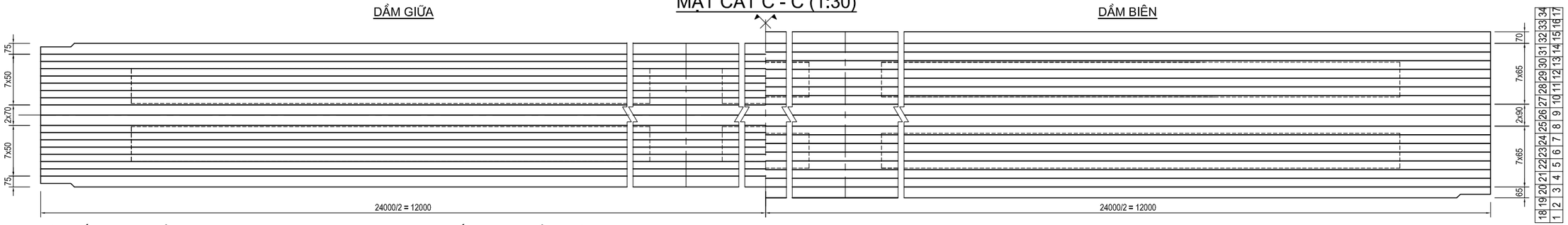
MẶT CẮT A - A (1:30)



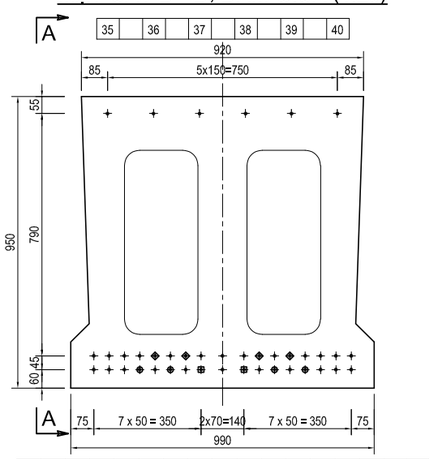
MẶT CẮT B - B (1:30)



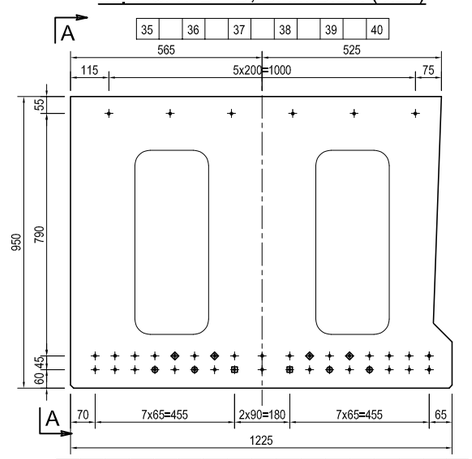
MẶT CẮT C - C (1:30)



MẶT CẮT D - D, DẦM GIỮA (1:20)



MẶT CẮT D - D, DẦM BIÊN (1:20)



CHIỀU DÀI KHÔNG DÍNH BÁM

Số hiệu cáp	Ký hiệu	Chiều dài không dính bám (tính cho 1 đầu) (mm)
1, 2, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 16, 17	✦	-
4, 6, 12, 14	◈	2000
8, 10	⊞	4000
18, 19, 20, 21, 23, 25, 26, 27, 29, 31, 32, 33, 34	✦	-
22, 24, 28, 30	◈	3000
35, 36, 37, 38, 39, 40	✦	-

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Ký hiệu	Loại cáp (mm)	Chiều dài (sau khi cắt cáp) (mm)	Chiều dài (Trên bệ đúc) (mm)	Số lượng (thanh)	K.L.Đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
✦	12.7	24000	29000	30	0.775	674.25
◈	12.7	24000	29000	4	0.775	89.90
◈	12.7	24000	29000	4	0.775	89.90
⊞	12.7	24000	29000	2	0.775	44.95
TỔNG CỘNG		TAO 12.70			(KG)	899.00
		ỐNG NHỰA D16/20MM			(M)	56.00
		KEO ÊPÔXI QUÉT ĐẦU DẦM 2 LỚP			(M2)	1.745

GHI CHÚ :

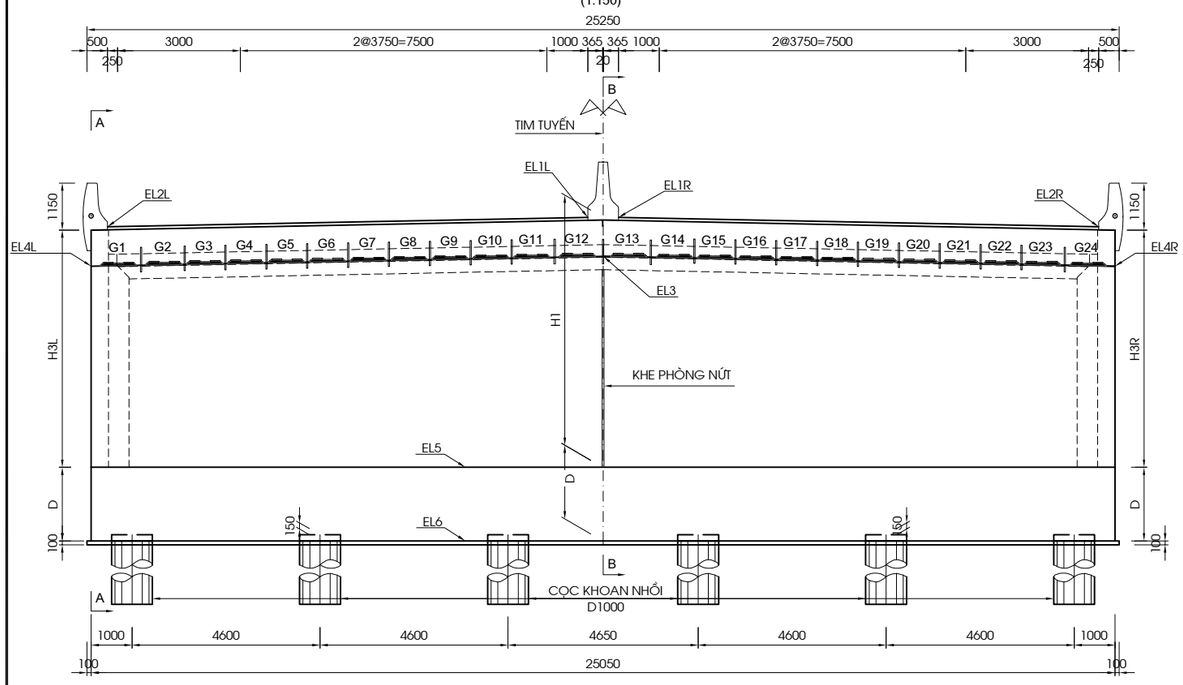
- LỰC CĂNG CÁP, P = 138 KN
- CÁC BÓ CÁP ĐƯỢC CẮT ĐỐI XỨNG QUA TIM DẦM TỪ TRONG RA, BẰNG VỚI MẶT PHẲNG ĐẦU DẦM. THÉP LỘ RA PHẢI ĐƯỢC TRÁM LẠI BẰNG KEO EPOXY ĐỂ CHỐNG XÂM THỰC.

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BỐ TRÍ CÁP DUL DẦM BẢN L=24M	TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

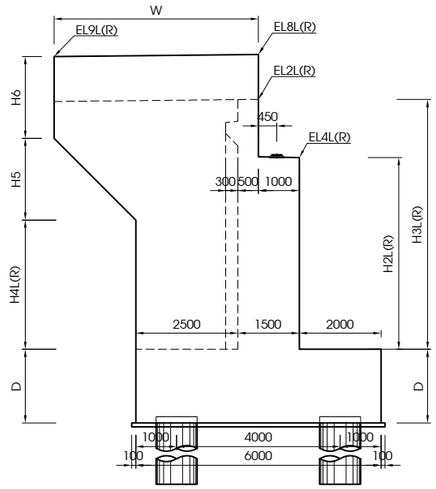
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\3. SUP\DAM BAN 24M\04.DULDAMBANS24.DWG May15, 2026 - 12:01 PM

II.3. CÁC BẢN VẼ KẾT CẤU PHẦN DƯỚI

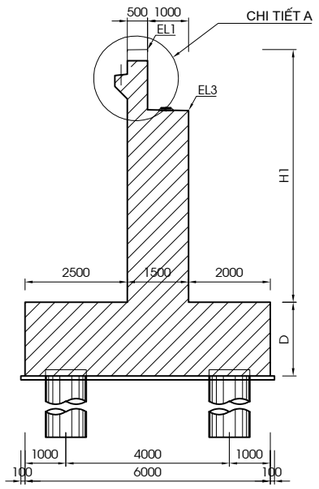
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



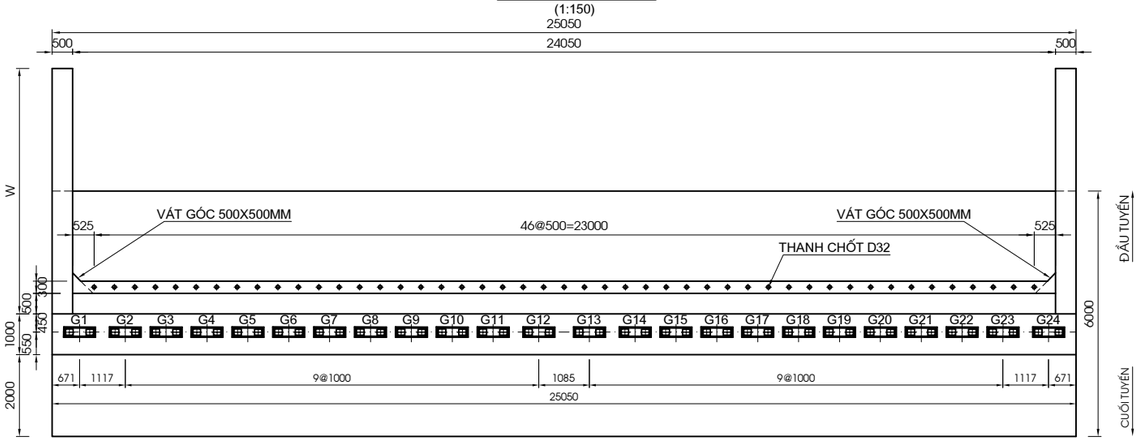
MẶT CẮT A-A
(1:150)



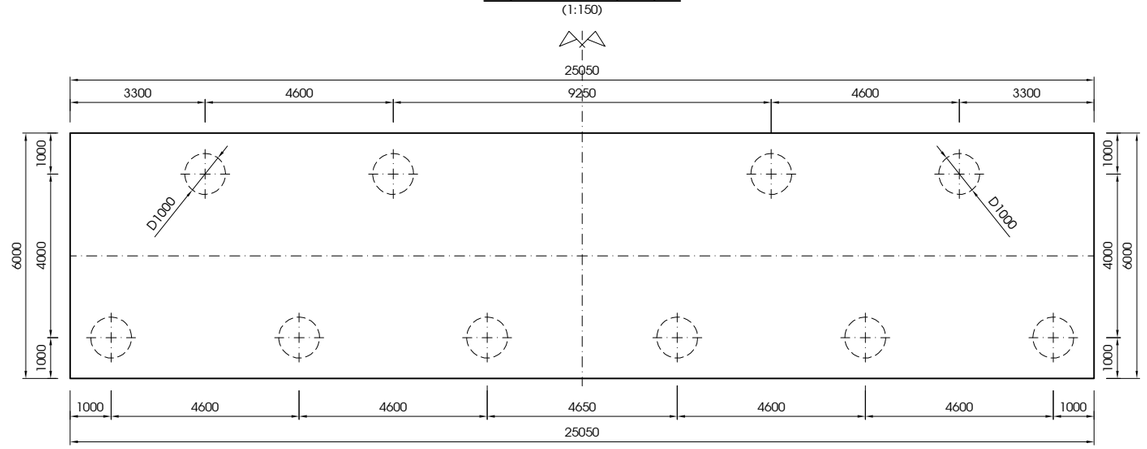
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



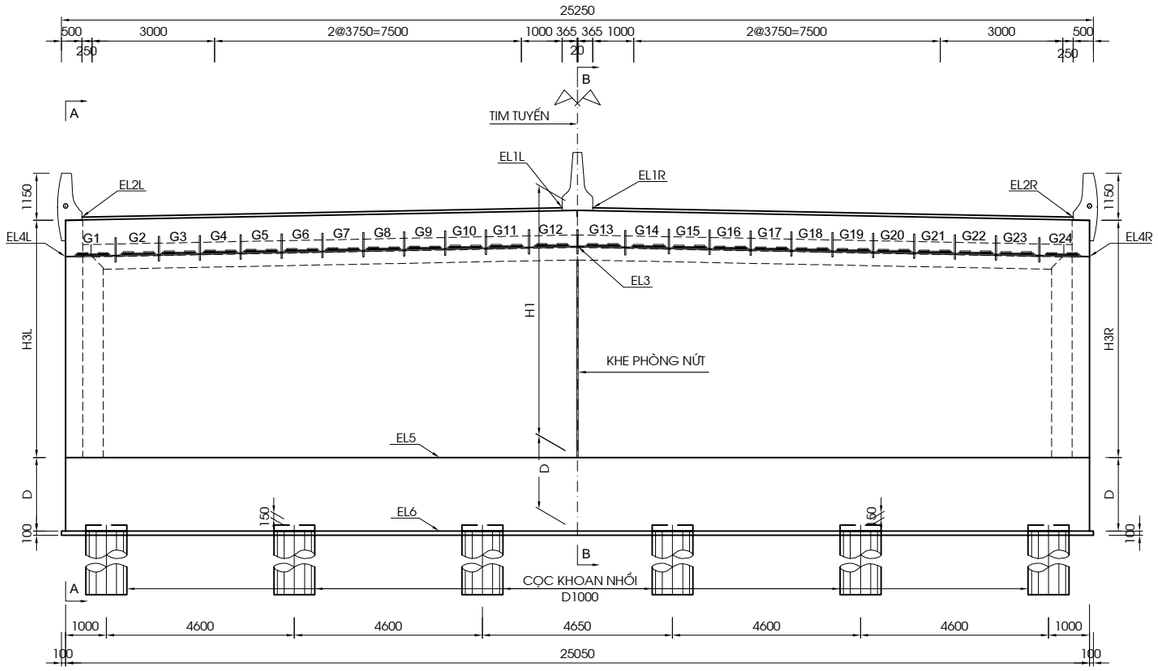
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



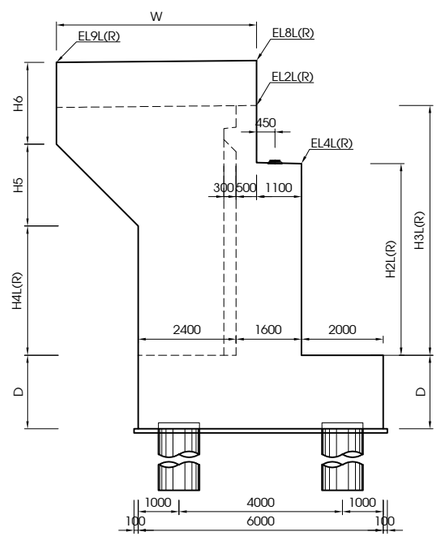
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ DẦM BẢN (H<=6M) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN:** 01 / **LẦN CHỈNH SỬA:** 00 / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026-2:42 PM

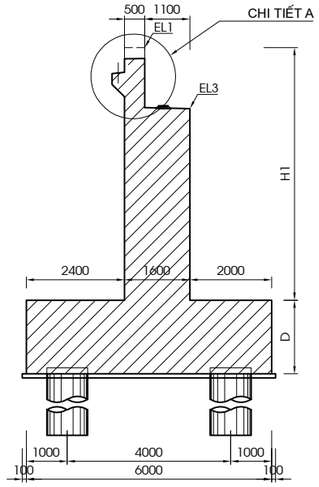
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



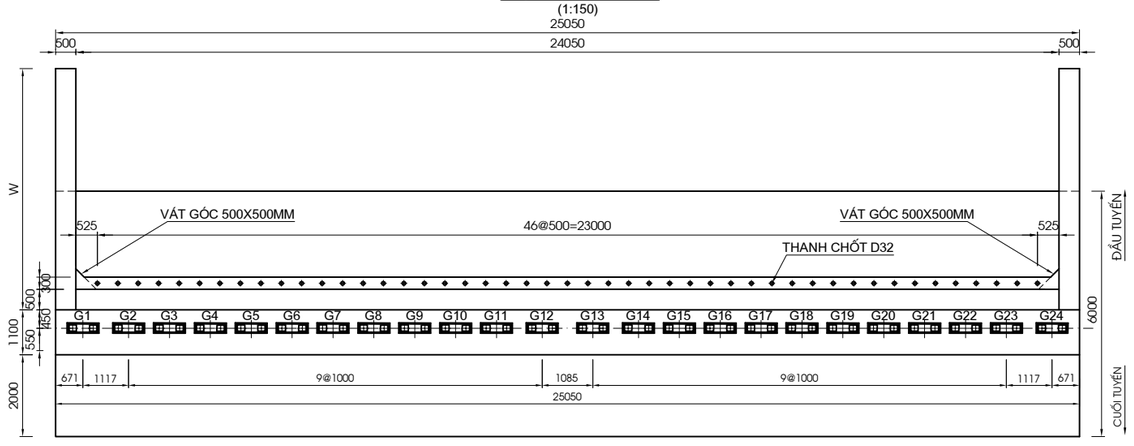
MẶT CẮT A-A
(1:150)



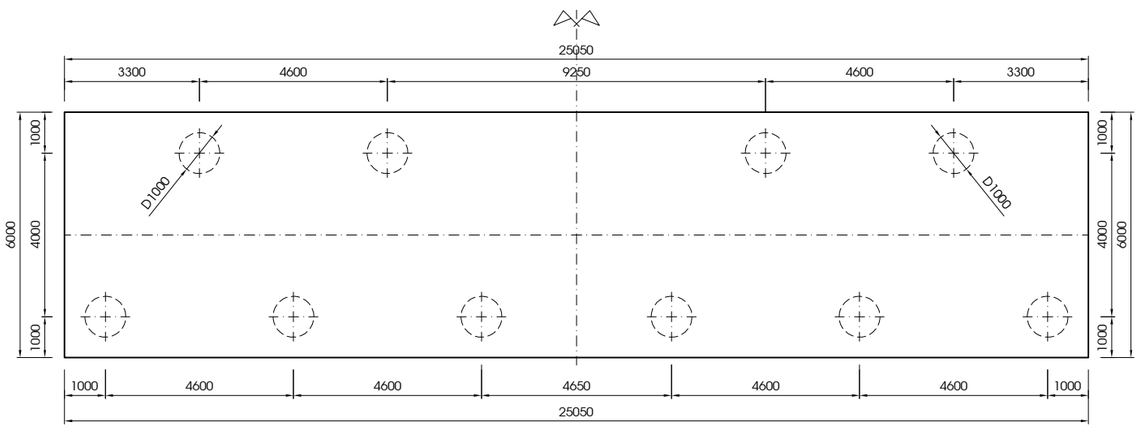
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



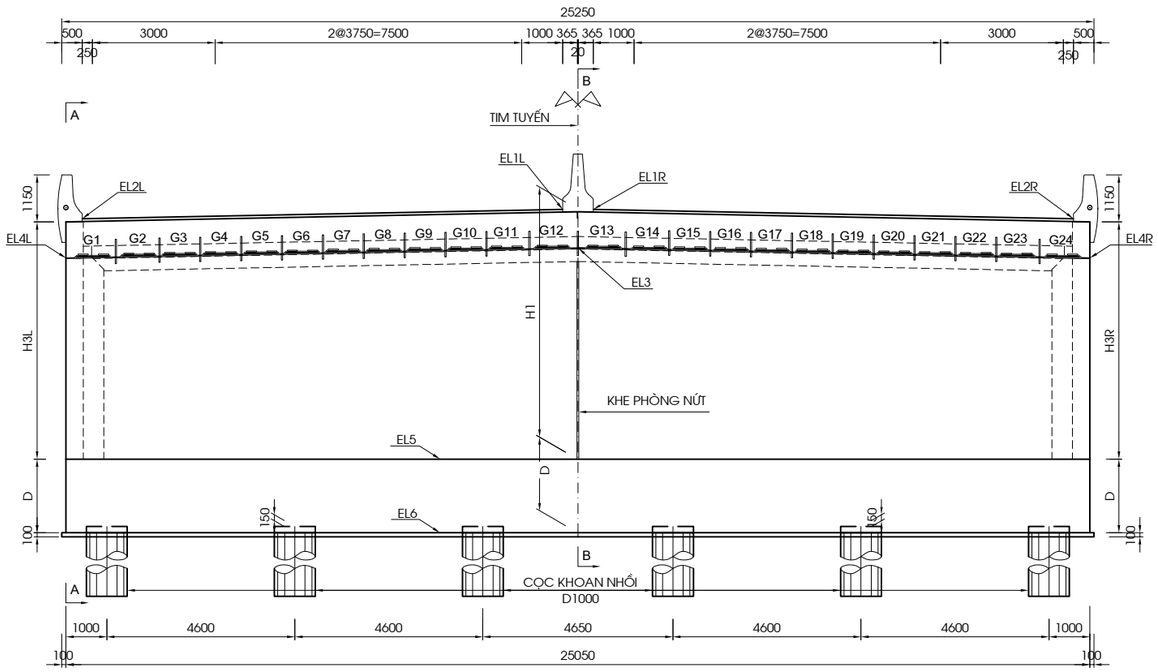
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



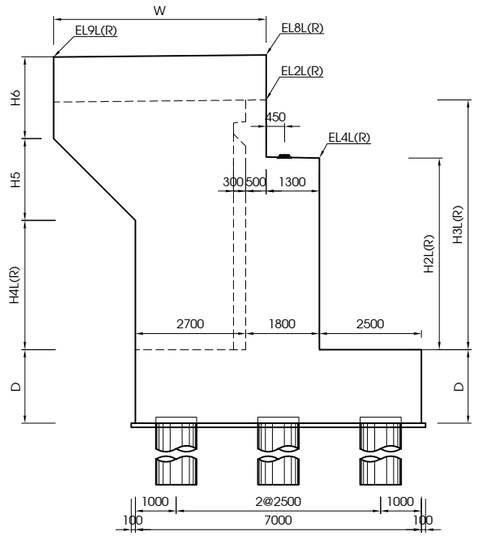
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU DẦM BẢN (6M<H<=8M)	**TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN:** 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00 **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026-2:42 PM

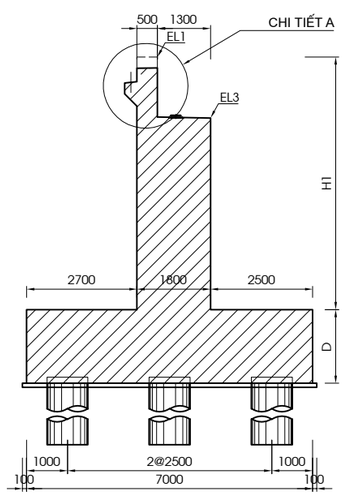
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



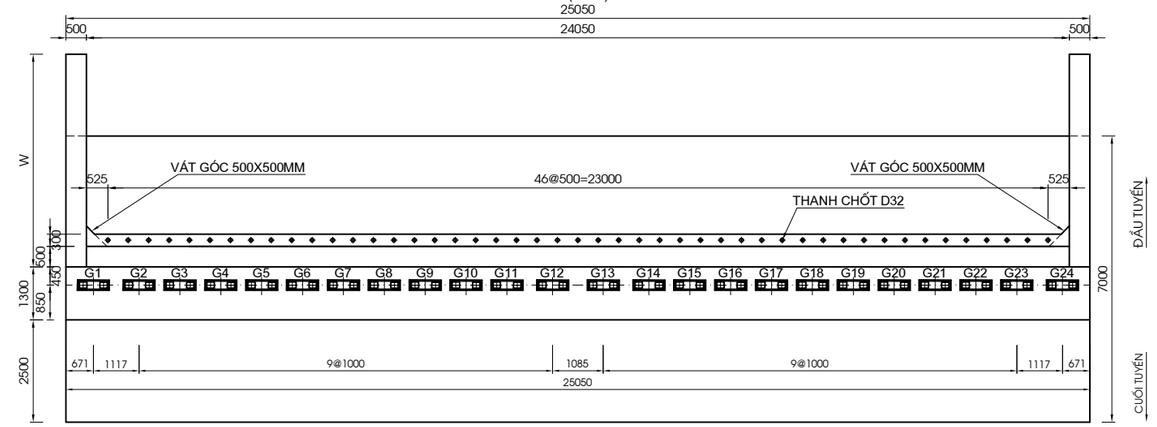
MẶT CẮT A-A
(1:150)



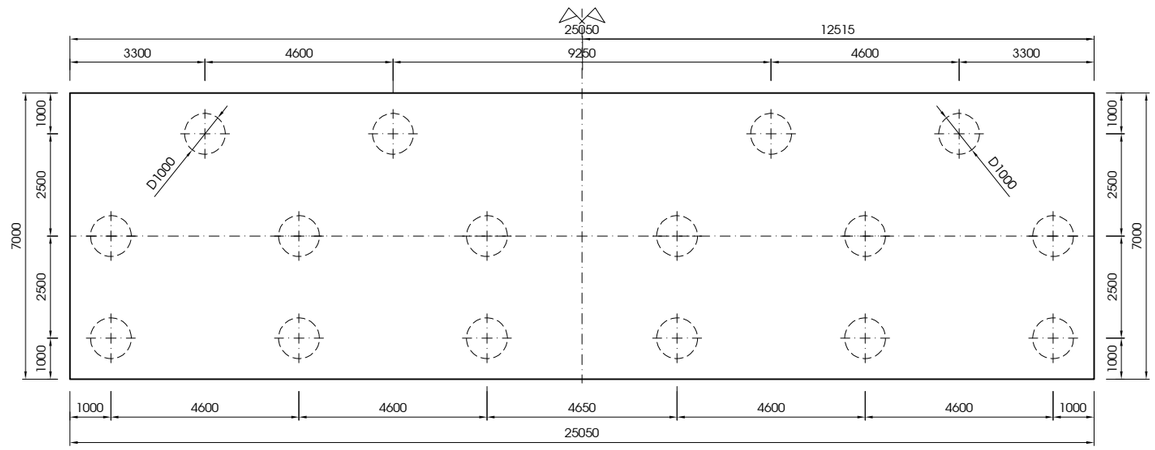
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



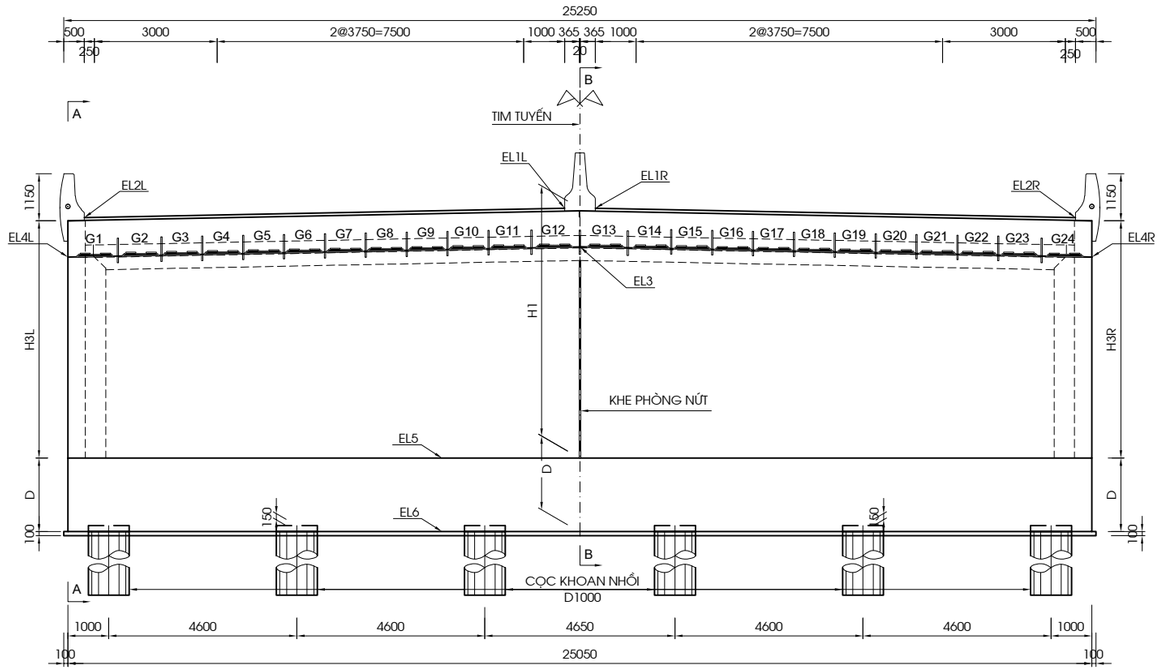
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



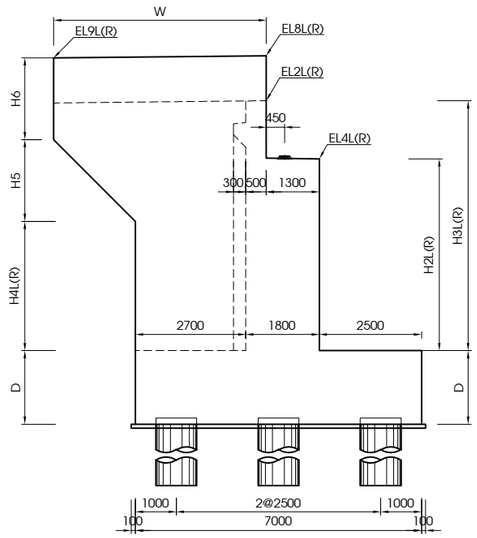
D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026 - 2:42 PM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU DẦM BẢN (8M<H<=10M) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

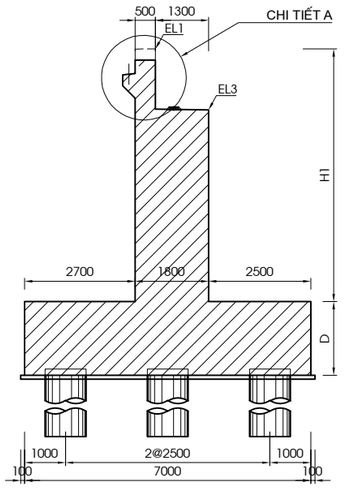
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



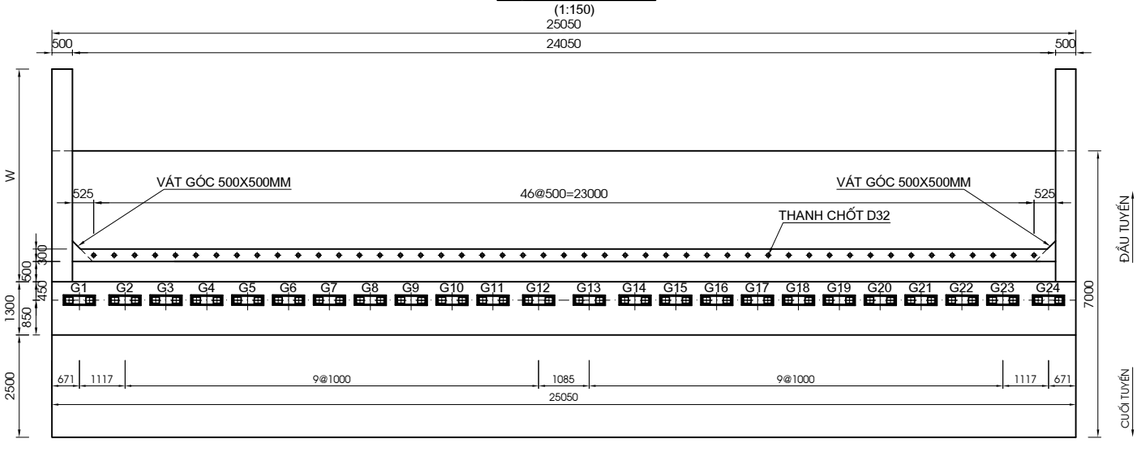
MẶT CẮT A-A
(1:150)



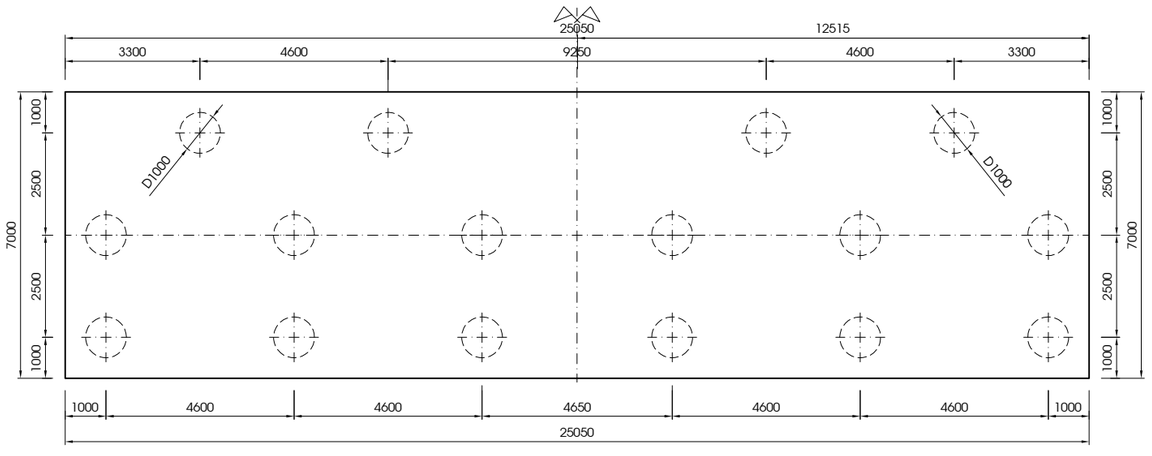
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



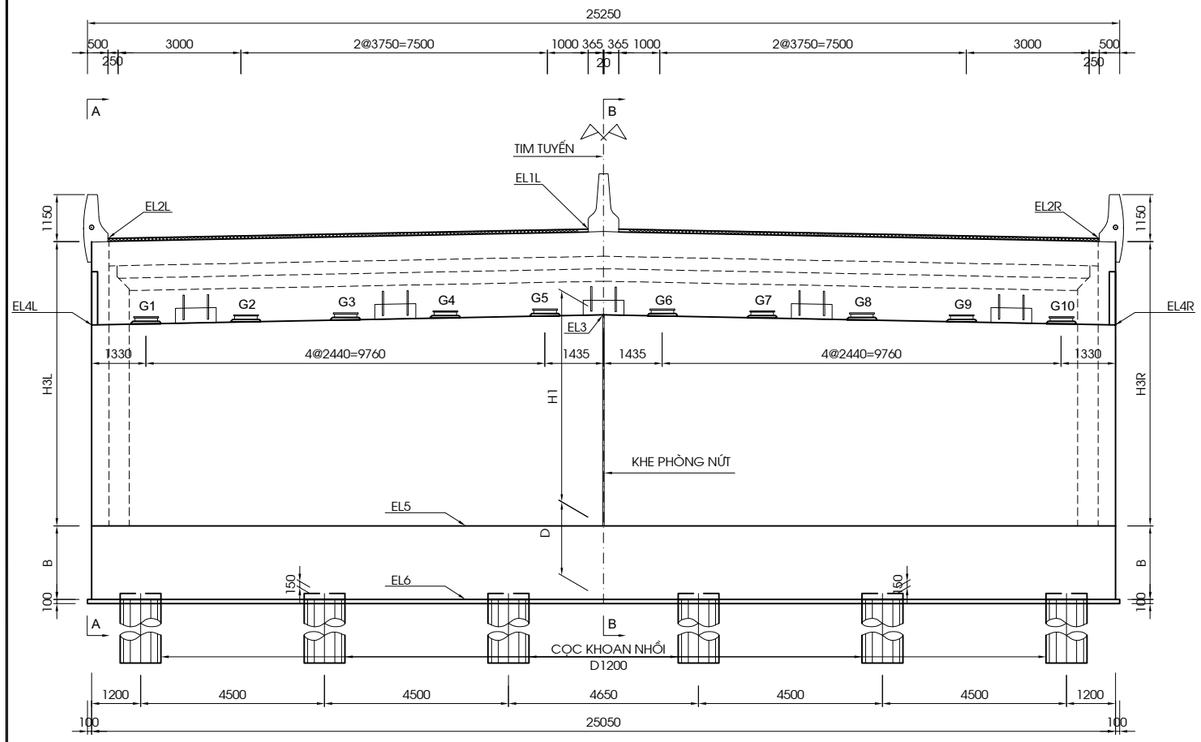
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



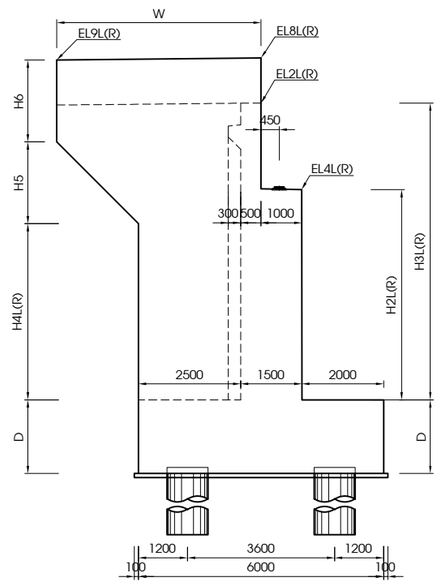
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU DẦM BẢN (10M<H<=12M)	**TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN:** 01 / **LẦN CHỈNH SỬA:** 00 / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\1.TAN QUANG-THANH THUỶ\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026 - 2:42 PM

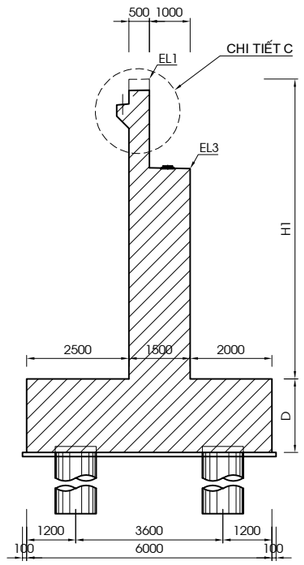
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



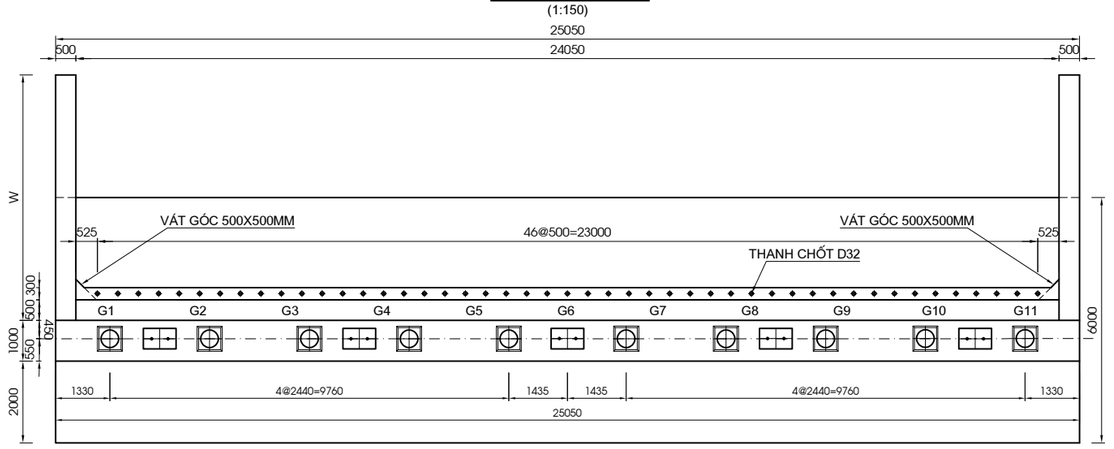
MẶT CẮT A-A
(1:150)



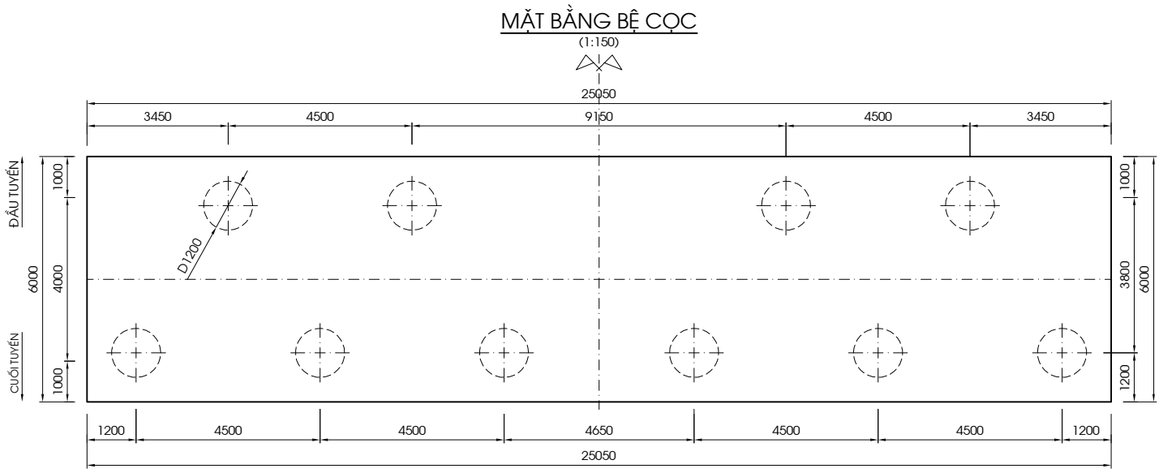
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



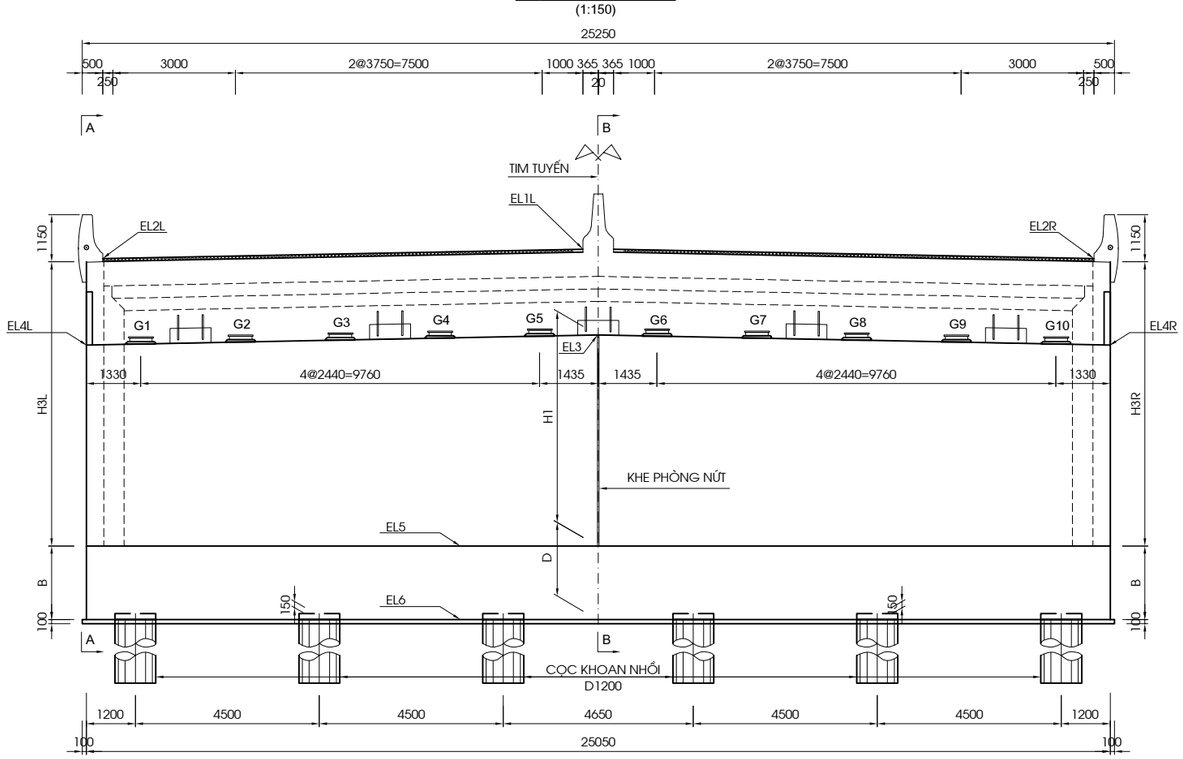
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



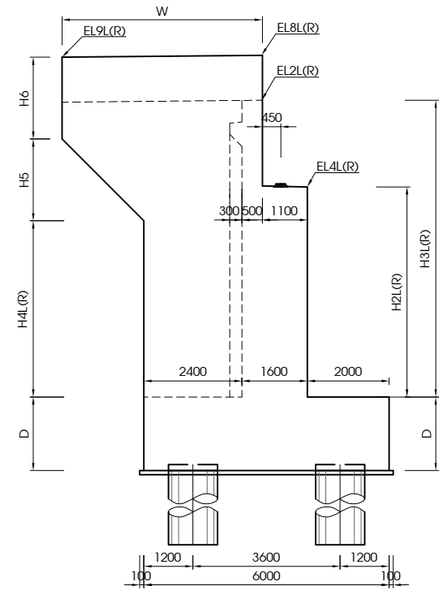
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ (H<=6M)	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	**BẢN VẼ SỐ:**	
LẦN XUẤT BẢN: 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00	**MÃ SỐ SẢN PHẨM:**	

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026-2:42 PM

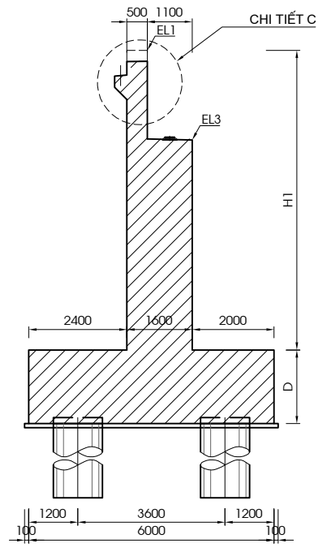
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



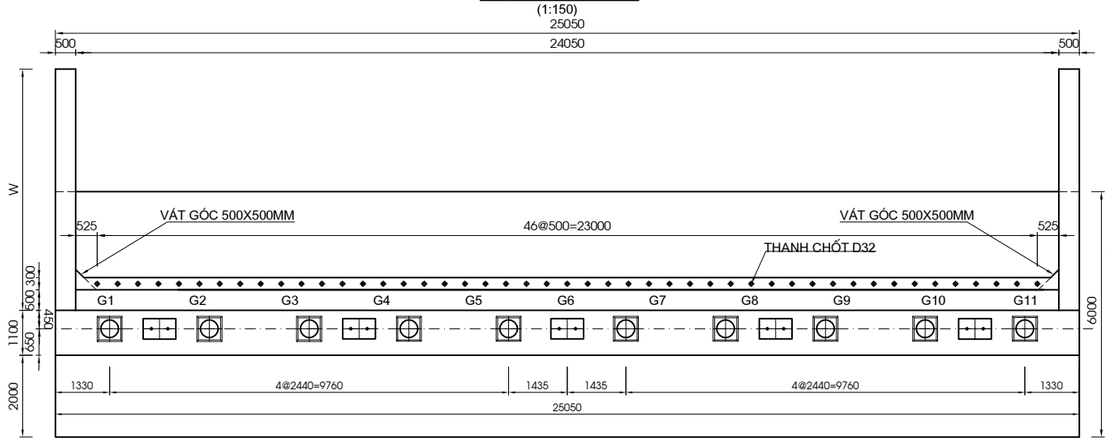
MẶT CẮT A-A
(1:150)



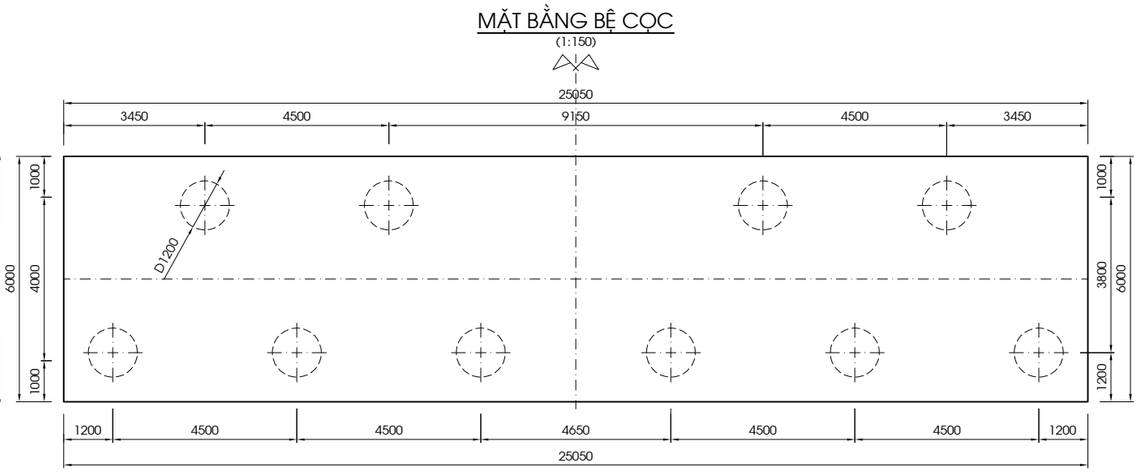
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



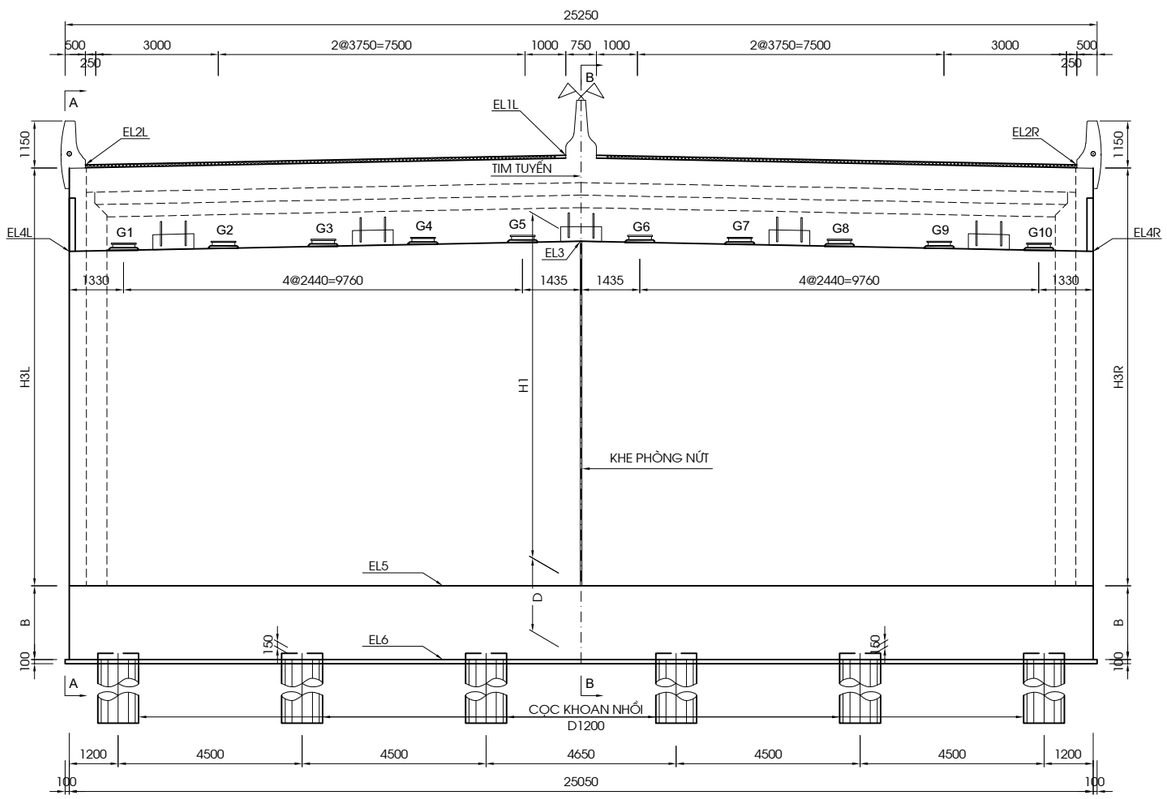
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



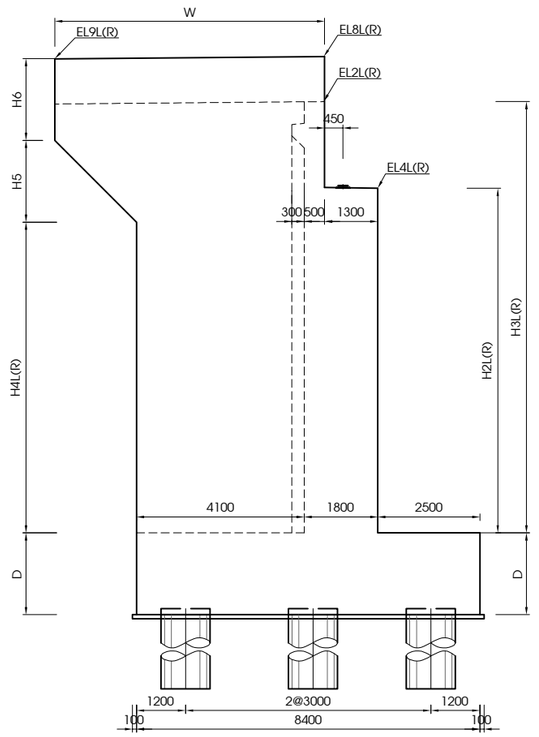
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU (6M<H<=8M) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG–THANH THUỶ\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026–2:42 PM

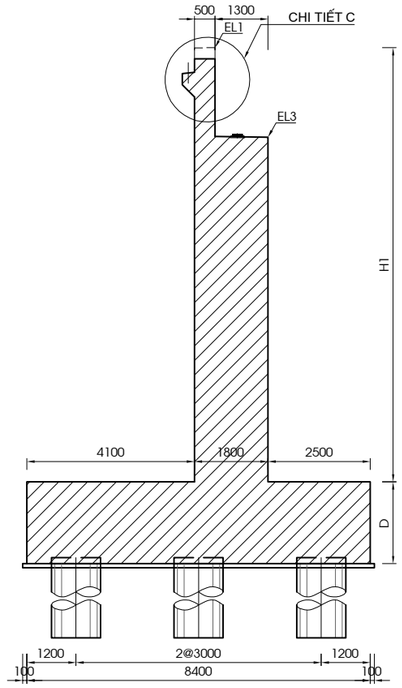
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



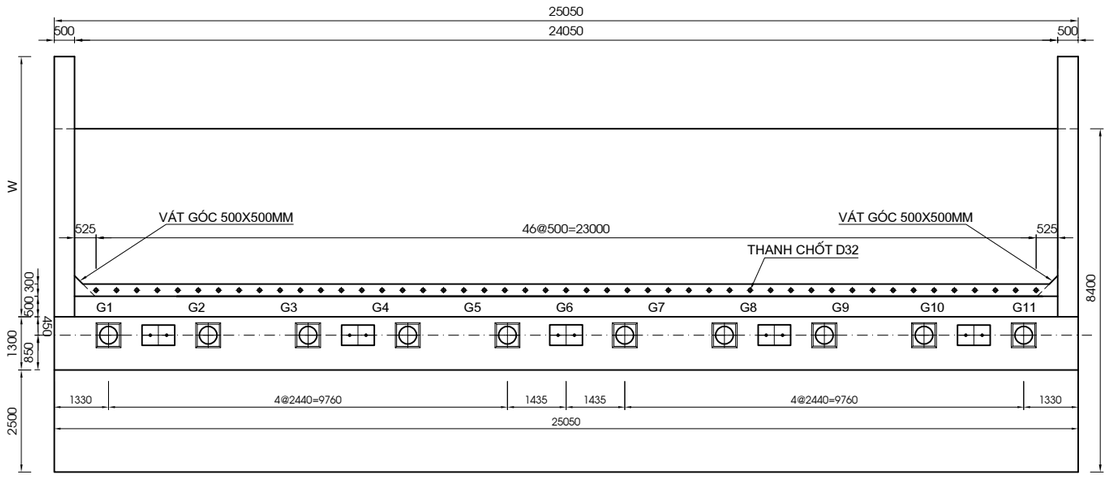
MẶT CẮT A-A
(1:150)



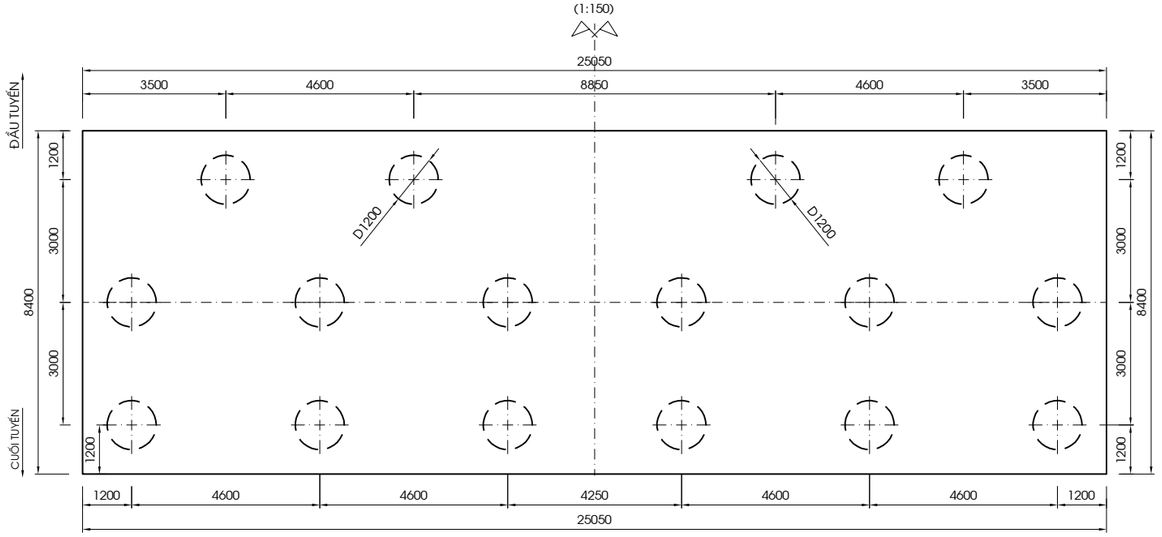
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



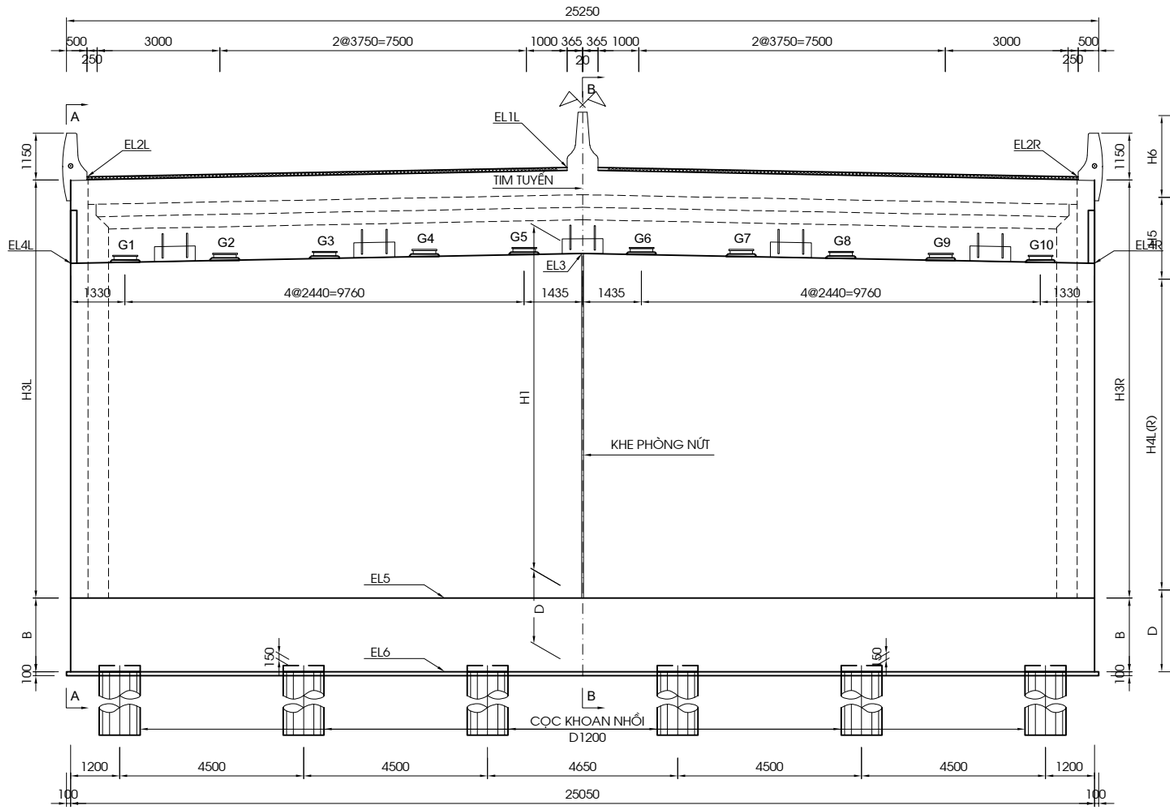
MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)



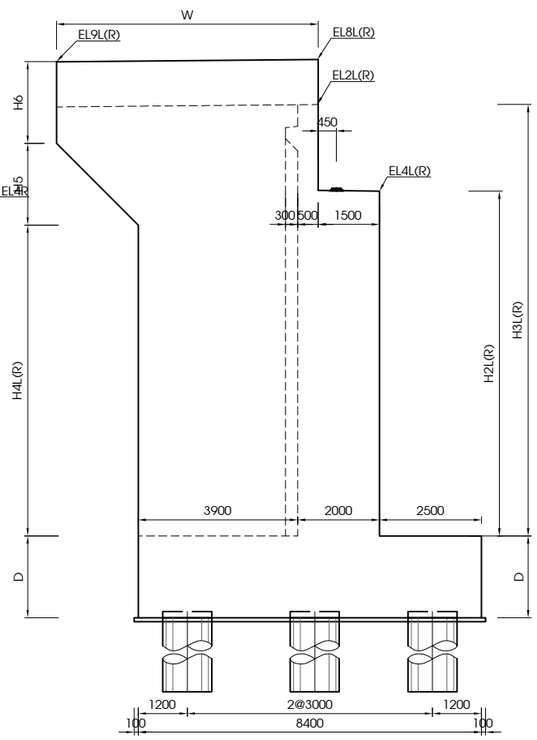
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU (8M<H<=10M)	**TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** / **LẦN CHỈNH SỬA: 00** / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026-2:42 PM

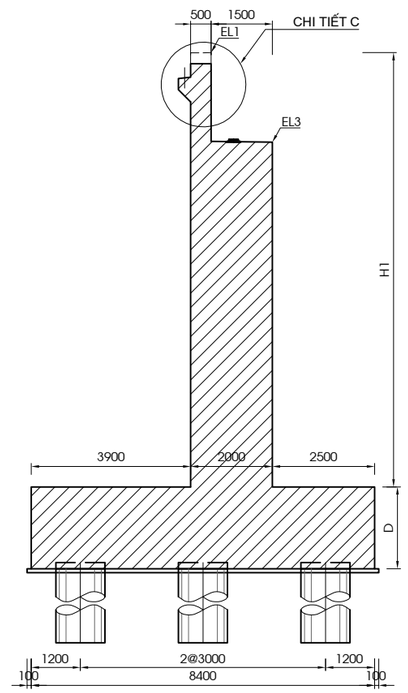
MẶT CHÍNH MỐ
(1:150)



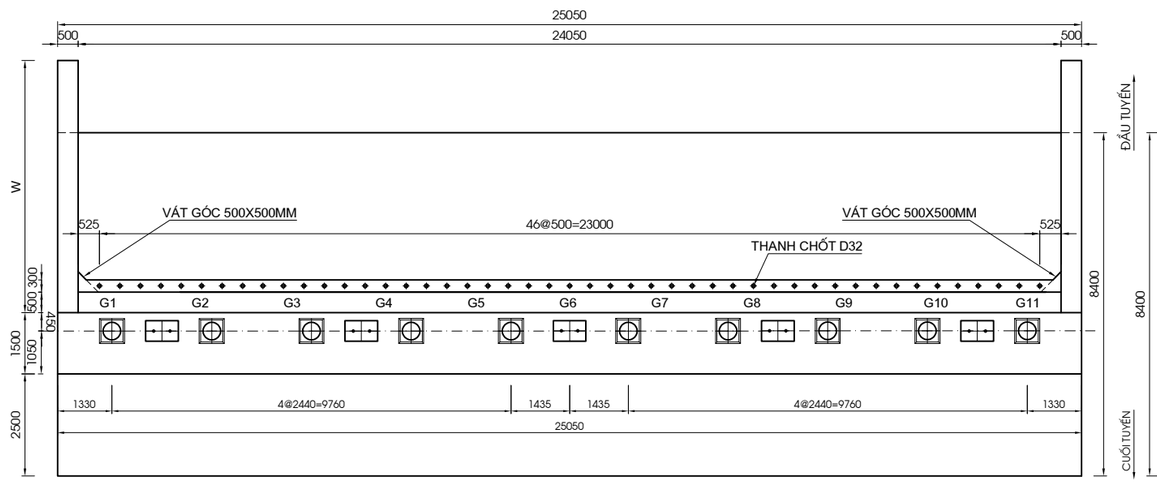
MẶT CẮT A-A
(1:150)



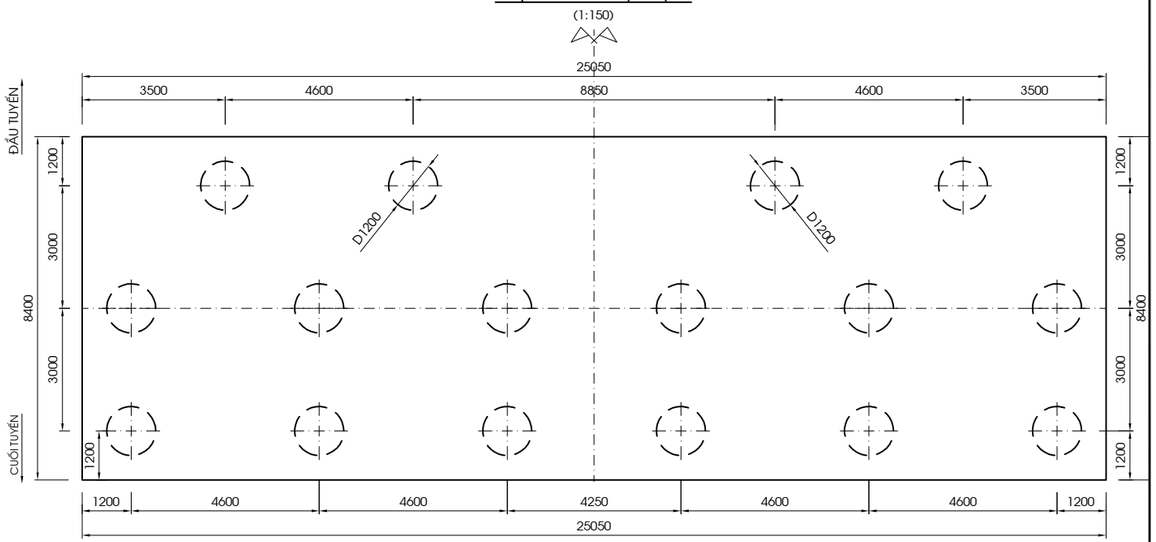
MẶT CẮT B-B
(1:150)



MẶT BẰNG MỐ
(1:150)



MẶT BẰNG BỆ CỌC
(1:150)

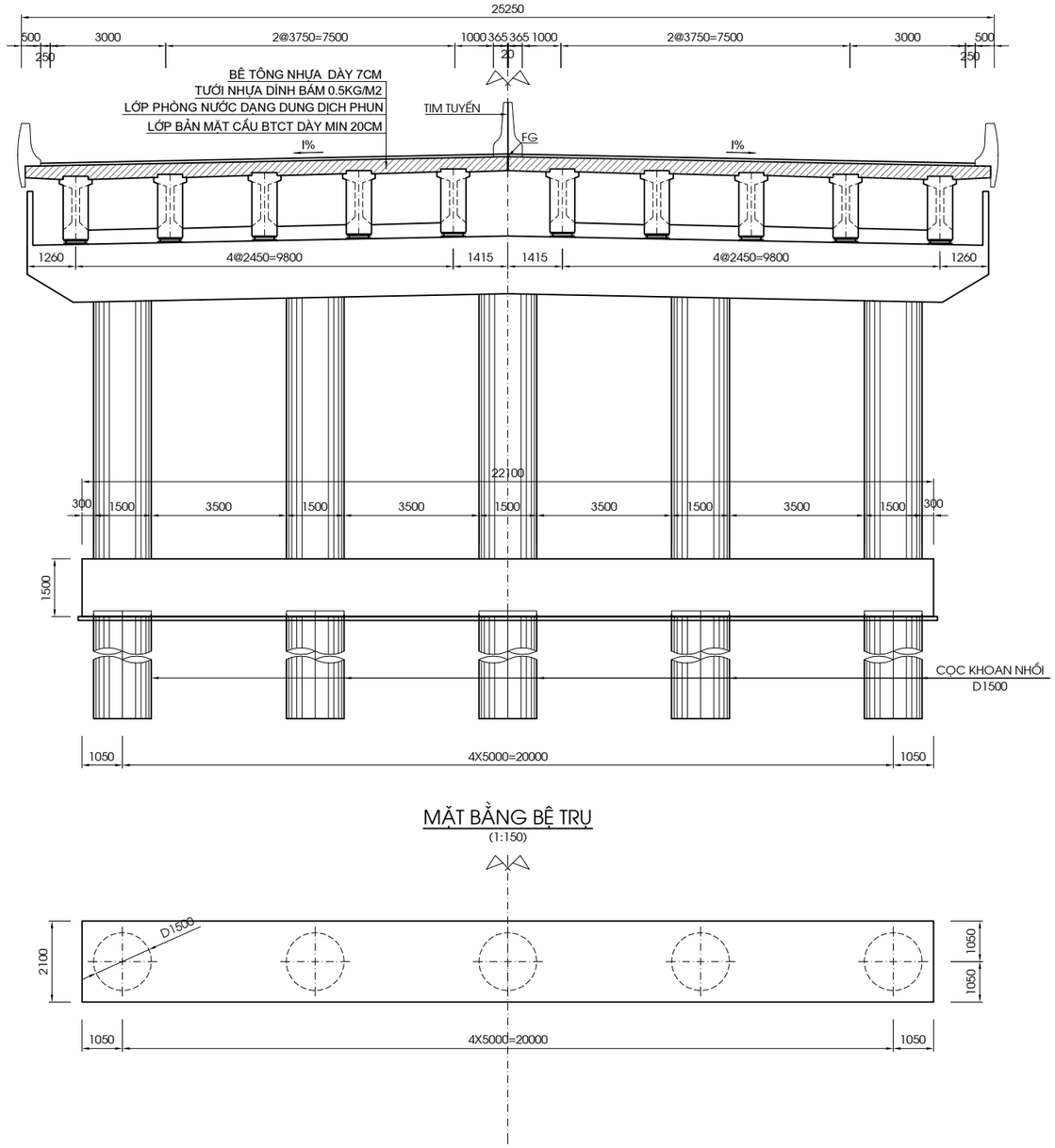


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG MỐ CẦU (10M<H<=12M) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** / **LẦN CHỈNH SỬA: 00** / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\01.MO.DWG May30, 2026 - 2:42 PM

MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (H <=7M)

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

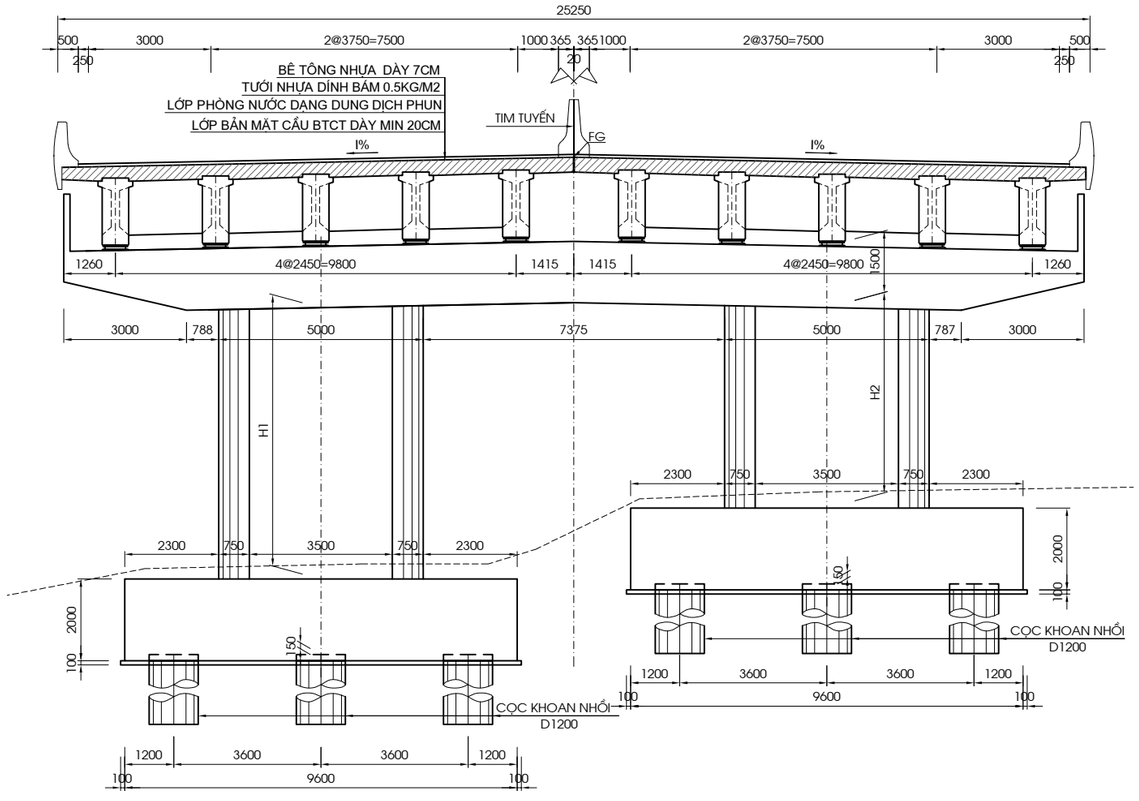
(1:150)

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ - DẦM I (1/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:35 AM

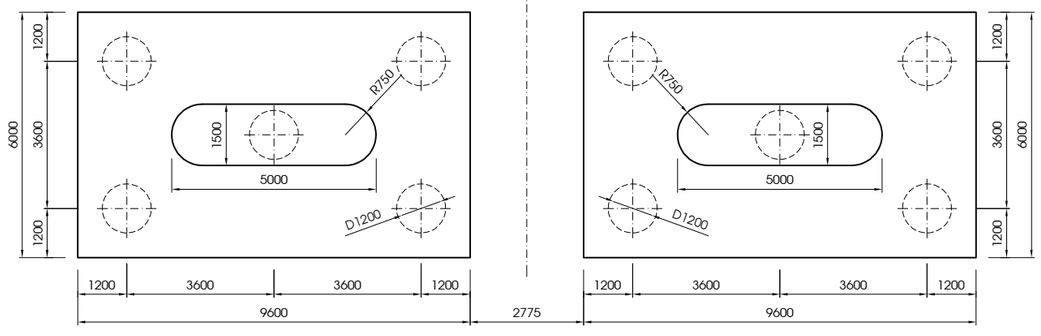
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)



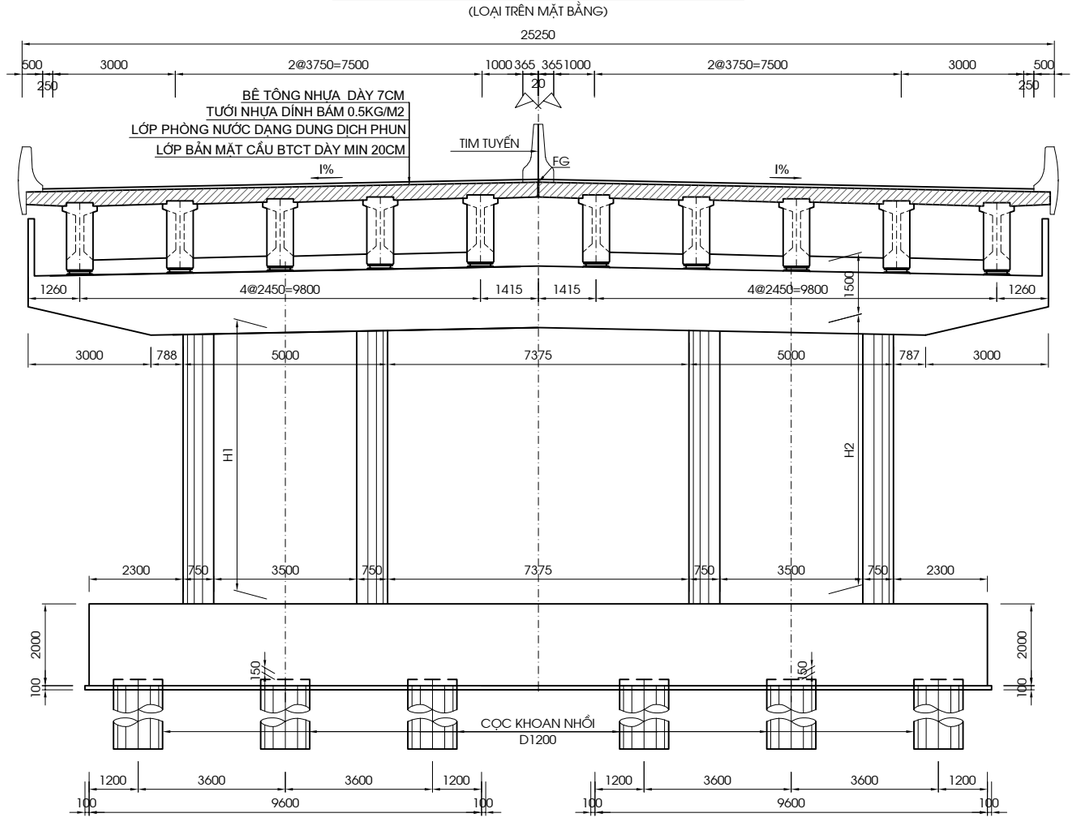
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



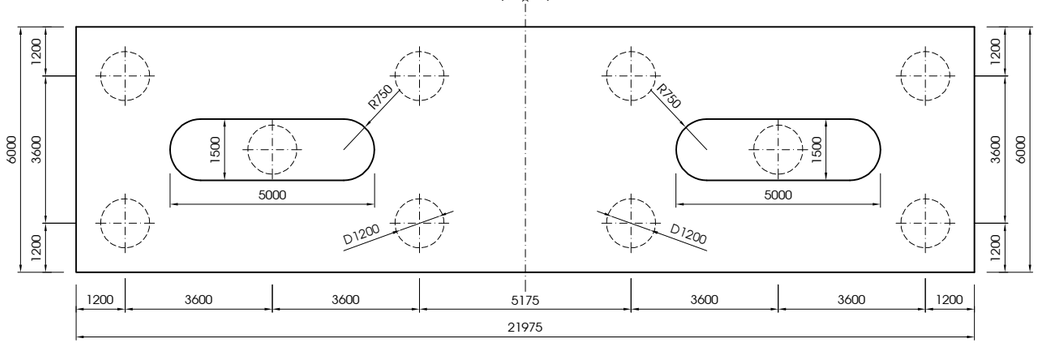
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)

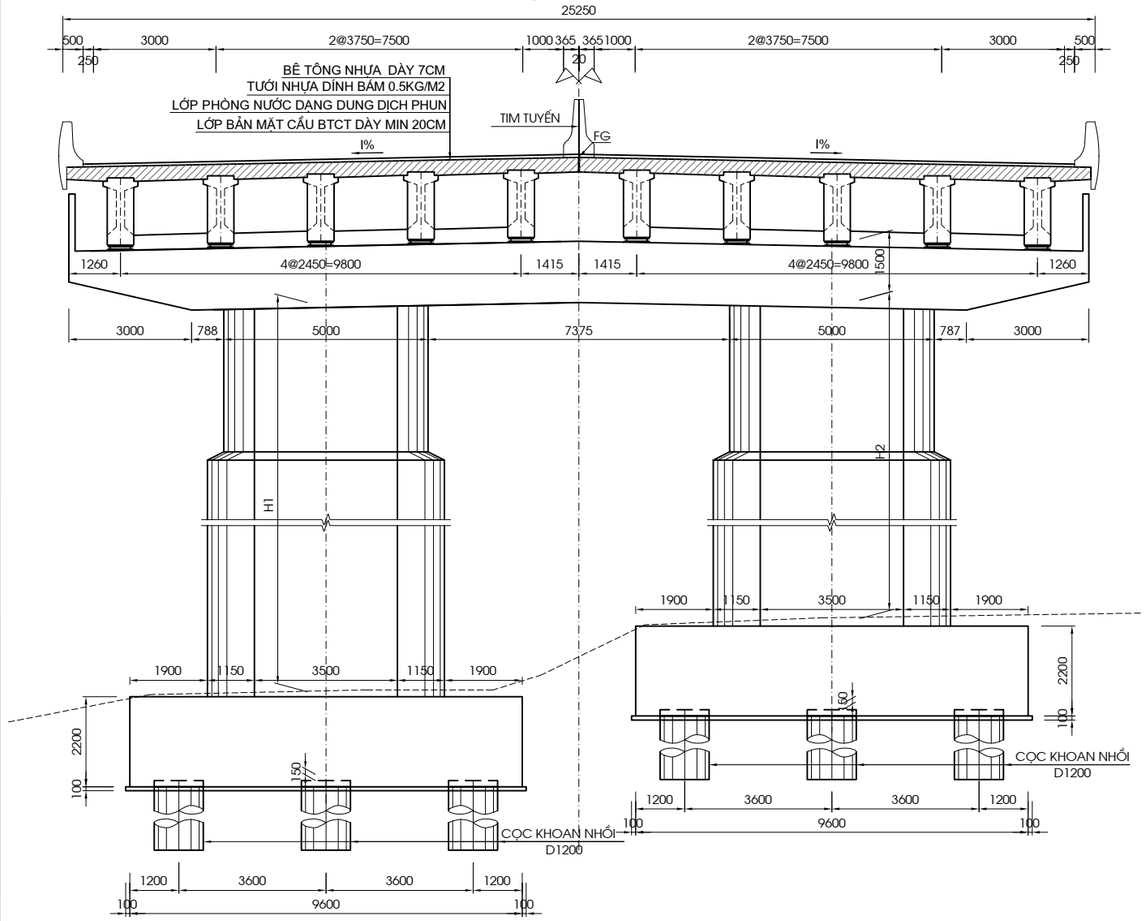


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ - DẦM I (2/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:35 AM

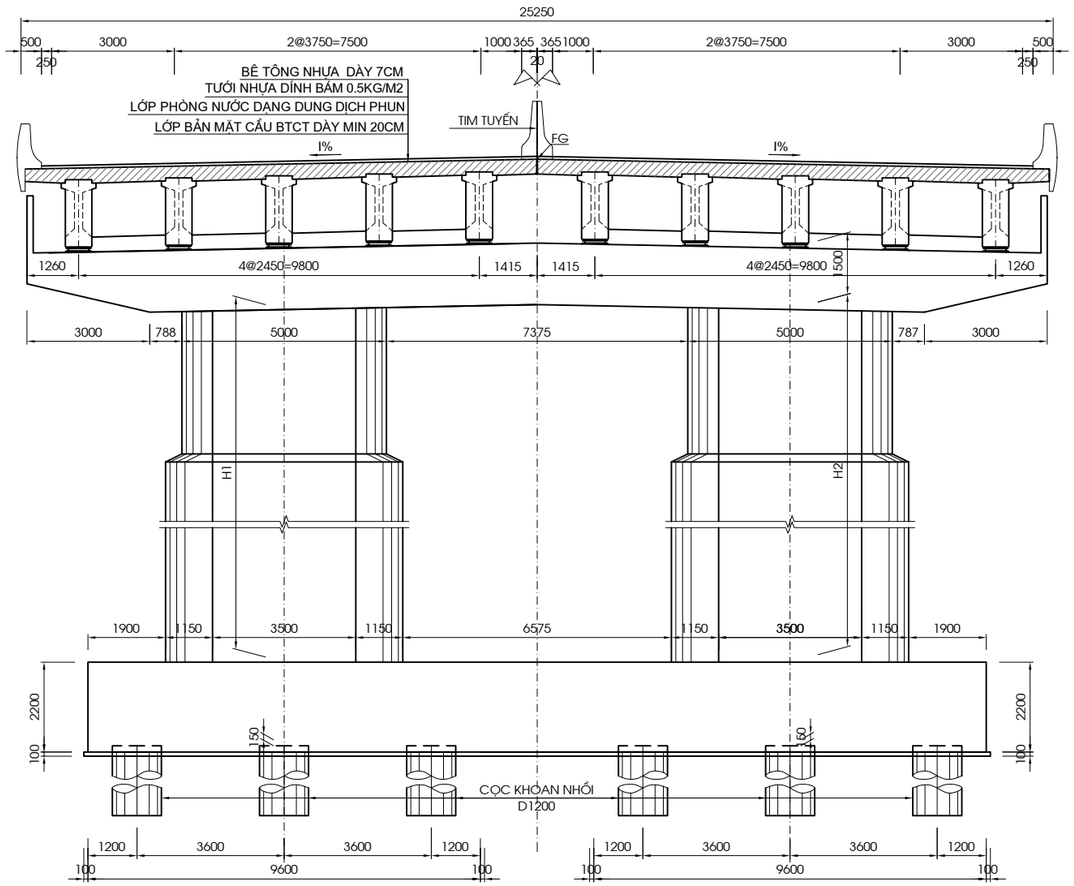
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)



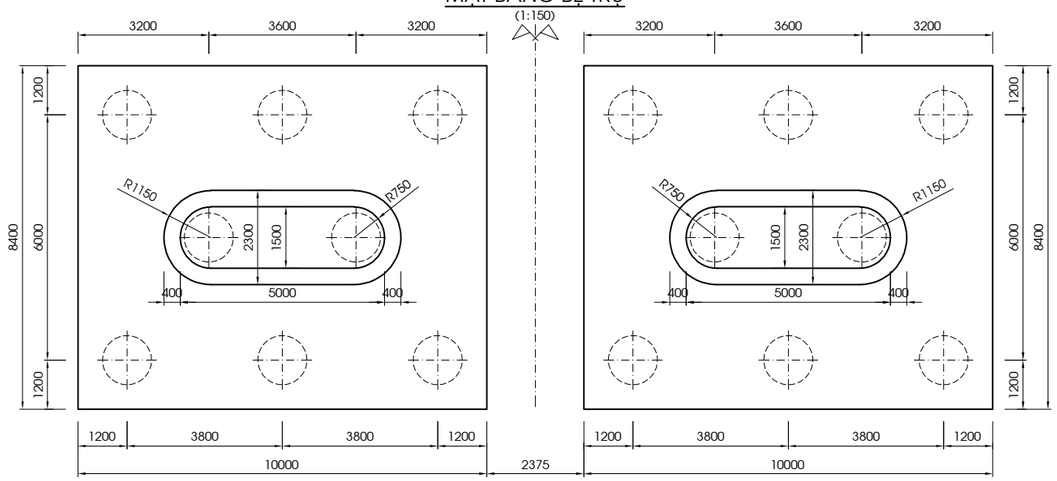
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)



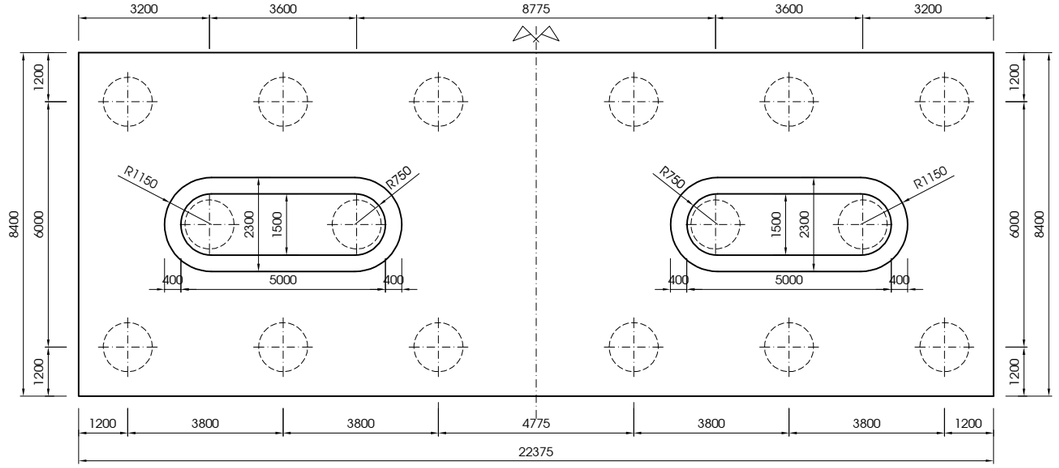
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)

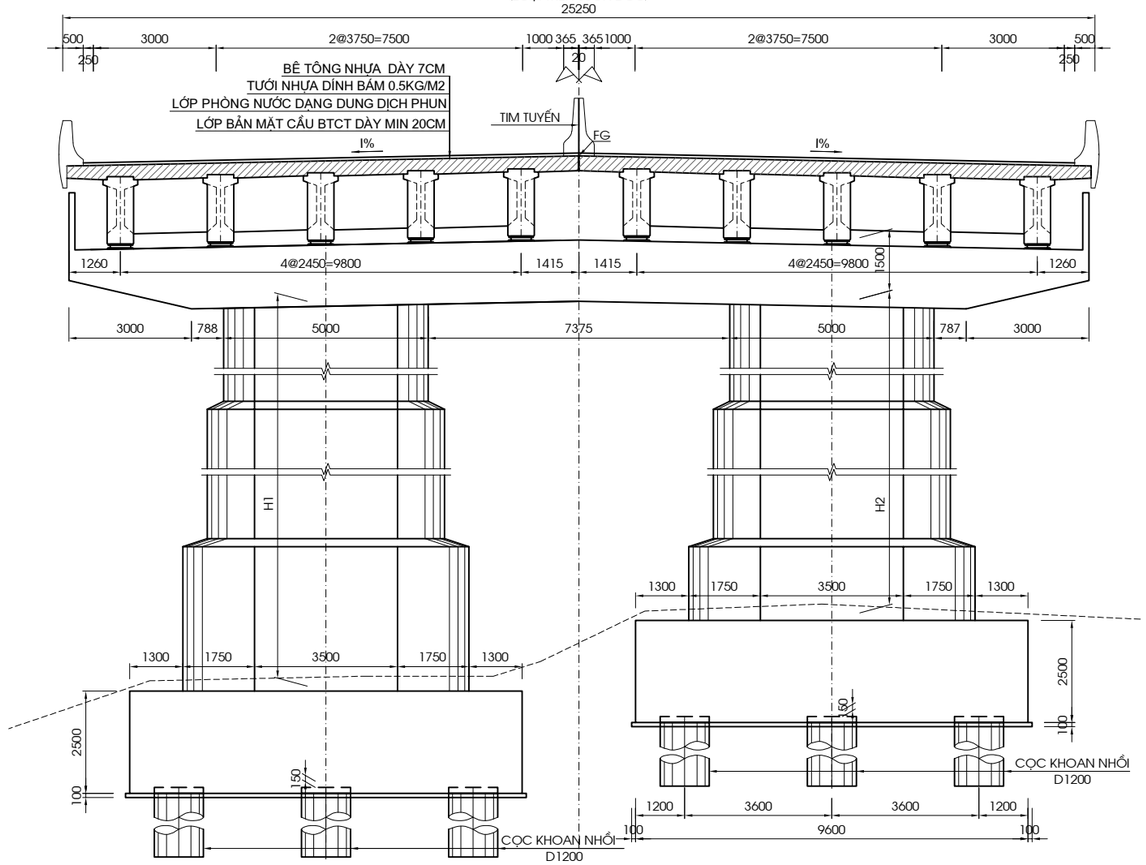


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ - DẦM I (3/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:35 AM

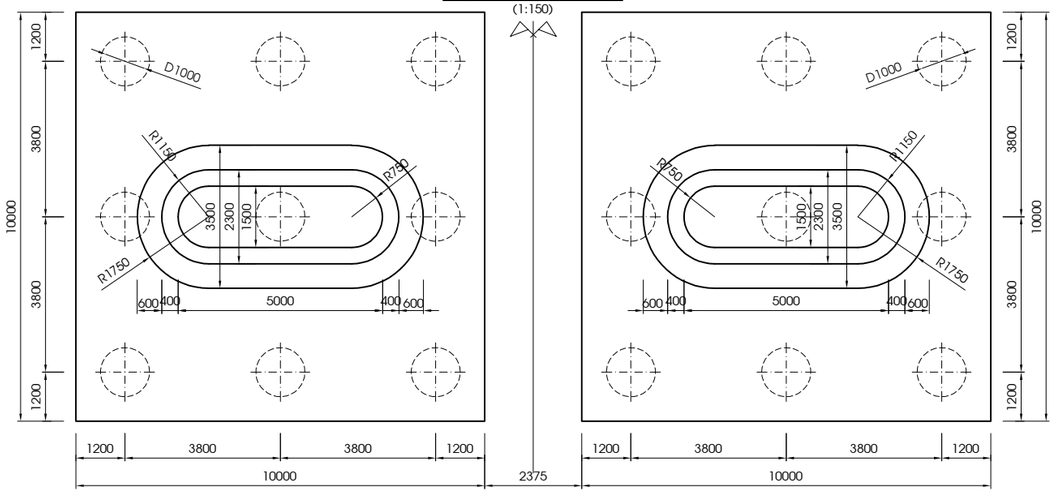
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (30M< H <=45M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)



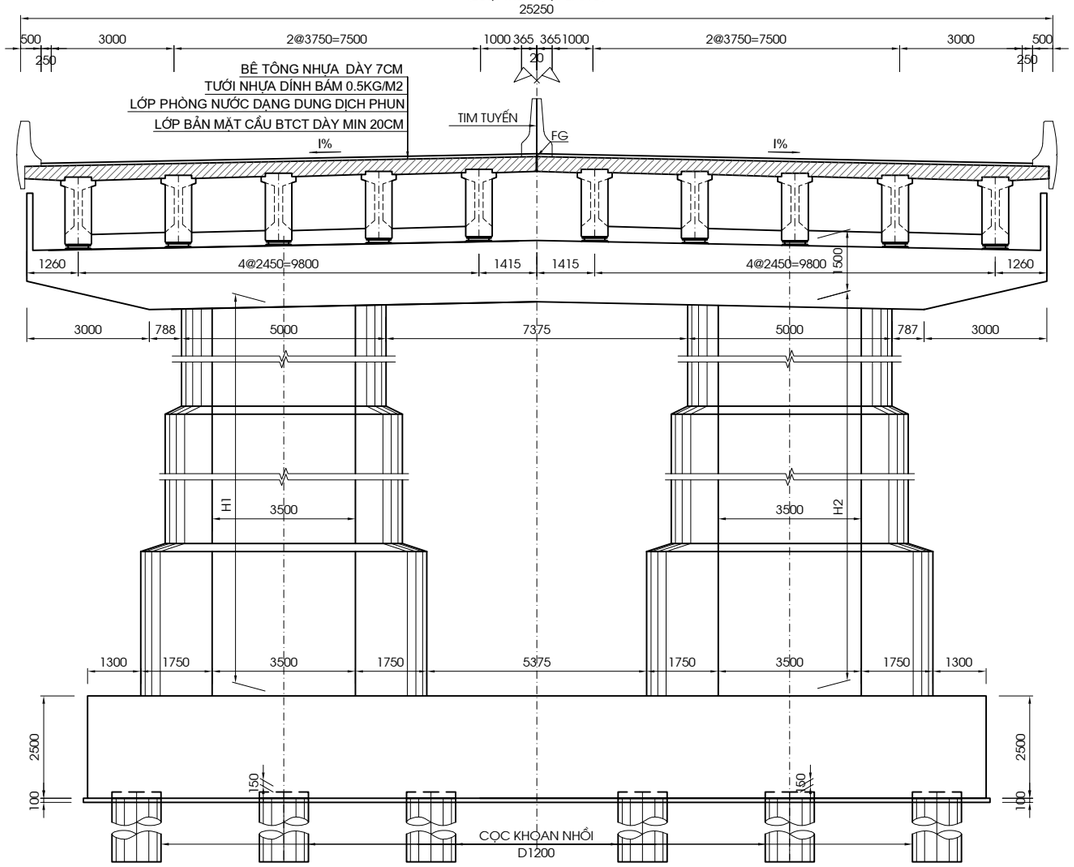
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



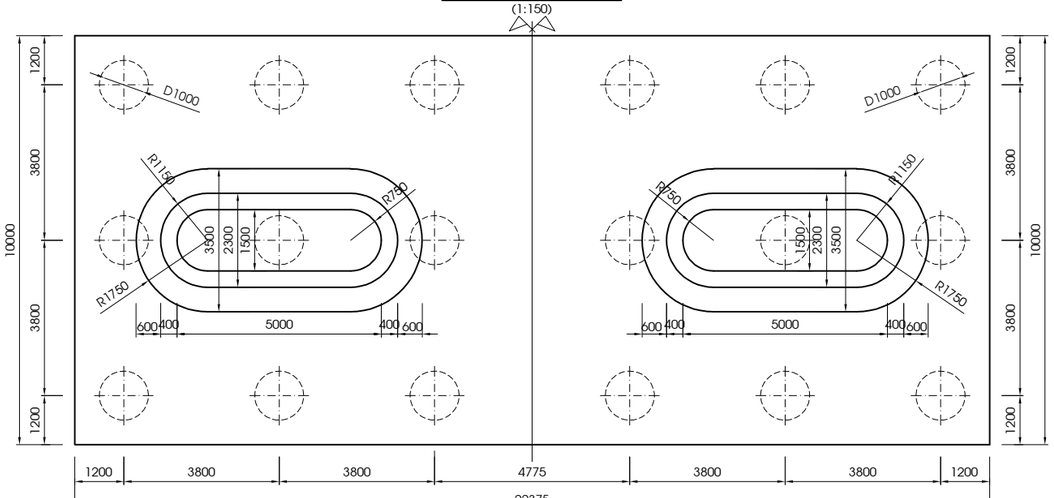
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (30M< H <=45M)

(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



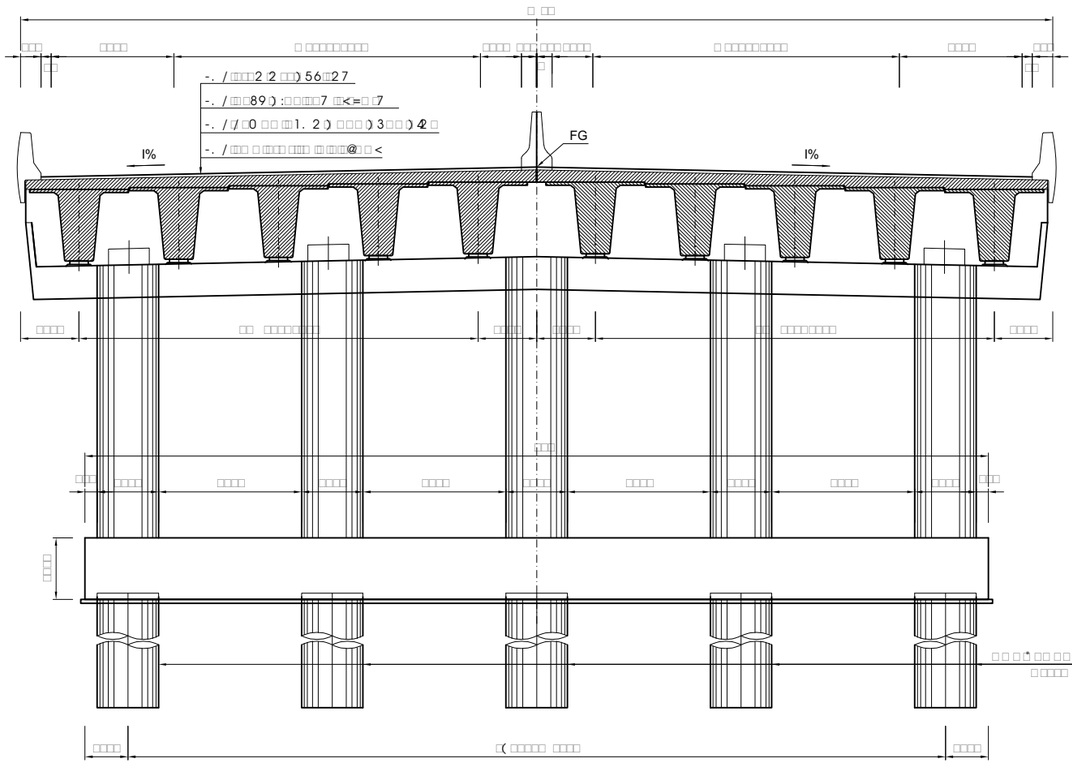
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ - DẦM I (4/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**	

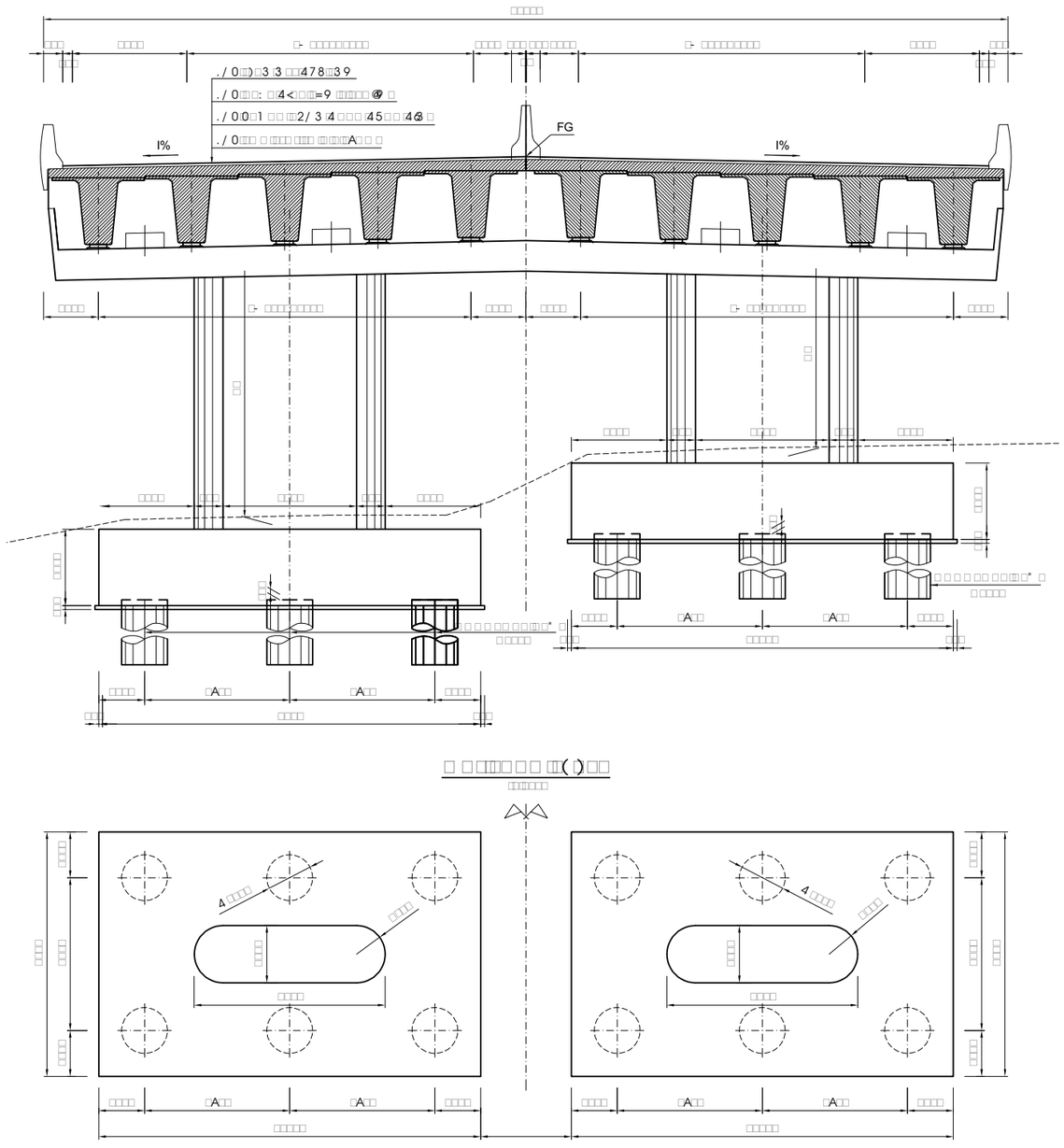
D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:35 AM

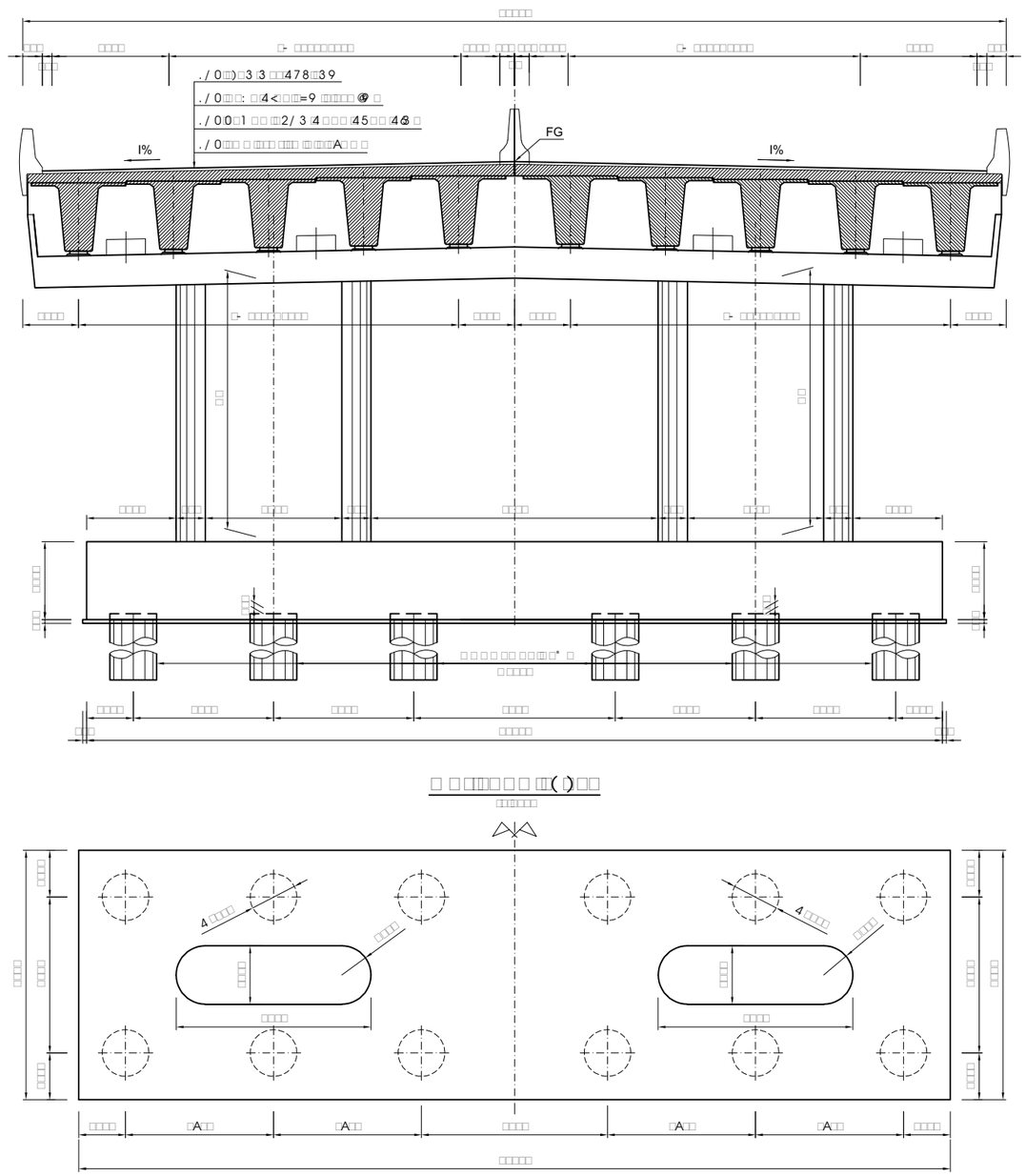
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG, 5/28/2026 6:01:43 PM
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May28, 2026-10:04 AM

□ □□□□ □ □□□□ □ □ □ □ □□□□ □□□□□□□□□□□□□□ □

□□□□□□□□


□ □□
□□□□
□□□□□
□ □□□□□□□□□□□□
□□□□□ □□□□□□□□□□
□□□□□
□□□□
□□
□□
-. / □□□□□2 □2 □□□) 56□□27
-. / □□□89 □) :□□□□□7 □□<=□ □7
-. / □/ □0 □□ □□1. 2 □) □□□□) 3□□ □) 42 □
-. / □□□ □ □□□□ □□□□ □□ □□□□@□□ <
I%
FG
I%
□□□□□
□□ □□□□□□□□□
□□□□□
□□□□□
□□ □□□□□□□□□
□□□□□
□□□□
□□□□□
□□□□□
□





		THỰC HIỆN	
		KIỂM TRA	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
		CHỦ NHIỆM	
		KCS CÔNG TY	

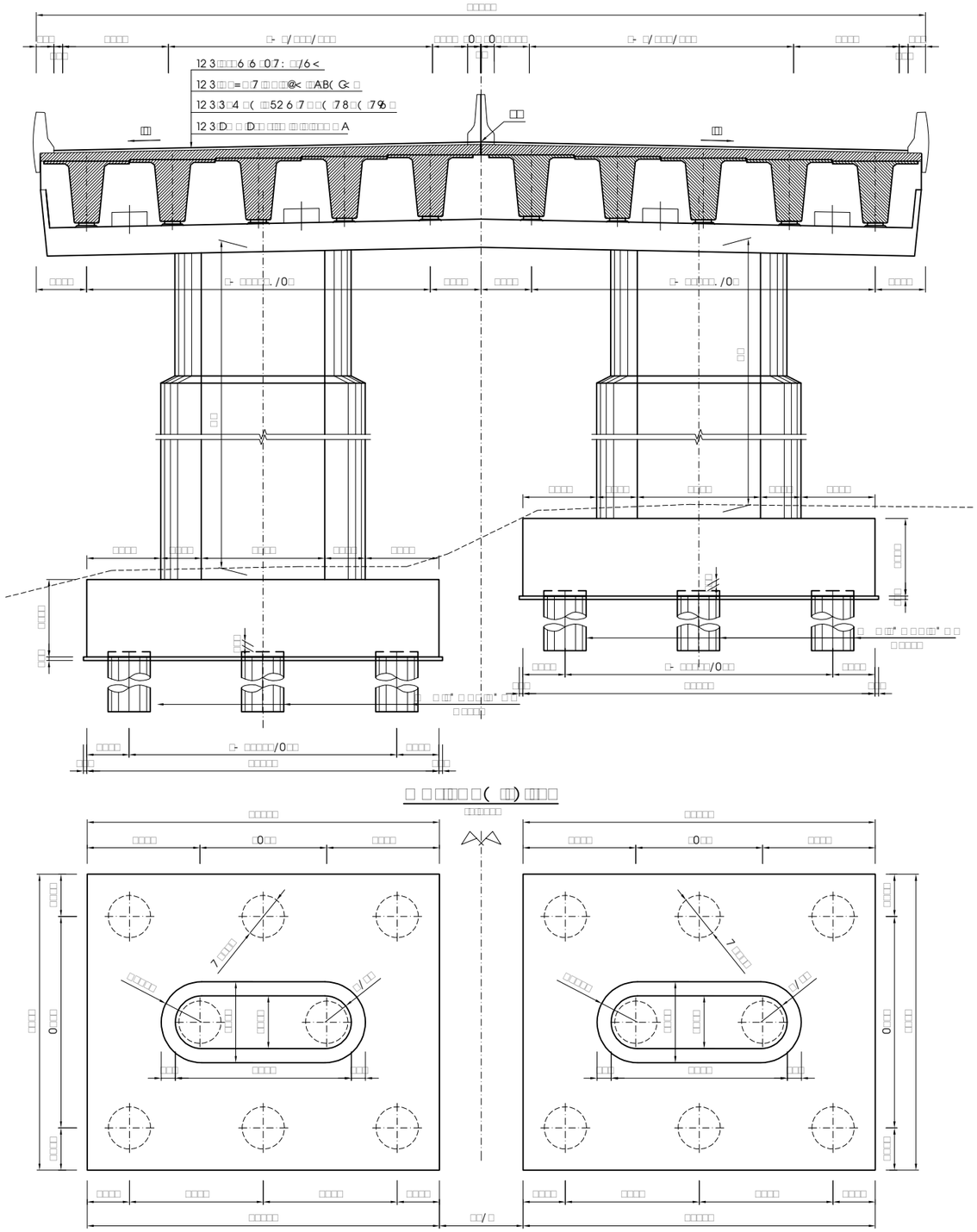
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z
TỔNG GIÁM ĐỐC

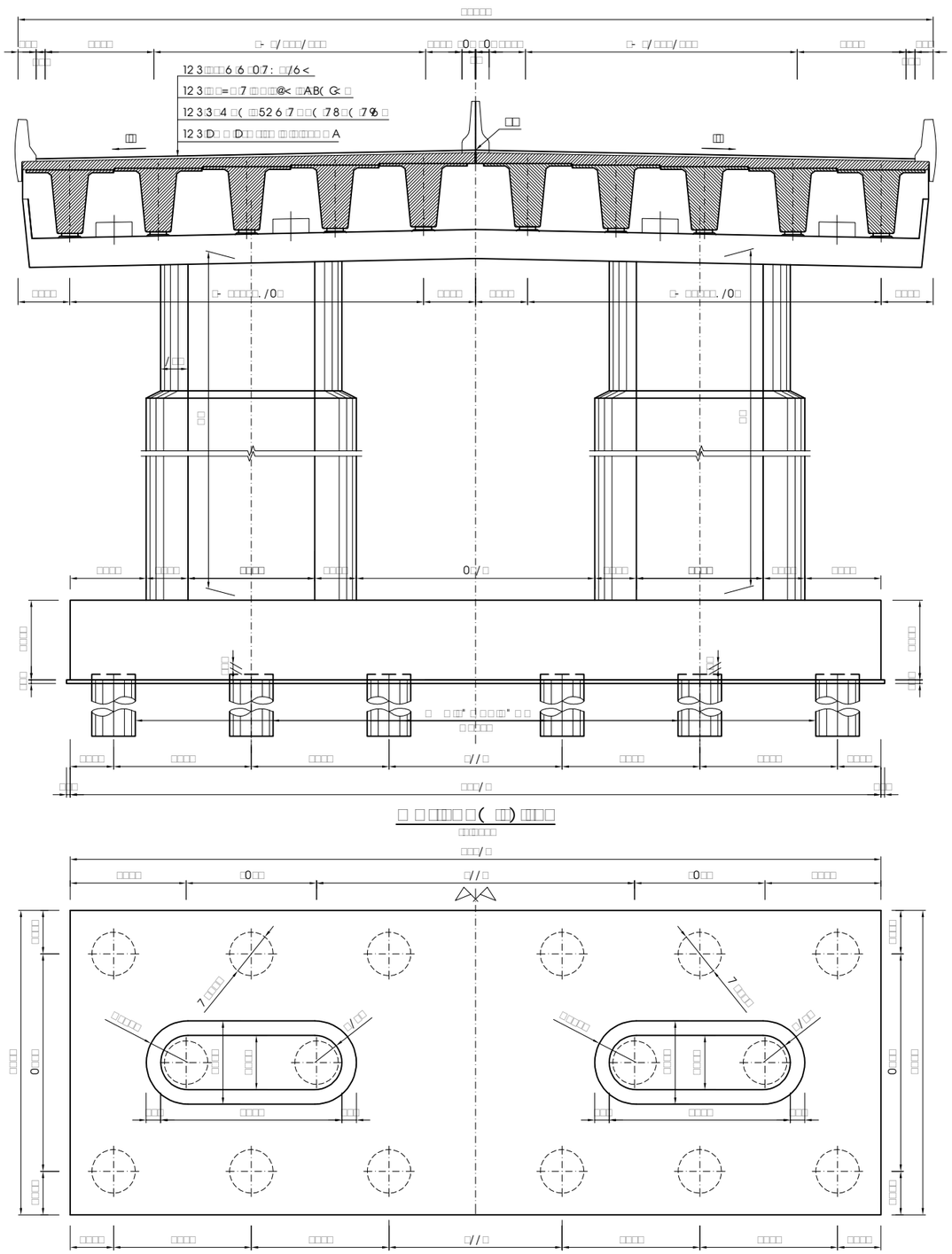
NGUYỄN HỮU DŨNG

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:

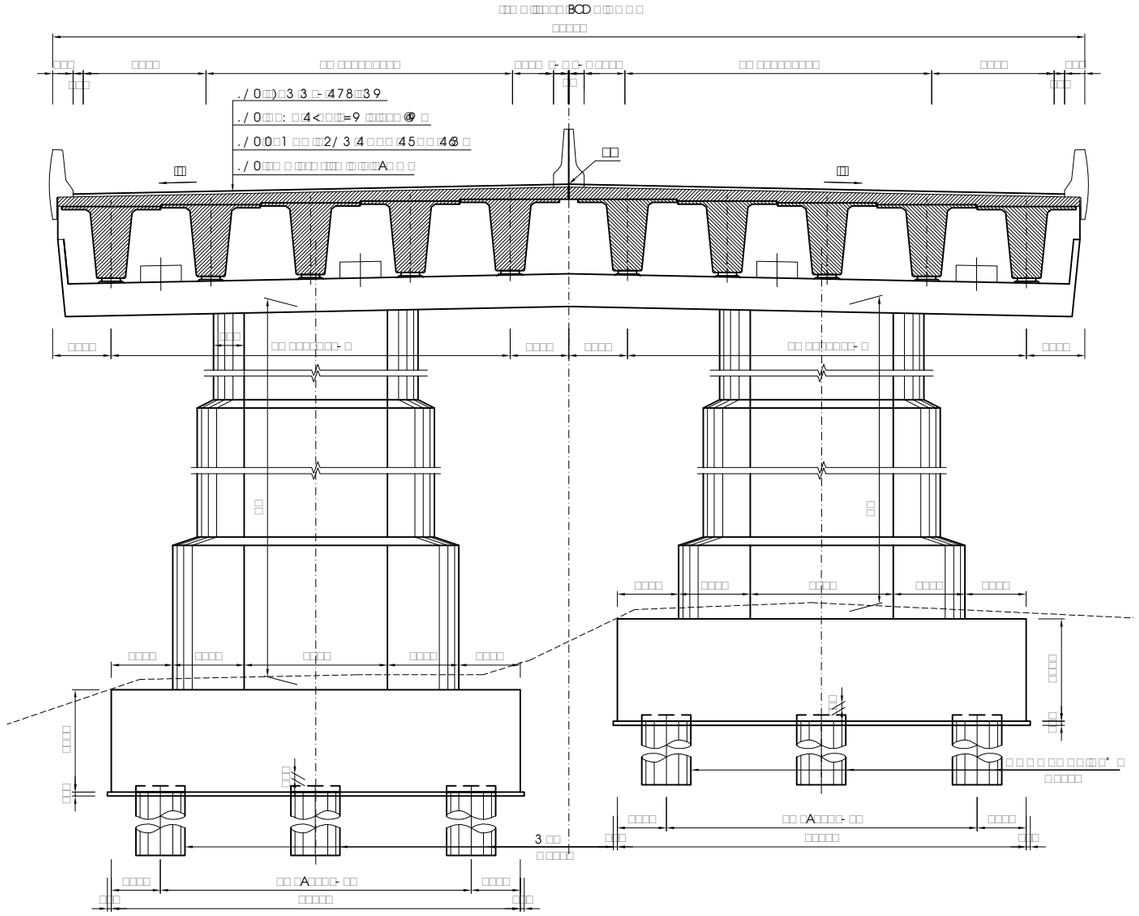
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG, 5/28/2026 6:01:43 PM
D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May28, 2026 - 10:04 AM

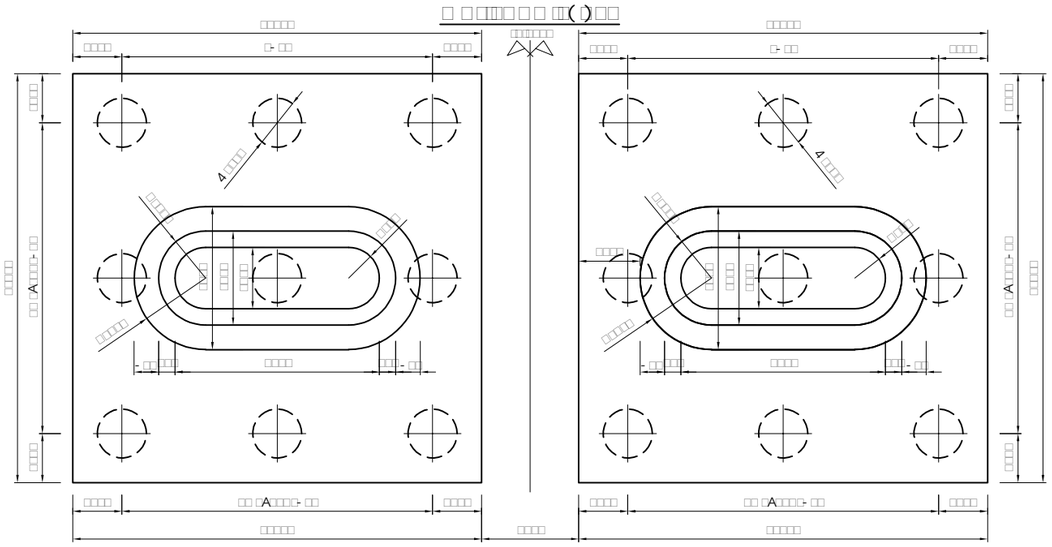
D:\GG DRIVE\01. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG – THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May28, 2026-10:04 AM

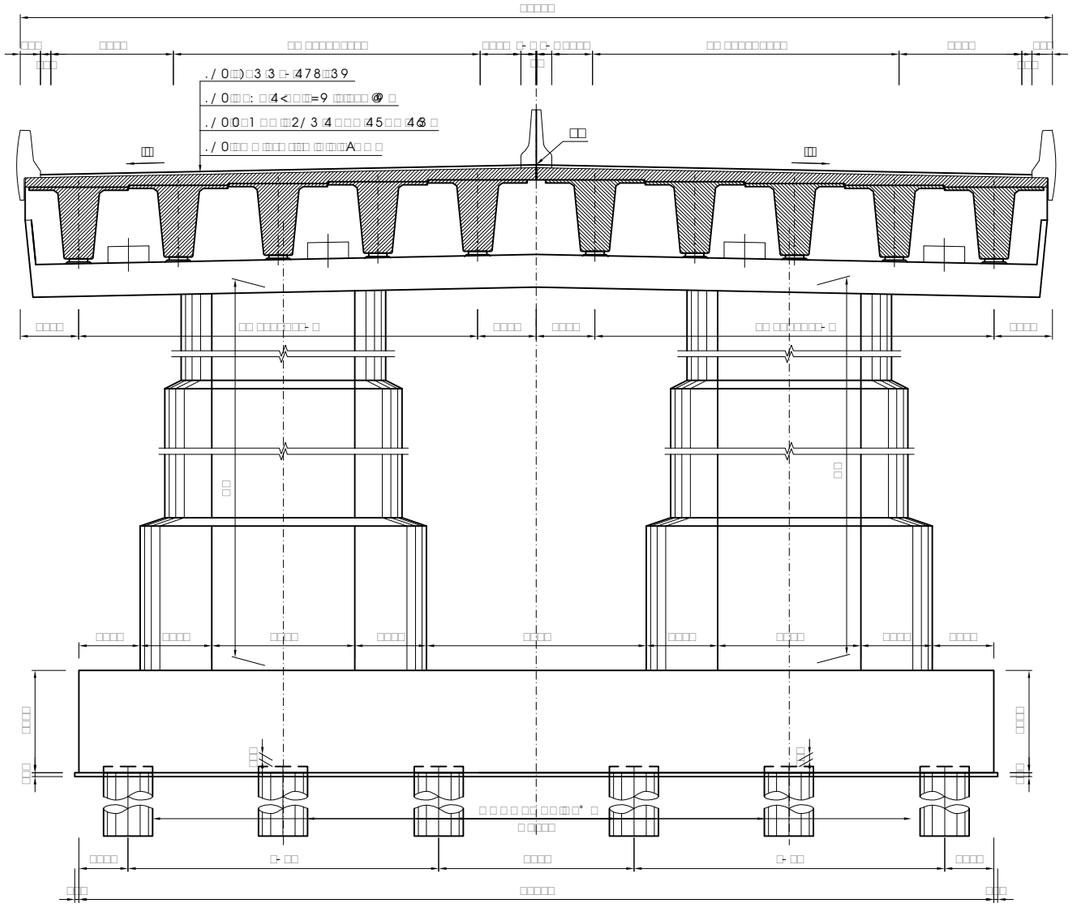


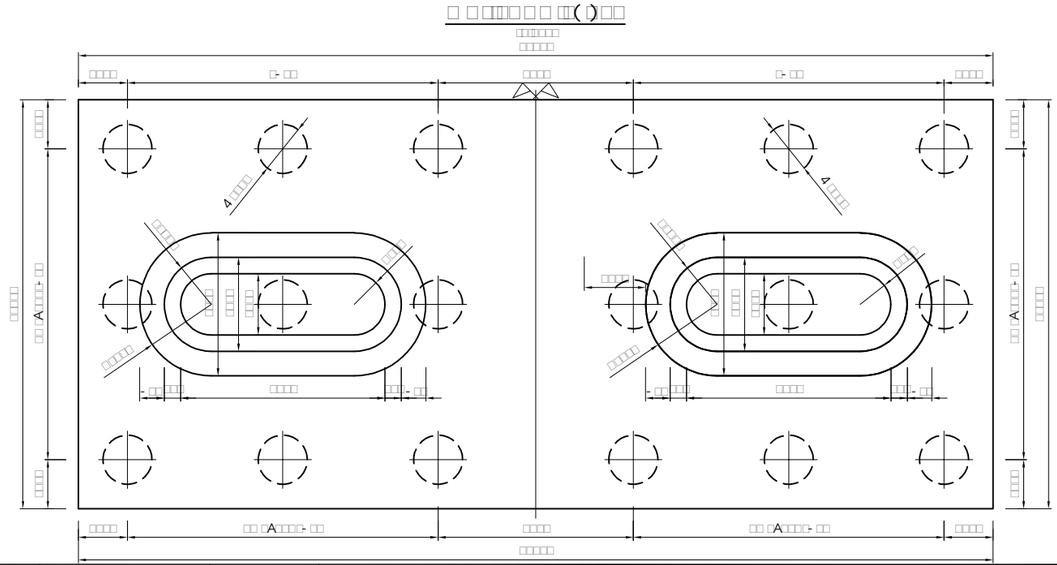


TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:





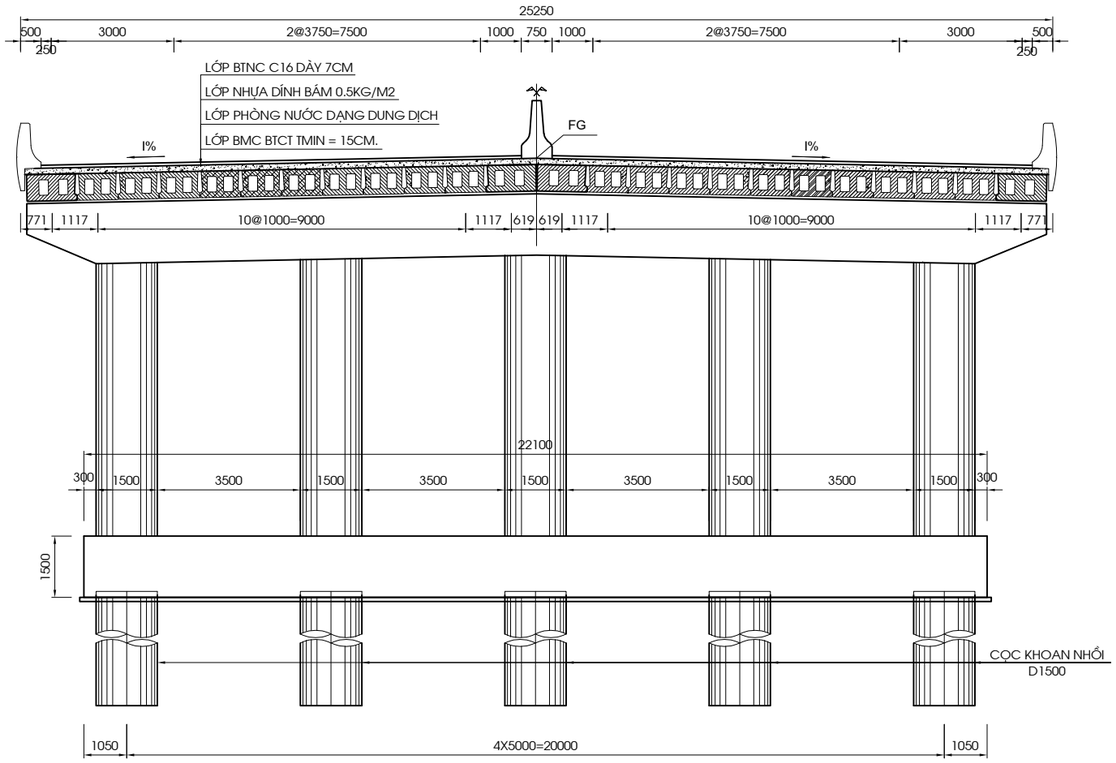




D:\GG DRIVE\0. DAI PHONG\01. DU AN\17. TAN QUANG - THANH THUY\02.FS\00.DATA\01.DH CAU\FINAL\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May28, 2026-10:04 AM

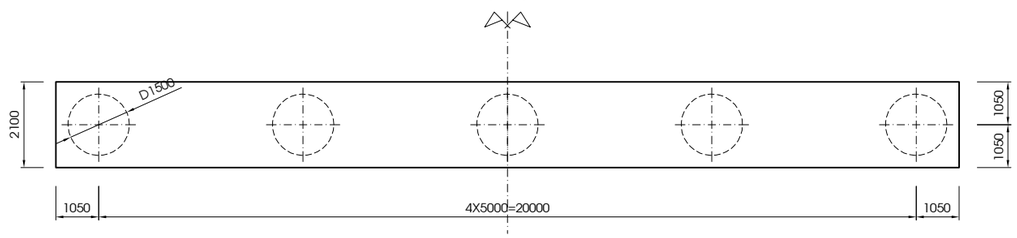
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (H <=7M)

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



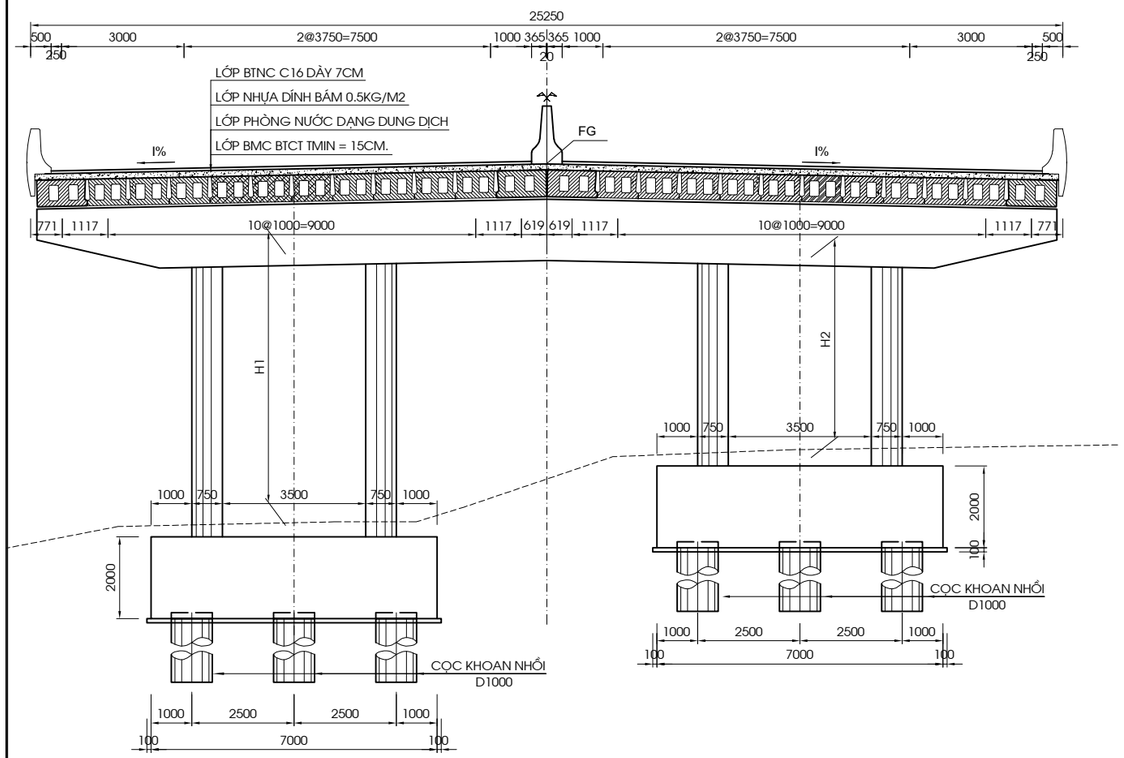
D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:36 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU - DẦM BẢN (1/4)	
		KIỂM TRA					
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				**TỶ LỆ BẢN VẼ:**	**BẢN VẼ SỐ:**
		CHỦ NHIỆM				**LẦN XUẤT BẢN:** 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00	**MÃ SỐ SẢN PHẨM:**
		KCS CÔNG TY					

MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)

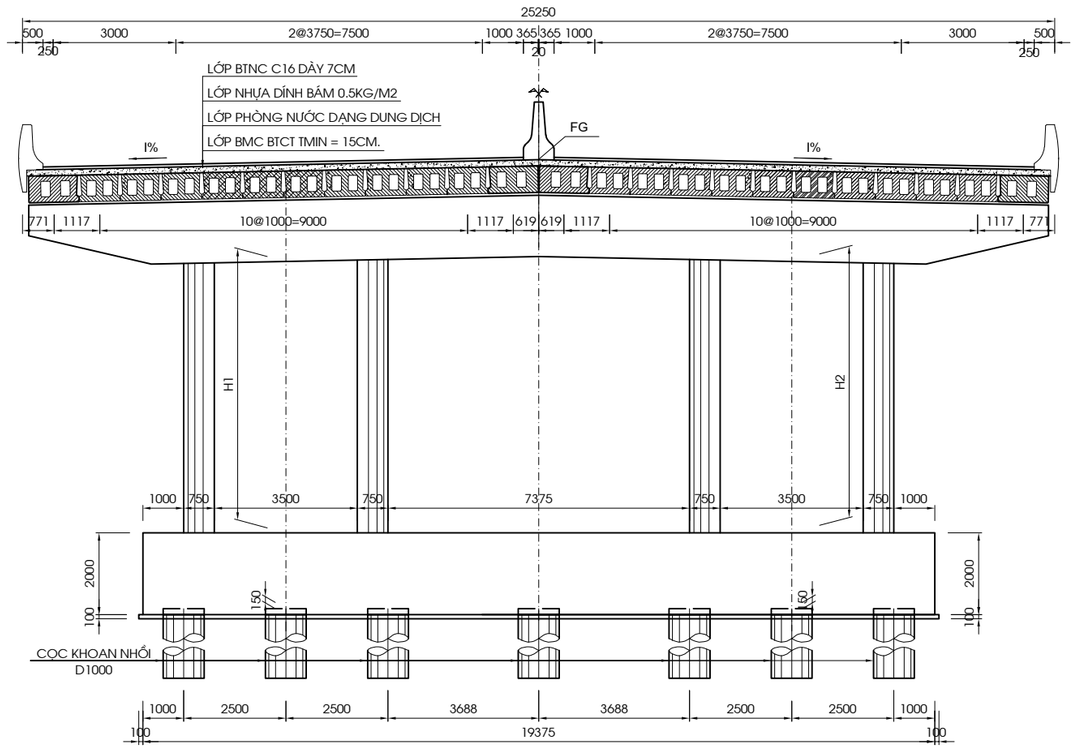
(1:150)



MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

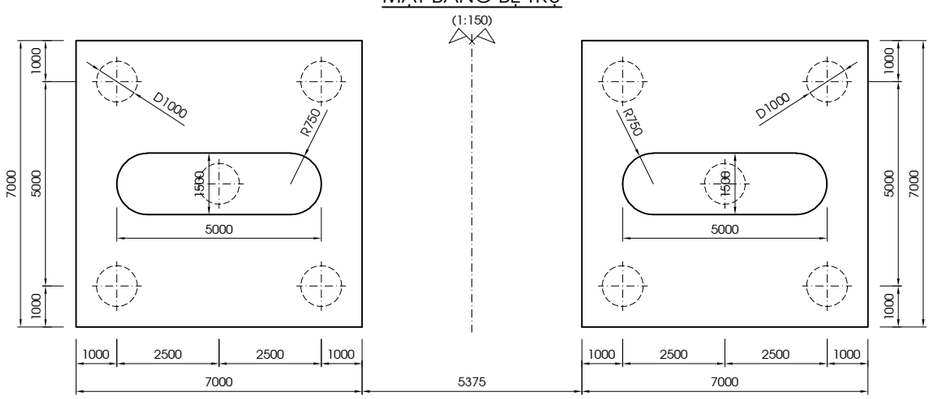
(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)

(1:150)



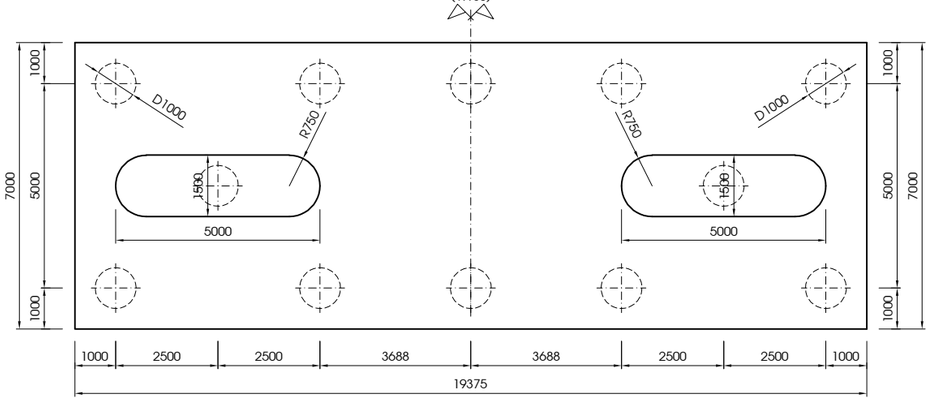
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



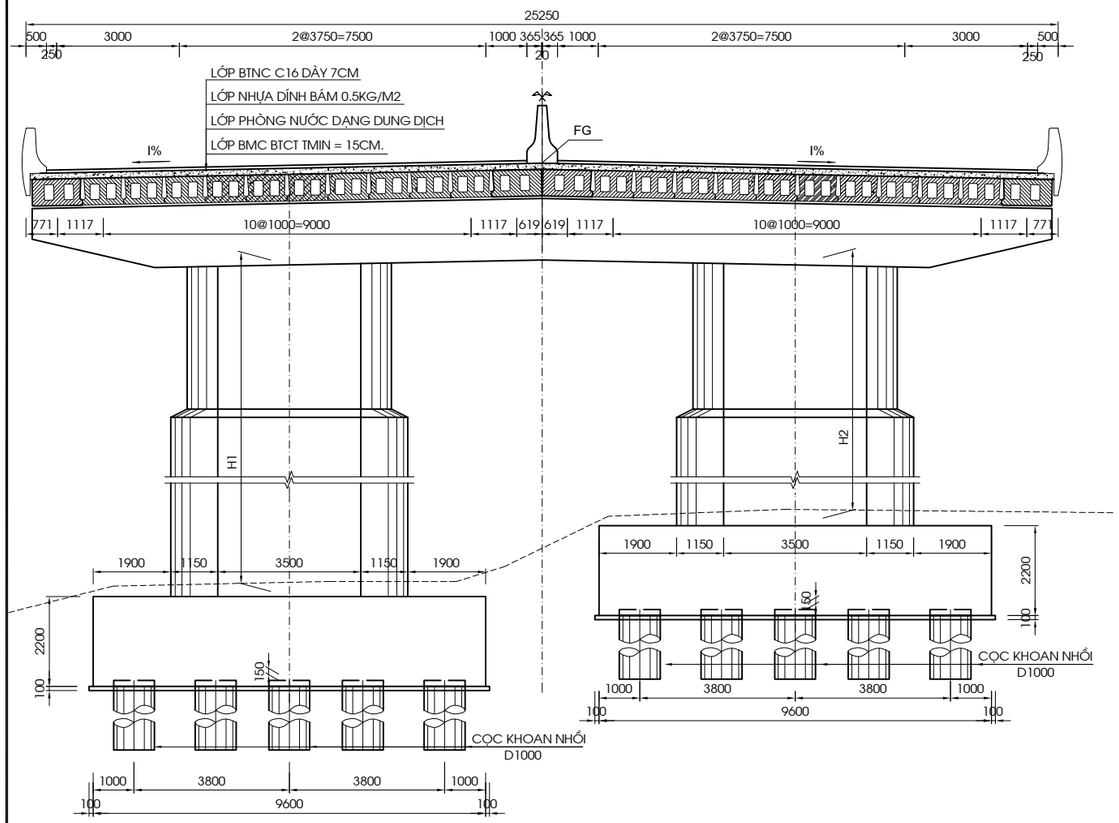
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU - DẦM BẢN (2/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:36 AM

MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)

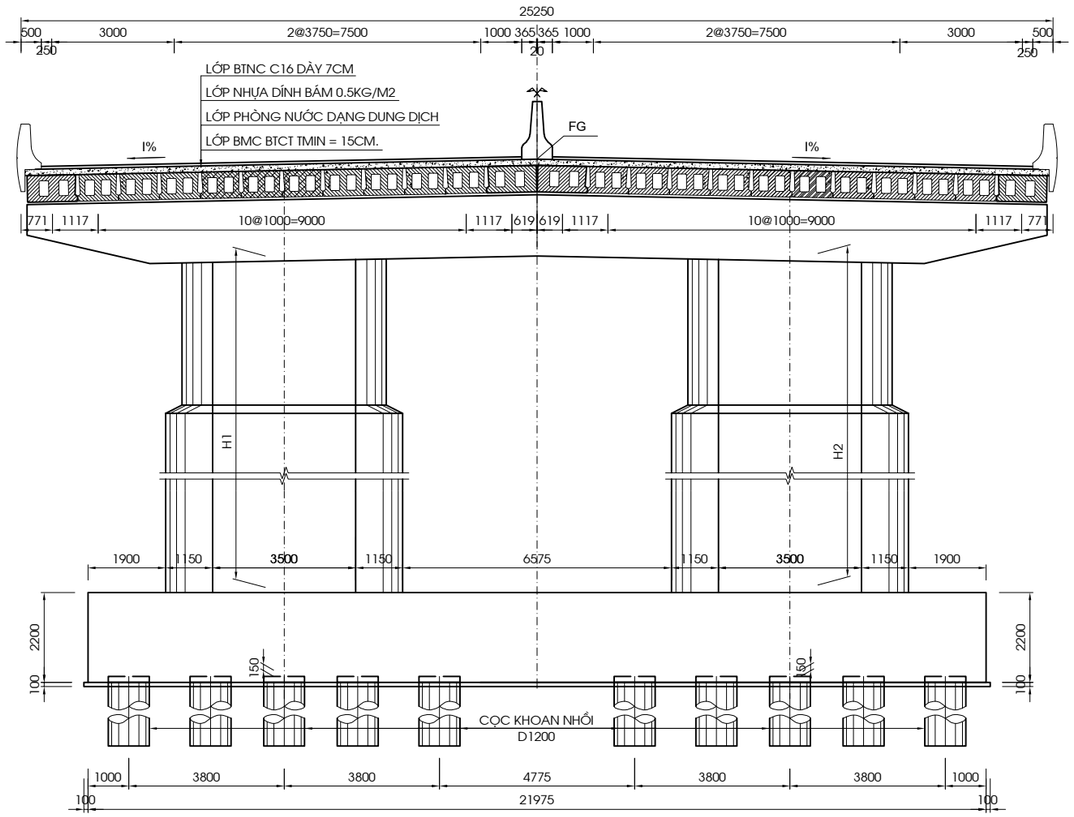
(1:150)



MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

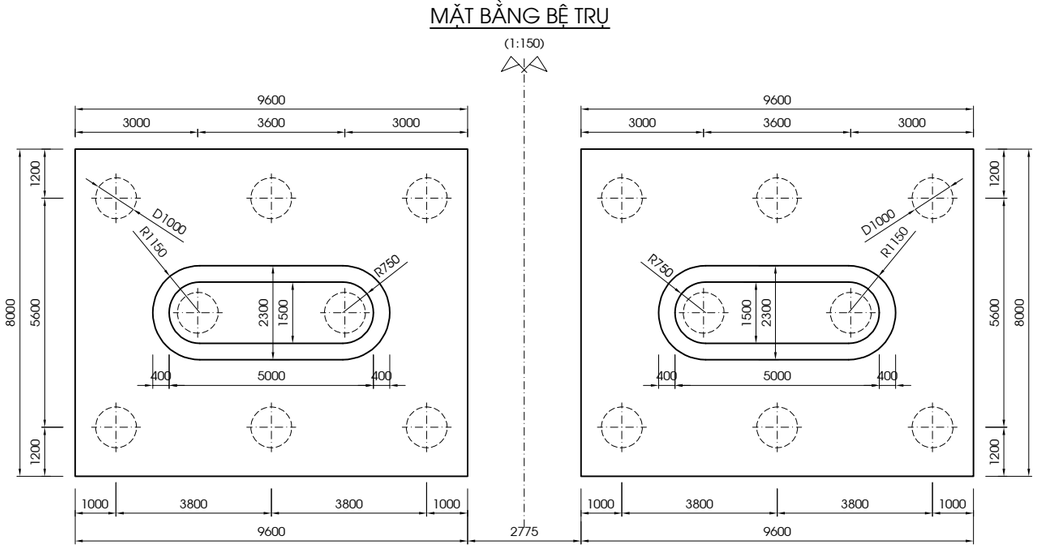
(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)

(1:150)



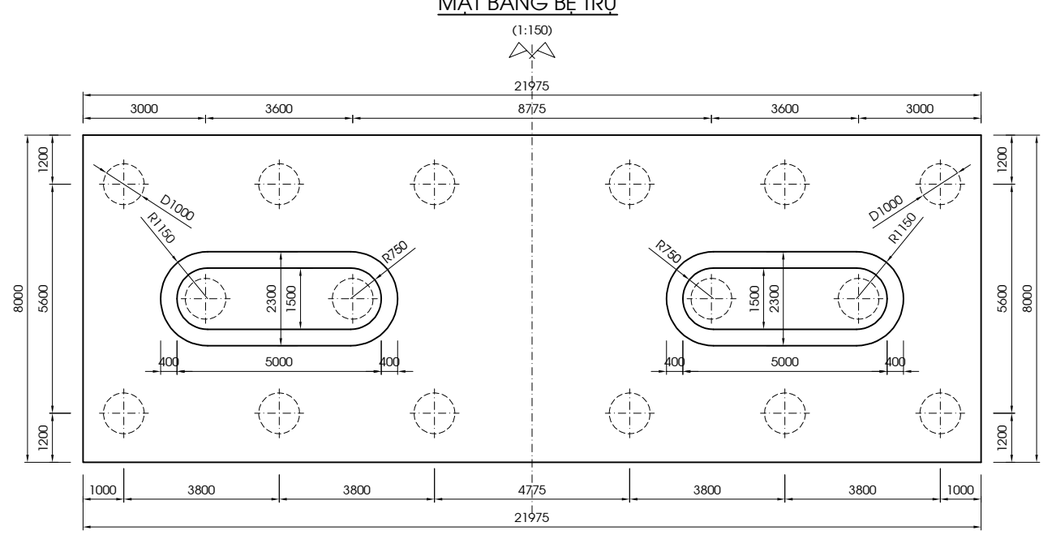
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



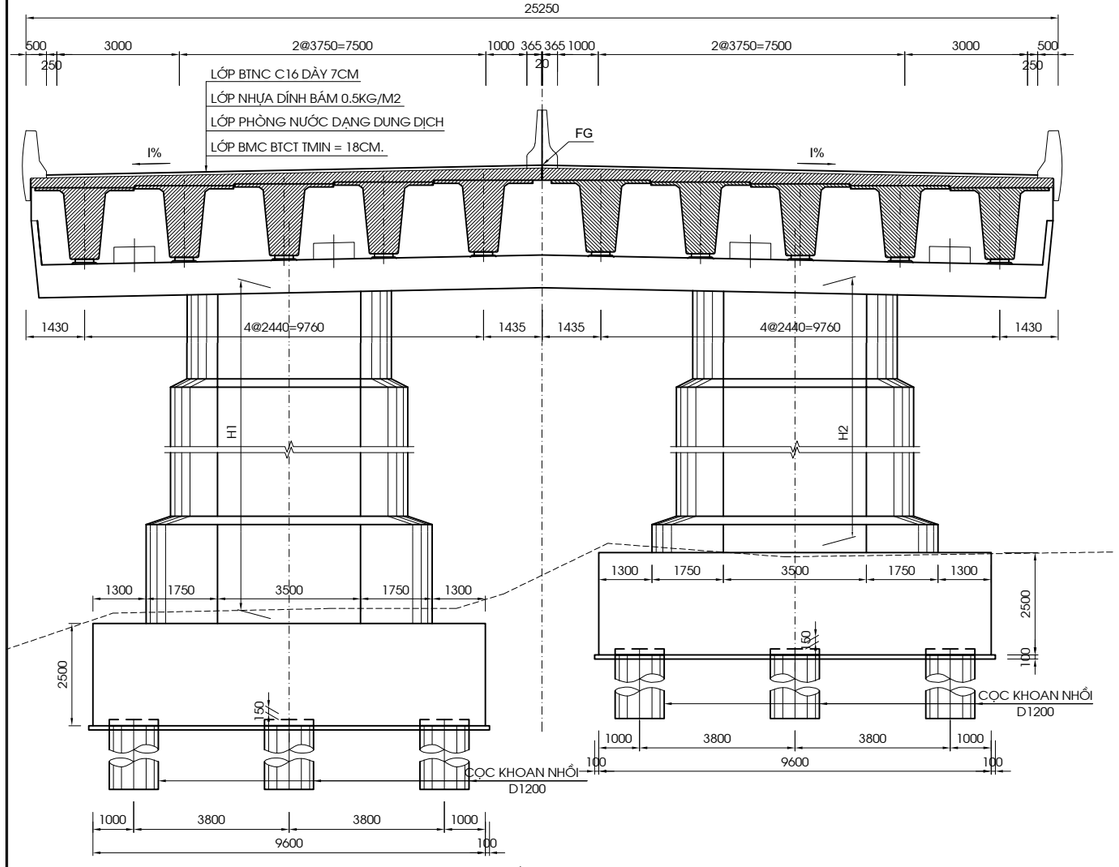
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU - DẦM BẢN (3/4) **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026 - 9:36 AM

MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (30M< H <=45M)

(LOẠI TRÊN SƯỜN DỐC)

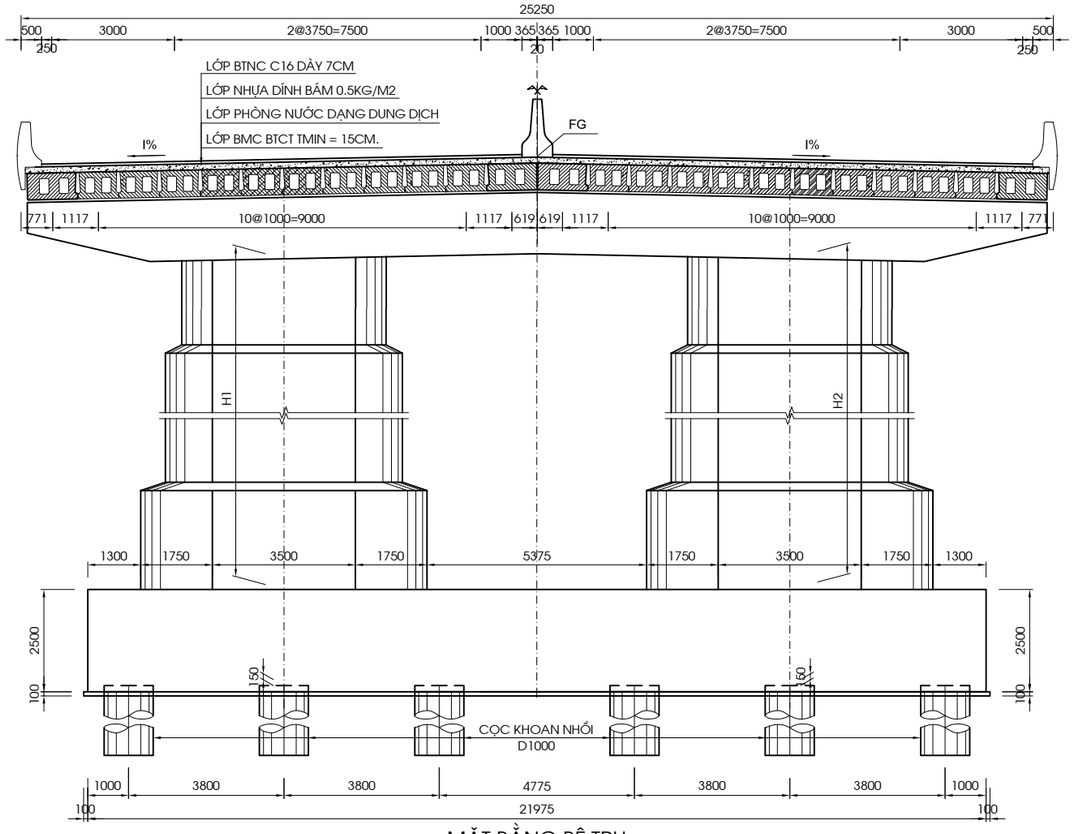
(1:150)



MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (30M< H <=45M)

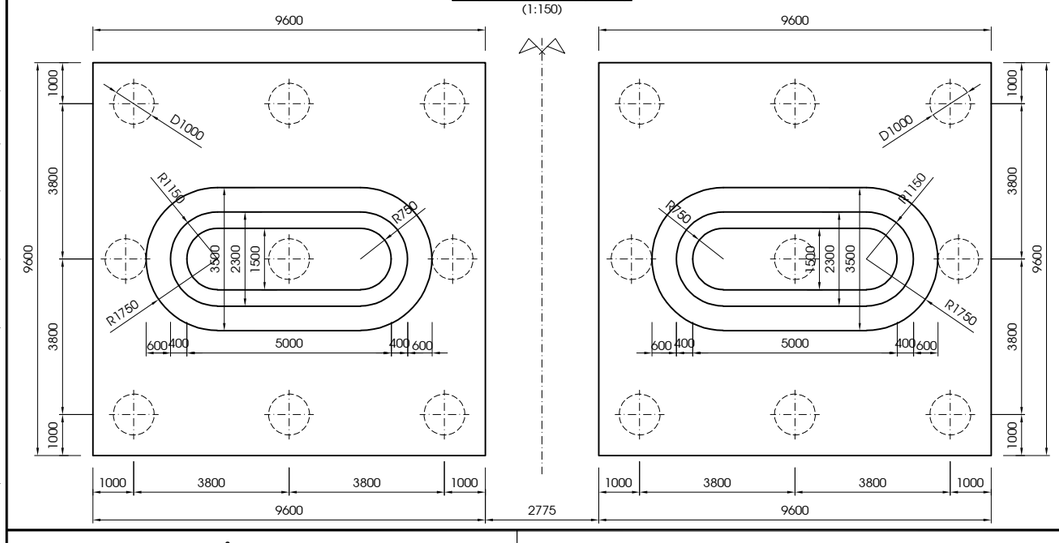
(LOẠI TRÊN MẶT BẰNG)

(1:150)



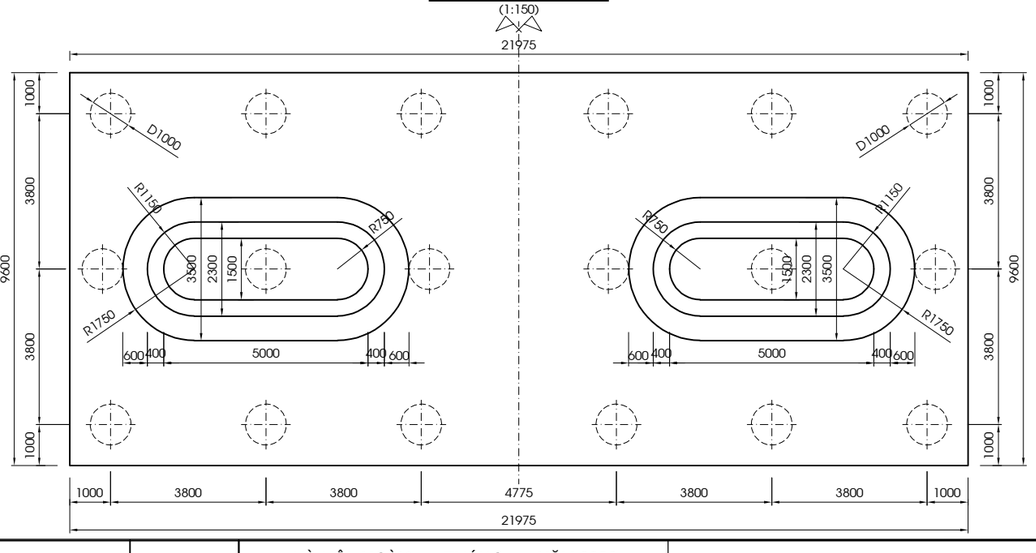
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)

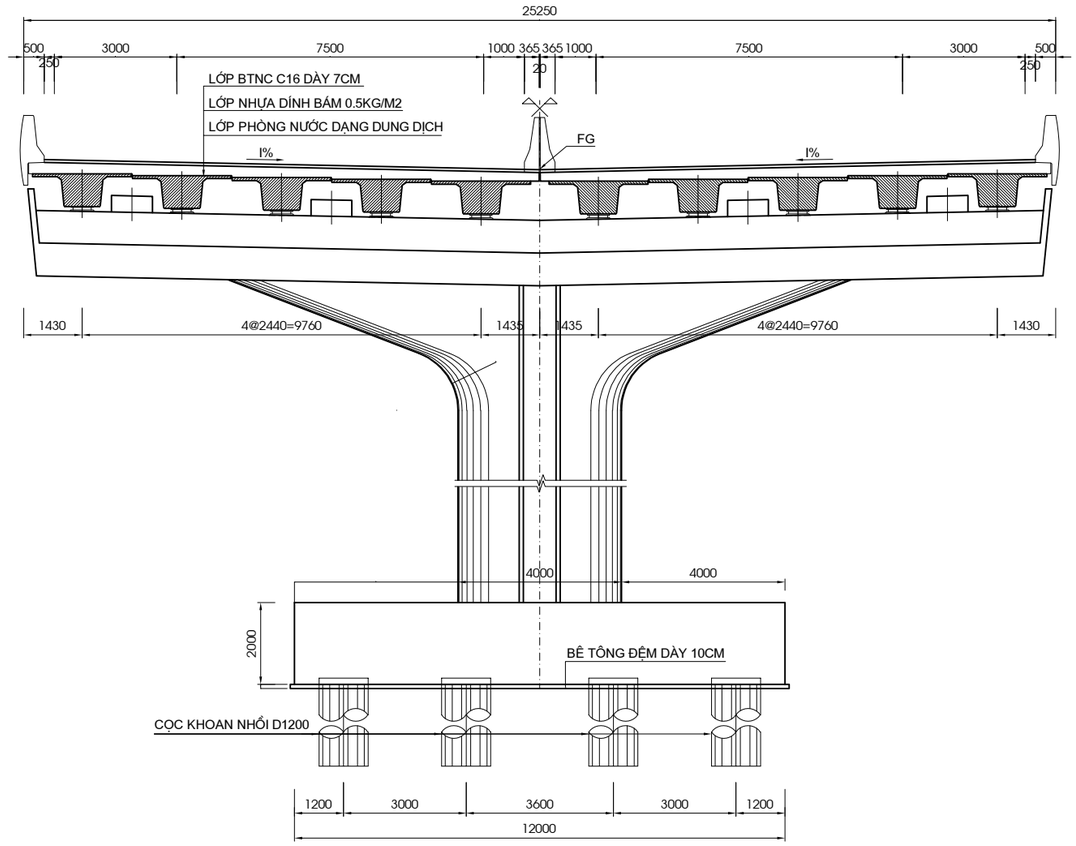


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU - DẦM BẢN (4/4)	**TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN:** 01 / **LẦN CHỈNH SỬA:** 00 / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

D:\01. DAI PHONG\DỰ ÁN THỰC HIỆN\TAN QUANG-THANH THUY\THUC HIEN\01.DH CAU\4. SUB\01.KCPD\02_TRU.DWG May29, 2026-9:36 AM

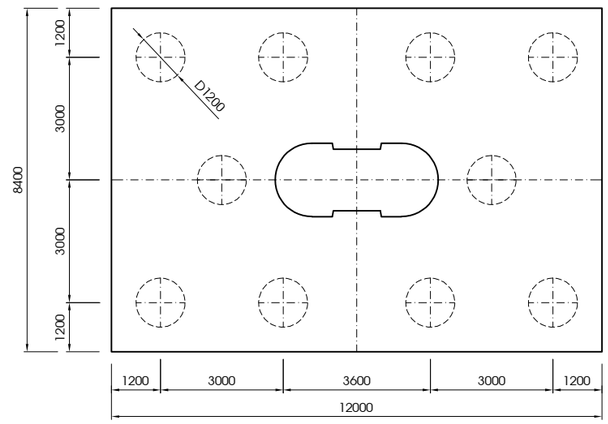
MẶT CẮT NGANG CẦU CẠN

(TỶ LỆ: 1/150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)

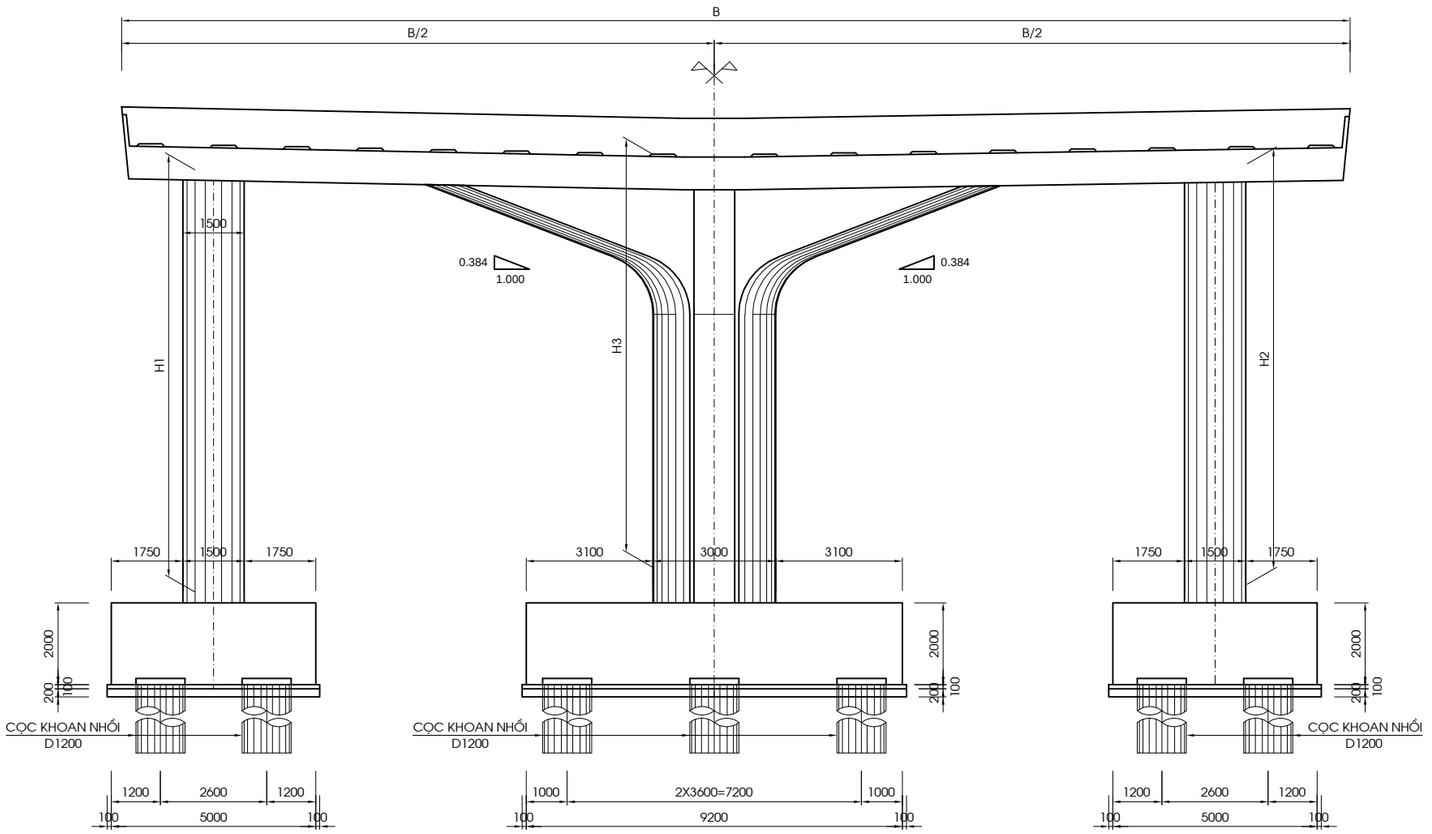


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN		
		KIỂM TRA		
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		CHỦ NHIỆM		
		KCS CÔNG TY		
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU CẠN			
	TỶ LỆ BẢN VẼ:		**BẢN VẼ SỐ:**	
	LẦN XUẤT BẢN: 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00		**MÃ SỐ SẢN PHẨM:**	

C:\USERS\CP\DOWNLOADS\02_TRU.DWG May30, 2026 - 2:46 PM

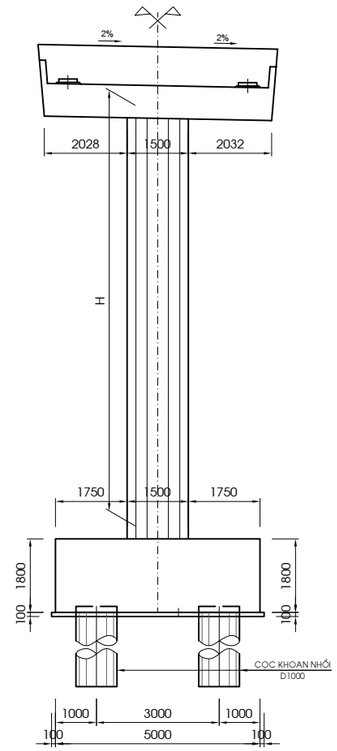
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ XÀ MŨ MỞ RỘNG CẦU CẠN

(1:150)



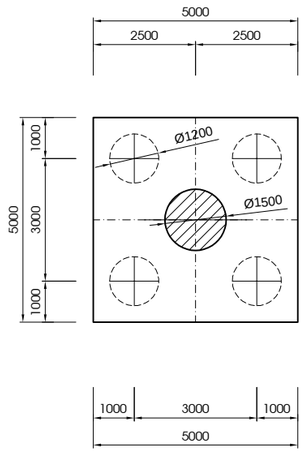
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ NHÁNH LÊN XUỐNG

(1:150)



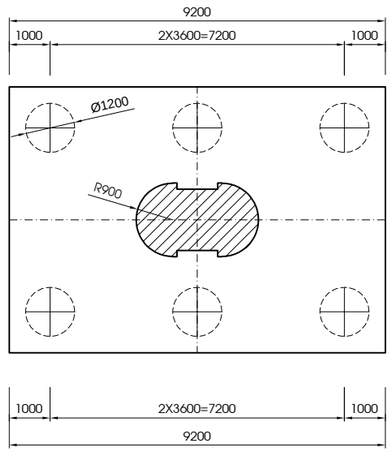
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

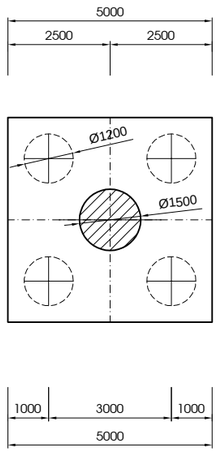
(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

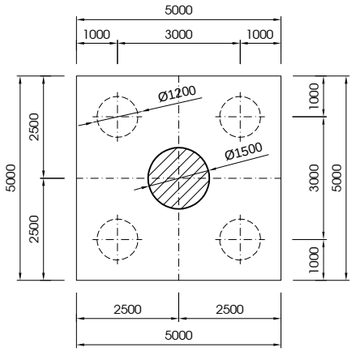
(1:150)





MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



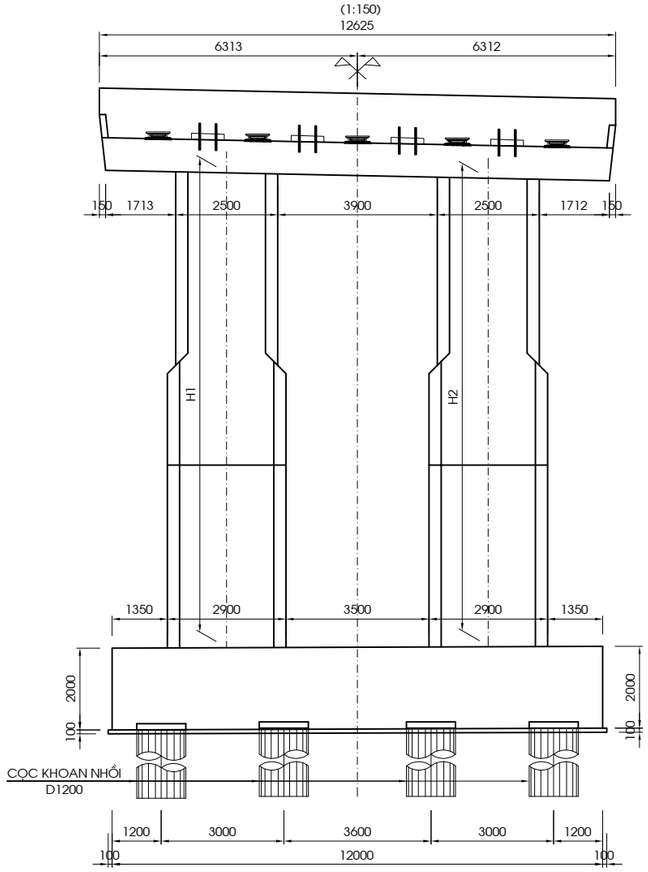
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ CẦU 3 NHÁNH	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	**BẢN VẼ SỐ:**	
LẦN XUẤT BẢN: 01 **LẦN CHỈNH SỬA:** 00	**MÃ SỐ SẢN PHẨM:**	

C:\USERS\CP\DOWNLOADS\02_TRU.DWG May30, 2026-2:46 PM

MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

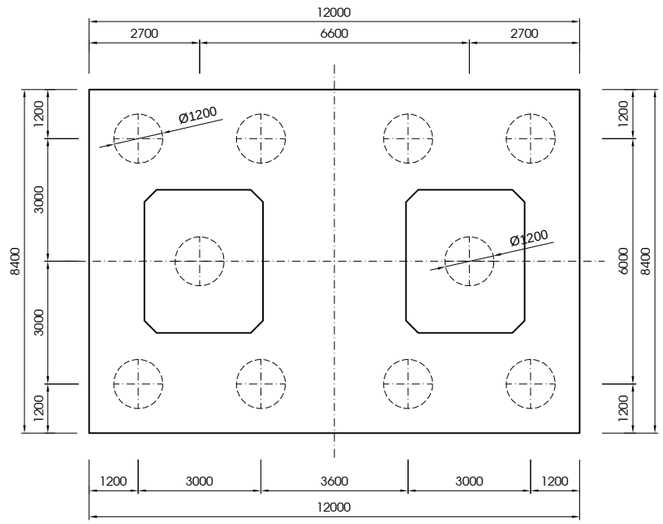
(LOẠI XÀ MŨ MỞ RỘNG CẦU TÁCH NHÁNH)

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

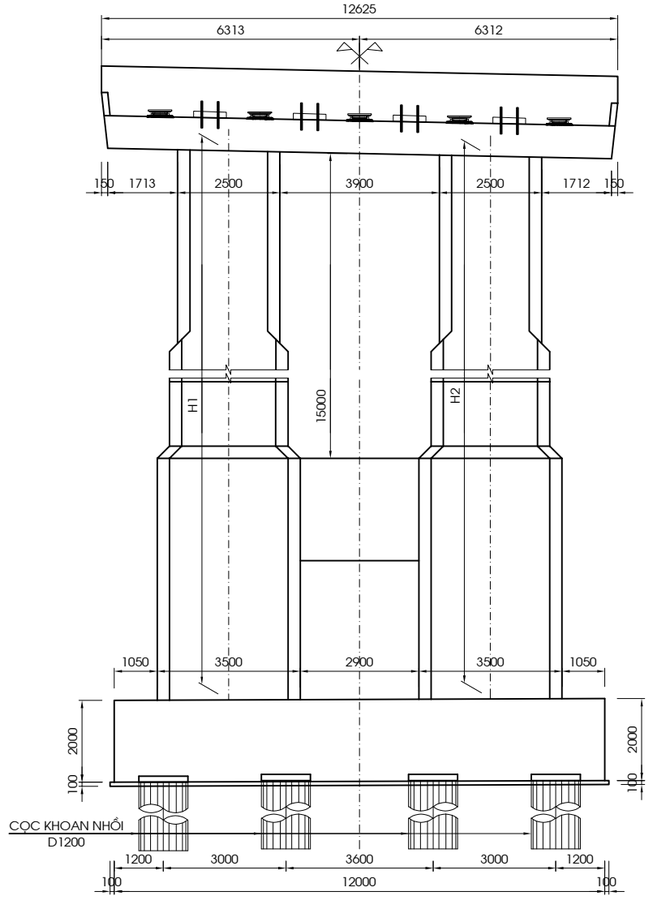
(1:150)



MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

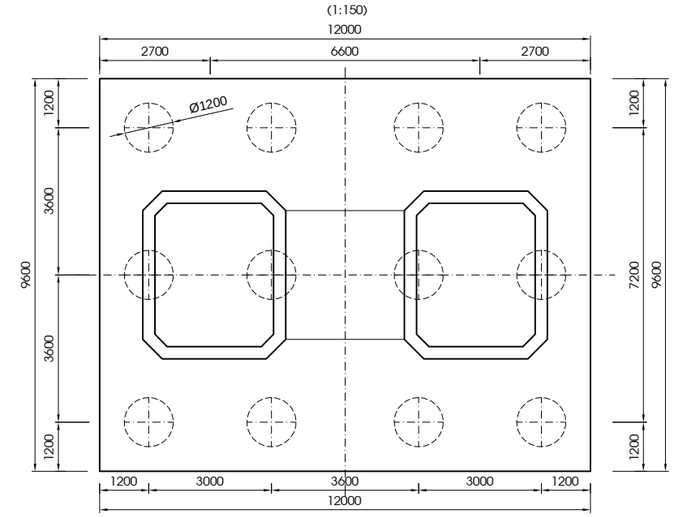
(LOẠI XÀ MŨ MỞ RỘNG CẦU TÁCH NHÁNH)

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)

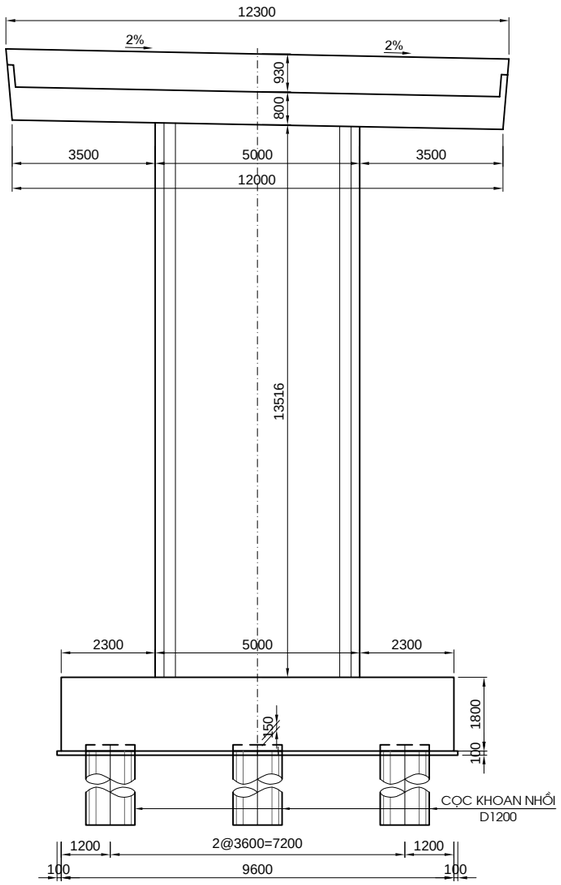


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ **TỶ LỆ BẢN VẼ:** / **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN:** 01 / **LẦN CHỈNH SỬA:** 00 / **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

C:\USERS\CP\DOWNLOADS\02_TRU_1_6158_108CE241.SV$.DWG May30, 2026 - 5:39 PM

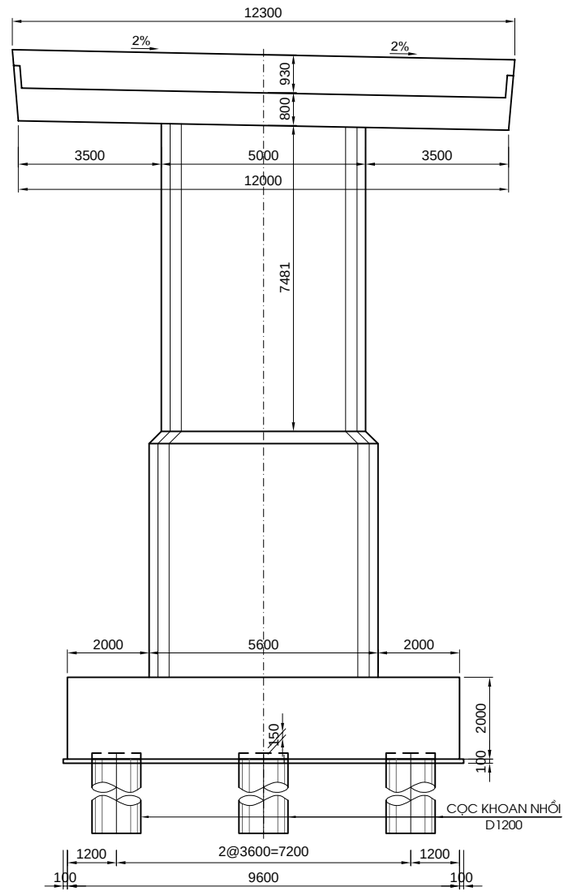
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (7M< H <=15M)

(LOẠI CẦU TÁCH NHÁNH)
(1:150)



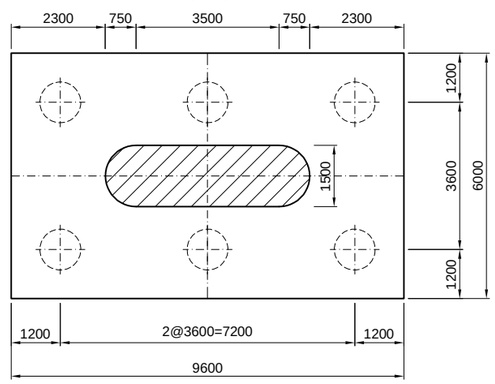
MẶT CẮT NGANG TẠI TRỤ (15M< H <=30M)

(LOẠI CẦU TÁCH NHÁNH)
(1:150)



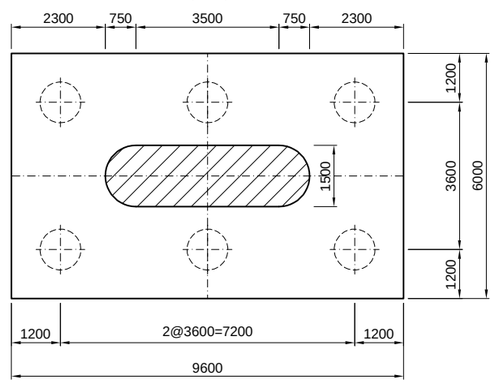
MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



MẶT BẰNG BỆ TRỤ

(1:150)



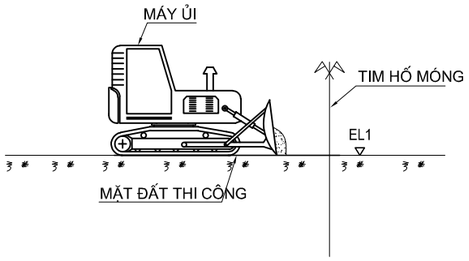
C:\USERS\CP\DOWNLOADS\02_TRU.DWG May30, 2026-2:47 PM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	KÍCH THƯỚC CHUNG TRỤ **TỶ LỆ BẢN VẼ:** **BẢN VẼ SỐ:** **LẦN XUẤT BẢN: 01** **LẦN CHỈNH SỬA: 00** **MÃ SỐ SẢN PHẨM:**

II.4. CÁC BẢN VẼ TỔ CHỨC THI CÔNG

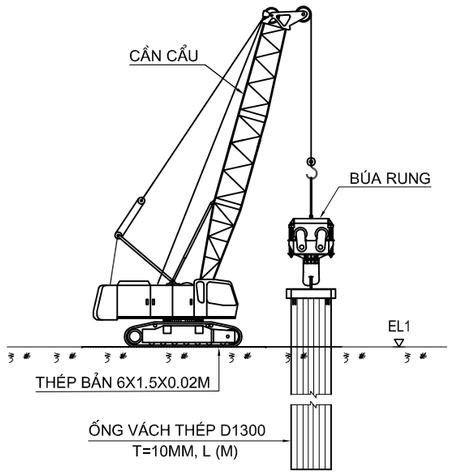
BƯỚC 1: CHUẨN BỊ MẶT BẰNG THI CÔNG

- DÙNG MÁY ỦI SAN LẤP TẠO MẶT BẰNG THI CÔNG.
- TẬP KẾT VẬT LIỆU VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG



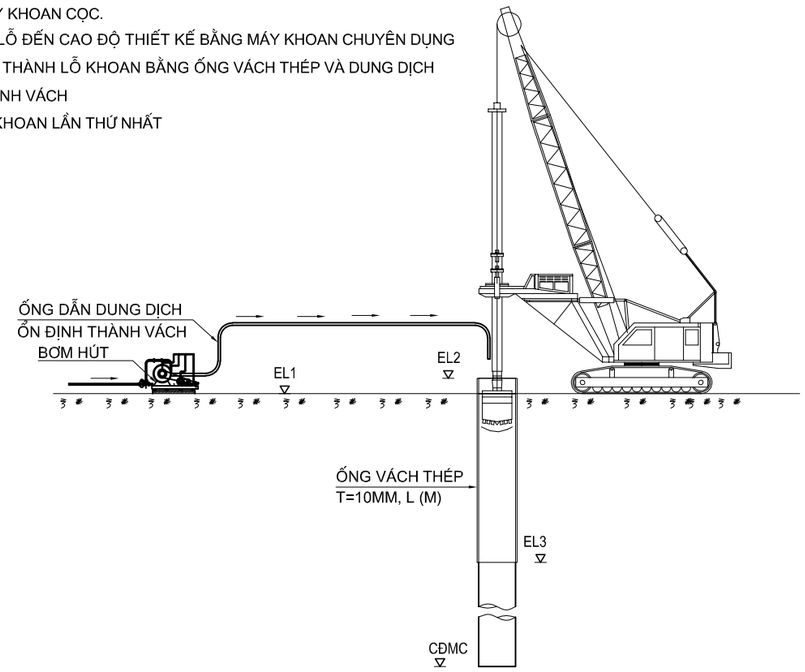
BƯỚC 2: RUNG HẠ ỐNG VÁCH THÉP

- XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ TIM CỌC KHOAN NHỒI
- RUNG HẠ ĐÁY ỐNG VÁCH THÉP ĐẾN CAO ĐỘ THIẾT KẾ



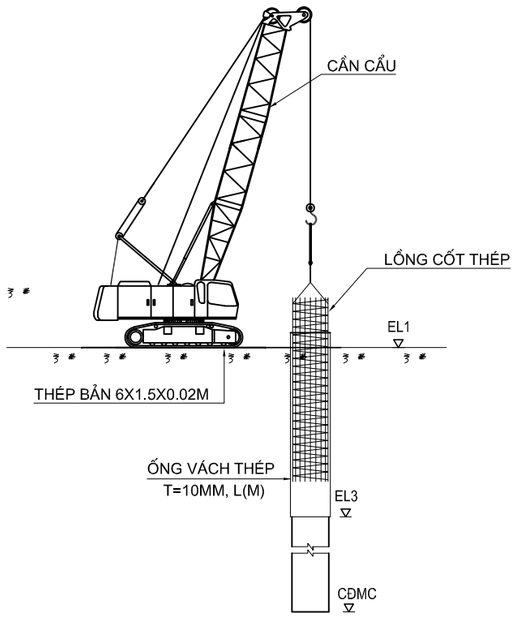
BƯỚC 3: KHOAN TẠO LỖ

- LẮP ĐẶT HỆ THỐNG DI CHUYỂN CỦA MÁY KHOAN CỌC.
- LẮP ĐẶT MÁY KHOAN CỌC.
- KHOAN TẠO LỖ ĐẾN CAO ĐỘ THIẾT KẾ BẰNG MÁY KHOAN CHUYÊN DỤNG
- GIỮ ỔN ĐỊNH THÀNH LỖ KHOAN BẰNG ỐNG VÁCH THÉP VÀ DUNG DỊCH ỔN ĐỊNH THÀNH VÁCH
- VỆ SINH LỖ KHOAN LẦN THỨ NHẤT



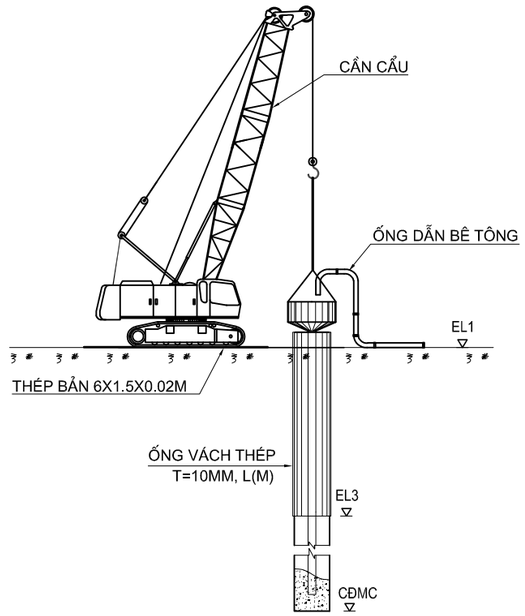
BƯỚC 4: HẠ LỒNG CỐT THÉP

- HẠ LỒNG CỐT THÉP ĐẾN CAO ĐỘ THIẾT KẾ
- VỆ SINH LỖ KHOAN LẦN THỨ HAI



BƯỚC 5: ĐỔ BÊ TÔNG CỌC KHOAN NHỒI

- ĐỔ BÊ TÔNG CỌC KHOAN NHỒI THEO PHƯƠNG PHÁP VỮA DÂNG
- HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THI CÔNG CỌC KHOAN NHỒI



GHI CHÚ:

- BẢN VẼ THỂ HIỆN PHƯƠNG ÁN THI CÔNG ĐIỂN HÌNH.
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI MM, CAO ĐỘ GHI M.

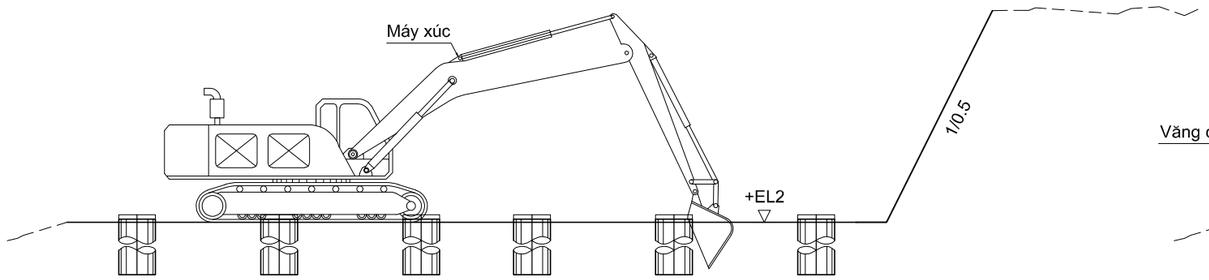
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BIỆN PHÁP THI CÔNG CKN TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\00.THI CONG CKN.DWG May15, 2026-10:46 AM

BIỆN PHÁP THI CÔNG MỐ M1

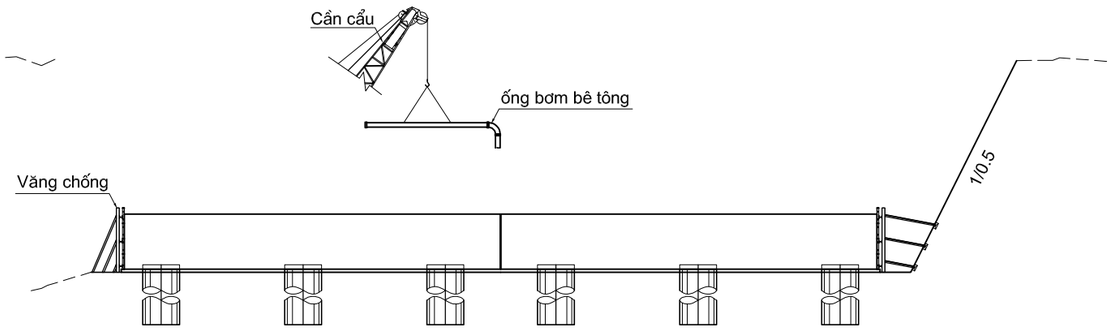
BƯỚC 1: THI CÔNG HỐ MÓNG

- ĐỊNH VỊ HỐ MÓNG
- ĐÀO ĐẤT HỐ MÓNG ĐẾN CAO ĐỘ THIẾT KẾ BẰNG MÁY ĐÀO VÀ THỦ CÔNG;
- ĐẬP ĐẦU CỌC,VỆ SINH HỐ MÓNG;
- ĐỔ LỚP BÊ TÔNG TẠO PHẲNG DÀY 10CM.



BƯỚC 2: THI CÔNG BỆ MỐ

- LẮP ĐẶT CỐT THÉP, VÁN KHUÔN, VĂNG CHỐNG;
- ĐỔ VÀ BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG;
- KHI BÊ TÔNG ĐẠT CƯỜNG ĐỘ, THÁO DỠ VÁN KHUÔN;
- ĐẮP TRẢ ĐẾN CAO ĐỘ ĐỈNH BỆ.

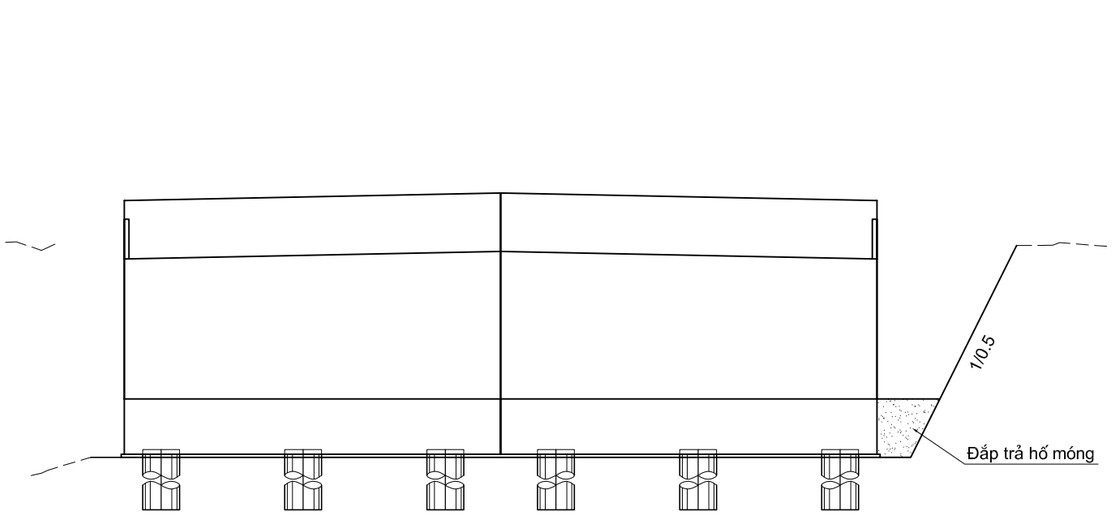


BƯỚC 3: THI CÔNG THÂN MỐ

- LẮP ĐẶT CỐT THÉP, VÁN KHUÔN, HỆ ĐÀ GIÁO;
- ĐỔ VÀ BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG;
- KHI BÊ TÔNG ĐẠT CƯỜNG ĐỘ, THÁO DỠ VÁN KHUÔN; ĐÀ GIÁO.

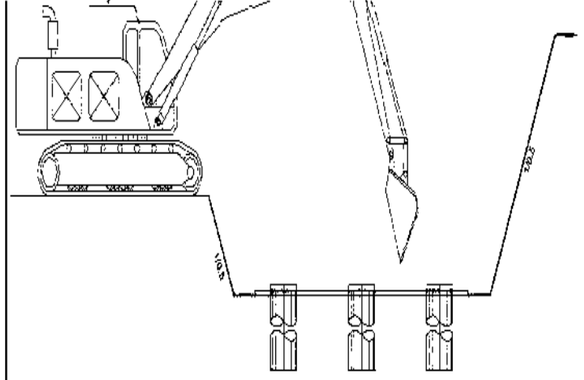
BƯỚC 4: HOÀN THIỆN MỐ

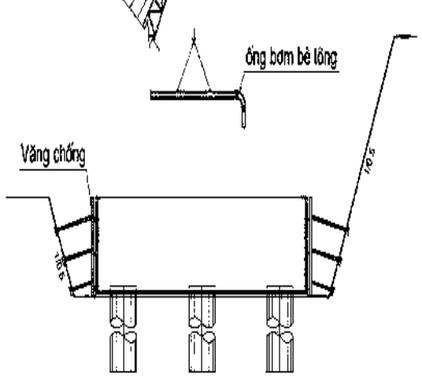
- QUÉT BITUM LÒNG MỐ.
- HOÀN THIỆN MỐ.

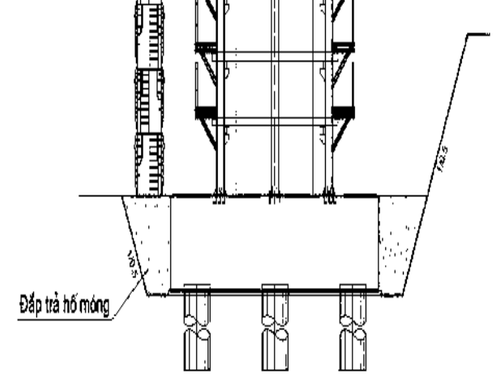


UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BIỆN PHÁP THI CÔNG MỐ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:	
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:	

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MO TRU.DWG May15, 2026-10:54 AM

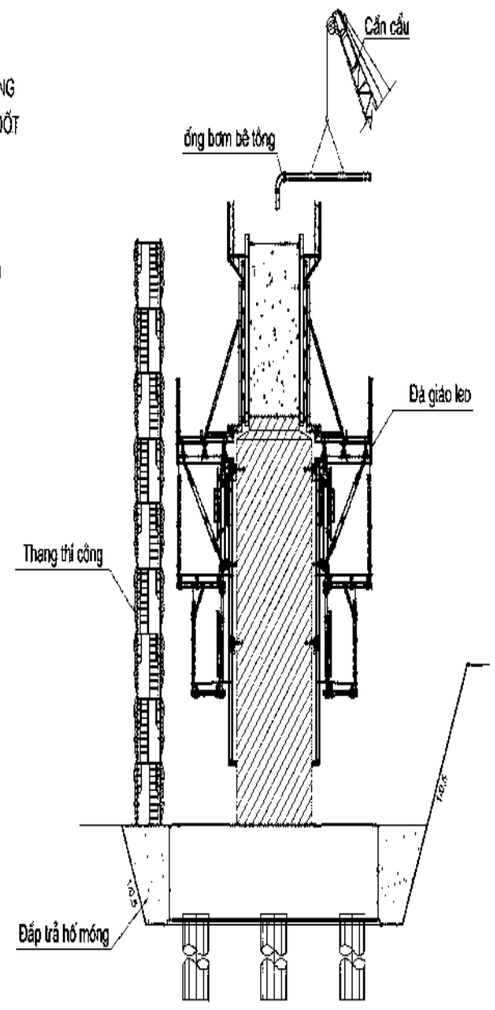






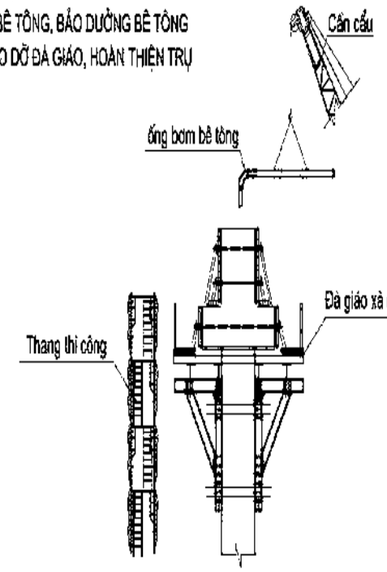
BƯỚC 4: THI CÔNG THÂN TRỤ BẰNG VÁN KHUÔN LEO

- LẮP DỰNG VÁN KHUÔN LEO TRÊN ĐỐT ĐÚC ĐÃ THI CÔNG
- LẮP DỰNG VÁN KHUÔN ,CỐT THÉP THEO TỪNG ĐOẠN ĐỐT THÂN TRỤ
- ĐỔ BÊ TÔNG THÂN TRỤ.
- BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG.
- DI CHUYỂN VÁN KHUÔN LEO THI CÔNG ĐỐT TIẾP THEO



BƯỚC 5: THI CÔNG XÀ MŨ TRỤ VÀ HOÀN THIỆN

- THÁO DỠ VÁN KHUÔN LEO
- LẮP ĐỰNG ĐÀ GIÁO THI CÔNG XÀ MŨ
- THỬ TẢI ĐÀ GIÁO
- LẮP DỰNG VÁN KHUÔN CỐT THÉP
- ĐỔ BÊ TÔNG, BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG
- THÁO DỠ ĐÀ GIÁO, HOÀN THIỆN TRỤ

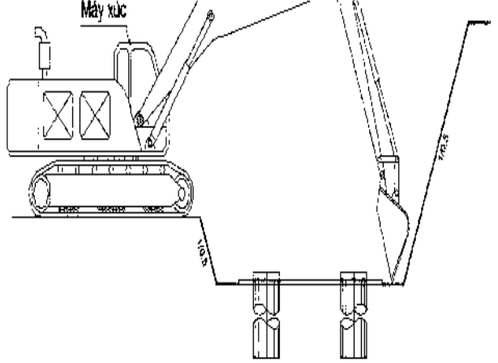


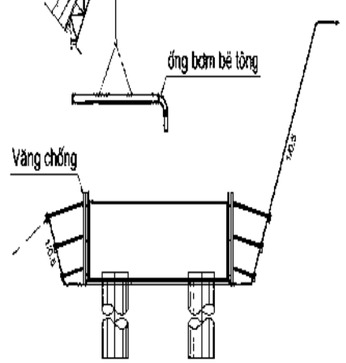
GHI CHÚ

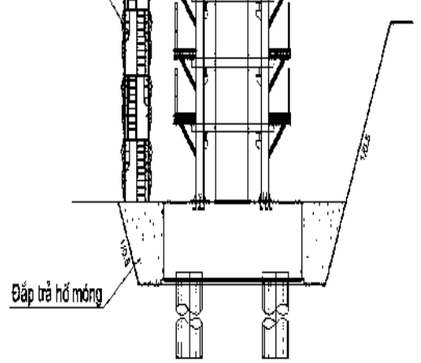
- ĐỐI VỚI TRỤ THẤP HƠN 15M, SỬ DỤNG ĐÀ GIÁO THI CÔNG.
- ĐỐI VỚI TRỤ CAO HƠN 15M ,SỬ DỤNG ĐÀ GIÁO VÁN KHUÔN LEO.

UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BIỆN PHÁP THI CÔNG TRỤ (TRỤ CAO) TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

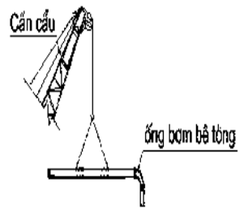
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HỒ SƠ DIỄN HÌNH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MỐ TRU.DWG May15, 2026—10:54 AM



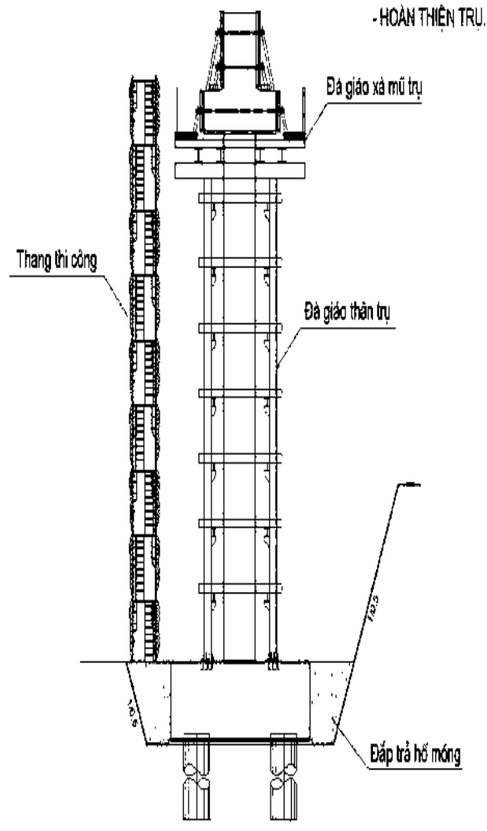


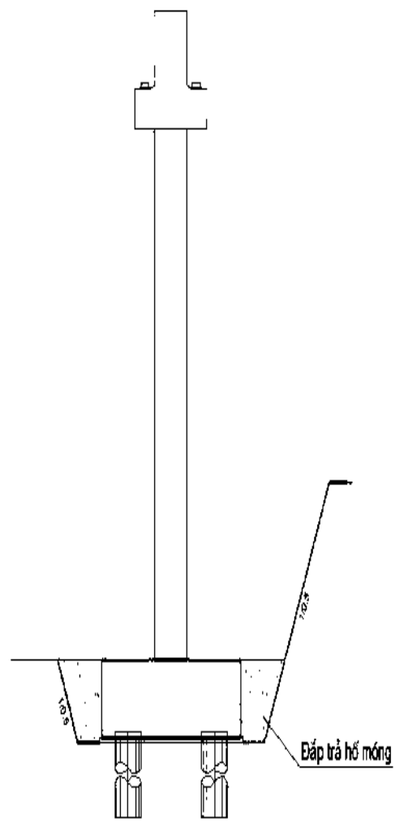


BƯỚC 4: THI CÔNG XÀ MŨ TRỤ



- LẮP DỰNG ĐÀ GIÁO, VÁN KHUÔN THI CÔNG XÀ MŨ TRỤ. THỬ TẢI
- LẮP DỰNG CỐT THÉP XÀ MŨ TRỤ
- ĐỔ VÀ BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG XÀ MŨ TRỤ
- KHI BÊ TÔNG ĐẠT CƯỜNG ĐỘ, THÁO DỠ ĐÀ GIÁO, VÁN KHUÔN
- HOÀN THIỆN TRỤ.



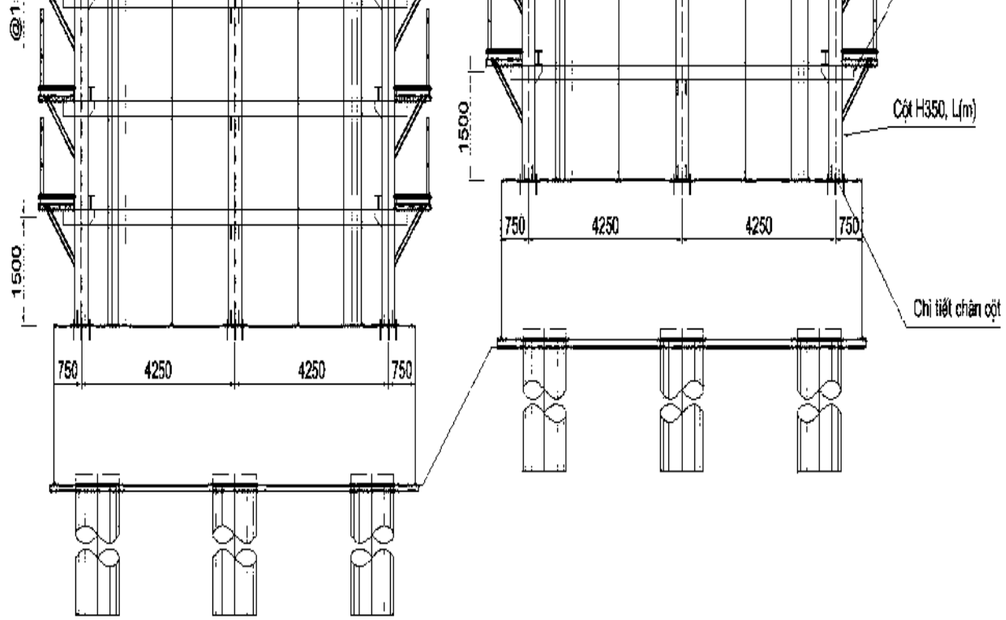


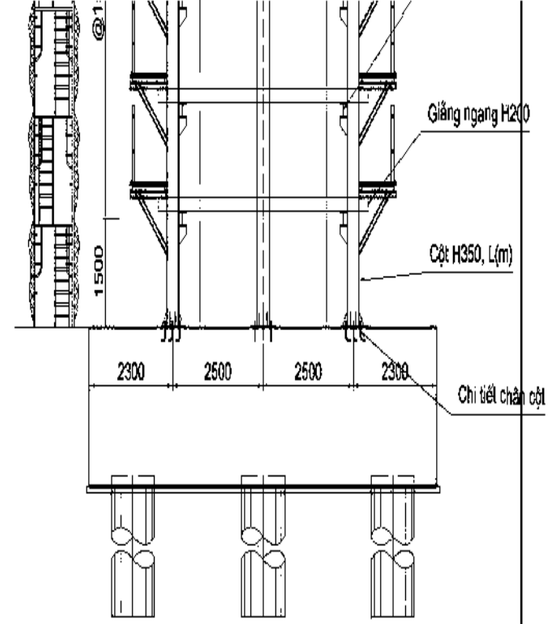
GHI CHÚ

- ĐỐI VỚI TRỤ THẤP HƠN 15M, SỬ DỤNG ĐÀ GIÁO THI CÔNG.
- ĐỐI VỚI TRỤ CAO HƠN 15M ,SỬ DỤNG ĐÁ GIÁO VÁN KHUÔN LEO.

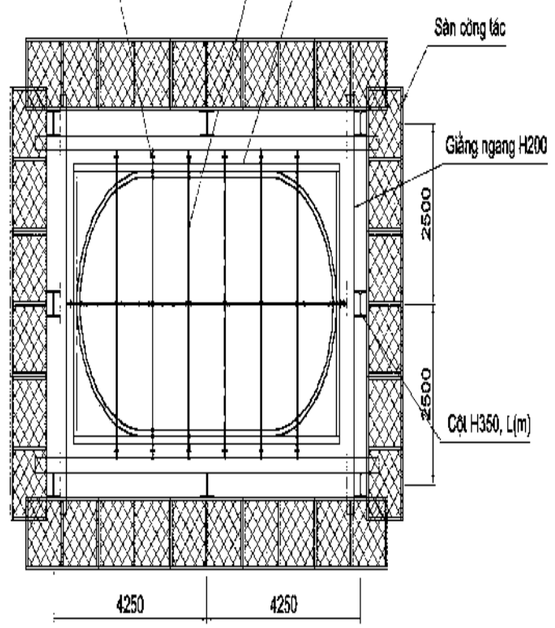
D:\1.CONG TY\A2Z\03. TAN QUANG THANH THUY\01.HỒ SƠ DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MỐ TRU.DWG May15, 2026—10:54 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG	DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	BIỆN PHÁP THI CÔNG TRỤ (TRỤ THẤP)	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ					
		CHỦ NHIỆM			NGUYỄN HỮU DŨNG	LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		KCS CÔNG TY					

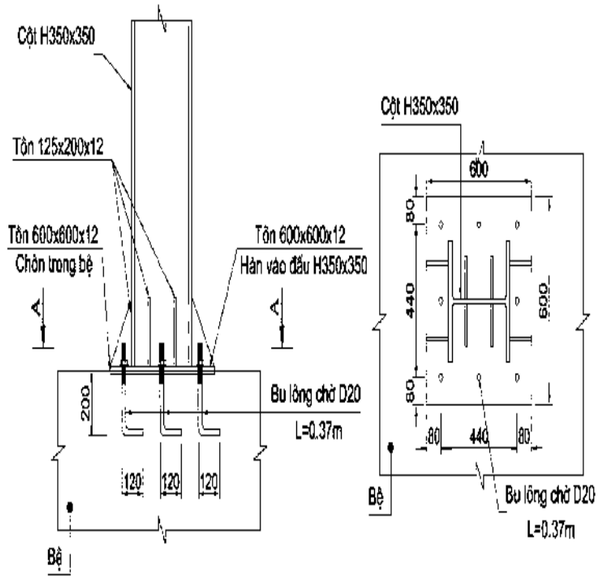




MẶT BẰNG



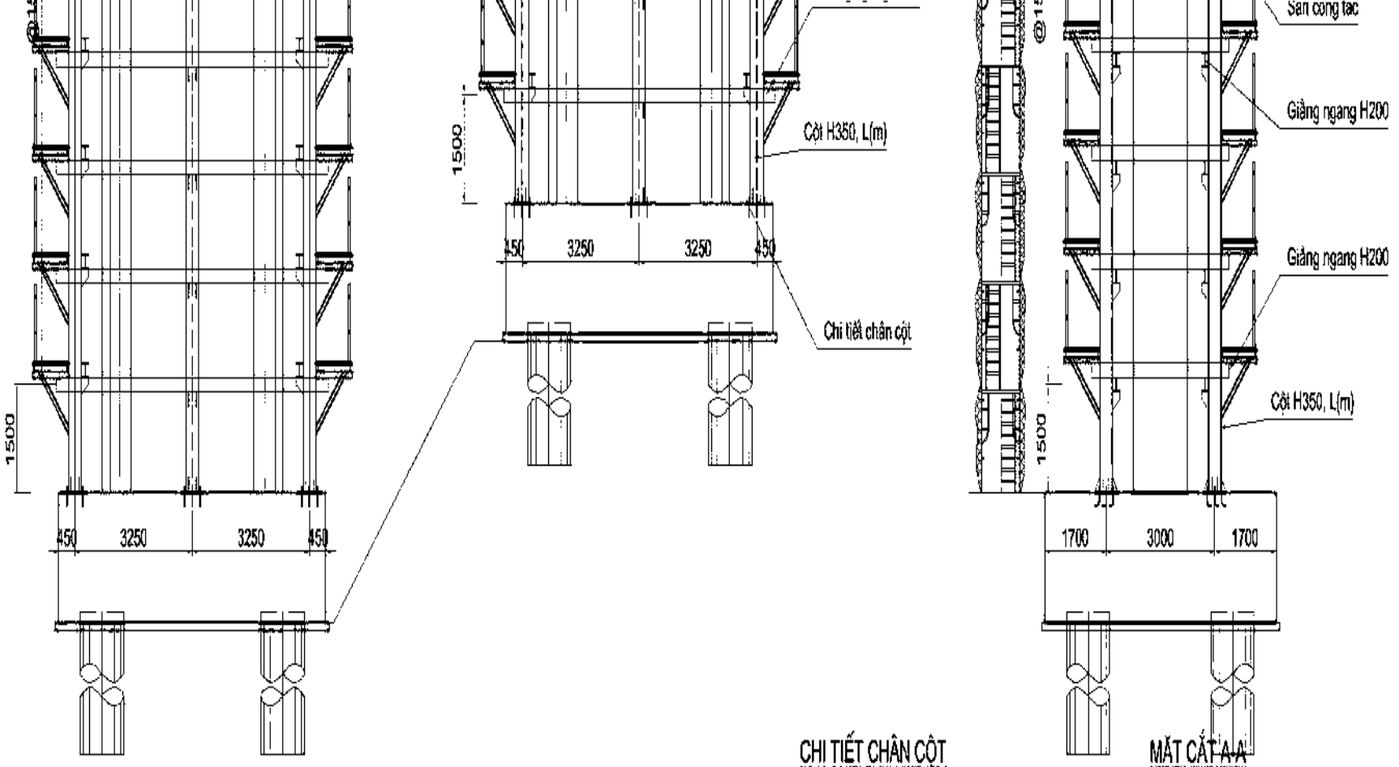
CHI TIẾT CHÂN CỘT



MẶT CẮT A-A

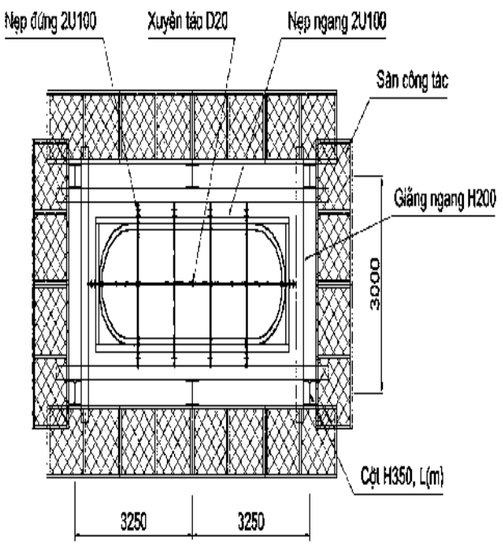
D:\1.CÔNG TY\A2Z\03. TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MO TRU.DWG May15, 2026—10:54 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM K.CS CÔNG TY			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BỐ TRÍ ĐÀ GIÁO THI CÔNG THÂN TRỤ (TRỤ CAO) TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

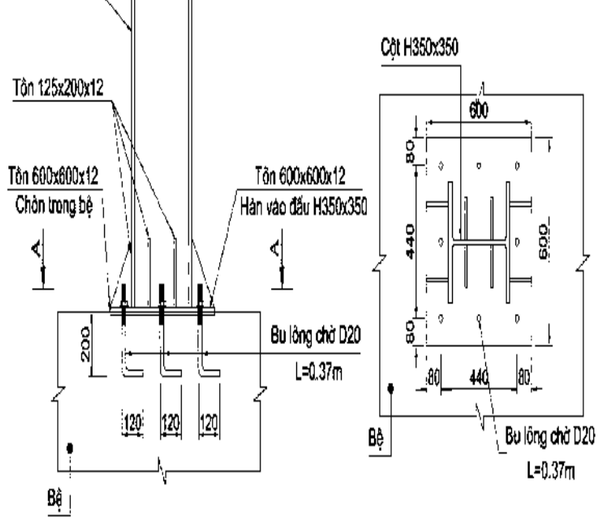


MẶT BẰNG

MẶT CẮT A-A



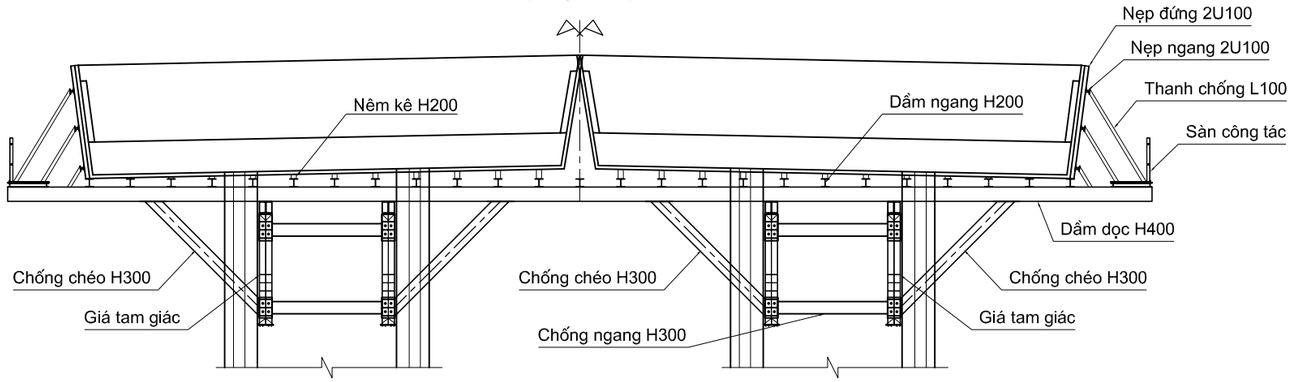
CHI TIẾT CHÂN CỘT



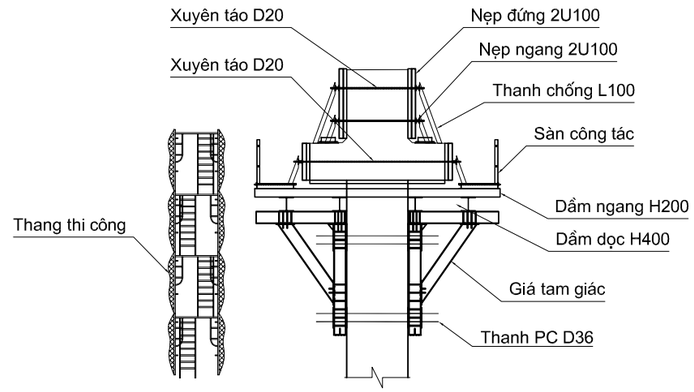
D:\1.CÔNG TY\A2Z\03. TÂN QUANG THANH THUỶ\01.HỒ SƠ DIỄN HÌNH\01.DH CẦU\06.CON\02.BPTC MỐ TRỤ.DWG May15, 2026—10:54 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG	DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	BỐ TRÍ ĐÀ GIÁO THI CÔNG THÂN TRỤ (TRỤ THẤP)	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ					
		CHỦ NHIỆM			NGUYỄN HỮU DŨNG	LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		KCS CÔNG TY					

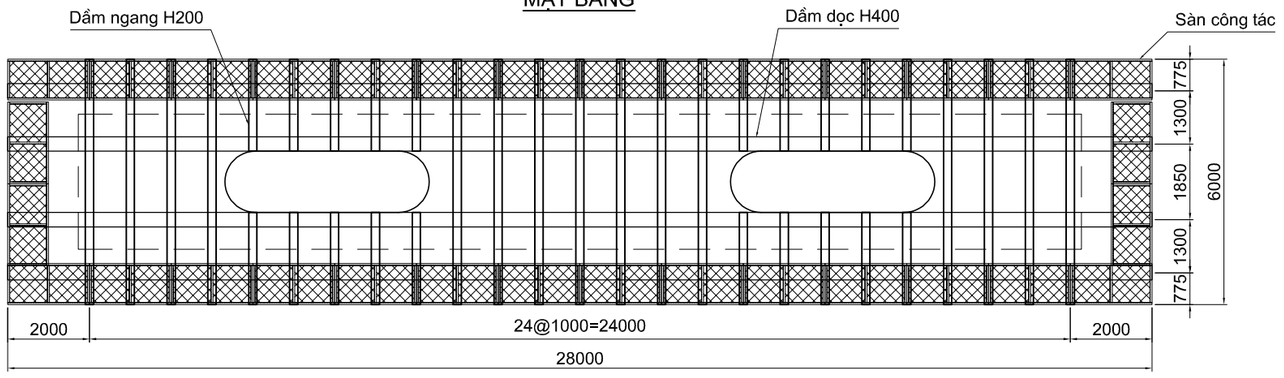
BỐ TRÍ CHUNG ĐÀ GIÁO XÀ MŨ TRỤ
(TRỤ CAO)



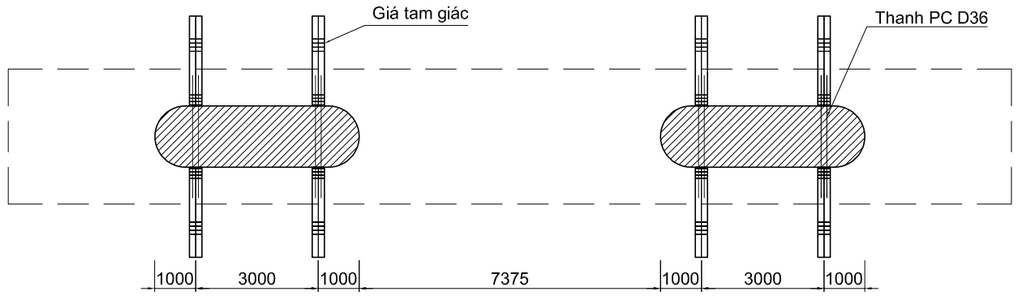
MẶT BÊN



MẶT BẰNG



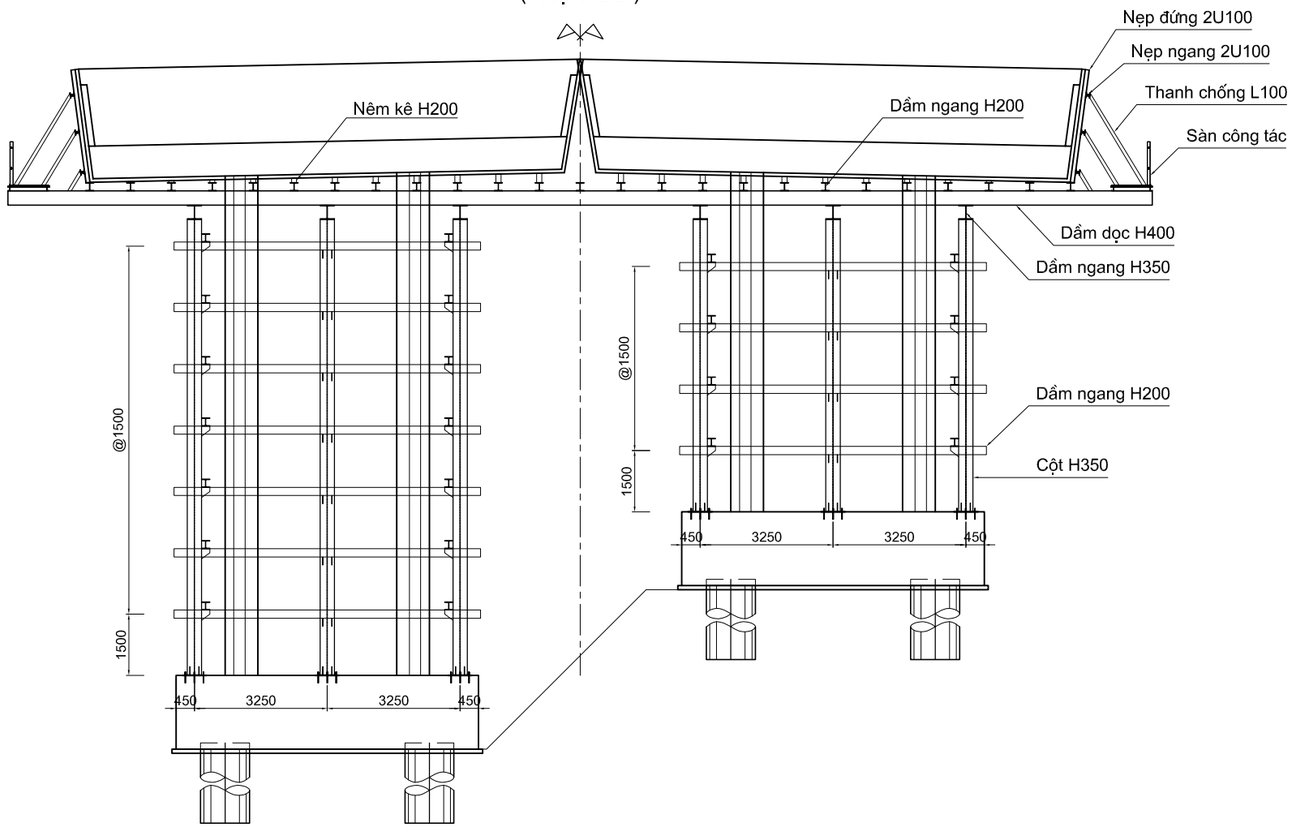
MẶT BẰNG GIÁ TAM GIÁC



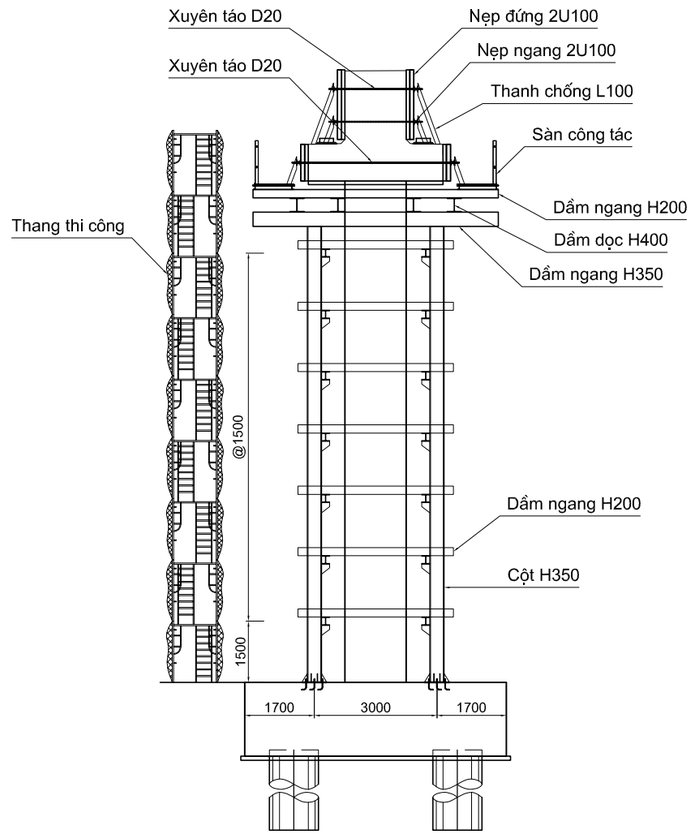
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MO TRU.DWG May15, 2026 - 10:54 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN		HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BỐ TRÍ ĐÀ GIÁO THI CÔNG XÀ MŨ TRỤ (TRỤ CAO)	
		KIỂM TRA			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM				
		KCS CÔNG TY				

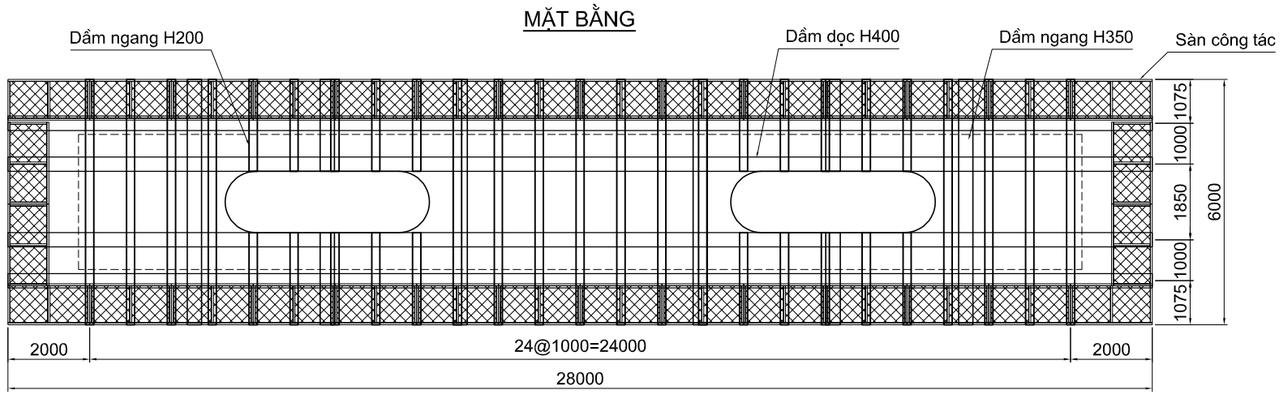
BỐ TRÍ CHUNG ĐÀ GIÁO XÀ MŨ TRỤ
(TRỤ THẤP)



MẶT BÊN



MẶT BẰNG



UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN		
		KIỂM TRA		
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		CHỦ NHIỆM		
		KCS CÔNG TY		

HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z
TỔNG GIÁM ĐỐC

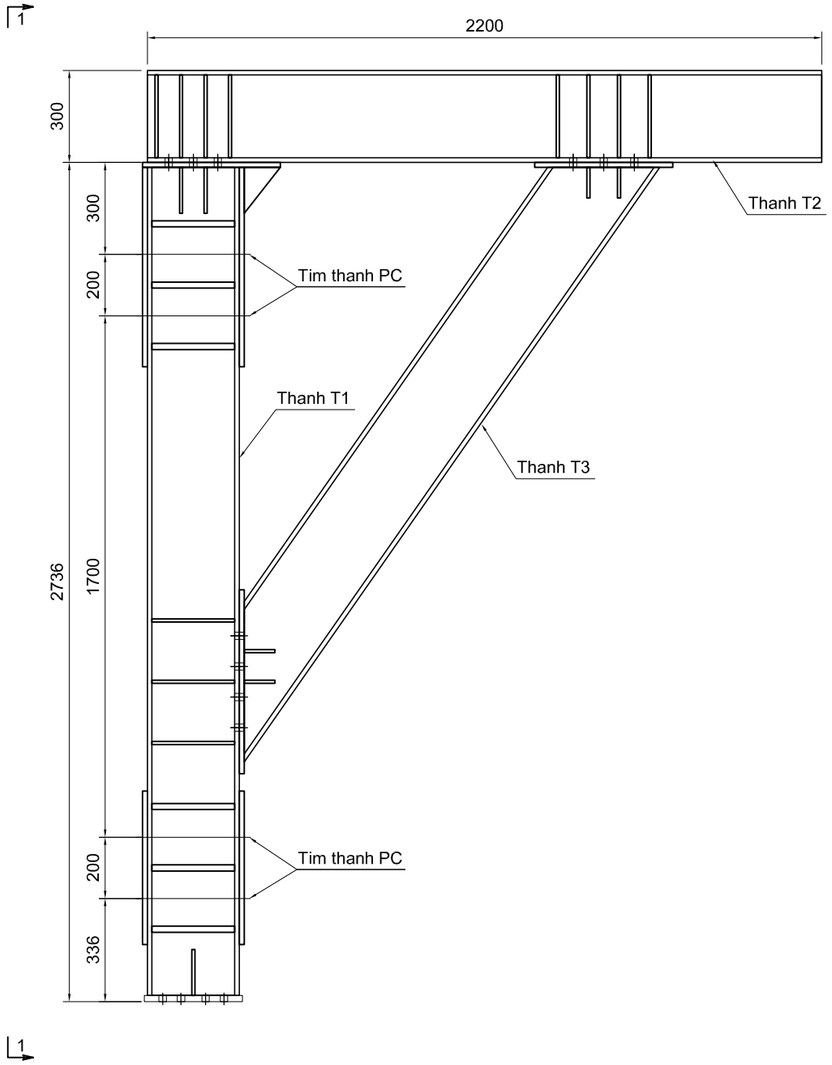
NGUYỄN HỮU DŨNG

BỐ TRÍ ĐÀ GIÁO THI CÔNG XÀ MŨ TRỤ (TRỤ THẤP)

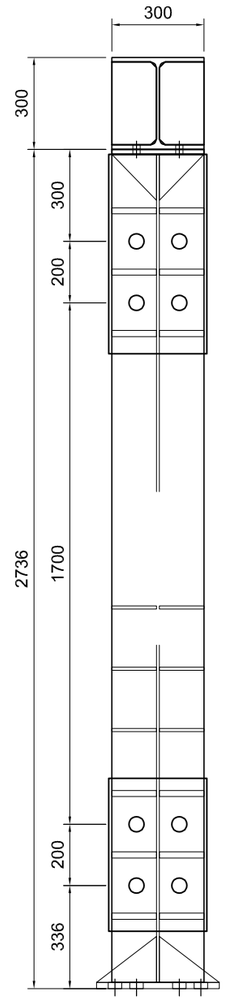
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MO TRU.DWG May15, 2026-10:54 AM

BỐ TRÍ CHUNG GIÁ TAM GIÁC



MẶT CẮT 1-1



Cấu kiện	KHỐI LƯỢNG GIÁ TAM GIÁC (Tính cho 01 giá)					Ghi chú
	Chi tiết	Quy cách	Số lượng	Đơn trọng	Khối lượng (kg)	
Thanh T1	T1.1	H300*300*10*15, L=2700	1	93,00 kg/m	251,10	
	T1.2	Thép bản t16, 450*300	1	125,60 kg/m2	16,96	
	T1.3	Thép bản t10, 150*118	3	78,50 kg/m2	2,08	
	T1.4	Thép bản t10, 150*145	6	78,50 kg/m2	5,12	
	T1.5	Thép bản t10, 650*320	2	125,60 kg/m2	52,25	
	T1.6	Thép bản t16, 500*320	2	125,60 kg/m2	40,19	
	T1.7	Thép bản t20, 270*145	12	157,00 kg/m2	73,15	
	T1.8	Thép bản t20, 300*320	1	157,00 kg/m2	15,07	
	T1.9	Thép bản t10, 270*145	6	78,50 kg/m2	18,29	
	Tổng				**474,21**	
Thanh T2	T2.1	H300*300*10*15, L=2200	1	93,00 kg/m	204,60	
	T2.2	Thép bản t10, 270*145	16	78,50 kg/m2	48,77	
	Tổng				**253,37**	
Thanh T3	T3.1	H300*300*10*15, L=2047	1	93,00 kg/m	190,37	
	T3.2	Thép bản t10, 450*300	1	125,60 kg/m2	16,96	
	T3.3	Thép bản t16, 600*300	1	125,60 kg/m2	22,61	
	T3.4	Thép bản t10, 100*145	8	78,50 kg/m2	4,55	
	Tổng				**234,49**	
Tổng khối lượng giá tam giác				**(kg)**	**962,06**	

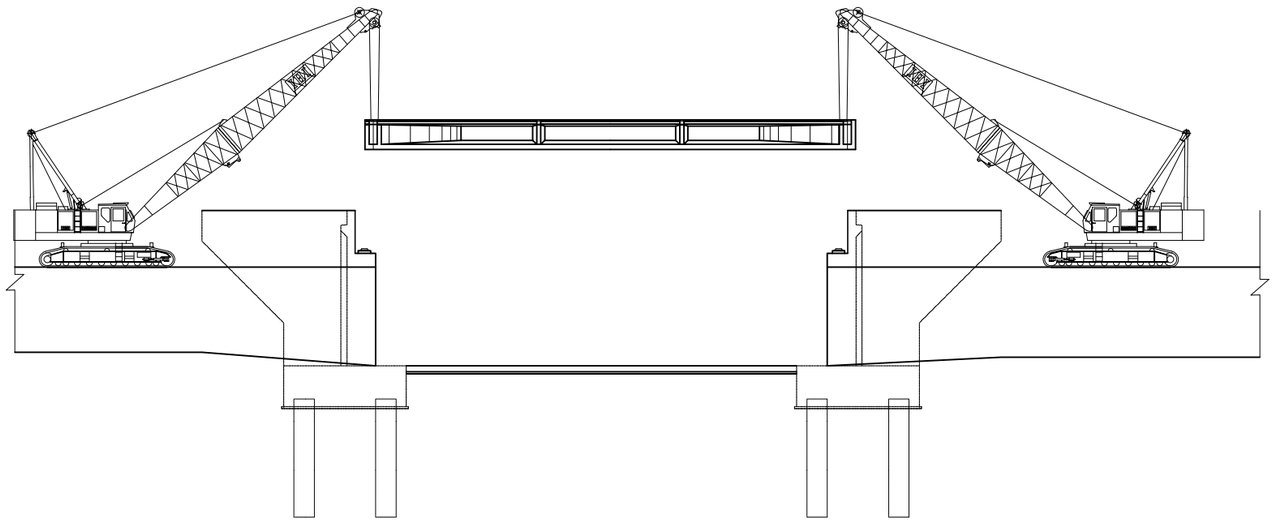
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\02.BPTC MO TRU.DWG May15, 2026 - 10:54 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG**	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY**	THỰC HIỆN	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁ TAM GIÁC
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	NGUYỄN HỮU DŨNG	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 / LẦN CHỈNH SỬA: 00 / MÃ SỐ SẢN PHẨM:

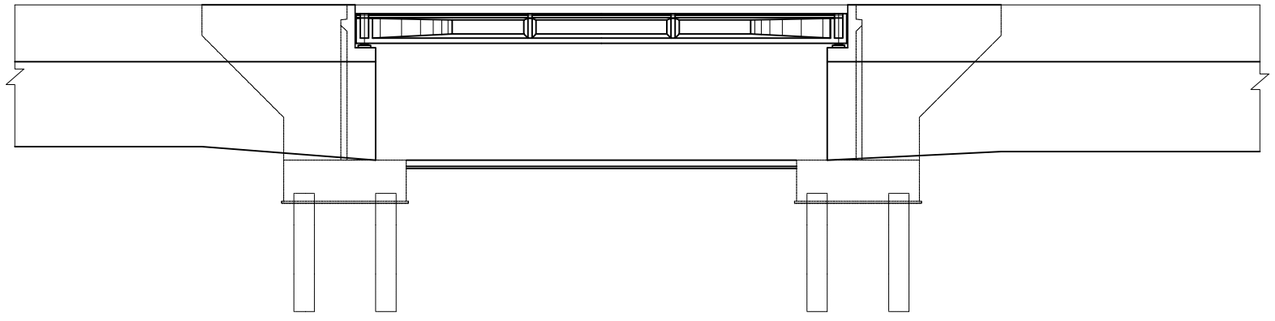
TÂN QUANG

THANH THỦY

THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP



THI CÔNG HOÀN THIỆN CẦU



THUYẾT MINH:

1. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ:

- BỐ TRÍ ĐÚC VÀ CHỨA DẦM TẠI BÃI ĐÚC (ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ CỦA DỰ ÁN)
- VẬN CHUYỂN DẦM TỪ BÃI ĐÚC ĐẾN VỊ TRÍ NHỊP BẰNG LAO DỌC TRÊN ĐƯỜNG LAO RA VỊ TRÍ NHỊP
- CHUẨN BỊ 2 XE CẨU PHỤC VỤ CẨU LẮP DẦM

2. CÔNG TÁC CẨU LẮP:

- CÁC PHIẾN DẦM ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI VÀ VẬN CHUYỂN RA VỊ TRÍ LẮP ĐẶT BẰNG LAO KÉO DỌC
- DÙNG 2 CẨU NÂNG DẦM, ĐẶT VÀO VỊ TRÍ GỐI.

3. HOÀN THIỆN:

- THI CÔNG DẦM NGANG
- LẮP ĐẶT TẤM VÁN KHUÔN
- PHÁ GỜ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU
- THI CÔNG GỜ CHẮN, LAN CAN.
- THI CÔNG KHE CO GIÃN, ỐNG THOÁT NƯỚC ...
- HOÀN THIỆN CẦU

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC DÙNG MM, CAO ĐỘ DÙNG M.
- BIỆN PHÁP ĐẨU CẨU ÁP DỤNG VỚI NHỮNG CẦU CÓ ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẲNG VÀ CHIỀU CAO MỐ TRỤ KHÔNG LỚN.
- ĐỐI VỚI DẦM I24 SỬ DỤNG 2 CẨU 40T, VỚI DẦM I33 SỬ DỤNG 2 CẨU 63T

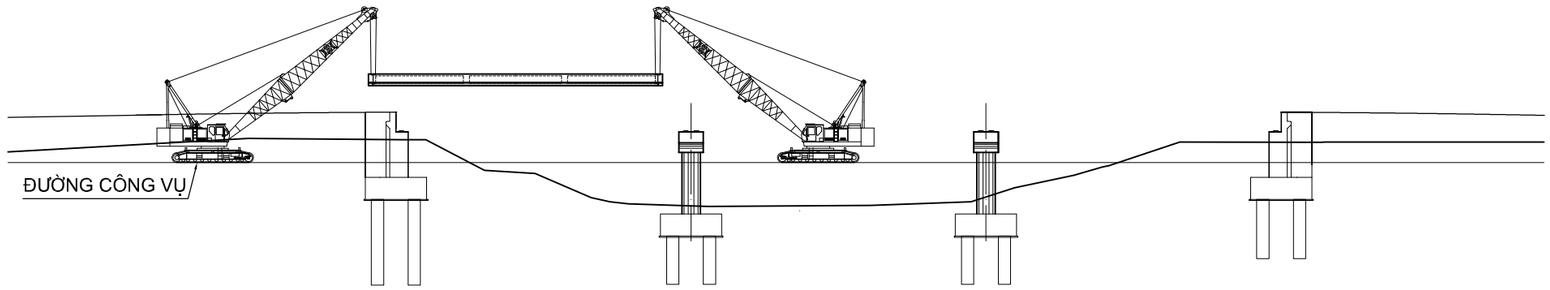
D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04.THI CONG KCN.DWG May15, 2026 - 11:02 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY	HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	**BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU NHỎ** TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00 MÃ SỐ SẢN PHẨM:

TÂN QUANG

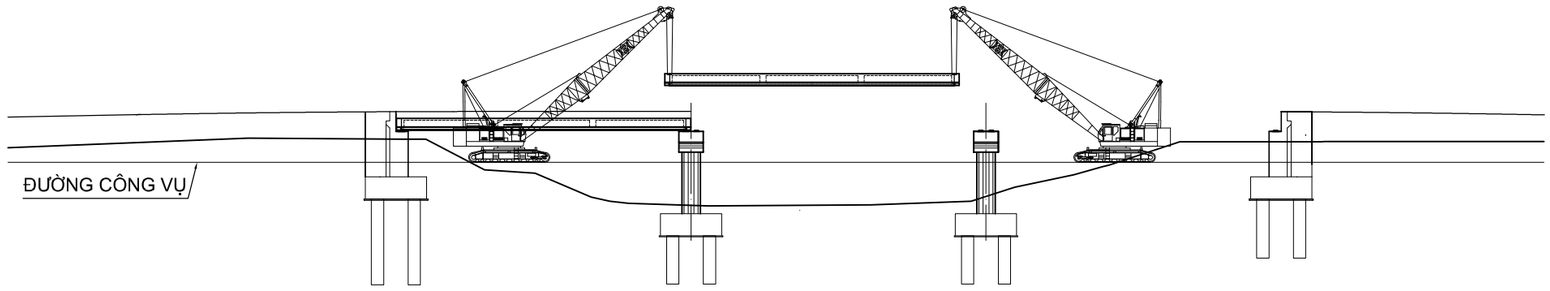
THANH THỦY

BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU TRUNG



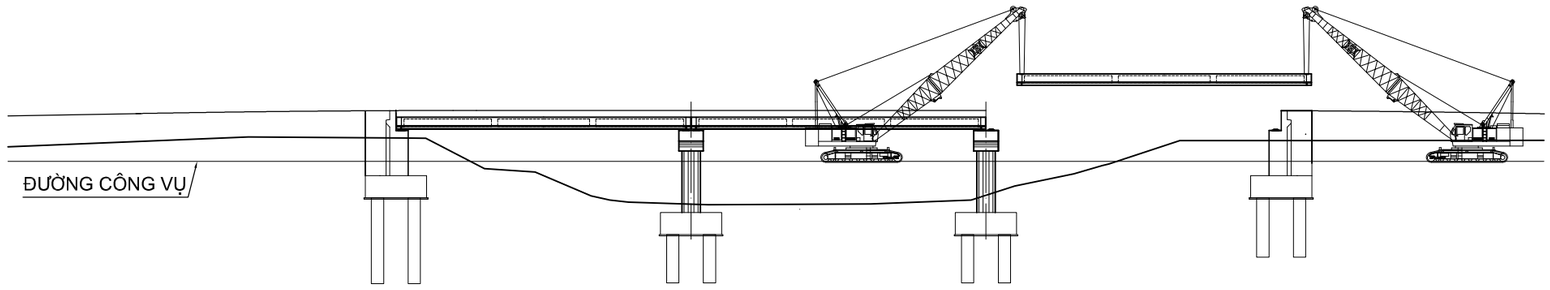
BƯỚC 1: GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ

- THI CÔNG BÃI ĐÚC VÀ CHỨA DẦM.
- THI CÔNG BỆ ĐÚC DẦM, ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN DẦM.
- DẦM ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC DẦM.
- KHI BÊ TÔNG ĐẠT CƯỜNG ĐỘ THIẾT KẾ, DÙNG GIÁ LONG MÔN CHUYỂN VÀO BÃI CHỨA DẦM.



BƯỚC 2: THI CÔNG CẨU LẮP DẦM

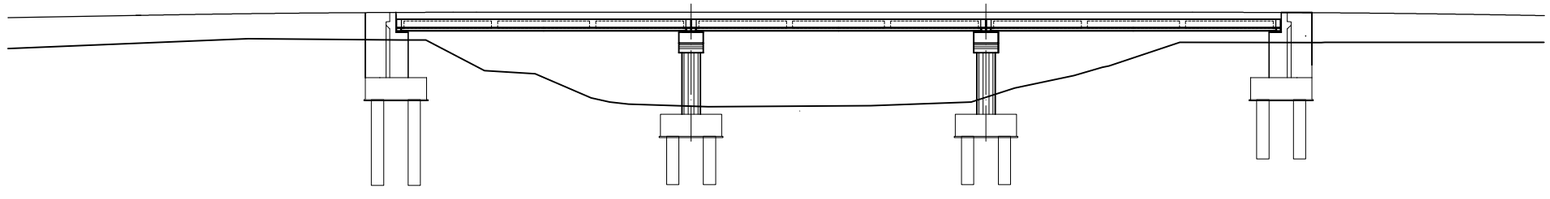
- SỬ DỤNG XE GOONG, XE CHUYÊN DỤNG VẬN CHUYỂN DẦM TỪ BÃI ĐÚC RA VỊ TRÍ NHỊP.
- DÙNG HAI CẨU 80T CẨU LẮP DẦM VÀO VỊ TRÍ.
- TRÌNH TỰ THI CÔNG CÁC DẦM CÒN LẠI ĐƯỢC TIẾN HÀNH THEO CÁC BƯỚC TRÊN.
- SAU KHI THI CÔNG XONG CÁC PHIẾN DẦM CỦA 1 NHỊP TIẾN HÀNH NỐI CỐT THÉP DẦM NGANG, LẮP ĐẶT VÁN KHUÔN, CỐT THÉP, ĐỔ BÊ TÔNG DẦM NGANG.
- PHÁ GỜ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ.
- ĐỔ BÊ TÔNG BẢN MẶT CẦU.
- TIẾN HÀNH THI CÔNG CÁC NHỊP CÒN LẠI.



BƯỚC 3: HOÀN THIỆN

- LẮP ĐẶT XE ĐÚC THI CÔNG GỜ LAN CAN.
- THI CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, LẮP ĐẶT KHE CO GIÃN, ...
- THI CÔNG LỚP PHÒNG NƯỚC, LỚP PHỦ MẶT CẦU, HOÀN THIỆN MẶT CẦU.
- SƠN VẠCH KẺ MẶT ĐƯỜNG, LẮP BIỂN BÁO HOÀN THIỆN TOÀN BỘ CẦU.

THI CÔNG HOÀN THIỆN CẦU



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC DÙNG MM, CAO ĐỘ DÙNG M.
- BIỆN PHÁP ĐẤU CẨU ÁP DỤNG VỚI NHỮNG CẨU CÓ ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẲNG VÀ CHIỀU CAO MỐ TRỤ KHÔNG LỚN.
- ĐỐI VỚI DẦM I24 SỬ DỤNG 2 CẨU 40T, VỚI DẦM I33 SỬ DỤNG 2 CẨU 63T

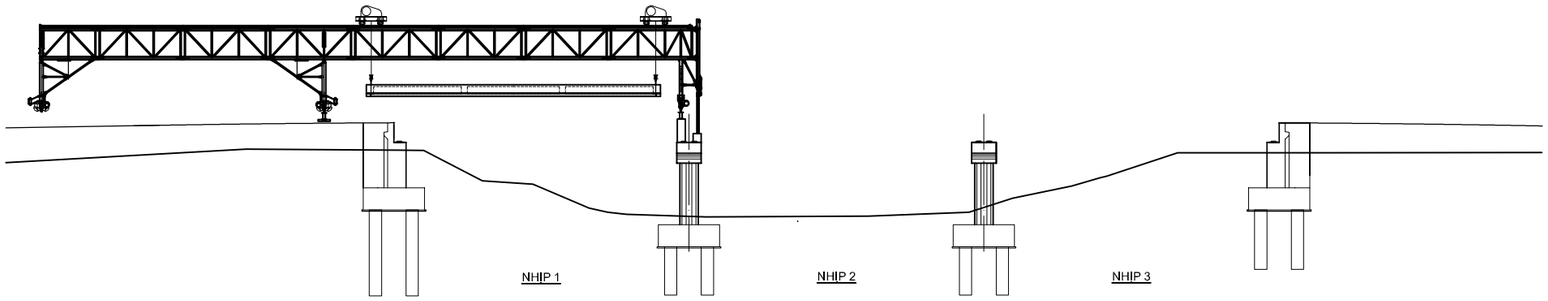
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU TRUNG - LOẠI 1	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY					

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04.THI CONG KCN.DWG May15, 2026 - 11:01 AM

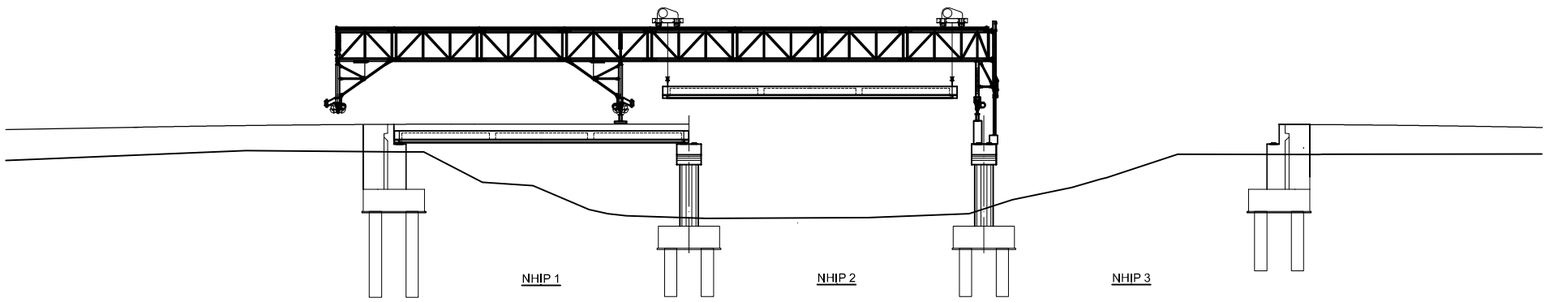
TÂN QUANG

THANH THỦY

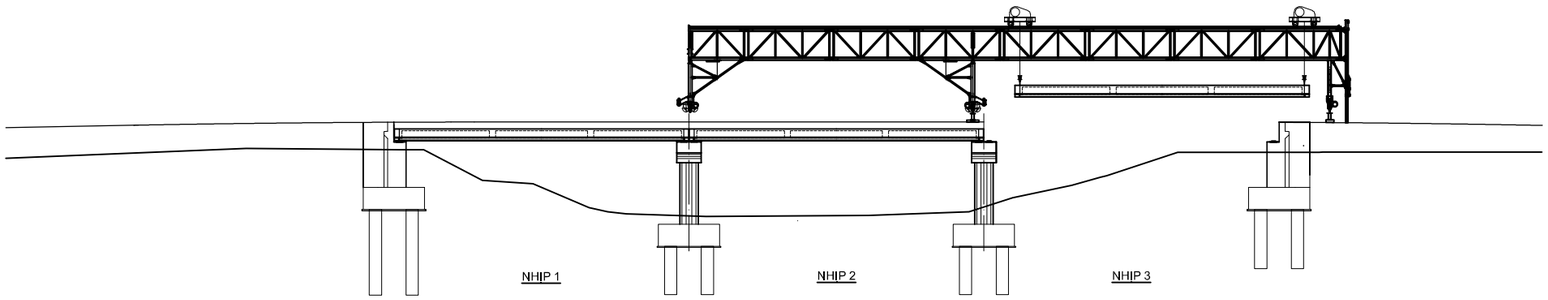
THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP 1



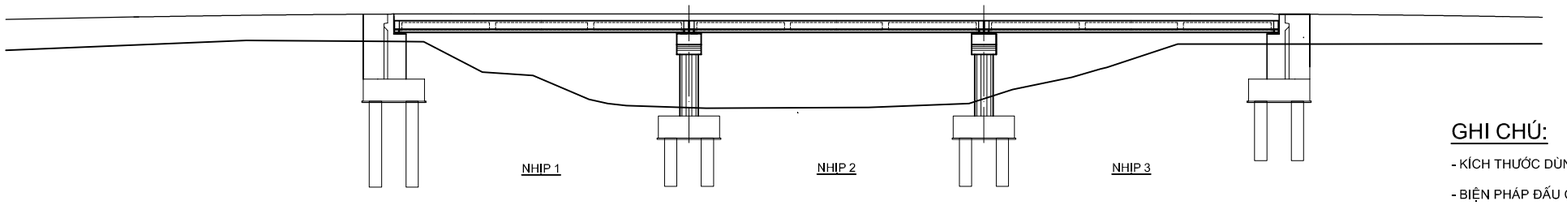
THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP 2



THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP 3



THI CÔNG HOÀN THIỆN CẦU



BƯỚC 1: THI CÔNG NHỊP 1

- RẢI ĐÁ DĂM, LẮP ĐẶT TÀ VẸT, ĐƯỜNG RAY
- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG SÀNG NGANG TRÊN MỐ M1, TRỤ T1, LẮP ĐẶT GIÁ LAO 3 CHÂN
- VẬN CHUYỂN DẦM ĐẾN ĐẦU MỐ BẰNG XE GOÒNG
- LAO DẦM VÀO VỊ TRÍ BẰNG GIÁ LAO DẦM
- PHÁ GỠ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU

BƯỚC 2: THI CÔNG NHỊP 2

- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG SÀNG NGANG TRÊN TRỤ T2, DI CHUYỂN GIÁ 3 CHÂN SANG NHỊP T1-T2
- LẮP ĐẶT TÀ VẸT, ĐƯỜNG RAY TRÊN MẶT CẦU TRÊN NHỊP 1
- VẬN CHUYỂN DẦM ĐẾN NHỊP 1 BẰNG XE GOÒNG
- LAO DẦM VÀO VỊ TRÍ BẰNG GIÁ LAO DẦM
- PHÁ GỠ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU

BƯỚC 3: THI CÔNG NHỊP 4

- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG SÀNG NGANG TRÊN MỐ M2, DI CHUYỂN GIÁ 3 CHÂN SANG NHỊP T2-M2
- LẮP ĐẶT TÀ VẸT, ĐƯỜNG RAY TRÊN MẶT CẦU TRÊN NHỊP 2
- VẬN CHUYỂN DẦM ĐẾN NHỊP 2 BẰNG XE GOÒNG
- LAO DẦM VÀO VỊ TRÍ BẰNG GIÁ LAO DẦM
- PHÁ GỠ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU

BƯỚC 4: HOÀN THIỆN CẦU

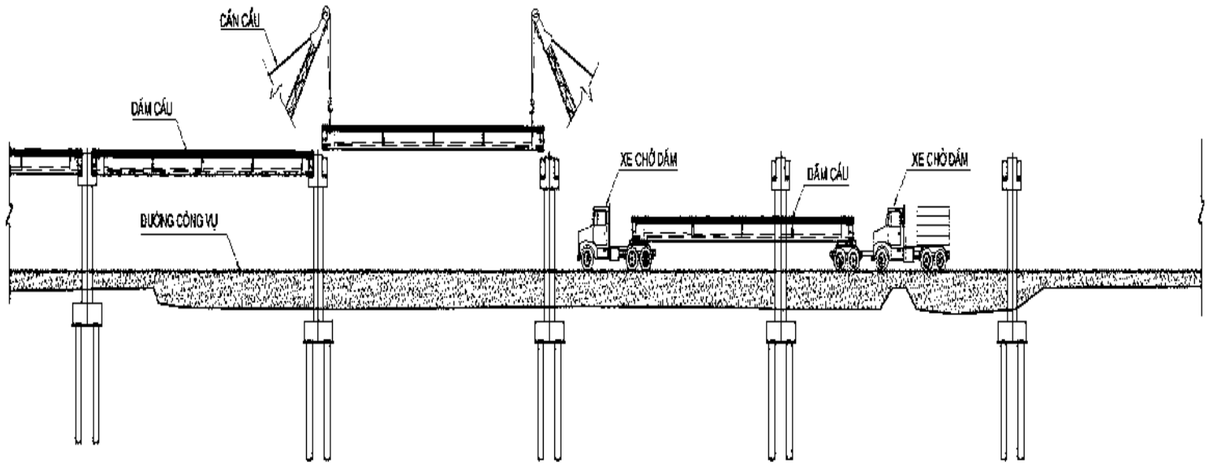
- THÁO DỠ GIÁ LAO, HỆ THỐNG ĐƯỜNG RAY
- THI CÔNG GỜ LAN CAN, KHE CO GIÃN
- THI CÔNG ĐƯỜNG ĐẦU CẦU, TỨ NÓN
- LẮP ĐẶT TAY VỊN, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, CHIẾU SÁNG
- LẮP ĐẶT BIỂN BÁO, SƠN KẺ VẠCH, HOÀN THIỆN CẦU

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC DÙNG MM, CAO ĐỘ DÙNG M.
- BIỆN PHÁP ĐẤU CẨU ÁP DỤNG VỚI NHỮNG CẦU CÓ ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẲNG VÀ CHIỀU CAO MỐ TRỤ KHÔNG LỚN.
- ĐỐI VỚI DẦM I24 SỬ DỤNG 2 CẨU 40T, VỚI DẦM I33 SỬ DỤNG 2 CẨU 63T

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04.THI CONG KCN.DWG May15, 2026 - 11:01 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN KIỂM TRA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM KCS CÔNG TY
HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	**BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU TRUNG - LOẠI 2**	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:	
LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:	



BƯỚC 2: THI CÔNG CẨU LẮP DẦM

- SỬ DỤNG XE GOONG, XE CHUYÊN DỤNG VẬN CHUYỂN DẦM TỪ BÃI ĐÚC RA VỊ TRÍ NHỊP.

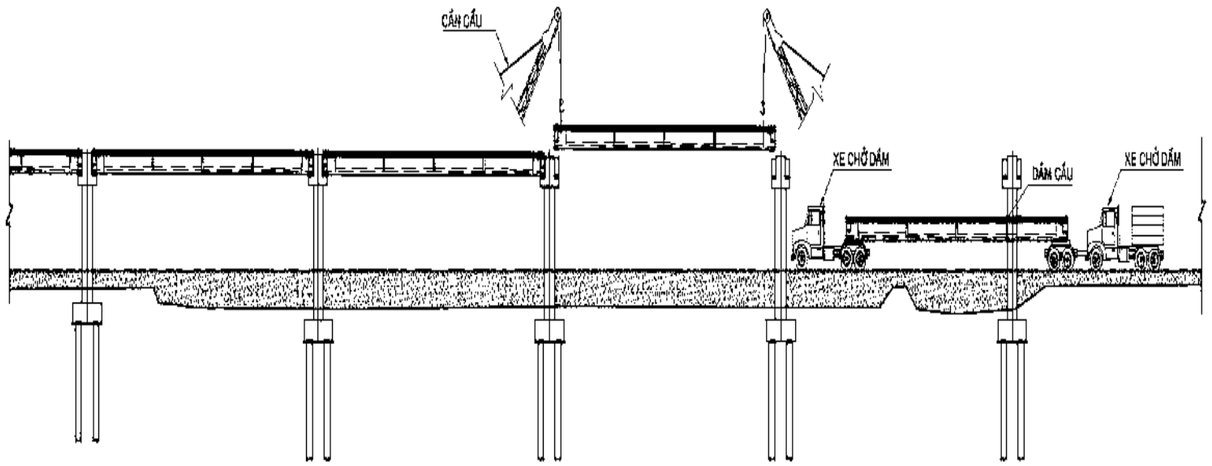
- DÙNG HAI CẨU CẨU LẮP DẦM VÀO VỊ TRÍ
- TRÌNH TỰ THI CÔNG CÁC DẦM CÒN LẠI ĐƯỢC TIẾN HÀNH THEO CÁC BƯỚC TRÊN.

- SAU KHI THI CÔNG XONG CÁC PHIẾN DẦM CỦA 1 NHỊP TIẾN HÀNH NỐI CỐT THÉP DẦM NGANG,

LẮP ĐẶT VÁN KHUÔN, CỐT THÉP, ĐỔ BÊ TÔNG DẦM NGANG.
- PHÁ GỠ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- ĐỔ BÊ TÔNG BẢN MẶT CẦU.
- TIẾN HÀNH THI CÔNG CÁC NHỊP CÒN LẠI.

BƯỚC 3: HOÀN THIỆN

- LẮP ĐẶT XE ĐÚC THI CÔNG GỜ LAN CAN.
- THI CÔNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, LẮP ĐẶT KHE CO GIÃN,.....
- THI CÔNG LỚP PHÒNG NƯỚC, LỚP PHỦ MẶT CẦU, HOÀN THIỆN MẶT CẦU
- SƠN VẠCH KẺ MẶT ĐƯỜNG, LẮP BIỂN BÁO HOÀN THIỆN TOÀN BỘ CẦU.



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC DÙNG MM, CAO ĐỘ DÙNG M.
- BIỆN PHÁP DẦU CẨU ÁP DỤNG VỚI NHỮNG CẦU CÓ ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẲNG VÀ CHIỀU CAO MỐ TRỤ KHÔNG QUÁ LỚN.

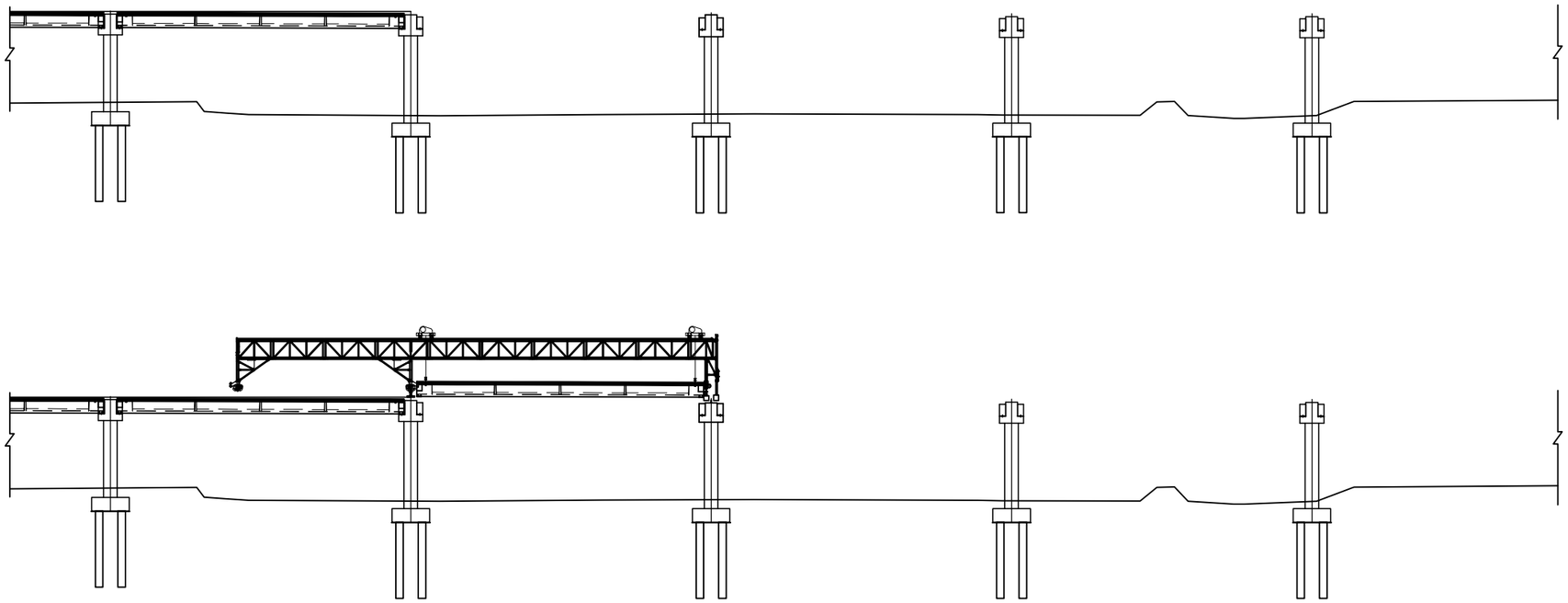
D:\1.CONG TY\A2Z\03. TAN QUANG THANH THUY\01.HỒ SƠ DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04.THI CONG KCN.DWG May15, 2026 - 11:01 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG	DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC	BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU LỚN - LOẠI 1	
		KIỂM TRA					
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ NHIỆM			NGUYỄN HỮU DŨNG	LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		KCS CÔNG TY					

BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU LỚN

TÂN QUANG

THANH THỦY

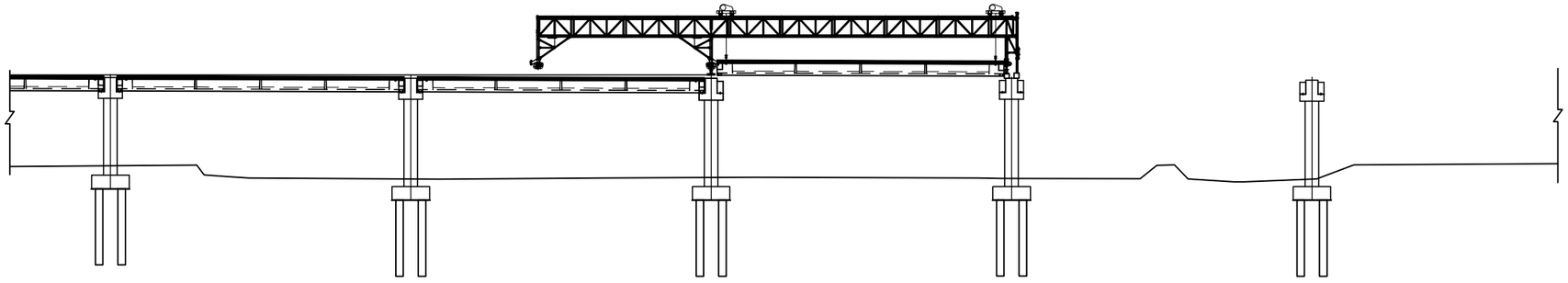


THUYẾT MINH:

1. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ:
- BỐ TRÍ ĐÚC VÀ CHỨA DẦM TẠI BÃI ĐÚC (ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ CỦA DỰ ÁN)
- RẢI ĐÁ DĂM, LẮP ĐẶT TÀ VẸT, ĐƯỜNG RAY
- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG SANG NGANG, LẮP ĐẶT GIÁ LAO 3 CHÂN
- VẬN CHUYỂN DẦM ĐẾN ĐẦU MỐ BẰNG XE GOÒNG

2. CÔNG TÁC LAO DẦM:
- CÁC PHIẾN DẦM ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI VÀ VẬN CHUYỂN RA VỊ TRÍ LẮP ĐẶT BẰNG XE GOÒNG
- LAO DẦM VÀO VỊ TRÍ BẰNG GIÁ LAO DẦM
- PHÁ GỜ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU
- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG SÀNG NGANG TRÊN TRỤ, DI CHUYỂN GIÁ 3 CHÂN SANG NHỊP TIẾP THEO
- LẮP ĐẶT TÀ VẸT, ĐƯỜNG RAY TRÊN MẶT CẦU NHỊP HIỆN TẠI
- VẬN CHUYỂN DẦM ĐẾN NHỊP HIỆN TẠI BẰNG XE GOÒNG
- LAO DẦM VÀO VỊ TRÍ BẰNG GIÁ LAO DẦM
- PHÁ GỜ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU HIỆN TẠI ĐẾN PHẠM VI THIẾT KẾ
- THI CÔNG BẢN MẶT CẦU
- TIẾN HÀNH THI CÔNG TƯƠNG TỰ CHO CÁC NHỊP CÒN LẠI

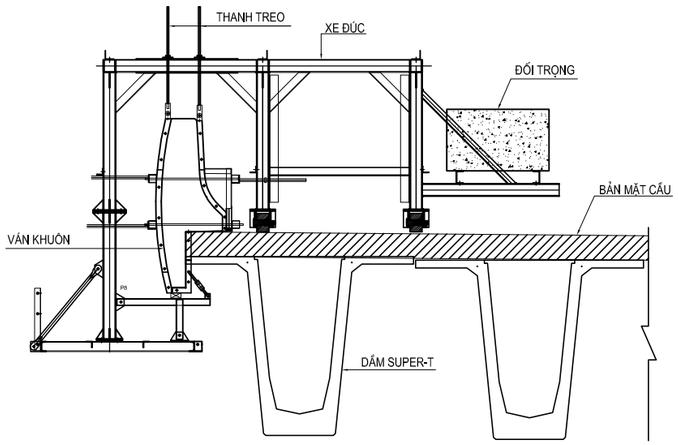
3. HOÀN THIỆN:
- THI CÔNG DẦM NGANG
- LẮP ĐẶT TẤM VÁN KHUÔN
- THI CÔNG GỜ CHẮN, LAN CAN
- THI CÔNG KHE CO GIÃN, ỐNG THOÁT NƯỚC ...
- HOÀN THIỆN CẦU



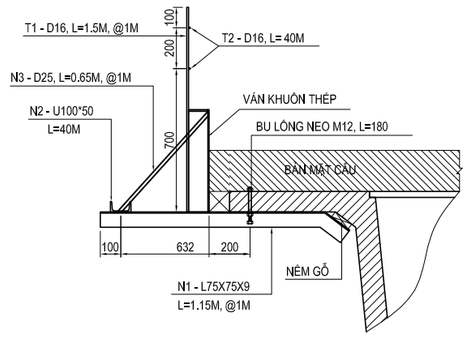
UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BIỆN PHÁP THI CÔNG KẾT CẤU NHỊP CẦU DẪN	
		KIỂM TRA				TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				LẦN XUẤT BẢN: 01 LẦN CHỈNH SỬA: 00	MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		CHỦ NHIỆM					
		KCS CÔNG TY					

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04.THI CONG KCN.DWG May15, 2026 - 11:01 AM

XE ĐÚC THI CÔNG GỜ LAN CAN



BỐ TRÍ ĐÀ GIÁO THI CÔNG BẢN MẶT CẦU



BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 XE ĐÚC

Xe đúc gờ lan can L=6m
(Tính cho 01 xe đúc)

TT	Hạng mục	Chiều dài 1 cấu kiện (mm)	Đơn vị	Khối lượng 01 cấu kiện	Số lượng	Khối lượng
A	**Xe đúc**					**2361.25**
1	Cụm khung trên	1346	kg/cụm	290.44	3	871.31
2	Cụm khung dưới	1312	kg/cụm	53.20	3	159.60
3	Khung đỡ ván khuôn đáy	912	kg/cụm	9.77	3	29.30
4	Sàn công tác 6m*1.5m		kg/sàn	555.27	1	555.27
5	Cụm bánh xe		kg/bộ	55.39	4	221.56
6	Hệ giằng xe đúc	4125	kg/bộ	436.55	1	436.55
7	Thanh treo V2	950	kg/thanh	4.23	6	25.38
8	Thanh vít V1	650	kg/thanh	3.83	15	57.45
9	Tăng đơ V3		kg/bộ	1.61	3	4.83
10	Cục bê tông 1x0.6x0.6m				6	

D:\1.CONG TY\A2Z\03_TAN QUANG THANH THUY\01.HO SO DIEN HINH\01.DH CAU\06.CON\04. BPTC DAM NGANG, BAN MAT CAU, GO LAN CAN.DWG May15, 2026–11:10 AM

UBND TỈNH HÀ GIANG **BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH HÀ GIANG** ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z	**DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC TÂN QUANG THANH THỦY** BƯỚC: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	THỰC HIỆN			HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG A2Z TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỮU DŨNG	BPTC GỜ LAN CAN, BẢN MẶT CẦU TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 / LẦN CHỈNH SỬA: 00 / MÃ SỐ SẢN PHẨM:
		KIỂM TRA				
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ				
		CHỦ NHIỆM				
		KCS CÔNG TY				